

minh.võ
**NGÔ.ĐÌNH.DIỆM
&
CHÍNH.NGHĨA
DÂN.TỘC**



**ngô đình diệm và
chính nghĩa dân tộc.
minh võ**

ngô đình diệm và
chính nghĩa dân tộc.minh võ

bìa: *Midway Press*

trình bày: *Midway Press*, tranh bìa **internet**

nguồn: **internet**

ấn hành: *Anywhere*

Copyright © 2008 by minh vo

ngô đình diệm và chính nghĩa dân tộc
minh võ

Thay lời tựa

Từ ngày sang định cư tại Mỹ, chúng tôi đã được đọc nhiều tác giả Việt cũng như Mỹ viết về Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Phần đông đánh giá ông là một người yêu nước. Nhưng cũng có nhiều người bảo ông không có tài năng gì đặc biệt, chỉ là một ông quan giỏi về quản trị, không phải là một chính trị gia lỗi lạc. Có một số khác thậm chí coi ông là tay sai của Pháp thời thực dân. Đến năm 1954 thì được Mỹ và Vatican “bồng lên đặt vào ghế thủ tướng”. Ông tồn tại được 9 năm là nhờ có bàn tay Mỹ nâng đỡ. Ông bị giết là vì mất lòng dân, nhất là vì ông là người Công Giáo đã nghe lệnh Vatican đàn áp Phật Giáo “chiếm đến 80-90 phần trăm dân số Việt Nam”. Hơn nữa ông đã tính bắt tay với Cộng Sản miền Bắc, “bán đứng miền Nam cho Cộng Sản”.

Những luận điệu ấy phần nhiều đọc được trong sách của những nhà văn Mỹ bị ảnh hưởng của mấy nhà báo trẻ thường trú tại Sài Gòn thời ông Diệm, như David

Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne... Về phía Việt Nam thì có những tác phẩm hồi ký chiến tranh của những tướng tá, hay chính khách thuộc một vài đảng phái có tham gia hay dính líu đến các cuộc đảo chính 11-11-1960 và nhất là 1-11-1963. Cũng có một số sách viết bởi nhóm tranh đấu Phật Giáo trước 1975, nhất là nhóm Giao Điểm do ông Trần Chung Ngọc cầm đầu.

Đọc những tác phẩm đó, thì thấy ông Ngô Đình Diệm quá tệ, và tội lỗi của ông và gia đình ông quá nhiều. Nhưng may là chúng tôi cũng tò mò đi tìm thêm nhiều nguồn tin khác, thì thấy những nhận định khác hẳn.

Năm 1998 chúng tôi đã soạn cuốn Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê để trình bày với độc giả cả hai bức chân dung của ông Diệm căn cứ vào những lời khen và tiếng chê. Hai bức chân dung ấy chỉ là phác thảo mấy nét sơ sài.

Đến nay, sau đúng 10 năm, sau một thời gian nghiên cứu, tham khảo thêm nhiều hơn nữa thì thấy càng ngày những sách báo và tài liệu về ông Diệm càng nhiều và những nhận định về ông càng ngày càng có chiều thay đổi. Cuối cùng được thấy một chân dung Ngô Đình Diệm hoàn toàn trái ngược.

Vì thế lần này chúng tôi sẽ tổng hợp tất cả những nhận định đó vào trong phần đầu của tập sách này để nói sơ lược về con người, cuộc đời và hoạt động chính trị của ông. Vì cuộc đời một nhân vật lịch sử gắn bó chặt với các biến cố lịch sử, nên không thể nào không thuật lại và bình luận về các biến cố ấy. Nhưng như vậy e rằng phần cốt lõi của tiểu sử sẽ quá nặng nề hoặc loãng ra. Cho nên xin bạn đọc theo dõi những chi tiết các biến cố nơi các chú thích. Hơn một trăm chú thích này cũng sẽ cung cấp những bằng

chúng trên giấy trắng mực đen về những điều chúng tôi trình bày. Có thể là qua đó bạn đọc cũng sẽ thấy bản tóm lược tiểu sử đỡ buồn tẻ, khô khan.

Chúng tôi hy vọng rằng những lời chân thực, mộc mạc nhưng “nói có sách, mách có chứng”¹ chứa đựng trong tập sách này sẽ cho độc giả một bức chân dung gần với sự thực hơn của ông Ngô Đình Diệm. Để cho người ghét bớt ghét ông, và người yêu cũng có dịp tìm hiểu tại sao ông đã bị hại hay thất bại.

Chúng tôi cũng ôm một hoài bão là những trang sách viết trong lúc ở tuổi bát tuần, sẽ làm cho các Phật tử từng có định kiến rằng ông Diệm Công Giáo kỳ thị và đàn áp Phật Giáo sẽ có dịp hiểu ông hơn, để giải tỏa những hiểu lầm và oán thù có hại cho sự đoàn kết giữa người cùng chung một Tổ Quốc.

Trong phần II cuốn sách, chúng tôi sẽ trình bày kỹ hơn về một điểm gây nhiều tranh cãi và thắc mắc liên quan đến đường lối và hành động chiến tranh ý thức hệ đặc biệt của anh em ông Diệm. Đó là những toan tính hiệp thương với miền Bắc Cộng Sản.

Phần III gồm những vấn đề linh tinh liên quan đến Tổng Thống Diệm.

Và Phần IV là lược tóm 2 cuốn sách liên quan đến Đệ Nhất Cộng Hòa.

Trong thời Đệ Nhất Cộng Hòa, chúng tôi chỉ là một sĩ quan cấp úy, giữ một chức vụ nhỏ nhất trong cấp bậc hành chánh là chủ sự phòng, chưa bao giờ được gặp cấp tổng giám đốc chứ đừng nói đến các cấp cao hơn, nhất là Tổng Thống hay ông Ngô Đình Nhu. Hơn nữa trong khi “biến cố Phật Giáo” xảy ra đưa đến cuộc đảo chính đẫm máu, thì

chúng tôi đang tu nghiệp tại ngoại quốc, đến tháng Tư năm sau mới hồi hương. Vì vậy chúng tôi không có được cái lợi thế làm nhân chứng trong một biến cố quan trọng được trình bày ở đây. Nhưng trong khi biên soạn tập tài liệu này chúng tôi cũng có dịp được gặp một số nhân chứng hiếm hoi còn sống, nhất là được đọc những tác phẩm của họ.

Chúng tôi không được đặc ân gì của chế độ. Cũng không lập được thành tích gì đáng kể. Suốt trong thời gian 9 năm chỉ được thăng một cấp, mặc dù khi ra trường còn thời quốc trưởng Bảo Đại, đã được giữ ở lại làm huấn luyện viên của trường lúc ấy còn giảng dạy bằng tiếng Pháp và do một thiếu tá Pháp chỉ huy. Những gì chúng tôi làm được thời Đệ Nhất Cộng Hòa duy nhất chỉ có một cuốn sách viết về sách lược cộng sản, chứ không phải về thành tích hay công trạng của chế độ.

Vì vậy xin bạn đọc hãy tin rằng chúng tôi viết cuốn sách này với tinh thần khách quan, chứ không phải để đền ơn, hay ca tụng một tổng thống quá cố. Mục đích của tập sách là kéo độc giả nhìn về một số sự kiện lịch sử khách quan mà phần đông tác giả đi trước đã quên hay cố tình bỏ qua. Nếu có gì sai sót thì đó là do khả năng có hạn. Và xin được thông cảm và bổ khuyết.

Minh Võ

Nam Cali, ngày 7-7-2008

Chú thích

¹ Phần lớn những chứng từ quan trọng liên quan đến từng vấn đề then chốt đều được chúng tôi lấy từ chính những nguồn tin của phía chống đối ông Diệm. Chẳng hạn như Trần Văn Đôn, Nguyễn Cao Kỳ, Hồ Sỹ Khuê hay Stanley Karnow, Neil Sheehan...

Phần một

Chương 1

Sơ lược¹ tiểu sử Tổng Thống Ngô Đình Diệm

Gia thế

Ngô Đình Diệm là con thứ bốn trong số chín người con của ông Ngô Đình Khả và bà Phạm Thị Thân² nguyên quán làng Đại Phong, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình, phía bắc vĩ tuyến 17. Tổ tiên ông, dòng họ Ngô Đình, từng theo đạo Công Giáo từ thế kỷ 17. Năm 1870 hàng trăm người họ Ngô Đình đã bị thiêu sống trong một nhà thờ. Đó là thời gian giáo dân cả nước đang trải qua những cuộc bách hại quy mô theo lệnh các vua Minh Mạng và Tự Đức³

Cha ông, cụ Ngô Đình Khả (1857-1925) là đại thần nhà Nguyễn, từng là Phụ Đạo Đại Thần, thượng thư bộ Lễ, và Hiệp Tá Đại Học Sĩ. Ông là người vừa thâm nho, vừa thông thạo Pháp văn và La Tinh.

Ông cũng có công sáng lập và điều khiển trường Quốc Học Huế.⁴ Ông nổi tiếng là bậc “trung quân” theo truyền thống Nho Giáo cho nên khi nhà cầm quyền Pháp ép các quan trong triều ký giấy yêu cầu đầy vị vua yêu nước Thành Thái, là vị vua đã học ông và trọng dụng ông, thì ông là người duy nhất không chịu ký. Vì thế Triều đình đã chịu sức ép của Thực Dân lột hết mọi chức tước, quyền lợi của ông và cho về hưu năm 1907.⁵ Lúc ấy Ngô Đình Diệm mới được 6 tuổi, Ông Diệm sinh tại Huế ngày 3 tháng 1 năm 1901.

Vì là vị đại quan rất mực thanh liêm, nên khi đã mất hết chức tước và bổng lộc, gia đình ông Ngô Đình Khả lâm cảnh túng bấn.⁶ Ông đem vợ con về sống với nghề nông và lo dạy dỗ các con nên người hữu dụng cho tổ quốc. Vốn là một nhà giáo dục khuôn mẫu, từng dạy vua, ông đem hết tài chuyên môn ra để uốn nắn các con theo lý tưởng của mình. Ông bắt các con hòa mình vào đời sống cực nhọc vất vả trên những cánh đồng bùn lầy như nhà nông là thành phần chiếm tuyệt đại đa số quốc dân. Ông thường nói với các con trai: *“Đàn ông con trai phải sống như nông gia.”*

Thiếu thời

Thuở thiếu thời Ngô Đình Diệm rất ngoan đạo và chăm học. Năm 6 tuổi đã được giải nhất của nhà trường về sự chăm chỉ. Có lần vì chăm quá mà bị cha đánh đòn. Đó là một hôm trời mưa, nước lớn, các anh bị cha cấm không được đến trường vì nguy hiểm, nhưng Diệm đã lén ra đi một mình, nuong theo bờ đê. Ông Ngô Đình Khả đã

truyền lại cho các con, đặc biệt là Ngô Đình Khôi và Ngô Đình Diệm lòng yêu nước và sự sùng đạo của mình, nhất là tinh thần chống Pháp. Tuy chống Pháp nhưng ông vẫn cho các con theo học trường Pháp, vì lúc ấy chỉ những trường này mới cung cấp những kiến thức cần thiết cho những nhà lãnh đạo tương lai của xứ sở. Ông đã trao Ngô Đình Diệm cho thượng thư Nguyễn Hữu Bài coi sóc dạy dỗ như con. Chính ông Bài đã dọn đường cho Ngô Đình Diệm bước vào quan trường trong chế độ bảo hộ. Ông còn tạo điều kiện để ông Diệm có dịp gặp ái nữ của mình mong có được chàng rể quý. Nhưng ông Diệm luôn luôn tránh né vì không muốn vướng mắc bận bịu với thế nhĩ.

Năm 15 tuổi Ngô Đình Diệm còn tỏ ý muốn đi tu để làm linh mục và đã vào chủng viện. Nhưng chỉ mấy tháng sau đã bỏ ý định đó, vì thấy cuộc sống nhà tu không hợp với chí tang bồng của ông. Nhờ thành tích học đường xuất sắc, Diệm đã được một học bổng ở Paris nhưng ông đã từ chối. Ngay lúc ấy ông đã nuôi chí lớn và có tham vọng sẽ làm được cái gì để giành lại độc lập cho quê hương. Bà mẹ ông đã từng bảo, Diệm là con người thuần túy Việt Nam, không giống các anh em khác từng có dịp du học ở ngoại quốc.⁷

Sau khi học xong chương trình trung học của trường Quốc Học Huế, Ngô Đình Diệm ra Hà Nội vào học tại trường đại học do người Pháp điều khiển. Môn học chính là Luật và Quản Trị. Một bài báo ông Diệm viết bằng tiếng Pháp đăng trên tập san *Bulletin des amis du vieux Huế* năm 1917 cho thấy thiếu niên 16 tuổi Ngô Đình Diệm đã sớm có một kiến thức đáng nể chẳng những về cả Pháp văn

lẫn Hán văn, mà còn về khảo cổ. Vì nội dung bài viết đó tả chi tiết về một cổ vật được coi như vật quốc bảo, được vua Tự Đức nhân cách hóa và phong tước hầu. Đó là chiếc nghiên mực Túc Mặc Hầu. Dưới đáy nghiên mực vô giá này có khắc một bài thơ ngự chế của nhà vua được Ngô Đình Diệm chuyển ngữ và bình chú bằng Pháp văn.

Bước vào quan trường

Năm 20 tuổi ông tốt nghiệp thủ khoa và được cử làm tri phủ, giống như quận trưởng thời Việt Nam Cộng Hòa. Tuy ông được cấp một chiếc xe kéo với phu xe và lính lệ theo hầu, nhưng thường ông thích cưỡi ngựa rong ruổi khắp nơi để được trực tiếp với dân hầu biết rõ dân tình và tìm cách giải quyết nhanh những vấn đề của dân.

Chính trong thời gian này thượng thư Nguyễn Hữu Bài đã trực tiếp giới thiệu con gái với vị quan trẻ. Nhưng ông Diệm đã thẳng thắn bày tỏ nỗi lòng khiến vị thượng thư thất vọng và người thực nữ cũng bẽ bàng. Sau đó cô đã vào dòng tu để quên mối tình vô vọng. Cô Nguyễn Thị Tài, ái nữ thượng thư Nguyễn Hữu Bài, trở thành nữ tu Aimée và cuối đời thành mẹ bề trên dòng kín Carmelo ở Huế.

Năm 1929, ở tuổi 28 ông Diệm được bổ nhậm chức vụ tuần vũ đứng đầu tỉnh Phan Thiết. Trong 4 năm làm việc tại đây ông đã chứng tỏ là một ông quan thanh liêm để hết tâm trí lo cho dân. Nhưng ông cũng quyết liệt cải hóa, hoặc vô hiệu hóa những phần tử cộng sản trong vùng lúc ấy đã bắt đầu xuất hiện với chiêu bài cách mạng chống Pháp, nhưng hành động của họ chỉ là phá rối cuộc sống yên ổn của người dân.

Ngay từ lúc ấy ông đã nghiên cứu về Cộng Sản, và thấy chủ trương cách mạng ngoại lai từ học thuyết Mác-xít không hợp với xã hội và truyền thống dân tộc Việt Nam. Hơn nữa những hành động của phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh với chủ trương “*trí phú địa hào, đào tận gốc tróc tận rễ*” càng khiến ông quyết liệt ra tay tẩy thanh các phần tử quá khích hoạt động dưới chiêu bài cách mạng chống Pháp. Về sau Cộng Sản, và những phần tử thân Cộng thường cho rằng ông là tay sai của Pháp. Nhưng đã hiểu con người ông và theo dõi hành động của ông trong suốt cuộc đời làm cách mạng, làm chính trị của ông thì thấy rõ ông quả thực là một nhà ái quốc.⁸

Với những thành tích xuất sắc, đầu năm 1933 ông được vua Bảo Đại cử làm thượng thư bộ Lại là bộ đứng đầu lục bộ, tương đương với chức vụ thủ tướng thời nay. Lúc ấy ông mới có 32 tuổi, những bộ trưởng dưới quyền ông hầu hết đều hơn ông cả chục tuổi.

Ngoài chức thượng thư bộ Lại, nhà vua còn đặt ông đứng đầu Ủy Ban Cải Cách là một cơ quan tối cao hỗn hợp Việt Pháp, nhằm đem lại nhiều quyền hành hơn cho Triều Đình và chủ quyền cho người dân Việt Nam. Tiếc rằng những cố gắng của ông đụng phải sự ngoan cố của nhà cầm quyền thực dân, khiến ông dứt khoát rời bỏ chức quyền không luyến tiếc. Trái lại nhà vua rất luyến tiếc ông, mặc dù bị ông tố cáo là nhu nhược trước sức ép của Thực Dân. Trong cuốn hồi ký *Le Dragon D’Annam* (Con Rồng Việt Nam) Bảo Đại đã ghi lại lời ông nói với ông Diệm lúc đó: “*mong rằng sự ra đi của quan thượng sẽ mở mắt cho người Pháp.*”⁹

Hành vi “rũ áo tù quan” này đã được nhà vua thông cảm, nhiều người cảm phục. Nhà cách mạng lừng danh Phan Bội Châu nhân dịp này đã ca ngợi ông Diệm là chí sĩ, vĩ nhân và làm một bài thơ vô đề để bày tỏ lòng kính phục. Nguyên văn bài thơ thất ngôn bát cú đã được đăng trên báo *Tiếng Dân* của cụ Huỳnh Thúc Kháng ngày 27-12-1933. Bài này là một trong 10 bài Vô Đề của cụ Phan:

*Ai biết trời Nam hãy có người
Xịch nghe tuồng ngõ sấm bên tai.
Lông hồng coi nhẹ vàng muôn lượng
... (câu 4 kiểm duyệt bỏ)¹⁰
Phơi tỏ cùng trời gan đỏ chói
Nhá nhem thấy kệ mắt đen thui
Vĩ chẳng kịp lúc làm vai vế
Sau ngựa Châu xin quất ngon roi.
Sào Nam Phan Bội Châu
(*Tiếng Dân* 27-12-1933)*

Mười bảy năm hoạt động bí mật

Sau khi từ bỏ mọi chức tước và bổng lộc của triều đình, ông Ngô Đình Diệm dùng hết thời gian cho việc đọc sách, nghiên cứu chính trị và không ngừng liên lạc với các nhà ái quốc như Phan Bội Châu... ở trong nước và Kỳ Ngoại Hầu Cường Để lúc ấy đang lưu vong ở Nhật.

Nhà ông lúc ấy thường có nhiều nhân vật yêu nước lui tới bàn thảo các vấn đề quốc sự. Có tài liệu nói ông có tiếp xúc với Võ Nguyên Giáp là người đồng hương khi chưa phải đảng viên Cộng Sản, nhưng đã có xu hướng xã hội tả phái rõ rệt. Hai người cố thuyết phục nhau theo mình nhưng không ai thành công.

Nơi ông sống lâu nhất trong thời gian này là Huế, tại nhà cha mẹ, ở Phú Cam, lúc ấy em ông là Ngô Đình Cẩn lúc nào cũng có mặt bên cạnh bà Ngô Đình Khả. Ngày nào ông Diệm cũng đi lễ ở nhà thờ. Sau đó đọc sách nghiên cứu. Những lúc rảnh rỗi thì cỡi ngựa, đi săn hay chụp hình, làm vườn.

Một nhân chứng là cụ Võ Như Nguyễn hiện ở Lions, miền Nam nước Pháp, và là thân phụ nhà sĩ Võ Trọng Di ở San Diego, đã kể về ông Diệm trong thời gian này như sau: Bề ngoài ông Diệm có vẻ an phận. Nhưng thực ra ông có những hoạt động bí mật ít người biết. Cụ Nguyễn có kể cho cụ trung tá Nguyễn Văn Minh, tác giả cuốn *Dòng Họ Ngô Đình, Giấc Mơ Chưa Đạt* câu chuyện sau:

Nguyên cụ Nguyễn là con của cụ Võ Bá Hạp, đồng song với cụ Phan Bội Châu,¹¹ nên có thời gian được gán gụi cụ Phan như con cháu trong nhà. Vì thế có lúc cụ Phan sai chàng trai Võ Như Nguyễn đi theo phò cụ Ngô. Một hôm cụ Ngô sai chàng trai Võ Như Nguyễn vào Sài Gòn vận động cho hai đồng chí của cụ Ngô đang bị Pháp giam giữ. Từ đó Võ Như Nguyễn mới được biết hoạt động yêu nước của cụ Ngô, và cũng từ đó trở nên đê tử thân tín của cụ Ngô.

Cùng thời gian ấy thỉnh thoảng Cụ Ngô cũng ghé thăm người anh cả là Ngô Đình Khôi đang làm tổng đốc Quảng Nam, mặc dầu người Pháp đã cảnh cáo ông “không được dùng tư tưởng quá khích của mình làm hại đến sự nghiệp của ông anh”. Có lẽ vì những cuộc tiếp xúc này mà vào năm 1942 ông Khôi đã bị buộc phải từ chức.

Ông Diệm cũng trao đổi thư từ với các nhà ái quốc của một số nước trong vùng như Subha Chandra Bose của

Ấn Độ, Soekarno của Nam Dương (Indonesia) là những người đang trông vào sức mạnh đang lên của Nhật Bản sẽ giúp họ giành độc lập cho xứ sở. Tuy nhiên ông Diệm có lý riêng để không chỉ tìm sự viện trợ vật chất hay tinh thần của riêng một cường quốc nào. Mà cố suy nghĩ để tìm ra một con đường riêng cho dân tộc Việt.

Khoảng đầu thập niên 40 thế kỷ 20, sau khi cụ Sào Nam Phan Bội Châu, tục gọi Ông Già Bến Ngự, qua đời (1940), ông Diệm lập một hội kín lấy tên là **Đại Việt Phục Hưng Hội** gồm đại đa số là người Công Giáo miền Trung, gần quê hương ông. Mùa hè năm 1944 cảnh sát Pháp hay tin bèn bắt giam các thành viên của tổ chức này. Ông cũng có một tờ báo riêng. Chủ bút bị Pháp giết. Ông Diệm đã thoát được, nhờ người Nhật giúp che giấu rồi cải trang thành một sỹ quan của Quân Đội Hoàng Gia. Tới Sài Gòn, những tháng sau đó ông tiếp tục được quân Nhật che chở khỏi tai mắt lính kín Pháp.

Năm 1943 ông đã phái một đồng chí sang Nhật tiếp xúc với hoàng thân Cường Để là người đang được nước Nhật “cưu mang”. Ý ông muốn đưa hoàng thân về thay vua Bảo Đại là người mà ông không đến nỗi ghét, nhưng chê là “công cụ của Thực Dân”. Nếu kế hoạch này thành thì có thể ông sẽ là thủ tướng trong một chính thể Quân Chủ Lập Hiến.

Nhưng tiếc là người Nhật, lúc ấy đang chia làm hai phe theo hai xu hướng khác nhau. Phe cấp tiến, có lý tưởng muốn giúp các nước vùng Đông Á được hoàn toàn độc lập tự do. Phe bảo thủ hãy còn muốn chi phối giới lãnh đạo bản xứ. Chẳng may phe sau này lại thắng thế và tu lệnh

quân đội Nhật tại Đông Dương lúc ấy lại theo phe này. Họ muốn giữ vua Bảo Đại để “dễ bảo”. Đúng ra họ sợ ông Diệm hơn là ông Cường Để.¹²

Trong năm 1944 ông Diệm thường bị thực dân Pháp theo dõi để ngăn cản ông hoạt động chống Pháp. Vì vậy ông thường thay đổi chỗ ở luôn. Lúc thì ở Huế với ông Ngô Đình Cẩn, lúc thì vào Sài Gòn hay xuống Vĩnh Long với giám mục Ngô Đình Thục. Một hôm ông từ nhà ông Cẩn ra phố đến khi trở về thì thấy từ xa xa, gần nhà ông Cẩn có chuyện bất thường. Ông nghi là quân Pháp đã đến tìm bắt ông. Và đúng vậy. Nên ông linh đi tìm một nhà người quen ẩn náu.

Hôm sau thì có tin ông có tên trong danh sách những kẻ bị truy nã. Lập tức ông trốn vào Sài Gòn ẩn náu ở những nhà bạn thân và đồng chí.

Từ đó có lúc ông phải nhờ đến quân đội Nhật che chở. Ta đã biết rằng người Nhật lúc ấy đang cho hoàng thân Cường Để (Kỳ Ngoại Hầu Cường Để) cư trú tại nước Nhật. Họ cũng có cảm tình với nhà cách mạng Phan Bội Châu với phong trào Đông Du. Mà cụ Phan thì lại mến phục ông Diệm, kể từ khi được tin ông này từ chức thượng thư bộ Lại để phản đối người Pháp. Cho nên trong thời gian cụ Phan gần như bị giam lỏng ở Bến Ngự thì lúc ấy ông Diệm cũng hay lui tới nhà ông Ngô Đình Cẩn ở Phú Cam cách Bến Ngự độ mười mười lăm phút đi bộ. Vì vậy nhiều người, trong số đó ông Võ Như Nguyễn, cho biết cụ Phan thỉnh thoảng kín đáo tiếp ông Diệm tại nhà và cho các đồng chí của cụ giúp đỡ trong những lúc ông Diệm bị Pháp truy lùng, sách nhiễu.

Sau vụ đảo chính 9-3-1945, người Nhật đã giấu không cho vua Bảo Đại biết ông Diệm ở đâu để mời lên làm thủ tướng.¹³

Chờ gần một tháng (từ 19 tháng 3 đến 17 tháng 4) không có hồi âm của ông Diệm, nhà vua đã chọn sử gia Trần Trọng Kim thay vào đó. Theo một số người, như Bernard Fall, thì như thế lại càng hay cho ông Diệm, vì ông khỏi mang tiếng là thủ tướng bù nhìn do người Nhật dựng lên. Nhưng cũng có người nghĩ, nếu ông Diệm ở vào vị thế của ông Trần Trọng Kim, có thể nhóm ông Hồ đã không có thể cướp được chính quyền một cách quá dễ dàng.

Biến cố gọi là cách mạng tháng tám (19-8-1945) khi phát khởi tại miền Trung đã thiêu hủy của ông Diệm một tủ sách gồm gần chục ngàn cuốn tích lũy từ khi ông còn là sinh viên.

Sau khi Việt Minh cướp chính quyền trên toàn quốc, ông Ngô Đình Diệm đã bị Việt Minh bắt ở Tuy Hòa và giải ra giam ở Tuyên Quang. Khi ông bị bệnh vì thiếu ăn và quá cực khổ, thì Hồ Chí Minh ra lệnh đưa ông về Hà Nội. Tại đây ông đã được lãnh tụ Việt Minh mời tham gia chính phủ Liên Hiệp với cương vị bộ trưởng nội vụ. Nhưng ông đã sáng suốt và can đảm từ chối.¹⁴

Cũng có tài liệu cho rằng đã có lúc ông Diệm tính hợp tác với Việt Minh. Nhưng ông đã đặt điều kiện là ông phải được quyền hoạch định chính sách. Dĩ nhiên Hồ Chí Minh không thể nhượng bộ trong vấn đề sinh tử ấy.¹⁵

Ông bị Việt Minh giam một thời gian tại phủ Chủ tịch. Rồi được phóng thích theo lệnh Hồ Chí Minh. Về sau nhiều cán bộ cao cấp của Việt Minh hối tiếc về sự phóng

thích này, và có ý phiên trách “Hồ chủ tịch đã quá rộng lượng mà thả hổ về rừng”. Nhưng lúc ấy ông Hồ có lý để lấy lòng giới Công Giáo, vì ông Diệm là một lãnh tụ Công Giáo có nhiều ảnh hưởng. Khi bị đàn em như Lê Giác, Vũ Đình Huỳnh can ngăn, ông Hồ đã bảo họ: “hãy vì người Cha mà thả người con”. Ông Hồ đã nhắc nhở họ bằng câu đồng dao “Đày vua không Khả, Đào Mả không Bài” (ông Ngô Đình Khả nổi tiếng với câu đồng dao này).¹⁶

Thoát nạn, ông Diệm tập trung tư tưởng vào việc tìm cách tạo một lực lượng thứ 3 vừa chống Pháp vừa chống Việt Minh. Ông tiếp xúc với người kháng chiến để thuyết phục họ bỏ đường lối Cộng Sản. Ông liên lạc với những người có tinh thần quốc gia đang hợp tác với Pháp chống Việt Minh để khuyên họ theo ông.

Theo báo cáo của tỉnh báo Pháp thì lập trường của ông được nhiều phần tử Việt Minh ở Nam Bộ quan tâm và cũng có tin là ông suýt có thể giúp cho tướng Nguyễn Bình đào thoát khỏi hàng ngũ Việt Minh một cách an toàn. Nguyễn Bình lúc ấy là tư lệnh Việt Minh ở Nam Bộ. Sau đã bị Việt Minh khử trừ qua tay người Pháp.¹⁷

Năm 1947 Ngô Đình Diệm đã cùng với Nguyễn Tôn Hoàn, một người đồng đạo, đang lãnh đạo Đại Việt Quốc Dân Đảng lập một liên minh mới lấy tên là Việt Nam Quốc Gia Liên Hiệp. Đã có lúc tổ chức này có triển vọng thành công, vì hai người đã rút được kinh nghiệm về sự thất bại của mặt trận Thống Nhất Quốc Gia đã được thành lập vào đầu năm ấy tại hội nghị giữa các đảng chống cộng ở Nam Kinh, Trung Quốc.

Theo ông Hồ Sỹ Khuê viết trong cuốn *Hồ Chí Minh-Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam* thì thời gian

này ông Diệm có hai tờ báo: *Hoa Lu* và *Tinh Thần* và ông Khuê có công đóng góp trong đó.

Đó là lúc cựu hoàng Bảo Đại đang ở Hong Kong sau một chuyến đi công tác do Hồ Chí Minh trao phó. Ông đã lợi dụng dịp này để thoát khỏi vai trò trở trêu dò khóc dò cười phải đóng trong chúc cổ vấn tối cao của chính phủ Liên Hiệp do Hồ lãnh đạo.

Ngô Đình Diệm, Nguyễn Tôn Hoàn đã cùng với một số lãnh tụ các đảng phái quốc gia cổ vấn cho Bảo Đại, yêu cầu ông đứng ra lãnh đạo phe Quốc Gia chống Cộng, đồng thời tranh đấu với chính quyền Pháp để thu hồi độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Trong thời gian ở Hong Kong, ông Diệm ngụ tại khách sạn Paramount. Ngày nào cựu hoàng cũng cho người đón ông Diệm đến để bàn tính cách đối phó với đại diện của cao ủy Pháp Émile Bollaert trong cuộc điều đình về nền độc lập của Việt Nam.

Ban đầu mọi người chung quanh Bảo Đại đều tán thành “giải pháp Ngô Đình Diệm”. Vì theo lời cựu thủ hiến Bắc Việt Phạm Văn Bính thì **“Hỏi tôi giúp việc Cựu Hoàng ở Hong Kong tôi chưa từng thấy một chính khách Việt Nam nào được người trong nước và ngoài nước ủng hộ như cụ Ngô”**.¹⁸

Nhưng vì tính cương nghị và lập trường quá cứng rắn (Tout ou rien = có tất cả, hoặc chẳng có gì) của ông Diệm trong vấn đề độc lập nên về sau một số tỏ ý chống. Họ bị ông Diệm coi là yếu hèn không đủ sức đương đầu với sự ngoan cố của Thực Dân. Còn họ thì tâu với cựu hoàng rằng “Diệm đã vô ơn và vô lễ với cựu hoàng khi từ chức Lại

bộ thượng thư, bỏ triều đình, bỏ vua mà ra đi không nghĩ gì đến tình nghĩa vua tôi. Như vậy thì lần này không nên trọng dụng hay nghe lời sàm tấu của ông ta nữa.” Nhưng Bảo Đại vẫn quý trọng Ngô Đình Diệm và ủy thác cho ông đại diện cựu hoàng để thương thuyết với cao ủy Pháp Émile Bollaert về tương lai Việt Nam.

Trước đó, trong khi cố thuyết phục cựu hoàng và các nhân vật chung quanh cựu hoàng về một lập trường cứng rắn đối với Pháp, ông cũng vận động riêng với các giới chức Pháp để hỗ trợ cho lập trường này. Nhưng không có kết quả.

Điều có ý nghĩa, và đáng chú ý là các cuộc đàm luận và tranh cãi để vận động cho một nước Việt Nam hoàn toàn độc lập của ông đã phản ánh một quan niệm rõ rệt về một nền cộng hòa tương lai.¹⁹

Cuối cùng ông Diệm đã thất bại sau một cuộc tranh luận nảy lửa với Bollaert tại dinh Norodom.²⁰

Không đạt được mục đích là cố đòi cho Việt Nam một nền độc lập rộng rãi, giống như chế độ Dominion mà người Anh đã dành cho Ấn Độ và Pakistan trước đó một năm, ông Diệm bèn rút ra khỏi đám cận thần của Bảo Đại. Tướng Nguyễn Văn Xuân được cử làm thủ tướng để ký với Bollaert bản thông cáo chung Vịnh Hạ Long ngày 5-6-1948. Theo thông cáo này, Pháp “long trọng nhìn nhận nền độc lập của Việt Nam trong Liên Hiệp Pháp.”²¹

Ngày 22-2-1948 ông Diệm mời một số lãnh tụ các đảng phái kể cả các giáo phái và đại biểu các tỉnh miền Nam họp tại Sài Gòn để thảo luận về những điều kiện cần đưa ra trong các cuộc thương thuyết với Pháp. Những điều kiện

đó là người Pháp phải điều đình với “Đại Hội Các Nhân Sĩ” và chấp nhận vị đại diện do hội đồng này chỉ định như lãnh tụ có thẩm quyền nhất của Việt Nam. Nhưng Bollaert đã thoái thác.

Một tháng sau, trong một cuộc hội kiến với ông Diệm, Bollaert đã nói thẳng với ông Diệm rằng Việt Nam không thể nào có một thể chế giống như thể chế Dominion của Liên Hiệp Anh được.²²

Ngày 24-3-1948, do sáng kiến của ông Diệm, Hội Đồng Nhân Sĩ làm một kiến nghị xin thành lập một ủy ban nghiên cứu về một chính phủ lâm thời đoàn kết quốc gia. Ông Diệm cho rằng với một chính quyền như thế thì phe Quốc Gia có thể đương đầu với phe Việt Minh. Lúc ấy Việt Minh đã có hiến pháp, quốc hội do dân bầu. Nhưng những nhân vật xung quanh cựu hoàng Bảo Đại đã nôn nóng có một chính quyền sớm chừng nào tốt chừng đó, bất kể nó có đại diện cho toàn dân hay không.

Vào tháng 6 năm 1948, cả Bảo Đại lẫn người Pháp thấy chính phủ mà họ lập nên không hoạt động được. Họ đã xin ông Diệm giúp ý kiến.

Ngày 14-6-1948, ông Bảo Đại nhậm chức Quốc trưởng. Liên sau đó mời ông Diệm làm thủ tướng, nhưng bị từ chối. Ông Diệm đòi có cải tổ về xã hội, kinh tế và chính trị, là những điều mà người Pháp không thể nào làm được. Những đề xuất đó, đã được phổ biến dưới dạng một bản tuyên ngôn, đã không mang lại kết quả.

Không đạt được những cải tổ cần thiết, ông đã tạm lui vào bóng tối, không còn xuất hiện trước công chúng nữa.²³

Một tài liệu tinh báo Pháp được sử gia Pháp Bernard B. Fall nhắc đến trong tác phẩm *The Two Vietnams* cho biết ngay vào thời gian này, ông Diệm đã nghĩ tới việc sẽ phải nhờ tới Hoa Kỳ giúp, khi chắc chắn sẽ có ngày Pháp bị thất bại và bỏ Việt Nam. Fall cho rằng “đó là một lời tiên tri, nhưng lúc ấy chẳng ai để ý”.²⁴

Sau khi ký được với Tổng Thống Vincent Auriol hiệp ước Élysée ngày 8-3-1949, theo đó Pháp đã nhượng bộ và dành cho Việt Nam một nền độc lập rộng rãi bảo đảm hơn, cựu hoàng Bảo Đại lại nhớ đến Ngô Đình Diệm, mời ông ra làm thủ tướng. Nhưng ông Diệm lại một lần nữa từ chối. Vì thấy qua hiệp ước Élysée, Pháp vẫn còn nắm giữ quá nhiều quyền hoạch định các chính sách kinh tế, quốc phòng và ngoại giao.

Tờ *L'Écho du Vietnam*, ngày 16-6-1949 đã ghi lại lời tuyên bố nói lên tinh túy của lập trường của ông về một nền độc lập thực sự, đầy đủ và quan điểm của ông đối với các người kháng chiến chống Pháp:

“Nguyên vọng của người Việt Nam yêu nước chỉ được thỏa mãn khi nào dân tộc ta đạt được một quy chế chính trị y hệt như quy chế mà Ấn Độ và Pakistan đã đạt được... Tôi tin rằng muốn công bình thì phải dành những địa vị tốt nhất của xứ sở cho những người xứng đáng nhất: Tôi muốn nói là những thành phần kháng chiến chống Pháp.”

Với câu cuối, ông đã phát đi lời kêu gọi tới các thành phần đang theo Việt Minh, vì bị lừa, tưởng Việt Minh là một phong trào yêu nước. Và đây cũng là đường lối chính sách mà ông theo đuổi cho đến khi lên làm tổng thống và cho đến chết. Vì ông nhận định một cách chính xác rằng

chỉ có dành được độc lập hoàn toàn và giữ đúng cương vị của một quốc gia có chủ quyền mới có thể thi đua với Việt Minh, và đánh thắng Việt Minh. Và chỉ có nêu cao được chính nghĩa đó mới hòng lôi kéo các phần tử kháng chiến yêu nước rời bỏ hàng ngũ Việt Minh để cùng với các người quốc gia chân chính chiến thắng thực dân Pháp và Việt Minh Cộng Sản.²⁵

Quả thực trong “Lời tuyên bố” nói trên ông Ngô Đình Diệm đã nêu rõ một cách dứt khoát chẳng những lập trường mà cả đường lối và đại cương chương trình hành động của ông. Đó là đấu tranh giành độc lập chính trị và làm cách mạng xã hội đem lại những quyền lợi thiết thực về kinh tế xã hội cho nông dân và công nhân, là những người nghèo, tạo điều kiện cho họ được sống trong tự do và nhân phẩm.

Những năm sống lưu vong

Mùa xuân năm 1950, được tin bị Việt Minh kết án tử hình khiếm diện, ông Diệm xin nhà cầm quyền Pháp bảo vệ an ninh. Nhưng được trả lời là không đủ cảnh sát để làm việc đó. Ông liền tự hỏi, nên tìm đường sống ở nước ngoài hay là chịu chết ở trong nước? Đến tháng 8, xin được phép đi dự “Năm Thánh” ở Rome, ông đã cùng với bào huynh là giám mục Ngô Đình Thục lên đường sang Ý qua Nhật và Mỹ. Lợi dụng dịp này ông đến thăm Kỳ Ngoại Hầu Cường Để. Theo những gì ông Diệm về sau viết cho Wesley Fishel thì cuộc tiếp kiến giữa hai đồng chí đã diễn ra thân mật và nhiều hứa hẹn.

Trước khi rời Sài Gòn sang Nhật ông Diệm đã toan tính để có thể đưa hoàng tử Bảo Long lên thay cha là Bảo Đại

để trở lại chế độ quân chủ, và sẽ đưa hoàng thân Cường Để về nhiếp chính vì lúc ấy Bảo Long hãy còn nhỏ. Cường Để có vẻ thích thú với kế hoạch này. Mà thực ra sau đó ông đã tìm cách trở về Việt Nam bằng đường biển. Nhưng đến nơi thì nhà cầm quyền Pháp không cho nhập cảnh. Đó là lần cuối cùng ông cố về quê hương mà không được. Ông đã qua đời tại Tokyo ngày 6-4-1951, sau 36 năm sống lưu vong. Khi đã lên cầm quyền, ông Diệm đã thu xếp để hài cốt hoàng thân được đưa về an táng tại cố đô Huế. Một lễ truy điệu đã được tổ chức tại tòa đô chánh Sài Gòn ngày 10-1-1957.²⁶

Wesley Fishel là người mà ông Diệm gặp tại Tokyo một cách tình cờ. Ông ta là một giáo sư đại học Michigan, chuyên đi tìm nhân tài ở Á Châu để giúp trở thành những nhà lãnh đạo quốc gia. Ông đã khuyên ông Diệm nên sang Hoa Kỳ để tìm sự ủng hộ của chính quyền.

Không cần Fishel khuyên thì ngay trước khi rời Sài Gòn ông Diệm đã có ý đó rồi. Thế là đầu tháng 9 năm ấy ông Diệm và bào huynh là giám mục Ngô Đình Thục bay sang Mỹ. Khi vừa tới Mỹ hai ông đã ngụ tại Học Viện Văn Hóa Trung Hoa. Hai ông được hồng y Francis J. Spellman, tổng giám mục New York là bạn học cũ của giám mục Ngô Đình Thục tiếp.

Ngày 21-9-50 hai ông có tiếp xúc với ông William S. B. Lacy, giám đốc Văn Phòng Phi Luật Tân và Nam Á Châu tại bộ ngoại giao. Lacy nhận xét, ông Diệm không có chương trình cụ thể hữu hiệu nào để giải quyết những vấn đề trọng yếu của nước ông. Vì vậy bộ ngoại giao Mỹ tỏ ra lạnh nhạt.

Thực ra lúc ấy chính quyền Truman đang coi giải pháp Bảo Đại là một giải pháp tốt, và dầu sao Pháp vẫn đang là một đồng minh. Họ thấy lập trường của ông Diệm đối với Pháp quá cứng rắn và không thực tế.

Thấy ở lại thêm cũng chẳng ích lợi gì, tháng sau ông Diệm bay sang Âu Châu. Ông đã cùng ông anh, giám mục Ngô Đình Thục đến Vatican yết kiến giáo hoàng Pio XII. Sau đó sang Pháp và Bỉ. Tại Pháp ông có tiếp xúc với nhiều giới chức trong chính quyền Pháp và Bảo Đại. Ông cũng ngỏ ý sẵn sàng đứng ra điều khiển chính phủ nếu cựu hoàng muốn. Nhưng Bảo Đại chưa muốn thay đổi người vào lúc này, mặc dù ông Diệm đã tỏ ra mềm dẻo hơn.

Có thể nói cho đến cuối năm 1950 thời vận của ông Diệm chẳng có gì khả quan. Về nước thì không được, vì có thể bị ám sát. Ở lại Âu châu cũng không được. Vì chính quyền Pháp thấy ông tiếp xúc với nhiều người ghét Pháp, muốn đuổi ông đi. Ông bèn quay trở lại Mỹ và tìm đến những người có cảm tình với ông.

Trong số này phải kể trước tiên thẩm phán Tối Cao Pháp Viện William O. Douglas, người đã biết rõ ông khi còn đang rong ruổi vùng Đông Nam Á, nghiên cứu về các dân tộc Thái, Lào, Miến Điện, Việt Nam, Mã Lai, Tân Gia Ba... để viết tác phẩm nổi tiếng “North From Malaya”. Sau đó là người sáng lập OSS, tiền thân của CIA, và cũng đã từng điều khiển cơ quan tình báo này, là William J. Donovan và nhiều nhà báo và chính khách thuộc lưỡng viện quốc hội Mỹ như các nghị sĩ John Fitzgerald Kennedy, Mike Mansfield, dân biểu Walter Judd... Trong báo giới thì đặc biệt có ký giả tên tuổi Gouverneur Paulding.

Phần nhiều những nhân vật trên đều chú ý đến tinh thần và lập trường chống cộng và chống thực dân của ông Diệm. Họ ủng hộ ông Diệm chính vì hai yếu tố chính trị nổi bật ấy, chứ không phải vì ông là người Công Giáo. Tuy nhiên những nhân vật này, cũng như hồng y Spellman không phải là những người có quyền quyết định đối với chính sách ngoại giao của chính quyền Truman lúc ấy.

Đối với các giới chức trong bộ ngoại giao Mỹ, ông Diệm chú trọng đến khía cạnh kỹ thuật mà chính phủ Truman đang viện trợ cho các nước trên thế giới theo một kế hoạch mệnh danh “chương trình điểm 4” có thể coi như sự tiếp nối của kế hoạch Marshall vào năm 1947 dành cho việc tái thiết Âu Châu sau Thế Chiến II. Nhưng chương trình điểm 4 này có một phạm vi hoạt động rộng hơn, bao trùm khắp thế giới.

Dưới cái nhìn của các nhà lãnh đạo Mỹ, Việt Nam trong bối cảnh chiến tranh lạnh rất cần được sự viện trợ này. Ông Diệm đã nêu lên đúng yêu cầu của xứ sở và của tình hình. Vì vậy khi ông lên làm Tổng Thống, ông đã nhận được thứ viện trợ kỹ thuật phi quân sự này một cách rất dồi dào.

Về mặt này, giáo sư Wesley R. Fishel đã giúp ông một cách đặc lực. Ngay khi vừa tới nhận việc ở trường đại học Michigan, ông đã thu xếp để ông Diệm có việc làm tại trường như một tham vấn chuyên môn. Với nhiệm vụ này, ông Diệm có thể hợp tác với ông Fishel để soạn bản đề nghị xin chính phủ viện trợ cho Việt Nam. Những đề án xin viện trợ này một phần lớn do ý kiến của ông Diệm. Cũng nhờ ông mà cố đô Huế đã sớm nhận được viện trợ kỹ thuật ngay trước khi ông về nước làm thủ tướng.

Ngoài ra giới Công Giáo Mỹ cũng giúp ông để có chỗ ở và phương tiện di chuyển sinh sống. Ông thường trú ngụ ở các tu viện Công Giáo, như Mary Knoll ở Ossining, New York, hay ở Lakewood, New Jersey. Từ đó ông đi thuyết trình tại một số trường, đạo có, đời có.²⁷

Ông cũng tiếp xúc với những người Việt Nam đang sinh sống ở Mỹ và những du học sinh. Trong số này có linh mục Trần Văn Kiệm và gia đình ông Bùi Công Văn là những người giúp ông nhiều nhất. Trong dịp ra mắt bộ *Từ Điển Văn Học Việt Nam* đồ sộ ba tập của ông ở Quận Cam cuối năm 2007, vị linh mục gần chín chục tuổi này đã kể lại cho người viết về hoạt động và tư tưởng của ông Diệm trong những năm 1951-1953 ở Mỹ.

Theo linh mục Kiệm thì ông Diệm luôn ôm ấp hoài bão đem lại độc lập cho nước và đời sống no ấm, tự do cho dân. Tuy ông phê bình ông Bảo Đại hơi mềm yếu, nhưng lúc nào cũng tỏ ra tôn kính và hình như muốn ủng hộ ông ấy trở lại ngôi vua trong một chính thể quân chủ lập hiến trong đó ông Diệm sẽ là thủ tướng. Được hỏi có bao giờ ông Diệm nghĩ ý muốn đi tu không, linh mục Kiệm tỏ vẻ ngạc nhiên: “Làm gì có chuyện ấy? Trong 2 năm gần ông Diệm, có những lúc ngồi ăn với ông ấy tại tòa Tổng Giám Mục New York cùng với hồng y Spellman, chưa hề bao giờ tôi nghe ông ấy nói có ý đi tu.”

Khi ông Diệm đã lên cầm quyền, linh mục Kiệm cũng có nhiều dịp tiếp xúc với ông và các ông Nhu, đức cha Thực. Ông nhận xét ông Diệm vẫn luôn là người bình dị, cởi mở không như ông Nhu hay ông Thực.

Trong số những sinh viên Việt Nam đang du học ở

Mỹ mà ông Diệm gặp lúc ấy có một số chủng sinh và ông Nguyễn Ngọc Linh, người đã có lần lái xe đưa ông Diệm đi đây đi đó. Khi về nước làm thủ tướng ông Diệm có nhớ tới ông Linh, muốn dùng. Nhưng ông Linh không hợp tác.

Đến tháng 5 năm 1953 ông Diệm quyết định trở lại Âu Châu. Vì nhận thấy những nhân vật Mỹ ủng hộ ông nêu trên đều không phải là những giới chức có quyền quyết định. Còn chính quyền Truman lúc ấy thì hãy còn ủng hộ chính sách của Pháp và giải pháp Bảo Đại tại Việt Nam.

Ngày 8-5-53, thẩm phán tối cao William J. Douglas đã tổ chức một bữa ăn trưa thịnh soạn mời những nhân vật tên tuổi có cảm tình nêu trên cùng dự để tiễn chân ông Diệm.²⁸

Sang Âu châu lần này ông Diệm đến ngụ tại một nhà dòng thánh Bê Nê Đích Tô ở Bỉ. Tại đây ông có dịp gặp và trao đổi với linh mục Raymond de Jaegher là một học giả uyên thâm về các vấn đề Cộng Sản Á Châu, nhất là Trung Cộng. Khi ông Diệm đã lên làm tổng thống người ta thấy vị linh mục này trong số những cố vấn của chính phủ Việt Nam.

Trong lúc bôn ba nơi hải ngoại, ông Diệm vẫn theo dõi và trông chờ vào hoạt động của người em uyên bác là Ngô Đình Nhu ở trong nước. Ông Nhu từng du học tại Pháp, có bằng cử nhân Pháp, sau lại tốt nghiệp tại trường École des Chartes nổi tiếng lúc ấy. Ông Nhu đã chịu ảnh hưởng của hai triết gia Công Giáo là Emmanuel Mounier và Jacques Maritain. Thuyết “ngôi vị” (personalisme) của Mounier và thuyết nhân bản (Humanisme Intégrale) của Maritain đã gợi hứng cho ông Nhu đưa ra thuyết Nhân Vị Việt Nam, lấy đó làm chủ thuyết của một đảng mới. Năm 1952 ông

Nhu đã âm thầm cùng với một nhà hoạt động công đoàn là ông Trần Quốc Bửu thành lập đảng bí mật này. Ông Bửu, tuy không phải Công Giáo, nhưng lại chịu ảnh hưởng của các tổ chức công đoàn Ki Tô Giáo ở Paris, là nơi ông đã từng sinh sống trong một thời gian vẫn, trước khi về hợp tác với ông Ngô Đình Nhu.



Hình 1: Gia đình ông Ngô Đình Nhu và 2 bào huynh.

Ông Nhu, một lý thuyết gia, và ông Bửu, một nhà hoạt động công đoàn, đã đặt tên cho đảng mới của hai ông là đảng Công Nông, sau đổi thành Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng.²⁹ Sau khi đệ nhất Cộng Hòa bị lật đổ, những người không ưa ông Nhu thường gọi tắt là đảng Cần Lao, với hàm ý xấu. Nhưng thực ra hai chữ cần lao gói ghém tất cả chủ trương và đường lối mà ông Diệm đã công bố trong một bản tuyên ngôn trước đó đã lâu. Hai chữ đó bao hàm

sự lao động cực nhọc của hai giới thợ và dân cây, những người nghèo khổ chiếm đa số dân Việt. Nó cũng tương tự na ná như sự “liên minh công nông” trong đường lối của Lênin. Theo Henry G. Fairbanks thì “Cộng Sản sợ cái ý thức hệ này còn hơn 170.000 quân của ông Diệm được trang bị bằng vũ khí của Mỹ.”³⁰

Dĩ nhiên các ông Diệm, Nhu có đọc Lênin. Nhưng, là người Công Giáo ngoan đạo, họ đã lấy hứng từ học thuyết xã hội Công Giáo hàm chứa trong Tông huấn (Encyclical, mà nhiều người cũng dịch là Thông Điệp) Tân Sự (Rerum Novarum, ban hành năm 1891) của cố giáo hoàng Lêô XIII. Trí thức Công Giáo ai cũng biết Tông huấn này.

Ông Nhu chủ trương học thuyết xã hội theo lý tưởng đó và đã cùng với ông Bửu lập một tờ báo lấy tên *Xã Hội*. Đặt trụ sở tại số 8 đường Ypres, Sài Gòn. Tờ báo này đã cổ vũ cho tổ chức và các hoạt động công đoàn của ông Bửu. Công Đoàn này lúc ấy (1953) đã trở thành một chi nhánh của Nghiệp Đoàn Lao Động Ki Tô Giáo thế giới có trụ sở ở Brussel, thủ đô Bỉ.

Trong khi ông Diệm hoạt động ở Âu Châu để chờ thời, thì ở Việt Nam, ông Nhu đã vận động được một số đồng người vốn ủng hộ ông Bảo Đại để đưa ra một sức ép đòi Bảo Đại phải cứng rắn hơn với Pháp.

Nhân vụ Pháp tự ý phá giá đồng bạc Đông Dương vào tháng 5-1953, gây bất bình cho nhiều phần tử quốc gia, ông Nhu đã vận động những phần tử này để họp đại hội lấy tên là “*Đại Hội Đoàn Kết*” vào đầu tháng 9-1953, khi ông Bảo Đại vừa rời Sài Gòn sang Pháp.

Mục đích của đại hội là đòi độc lập hoàn toàn cho Việt Nam. Trong đại hội này ông Nhu đã quy tụ được đồng

người thuộc các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo và cả tướng Bảy Viễn của Bình Xuyên.

Tuy đại hội này không thành công theo ý muốn, nhưng nó đã khiến Bảo Đại phải cho mở một đại hội của ông tại Sài Gòn vào ngày 12-10-53, với mục đích lấy lại uy thế đã bị sút mẻ do đại hội đoàn kết gây ra. Nhưng kết quả lại cũng ngoài ý muốn của Bảo Đại. Vì cuối cùng vào ngày 16-10, các đại biểu bỗng thông qua một nghị quyết đòi Việt Nam được độc lập hoàn toàn, đúng như đòi hỏi mà ông Diệm đã một mực đòi cho bằng được ngay từ ban đầu.

Có lẽ ông Bảo Đại đã đoán trước được kết quả ấy, cho nên đã thay đổi hẳn thái độ với ông Diệm. Ông đã tiếp ông Diệm lần đầu trong 4 năm tại Paris. Và sau đại hội, ngày 26-10-1953, trong một cuộc tiếp kiến lần thứ hai, ông đã dò ý liệu ông Diệm có muốn nhận chức thủ tướng không.

Nhưng theo Devillers trong *End of a war* (trang 223) thì quan trọng hơn cả là mặt trận An Toàn Quốc Gia (Front of National Safety) của ông Nhu thành lập ngày 27-5-54 đòi “thành lập ngay tức khắc một chế độ mới để chống Cộng và nhấn mạnh rằng Ngô Đình Diệm là người đủ khả năng lãnh đạo”.

Trong khi liên hệ giữa cựu hoàng và cựu thương thư bộ lại ảm áp trở lại, thì chiến cuộc trong nước trở nên sôi động và có chiều nghiêng hẳn về phía Cộng Sản.

Tại hội nghị Genève, Thụy Sĩ (bắt đầu họp ngày 26-4-54 để bàn về vấn đề Cao Ly) người ta cũng bắt đầu bàn đến vấn đề Đông Dương.

Tại Việt Nam, vào trung tuần tháng 3-1954, Tướng Navarre, tư lệnh quân Pháp đã muốn giương một cái bẫy

để như Cộng Quân vào chết tại một khu lòng chảo gần biên giới Việt-Lào là Điện Biên Phủ. Nhưng, tương kế tựu kế, Hồ Chí Minh và Võ Nguyên Giáp đã được các tướng Tàu Trần Canh và Vi Quốc Thanh cố vấn và giúp điều động quân sĩ và hàng vạn dân phu bí mật ngày đêm kéo đại pháo lên các sườn núi vây quanh quân Pháp, xuất kỳ bất ý tấn công tiêu diệt và làm bị thương gần mười ngàn quân Pháp. Sau 55 ngày cầm cự, tướng thủ thành De Castries đã đầu hàng và trao Điện Biên cho quân chiến thắng. Số thương vong của bên thắng còn có phần nhiều hơn bên thua. Đó là ngày 7-5-54.

Biến cố này đã khiến Pháp phải tính chuyện rút khỏi Bắc Việt để tập trung phương tiện đối phó với vấn đề Algérie đang trở nên cấp bách.

Trong tình hình nước sôi lửa bỏng ấy, Bảo Đại đã cho vời Ngô Đình Luyện là em út của Ngô Đình Diệm và cũng là bạn học khá thân với Bảo Đại khi nhà vua còn du học ở Pháp trước khi trở về nước. Cụu hoàng nhờ người em đi tìm người anh đến gặp gấp.

Lần này Bảo Đại đã tính thay thế hoàng thân Bửu Lộc bằng Ngô Đình Diệm trong chức thủ tướng. Thì cũng vừa đúng lúc nước Pháp không còn muốn bầu vùi lấy Đông Dương nữa, nên ngày 4-6-54 đã ký với chính phủ Bửu Lộc một hiệp ước trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam.

Trước khi trao trọng trách cho ông Diệm, ông Bảo Đại đã dò ý nhiều người kể cả Mỹ, Pháp. Đối với các đảng phái Quốc Gia, ông đã ghi lại trong hồi ký *Con Rồng Việt Nam* (trang 514-515) rằng ông đã “vời tới Cannes các lãnh tụ của tất cả các phong trào chính trị và tôn giáo ở Việt Nam để hỏi ý

kiến... về việc thay Bưu Lộc bằng Ngô Đình Diệm để cầm đầu chính phủ. Tất cả hoan nghênh ý kiến của tôi.”

Hai ngày sau Pháp cho Bảo Đại biết họ không còn chống việc để con người “tout ou rien” lãnh đạo chính phủ.

Trở lại chính trường trong hoàn cảnh tuyệt vọng

Mười ngày sau, Bảo Đại mời Ngô Đình Diệm đến, nói thẳng, ông muốn họ Ngô đứng ra lập chính phủ cứu quốc, vì tình hình rất bi đát. Bảo Đại đã biết hội nghị Genève sắp đi đến quyết định chia đôi Việt Nam. Và trong tình hình này ông kêu gọi tinh thần yêu nước của ông Diệm. “Le salut du Vietnam l'exige” ông nói với họ Ngô. Câu tiếng Pháp này hàm ý: Vì sự tồn vong của Đất Nước, ông không được từ chối.

Ban đầu ông Diệm vẫn còn làm ra vẻ từ chối, lấy có mình đã rấp tâm “đi tu”. Bảo Đại phải thiếu điều năn nỉ nhiều lần họ Ngô mới nhận lời. Nhưng lại đưa ra một

điều kiện, đòi toàn quyền dân sự và quân sự. Bảo Đại từ trước chưa cho thủ tướng nào cái quyền đó. Nhưng với Ngô Đình Diệm không có cách nào hơn là đồng ý. Ông bèn kéo ông Diệm sang một phòng bên có tượng Chúa và nói:

“Đây Chúa của ông đây, ông hãy thề trước chân dung Chúa là giữ vững đất nước mà người ta đã trao cho ông. Ông sẽ bảo vệ nó để chống lại bọn Cộng Sản, và nếu cần, chống cả người Pháp nữa.”

“Ông ta đứng yên lặng một lúc lâu, rồi nhìn tôi, sau nhìn lên thánh giá, ông nói với giọng nghẹn ngào: “Tôi xin thề.”³¹

Ngày 25-6-1954 ông Diệm về nước với tư cách thủ tướng được chỉ định. Và ngày 7 tháng sau chính thức

nhậm chức. Về sau ngày này được gọi là ngày Song Thất, một ngày lễ nghỉ có lương.

Ông Diệm về nước trong một tình thế hầu như tuyệt vọng. Tú bẻ thọ địch. Ngân khố trống không. Lòng dân lý tán. Quân Pháp lục tục rời miền Bắc rút vào Nam. Dân Bắc Hà xôn xao nao núng.



Hình 2: Dân chúng đón chào Thủ Tướng tân cử Ngô Đình Diệm tại phi trường Tân Sơn Nhất.

Hầu hết các nhà quan sát quốc tế đều nghĩ ông Diệm khó có thể đứng vững trong sáu tháng. Trong số này có các nhà báo và sử gia nổi tiếng như Joseph Alsop và Joseph Buttinger.³² Chỉ khác một điều là Alsop không hiểu được lòng dân Việt lúc ấy, mà chỉ nghe người Pháp. Còn Buttinger thì biết rõ lòng dân Việt muốn gì. Họ chỉ

muốn thoát ách thực dân, chứ họ chẳng yêu gì Cộng Sản. Mà ông Diệm thì có “tài năng phi thường về chính trị” để đáp ứng nhu cầu đó của người dân.³³

Tất cả những gì ông Diệm có, chỉ là cái “tài phi thường” ấy và một niềm tin vô biên, lòng can đảm để đối phó với nghịch cảnh.

Việc đầu tiên phải đối phó là kết quả của hội nghị Genève: Việt Nam bị chia đôi, ranh giới là sông Bến Hải ở vĩ tuyến 17.

Ông chỉ thị cho tân ngoại trưởng Trần Văn Đỗ, người vừa thay cựu ngoại trưởng Nguyễn Quốc Định của chính phủ Bảo Lộc, phải cực lực chống việc phân chia tổ quốc và không được ký vào bản thỏa ước. Không ký là quyền của mình. Nhưng chống thì không đi đến đâu vì vào giờ thứ 25³⁴ ngày 20 tháng 7 năm 1954, bản thỏa ước đã được ký kết giữa Pháp và Việt Minh trước sự chứng kiến của các đại cường Anh Mỹ Nga.

Chỉ vài ngày sau khi về nước, ngay trước khi thỏa ước Genève được ký kết, ông đã bay ra Hà Nội (ngày 30-6-1954) để xem xét tình hình và kêu gọi mọi người bình tĩnh. Ông ngao ngán thấy không còn hy vọng gì cứu vãn tình thế.

Theo các điều khoản của thỏa ước thì sẽ có một Ủy hội quốc tế (CIC) để giám sát việc thi hành. Ủy hội này gồm 3 nước Ấn Độ, Ba Lan và Canada. Ba Lan là nước cộng sản. Canada là nước tự do, còn Ấn độ thì “trung lập” nhưng thiên về Hà Nội hơn.

Việt Cộng đã lợi dụng sự thiên vị, hay bất lực, của Ủy Hội để tha hồ vi phạm những điều khoản của thỏa ước ngừng

bắn về đóng quân, rút quân, chôn giấu vũ khí, sách nhiễu, đe dọa người dân vân vân... Những báo cáo của chính quyền miền Nam cho Ủy Hội về những vi phạm này đều bị Ủy Hội lờ đi hay giải quyết một cách lầy lệ và chậm chạp.

Bản thỏa ước còn quy định người dân hai miền có thời hạn là 300 ngày để có thể chọn nơi cư trú. Người Bắc muốn vào Nam, hay người Nam muốn ra Bắc thì toàn quyền chọn lựa trong thời gian 300 ngày ấy.

Việt Cộng đã lợi dụng tối đa thời gian này để tuyên truyền phá hoại và đặt nhân lại, chôn giấu vũ khí tại miền Nam trước khi binh sĩ của họ phải rút ra Bắc. Họ đã tính toán sẽ có ngày trở lại để đấu tranh. Và họ có kinh nghiệm của 9 năm chiến tranh. Còn ông Diệm và chính quyền non trẻ của ông thì chỉ lấy thiện chí và sức chịu đựng để đối phó. Đảng của ông Nhu mới thành lập được 2 năm không thể nào đối phó được với đảng Cộng Sản đã có kinh nghiệm 24 năm.

Sự đau buồn của thủ tướng Diệm là khi ông lên cầm quyền thì giang sơn của ông chỉ còn một nửa và là nửa bé hơn, ít nhất về mặt dân số. Để giải quyết vấn đề này, trong một bài diễn văn đọc tại Hà Nội ngày 3-8-54, ông đã kêu gọi người dân miền Bắc hãy vào Nam để cùng ông xây dựng đất nước, chống họa Cộng Sản. Đa số đồng đạo đã hưởng ứng lời kêu gọi ấy.

Nhưng ông không thể ngờ, mà lúc ấy cũng chẳng ai ngờ rằng con số dân di cư có thể to lớn đến thế. Chính phủ Pháp tuyên bố sẵn sàng phương tiện để chuyên chở được khoảng 30 ngàn. Vì họ chỉ ước lượng được con số ấy. Ông Diệm lạc quan hơn hy vọng sẽ đến một trăm ngàn.

Nhưng con số cuối cùng là gần một triệu.³⁵ Làm sao có đủ phương tiện chuyên chở? Làm sao có chỗ tạm trú, và nơi định cư cho gần triệu người? Làm sao có đủ lương thực cho họ?

Ta đã biết dân Bắc sau chiến tranh nghèo đói và bệnh tật đến chừng nào. Hơn nữa, nhà cầm quyền Cộng Sản lại bằng mọi cách ngăn cản không cho dân di cư. Nhiều người bị hành hạ, đánh đập khi ra đi. Nhiều người ra đi trong tình trạng bị bệnh nan y. Vì thế khi đến các trại tạm trú ở Hải Phòng hầu hết đều cần được chữa trị và săn sóc về y tế.

Chính quyền non trẻ của vị thủ tướng độc thân và cô độc sẽ không thể nào đủ sức đáp ứng những đòi hỏi về mọi mặt của hàng chục vạn dân đói khổ bệnh tật ấy, nếu không có sự tiếp tay đầy tình bác ái của những nhà hảo tâm ngoại quốc, nhất là Hoa Kỳ. Một trong những người ấy là bác sĩ Dooley.³⁶

Về những sự cấm đoán, ngăn cản, bạc đãi, hành hạ, tra tấn của Việt Minh đối với dân di cư, không bút nào tả xiết. Ngày 22-1-55, Thủ Tướng Diệm đã lên tiếng tố cáo với thế giới:

“Tôi có nhiệm vụ tố cáo trước thế giới tự do và trước cộng đồng Ki Tô Giáo hành động dã man, đàn áp, cưỡng bức của Việt Minh đối với những người dân muốn rời bỏ vùng Cộng Sản. Những hành động này đã vi phạm trắng trợn hiệp định Genève.”

Ngoài cái khó khăn trên, ông Diệm còn phải đối phó với ý đồ đen tối của thực dân Pháp. Họ đồng ý để Bảo Đại bổ nhiệm ông Diệm, nhưng lại muốn ông Diệm thất bại để họ có thể đưa người ít chống Pháp hơn ra thay thế. Tuy

thỏa ước Genève quy định họ sẽ rút khỏi Việt Nam, nhưng họ vẫn còn nuôi ảo vọng trở lại, nếu chính quyền Sài Gòn yếu kém không đủ sức giữ miền Nam. Hoặc ít nhất một thủ tướng khác thân Pháp sẽ có thể giúp họ duy trì những quyền lợi kinh tế văn hóa như thời ông Bảo Đại.

Thậm chí trong thâm tâm, nhóm Thực Dân cũ còn ước mong miền Nam mất về tay Việt Minh để họ có thể thương lượng với Việt Minh về những quyền lợi kinh tế, văn hóa, mà họ nghĩ, hay có ảo vọng, rằng thương lượng với Việt Minh sẽ dễ dàng hơn với những người quốc gia cứng rắn, bất thân thiện như Ngô Đình Diệm. Vì những lý do ấy họ ra mặt ủng hộ những lực lượng giáo phái và Bình Xuyên chống ông Diệm. Đặc biệt là lực lượng quân sự của Sài Gòn lại do một công dân Pháp chỉ huy. Đó là tướng Nguyễn Văn Hinh, có quốc tịch Pháp, con của nguyên thủ tướng Nguyễn Văn Tâm từng

bị cựu thủ tướng Trần Văn Hữu gọi là “người yêu nước Pháp hơn yêu nước Việt Nam”, và người dân gọi là con hùm xám Cai Lậy, vì quê ông ở Cai Lậy. Ông Tâm lên làm thủ tướng giữa năm 1952 và đã bị thay thế bởi hoàng thân Bửu Lộc trong chức thủ tướng năm 1953.

Trong những nhật lệnh của tổng tham mưu trưởng, tướng Hinh đã công nhiên đả kích thủ tướng. Trong tháng 9-1954, tướng Hinh đã toan làm đảo chính lật ông Diệm. Và ông Diệm đã xử dụng toàn quyền dân sự và quân sự mà quốc trưởng đã trao cho để cất chức loạn tướng Hinh và cử đại tướng Lê Văn Tỵ thay thế.

Hành động này đưa ra đúng lúc chứng tỏ ông Diệm là một nhà lãnh đạo can trường. Vì đằng sau tướng Hinh là cả

quân đội Pháp, các lực lượng giáo phái và nhóm Bình Xuyên dưới sự chỉ huy của tướng Lê Văn Viễn, tục gọi Bảy Viễn.

Ngày 29-3-1955, sau khi ra một “tối hậu thư”, nhóm này đã nhân danh “Mặt trận Dân Tộc” tấn công chính phủ, nhả đạn vào dinh thủ tướng. Quân Đội chính phủ đã phản ứng mạnh.

Ngày 25-4-1955, thủ tướng Diệm ra sắc lệnh cách chức Lai Văn Sang, thuộc lực lượng Bình Xuyên trong chức vụ tổng giám đốc cảnh sát quốc gia. Lai Văn Sang chống lại, vin có anh ta được Quốc Trưởng bổ nhậm, thì chỉ có Quốc Trưởng mới có quyền cách chức.

Chẳng những thế, trước đó, ngày 1-1-1955, ông Diệm đã ra lệnh đóng cửa sòng bài Đại Thế Giới và xóm điểm Bình Khang, dưới sự khai thác của Bình Xuyên, được quốc trưởng Bảo Đại cho phép hoạt động. Và trong việc kinh doanh này dĩ nhiên “Ngài Ngự” cũng có một phần do Bình Xuyên dâng lên.

Lập tức tướng Lê Văn Viễn, tư lệnh Bình Xuyên phản pháo dữ dội. Súng nổ ngay tại thủ đô khiến nhiều thường dân tử vong vì đạn lạc. Cuộc giao tranh giữa quân đội dưới quyền của đại tướng Lê Văn Ty và Bình Xuyên, được quân Pháp ngấm ngầm yểm trợ kéo dài nhiều tháng, số tử vong hai bên gần 500. Người có công đầu trong cuộc dẹp loạn này là hai đại tá Dương Văn Minh và Đỗ Cao Trí.

Trong cuộc dẹp loạn Bình Xuyên, không thể không nói đến một tướng lãnh khác đã xông pha tại mặt trận và đã hy sinh một cách anh hùng mà bi thảm là tướng Trình Minh Thế thuộc lực lượng Liên Minh của Cao Đài.³⁷

Bào đệ của thủ tướng Diệm là Ngô Đình Nhu đã phải

nhiều lần đích thân lên chiến khu Bà Đen, Tây Ninh để thuyết phục vị tướng trẻ này. Vì thấy ông có lập trường chính trị giống anh em mình, vừa chống Pháp, vừa chống Việt Minh không khoan nhượng.

Trong khi lực lượng Bình Xuyên tấn công quân chính phủ và nã súng vào dinh Độc Lập và bị phản công quyết liệt theo lệnh của thủ tướng, thì tướng Ély tư lệnh quân đội Pháp can thiệp xin chính phủ cho hưu chiến lấy cơ tránh gây thương vong cho kiều dân Pháp.³⁸

Cả tướng Joseph Lawton Collins, đặc sứ của Tổng Thống Mỹ Dwight Eisenhower³⁹ cũng bênh vực lập trường của tướng Ély. Chính ông cũng khuyên ông Diệm nên thận trọng và đừng tấn công các giáo phái. Ông cho rằng ông Diệm không có tài, lại quá ương ngạnh. Ông đã đề nghị với Hoa Thịnh Đốn thay ông Diệm bằng bác sĩ Phan Huy Quát, hay bác sĩ Trần Văn Đỗ. Bác sĩ Quát đã được đề nghị hơn chục lần.

Và đã có một lần Tổng Thống Eisenhower chỉ thị bộ Ngoại Giao gửi công điện làm theo ý tướng Collins. Nhưng sau khi nhận được những báo cáo của đại tá Lansdale nói về những thắng lợi của thủ tướng Diệm trong các vấn đề dẹp loạn và thống nhất quân đội, cùng nhiều lãnh vực khác, thì bộ ngoại giao đã gửi công điện tiếp theo hủy bỏ công điện trước. Và cuối cùng đặc sứ của Tổng Thống, tướng Collins bị triệu hồi hẳn về nước. Ngày 10-5-1955 ông được thay thế bởi tân đại sứ George Reinhart.

Kể từ đó chính quyền Eisenhower đã tuân viện trợ dồi dào trực tiếp cho chính phủ Ngô Đình Diệm không qua trung gian Pháp nữa.

Trong khi quân chính phủ và Bình Xuyên giao tranh ngay ở Sài Gòn và vùng Rừng Sát thì ngày 28-4-1955 Bảo Đại ra lệnh cho Ngô Đình Diệm sang Pháp tường trình về tình hình. Đồng thời bổ nhiệm tướng Nguyễn Văn Võ làm tổng tham mưu trưởng quân đội quốc gia thay thế tướng Lê Văn Ty.

Ông Diệm muốn nhân cơ hội này diện kiến với Quốc Trưởng để trình bày thực trạng trong nước, và cố thuyết phục cựu hoàng tiếp tục ủng hộ lập trường của mình để cứu vãn tình thế rồi ren phân hóa, làm mối cho Cộng Quân.

Nhưng ông Ngô Đình Nhu và nhiều người từng ủng hộ lập trường của ông Diệm can ngăn không cho ông Diệm đi. Ngày 30-4-55 ông Diệm cho triệu tập một số nhân sĩ và lãnh tụ đảng phái, đoàn thể thuộc 18 tổ chức đến dinh Độc Lập để hỏi ý kiến về việc nên đi Pháp hay không. Ông chỉ nói mục đích đó rồi lui vào để mọi người bàn thảo và cho ý kiến sau.

Quyết bám trụ theo đòi hỏi của Đất Nước

Trong số những nhân vật tới họp có đại diện của lực lượng Liên Minh Cao Đài gồm các tướng Trình Minh Thế, Hồ Hán Sơn, Nguyễn Thành Phương và ông Nhị Lang. Cuộc họp (tại phòng khánh tiết dinh Độc Lập) vừa bắt đầu thì Nhị Lang và Hồ Hán Sơn đưa ra ý kiến bàn thắng vào vấn đề hạ bệ, truất phế Bảo Đại. Kẻ tung người hứng. Cuối cùng mọi người đồng ý công kênh Nhị Lang lên hạ tẩm ảnh vĩ đại của Bảo Đại xuống. Khi ông Diệm trở ra thì ngạc nhiên trước một việc đã rồi và tỏ ra rất bối rối.

Sau đó hội đồng 18 tổ chức trên đã quyết nghị 4 điểm chính: Truất phế Bảo Đại. Giải tán chính phủ Ngô Đình

Diệm. Giao cho chí sĩ Ngô Đình Diệm lập tân chính phủ. Và đòi Pháp rút hết quân.

Ngày 15-6-1955 việc truất phế Bảo Đại được công bố, mở đường cho việc tuyên cáo Cộng Hòa Việt Nam sau này.

Cũng vào dịp này, khi tướng Võ đem ngự lâm quân từ Đà Lạt về Sài Gòn, vây dinh Độc Lập, ép tướng Lê Văn Tỵ đi theo vào dinh Độc Lập định áp đảo Thủ Tướng phải trao quyền điều khiển quân đội cho ông ta, thì bị các ông Nhị Lang và Hồ Hán Sơn tước khí giới và lột lon. Nếu không được ông Diệm che chở thì có thể ông Võ đã mất mạng.⁴⁰

Như thế là cựu hoàng đã mất hết quyền hành. Ngô Đình Diệm chỉ cần tiến thêm vài bước nữa.⁴¹ Về việc dẹp loạn tướng Hình, Bình Xuyên và các giáo phái, nhiều nhà quan sát cho rằng ông Diệm độc tài, không có tinh thần đoàn kết quốc gia. Nhưng những người hiểu rõ tính ông Diệm và mục đích ông nhắm tới là một quốc gia hùng mạnh với một quân đội thống nhất, có kỷ luật thì đều ca ngợi quyết tâm của ông. Ngoài sự can đảm và quyết tâm, dĩ nhiên cũng phải có sự tài giỏi, khôn khéo và nhẫn nại mới làm được chuyện khó khăn đó.

Trong thời gian chưa xuất dương, trước 1950, ông Diệm và ông Nhu đã từng tiếp xúc với các giáo phái Cao Đài và Hòa Hảo và đã từng được sự ủng hộ của họ. Và khi ông về nước có một thời gian trong chính phủ đã có mặt đại diện các giáo phái.

Cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc đã cho người viết biết: Tướng Nguyễn Giác Ngộ, một trong tứ trụ của Hòa Hảo (Trần Văn Soái, tức Năm Lửa, Lâm Thành Nguyên, Lê Quang Vinh, tục gọi Ba Cụt, và Nguyễn Giác Ngộ) đã có lần cho

ông biết là ông Diệm rất kính trọng Đức Giáo Chủ Huỳnh Phú Sổ và đã thấy hai người gặp nhau bàn chuyện đại sự. Có lẽ vì vậy mà tướng Ngô là người rất kính trọng và trung thành với ông Diệm. Cũng như tướng Văn Thành Cao bên Cao Đài. Ngày 23-2-1955 tướng Nguyễn Giác Ngô đã tuyên bố đem 8,000 quân về hợp tác với chính phủ.

Sở dĩ có lúc một số lực lượng vũ trang Cao Đài và Hòa Hảo quay lại chống ông Diệm là vì do người Pháp xúi dục, muốn đòi những nhượng bộ quá đáng của chính phủ. Chính phủ chỉ mạnh tay khi đã không thương lượng được. Chứ không phải không muốn có sự thỏa hiệp.

Chỉ nêu hai sự việc chứng tỏ thiện chí ban đầu của ông Diệm: ngày 14-10-1954 Thủ Tướng Diệm đã mời Đức Phạm Công Tắc dùng cơm với ông. Và ngày 31-1-1955 ông đã đến thăm Thánh Thất Cao Đài ở Tây Ninh. Người ta còn nhớ trong thành phần chính phủ cải tổ ngày 24-9-1954 chỉ có 21 thành viên gồm cả tổng trưởng, quốc vụ khanh và bộ trưởng, thứ trưởng mà đã có mặt 4 đại diện các giáo phái như các ông Trần Văn Soái (Năm Lửa), Lương Trọng Tường (Hòa Hảo), Nguyễn Thành Phương và Phạm Xuân Thái (Cao Đài). Như vậy nói ông Diệm chủ trương diệt giáo phái ngay từ đầu là không đúng. Ông chỉ muốn có một quốc gia mạnh với sự thống nhất về quân đội, về hành chánh và tài chính, như ông sẽ long trọng tuyên bố ngày 21-3-1955:

“Phải thống nhất quân đội, không thể có những lực lượng riêng biệt. Phải thống nhất hành chánh, không thể có địa phương tự trị. Phải thống nhất tài chánh, không thể có những sắc thuế do địa phương tự đặt ra.”

Trong lần tiếp xúc với linh mục Trần Văn Kiệm, được coi như bạn thân của ông Diệm trong mấy năm lưu vong ở Mỹ (1951-1953) người viết được linh mục cho biết: Đã có lần ông Diệm tâm sự với linh mục về khu tự trị và quân đội riêng của Đức cha Lê Hữu Từ và linh mục Hoàng Quỳnh. “Tổng Thống có buồn Đức Cha không?”, linh mục Kiệm hỏi. Ông Diệm trả lời: “Tôi đâu dám buồn Đức Cha, chỉ e Đức Cha giận tôi thôi.”

Chả là lúc ấy có dư luận cho rằng Giám Mục Lê Hữu Từ không tán thành việc chính phủ dẹp quân đội của các giáo phái. Vì chính vị giám mục từng được Hồ Chí Minh mời làm Cố Vấn Tối Cao cho chính phủ miền Bắc đã lợi dụng chức vụ này, tổ chức khu tự trị Phát Diệm để chống Cộng một cách khá thành công. Người ta đã gọi khu này là khu an toàn Phát Diệm, vì Việt Minh không dám bén mảng tới. Và nay ông và người phụ tá đắc lực là linh mục Hoàng Quỳnh hình như cũng muốn có một quân đội riêng và một khu tự trị riêng, để “chống Cộng theo ý mình”. Nhưng dĩ nhiên thủ tướng Diệm không chấp nhận cái ý nghĩ đó, chứ đừng nói việc thực hiện.

Ngày 16-7-1955, sau khi đã giải quyết xong các vấn đề nội bộ ở miền Nam, thủ tướng Diệm ra tuyên bố chính phủ ông không bị ràng buộc bởi thỏa ước Genève. Và sẽ không tham gia bầu cử được ấn định vào đúng một năm sau, nếu những cuộc bầu cử này không được bảo đảm là sẽ được tự do tại miền Bắc cũng như tại miền Nam.

Khi nhà cầm quyền miền Bắc không đáp ứng đòi hỏi đó, ông Diệm tuyên bố Cộng Hòa Việt Nam ra đời. Ngày 22-7-1955 Thủ Tướng Diệm, trong một tuyên bố truyền

thanh, đã lên án Bắc Việt cùng với Thực Dân Pháp chia cắt đất nước và ra lệnh treo cờ rũ trong 3 ngày để toàn dân ghi nhớ “ngày Quốc Hận”.

Ngày 23 tháng 10 năm đó, chính phủ của ông đã tổ chức trưng cầu dân ý để hợp thức hóa việc đại hội các tổ chức chính trị đã truất phế Bảo Đại và thiết lập chế độ Cộng Hòa, theo đó nguyên thủ quốc gia sẽ là tổng thống. Song song với công tác chính trị khẩn cấp, trong thời gian đầy thử thách ban đầu, ngay từ tháng 12 năm 1954, Thủ Tướng Diệm đã cho triệu tập một ủy ban hỗn hợp các chuyên viên Việt-Mỹ-Pháp để nghiên cứu phương thức thích hợp nhất cho công cuộc cải cách điền địa. Liên sau đó là các dự số số 2 ngày 8-1-1955 và số 7 ngày 5-2-1955 ra đời để thí nghiệm cho đến cuối năm 1955. Sau cùng ngày 30-4-1956 dự số 28 đã được ban hành quy định các thể thức có tính trường kỳ. Theo đó những điền chủ sở hữu quá nhiều ruộng đất (trên 100 hectares) sẽ bị truất hữu số thặng dư để chia ra cho các tá điền hay nông dân vô sản. Sự truất hữu này có bồi thường tương xứng. Cuộc cải cách mạnh tay này nếu so với cái gọi là cải cách ruộng đất của ông Hồ tại miền Bắc thì chẳng thấm vào đâu, nhưng đã đụng chạm tới quyền lợi có từ lâu đời của giới địa chủ miền Nam (khoảng trên 2500 người), gây nên nhiều khó khăn cho chế độ mới. Ngay chính thân phụ của bà Ngô Đình Nhu là luật sư Trần Văn Chương cũng bất bình và chống sự truất hữu mạnh tay này.⁴²

Ngoài cải cách điền địa cung cấp đất cho tá điền và nông dân vô sản, dân di cư từ miền Bắc cũng được định cư tại những vùng đất phì nhiêu chưa khai thác đúng mức, để họ ổn định đời sống.

Những “khu trừ mật”, “khu dinh điền” cũng được dựng lên để giải quyết vấn đề nơi cư trú và canh tác. Ngày 19-1-1956 Tổng Thống Diệm gửi văn thư chính thức yêu cầu Pháp rút hết quân. Và sau cuộc thương thuyết tốt đẹp, ngày 28-4-1956, tướng Jacquot đã đưa những người lính cuối cùng của Pháp xuống tàu về nước. Ngày đó Việt Nam mới thực sự “vắng bóng thực dân”.

Đặt nền tảng cho nền Cộng Hòa Việt Nam

Ngày 23-1-1956 thủ tướng Diệm ban hành nghị định về thể thức tổ chức bầu quốc hội lập hiến. Và ngày 4-3- 56 cuộc bầu cử đã diễn ra. Kết quả có 123 dân biểu thuộc 5 đảng phái và một số ứng viên độc lập.

Quốc hội lập hiến khai mạc ngày 15-3-1956. Thủ Tướng Diệm vẫn tiếp tục nắm giữ toàn quyền dân sự và quân sự do Bảo Đại ủy thác cho đến ngày 26- 10-1956 là ngày tân hiến pháp được công bố.⁴³ Theo hiến pháp này (điều 98) trong nhiệm kỳ đầu, tổng thống được quyền ra sắc lệnh tạm hoãn việc thi hành các quyền tự do dân sự chiếu theo nhu cầu an ninh công cộng và quốc phòng.

Trên thực tế tình hình an ninh đã khiến quyền này được tiếp tục sang đến cả nhiệm kỳ sau.

Nhiều người phê bình hiến pháp cho tổng thống quá nhiều quyền hành. Hơn cả tổng thống Mỹ. Còn quốc hội thì có vẻ chỉ là để thông qua quyết định của tổng thống. Nhưng ủy ban soạn thảo hiến pháp (với sự góp ý của một chuyên viên Mỹ, Dr J. A. C. Grant và một chuyên viên Phi Luật Tân, Juan C. Orendain) có lý để giành nhiều quyền hành cho vị nguyên thủ của một quốc gia trong thời chiến.

Sứ gia Bernard Fall đã phê bình Tổng Thống Diệm độc tài và gọi chế độ của ông là một thứ quân chủ không vua.

Ông ví Tổng Thống Diệm với Tổng Thống Franco của Tây Ban Nha. Nhưng có lúc tác giả cũng bào chữa cho ông Diệm, và lại ví ông với vua Gia Long. Bernard Fall viết:

“Vấn đề không phải là có đại diện dân chúng (dân chủ) không, mà là có giữ được cho nước tồn tại sau con nguy biến hay không”.⁴⁴

Ý trên cũng gần giống ý của Thống Tướng Maxwell Taylor khi ông nêu trường hợp Tổng Thống Abraham Lincoln trong nội chiến Mỹ đã tạm đình chỉ thi hành một số quyền tự do dân sự trên toàn lãnh thổ Hoa Kỳ, để bào chữa cho sự thiếu tự do dân chủ của miền Nam Việt Nam lúc ấy.⁴⁵

Những người chống đối sẽ nói chiến tranh đã chấm dứt với thỏa ước đình chiến Genève. Nhưng trong thực tế chiến tranh khuynh đảo, khủng bố, vẫn ngấm ngấm tiếp diễn. Hay, theo quan niệm chiến tranh ý thức hệ Cộng

Sản, thì lúc đó chính là lúc cuộc chiến quyết liệt nhất. Còn Quốc Hội, tuy đa số dân biểu thân chính quyền, nhưng các cuộc thảo luận vẫn sôi nổi trước khi thông qua các đạo luật. Ngay sử gia Bernard Fall cũng nhìn nhận rằng nhiều dân biểu đã mạnh mẽ phê bình hành pháp.⁴⁶ Trường hợp luật gia đình do dân biểu Trần Lệ Xuân (bà Ngô Đình Nhu) soạn thảo, chỉ được thông qua với tỷ số sát sao, 68 phiếu thuận trên 55 phiếu chống, cho thấy Quốc Hội không phải là quốc hội bù nhìn như tại miền Bắc.

Gánh nặng đè trên vai ông Diệm từ ngày về nước cho đến ngày lên làm tổng thống một nước Cộng Hòa mới, như đã thấy, không phải chỉ là những vấn đề giáo phái như thập nhị sứ quân, vấn đề nổi loạn của các tướng Nguyễn

Văn Hình, Nguyễn Văn Vỹ, vấn đề chống đối của các đại diện Pháp (Paul Ely), đại diện Mỹ (Collins), vấn đề dân di cư, vấn đề tổ chức quốc hội, hiến pháp, tổ chức chính phủ trong một thời gian ngắn kỷ lục v.v... Mà thực ra còn một vấn đề vừa có tính nội trị, kinh tế, vừa có tính cách ngoại giao rất quan trọng giữa hai quốc gia cùng chung một lý tưởng chống cộng. Đó là vấn đề người Hoa trở thành người Việt gốc Hoa.

Chính quyền Pháp khi còn cai trị Việt Nam đã dành cho Hoa kiều nhiều quyền lợi kinh tế, khiến họ trở thành lực lượng kinh tế thương mại hết sức quan trọng tại miền Nam. Người Hoa nắm gần hết các cơ sở kinh tế chủ chốt. Tổng Thống Diệm muốn giải quyết ổn thỏa vấn đề đó, để tạo cho người Việt những cơ hội tiến lên nắm lấy vị trí quan trọng hơn trong nền kinh tế của một quốc gia độc lập. Những người Hoa nào muốn duy trì quyền lợi, vị trí của mình phải nhập Việt tịch.

Có nhận thấy những đặc quyền của người Hoa trong thời thực dân, mới hiểu được nỗi khó khăn của Tổng Thống Diệm. Nhờ có sự trợ tá đắc lực của Phó Tổng Thống, và sự cố vấn của linh mục Raymond J. De Jaegher, một chuyên viên về Trung Quốc, và về Cộng Sản Á Châu, ông Diệm đã vượt qua được những khó khăn tưởng không thể nào giải quyết nổi, và có thể gây xung đột vũ trang, hay ít nhất cũng đổ vỡ về ngoại giao giữa Việt Nam Cộng Hòa và Trung Hoa Dân Quốc.

Sắc lệnh quy định 11 nghề mà các ngoại kiều không được làm ban hành ngày 6-9-56, và sắc lệnh cùng ngày dành quyền cho tất cả mọi Hoa kiều sinh tại Việt Nam

được có quốc tịch Việt Nam dần dần đã được người Hoa thông hiểu và đón nhận. Nhưng cũng phải trải qua trên nửa năm thử thách cam go trước khi mọi sự được giải quyết ổn thỏa. Người Hoa cuối cùng hiểu rằng, nếu có vợ Việt, hay nhập Việt tịch thì sẽ vẫn giữ được những công việc mình đang làm. Và một số rất đông đã nhập Việt tịch. Đó là một khía cạnh của cuộc cách mạng về kinh tế mà Tổng Thống Diệm quyết tâm thực hiện có lợi cho chủ quyền thiết thực của người dân Việt.

Thành quả và tiếng tăm trên trường quốc tế

Chỉ trong hai năm những thành quả mà ông Diệm đạt được ngay từ khi còn là thủ tướng với hai bàn tay trắng đã khiến nhiều nhà báo ngoại quốc, kể cả những ký giả thiên tả, thân cộng gọi đó là phép lạ về chính trị.⁴⁷

Mà thực ra, ngay từ 1952, khi ông Diệm còn bị nhiều người chê là thụ động, chẳng hoạt động gì, đã có một sử gia tên tuổi Pháp chuyên về các vấn đề Việt Nam tiên đoán *“ông Diệm tiếng tăm lừng lẫy đến nỗi người ta trông chờ ông sẽ làm nên phép lạ”*. Sử gia đó là Philippe Devillers.⁴⁸

Tổng Thống Hoa Kỳ Dwight Eisenhower cũng gọi ông Diệm là Con Người Thần Kỳ, con người của phép lạ (A Miracle Man). Ông đã gửi thư mời Tổng Thống Diệm sang thăm nước Mỹ. Tại đây Tổng Thống Hoa Kỳ đã dành cho ông tất cả những nghi lễ trang trọng nhất, rất đặc biệt, hiếm khi dành cho một vị quốc khách của Mỹ.⁴⁹ Ngày 9-5-1957 Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã đọc diễn văn trước Luồng Viện Quốc Hội Mỹ để cảm ơn chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ đã dành cho Việt Nam sự giúp đỡ tinh thần và vật chất dồi dào.⁵⁰

Trong bài diễn văn lịch sử này ông cũng đưa ra quan niệm đặc biệt của ông về tự do dân chủ. Quan niệm này được gói ghém trong câu sau đây:

“Bản chất của dân chủ là nỗ lực không ngừng để tìm mọi biện pháp chính trị khả dĩ bảo đảm cho tất cả các công dân, quyền tự do tiến triển, phát huy sáng kiến, đảm đương trách nhiệm, và sinh hoạt tinh thần tối đa.”⁵¹



Hình 3: đại lộ Broadway, tháng 5-1957, dân chúng Nữ Ước chào đón Tổng Thống Diệm.

Trong dịp này thị trường và nhân dân Nữ Ước đã dành cho Tổng Thống Việt Nam một cuộc nghênh đón đặc biệt

chỉ dành cho những anh hùng dân tộc như Douglas Mac-Arthur, Dwight Eisenhower, và các phi hành gia Apollo khi họ trở về với chiến công, thành tích xuất sắc.⁵²

Ngoài Hoa Kỳ, trong năm 1957 tổng Thống Ngô Đình Diệm còn có 4 chuyến công du khác là Đại Hàn, Thái Lan, Úc (2-7) và Ấn Độ (tháng 11). Đó là chưa kể 3 cuộc viếng thăm chính thức Trung Hoa Dân Quốc, Phi Luật Tân và Liên Bang Mã Lai trong 2 năm sau. Ở đâu ông cũng được tiếp đón long trọng, và gây được mối giao hảo tốt đẹp.

Trước sự thành công rực rỡ của ông Diệm và vị thế vững chắc của Việt Nam Cộng Hòa, chính lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrutshchev cũng nể phục. Cũng trong năm 1957 ông ta đã đề nghị Liên Hiệp Quốc thu nhận Cộng Hòa Việt Nam cùng với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. Tiếc rằng Tổng Thống Diệm, vẫn với chủ trương “Tout ou rien” không chịu.

Ông còn nuôi hy vọng miền Nam sẽ thắng miền Bắc để vào Liên Hiệp Quốc một mình? Mà quả thực lúc ấy người dân miền Nam, và cả một số các nhà quan sát quốc tế cũng hy vọng thế. Thậm chí cả dân miền Bắc cũng mong mỗi điều đó sớm xảy ra. Vì cuộc “cải cách ruộng đất” với những cuộc đấu tố “long trời lở đất” hai năm trước gây chết chóc, tang thương cho nửa triệu người vô tội khiến nhiều người khiếp đảm, chỉ muốn chạy trốn khỏi “thiên đường Cộng Sản”.

Từ sau khi hạn ba trăm ngày chấm dứt, hàng ngày vẫn còn có những người dân miền Bắc lợi dụng bóng đêm, liều chết vượt sông Bến Hải để “tìm tự do”. Nguyên công việc xử lý những trường hợp này cũng gây cho chính quyền

nhiều phiền toái. Vì trong số những người này thế nào cũng có một số gián điệp CS trà trộn vào. Làm sao nhận diện được chúng mà không làm người không liên quan nản lòng, bất mãn. Hơn nữa ông Diệm còn có tham vọng tìm cách chinh phục những cán bộ Cộng Sản ấy nữa.

Trái với những hậu quả rừng rợn của “cải cách ruộng đất” ở bên kia sông Bến Hải, cuộc cải cách điền địa mà Tổng Thống Ngô Đình Diệm chủ trương và tiến hành đầy tính nhân đạo và công bình. Những điền chủ có trên một trăm mẫu tư điền sẽ trao lại cho chính phủ phân thặng dư để chia cho các tá điền và nông dân không có ruộng cấy. Họ sẽ được đền bù đúng mức về số ruộng bị “truất hữu” đó.

Chương trình cải cách điền địa đi song song với các chương trình khu dinh điền, khu trù mật, và chương trình định cư dân di cư đã cung cấp đất đai canh tác và chỗ ở cho khoảng 3 triệu trong số hơn 12 triệu dân miền Nam vào những năm 1958-1959.

Vùng cao nguyên, là nơi trước 1958 chỉ là đất hoang, nhưng được chính Tổng Thống coi như vùng chiến lược quan trọng về mặt quân sự, đến tháng 4 năm 1960 đã có 120 ngôi làng với khoảng 200,000 dân. Công cuộc định cư này theo Tổng Thống Diệm, chẳng những có lợi về kinh tế mà còn vô cùng cần thiết về mặt quân sự. Ông đã từng nói: Ai giữ được cao nguyên thì giữ được nước.

Vì vậy, Tổng Thống hay đi kinh lý lên vùng này. Năm 1957 ông đã đến chủ tọa một cuộc triển lãm, trưng bày thành quả của chương trình dinh điền tại thị xã Ban Mê Thuột. Ông đã bị ám sát hụt. Bộ trưởng Cải Cách Điền Địa

Đỗ Văn Công ngồi gán ông đã bị trọng thương. Nhưng ông bình tĩnh như chẳng có gì xảy ra, vẫn cho tiếp tục mọi nghi lễ theo đúng chương trình dự định. Ông còn tha chết cho kẻ sát nhân bị bắt liền tại chỗ.⁵³

Sự can đảm, bình tĩnh của ông đã được cả thế giới biết.

Ở đồng bằng sông Cửu Long công cuộc định cư cũng tiến hành tốt đẹp. Sông ngòi được mở rộng và đào thêm, đường xá được tu bổ và nối dài giúp cho việc lưu thông giao dịch giữa các làng xã. Lúa không những đủ nuôi dân mà còn dư để xuất cảng. (Năm 1959 miền Nam đã xuất cảng gần 400,000 tấn gạo.)



Hình 4: Tổng Thống Diệm với dân chúng Việt Nam.

Sau khi ông Diệm đã bị giết, một số nhà báo và sử gia Mỹ viết sách chê ông Diệm quan liêu, xa dân, suốt ngày ở trong dinh, chẳng biết dân tình ra sao. Nhưng các giới chức Mỹ tại Sài Gòn và tướng lãnh viên chức chính quyền gần ông Diệm đều nói về những cuộc đi kinh lý định kỳ và những cuộc xuất dinh bất thần⁵⁴ của ông. Ông thường mừng lễ Giáng Sinh hàng năm với binh sĩ tại những tiền đồn hẻo lánh.

Trong những lần đến thăm dân ở những vùng mới giải phóng khỏi sự kiểm soát của Cộng Sản, ông đã được dân vây quanh truyện trò với ông. Họ đã so sánh: Chúng tôi theo ông Hồ đã cả chục năm, mà có bao giờ thấy mặt ông ấy đâu. Thế mà ông này mới lên cầm quyền 10 ngày đã tới trò truyện với chúng tôi.⁵⁵

Cựu đại sứ Mỹ Frederick Nolting đã nhớ lại, những lần theo Tổng Thống Diệm đi kinh lý, mặc dù cao lớn khỏe mạnh hơn Tổng Thống nhiều nhưng bước theo ông muốn hụt hơi vì ông đi quá nhanh.⁵⁶ Những nhà báo vì ác cảm hay thành kiến đã bảo ông Diệm sống xa dân, ít khi ra khỏi dinh. Nhưng những người trung thực như đại sứ Nolting hay nữ ký giả Marguerite Higgins là người mà tạp chí Time và các binh nhì Mỹ mô tả rằng cô ta trang điểm bằng bùn, đất, nghĩa là luôn xông xáo đi tới tận những nơi đầm lầy, nước đọng để săn tin chiến sự và thôn quê, đã viết rằng hàng tuần Tổng Thống thường rời Sài Gòn hai, ba ngày để đi thăm các tiền đồn và vùng quê hẻo lánh tận Bến Hải hay Cà Mau để ủy lạo chiến sĩ, và để biết rõ dân tình.⁵⁷

Tổng Thống Diệm thích về thôn quê, vì ở đó ông được gần với những dân nghèo thương ông. Ông không có tài



Hình 5: Một chuyến kinh lý của Tổng Thống Diệm năm 1954.

nói lợi khẩu trước đám đông. Nhưng rất được lòng những nhóm nhỏ dân quê. Ông biết sở thích và ưu tư của họ. Và thường khuyến khích họ nêu những khó khăn, thắc mắc để ông tìm cách giải quyết tận tình. Chính vì vậy mà kết quả sau mấy năm cầm quyền ngắn ngủi, ông đã làm cho cuộc sống người dân miền Nam thay đổi hoàn toàn. Ngay một người chỉ trích nặng nề ông Diệm là Hồ Sỹ Khuê, trong tác phẩm đồ sộ *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm, và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*, ông ta gọi ông Diệm là toàn quyền, độc tài gia đình trị, đàn áp Phật Giáo, nhưng đã không thể nhắm mắt trước thực tế mà ông được chứng kiến về cảnh

trù phú thanh bình, tự do của người dân thường thấp cổ bé miệng. Ông Khuê viết:

“Nông thôn đang hồi thay đổi mạnh. Xưa miền Nam có người nghèo túng, tuy không hề biết cảnh “bần cố nông” của miền Bắc. Nay thì dân cây Nam Bộ không còn thiếu thốn quá đáng, háo hức theo cuộc sống có nhiều thay đổi. Cây tay đổi sang cây máy, phân hóa học thay phân tươi, sông rạch lưu thông đã có thuyền máy, có ghe đuôi tôm, nhà của bắt đầu có những tiện nghi tối thiểu, radio, tủ lạnh quạt máy, ti vi, dần dà gia đình nào cũng có một vài món làm vui. Cuộc sống hàng ngày con nhà nông không còn đâu vất vả tối quá đáng.

“Thanh niên miệt vườn dùng quen tay nên biết ham chuộng máy móc. Nhờ giao thông tiện lợi hơn xưa, nên rành cảnh sống phố phường, mà không phải so bì hơn kém. Giáo dục mở mang, trường ốc mở rộng thêm nhiều. Trẻ em miệt vườn trước không qua bậc tiểu học, nay đi vào trung học là chuyện bình thường. Báo chí sách vở lan tràn khắp nơi, mở rộng tầm hiểu biết phổ thông. Người lớn trẻ con đều thạo tin tức thế giới và chuyện xảy ra hàng ngày trong nước. Không còn mấy ai chìm trong vòng ngu tối nữa.”

(...)

“Nông thôn không bần cố. Thành thị cũng không bao giờ còn gọi là vô sản được. Đời sống thợ thuyền Nam Bộ, nói chung có nhiều triển vọng hơn xưa. Khác hẳn lớp cu li đồn điền đất đỏ, hay khu bến tàu Ba Son ngày trước. Sống ở thành thị họ đều có nhiều điều kiện hơn nông dân, để tân trang đời sống hằng ngày, trau chuốt ý thức, mở rộng kiến văn. Một số công chức ngày xưa, có khi là bác sĩ hay thú y, chán chế độ phong kiến, lách mình làm dân lao động, ảnh hưởng quanh quẩn trong các xóm bình dân, không phải ít.

“Tài xế tắc xi nhưng trưa đến không kể khách, nằm gác chân xem báo. Đạp xích lô, nhưng mỗi chiều ngồi nhậu nhẹt lai rai, bàn chuyện thời cuộc với xóm giềng. “Những cảnh như thế xóa sạch mọi đẳng cấp thấy thợ trong xã hội, tạo một không khí hòa đồng vươn cao. Con em gia đình lao động đã bắt đầu vào đại học, làm giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, sánh vai cùng bạn bè đồng lứa xuất phát từ đủ mọi thành phần xã hội.”

“Đây là những thành tựu xã hội có thể đưa ông Diệm đến thành công, nếu ông không làm toàn quyền.” (...)

“... Tình hình bấy giờ giải thích tâm lý hôm nay của một số người nuôi tiếc, nhất là các bà: “Ông Diệm còn tốt hơn ông Hồ nhiều.”

“Thực thế, dân miền Nam thời “Cộng Hòa Nhân Vị” 30 năm trước có một cuộc sống vật chất đầy đủ hơn thời xã hội chủ nghĩa ông Hồ 30 năm sau. Đầy đủ. Chưa đúng. Thừa thừa... “58

Những hàng trên, được viết ra bởi một người đứng hẳn về phe phê bình, chỉ trích chính quyền thiết tưởng đối với người bàng quan còn có giá trị hơn những thống kê về kinh tế, giáo dục... của chính quyền.

Sau đây là mấy con số thống kê, để giải thích hơn là bổ túc cho những điều một người chống ông Diệm mắt thấy tai nghe trong thực tế nêu trên.

Mặc dù ngoại viện đã giảm một nửa, (từ 300 triệu Mỹ Kim xuống còn 150 triệu vào năm 1960, để trải nghiệm chính sách tự túc của một nước Cộng Hòa mới), những thành quả về kinh tế, giáo dục đã đạt được như sau.

Cho đến tháng 5 năm 1961 hơn 210,000 người đã được định cư trong 147 địa điểm dinh điền trên diện tích 89, 126 mẫu tây.

19 khu trù mật theo hoạch định đã xây dựng xong. 457,149 mẫu tây (hectares) đất trùất hữu của 1584 gia đình địa chủ đã được chia ra cho 123,802 gia đình tá điền.

Riêng về số ấp chiến lược theo dự tính thì cần xây dựng 12.000 ấp. Và cho đến tháng 11 năm 1963 đã làm được 8.000, tức 2 phần ba trên toàn quốc.

Số lúa thu hoạch là 5,380,000 tấn. Xuất cảng gần 400,000 tấn.

Về y tế năm 1955 có 112 bệnh viện, năm 1960 tăng lên gấp 10 lần, nghĩa là 1126. Số giường từ 7000 tăng lên 20,824.

Về giáo dục, năm 1954 số người mù chữ (tuổi 13- 50) là 2,284,144 đến năm 1960 chỉ còn 778,453, trong tổng số dân cả miền Nam là 13,731,052, tức chỉ còn 5,6 phần trăm.

Về tiểu học công lập, niên khóa 1954-1955 có 1598 trường với 7,000 lớp. Tới niên khóa 1959-1960 có 4418 trường với 20,109 lớp cho 1,001,757 học sinh v.v...⁵⁹ Bậc trung học, đại học cũng có những tiến triển tương tự.

Ngoài việc mở rộng và cải tiến chương trình trường đại học Sài Gòn có từ thời Pháp thuộc, chính Tổng Thống Diệm đã chỉ thị, đôn đốc việc thành lập các đại học Huế và Đà Lạt. Ngày 1-3-1957 đại học Huế đã khai giảng với 500 sinh viên. Viện trưởng là linh mục Cao Văn Luận, và trong số 5 chục giáo sư thì có 4 linh mục và một người Công Giáo. Nhưng đây không phải là một đại học Công Giáo. Đại học Đà Lạt thì đến 1959 mới khai giảng. Đặc biệt hồng y Spellman khi tới thăm Việt Nam có tặng số tiền 25 ngàn Mỹ Kim. Giới Công Giáo địa phương cũng yểm trợ nhiều về tài chính.

Về khoa học kỹ thuật thì có Trung Tâm Kỹ Thuật Phú thọ được thành lập ngay từ năm 1956.

Và cũng năm đó là Trường Mỹ Thuật và học viện Quốc Gia Âm Nhạc.

Ngày 21-1-1956, lần đầu tiên tại thủ đô miền Nam, một dàn nhạc giao hưởng đại hòa tấu (Orchestre Symphonique) dưới sự tổ chức và điều khiển của các nhạc sư Nguyễn Phụng và Nguyễn Văn Diệm đã trình tấu trước công chúng để kỷ niệm 200 ngày sinh của Nhạc sĩ Mozart. Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã tới dự một cách lặng lẽ như một khán giả thường.

Ngoài những đại học và trung tâm kỹ thuật, văn hóa nói trên, Tổng Thống Diệm đã dành ưu tiên cho việc biến cải Trường Quốc Gia Hành Chính được thành lập tại Đà Lạt vào đầu năm 1953 thành Học Viện Quốc Gia Hành Chánh và dời về Sài Gòn (vào tháng 7 năm 1955) để ông có dịp trực tiếp giám sát. Những cố vấn Mỹ thuộc trường đại học Michigan là nơi ông Diệm đã từng là tham vấn trong những năm 1952-1953 đã giúp một cách đặc lực vào việc đào tạo cho Cộng Hòa Việt Nam những nhà lãnh đạo hành chánh tương lai. Nhưng ông luôn nhắc nhở cán bộ giảng huấn phải biết dung hòa, phối hợp quan niệm chỉ huy của Âu Mỹ với truyền thống Việt Nam.

Về mặt quân sự, Tổng Thống kiêm nhiệm bộ Quốc Phòng, nên ngay khi vừa về nước ông đã bổ nhậm một đại tá (Phạm Văn Cầm) Việt Nam thay thế một thiếu tá Pháp (Bouillet) làm chỉ huy trưởng trường Sĩ Quan Trù Bị Thủ Đức, rồi đổi danh thành Liên Trường Võ Khoa. Từ đó tất cả tài liệu giảng huấn và văn thư nội bộ đều được soạn

thảo bằng tiếng Việt. Các sĩ quan Việt Nam dần dần thay thế hoàn toàn các sĩ quan Pháp. Chính kẻ viết những hàng chữ này đã là một trong số những sĩ quan huấn luyện viên chuyển tiếp từ giảng huấn bằng tiếng Pháp sang tiếng Việt, và cũng là người đầu tiên dịch các văn thư từ Pháp ngữ sang Việt văn. Trường Võ Bị Quốc Gia được Tổng Thống đặc biệt lưu tâm. Cựu đại sứ Mỹ Frederick Nolting đã thuật lại rằng ông đã được Tổng Thống cho xem đồ án kiến trúc trường mới do chính Tổng Thống là tác giả. Ông nói (nịnh?) với Tổng Thống Diệm rằng, nếu thấy đồ án này, Phó Tổng Thống Lyndon B. Johnson sẽ có thể gọi Tổng Thống Diệm là Thomas Jefferson của Việt Nam. Vì vị Tổng Thống tác giả Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ từng nổi tiếng là một kiến trúc sư. Tưởng cũng nên nhắc lại rằng Phó Tổng Thống Johnson đã gọi Tổng Thống Diệm là Churchill của thập kỷ tại Á Châu. Và cũng ví ông với hai vị tổng thống Mỹ nổi tiếng khác là Andrew Jackson và Woodrow Wilson (giải Nobel Hòa Bình).⁶⁰ Những thành quả về ngoại giao cũng như nội trị của ông Diệm khiến một số người kinh chống ông ghen ghét và mất sáng suốt. Thay vì cố gắng thi đua để dành thắng lợi trong cuộc bầu cử sắp tới vào năm 1961, họ đã vọng động làm cuộc đảo chính vào ngày 11-11-1960. Nhưng đã không thành công. Tiếc rằng ngoài những sĩ quan đứng đầu cuộc binh biến như 2 trung tá Vương Văn Đông, Nguyễn Triệu Hồng, còn có những khuôn mặt chính trị đảng phái lớn dính líu vào, như các ông Hoàng Cơ Thụy, Phan Quang Đán, Nguyễn Tường Tam tức nhà văn nổi tiếng Nhất Linh.⁶¹

Đây là một lời cảnh báo đối với ông Diệm về những cáo buộc ông chuyên quyền, không chịu mở rộng chính phủ

cho các đảng đối lập mà tuyên cáo của nhóm Caravelle đã đưa ra lời yêu cầu trước đó nửa năm.⁶²

Ngẫu nhiên (?) mà trước đó hai tháng, ngày 10-9-1960, đại hội III của đảng CS đã lấy nghị quyết “cần làm cách mạng giải phóng, lật đổ chính phủ bù nhìn miền Nam”.

Có thể là vô tình, và chỉ là tình cờ mà cuộc đảo chính của Nguyễn Triệu Hồng và Vương Văn Đông đã đáp ứng lời kêu gọi đó.

Chỉ một tháng sau ngày đảo chính hụt, những cán bộ cốt cán của Bắc Việt đang hoạt động tại miền Nam như Huỳnh Tấn Phát, Nguyễn Văn Hiếu, Ung Ngọc Kỳ, Trần Bửu Kiếm đứng ra lập “mặt trận Dân Tộc Giải Phóng” (20-12-1960). Họ đã mời, dụ được một số trí thức tham gia. Trong số này có 2 luật sư Nguyễn Hữu Thọ, Trịnh Đình Thảo, về sau có thêm nữ bác sĩ Dương Quỳnh Hoa và kỹ sư Trương Như Tảng.

Từ đây ông Diệm đã phải lao tâm khổ trí để đối phó với kẻ thù trên nhiều mặt trận phức tạp. Cộng quân tăng gia phá rối, bắt cóc, ám sát, khủng bố các viên chức chính quyền ở thôn xã. Tình trạng bất an ở nông thôn khiến nhiều nông dân phải lánh về thành phố.

Ngày 2-10-1961, ông tuyên bố tại quốc hội: “*Cuộc chiến mà chúng ta phải đương đầu không còn phải là chiến tranh du kích nữa mà là một một cuộc chiến qui ước với những đơn vị được vũ trang và nhận lệnh của Quốc Tế Cộng Sản.*”

Về phía nội bộ, sau vụ Caravelle và đảo chính hụt, lại đến vụ dinh Độc Lập bị ném bom trong tháng 2 năm 1962. Tổng Thống không hề hấn gì, nhưng bà Ngô Đình Nhu và vài binh sĩ bị thương nhẹ. Dinh Độc Lập bị hư hại

nặng phải sửa chữa. Từ đó phủ Tổng Thống rời sang dinh Gia Long lúc đó đang là dinh Quốc Khách. Chỉ hai giờ sau Tổng Thống đã lên đài trấn an mọi người. Ông nói các bạn đồng ngũ của hai thủ phạm không liên can. Ông cũng không cách chức tư lệnh Không Quân. Người ngoại quốc khen ông can đảm và bình tĩnh.⁶³

Nhưng cũng có người phê bình ông quá nhân từ, nếu không muốn nói là mềm yếu. Vì thậm chí ông đã không cho truy tố viên phi công bị bắt sau đó. Lại nhớ tới tên Hà Minh Trí ám sát hụt ông trong cuộc triển lãm ở Ban Mê Thuột 5 năm trước mà ông đã tha chết. Và vụ ông Trần Diễm trưởng nhóm phản loạn thuộc một hệ phái Đại Việt đã lãnh đạo cuộc nổi dậy chống chính phủ ở Ba Lòng trước đó 7, 8 năm. Ông Diễm cũng đã không bị xử. Nhưng rồi đã bị Việt Cộng giết trong dịp Tết Mậu Thân (1968).

Sở dĩ ông Diệm không nỗ lực tay với những phần tử phản loạn là vì ông thấy Việt Cộng mới là kẻ thù của toàn dân. Mà vào lúc này đây, sau khi chúng đã thành lập được mặt trận làm cái bình phong, và bung xung rồi, thì Hà Nội đã ngấm ngấm chuyển dần vào Nam hàng ngàn binh sĩ chính quy. Những binh sĩ này trở thành lực lượng chính yểm trợ và bảo vệ hàng chục ngàn du kích quân chuyên đi ám sát, bắt cóc các viên chức trung thành và đặc lực của chính phủ tại các thôn xã. Chỉ trong sáu tháng đầu năm 1962 đã có 500 viên chức bị ám sát. Khi thấy chính quyền xã nao núng không còn đủ sức tự bảo vệ, VC sẽ tiến tới việc thu thuế, quyền gạo, quyền tiền, bắt thanh niên đi lính cho chúng.



Hình 6: Ông Ngô Đình Nhu thăm ấp chiến lược ngày 31-3-62.

Nhìn trước thấy nguy cơ đó, Tổng Thống đã chỉ thị bào đệ là ông Ngô Đình Nhu âm thầm nghiên cứu kế sách Ấp Chiến Lược, dựa trên những nghiên cứu về các “Ki-bút” (kibboutz) của Do Thái và các sách lược chống cộng của Mã Lai, của Phi Luật Tân. Rồi muốn cho Hoa Kỳ khỏi nghi ngờ, anh em Tổng Thống Diệm đã mời Sir Robert Thompson từng là bộ trưởng Quốc Phòng Mã Lai Á, cựu thuộc địa của Anh sang làm cố vấn về Ấp Chiến Lược. Ông này đã cùng ông Nhu trình lên Tổng Thống Diệm duyệt xét và chính thức đưa kế sách ACL lên thành quốc sách.

Từ đó Hoa Kỳ cũng ủng hộ và viện trợ cho quốc sách này. Rufus Phillips được cử làm cố vấn Mỹ. Kết quả là trong vòng một năm, kể từ khi các ACL được bắt đầu xây dựng (đầu năm 1962) đến đầu năm 1963, các cuộc ám sát, bắt cóc, khủng bố tại nông thôn đã giảm trên phân nửa.

Nếu Đệ Nhất Cộng Hòa không bị lật đổ, và/hoặc quốc sách ACL không bị các tướng đảo chính hủy bỏ liền sau đảo chính, thì rất có triển vọng nó sẽ làm CS điều đúng.

Nhưng tiếc thay, Tổng Thống Diệm và ông Nhu đã bị thảm sát.

Những nhân tố dẫn đến đảo chính và thảm sát

Theo thiển kiến, bốn nhân tố sau đây dẫn đến đảo chính.

- Một số giới chức cao cấp trong bộ ngoại Hoa-Kỳ và mấy nhà báo trong nhóm gọi là nhóm Diem-Must-Go (Diệm Phải Xuống), trong đó đứng đầu là thứ trưởng ngoại giao Averel Harriman và phụ tá ngoại trưởng Roger Hilsman nhất định bằng mọi cách lật Tổng Thống Diệm. Sát cánh cùng với Harriman và Hilsman là những nhà báo thường ca tụng ông Hồ như David Halberstam, Neil Shseechan. Tay David đã dám bịa chuyện chính quyền Ngô Đình Diệm giết 4 nhà sư. Nhưng phái đoàn Liên Hiệp Quốc đã phỏng vấn “những người chết” này trong cuộc điều tra. (Xin xem Phần IV)

- Một vài nhà sư bỏ tinh thần Phật pháp dẫn thân vào chính trị, lợi dụng một sơ sót nhỏ của phủ Tổng Thống để thổi phồng lên, rồi kích động Phật tử và sinh viên học sinh trẻ người non dạ nghe theo để cũng bằng mọi cách lật cho bằng được Tổng Thống Diệm.

- Một số chính khách thuộc các đảng đã từng làm loạn chống chính phủ Ngô Đình Diệm ngay trong 2 năm đầu ông mới về nước, nên bị ông nghi ngờ không trọng dụng. Họ bất mãn và dùng các nhà báo Mỹ còn quá trẻ (ở lớp tuổi ngoài đôi mươi) như David Halberstam và Neil Sheehan

làm cái loa bù lu bù loa lên rằng ông Diệm độc tài, đàn áp đối lập và Phật Giáo.

- Một vài tướng tá, như Dương Văn Minh, Đỗ Mậu... ít học, nhưng nhiều tham vọng, bất mãn, lại dễ bị mua chuộc sẵn sàng theo lệnh ngoại bang nhận tiền của Mỹ để làm liều.

Bốn thành tố trên phối hợp hành động cùng lúc tấn công một vị Tổng Thống nhận viện trợ của Mỹ, biết ơn Mỹ, dùng viện trợ của Mỹ mở mang các tôn giáo. Chỉ nói riêng Phật Giáo đã từng được chính phủ cấp đất cho xây chùa, khuyến khích giúp đỡ cho hàng nghìn chùa trùng tu xây mới chỉ trong mấy năm. Cho phép tăng lữ xuất ngoại du học.

Harriman là người thù ông Diệm vì vụ trung lập hóa Ai Lao. Ông Diệm, cũng như cựu Tổng Thống Dwight Eisenhower, đều coi Ai Lao như cửa ngõ để CS Bắc Việt xâm nhập miền Nam Việt Nam. Ông cực lực chống việc trung lập hóa Ai Lao vì biết chắc chắn Bắc Việt sẽ không bao giờ tôn trọng hiệp ước đã ký. Chúng sẽ để quân lại, đem thêm quân vào y như chúng đã vi phạm thỏa ước Genève 1954. Còn các nước Tây phương thì vì lương tâm, vì tính lương thiện sẽ không dám vi phạm, không dám đem quân vào đuổi Cộng quân Bắc Việt đi. Như vậy coi như thế giới tự do mất Ai Lao cho Cộng Sản.

Nhưng Harriman không thể nhìn ra âm mưu của CS như Tổng Thống Diệm. Vì vậy sau một cuộc tranh luận gay gắt và bị Tổng Thống Diệm nặng lời, Harriman đã lãnh đạo phụ tá Hilsman, nhân viên hội đồng An Ninh Quốc Gia Forestal, và những nhà báo trẻ nói trên lập thành nhóm

“Diem-Must-Go”, nhất quyết phải hạ cho bằng được ông Diệm, dù phải xảo trá, lươn lẹo, đánh lừa, vu khống...

Họ biết ông Diệm cần ông Nhu. Ông Nhu chẳng những là người thảo diễn văn cho Tổng Thống, còn là người phụ tá đắc lực về nhiều vấn đề. Thấy công việc ông làm, người ta đã gọi ông là cố vấn của Tổng Thống. Chứ ông chẳng bao giờ lãnh lương cho cái chức cố vấn này. Vì cũng chẳng có văn thư chính thức nào về cái chức ấy. Trừ sau này khi Quốc Sách Ấp Chiến Lược được chính thức ban hành thì ông Nhu là chủ tịch chính thức của ủy ban liên bộ về ACL.

Ngoài ra ông Nhu là tổng bí thư của “Cán Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng”, tuy ít cán bộ, nhưng cũng là tai mắt cho chế độ. Họ cũng biết ông Nhu rất yêu vợ. Nên họ tấn công trước tiên vào bà Nhu. Rồi họ yêu cầu chính quyền Mỹ làm áp lực với Tổng Thống Diệm, buộc ông phải đưa ông bà Nhu, hay trước tiên đưa bà Nhu ra nước ngoài, coi như chặt một cánh tay của ông Diệm.

Họ cố tình tạo ra dư luận làm hại đến thanh danh của bà Nhu, vin vào một vài lời tuyên bố của bà để hạ uy tín của Tổng Thống. Tuy một vài lời tuyên bố của bà Nhu được nhiều người coi như đổ thêm dầu vào lửa, nhưng cũng có nhà báo đánh giá là chính xác và độc đáo. Chẳng hạn câu bà nói ở Los Angeles sau khi nghe tin chồng và Tổng Thống bị giết: “Sẽ không có đảo chính, nếu Hoa Kỳ không khuyến khích hay tiếp tay.” Nhà báo Bouscaren đã bảo ngay những kẻ chỉ trích bà nặng nề nhất, kể cả báo chí Mặc Tư Khoa cũng phải đồng ý với bà.⁶⁴

Dĩ nhiên Tổng Thống không thể nhượng bộ. Trước hết ông bà Nhu không có lỗi lầm gì. Thứ hai ông Nhu là một



Hình 7: Bà Ngô Đình Nhu.

phụ tá, một cố vấn đặc lực. Chỉ có ông Nhu nắm vững lý thuyết chính trị và chiến lược sách lược của Tổng Thống.

Còn nhà sư Thích Trí Quang, thì liền sau khi Việt Cộng chiếm được miền Nam, thống nhất hai miền, đã lộ nguyên hình là người của CS. Cho đến giờ phút này, trong khi Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất bị Cộng Sản bách hại, tàn bạo. Có khi nào ông tổ chức sự tụ thiêu để phản đối không? Có khi nào ông lên tiếng bênh vực giáo hội không?

Nhà sư này đã lợi dụng một lỗi lầm nhỏ của phủ Tổng thống, về việc treo cờ Phật Giáo để làm to chuyện.⁶⁵

Ông muốn mượn đài phát thanh Huế để lớn tiếng đả kích chính phủ. Khi quản đốc đài không cho phát thanh bài của ông, ông bèn hô hào một số đông gồm cả nhiều phụ nữ và trẻ em⁶⁶ đến biểu tình trước đài phát thanh

Huế. Họ đe dọa nếu không cho phát bài của TT Trí Quang thì sẽ phá đài. Quản Đốc đài (một Phật tử) sợ quá bèn báo cáo lên tỉnh trưởng (cũng Phật tử). Tỉnh trưởng báo cáo lên đại biểu chính phủ Hồ Đắc Khương (cũng Phật tử). Một phó tỉnh trưởng (Đặng Sỹ, Công Giáo) nhận lệnh của đại biểu chính phủ đưa quân đến bảo vệ đài Phát Thanh.

Trong cuộc biểu tình và chống biểu tình này đã xảy ra tai nạn là có 9 người chết gồm một phụ nữ và 8 trẻ em. Phía chính quyền địa phương cho rằng do lựu đạn của Việt Cộng. Phía thượng tọa Thích Trí Quang thì khẳng định do xe tăng và lựu đạn của Đặng Sỹ. Tiến sĩ Cao Thế Dung, trong cuốn *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống* (viết chung với Lương Khải Minh, tức bác sĩ Trần Kim Tuyến), thì cho rằng do một loại chất nổ cực mạnh mà lúc ấy chỉ CIA có được. Ông còn nêu rõ tên người cung cấp thứ chất nổ đó là đại úy Scott.⁶⁷

Nữ ký giả Ellen Hammer cũng trích lời của một giới chức CIA, từng hoạt động ở Việt Nam và có liên hệ với nhóm đảo chính nên đã bị trục xuất về Mỹ. Đó là George A. Carver. Theo Hammer thì ông này khi đã giữ chức vụ quan trọng trong CIA đã viết: “Tia lửa châm ngòi thuốc nổ ở Huế ngày 8-5-1963 đã được phát động dưới những hoàn cảnh mà chi tiết của chúng sẽ mãi mãi là những vấn đề tranh cãi.”⁶⁸

Tuy lỗi không phải của chính phủ, nhưng Tổng Thống cũng đã cho lập ủy ban hòa giải, gồm đại diện của chính quyền do phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ lãnh đạo và đại diện của các phe phái Phật Giáo do Thượng Tọa Thích Thiện Minh cầm đầu. Ngày 16-6-63 liên ủy ban đã ra một

thông cáo, theo đó những đòi hỏi của phía Phật Giáo đã được thỏa mãn và chính phủ đã sẵn sàng bồi thường cho những nạn nhân. Nhưng các nhà sư làm chính trị do Thượng Tọa Thích Trí Quang cầm đầu lại “đứng ngoài và trên ủy ban liên phái”, luôn dồn chính quyền vào chỗ không thể giải quyết được. Vì thực ra họ chỉ muốn lật Tổng Thống Diệm thôi. Ông đã tinh khôn chỉ định Thượng Tọa Thiện Minh thay mặt ông, chứ ông không chịu ra mặt để thảo luận với đại diện của chính quyền.

Đáng tiếc là tòa đại sứ Mỹ đã đứng hẳn về phía họ, cho lãnh tụ Thích Trí Quang ẩn náu trong tòa đại sứ khi chính quyền muốn bắt giữ nhà sư này. Chính quyền biết rõ một khi mất lãnh tụ thì cuộc nổi loạn sẽ bị dẹp tan.⁶⁹

Những cáo buộc về sự kỳ thị, đàn áp, bất công của Tổng Thống Diệm đối với Phật Giáo dựa vào mấy sự kiện sau đây thường không được quần chúng hiểu biết nguồn gốc và lý do xác đáng.

Trước hết là dụ số 10, do Quốc Trưởng Bảo Đại ký ngày 6-8-1950. Phe tranh đấu Phật Giáo kết tội Tổng Thống Diệm cố tình duy trì dụ đó, không cho Phật Giáo phát triển. Vì dụ đó chỉ coi Phật Giáo chỉ như một hội.

Tại sao không trách người ký dụ này là ông Bảo Đại và chính phủ của ông, gồm đại đa số là Phật tử? Nếu muốn có một luật khác hủy bỏ đạo dụ số 10, thiết nghĩ Phật Giáo nên nêu vấn đề với quốc hội. Vì quốc hội mới có quyền lập pháp. Tổng Thống chỉ ban hành. Nếu các nhà sư nêu lên sớm hơn, có thể đã có một đạo luật mới thuận lợi hơn cho Phật Giáo.

Người ta cũng trách Tổng Thống dùng toàn người Công Giáo và gia đình, không dùng người Phật Giáo. Nhưng hãy

xem xung quanh Tổng Thống, ban tham mưu của ông gồm đồng lý, phó đồng lý, chánh văn phòng, chánh võ phòng, tổng thư ký và bí thư lại toàn là Phật tử. Phó Tổng Thống, Tổng Tham Mưu Trưởng, tổng trấn Sài Gòn Gia Định, bộ trưởng Quốc Phòng và bộ trưởng phủ Tổng Thống, bộ trưởng Ngoại giao là những bộ quan trọng nhất, đều là Phật tử. Đa số tỉnh trưởng, đa số tướng lãnh có quyền hành nhất đều là Phật tử. Dĩ nhiên cũng có nhiều người Công Giáo. Nhưng bảo Tổng Thống Diệm chỉ dùng Công Giáo là một sự xuyên tạc có mục đích khích động lòng hận thù trong giới Phật tử chẳng những đối với Tổng Thống Diệm mà có thể còn cả với đạo Công Giáo.⁷⁰



Hình 8: Bà Suzanne Labin phỏng vấn Tổng Thống Diệm.

Những luận điệu như thế đã được những phóng viên Mỹ trong nhóm “Diem-must-go” chuyển tải tới dân chúng Mỹ và thế giới, kèm theo những tin tức về vụ đàn áp biểu tình của Phật tử trước đài Phát Thanh Huế.

Để giải quyết vấn đề càng ngày càng trở nên căng thẳng, phức tạp, Tổng Thống đã chỉ thị chính phủ thành lập một ủy ban liên bộ đại diện chính quyền. Ông cũng yêu cầu tổng hội Phật Giáo Việt Nam lập một ủy ban liên phái đại diện cho Phật Giáo. Hai bên sẽ họp lại để thảo luận tìm giải pháp thỏa đáng.

Những cuộc thảo luận giằng co chưa đi đến kết quả nào, vì phía Phật Giáo, do Thượng Tọa Thích Thiện Minh làm chủ tịch, theo chỉ thị của sư Thích Trí Quang, luôn đưa ra những yêu sách dồn chính phủ vào ngõ bí. Vì thực ra phe Phật Giáo Tranh Đấu chỉ muốn lật đổ chính phủ, chứ không muốn hòa giải.

Trong khi đó vụ hòa thượng Thích Quảng Đức tự thiêu ở góc đường Lê Văn Duyệt và Phan Đình Phùng trước tòa đại sứ Cam Bốt ngày 11-6-1963 đã làm rung động dư luận thế giới, bất lợi hoàn toàn cho chính phủ.⁷¹ Tiếp đến là vụ Quân Đội và Cảnh Sát kiểm soát 14 chùa trên toàn quốc trong ngày 21-8-63, trong đó quan trọng nhất là chùa Xá Lợi tại Sài Gòn, nơi sư Thích Trí Quang dùng làm tổng hành dinh điều hành, phối hợp các hoạt động chống chính quyền,⁷² và chùa Từ Đàm ở Huế.

Cuộc kiểm soát chùa Từ Đàm do Tướng Đỗ Cao Trí đích thân chỉ huy.

Việc lục soát 14 ngôi chùa (toàn quốc có 4766 chùa) là do 10 tướng lãnh trong quân đội, trong đó cả Tổng Tham Mưu Trưởng Trần Thiện Khiêm và Tham Mưu Trưởng Trần Văn Đôn đề nghị với Tổng Thống nhằm chấm dứt những vụ bạo động, gây rối từ đó phát ra khiến nguy hại đến công cuộc chiến đấu chống Cộng Sản.

Trước khi chấp thuận Tổng Thống đã buộc họ phải hòa giải trước, và phải tránh đổ máu. Ông cũng mong rằng hành động bất đắc dĩ đó sẽ đưa các sư thích làm chính trị ra khỏi chính trị để trở về với tôn giáo.

Sau vụ lục soát chùa, bắt giữ một số người cạo tóc đầu nhưng không có tên trong Chùa tối hôm đó, và liền sau khi an ninh công cộng được tái lập, các cơ quan an ninh trả tất cả sư bị giữ lại cho các chùa gốc. Nhưng có một số không thuộc chùa gốc nào cả, vì các chùa và cả ủy ban liên phái cũng không nhận họ. Những người này đã bị giữ lại, vì bị tình nghi là Việt Cộng trá hình trà trộn vào các chùa. Số người trốn đầu mà không được chùa nào nhận này khoảng từ 200 đến 300!

Nhưng các ký giả Mỹ đã loan đi rằng vụ Quân Đội kiểm soát 14 chùa là cuộc đàn áp dã man do ông Ngô Đình Nhu chủ trương và đích thân điều khiển nhằm bách hại Phật Giáo.

Họ lại đòi Tổng Thống phải cho ông Nhu ra nước ngoài. Nhưng không bao giờ ông Diệm bỏ người em vì áp lực ngoại bang. Chính lúc gian nguy, phải rời dinh Gia Long lánh vào Chợ Lớn, ông Nhu đề nghị để hai anh em mỗi người đi một ngả, hầu nếu một người bị hại, thì còn người kia. Ông Diệm cũng không nỡ xa em trong hoạn nạn.

Sau vụ kiểm soát các chùa, được báo chí Mỹ làm rùm beng, chính nhạc phụ của ông Ngô Đình Nhu là đại sứ Trần Văn Chương và ngoại trưởng Vũ Văn Mẫu đã từ chức. Tổng Thống Diệm hết sức buồn về chuyện này. Cũng chính sau vụ này bộ ngoại giao Mỹ đã có văn thư gửi tòa đại sứ ở Sài Gòn để ngày 24-8-1963 cho phép đại sứ Cabot Lodge bật

đèn xanh cho nhóm tướng lãnh.⁷³ Rồi ngay ngày hôm sau, 25 tháng 8 đài VOA, tiếng nói Hoa Kỳ, gián tiếp khuyến khích đảo chính, bằng cách loan tin Chính Phủ Hoa Kỳ có thể cắt viện trợ cho Sài Gòn.

Những biến cố dồn dập ấy tưởng có thể làm nổ tung bộ óc và con tim của một người thông minh, can đảm. Nhưng Tổng Thống Diệm vẫn điềm tĩnh.

Ông đã chấp thuận đề nghị của đại sứ Bửu Hội ở Maroc mời Liên Hiệp Quốc cử một phái đoàn tới Việt Nam điều tra để làm sáng tỏ vấn đề khủng hoảng Phật Giáo.

Kết quả, phái đoàn báo cáo: Không có đàn áp hay kỳ thị. Nhưng trước khi báo cáo về tới Nữu Ước, thì cuộc đảo chính đã xảy ra. Tổng Thống và cố vấn chính trị đã bị hạ sát.⁷⁴

Đại sứ Cabot Lodge đã đánh hơi thấy nguy cơ cuộc đảo chính không thể tiến hành, nếu Liên Hiệp Quốc và chính phủ Hoa Kỳ được thông báo về kết quả cuộc điều tra. Ông phái ngay trung tá Lou Conein tiếp xúc với tướng Đôn, một bạn học và cùng sinh quán là Pháp Quốc để nổ súng ngay ngày 1-11-63.⁷⁵

Vì Tổng Thống Diệm hay bất thỉnh linh đi kinh lý xa Sài Gòn, nên muốn ăn chắc ông Lodge đã cẩn thận giữ Tổng Thống tại dinh Gia Long bằng cuộc viếng thăm của đô đốc Felt.

Cuộc đảo chính đã được chuẩn bị chu đáo. Trước đó tư lệnh Hải Quân đại tá Hồ Tấn Quyền đã bị dụ ra khỏi bộ tư lệnh rồi bị giết. Tư lệnh lực lượng đặc biệt, đại tá Lê Quang Tung, và tư lệnh lữ đoàn phòng vệ phủ tổng thống trung tá Nguyễn Ngọc Khôi đã bị giữ tại bộ tổng tham mưu. Rồi

sau đó một trong hai người (đại tá Tung) đã bị lôi ra giết bên ngoài. Sư đoàn 7 và quân đoàn IV do hai tướng trung thành với tổng thống nhất là Bùi Đình Đạm và Huỳnh Văn Cao đã bị vô hiệu hóa bởi đại tá Nguyễn Hữu Có. Ông Có được giao chỉ huy một đại đơn vị thuộc Quân Đoàn IV, nhận lệnh của Tổng Tham Mưu Trưởng hân ngữ ở bến đò Mỹ Thuận, không cho quân trung thành kéo về Sài Gòn.

Đại sứ Mỹ Cabot Lodge, cẩn thận hơn, đã cử trung tá Lou Conein mang tiền và máy liên lạc đến ngôi ngay tại văn phòng của Tổng Tham Mưu Trưởng, khích lệ, canh chừng và làm liên lạc viên giữa bộ chỉ huy đảo chính với tòa đại sứ.⁷⁶

Vào 4:30 chiều 1-11-63, Tổng Thống Diệm gọi hỏi ý đại sứ Cabot Lodge về quan điểm của chính phủ Hoa Kỳ đối với cuộc binh biến vừa bắt đầu. Ông Lodge thoái thác, trả lời mình không biết gì, và không hỏi ý Hoa Thịnh Đốn được vì giờ này ở đó mới 4:30 sáng. Đặc biệt đáng nói, là ông đã khuyên Tổng Thống Diệm đi ra nước ngoài với máy bay của tòa đại sứ đang có sẵn! Với đề nghị này ông đã gián tiếp thú nhận ông đã biết tất cả, và đã nắm chắc thành công. Tổng thống chỉ nói ông đang cho tái lập trật tự.⁷⁷

Cựu đại tá Nguyễn Hữu Duệ, nguyên tham mưu trưởng Lữ Đoàn Liên Binh Phòng Vệ Phủ Tổng Thống khi còn sinh thời đã cho người viết hay, khi biến cố xảy ra ông, với tư cách là Thiếu Tá quyền tư lệnh – trong khi tư lệnh Trung Tá Nguyễn Ngọc Khôi đi họp và bị giữ tại bộ Tổng Tham Mưu– đã điện thoại xin phép Tổng Thống đưa thiết giáp lên áp đảo các tướng đảo chính tại bộ Tổng Tham Mưu. Nhưng Tổng Thống không chấp thuận. Trong cuộc

trả lời phỏng vấn của người viết đầu năm nay, ông Cao Xuân Vỹ được hỏi đã xác nhận, lúc ông Duệ điện thoại vào dinh xin gặp Tổng Thống, chính ông Vỹ đang có mặt bên cạnh Tổng Thống và ông Cố Vấn Ngô Đình Nhu. Ông Vỹ đã nghe điện thoại và trình Tổng Thống. Tổng Thống không chấp thuận.

Sau đó, đến lúc nguy kịch hơn, có một đại đội thuộc Lực Lượng Đặc Biệt, tình cờ vừa đi hành quân về Sài Gòn, biết có biến đã xin thượng cấp đến bao vây bộ Tổng Tham Mưu. Thiếu tá Nguyễn Văn Phú, (sau này là Trung Tướng tư lệnh quân đoàn II) trong bộ tham mưu Lực Lượng Đặc Biệt đã điện vào dinh xin lệnh của Tổng Thống, cũng không được chấp thuận.

Đến tối, thấy liên lạc với các quân khu không có kết quả, Tổng Thống và ông Cố Vấn đã lên một chiếc xe Citroen do ông Cao Xuân Vỹ cung cấp, và do Thiếu Tá Phước lái vào Chợ Lớn tạm trú ở nhà một bang trưởng người Hoa tên là Mã Tuyên, một thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa địa phương.

Đi theo Tổng Thống và ông Cố Vấn duy nhất có một trung úy Đỗ Thọ là cháu của đại tá Đỗ Mậu. Trung úy Thọ được Tổng Thống tin dùng và cho đi theo xách cặp cho ông là một Phật tử. Sau khi Tổng Thống mất rồi, anh đã viết *Nhật Ký Đỗ Thọ*, bày tỏ hết lòng kính mến và thương tiếc Tổng Thống như một người cha.

Trung úy Thọ rất lấy làm ngạc nhiên và cảm phục khi thấy trong lúc nguy nan như vậy mà Tổng Thống vẫn điềm tĩnh ngồi uống trà. Anh còn tiên đoán về sau lịch sử sẽ coi Tổng Thống Diệm như Abraham Lincoln của Hoa Kỳ. Anh viết:

“Nhưng lạ lùng thay, Tổng Thống Diệm thản nhiên ngồi uống trà. Phải chăng Tổng Thống đang nghĩ tới cuộc đời tiên thánh ở thế giới bên kia, xứng đáng là một Tổng Thống Ngô Đình Diệm bất diệt ngàn đời.”⁷⁸

Đêm 1-11-63 chính trung úy Thọ đã nhận lệnh của Tổng Thống để liên lạc với chú của anh là đại tá Đỗ Mậu và tướng Trần Thiện Khiêm để nhắc họ cho xe đến đón tổng Thống vì ông đã bằng lòng tới trao quyền lại cho các tướng đảo chính để tránh đổ máu.

Sáng sớm hôm sau Tướng Dương Văn Minh sai tướng Mai Hữu Xuân dẫn đầu một đoàn xe vũ trang đến nhà thờ cha Tam ở Chợ Lớn để đón Tổng Thống. Tổng Thống và ông Nhu đã tới nhà thờ này vào sáng sớm để dự lễ cầu hồn. Cùng đi trong đoàn xe này có cả đại úy Nguyễn Văn Nhung là cận vệ trung thành của tướng Minh.

Khi đến nhà thờ, tên Nhung đã xô Tổng Thống và ông Cố Vấn lên xe thiết giáp. Và đến nửa đường thì y hạ sát 2 ông.⁷⁹

Khi đoàn xe về đến bộ Tổng Tham Muu, tướng Minh thấy xác hai ông bèn tuyên bố với báo chí, hai ông đã tự sát. Nhưng ai nhìn thấy thi thể hai nhà lãnh đạo bị trói và thân mình đầy những vết đạn lẫn vết dao găm hay lưỡi lê thì biết ngay các tướng đã nói dối. Một trong những người nhìn thấy trước tiên điều đó là viên trung tá Mỹ Lou Conein.

Tin hai ông Diệm Nhu tự sát đến tai Tổng Thống Mỹ Kennedy, ông liền đứng bật dậy, lộ vẻ sùng sốt và nói không thể nào hai người ngoan đạo ấy lại chọn cái chết như vậy được. Sau đó ông cũng nói:

“Ông ấy đã chiến đấu cho xứ sở mình suốt 20 năm ròng và không thể để sự việc kết thúc như thế này được.”⁸⁰

Nhưng trước mắt, nó đã kết thúc như thế đó. Tổng Thống Kennedy hẳn là phải ăn năn hối hận lắm. Vì dẫu sao, những lỗi lầm của mấy nhân viên chớp bu của bộ Ngoại Giao (George Ball, Averell Harriman, Roger Hilsman), và của Đại sứ Cabot Lodge đã đổ hết lên đầu ông. Tội quy vu trường.

Chỉ ba tuần sau, tới lượt Tổng Thống Hoa Kỳ bị ám sát. Có ý kiến cho rằng cả hai vị Tổng Thống đều không muốn đưa quân Mỹ ồ ạt vào Việt Nam. Tổng Thống Việt Nam còn muốn đề nghị Mỹ rút bớt cố vấn. Và phái đoàn McNamara - Taylor do Tổng Thống Kennedy phái sang Việt Nam, nhận định tình hình năm 1963 cũng xác nhận, tình hình khả quan và năm sau có thể rút 1000 cố vấn về nước. Và Tổng Thống Kennedy cũng tán thành nhận định ấy.⁸¹

Phải chăng vì thế mà tập đoàn siêu quyền lực muốn mở rộng chiến tranh để tiêu thụ vũ khí cũ, và/hoặc thí nghiệm vũ khí mới... đã ra tay hạ sát cả hai ông, mỗi người bằng một cách khác nhau?

Tổng thống Mỹ đã được an táng như một anh hùng. Còn đám tang của Tổng Thống Diệm và bào đệ thì chỉ có người cháu gái và chồng là cựu bộ trưởng phụ tá Quốc Phòng Trần Trung Dung và vài người thân khác. Tuy nhiên cả hai vị tổng thống đều được người dân thường khốc thương như nhau.

Về hậu quả của cái chết của Tổng Thống Diệm, thì ai nấy đều đã biết. Ở đây chúng tôi chỉ xin nêu lên một ý kiến của nhà báo thuộc phe Cộng là Wilfred Burchett đã nói

với một nhà báo Mỹ có uy tín là Keyes Beech, đặc phái viên của tờ Chicago Tribune. Nhà báo này đã thuật lại cho Giáo Sư Tôn Thất Thiện như sau: (Lời của Burchett) “Thật là không thể tin được; Chúng nó đã giết chết con người duy nhất có tư tưởng và tổ chức có thể chặn đứng chúng tôi.”⁸²

Tương cũng nên nhắc lại rằng trong số những người Mỹ hiểu rõ về Tổng Thống Diệm và kính mến ông, có đại sứ Frederick Nolting và nữ ký giả tiến sĩ Ellen Hammer. Ông Nolting thì đã xin Tổng Thống Mỹ từ chức để tỏ ý phản đối hành động của chính quyền Mỹ trong cuộc đảo chính. Còn bà Hammer thì tình nguyện treo bút không viết lách gì suốt từ đó, cho đến 24 năm sau, 1987, khi bỗng dung bà xuất hiện lại với độc nhất tác phẩm “*A death in November*”, nhằm bênh vực Tổng Thống Diệm và tố cáo những lỗi lầm của chính quyền Kennedy.

Còn Tổng Thống Richard M. Nixon thì đã lên tiếng chỉ trích chính quyền Kennedy đã phạm lỗi lầm nguy kịch nhất là đã ủng hộ việc lật đổ Tổng Thống Diệm. Vì ông cho rằng “Ông Diệm là một lãnh tụ kiên cường của một dân tộc đang vô cùng cần một nhà lãnh đạo cương quyết. Ông ta mất rồi, chính quyền ở miền Nam Việt Nam trở thành cái mà ai cũng chop giật được...” Ông còn ví Tổng Thống Diệm như tảng đá đình vòm, giữ cho vòm nhà đứng vững bằng cách thăng bằng các thế lực, cho cái nọ chống cái kia để đóng chốt tất cả lại. “Chỉ khi nào tảng đá đình vòm được lấy đi người ta mới thấy là nó quan trọng. Thì cũng y hệt như vậy, chỉ khi nào ông Diệm chết rồi, toàn thể hệ thống chính trị miền Nam sụp đổ tan tành, người ta mới nhận rõ vai trò sinh tử của ông.”⁸³

Trong cuốn *No More Vietnams*, xuất bản năm 1985 Tổng Thống Nixon đã quy trách cho chính quyền Kennedy về sự sụp đổ và cái chết của ông Diệm. Và cho đến nay thì đã không còn nghi ngờ gì nữa. Nhưng chỉ ít tháng sau đảo chính, nhà văn Pháp Suzanne Labin, có mặt trong suốt tháng 10, tháng 11 năm đó tại Sài Gòn, trong tác phẩm *Vietnam, an eye-witness account* (trang 32-34) đã nêu lên 10 dấu chỉ cho thấy chính quyền Mỹ thực sự có ý muốn lật đổ ông Diệm. Dĩ nhiên Tác giả không phải là người phụ nữ duy nhất có nhận xét tinh tế đó. Bà Ellen Hammer của Mỹ cũng tin như vậy nên mới treo bút suốt 24 năm. Và bà Ngô Đình Nhu thì dĩ nhiên phải biết rõ hơn ai hết. Vì chỉ mấy giờ sau bà đã lên tiếng ở Los Angeles, tuyên bố huych toet là người Mỹ đã nhúng tay vào chuyện tây trời ấy.

Theo nhiều nhân chứng và cả một vài người trong những tướng tá làm đảo chính, nếu không nhận được những dấu chỉ cho thấy chính phủ Mỹ không còn ủng hộ ông Diệm nữa, thì không bao giờ họ dám liều thân. Thậm chí, theo cựu đại tá Nguyễn Hữu Duệ nói với người viết, thì ngay Thiếu Tướng Nguyễn Văn Quan, bạn thân và cố vấn của Tướng Dương Văn Minh, cũng thú nhận rằng, mấy tướng làm đảo chính luôn luôn bất an, lo lắng, và có thể bỏ cuộc bất cứ lúc nào.

Phải chăng vì vậy mà luôn luôn ở bên cạnh các tướng ở bộ Tổng Tham Mưu lúc nào cũng có mặt tay CIA Lou Conein, cũng là tay trong của đại sứ Henry Cabot Lodge, kẻ kè bên mình khẩu súng sáu, và đài truyền tin cộng với túi tiền kếch sù?

Quả thực đại sứ Lodge đã cố bằng mọi cách dồn ông Diệm vào chỗ chết, không cho ông có cơ hội thỏa hiệp hay nhượng bộ để còn đường sống.⁸⁴

Theo thiển kiến của người viết, trong số những lý do chính của các tướng lãnh khi tự biến mình thành công cụ của tòa đại sứ Mỹ trong tội ác này có những lý do sau đây:

Thứ nhất, họ là những kẻ vọng ngoại và dễ bị mua chuộc, lại không đủ trình độ để hiểu được, và cũng không dám nghĩ tới kế hoạch và chương trình tự túc, tự lực cánh sinh của ông Diệm.

Thứ hai, họ sợ nếu Mỹ rút quân, hay giảm quân thì miền Nam sẽ không đủ sức chống lại Bắc Việt. Vì họ chỉ biết đến biện pháp quân sự, mà không biết đến những phương lược phi vũ trang của anh em ông Diệm. Chẳng những chỉ mấy tay võ biền sợ thế mà lúc ấy một số trí thức, đảng phái quốc gia cũng sợ như vậy. Cho nên về sau, khi Mỹ đem đại quân vào thì họ mừng rỡ, tưởng sẽ có thể chuyển bại thành thắng ngay. Nhưng, trái lại, cũng như thời Bảo Đại, sự hiện diện của bốn chục vạn quân Pháp trên chiến trường đã làm có cho Việt Minh hô hào toàn dân kháng chiến thế nào, thì sự hiện diện của nửa triệu quân Mỹ thời hậu Diệm cũng là cái có để Hồ Chí Minh thúc đẩy nhân dân quyết chiến chống “xâm lăng” như thế. Khi họ Hồ tố cáo trước dư luận thế giới thì đã được nhiều người lên tiếng bênh vực, cho rằng đại cường Mỹ đã bắt nạt một nước bé nhỏ. Chính nhân dân Mỹ cũng rầm rộ nổi dậy “phản chiến”...

Âu cũng vì vận nước mà một nhà ái quốc có viễn kiến chính trị và nắm vững quy luật của chiến tranh ý thức

hệ chống Cộng như Tổng Thống Diệm đã bị ám hại bởi những kẻ vâng lệnh ngoại nhân và chỉ biết nương tựa vào ngoại nhân. Cho nên khi ngoại nhân buông ra thì cả nước lâm vào thảm cảnh.

Nhà báo Anthony Trawick Bouscaren trong cuốn *The Last of the mandarins: Diem of Vietnam* đã phê bình Tổng Thống Diệm như sau:

“Lịch sử sẽ cho thấy Tổng Thống Diệm quá nhân từ nên không sống được trong bầu không khí quyền lực năm 1963. Ông không nhẫn tâm đủ để bắt giam và xử tử những quân nhân phản loạn và thay chúng bằng những người trung tín. Ông đã mất quá nhiều thì giờ để cố gắng tìm cách xoa dịu những Phật tử không có thể nào xoa dịu được. Thậm chí ông không trục xuất những phóng viên Mỹ bị xúi làm bậy, là những kẻ thù ác độc của ông... Sự ôn nhu của ông đã khuyến khích sự làm loạn.”⁸⁵ Giáo sư Phạm Kim Vinh, bút hiệu Trương Tử Phòng cũng đã từng phê bình ông Diệm không độc tài đủ.⁸⁶

Trước khi kết thúc Bản sơ lược tiểu sử Tổng Thống Ngô Đình Diệm, chúng tôi xin có đôi hàng tóm tắt về con người và tư tưởng chính trị của ông.

Ông Diệm là người Việt Nam thuần túy, nhu thân mẫu ông đã nói.

Ông là tín hữu Công Giáo có đức tin sâu xa và sùng đạo. Hầu như ngày nào ông cũng dự lễ và rước lễ. Ngay cả khi đã làm Tổng Thống rất bận bịu việc nước.

Đồng thời ông cũng là người thấm nhuần Nho Giáo. Nhiều nhà báo và sử gia ngoại quốc cũng nghĩ thế, khi họ gọi ông là “Nhà Nho cuối cùng”, là ông quan, hay

ông quan cuối cùng của Việt Nam. Nữ ký giả Marguerite Higgins còn cho rằng ông có vẻ là một học giả Khổng Giáo hơn một tín hữu Công Giáo.

Vì thế ông rất gắn bó với gia đình cũng như hết lòng yêu dân yêu nước.

Là người con chí hiếu, nên ông rất yêu thương và biết ơn người em áp út là Ngô Đình Cẩn đã thay ông luôn ở bên mẹ để săn sóc. Nhiều người cho rằng sự nể nang của ông đã khiến ông Cẩn “lộng hành” và làm mất uy tín của ông anh Tổng Thống. Nhưng phần nhiều những người ghét ông đã nói quá về ông Cẩn. Dù gì chẳng nữa, ai cũng phải nhận ông Cẩn đã làm được một số việc có lợi cho an ninh Quốc Gia với những mạng lưới tình báo hữu hiệu.

Ông Diệm cũng quý trọng và thương yêu ông Ngô Đình Nhu, một phụ tá đắc lực cho ông trong việc nước. Phần đông các nhà quan sát ngoại quốc đều coi ông Nhu là người có mưu lược, và một số cho rằng ông lấn át quyền của Tổng Thống. Nhưng những người kề cận hai ông xác nhận ông Nhu luôn tuân phục và kính sợ ông anh. Đức tính đáng nể phục của ông Nhu là nhẫn nại, trầm tĩnh, ít nói nhưng rất thâm thúy.

Đối với tổng Giám Mục Ngô Đình Thục, ông Diệm luôn tỏ lòng kính mến, như một người “quyền huynh thế phụ”, và một chức sắc Công Giáo cao cấp.

Nhưng bảo rằng vì tình cảm gia đình mà ông Diệm đã nể nang quá đáng, hay dung túng những lỗi lầm của những nhân vật trên là không đúng.

Ngay đối với ông Ngô Đình Nhu mà có người cho rằng nắm quá nhiều quyền hành cũng một mực kính phục và

không bao giờ dám trái ý Tổng Thống. Ông chỉ là một phụ tá đặc lực. Danh xưng Cố Vấn chỉ là một ngôn từ, không có thực chất. Những người gần hai ông đều nhận xét là ông Nhu không bao giờ dám có hành động hay thái độ vượt quyền của Tổng Thống. (Xin xem bài Minh Võ phỏng vấn ông Cao Xuân Vỹ, là phụ tá thân cận nhất của ông Ngô Đình Nhu, nơi phần III)

Vì ông là nguyên thủ quốc gia độc thân, nên trong một vài trường hợp đặc biệt khi phải đón tiếp các quốc trưởng ngoại quốc có đệ nhất phu nhân tháp tùng, ông đã để bà Ngô Đình Nhu thay anh em ông tiếp đón quốc khách thuộc phái nữ. Vì thế có kẻ vô tình hay ác ý gọi bà Nhu là đệ nhất phu nhân.

Thường ngày Tổng Thống dậy rất sớm. Dự thánh lễ tại nhà nguyện ở trong dinh. Rồi ăn sáng. Ông thường hay ăn cháo trắng với món dưa Huế. Bữa trưa ông cũng ăn một mình vào lúc 1 giờ. Cơm thường có món cá kho kiểu Huế mà ông rất thích. Sau đó ông nghỉ đến 2:30 bắt đầu giải quyết quốc sự và tiếp khách.

Hôm nào ít việc thì ông ăn tối với gia đình ông bà Nhu. Ông hay lấy máy ảnh chụp hình mấy đứa cháu. Đối với những sĩ quan gần ông là các tùy viên, Tổng Thống đối xử thân tình. Khi có mặt người khác ông giữ theo phép trên dưới. Luôn gọi họ theo cấp bậc. Nhưng khi chỉ có hai người, Tổng Thống xưng hô một cách thân mật. Cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc, nguyên tùy viên Tổng Thống cho biết ông không hề bao giờ bị Tổng Thống quở trách nặng lời. Tùy viên Đỗ Thọ thì luôn coi Tổng Thống như cha. Tuy nhiên các ông Quách Tòng Đức, Cao Xuân Vỹ và Lê Châu Lộc



Hình 9: Bà Ngô Đình Nhu huấn luyện tác xạ cho Thanh Nữ Cộng Hòa.

đều xác nhận có đôi lúc Tổng Thống nóng nảy, nói lớn, đập bàn. Nhưng chỉ một phút sau lại dịu ngay. Và không bao giờ ông lấy quyết định hay ra chỉ thị trong lúc nóng nảy. Về tính nóng của Tổng Thống, chính ông Nhu đã từng là nạn nhân. Lần ấy, khi trình một hồ sơ có sai sót lên ông anh tổng thống, liền bị Tổng Thống quở mắng và ném tập giấy xuống sàn. Ông Nhu chỉ đứng khoanh tay chịu trận. Người chứng kiến vụ này là tùy viên Lê Châu Lộc. Ông Vũ cũng nhắc đến chuyện này để chứng tỏ ông Nhu không bao giờ dám lạm quyền, lúc nào cũng tuân phục. Ngay cả

giám mục Ngô Đình Thục cũng kính trọng người em Tổng Thống. Bà Nhu là một phụ nữ tây học, thông minh lanh lợi, thính thoảng tuyên bố những điều thiếu khôn ngoan cũng bị tổng thống la rầy. Như có lần ông đang ở Đà Lạt nghe bà Nhu lên tiếng, ông liền gọi điện về phủ: “Bảo mục nó im cái mồm.”⁸⁷

Đối với dân, những người không ưa ông Diệm thường chỉ nhắc đi nhắc lại chuyện có một lần duy nhất Tổng Thống đi kinh lý bắt dân chờ lâu quá khiến có người bị say nắng. Nhưng họ không biết rằng nhiều lần khác ông đã tỏ ra rất bình dị, để cho dân đến gần, thậm chí dẫm cả lên giày ông, làm bẩn bùn đất lên quần ông như có nhà báo Mỹ đã thuật lại.

Cựu đại tá Ngô Văn Đính, lữ đoàn trưởng Thủy Quân Lục Chiến đã kể lại cho cựu trung tá Vũ Văn An về một trường hợp như vậy. Hôm ấy Tổng Thống đi trực thăng xuống thăm tỉnh Bến Tre (lúc ấy mới đổi tên là Kiến Hòa) là tỉnh nhiều Việt Cộng nhất. Khi máy bay đáp xuống thì vừa lúc có một binh sĩ đi hành quân bị trúng mìn và bị thương nặng đang chờ phương tiện tải thương. Tổng Thống thấy thế liền ra lệnh lấy máy bay riêng của Tổng Thống để tải thương. Khi máy bay cất cánh rồi ông mới cùng đoàn tùy tùng lên xe về tòa tỉnh trưởng. Quyết định nhanh chóng của Tổng Thống khiến những ai có mặt đều mến phục.

Đối với cựu hoàng Bảo Đại, vì nhu cầu của tình hình đất nước, ông phải cho tổ chức trưng cầu dân ý truất phế. Và tuy ông không phục tài cũng như có phần chê trách ông ông Bảo Đại nhu nhược và phóng túng trong cách sống.

Nhưng ông vẫn theo tinh thần nhà Nho tôn kính một vị vua đã mất ngôi. Ông luôn cố gắng chỉ vẽ, khuyên nhủ, giúp ông Bảo Đại cư xử đúng một vị quốc trưởng yêu nước. Sau khi cuộc trưng cầu dân ý đã loại hẳn ông Bảo Đại khỏi vòng quyền lực, ông vẫn còn giữ lại pho tượng bán thân của Bảo Đại tại một căn phòng sát bên cạnh phòng ngủ của ông tại dinh Độc Lập. Dĩ nhiên chỉ cho đến khi ông Cao Xuân Vỹ, giả vờ lỡ tay, đánh vỡ.⁸⁸

Suốt thời ông cầm quyền bà Từ Cung, thân mẫu ông Bảo Đại vẫn được cấp tiền hàng tháng để sinh sống một cách xứng đáng. Bà đã có lần viết thư cảm ơn.

Trong một chú thích chúng tôi đã trưng bài viết của cựu thủ hiến Bắc Việt Phạm Văn Bính thuật lại rằng nhiều lần sau khi đàm đạo với Bảo Đại cả 3, 4 giờ, ông Diệm đã trầm tư, rom róm nước mắt. Điều đó chứng tỏ ông Diệm đã thương hơn là ghét ông Bảo Đại. Vì thế cựu hoàng cũng đáp lại lòng tốt của “bê tôi cũ” bằng cách không tỏ vẻ oán hận, phiên trách ông Diệm, sau khi ông này đã không còn. Điều đó đã tỏ rõ qua các lần cựu hoàng phát biểu trước báo giới, hay trong chốn riêng tư, và nhất là qua hồi ký *Le Dragon D’Annam* (Con Rồng Việt Nam). Chính trong tác phẩm này ông Bảo Đại cũng đã bào chữa cho ông Diệm về nỗi oan kỳ thị Phật Giáo. Ông cho rằng các cuộc tranh đấu của các nhà sư là “do Cộng Sản giật giây và CIA Mỹ tiếp tay.”⁸⁹

Nhân nói đến cuốn hồi ký này, tưởng cũng nên nhắc lại một điều. Chẳng những nhóm Đỗ Mậu (trong *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*), mà cả sử gia Bernard Fall (trong *The Two Vietnams*), rồi hai đồng tác giả Hoàng Lạc

và Hà Mai Việt của cuốn *Việt Nam, Những Sự Thật Chưa Hề Nhắc Tới*, rồi đến ngay nhà báo Vĩnh Phúc, trong cuốn *Những Huyền Thoại và Sự Thật về Chế Độ Ngô Đình Diệm*, mới tái bản năm 2006, cũng viết rằng ông Diệm đã quì gối thể trung thành với nhà vua và hoàng hậu. Nhưng may mà trong cuốn hồi ký nói trên, xuất bản năm 1990, ông Bảo Đại đã viết rõ là ông Diệm đứng thể trước tượng Chúa là sẽ trung thành với Tổ Quốc, như chúng tôi đã trung dẫn ở trên.

Lần đến thăm ông Cao Xuân Vỹ ở Quận Cam California, đầu thập niên 90 thế kỷ trước, khi đứng trước chân dung cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm, cựu hoàng đã tỏ vẻ đăm chiêu. Ông Vỹ hỏi, cựu hoàng có oán ông ấy không? Ông trả lời: Lỗi tại tôi. Đó là một thái độ quân

tử, phục thiện phát xuất từ tấm lòng yêu nước chân thật. Và cũng do lòng ông từ khi mới 20 tuổi đã mến phục ông Diệm rồi. Năm ấy (1933) hoàng đế Bảo Đại 20 tuổi đã phong Ngô Đình Diệm 32 tuổi làm thượng thư bộ Lại đứng đầu lục bộ, tương đương với chức thủ tướng thời nay. Và sau đó, *“cứ mỗi khi mà tôi cần thay đổi chính phủ, tôi lại phải gọi đến ông...”*⁹⁰

“Nhưng ông thì lúc nào cũng từ chối...” Tại sao vậy? Vì ông Diệm là con người “tout ou rien”, “all or nothing”. Ông từ chối ông Bảo Đại nhiều lần, cũng như ông cũng đã từng từ chối lời ông Hồ mời ông giữ chức bộ trưởng Nội Vụ. Ông đòi ông phải được “toàn quyền”. Đây là cá tính của ông, bản lãnh của một nhà lãnh đạo trong hoàn cảnh khó khăn, đến tuyệt vọng. Tài trí ông phi thường nên ông rất tự tin. Hơn nữa ông còn tin ở Thiên Mệnh.

Ông đòi quyền thay đổi, chi phối chính sách của ông Hồ, như một điều kiện để hợp tác. Ông đòi người Pháp phải trao trả độc lập hoàn toàn, trên pháp lý cũng như trên thực tế. Sau Thông Cáo chung Vịnh Hạ Long, và cả sau hiệp ước Élysée, ông đều thấy người Pháp còn nắm quá nhiều quyền hành về kinh tế, ngoại giao và quân sự. Có ra làm thủ tướng dưới ông Bảo Đại ông cũng chẳng làm thế nào để có lợi thế hơn phía Cộng Sản. Vì vậy ông không nhận.

Có lẽ cũng do cá tính ấy, ông khước từ đề nghị của lãnh tụ Liên Xô, Nikita Khrushchev năm 1957 cho Cộng Hòa Việt Nam dưới sự lãnh đạo của ông vào Liên Hiệp Quốc cùng với miền Bắc của Hồ Chí Minh.

Ông đòi toàn quyền dân sự và quân sự, khi ông Bảo Đại năn nỉ ông nhận chức thủ tướng, sau khi Pháp đã trao trả độc lập hoàn toàn, cũng vì cái cá tính “Tout Ou Rien” ấy. Mà đó cũng là lẽ tự nhiên. Một lãnh tụ dù tài giỏi đến mấy nếu không được toàn quyền quyết định thì sẽ chẳng bao giờ giải quyết được những vấn đề nan giải trong một hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng như miền Nam Việt Nam giữa năm 1954.

Từ cái “nhu cầu toàn quyền” ban đầu ấy, thời cuộc đùn đẩy ông tới “xu hướng toàn quyền”. Nói gần nói xa chẳng qua nói thật: Xu hướng độc tài. Cho dù giám đốc CIA William Colby, rất có cảm tình với ông, gọi ông là “nhà độc tài nhân từ” (A Benevolent Dictator).⁹¹

Nhưng có đúng không, lời nói của những người bảo ông độc tài chưa đủ?⁹² Vì cái xã hội Việt Nam thời gian ông cầm quyền rất cần một nền độc tài mạnh tay hơn

nữa. Ví dụ như miền Bắc, ông Hồ đã tồn tại, nhờ độc tài đẫm máu. Còn ông Diệm vì “độc tài nhân từ”, nên đã không còn.

Đó là một dấu hỏi to tướng trong lịch sử Việt Nam vào hạ bán thế kỷ 20.

Dấu sao trong nhân dân vốn hiếu hòa, và khát khao tự do, cũng có nhiều người tiếc thương một Tổng Thống tài trí, nhân đức, thương dân mà đã bị hại bởi chính những kẻ dưới tay, dù có vì ông mềm yếu chẳng nữa. Nếu không muốn trách ông, thì hãy nói ông quá nhân từ.

Những ai thương mến ông nên nhớ rằng trong mấy vụ bị ám sát hụt, như ở hội chợ Ban Mê Thuột, hay vụ dinh độc lập bị ném bom, những người ở gần đều nói ông bình tĩnh như chẳng có gì xảy ra. Và ngay khi dinh Gia Long bị tấn công, ông và ông Nhu trú ở trong nhà Mã Tuyên ông vẫn thản nhiên ngồi uống trà. Trung Úy Đỗ Thọ có mặt tại đó đã viết: “... phải chăng Tổng Thống đang nghĩ tới cuộc đời tiên thánh ở thế giới bên kia...” Sở dĩ ông có được sự bình tĩnh lạ lùng đó là vì ông đã sẵn sàng chết cho chính nghĩa, và đã từng thấy các danh nhân bị ám sát như Abraham Lincoln, Ramon Magsaysay, Mahatma Gandhi... nhất là với tư cách một tín đồ Công Giáo sùng đạo ông biết hơn ai hết chính Đấng Christ đã tử nạn một cách nhục nhã trên Thập Giá.

Nghĩ đến cuối đời của bất cứ danh nhân, vĩ nhân, thánh nhân nào đều là cái chết, thì xét cho cùng con người ai cũng như ai, có gì khác biệt? Có lẽ cái triết lý đó đã khiến ông Diệm bình thản như không trước cái chết.

Ngoài cái triết lý sống đó ra Tổng Thống Diệm còn có một triết lý chính trị mà ai quan sát cuộc đời chính trị của ông có thể nhìn thấy.

Vài nhận định của người viết

Đọc mấy trang tiểu sử ở trên, độc giả hẳn đã thấy ông Diệm không phải là một chính khách kém cỏi, tầm thường, nhu nhiều người nghĩ. Tài trí ông rõ ràng hơn người. Đến bậc đại cách mạng như Phan Bội Châu còn muốn được làm người đánh xe cho ông. Những sử gia nổi danh nhất của Pháp ca ngợi ông là có tài chính trị phi thường. Đối thủ Hồ Chí Minh còn phải gọi là nhà ái quốc, và từng có lúc muốn mời ông giúp trong chức vụ bộ trưởng Nội Vụ. Và biết bao người gọi ông là nhà tiên tri, là con người làm nên phép lạ chính trị. Và những tổng thống Mỹ uy danh lừng lẫy như Eisenhower, như Nixon hay Johnson đều kính phục ông gọi là “con người của Phép Lạ”, là “tảng đá đỉnh vòm”, là Churchill của thập kỷ tại Á Châu v.v...

Có người như sử gia thiên tả Stanley Karnow bảo ông Johnson khen ông Diệm không thực lòng, mà chỉ có ý nịnh. Nhưng nữ tiền sĩ Ellen Hammer cho biết sau khi Tổng Thống Kennedy bị ám sát người ta còn thấy ảnh của Tổng Thống Diệm treo ở phòng khách tư thất Tổng Thống Johnson, trước khi ông dọn vào tòa Bạch Ốc. Nếu ông Johnson không thực lòng kính trọng ông Diệm, thì không đời nào ông cho treo ảnh ông Diệm tại phòng khách của mình và giữ nó lâu vậy.⁹³

Dẫu sao thì Stanley Karnow cũng thành thực hơn khi ghi lại lời Tổng Thống Diệm đã nói tiên tri rằng Cộng Sản sẽ thắng ở Việt Nam nơi trang 231, 232 tác phẩm nổi tiếng

với cả triệu ấn bản của ông, Vietnam, A History: “*Cộng Sản sẽ thắng, không phải vì chúng mạnh, mà vì chúng ta yếu, chúng ta bỏ cuộc.*”



Hình 10: Dinh Độc Lập ngày 13-5-61, Tổng Thống Diệm với Phó Tổng Thống Hoa Kỳ Johnson.

Lời mà Tổng Thống Diệm nói tiên tri với Sir Robert Thompson rằng sau ông sẽ là đại hồng thủy (mượn lời của vua Louis XV của Pháp: *Après moi le déluge*) đã được giáo sư Phạm Kim Vinh (nhà báo Trương Tử Phòng) nhắc lại trong cuốn “*The Politics of Selfishness: Vietnam, The Past as Prologue*”, bản Việt Ngữ, trang 76-77. Còn câu Tổng Thống Diệm nói “Nếu xú này mất thì là tại báo chí Mỹ”, chẳng những cũng được giáo sư Vinh ghi lại trong cuốn sách trên, mà còn được chính Tổng Thống Mỹ Richard

M. Nixon cũng ghi lại trong cuốn sách tiên tri của ông là cuốn 1999, *Victory Without War*, (trang 100). Tổng Thống Nixon còn giải thích tại sao ông Diệm biết được điều đó. Vì, Nixon viết, “*ký giả Mỹ không vào được Bắc Việt, mà lại chỉ xoi bói Nam Việt, đòi Nam Việt phải “dân chủ” theo kiểu Mỹ*”. Theo nhà khoa học nguyên tử Hà Vĩnh Phương, tự xưng mình là một Phật tử, từng là chánh văn phòng thủ tướng Bửu Lộc, sau được Tổng Thống Diệm lưu dụng trong chức vụ đại sứ ở Âu Châu, thì chỉ hơn một tháng trước khi mất, Tổng Thống Diệm đã nói với ông: “*Người ngồi đó, trầm lặng trên ghế xích đu, nói với tôi ngồi bên cạnh: “Anh biết không, tui còn ngồi đây thì yên tĩnh như rúa đó. Tui mà không còn đây nữa, thì nước mình rồi bị thảm họa Thập Nhị Sứ Quân.”*”⁹⁴

Một con người đạo đức, cương nghị, lại có một viễn kiến chính trị như thế ắt hẳn khi bước chân vào chính trường đã phải có một lý tưởng, một chủ nghĩa, hay ít nhất cũng phải có những ý tưởng chủ đạo cho các hành động của mình.

Nữ ký giả Mỹ Marguerite Higgins đã có lý khi nhận xét ông Diệm là một nhà Nho hơn một tín hữu Ki Tô. Tinh túy của đạo Nho là chữ nhân. Nhân là gạch nối giữa Thiên và Địa trong tam tài Thiên Địa Nhân. Nhân đứng đầu ngũ thường: (Nhân, nghĩa, lễ, trí, tín). Nếu ông Nhu đem từ phương Tây về hai thuyết ngôi vị (của Emmanuel Mounier) và nhân bản (của Jacques Maritain) và nối kết lại thành chủ nghĩa Nhân Vị làm chủ thuyết cho đảng Cần Lao, thì ông Diệm lấy từ chính chữ Nhân của Khổng giáo để tạo thành Nhân Vị Cộng Hòa. Chữ vị chỉ vị trí “*nhân linh u vạn vật*” của con người. Vì cái tính chất linh u vạn

vật ấy, mỗi con người không chỉ là cá thể, cá nhân mà là ngôi vị, nhân vị (*non pas seulement un individu, mais une personne, la personne humaine*).⁹⁵

Theo ý niệm này mỗi con người cá thể không chỉ là thành phần của xã hội. Mà phải được coi như trung tâm điểm của xã hội. Nếu con người có trách nhiệm với xã hội, thì, đáp lại, xã hội cũng có bổn phận và trách nhiệm với con người, mỗi người.

Quan niệm này rất gần với thuyết *nhân chủ* của nhà cách mạng trẻ tuổi tài cao (nhưng yếu mệnh) Thái Dịch Lý Đông A. Vì thế Ngô Đình Nhu đã có phần nào chia sẻ quan điểm của Thái Lăng Nghiêm, một đệ tử của Lý Đông A, và trọng dụng Lê Văn Thái (tục gọi Thái Trắng), một đảng viên Duy Dân (mà Lý Đông A là đảng trưởng).⁹⁶

Con người là đơn vị của gia đình. Gia đình là đơn vị cấu thành của xã hội. Trong xã hội Việt Nam gia đình là đơn vị cấu thành của làng xóm, thôn xã. Mỗi làng xã là một đơn vị có liên hệ với các làng xã khác để tạo thành quốc gia.

Đặc biệt trong xã hội Việt Nam có tục ngữ “*phép vua thua lệ làng*”. Điều này cho thấy mỗi thôn xã dường như có một nền cai trị tự phát, theo một lễ lối “dân chủ” đặc biệt, nó đã thành nếp sống lâu dài, truyền thống.

Ông Diệm đã chứng tỏ ông quan tâm đặc biệt đến đơn vị địa lý cơ bản này. Những chương trình, kế hoạch, chính sách của ông đối với xã thôn thể hiện qua các khu trù mật, địa điểm dinh điền, chính sách cải cách điền địa và quốc sách Ấp Chiến Lược.

Khi mới về nước ông đã nói với những người thân bên cạnh: *Đã đến lúc ta về ta tắm ao ta*. Ông đưa ra khẩu hiệu

“không có gì quý hơn nồi com của mình”.⁹⁷ Mục tiêu cách mạng của ông chỉ đơn giản: “Mỗi người dân một căn nhà, một mảnh vườn, một ao cá.”

Khi so sánh khẩu hiệu “không có gì quý hơn nồi com của mình” với khẩu hiệu “Không có gì quý hơn Độc Lập Tự do”, chúng ta thấy hai ông Ngô, Hồ đã cho ta hai hình ảnh tương phản có vẻ nghịch lý. Người duy linh lại nói lời duy vật. Còn người duy vật lại nói chuyện duy linh.

Thuyết nhân vị của ông Diệm, cũng như của ông Nhu đều nhấn mạnh đến khía cạnh tâm linh của con người. Con người ở giữa Trời và Đất. Vì con người có phần linh thiêng (như Trời) và phần thể chất (như đất). Con người đó phải được bảo vệ, tôn trọng, phải có cơ hội để phát huy về cả hai mặt linh thiêng lẫn thể chất. Thể chất là cơm no, áo ấm. Linh thiêng là các quyền được đến trường, đến các cơ sở văn hóa, đến đền chùa, nhà thờ, thánh thất v.v... tóm lại là quyền được sống một cuộc sống tâm linh.

Dân chủ đối với ông Diệm sẽ chẳng có ý nghĩa thực tế nào, nếu con người phải sống trong những điều kiện thấp kém không đủ để phát triển và thực thi các quyền lợi và trách nhiệm. Ông thấy mình cần giáo dục và tạo điều kiện cho mỗi người dân hiểu rõ và thực thi các quyền lợi và trách vụ công dân. Và trước hết là trách vụ với bản thân, gia đình, thôn ấp, làng xã, và tổ quốc.

Và 85% những con người Việt Nam đó sống ở thôn ấp. Những thành phần này, mà số đông hazy còn mù chữ, không cần tới những lý thuyết về dân chủ, về những quyền nọ quyền kia xa vời được thể hiện trong những tuyên ngôn đại loại như tuyên ngôn của nhóm Caravelle. Mà họ thực

sự chỉ quan tâm đến khẩu hiệu “*Không gì quý hơn nồi com của mình*”. Họ chỉ mong làm sao đời sống của họ được như lời mô tả của ông Hồ Sỹ Khuê.⁹⁸

Về dân chủ, ông đã phát biểu tại lưỡng viện Quốc Hội Mỹ: “*Bản chất của dân chủ là nỗ lực không ngừng để tìm mọi biện pháp chính trị khả dĩ bảo đảm cho tất cả các công dân, quyền tự do tiến triển, phát huy sáng kiến, đảm đương trách nhiệm, và sinh hoạt tinh thần tối đa*”

Quả là một quan niệm độc đáo, đủ chứng minh cho những việc ông đã làm. Nếu muốn thì cũng có thể từ đó bào chữa cho những hành động bị phê bình là độc tài hay thiếu dân chủ trong thời gian ông cầm quyền. Thiếu dân chủ theo quan niệm dân chủ của Mỹ, của nhóm Caravelle. Nhưng đầy tính dân chủ theo quan niệm đơn sơ thiết thân của người dân nghèo nơi thôn dã: Nồi com, căn nhà, mảnh vườn, ao cá, cuộc sống an vui...

Nếu bảo ông Diệm là một nhà Nho hơn một tín đồ Ki Tô giáo như Higgins thì đúng. Và nếu bảo tư tưởng, hành động của ông bị ảnh hưởng hòa hợp của cả hai nền triết lý này thì cũng đúng. Nhưng nếu bảo ông bị đóng khung trong đó (như ông Cao Thế Dung viết trong “*Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống*”) thì không đúng.

Ông Diệm biết rõ cội nguồn của dân tộc mình, phát xuất từ một miền địa lý đặc trưng, từ một môi trường tư tưởng phức tạp được nhào nặn un đúc nên bởi những luồng tư tưởng phức tạp, uyên thâm lâu đời. Đó là đặc tính tư tưởng Á Đông chịu ảnh hưởng của Tam Giáo: Phật, Lão, Khổng.

Ông không thuộc loại người bài ngoại, bế quan tỏa cảng, chỉ biết khu khu với truyền thống của mình. Ông rất

hoan nghênh nền khoa học và kỹ thuật tân tiến của Tây Phương. Gia đình ông đã hoan nghênh và đón nhận nền văn minh Tây Phương mang dấu ấn của Ki Tô Giáo, bằng cách “theo đạo”.

Nhưng vốn gắn bó với truyền thống Á Đông và đặc tính Việt Nam, ông không thích Âu hóa, Tây Phương hóa một cách rộng rãi và quá nhanh chóng như Nhật Bản. Ông gần gũi hơn với quan điểm của những Mahatma Gandhi, Pandit Nerhu hơn là Vương Dương Minh, Minh Trị Thiên Hoàng.

Ông không thể chấp nhận lệ thuộc vào tư tưởng cực đoan của Mác. Ông cực lực lên án chủ nghĩa duy vật vô thần xuất phát từ Tây phương bắt đầu duy vật hóa này. Ông coi nó là mối nguy cho truyền thống Á Đông, cho tiền đồ Tổ Quốc. Ông cũng biết thuyết Cộng Sản (Mác xít Lê-nin-nít) có một hấp lực đối với dân nghèo, giới lao động được mệnh danh là “giai cấp vô sản”. Vì nó hứa lấy của người giàu chia cho người nghèo. Vì vậy, muốn thắng CS, ông cũng phải làm sao đáp ứng được sự mong mỏi và nhu cầu của giới nghèo trong nhân dân.

Ngoài cái hấp lực đối với giai cấp vô sản, thuyết Mác-xít Lê-nin-nít còn có một sức quyến rũ đối với người yêu nước. Vì sách lược đấu tranh của nó đề cao lòng yêu nước, dưới chiêu bài chủ nghĩa dân tộc, theo *đề cương chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc* của Lê nin. Những người không thấu đáo về chủ nghĩa Cộng Sản, sẽ dễ bị lầm rằng CS chống Thực Dân vì bênh vực thực sự các nước bị thống trị bởi thực dân, đế quốc.

Chính vì những lý do chiến lược và sách lược này mà ông Diệm luôn luôn bằng mọi cách đòi độc lập hoàn toàn

từ tay người Pháp để có chính nghĩa mà chống Cộng. Cũng một phần lớn vì đòi hỏi này mà ông được mệnh danh là con người “tout ou rien”.

Vì những lý do chủ thuyết và chiến lược, sách lược trên, ông Diệm đã giữ lập trường cố định vừa chống ngoại thuộc, vừa chống Cộng Sản duy vật, một hình thái ngoại thuộc khác về mặt tư tưởng.⁹⁹

Vừa lên cầm quyền ông đã thực hiện được mộng quét sạch tàn tích ngoại xâm. Nhờ thế ông đã đem lại trù phú và tương đối an bình cho miền Nam. Ông không thể để viện trợ Mỹ biến ông trở thành lệ thuộc vào ngoại nhân đến độ phía Cộng có thể tố cáo ông là đuổi thực dân cũ là Pháp đi để rước thực dân mới là Mỹ vào. Ông đã không thành công trong cố gắng này. Vì ông đã bị một số người trong chính quyền của đảng Dân Chủ Mỹ chống đối và hăm hại với sự đồng lõa của một số tướng lãnh trong đó có cả những kẻ được ông nâng đỡ và trọng dụng.

Một số người cho rằng nguyên việc trọng dụng những kẻ này đã là nguyên nhân của sự thất bại. Và không thiếu những việc làm sai quấy của họ mà ông Diệm, với cương vị là quốc trưởng phải chịu trách nhiệm.

Phe chống đối thường nhắc đến những cái chết của các ông Nguyễn Bảo Toàn, Tạ Chí Diệp để lên án ông, mặc dù ai cũng biết bản chất ông không phải là người ác. Nhưng, như lời Tổng Thống Nixon, khi ca tụng ông Diệm, đã nói rằng lãnh tụ nào cũng có những lỗi lầm. Chúng ta nên cân nhắc, so sánh, và tìm ra nguyên nhân đích thực, chứ không nên chỉ nhìn một khía cạnh chủ quan để đánh giá một lãnh tụ quốc gia.

Dẫu sao cũng phải nhận rằng, khi không bảo vệ được mạng sống của mình để nền Cộng Hòa Đệ Nhất bị sụp đổ, thì về một phương diện nào đó, Tổng Thống Ngô đình Diệm đã thất bại. Có quá nghiêm khắc để “triết lý” rằng, “chết cũng là một cái tội, và thất bại cũng là một tội lỗi” không?

Chỉ tiếc rằng thất bại của ông dẫn đến thất bại cả miền Nam, và không nói ngoa, cả thất bại của siêu cường Mỹ chỉ 12 năm sau.

Nhìn lại những thành quả mà chế độ Ngô Đình Diệm đã đạt được trong một thời gian vắn, đem lại đời sống sung túc tốt đẹp, tương đối an bình,¹⁰⁰ chúng ta sẽ không thể nào đồng ý với những nhà văn, nhà báo và sử gia cho đến nay vẫn còn bảo ông Diệm không chia sẻ quyền hành, không tin cộng sự viên, cứ khu khu giữ độc quyền, ôm đồm, không biết cách điều khiển guồng máy quốc gia, chỉ nghe lời kẻ xu nịnh, gạt bỏ những con người trung thực. Phần lớn những người đó, nếu không vu khống, thì cũng chỉ suy đoán, hay nói theo, chứ không dùng óc phán đoán để suy luận. Là bởi vì với những thành tích, tiến bộ lạ lùng như vậy, rất cần đến sự cộng tác, hưởng ứng nhiệt tình của một số đồng cộng sự viên đặc lực mới có thể làm được. Bằng không thì chả hóa ra gia đình (trị) của ông Diệm là một gia đình thần thánh, toàn làm phép mầu sao.

Trong một nước 14 triệu dân, có hàng ngàn trí thức tài ba. Nhưng trong chính phủ chỉ có mười mấy ghế bộ trưởng. Làm sao thỏa mãn tham vọng chính trị của mọi người? Cho nên không thể tránh được sự bất mãn, nếu mỗi người không chấp nhận phục vụ đất nước ở bất cứ cương vị nào, miễn là biết làm tròn trách vụ nhỏ bé của mình.

Mong rằng những ai phê bình, chỉ trích ông Diệm nên bình tĩnh so sánh những gì các chính khách thuộc các đảng phái đã làm cho dân tộc trong thời gian họ tham chính dưới quốc trưởng Bảo Đại, hay trước nữa trong chính phủ Liên Hiệp của Hồ Chí Minh, với những gì ông Diệm đã làm cho nhân dân trong mấy năm cầm quyền trong một tình thế bi đát. Và hãy so sánh công trình của ông Diệm với những gì các chính khách ấy đã làm trong thời gian sau khi ông bị giết, và cả dưới thời đệ nhị Cộng Hòa.¹⁰¹

Hy vọng nhân dân cả nước sẽ sớm nhận ra sự thực lịch sử và sẽ nhìn ra chân tướng của con người thường được gọi là “Kỳ bí” (Enigma) hay được mệnh danh là “All Or Nothing”.

Chú thích

¹ Đây chỉ là bản tóm tắt hết sức đại cương. Vì tuổi tác và bệnh tật, người viết đã phải bỏ tham vọng viết một tiểu sử tương đối đầy đủ hơn.

² Chín người con cụ Ngô Đình Khả xếp theo thứ tự như sau Ngô Đình Khôi, Ngô Đình Thị Giao (tức bà Thừa Tùng), Ngô Đình Thực (sau là tổng giám mục), Ngô Đình Diệm, Ngô Đình Thị Hiệp tức bà Nguyễn Văn Ấm (thân mẫu Đức Hồng Y Nguyễn Văn Thuận), Ngô Đình Thị Hoàng, tức bà Cả Lễ, Ngô Đình Nhu, Ngô Đình Cẩn, Ngô Đình Luyện.

³ Theo Anthony Trivick Bouscaren, *The Last of the Mandarins: Diem Of Vietnam*, Duquesne University Press, Pittsburg, PA, 1965, trang 13.

Có nguồn tin trái ngược cho rằng ông Ngô Đình Khả là bốn đạo mới? Nhưng có một điều chắc chắn là thiếu thời ông đã vào tu trong chủng viện và được nhà chung cho đi du học tại Pi-năng, thuộc Mã Lai.

⁴ Trường Quốc Học được thành lập năm 1896 và tồn tại cho đến năm 1975, khi Cộng Quân chiếm miền Nam. Tại trường này ở Huế từng có tấm bia kỷ niệm với những vần thơ sau:

“Trường Quốc Học ấy ai xây dựng?
 Sáu mươi năm đứng vững giữa trời.
 Để Kinh nhắc nhở tên người
 Cụ Ngô Đình Khả muôn đời tiếng thơm...
 Dựng bia kỷ niệm đời đời,
 Ghi ơn người trước, nhắc đời người sau.”
 (Ký tên Tôn Thất Sa).

⁵ Ông rời kinh đô, đem gia đình về quê sống một cuộc đời nông dân cực khổ. Dân Huế đã một thời ngưỡng mộ, ca tụng ông qua câu đồng dao: “*Đây vua không Khả, Đào mà không Bà*” mà chính ông Hồ Chí Minh đã từng nhắc lại coi như cái cớ để tha chết cho con ông là Ngô Đình Diệm khi ông này sa vào tay Việt Minh hồi 1945.

Theo Giáo Sư Nguyễn Ngọc Phách, tác giả cuốn *Việt Sử Đương Đại* qua 200 câu về bất hủ (Melbourne, Australia, 2007 trang 42) thì vào năm 1906 viên khâm sứ (Pháp) Lévêque đã ép các quan đại thần ký kiến nghị đẩy vua Thành Thái. Nhưng Ngô Đình Khả là vị quan duy nhất không chịu ký. Ít lâu sau một viên khâm sứ tên Mahé lại đòi quật mổ vua Tự Đức để tìm quý vật. Lần này chỉ duy có đại thần Nguyễn Hữu Bài không chịu ký. Trong bộ *Việt Sử Tân Biên* (tập VII), sử gia Phạm Văn Sơn cũng ghi như vậy.

Còn về việc ông Hồ Chí Minh nhắc câu ca dao trên để lấy cớ tha ông Diệm thì do nhà văn Vũ Thư Hiên, con ông Vũ Đình Huỳnh từng là thư ký riêng của ông Hồ thuật lại trong tác phẩm *Đêm Giữa Ban Ngày* (Văn Nghệ xuất bản tại Cali năm 1997, trang 226 và 227) mà chúng tôi đã trích đăng trong phần Phụ Lục cuốn *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê* (Thông Vũ tái bản lần thứ 2 năm 2002) trang 339-340.

Trái lại, trong một cuốn về lịch sử Phật Giáo ở trong nước do nhà sư đã hoàn tục Lê Mạnh Thát đề tựa có đổi câu ca dao trên thành “*Đây vua ông Khả, Đào Mà ông Bà*” có ý kết tội hai ông này thay vì ca ngợi. Về chuyện đổi trắng thay đen này, tác giả Huỳnh Hữu Ủy, trong một bài khảo luận dài 11 trang về cụ Phan Bội Châu đăng trên nguyệt san *Thế Kỷ 21* số 208, tháng 8 năm 2006 (trang 35) đã viết: “Tôi là người Huế, mới 5 tuổi đã biết đến câu đồng dao ấy rồi. Vậy mà gần đây, trong quyển sách *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế* của Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm, với lời đề tựa của Tiến Sĩ Lê Mạnh Thát, viết rằng: “*Ngô Đình Khả người làng Đại Phong, Quảng Bình, là người đã ký giấy cho bọn thực dân Pháp đẩy vua Thành Thái sang Réunion.*

Dân Huế còn truyền tụng câu: “Đây vua ông Khả, Đào mà ông Bài”, tức Nguyễn Hữu Bài, Ngô Đình Khả cũng làm đến chức thượng thư trong triều đình Huế.” (Thích Hải Ấn, Hà Xuân Liêm, *Lịch Sử Phật Giáo Xứ Huế*, nxb Tp.HCM, trang 356. Hời ôi, viết sử mà như thế thì chẳng biết họ viết cái gì? *Lịch sử PGXH* in rất đẹp, dày hơn 730 trang, biên soạn có vẻ công phu với một thư mục tham khảo rất phong phú, nhưng đáng tiếc thay, chỉ là một nguồn tài liệu bất khả tín!”

⁶ Ông được vị đại thần số một lúc ấy là cụ Tôn Thất Hân, phó quan quận vương, phụ chánh thân thần, giúp đỡ một cách kín đáo, mỗi tháng cấp cho 10 Đồng để sinh sống. Mãi đến thời vua Khải Định ông mới được vị vua này bênh đỡ cho truy lãnh lương bổng trong những năm bị tước hết bổng lộc. (Xem Nguyễn Văn Minh, *Dòng Họ Ngô Đình, giấc mơ chưa đạt*, nxb Hoàng Nguyên 2003, trang 14)

⁷ Xin xem *Our Vietnam nightmare* của Marguerite Higgins, nxb Harper & Row, 1965, trang 159.

⁸ Robert Shaplen, *A Reporter in Vietnam*, N. Y. Sept 22, 1962, trang 103
Và Bernard Fall, *The Two Vietnams*, NY Praeger, 1963, trang 239.

⁹ Xin xem *Con Rồng Việt Nam*, bản dịch của Nguyễn Phước Tộc, California, 1990, trang 93.

¹⁰ Câu bị kiểm duyệt này về sau được cụ Phan xác nhận với ông Thiết Mai Tôn Thất Cảnh trong một cuộc phỏng vấn đăng trên báo *Ánh Sáng* số ngày 11-11-1935 như sau: “*Ngôi báu xem nhường dép nửa đôi.*”

Về hai câu cuối, ông Vương Đình Quang nguyên là thư ký của cụ Phan đã có dịp được hỏi cụ Phan, sao cụ lại hạ mình đến thế, vì dù sao Ngô Đình Diệm chỉ là kẻ hậu bối. Cụ Phan bèn trả lời đại ý, cụ là người hoạt động cách mạng. Chứ nếu ở trong quan trường thì chưa chắc được như ông Diệm. (Xem *Thế Kỷ 21* tháng 8-06, trang 29.)

¹¹ Cụ Võ Bá Hạp còn là đồng song với thân phụ ông Hồ Chí Minh là Nguyễn Sinh Sắc. Nên đã có thời gian, sau khi bị cách chức, ông Nguyễn Sinh Sắc đã dẫn các con vào Huế tá túc tại nhà thân phụ của cụ Võ Bá Hạp là Võ Văn Giáp. Đó là Nguyễn Sinh Khiêm, tức Nguyễn Tất Đạt và Nguyễn Thị Thanh, tự Liên. Xem Nguyễn Lý Tường: *Thuyền Ai Đợi Bến Vân Lâu*, Nam Cali, 2001, trang 73-75.

¹² Anthony Trawick Bouscaren, tác giả cuốn *The Last Of The Mandarins: Diem of Vietnam* (Ông quan cuối cùng, Diệm của Việt Nam),

Duquesne University Press, Pittsburg, PA, 1965 đã trích dẫn Joseph Buttinger, tác giả Viet Nam, *The First Five Years*, Ann Arbor: University of Michigan Press, 1959, pp 43, 30, để cho rằng mặc dầu dân Huế có biểu tình ủng hộ ông Diệm, muốn ông ra chấp chính, ông Diệm đã từ chối lời mời của Bảo Đại.

¹³ Trong cuốn *Histoire Du Viet-Nam de 1940 à 1952*, troisième édition revue et corrigée, Édition du Seuil, Paris Vlè, 1952, p. 126, tác giả, sử gia Philippe Devillers cho biết ngày 19-3-1945 toàn thể nội các (6 bộ) từ chức theo lời yêu cầu của vua Bảo Đại. Nhà vua tham khảo ý kiến của nhiều người thì hầu hết cũng đề cử Ngô Đình Diệm đứng ra lập nội các. Nhưng ông Diệm đã không trả lời hai thông điệp của nhà vua. Tác giả cho rằng vì ông Diệm không ưa ông Bảo Đại, mà chỉ gắn bó với hoàng thân Cường Để. Dời lâu không được, cuối cùng, ngày 17 tháng 4 vua Bảo Đại đã chỉ định sử gia Trần Trọng Kim. Nơi trang 63 Tác phẩm trên, Devillers đã viết ông Diệm là người nổi tiếng về sự liêm khiết toàn hảo, về khả năng và sự thông minh (réputé pour sa parfaite intégrité, sa compétence, et son intelligence).

Theo nữ tiến sĩ Ellen Hammer thì lúc ấy ở Huế có biểu tình lớn ủng hộ ông Diệm, kêu gọi ông đứng ra lập nội các. (Xem Richard W. Lindholm, *Viet-Nam, The First Five Years (1954-1959)*, Michigan State University Press, 1959, trang 43)

Theo ký giả và sử gia Joseph Buttinger thì lúc ấy ông Diệm và người Nhật đã không tin nhau nữa. (Xem *The Smaller Dragon*, nxb Frederick A. Praeger, NY 1958, trang 443)

Nhà thơ Thái Thủy, hiện ở miền Nam Cali, có lần cho người viết biết chính ông, hồi còn nhỏ, đã được đọc chiếu của vua Bảo Đại cử ông Trần Trọng Kim làm thủ tướng. Trong tờ chiếu nhà vua nêu rõ lý do bổ nhiệm này là vì “đã nhiều lần mời “Ngô Huynh” không được nên cử “Trần học sĩ”.” Khi được mời làm thủ tướng, chính ông Trần Trọng Kim cũng đã xin nhà vua hãy chọn Ngô Đình Diệm. Chỉ đến khi biết không liên lạc được với ông Diệm, ông Kim mới nhận.

¹⁴ Về việc này, sử gia Pháp Bernard B. Fall đã thuật lại như sau trong cuốn *The Two Vietnams* (Fredrick A. Praeger, USA 1967, trang 240): “Ông Hồ vốn biết ông Diệm có thiên tài về hành chính và quản trị, và cũng thấy rõ sự kém cỏi khùng khiếp của đàn em mình trong lãnh vực khó khăn đó, nên đã cho mời vị quan này đứng về phe mình và đề nghị trao ông chính

cái công việc mà ông đã làm dưới quyền Bảo Đại: Bộ Nội Vụ. Ông Diệm đáp lại mời đó bằng thái độ tiêu biểu của con người ông: “Tại sao ông giết anh tôi?” Ông Diệm hỏi. “Đó là một sự lầm lẫn” Ông Hồ trả lời. “Đất nước đang rối bời. Không sao tránh được.” Ông Diệm giận dữ, quay gót đi ra.”

¹⁵ Edward Miller: *Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngô Đình Diệm*, *Journal of Southeast Asian Studies*, 35 (3) pp 433-458 October 2004. Printed in the United Kingdom.

¹⁶ *Đêm Giữa Ban Ngày* của Vũ Thư Hiên, Văn Nghệ, Nam Cali, 1997 trang 226-227.

¹⁷ Trần Thị Liên, *Les Catholiques et La République Démocratique du Vietnam*, do Edward Miller trung dẫn.

¹⁸ Trích bài “Ông vua của nền Cộng Hòa Đệ Nhất: Ngô Đình Diệm” đăng trên báo Đồi số 29, Sài Gòn, ngày 23-10-1970. Cựu thủ hiến Bắc Việt còn cho biết chi tiết:

“Nhiều nhà cách mạng lưu vong như Nguyễn Tường Tam, Nguyễn Tường Long yêu cầu tôi yểm trợ giải pháp Ngô Đình Diệm. Những lãnh tụ chống cộng có tâm huyết như Phan Quang Đán, Đinh Xuân Quảng, Nghiêm Văn Tri tỏ ý rất nhiệt thành với giải pháp Ngô Đình Diệm.

“Ở trong nước, ngoài Bắc có nhóm Nghiêm Xuân Thiện, Trần Trung Dung, trong Trung có nhóm Trần Văn Lý, trong Nam có nhóm Trần Văn Đỗ đại diện các nhà trí thức, mỗi người đều đặt tin tưởng vào giải pháp Ngô Đình Diệm. Ngoài ra, đồng bào Công Giáo, đồng bào di cư cũng nhiệt liệt ủng hộ cụ Ngô. Tuy nhiên, tôi phải thanh minh rằng sở dĩ tôi đặt hy vọng vào giải pháp Ngô Đình Diệm một phần lớn vì tình cảm và quá khứ: tôi đã chứng kiến cụ Ngô trưởng thành trong khung cảnh thanh cao, đạo đức và liêm khiết.”

¹⁹ Devillers, *Histoire du Viet-Nam*, trang 425-429 được Edward Miller dẫn trong *Vision, Power and Agency: The Ascent of Ngô Đình Diệm*.

²⁰ Về vấn đề này ông Phạm Văn Bính, nguyên thủ hiến Bắc Việt, đã nói rõ trên báo Đồi số 29 ngày 23-10-1970. Chúng tôi xin trích mấy hàng sau đây:

“Tôi nhớ lại hồi ở Hong Kong, ngày nào Cựu Hoàng cũng muốn gặp cụ Ngô một lần để thảo luận về cách đối phó với đại diện của cao ủy Bollaert đến điều đình. Một sự kỳ lạ là chỉ khi nào tôi mang xe hơi xuống khách sạn

Paramount đón, cụ Ngô mới bằng lòng lên gặp Cựu Hoàng. Ngoài tôi ra, Cựu Hoàng phái bất kỳ ai đi triệu, cụ Ngô cũng cương quyết khước từ. Về vấn đề cá nhân, phẩm hạnh, cụ Ngô bao giờ cũng tỏ ra khó tính, cứng rắn gần như bướng bỉnh.

“Nhiều khi cụ ngồi trong phòng riêng, đàm thoại tay đối với Cựu Hoàng trong ba bốn tiếng đồng hồ luôn. Lúc ra về, nét mặt cụ thường đầm chiêu, có khi rom róm nước mắt. Do đó, tôi nhận thấy cụ là một người giàu cảm tình, dưới một bề ngoài khắc khổ nghiêm trang.

“Điều tôi chú trọng hơn hết ở cụ Ngô là đối với Cựu Hoàng bao giờ cụ cũng giữ lễ vua tôi, mặc dầu Cựu Hoàng đối với cụ lúc nào cũng ân cần niềm nở. Chưa bao giờ tôi thấy cụ bỏ giọng nói đều đều từ tốn cùng một cử chỉ điềm đạm, một dáng điệu uy nghi nhưng không kém phần lễ độ.

“Trong sự giao tiếp hàng ngày giữa Cựu Hoàng và cụ Ngô, tôi thấy thiếu một sự thông cảm có thể ràng buộc hai người trong một cuộc hợp tác chân thành và bền vững.

“Cụ Ngô thuộc hạng người quân tử theo đạo Khổng Mạnh, ngay thẳng quen sống khắc khổ trong tinh thần, không thể chấp thuận một cuộc đời phóng khoáng, cỏi mờ, dân chủ, hỗn nhiên như đời sống tự do của Cựu Hoàng do phong tục Tây phương đưa lại.

“Từ lúc ban đầu, khi còn sống lưu vong với Cựu Hoàng ở Hong Kong, tôi có cảm tưởng rõ rệt cụ Ngô có ý định giúp Cựu Hoàng lập một chế độ quân chủ lập hiến trong đó cụ sẽ là vị thủ tướng được vua trao cho trọn quyền điều khiển, lập một nội các chiến tranh do cụ lãnh đạo, giống như nội các Winston Churchill ở nước Anh trong thời thế chiến thứ hai.

“Tuy nhiên, trong giới “cận thần” của Cựu Hoàng, một số đồng không muốn có một thủ tướng cứng rắn như cụ Ngô. Đã có lần cụ Ngô bảo tôi: “- Chú tâm với Ngài nếu Ngài muốn tôi lên châu Ngài luôn, trước hết Ngài hãy cho phép tôi quét sạch cửa ngõ. Tôi không muốn bọn Việt gian thân Pháp lúc nào cũng lẫn lộn quần bên Ngài.

“Lời nói quyết liệt của cụ Ngô làm phật ý nhiều người trong giới cận thần của Cựu Hoàng và thúc đẩy sự thành lập một phe phản đối giải pháp Ngô Đình Diệm. Nhóm phản đối Ngô Đình Diệm nói với Cựu Hoàng:

“- Ngô Đình Diệm đã ly khai với Ngài một lần ở Huế khi còn là Lại Bộ Thượng Thư. Vì ghen tức với Phạm Quỳnh, Ngô Đình Diệm đã đóng mạnh cửa ra đi, không kể đến tình nghĩa vua tôi. Họ Ngô không phải là bề tôi trung thành của nhà Nguyễn.

“Thay mặt nhóm ủng hộ giải pháp Ngô Đình Diệm, tôi phản công lại:

“- Cử chỉ của Ngô Đình Diệm đối với Phạm Quỳnh là một cử chỉ cao quý. Những người dám treo ấn từ quan để tỏ rõ thái độ, bỏ hết công danh phú quý đi theo tiếng gọi của lương tâm, đếm trên đầu ngón tay không được mấy người. Một lãnh tụ được cả nước trông vọng về tính tình trong sạch liêm chính như Ngô Đình Diệm rất hiếm. Bệnh tham nhũng là một thứ ung thư của dân tộc Việt Nam, cần phải có một người cương nghị như họ Ngô mới hòng chữa nổi bệnh này.

“Kẻ bàn đi, người nói lại, kết cục giải pháp Ngô Đình Diệm không thành hình sau một cuộc đàm phán nẩy lửa giữa cụ Ngô, đại diện Cựu Hoàng và cao ủy Bollaert, đại diện nước Pháp trong dinh Norodom bây giờ là dinh Độc Lập.”

²¹ Đây là một thỏa ước mang chữ ký của cao ủy Pháp Émile Bollaert và thủ tướng Nguyễn Văn Xuân, có sự phê chuẩn của quốc trưởng Bảo Đại, nhưng được phổ biến dưới hình thức một thông cáo chung. Thường gọi là Thông Cáo Chung Vịnh Hạ Long. Theo thỏa ước này thì Pháp công nhận nền độc lập của Việt Nam. Và Việt Nam chấp nhận ở trong Liên Hiệp Pháp. Nền độc lập của Việt Nam chỉ bị giới hạn bởi khuôn khổ của Liên Hiệp Pháp. Việt Nam cam kết tôn trọng các quyền lợi quốc gia của Pháp, tôn trọng các nguyên tắc dân chủ, và sẽ ưu tiên dùng cố vấn và kỹ thuật viên người Pháp cho nhu cầu tổ chức nội bộ và kinh tế của Việt Nam. (Devillers, SDD trang 431-432).

Theo Phụ Đính III nơi trang 576 cuốn *Con Rồng Việt Nam* thì liên sau và dưới chữ ký của thủ tướng Xuân có ghi tên các vị sau đây: Nghiêm Xuân Thiện, Đặng Hữu Chí, Phan Văn Giáo, Nguyễn Khoa Toàn, Đinh Xuân Quảng, Trần Văn Hữu, Lê Văn Hoạch. Nhưng không thấy danh tánh của quốc trưởng Bảo Đại. Nhưng các tài liệu của Pháp Mỹ đều nói Bảo Đại chứng kiến và ký phê chuẩn (contresigner).

Những tài liệu nói Bollaert ký với Bảo Đại là sai. Bảo Đại chỉ ký với Tổng Thống Pháp Vincent Auriol thỏa ước Élysée ngày 8-3-1949.

²² Devillers SDD trang 425-427.

²³ *The Last of the mandarins: Ngo Dinh Diem of Vietnam* by Anthony Trawick Bouscaren, trang 28.

²⁴ SDD trang 241-242. Cuốn *The Two Vietnams*, xuất bản năm 1963 trước khi ông Diệm bị lật đổ, được sửa chữa, bổ sung và tái bản 2 lần vào

những năm 1964 và 1967. Ý này lấy từ lần tái bản thứ 2, năm 1967. Xem nguyên văn đầy đủ trong *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê* của Minh Võ lần tái bản thứ 2 năm 2002, trang 91-92 và 97.

²⁵ Xin xem “Lời tuyên bố của chí sĩ Ngô Đình Diệm ngày 16- 6-1949” được in lại trong tập san “Con Đường Chính Nghĩa: Độc lập, Dân chủ: Hiệu triệu và diễn văn quan trọng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm”, tập I, do Sở Báo Chí và Thông Tin, Phủ Tổng Thống, năm 1956, trang 221-222.

²⁶ Xem *Struggle For Indochina* của Ellen Hamer trang 275 và *Việc Từng Ngày* của Đoàn Thêm tr. 211.

²⁷ Trong thời gian này ông Diệm có làm một bài thơ gửi gắm tâm tư về sau có người ghi lại. Chúng tôi đã được Giáo Sư Nguyễn Ngọc Phách ở Úc gửi cho cùng với bài họa của cụ Tôn Thất Tuệ ở Montréal, Canada. Xin ghi lại đây để độc giả thưởng lãm.

Bài thơ ông NĐD làm khi ở Mỹ năm 1953

Nỗi lòng

Gương đàn nửa gánh quẩy sang sông
Hỏi bến: thuyền không lái cũng không
Xe muối nặng nề thương vó ký
Đường mây rộng rãi tiếc chim hồng
Vá trời lấp biển người đâu tá
Bán lợi mua danh chợ vẫn đông
Lửa nằng mưa theo cuộc thế
Cầm sào đợi nước thuở nào trong?

Ngô Đình Diệm, Hoa Kỳ 1953

Bài họa của cụ Tôn Thất Tuệ Montréal, Canada, 2007, nhan đề:

Danh thơm ngời thanh sử

Sống thác đàn theo vận núi sông.
Bao nhiêu tâm huyết hóa thành không.
Tài năng nguyên hiến quê Nam Việt.
Tiết tháo thể dăng giống Lạc Hồng.
Quân tử trung kiên chùng thấy ít,
Tiểu nhân loạn tặc quả rằng đông.
Danh thơm muôn thuở ngời thanh sử,
Hậu thế nghìn sau rõ đục trong.
Tôn Thất Tuệ (Montréal, 2007)

²⁸ Ngoài ông Ngô Đình Diệm và 6 nhân vật kể trên, trong bữa tiệc còn có sự hiện diện của giám mục Việt Nam Hoàng Văn Đoàn và 3 người Mỹ khác là Bill Costello phóng viên hãng CBS; Ray Newton, một viên chức của ủy ban phụ trách những người bạn Mỹ; và Edmund S. Gullion, một viên chức bộ Ngoại Giao phụ trách hoạch định chính sách. Chú thích này ghi theo Giáo sư Edward Miller, *Journal of Southeast Asian Studies*, tháng 10-2004

²⁹ Theo ông Cao Xuân Vỹ thì cùng với 2 ông Bửu và Nhu còn có thêm ông Huỳnh Hữu Nghĩa. Và thoát tiên các ông đặt tên đảng là đảng Công Nông. Nhưng sau đó không muốn cái tên đó nhắc nhở đến liên minh Công Nông của Cộng Sản, nên đổi ra là Cần Lao Nhân Vị.

³⁰ Xem *The Enigma of Ngô Đình Diệm*, The Commonwealth September 21, 1962, trang 516-517. Fairbanks cũng cho rằng viễn kiến của Ngô Đình Diệm hơn hẳn của Nehru (Ấn Độ) và Soekarno (Nam Dương), vì ông trên còn hoài nghi, và ông dưới thì cơ hội. Chỉ có tư tưởng của họ Ngô đủ sức đương đầu với thách đố của Cộng Sản.

³¹ *Con Rồng Việt Nam* do Nguyễn Phước Tộc dịch và xuất bản tại Nam Cali, năm 1990, trang 515. Nguyên tác bằng Pháp văn tác giả Bảo Đại, *Le Gragon D'Annam* (Plon, Paris, 1980).

Người viết đã trích nguyên văn lời của ông Bảo Đại trong hồi ký Con Rồng Việt Nam, để độc giả khỏi ngộ nhận khi đọc nhiều tác giả vốn có ác cảm hay thành kiến với ông Diệm, trong đó chẳng những có những người đứng sau ông Đỗ Mậu, tác giả cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, hay nhóm Giao Điểm, mà còn có cả sử gia Pháp Bernard Fall (vì tin vào những nguồn tin có ác ý), đã viết rằng ông Diệm đã qùy gối thể với ông Bảo Đại và cả bà Nam Phương... Có lẽ phòng bên có thánh giá là phòng riêng của bà Nam Phương, vì lúc ấy ông Bảo Đại chưa tin Chúa.

Trước đó ông Bảo Đại còn ghi rõ: “Cứ mỗi lần mà tôi cần thay đổi chính phủ, tôi lại phải gọi đến ông. Ông thì lúc nào cũng từ chối (...) Nay tôi kêu gọi đến lòng ái quốc của ông. Ông không có quyền từ chối trách nhiệm của mình. sự tồn vong của Việt Nam buộc ông như vậy.” (trang 515)

³² Trong cuốn *The Smaller Dragon, A Political History of Vietnam* (NY: Praeger, 1958) ngay ở mấy trang đầu, lời nói đầu, ông đã thú nhận như vậy. Vì cũng như Joseph Alsop, ký giả của tờ New York Herald Tri-

bune, ông đến Việt Nam để được chứng kiến sự thảm bại của con người “cứng cỏi, không có kinh nghiệm, và thiếu khả năng này” (tức Ngô Đình Diệm). Nhưng chỉ mấy tháng sau ông đã đổi hẳn quan điểm, sau khi đã chứng kiến những hành động sáng suốt và vô cùng can đảm của Ngô Đình Diệm. Năm 1957, trong chuyến công du của tân tổng thống Việt Nam Cộng Hòa tới Hoa Kỳ, người ta thấy Buttinger ngồi bên cạnh Tổng Thống Diệm để làm thông ngôn.

³³ Buttinger SDD, trang 5 và kế tiếp. Buttinger viết nguyên văn: “I regarded Ngô Đình Diệm as a man of exceptional political talent... tôi coi Ngô Đình Diệm là người có tài phi thường về chính trị.”

³⁴ Theo đúng nghĩa đen. Vì hội nghị đã phải kéo lùi giờ Genève lại sau giờ thứ 24 để việc ký kết được thực hiện “trong ngày 20”. Vì nếu không thì thủ tướng Mendes France phải từ chức, như đã hứa rằng nếu không hoàn tất được công việc trong ngày 20 là hạn chót thì ông sẽ từ chức.

³⁵ Con số chính thức của Phủ Tổng Ủy Di Cư là 928,152, trong đó có 794,876 Công Giáo.

Về con số gần triệu này, sử gia Bernard Fall bình luận: “Để di chuyển gần một triệu quân được huấn luyện tốt trong thời bình đã là cả một kỳ công về vận chuyển và tiếp liệu. Đảng này di chuyển cũng từng ấy thường dân vô tổ chức trong tình trạng tan hoang (của đất nước) chỉ trong thời gian không đầy một năm chắc chắn sẽ còn là một kỳ tích về lâu về dài.” (Xem *Vietnam The First Five Years*, by Richard W. Lindholm, Michigan State University Press, 1959, trang 54.)

³⁶ Xin xem phần IV để biết về công tác của vị bác sĩ này.

³⁷ Về cái chết của tướng Thế, về sau có lời đồn ác ý là do anh em ông Diệm chủ mưu. Nhưng nhờ có lời thú nhận của Thiếu Tá Savani thuộc phòng nhì Pháp trước, trên giấy trắng mực đen nên tin đồn đó không còn được nhắc lại. Luật sư Đinh Thạch Bích, một phụ tá của Tướng Thế có lần nói với người viết, lúc ấy anh em ông Diệm đang rất cần tướng Thế. Và lại ông Nhu đã phải mất nhiều công mới chiêu dụ được tướng Thế về với chính phủ. Nói ông Diệm âm mưu hại ông Thế là chẳng biết gì cả. Chính ông Bích chứng kiến ông Diệm đã xúc động đến thế nào khi vừa nghe tin tướng Thế tử nạn. Đại Tá Lansdale cũng viết là ông chưa bao giờ thấy ông Diệm xúc động đến thế.

³⁸ Trong số những phụ tá của Bảy Viễn, thuộc nhóm Bình Xuyên có đại tá Thái Hoàng Minh đã phản Bảy Viễn, đem một số quân về định hợp tác với chính phủ. Nhưng không may đã bị Bảy Viễn phát giác và hạ sát. Cũng trong thời gian này Pháp đã đưa vào Sài Gòn 30,000 quân và 400 chiến xa, nói là để bảo vệ kiều dân Pháp. Nhưng thực ra là để yểm trợ cho phiến quân Bình Xuyên.

³⁹ Tướng Collins tới Sài Gòn ngày 8-11-54 để chứng tỏ từ đó Hoa Kỳ sẽ tích cực ủng hộ chính phủ Ngô Đình Diệm. Ban đầu ông cũng ca ngợi thủ tướng Diệm là người có lòng yêu nước và liêm chính. Nhưng dần dần ông mất cảm tình vì ông Diệm đã khuếch tử không làm theo một số khuyến cáo của ông.

⁴⁰ Cũng có tin trái ngược rằng tướng Vỹ đem quân về theo lệnh Bảo Đại để giúp thủ tướng dẹp loạn. (?)

⁴¹ Theo Bernard Fall (*Hai Nước Việt Nam* thượng dẫn, trang 255) thì chính ông Bảo Đại đã thuận theo lời đề nghị của thủ tướng Diệm, để ba tiểu đoàn ngự lâm quân chống quân của Bình Xuyên và giáo phái. Trong trường hợp này, cựu hoàng đã tuyên bố: “Tôi không muốn sau này người ta sẽ bảo tôi đã chọn quyền lợi riêng ích kỷ, thay vì sự sống còn của dân tộc.”

⁴² Một trong những cố vấn tài ba và đặc lực của Tổng Thống Diệm về cái cách diễn đạt là Giáo Sư Wolf Ladejinsky. Ông rất được ông Diệm tin cậy. Theo Suzanne Labin thì đã nhiều lần ông Nhu giận dữ hỏi ông Trần Văn Chương: *Ba muốn mất một ít ruộng hay muốn mất cả Việt Nam?* (SDD trang 65)

⁴³ Sau đây (xin nêu làm ví dụ) là mấy điều căn bản ở đầu bản Hiến Pháp với 98 điều:

Điều 3: Quốc dân ủy nhiệm vụ hành pháp cho Tổng Thống dân cử, và nhiệm vụ lập pháp cho Quốc Hội cũng do dân cử.

Điều 4: Hành pháp, lập pháp, tư pháp có nhiệm vụ bảo vệ Tự Do Dân Chủ, Chính Thể Cộng Hòa, và trật tự công cộng. Tư pháp phải có một quy chế bảo đảm tính cách độc lập.

Điều 5: Mọi người dân, không phân biệt nam nữ sinh ra bình đẳng về phẩm cách, quyền lợi và nhiệm vụ, phải đối xử với nhau theo tinh thần tương thân tương trợ.

Quốc gia công nhận và bảo đảm những quyền căn bản của con người trong cương vị cá nhân, hay trong cương vị tập thể.

Quốc gia cố gắng tạo cho mọi người những cơ hội đồng đều và những điều kiện cần thiết để thụ hưởng quyền lợi, và thực hành nhiệm vụ.

Quốc gia tán trợ sự khuếch trương kinh tế, phát huy văn hóa, khai triển khoa học và kỹ thuật.”...

⁴⁴ Fall, *The Two Vietnam*... trang 237)

⁴⁵ Francis X. Winters, *The Year Of The Hare*, University of Georgia Press, 1997, trang 93.

⁴⁶ *The Two Vietnams*, trang 268.

⁴⁷ Trong số này phải kể trước tiên nhà báo Joseph Buttinger. Tuy vào những năm cuối, và sau khi TT Diệm đã bị lật đổ, Buttinger có phê bình chỉ trích TT Diệm là độc tài không chịu chia sẻ quyền hành với các đảng phái. Ông đặc biệt bênh vực lãnh tụ Đại Việt Nguyễn Tôn Hoàn... Nhưng đến năm 1959 Buttinger hãy còn gọi những thanh tỵ của TT Diệm là một phép lạ chính trị, mà tác giả là Ngô Đình Diệm (xin xem *Vietnam, The First Five Years*, tổng biên tập Richard W. Lindholm, 1959, trang 29-30)

Trong những cuộc họp báo của TT Diệm tại Hoa Kỳ, Joseph Buttinger là thông dịch viên chính thức, vì ông thông thạo Anh và Pháp ngữ, và được TT Diệm quý mến.

Còn William Henderson, một chuyên viên hội đồng cố vấn về chính sách đối ngoại, tại Nữu Ước thì gọi những thanh tỵ của ông Diệm trong những năm đầu là một phép lạ chính trị với tầm quan trọng to lớn số một (a political miracle of the first magnitude). Nhưng cũng phải ghi nhận là đến năm 1959, khi Henderson thấy ông Diệm vẫn còn duy trì một nền cai trị độc tài thì ông đã tiên đoán đó là điềm xấu sẽ có thể dẫn đến tai họa. Ông cho rằng thời gian đầu cần phải độc tài mới giữ được nước. Nhưng khi chính quyền đã mạnh thì phải nói lỏng cho có dân chủ. (Xin xem *The Five First Years*, trang 342-343)

John M. Mecklin, phóng viên báo Time-Life thì cho đến 1959 vẫn còn nhắc đến phép lạ của ông Diệm: “Nhìn dưới ánh sáng của sự tuyệt vọng cùng cực khắp nơi trong những tháng sau (chiến thắng của CS tại) Điện Biên Phủ, thì chỉ nguyên sự kiện cho đến nay chế độ Diệm hãy còn tồn tại là một phép lạ.”

⁴⁸ Trích dẫn bởi Buttinger, SĐD, trang 63.

⁴⁹ Ngày 6 tháng 5 năm 1957 Tổng Thống Ngô Đình Diệm lên đường. Dọc đường ông đã được Đô Đốc Felt, tư lệnh lực lượng Hoa Kỳ vùng Thái

Bình Dương đón ở đảo Guam. Đến Honolulu, thủ phủ của quần đảo Hawai (lúc đó sắp trở thành tiểu bang thứ 50 của Hiệp Chúng Quốc Hoa Kỳ), thì Tổng Thống Eisenhower phái máy bay riêng của Tổng Thống, chiếc Air Force One, cùng ngoại trưởng Foster Dulles từ thủ đô đến nơi xa xôi này để đón TT Diệm với 21 phát đại bác.

Khi tới thủ đô Hoa Kỳ thì đích thân Tổng Thống Eisenhower đã ra đón tận chân cầu thang máy bay Air Force One, đưa về dinh quốc khách Blair House. Hôm sau là quốc yến do Tổng Thống thiết tại tòa Bạch Ốc.

⁵⁰ Số tiền mà Hoa Kỳ viện trợ cho chính phủ Ngô Đình Diệm trong 2 năm 1955-1956 ước lượng là 500 triệu Mỹ Kim. Trong số đó 340 triệu được dành cho việc xây dựng và huấn luyện các lực lượng vũ trang.

⁵¹ Bộ trưởng Ngoại Giao Úc R. G. Casey thời ấy có lẽ cùng quan điểm với ông Diệm khi viết về việc nhiều người phê bình chế độ ông Diệm thiếu dân chủ: *Democracy is not something that can be granted or imposed: It must evolve naturally from a spread of political consciousness and a sense of responsibility in a population.* (Tạm dịch: Dân chủ không phải cái gì có thể ban cho hay áp đặt: Nó phải tiến hóa một cách tự nhiên từ sự giáo dục ý thức chính trị và tinh thần trách nhiệm trong dân chúng.) Ông cũng cho rằng để tiến tới một nền dân chủ đại nghị kiểu Tây Phương cần có một thời gian dài, vì cần phải thay đổi những tập quán suy nghĩ đã thắm rộ trong nhân dân.

⁵² Cuộc diễn hành đặc biệt này mệnh danh là Ticker Tape Parade. Tổng Thống cùng với thị trưởng ngồi xe mui trần rong ruổi khắp các phố ở trung tâm thành phố để dân chúng hai bên đường hoan hô...

⁵³ Tên kẻ sát nhân là Hà Minh Trí hay Chí, tức Phạm Ngọc Phú. Sau khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản, y đã được Việt Cộng trọng dụng trong chức vụ một trưởng ty tại tỉnh Tây Ninh.

⁵⁴ Cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc, có kể cho người viết, có một lần, mới 4 giờ sáng Tổng Thống đã đánh thức ông bảo chuẩn bị đưa tổng thống đi thăm một ngôi chùa trong thành phố. Tổng thống còn dặn đừng cho ai biết trước. Tổng Thống đã được vị sư chủ trì và nhiều tăng ni đón tiếp vui vẻ, tuy là rất đơn sơ, vì không biết trước. Thấy Tổng Thống có vẻ bình dân dễ dãi, có vị sư đã nói, “tổng thống có chuyện vui mà giấu chúng tôi...” Vị sư có ý nói đến chuyện Tổng Thống được giải Magsaysay cả chục ngàn Mỹ Kim nhưng đã nhường số tiền đó lại cho Đức Đạt Lai Lạt Ma. Về chi tiết chuyện

này xin xem phần Phụ Lục cuốn *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê*, lần tái bản thứ 2, năm 2002, trang 350-352 (chỉ ở lần tái bản này mới có).

55 Trong cuốn *Our Endless War* (Cuộc Chiến Bất Tận Của Chúng Tôi, nxb Presidio Press, 1987, trang 63), tác giả, tướng Trần Văn Đôn, một trong những tướng trụ chốt làm đảo chính lật TT Diệm, đã thuật lại lời của dân làng nói với ông, nguyên văn: “In ten years of leadership by Ho Chi Minh, he never once took the trouble to visit us, but after only ten days, Ngô Đình Diệm has already come to see us and listen to our problems.” The people both in cities and hamlets were becoming aware of Diem and liking what they saw.” Tạm dịch: Trong 10 năm dưới quyền ông Hồ Chí Minh, ông ta chưa một lần nào tốn công tới thăm chúng tôi. Nhưng mới chỉ 10 ngày (sau giải phóng), ông Ngô Đình Diệm đã tới thăm và nghe chúng tôi kể những nỗi khó khăn của chúng tôi.” Dân chúng ở cả thành thị lẫn xóm làng đều biết về ông Diệm và lấy làm thích những gì họ được xem thấy.”

56 Về chuyện ông Diệm đi bộ, Giáo Sư Tôn Thất Thiện có thời gặp gỡ ông ở Paris năm 1953 có kể rằng ông thích đi xem Paris và các nhà thờ, mà ông toàn đi bộ, đến nỗi Cảnh Sát Pháp có nhiệm vụ theo dõi ông phải la lên: Ông này điên hay sao mà toàn đi bộ!

57 Trong cuốn *Our Vietnam Nightmare*, nxb Harper & Row, 1965, (trang 160-162) nữ ký giả Marguerite Higgins đã công bố lá thư dài 3 trang của đại sứ Nolting viết về TT Diệm, chỉ xin trích vài hàng: “Ông Diệm là người đi đường không biết mệt. Ông rời Sài Gòn đi về các tỉnh mỗi tuần hai, ba ngày. Đi theo ông chúng tôi mệt lả, tả tơi. Ngoài những bộ tư lệnh và các tiền đồn, ông còn đi tới tận các quận huyện xa xôi, thôn xã hẻo lánh tận Cà Mau, những làng thượng trên cao nguyên, và những trại huấn luyện người Thượng, những hải đảo ngoài khơi, tới sát vĩ tuyến 17 v.v... (...) Đối với một người lùn và mập như ông Diệm thì đi như vậy là quá nhanh... không có ngọn đồi nào hay bụi rậm nào có thể làm ông chùn bước...” Xin xem toàn lá thư trong *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê* của Minh Võ, tái bản lần thứ hai, 2002, từ trang 102 đến 104.

58 *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*, tác giả Hồ Sỹ Khuê, nhà xuất bản Văn Nghệ, Cali, 1990, trang 270.

Tình trạng dân sinh tiến bộ nhanh như vậy là nhờ ông Diệm, ngay khi mới về nước với trăm nghìn khó khăn trắc trở chẳng những đã đưa ra những chương trình về nông nghiệp mà ngay từ năm 1955 ông đã cho xúc

tiến chương trình công nghiệp nhẹ. Ví dụ cho lập thêm nhiều nhà máy cưa, nhà máy xay lúa, nhà máy dệt, nhà máy đường, nhà máy thủy tinh, đồng thời cho khai thác mỏ than Nông Sơn, vân vân... Kết quả là năm 1957 số nhà máy cưa đã tăng từ 200 lên 300. Và có 400 nhà máy xay mới nâng tổng số lên 1000 nhà. Về máy dệt năm 1955 có 6000 khung cửi, đến năm 1957 đã tăng lên 10,200 chiếc...

⁵⁹ Theo *Thành Tích 6 năm hoạt động của chính phủ VNCH*, 1960, do Hồ Đắc Huân tái bản năm 2007.

⁶⁰ Ngay khi còn là phó tổng thống, ông Johnson đã tỏ ra đặc biệt quý mến Tổng Thống Diệm đến nỗi ông treo ảnh ông Diệm ngay tại phòng khách của ông và 3 tuần sau khi ông Diệm bị hạ và bị giết người ta vẫn còn thấy chân dung ông Diệm tại đó. Ông còn chỉ cho nghị sĩ Hubert Humphrey (sắp lên làm phó tổng thống thay Johnson, sau cái chết của TT Kennedy) thấy và nói về cái chết bi thảm của Tổng Thống Kennedy.

⁶¹ Cuộc đảo chính này còn có sự tham gia của đại tá Nguyễn Chánh Thi, người được Tổng Thống Diệm tin dùng. Có người lầm bảo ông Thi cầm đầu cuộc đảo chính. Nhưng ông chỉ tham gia vì mắc lừa và miễn cưỡng. Người cầm đầu bề ngoài là Vương Văn Đông và Nguyễn Triệu Hồng, nhưng người ta nghi người xướng xuất là Trung tá Trần Đình Lan, thuộc Phòng Nhì (tinh báo quân đội) của Pháp trước kia. Chính phủ còn bắt được tài liệu cho thấy tòa đại sứ Mỹ cũng có dính líu vào. Nên sau đó đại sứ Elbridge Durbrow đã bị triệu hồi và được thay thế bởi đại sứ Frederick Nolting. Và một nhân viên CIA tên là George Carver có để lại dấu vết liên lạc và giúp đỡ Luật Sư Hoàng Cơ Thụy trong âm mưu này, nên cũng bị triệu về nước. Nhiều tài liệu nói LS Thụy đã được Carver bỏ vào một bao bố đưa lên máy bay theo “công hàm ngoại giao” để thoát lưới hải quan? Nhà văn Nhất Linh khi thấy cuộc đảo chính thất bại đã chạy vào tòa đại sứ Trung Hoa Dân Quốc xin tỵ

nạn. Nhưng rồi được giao cho cảnh sát tạm giam ít ngày trước khi được thả ra. Nhưng đến tháng 7-1963, 3 năm sau, khi nhận được trật đòi ra hầu tòa về tội phản nghịch, ông đã uống thuốc ngủ để tự tử. Cái chết của ông đã khiến ông Diệm rất buồn rầu, phải lên Đà Lạt tĩnh dưỡng mấy ngày. Vì dầu sao ông cũng là một trong những nhà cách mạng từng ngưỡng mộ và hết lòng ủng hộ ông Diệm trong những năm đầu mới về nước.

⁶² Gọi là nhóm Caravelle vì nhóm này, gồm 18 nhân sĩ và trí thức tên tuổi, họp tại khách sạn Caravelle, ngay trung tâm thủ đô Sài Gòn, để đưa ra

yêu cầu chính phủ cải tổ và mở rộng cho đối lập tham gia. Trong số 18 nhân vật này có những người rất nổi tiếng từ lâu như các cụ Phan Khắc Sửu, Trần Văn Lý, Trần Văn Hương, ông Trần Văn Văn, luật sư Trần Văn Tuyên... và cả bác sĩ Trần Văn Đỗ chú ruột của bà Nhu từng là bộ trưởng ngoại giao trong chính phủ Ngô Đình Diệm vào những ngày đầu. Tiếc rằng chính quyền đã không đáp ứng yêu cầu này.

Việc chính quyền đưa vụ đảo chính hụt 1960 ra xử vào giữa lúc biến cố Phật Giáo đang xảy ra bất lợi là một hành động bị phê bình là rất vụng về.

⁶³ Hai phi công vô kỷ luật này là Phạm Phú Quốc và Nguyễn Văn Cử. Trung úy Cử là con một thủ lãnh Việt Nam Quốc Dân Đảng, ông Nguyễn Văn Lực. Đại Tá Nguyễn Xuân Vinh tức nhà văn Toàn Phong và sau này là khoa học gia nổi tiếng thế giới, đã không bị cách chức. Nhưng ông thấy mình có trách nhiệm nên xin từ chức và được Tổng Thống chấp thuận.

Trong hai quân nhân phản loạn này, Nguyễn Văn Cử đã trốn sang Cam Bốt. Còn Phạm Phú Quốc bị bắt. Cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc cho người viết biết: Có một hôm Tổng Thống chỉ thị ông (lúc ấy là tùy viên của Tổng Thống) xuống cơ quan an ninh điều tra về tin đồn Phạm Phú Quốc bị tra tấn dã man, bị rút các móng tay. Ông Lộc đã yêu cầu đại tá Đỗ Mậu, giám đốc An Ninh Quân Đội dẫn tới gặp Phạm Phú Quốc. Ông bắt tay anh ta để biết chắc là hai bàn tay lành lặn nguyên vẹn. Ông cũng hỏi, anh có bị đánh đập gì không, thì được trả lời là không. Trong dịp này Phạm Phú Quốc có nhờ ông Lộc chuyển lên Tổng Thống lá thư bày tỏ lòng hối hận và xin lỗi Tổng Thống. Nhưng ông không nhận chuyển lá thư. Ông bảo mục đích của ông chỉ là theo lệnh Tổng Thống xem tận mắt để biết can phạm không bị hành hạ thôi. Thư hãy gửi qua cơ quan đang giam giữ.

Tuần báo Time của Mỹ (9-3-1962, trang 29) ghi: “Tổng Thống Diệm đã thoát khỏi cuộc mưu sát một cách can đảm và bình tĩnh” (The President himself came through the assassination attempt with courage and coolness.)

⁶⁴ Bouscaren, *The Last Of The Mandarins: Diem of Vietnam*, Duquesne Un. Press, Pittsburg, PA, 1965, trang 117.

⁶⁵ Số là đồng lý văn phòng Quách Tòng Đức đã quên không phổ biến chỉ thị của Tổng Thống về việc quy định thể thức treo cờ quốc gia và cờ tôn giáo. Đến gần ngày Phật Đản năm ấy ông mới vội vã gửi đi. Vì vậy người ta có có để hiểu lầm rằng Tổng Thống cố ý chỉ làm khó về việc treo cờ Phật

Giáo. Việc này ông Quách Tòng Đức đã nhận lỗi và xin từ chức. Nhưng Tổng Thống không cho, chỉ khiển trách. Công Điện đó mang số 9159 này 6-5-63. Về “biến cố Phật Giáo”, trong tác phẩm Dòng Họ Ngô Đình, Giặc Mo Chùa Đạt, Hoàng Nguyên xuất bản năm 2003, tác giả Nguyễn Văn Minh đã viết đầy đủ chi tiết, trong hơn 100 trang, từ trang 137 đến trang 239. Nên ở đây chỉ được nhắc lại vài nét đại cương.

Để chứng minh mấy nhà sư như Thích Trí Quang đã mạnh dạn không phải vì lý do tôn giáo, mà vì tham vọng chính trị, không gì bằng trích dẫn ngay lời của tướng Nguyễn Cao Kỳ, người tuyên bố công khai mình là Phật tử, và đã hô hào cả gia đình ủng hộ Tổng Thống Diệm khi ông mới về nước, và trong cuộc trưng cầu dân ý. Nhưng về sau đã hiểu lầm ông đàn áp Phật Giáo nên đã nghe theo Đỗ Mậu tham gia đảo chính. Chính ông Kỳ đã thuật lại trong cuốn hồi ký *Twenty Years, Twenty Days* (Hai Mươi Năm, Hai Mươi Ngày), nxb Stein And Day, NY, 1976, trang 35 và 87:

“Thích trí Quang (TTQ), kẻ có đôi mắt trùng trùng và hàm răng trắng hếu nổi bật trên màn ảnh TV là kẻ lão luyện trong nghệ thuật quấy rối...” Và:

“TTQ tướng Cabot Lodge (CL) còn giữ cảm tình với mình như cuối năm 1963, nên có lần ông ta đến ngõ ý (với CL) muốn lật tôi, thì bị CL hỏi: “Nhưng giả như thượng tọa lật được tướng Kỳ rồi, thượng tọa sẽ đặt ai làm thủ tướng thay ông ta?” TTQ ngồi im một lúc, suy nghĩ lung lăm. Rồi đưa ra một lời nhận xét khiến CL bàng hoàng: “Chúng tôi sẽ sẵn sàng đặt ông ta ngồi lại ghế thủ tướng.”

Ông Kỳ viết lời này khi CL hãy còn sống và lại viết bằng tiếng Anh, chắc không dám viết sai. Câu trả lời của TTQ chứng tỏ ông ta có tham vọng làm vua, hay quốc trưởng có quyền truất phế thủ tướng, rồi chỉ định thủ tướng. Tham vọng của nhà sư là như thế! Đó là chính trị hay tôn giáo? Cho nên ngay đầu cuốn *No More Vietnams*, Tổng Thống Richard Nixon đã khẳng định cái gọi là cuộc khủng hoảng Phật Giáo ở miền Nam thời TT Diệm, là vấn đề chính trị chứ không phải tôn giáo.

⁶⁶ Stanley Karnow, nhà báo, sau trở thành sử gia nổi tiếng, người thích Hồ Chí Minh hơn Ngô Đình Diệm, và thường bị coi như thiên cộng, tác giả cuốn sách có cả triệu độc giả “*Vietnam a history*” đã viết trong cuốn sách này (trang 295) rằng trong cuộc biểu tình bị giải tán này có 9 người chết gồm một phụ nữ và 8 trẻ em. Không có đàn ông. Người ta có thể hỏi, sao nhóm quá khích lại đẩy phụ nữ và trẻ em đi biểu tình nhiều thế?

⁶⁷ Cao Thế Dung, SDD trang 326-330.

⁶⁸ *A Death In November*, Ellen Hammer, E. P. Dutton, 1987, trang 115.

⁶⁹ Sau ông Diệm, năm 1965 Thích Trí Quang vẫn chống chính quyền, đem cả bàn thờ Phật xuống đường, đặt bên những đồng rác cũng nhằm lật đổ chính phủ của Tướng Nguyễn Cao Kỳ. Nhưng ông này là Phật tử, nên không sợ mang tiếng kỳ thị Phật Giáo. Ông đã thẳng tay cho quân ra miền Trung bắt nhà sư đưa về giam ở Sài Gòn. Thế là cuộc biến loạn miền Trung bị dẹp tan. Cho nên nếu không được ông Cabot Lodge che chở thì vụ biến loạn tháng 8 năm 1963 cũng đã dẹp xong.

⁷⁰ Trong cuốn *Vietnam: An Eye-witness Account*, (Crestwood Books, VA, 1964, các trang 6, 7 và 8) nhà văn Pháp Suzanne Labin đã nêu những con số thống kê chính xác: Trong số 18 bộ trưởng chỉ có 5 là Công Giáo. Trong số 38 tỉnh trưởng chỉ có 12 là Công Giáo. Trong số 19 tướng lãnh chỉ có 3 là Công Giáo. Và trong số 123 dân biểu thì 75 là Phật tử...

Về con số Phật tử cả nước, thường được một số nhà báo không am tường hay cố tình xuyên tạc nói rằng có đến 85- 90 %, (trong số này có cả phụ tá thứ trưởng ngoại giao Mỹ Rogers Hilsman), Suzanne Labin đã ghi: Phật Giáo chỉ có 35 % tức khoảng 5 triệu. Khổng Giáo và đạo Ông Bà 3.5 triệu. Cao Đài 1.5 triệu. Công Giáo 1.5 triệu. Tin Lành 0.5 triệu. Hòa Hảo 0.5 triệu. Ấn giáo 0.5 triệu. Lão giáo 0.5 triệu. Hồi giáo 0.3 triệu. Và các đạo của các sắc dân thiểu số khoảng 1 triệu. Ngày nay có lẽ phải kể thêm vài triệu vô tôn giáo nữa.

⁷¹ Cuộc tự thiêu này đã được chuẩn bị tổ chức quy mô và báo chí ngoại quốc được thông báo trước để sẵn sàng thu hình phổ biến sâu rộng. Theo nhiều nguồn tin thì hòa thượng Thích Quảng Đức đã được một nhà sư hoàn tục tên là Trần Quang Thuận đích thân lái chiếc xe Austin của ông ta chở nạn nhân tới nơi rồi cùng với một người nữa diu hòa thượng tới giữa góc đường, tưới xăng lên và châm lửa thiêu vụ sư đã không còn biết đau nữa. Ông Cao Xuân Vỹ nói với người viết, Trần Quang Thuận là cháu rể ông và ông biết rõ tính anh này. Gần đây anh ta đã công nhiên ra mặt thân thiện với Cộng Sản ở trong nước, và chống lại Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất do đức tăng thống Thích Huyền Quang và hòa thượng Thích Quảng Độ lãnh đạo. Việc tưới xăng và châm lửa do người khác chứ không phải chính hòa thượng Quảng Đức tự làm (để có thể gọi là tự thiêu) đã do chính nhà báo

Stanley Karnow (thường đứng về phe chống ông Diệm) ghi nhận trong tác phẩm nổi tiếng *Vietnam A History* của ông. (trang 281, ấn bản 1983)

72 Nữ ký giả Marguerite Higgins đã đến tận nơi quan sát hoạt động của chùa Xá Lợi, bà còn có lần phỏng vấn chính sư Trí Quang, đã viết nơi trang 17 cuốn *Our Vietnam Nightmare*: “Chùa Xá Lợi chính là nơi được sử dụng để làm bộ chỉ huy gây rối trong các chiến dịch của Phật tử chống ông Diệm. Chính tại đây các máy quay ronéo không ngừng in ra những tài liệu tuyên truyền về cái gọi là sự bách hại Phật Giáo. Chính từ những phòng họp ở phía sau mà những mệnh lệnh được truyền đi tới các toán tự vệ dân dụng nên các cuộc tự thiêu...”

Cuộc lục soát này còn nhắm mục đích bắt tại trận nhà sư lãnh đạo cuộc gây rối là Thích Trí Quang. Tiếc rằng ông ta đã trốn được qua bên trụ sở USOM của Mỹ và được tòa đại sứ che chở, không giao cho Chính Quyền.

Hành động này của ông Lodge so với việc tòa đại sứ Mỹ trao ông Ngô Đình Cẩn cho các tướng đảo chính vài ngày sau đảo chính đã nói lên hết “tình cảm” và tư cách của (người đại diện) nước Mỹ đối với một đồng minh.

73 Âm mưu này đã bị ông Nhu biết được, nên không thành. Tuy nhiên cũng nên ghi lại đây ít hàng về nguồn gốc và cách thức tiến hành công điện của bộ ngoại giao gửi cho đại sứ Lodge cho phép tiến hành cuộc đảo chính. Xin xem Phần IV của soạn phẩm này, chương 12. *Chiến Thắng Bỏ Lỡ*, tóm tắt tác phẩm *Triumph Forsaken*, 1945-1965 của tiến sĩ Mark Moyar, chương 10 (trang 237-238).

74 Phái đoàn gồm có đại diện các nước Afghanistan, Brasil, Costa Rica, Ceylon, Dahomey, Morocco và Nepal. Việc thành lập phái đoàn là do đại sứ của Costa Rica Fernando Volio Jimenez đề nghị. Trả lời phỏng vấn của hãng thông tấn NCWC ngày 20-12 (1963) đại sứ Volio nói: Căn cứ trên bằng chứng thì chính quyền không có chủ trương chống Phật Giáo vì lý do tôn giáo.

Về sau ông cũng nói với nghị sĩ Thomas Dodd rằng sau hai tuần điều tra ráo riết tại Việt Nam, ông đi đến kết luận, những lời buộc tội chế độ Ngô Đình Diệm là vô căn cứ.

Bản phúc trình của phái đoàn đã bị chính quyền đảng Dân Chủ ếm nhem đi một thời gian dài, khiến nghị sĩ Dodd phải nêu vấn đề với nghị sĩ James O. Easland, chủ tịch tiểu ban... để yêu cầu cho công bố. Trước đó ông đã gọi hỏi đại sứ Costa Rica và được ông ghi lại khá dài. Nhưng chúng

tôi chỉ trích dẫn vài câu văn tắt nêu trên. Phúc trình của phái đoàn dài khoảng trên 100 trang.

Trong cuốn *Triumph Forsaken, The Vietnam War, 1954-1965*, Cambridge University Press xuất bản năm 2006, (trang 234) tác giả Mark Moyar đã trung dẫn báo cáo của phái đoàn Liên Hiệp Quốc cho biết có 4 nhà sư mà David Halberstam bảo là bị giết trong vụ kiểm soát các chùa, thì đều còn sống và được nhân viên phái đoàn LHQ phỏng vấn. (Tài liệu của Đại Hội Đồng LHQ khóa 18, tài liệu số A/5630, báo cáo của phái đoàn điều tra tại VN, đề ngày 7-12-1963, trang 75-76)

Halberstam cũng là kẻ đã khen ông Hồ Chí Minh không có tật sùng bái cá nhân như Mao Trạch Đông, Titô và Stalin. Nhưng đến khi biết ông Hồ đã lấy bút hiệu Trần Dân Tiên để tự khen mình, tôn mình là “Cha già dân tộc”, thì vẫn im thin thít, không lên tiếng nhận lỗi lầm.

75 Về chi tiết xin xem các chương sau...

76 Về số tiền tương đương 42 ngàn Mỹ Kim thời ấy mà Lou Conein bỏ trong một túi xách mang theo và các chi tiết về số tiền này xin xem Phần II, Tết Con Heo Nói Chuyện Xuân Con Mèo có trung dẫn bằng chứng từ cuối tác phẩm Việt Nam Nhân Chứng của tướng Trần Văn Đôn, một trong hai người chủ chốt trong cuộc đảo chính.

77 Mấy giờ sau khi thấy cuộc đảo chính đã hoàn toàn thắng lợi, có người đề nghị cung cấp phương tiện chuyên chở để đưa hai ông ra nước ngoài, thì ông đại sứ lại bảo không có máy bay có thể đi đường xa. Ông không muốn cho hai ông đến một nước láng giềng, vì sợ có thể quay về lật lại thế cờ? Vì quyết định này, Cabot Lodge đã trở thành một trong những thủ phạm giết hai vị lãnh đạo Việt Nam.

78 Xem *Nhật Ký Đỗ Thọ*, Nhật báo Hòa Bình xuất bản tại Sài Gòn năm 1970, trang 335.

79 Trong số các sỹ quan đi theo tướng Mai Hữu Xuân có đại tá Dương Ngọc Lắm và thiếu tá Dương Hữu Nghĩa thuộc binh chủng thiết giáp. Một tài xế thiết vận xasau này cho biết đại tá Lắm đến trước Tổng Thống và ông Ngô Đình Nhu, giơ tay chào đúng quân cách. Nhưng thiếu tướng Xuân thì không. Ông Nhu thấy họ đón Tổng Thống bằng xe thiết giáp thì bất bình phản đối. Tổng Thống chỉ im lặng. Tên Nhung muốn cho nhanh việc đã lôi hai người lên đẩy vào xe.

Theo tướng Trần Văn Đôn (tác giả các cuốn *Our Endless War*, và *Việt Nam Nhân Chứng*) thì Nguyễn Văn Nhung là tay giết người có máu lạnh, thường ghi dấu trên báng súng mỗi khi giết một người. Y cũng là kẻ đã đào mồ Ba Cụt lên để phan thây khi ông này đã bị hành quyết. Tướng Nguyễn Khánh cũng đã nói với ký giả Vinh Phúc, như vậy. (Xem *Những Huyền Thoại và Sự Thật về chế độ Ngô Đình Diệm*, trang 218.) Và cả Cao Thế Dung trong cuốn *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống* cũng có nhận xét tương tự. Cho nên khi Nhung bị giết ở phòng giam, tướng Nguyễn Khánh đã lấy làm tiếc. Vì nếu y còn sống sẽ có thêm nhiều chi tiết về vụ sát hại Tổng Thống Diệm đã có thể được đưa ra ánh sáng. Nhiều người nghi tướng Nguyễn Chánh Thi giết Nhung để “trả thù cho ông Diệm”. Nhưng ông Thi đã phủ nhận.

Cho nên việc tướng Minh cho tên Nhung đi theo tướng Mai Hữu Xuân khiến nhiều người đã cảm thấy có chuyện chẳng lành báo trước cho hai nhà lãnh đạo. Khi hoàn thành nhiệm vụ, về tới Tổng Tham Muu, thiếu tướng Xuân đến trước tướng Minh giơ hai ngón tay hình chữ V báo cáo: Mission Accomplie, tiếng Pháp nghĩa là nhiệm vụ đã làm xong. Ông Đôn viết rằng lúc ấy ông Xuân không kịp thấy ông Đôn cũng đứng gần đấy. Cũng có người cho biết trong số các tướng đảo chính có tướng Lê Văn Nghiêm là đảng viên Cần Lao, mà cũng là cán bộ Việt Cộng nằm vùng. Sau 30-4-1975, ông ta đã không phải đi tù VC, lại còn được Việt Cộng cấp nhà ở khang trang. Ông Nghiêm là người đã nói với tướng Minh: “nhỏ cỏ phải nhỏ tận rễ.” Ý nói không nên để hai ông sống.

⁸⁰ Arthur M. Schlesinger, *A Thousand Days*, The Riverside Press Cambridge, 1965, trang 998: Tôi gặp Tổng Thống (Kennedy) chẳng bao lâu sau khi nghe tin Diệm, Nhu đã chết. Ông rất rầu rĩ, xao xuyến. Từ sau vụ Vịnh Con Heo đến giờ tôi chưa bao giờ thấy ông phiền muộn đến thế. (...) Các tướng Sài Gòn cho rằng ông Diệm tự tử. Nhưng Tổng Thống lắc đầu, không tin là một người Công Giáo như ông lại có thể tìm cái chết theo kiểu đó. Ông cũng nói rằng Ông Diệm đã chiến đấu cho xứ sở ông suốt 20 năm ròng và không thể để sự việc kết thúc như thế này được.” Schlesinger là phụ tá đặc biệt của TT Kennedy. Ông cũng là sử gia được giải thưởng Pulitzer, và dạy sử ở đại học Harvard.

⁸¹ Cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc cho biết: Khi bộ trưởng Quốc Phòng McNamara và Thống Tướng Maxwell Taylor ra phi trường Tân Sơn Nhất để

chuẩn bị về nước ông đã ca ngợi Tổng Thống Diệm là có tinh thần tự lập, tự túc, vì chẳng những không xin thêm quân, mà còn đề nghị giảm 1000 cố vấn. Và ông Lộc coi đó như điểm báo trước chuyện chẳng lành. Vì ông biết một số chính khách Việt Nam cũng như một số tài phiệt siêu quyền lực Mỹ chỉ muốn đưa thêm đại quân vào Việt Nam.

Về việc Tổng Thống Diệm muốn Hoa Kỳ rút bớt cố vấn, và không muốn có quân tác chiến ồ ạt vào Việt Nam, có người trung một công điện của tòa đại sứ Mỹ báo cáo về Hoa Thịnh Đốn rằng bộ trưởng Quốc Phòng Nguyễn Đình Thuần trong phiên họp ngày 13-10-1961 có xin thêm quân Mỹ, và muốn biết ý kiến của Ngũ Giác Đài về việc Việt Nam Cộng Hòa muốn xin trung Hoa Dân Quốc gửi sang một sư đoàn để giúp Việt Nam đánh Cộng Sản... Họ báo như vậy là không có chuyện ông Diệm không bằng lòng cho Mỹ đem quân vào Việt Nam. Trái lại có bằng chứng là ông Diệm xin thêm quân.

Nhưng nên để ý mấy điểm sau: Thứ nhất, tin này đến 10 năm sau (1971) mới đưa ra, gần đây mới thấy trong hồ sơ ngũ giác đài, được giải mật. Thứ hai, chỉ nói là báo cáo của tòa đại sứ Mỹ, không cho biết ai ký báo cáo. Thứ ba, phía Việt Nam chỉ nêu đề nghị miệng của ông Nguyễn Đình Thuần là bộ trưởng phụ tá Quốc Phòng.

Sau đây là nguyên văn nội dung bằng chứng được người nêu thắc mắc đưa ra:

The Pentagon papers, Ed. Bantam Books Inc., 1971, trang 40: Ông Diệm từ năm 1961 đã có ý đồ xin thêm quân tác chiến Mỹ và Tàu vào Việt nam: “Điện-văn của Tòa Đại-sứ Mỹ ở Sài Gòn gửi bộ Ngoại-Giao ngày 13 tháng 10, 1961 về những yêu-cầu của ông Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Quốc-Phòng của Nam VN... “Trong buổi họp ngày 13/10/1961 Thuần đã yêu cầu:

1. Gửi thêm các phi-đoàn khu-trục AD-6...
2. Gửi phi-công dân-sự Mỹ...
3. Gửi quân Mỹ tác-chiến hoặc quân Mỹ “cố-vấn tác chiến” cho quân VNCH. Một phần quân-số này sẽ đóng gần vĩ tuyến 17 để quân VNCH được rảnh tay chống quân du-kích ở miền cao-nguyên”
4. Xin được biết phản-ứng của Mỹ đối với đề-nghị (của ông Diệm) xin Trung-Hoa Quốc-gia gửi một sư-đoàn quân tác-chiến vào khu-vực hành-quân ở vùng Tây-Nam... (Bộ-trưởng Thuần) nói ông Diệm, dựa trên tình-hình Lào, sự xâm-nhập (của quân-đội Bắc Việt) và sự lưu-tâm của TT

Kennedy khi gửi Tướng Taylor qua thăm VN, đã yêu-cầu Mỹ hãy duyệt gấp những yêu-cầu trên.” (tr. 40)

Ai cũng thấy một báo cáo “của tòa đại sứ” không thể coi ngang hàng với một phúc trình chính thức có mang chữ ký của ông Đại Sứ. Cũng như lời báo cáo miệng của ông phụ tá Bộ Quốc Phòng không thể có giá trị như văn thư chính thức của chính phủ Việt Nam có mang chữ ký của bộ trưởng Quốc Phòng hay của Tổng Thống. Có thể coi lời đề nghị miệng của ông Thuần nhằm mục đích thăm dò hay lý do chính trị nào đó.

Trong khi lời của chính ông Đại sứ Frederick Nolting viết trong hồi ký *From Trust To Tragedy* đã ghi rõ là Tổng Thống Diệm thấy chưa (chứ không phải không) cần phải có quân tác chiến Mỹ vào lúc này. Nếu khi nào cần thì sẽ có một hiệp ước. Và quân Mỹ sẽ đóng ở vùng giới tuyến. Ngoài ra trong cuốn sách trên đại sứ Nolting còn viết:

“He (Diem) did not want the American forces to fight the battle for South Vietnamese independence and self determination. “If we can not win this struggle ourselves,” he told me, “with the invaluable help you are giving, then we deserve to lose, and will lose.” (SĐD trang 33-34) Tạm dịch: Ông Diệm không muốn quân lực Mỹ chiến đấu cho nền độc lập và tự chủ của nhân dân miền Nam Việt Nam. Ông bảo tôi: Nếu chúng tôi không thể tự chính mình đánh thắng trận giặc này với sự giúp đỡ vô giá của quý quốc, thì quả thực chúng tôi đáng phải thua, và chắc chắn sẽ thua. (Xin mở một dấu ngoặc để thêm rằng đây là một lời tiên tri, trong số hàng chục lời tiên tri của ông Diệm. Vì quả thực sau khi ông chết, miền Nam đã phải dựa hoàn toàn vào Hoa Kỳ, không còn cố tự chính mình đánh được nữa, nên mới thua. Xem qua tưởng nghịch lý. Nhưng đối với ông Diệm nó là sự thực minh nhiên. Ông chủ trương tự lực tự cường (Theo phương châm Tam Túc, Tam Giác). Vì theo ông một dân tộc muốn hùng mạnh phải bắt đầu bằng con đường ấy. Điều này ít người hiểu được. Nên nhiều người đã gọi ông là con người kỳ bí (An Enigma)

Hơn nữa ngay phụ tá ngoại trưởng Roger Hilsman, được sử gia Marilyn Young trưng dẫn, cũng xác nhận ông Ngô Đình Nhu chủ trương tối thiểu là rút bớt cố vấn Mỹ và tối đa là rút toàn bộ cố vấn Mỹ. Mấy điểm này sẽ được khai triển ở phần II, để phần sơ lược tiểu sử này khỏi quá rườm rà.

Tuy nhiên đây là dịp tốt để đưa một nhân chứng đã được nghe chính lời của Tổng Thống Diệm nói với đô đốc Felt tại Đà Lạt.

Ông Lê Châu Lộc là một trong số 12 tùy viên của Tổng Thống Ngô Đình Diệm thay nhau phục vụ trong 9 năm. Chính đại tướng Lê Văn Ty tổng tham mưu trưởng Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã giới thiệu đại úy Lê Châu Lộc với Tổng Thống năm 1959. Ông phục vụ bên cạnh Tổng Thống cho đến ngày đảo chính. Sau đó ông xin giải ngũ trở về đi học lại tại học viện Quốc Gia Hành Chánh. Rồi du học tại trường Kinh Tế Chính Trị Luân Đôn, Anh Quốc. Về nước, ông tham chính và đắc cử nghị sĩ thượng viện năm 1969. Sau 1975, ông làm việc tại Viện Brookings ở thủ đô Hoa Thịnh Đốn. Sau đó sang Đông Âu, và Trung Đông làm việc tại cơ quan phát triển quốc tế cho đến 1995

Trong một cuộc điện đàm với người viết, cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc cho biết ông đã được dịp chứng kiến cuộc đàm luận giữa Tổng Thống Diệm và đô đốc Felt, tư lệnh quân lực Mỹ tại Thái Bình Dương. Theo như ông còn nhớ thì lúc ấy là năm 1962, nghĩa là một năm trước khi Tổng Thống Diệm bị thảm sát trong cuộc đảo chính 1-11-1963.

Tổng Thống tiếp đô đốc Felt tại dinh quốc khách ở Đà Lạt. Ông Lộc là người có nhiệm vụ đón khách đưa vào trình diện Tổng Thống. Tổng thống ra dấu bảo ông đứng cạnh khi Tổng Thống tiếp khách. Nhờ thế ông đã được chứng kiến và nghe nhiều vấn đề quốc sự giữa hai nhân vật quan trọng này. Ông cho biết lúc ấy chỉ có một mình ông trong phòng với Tổng Thống và đô đốc Felt.

Ông Lộc nói, theo những gì ông còn nhớ thì một trong những vấn đề thảo luận giữa vị nguyên thủ quốc gia Việt Nam và một tư lệnh Mỹ, là sự hiện diện của quân đội Mỹ tại chiến trường Việt Nam.

Hai người nói chuyện bằng Anh ngữ, thỉnh thoảng có chen tiếng Pháp. Không có thông ngôn. Tổng Thống nói: Việt Nam Cộng Hòa là một chế độ non trẻ. Việt Nam là một nước nhược tiểu rất cần và hoan nghênh sự viện trợ

của Hoa Kỳ là một đại cường có đủ khả năng giúp Việt Nam về mọi mặt. Nhất là về tài chính, kinh tế, về truyền thông, kỹ thuật tân tiến. Về quân sự ông nói, để chống lại cả một khối cộng càng ngày càng bành trướng, dĩ nhiên Việt Nam Cộng Hòa không thể chiến đấu đơn độc. Cho nên “chúng tôi rất cần sự cố vấn của các sĩ quan Mỹ dày kinh nghiệm chiến trường. Chúng tôi cũng rất cần những vũ khí và trang bị tân tiến của Mỹ. Và khi cần cũng có thể phải xin quân tiếp viện, ít nhất là tại những tiền đồn và những vị

trí chiến lược hiểm yếu. Nhưng trong lúc này thì chưa cần. Và lại công việc chiến đấu phải là nhiệm vụ chủ yếu của quân, dân Việt Nam. Muốn thắng Cộng Sản để có được một nền độc lập và một thể chế dân chủ tiên tiến, nhân dân Việt Nam phải hy sinh trước. Không thể cạy nhò và y lại vào quân viện nước ngoài. Hơn nữa chỉ có người Việt Nam mới hiểu rõ nhu cầu của mình, và hiểu rõ đối phương cùng nòi giống.

Tôi còn nhớ mãi nguyên văn câu tiếng Anh Tổng Thống nói với đô đốc Felt: *Freedom is not free*, Tự do không miễn phí. Nghĩa là người Việt muốn có tự do, thì chính người Việt phải hy sinh chiến đấu để dành lấy tự do. Không thể có ai ban tự do cho người Việt được.

⁸² Nguyên văn lời của ký giả Keyes Beech nói với giáo sư Tôn Thất Thiện như sau: *"You know on the afternoon of the day President Diem was overthrown, I was in a bar in Phnom-Penh. Sitting next to me was Wilfred Burchett. We were not friends. But on hearing the news about President Diem's death, he turned to me and said: 'It's unbelievable! They have killed the only man with the ideas and the organization that can stop us'."*

Giáo sư Thiện còn thuật lại một người bạn cũ nói với ông rằng ông ta được nghe chính ông Hồ nói với nhóm các ông, khi tình cờ được gặp ông Hồ vào đúng lúc vừa được tin ông Diệm bị lật đổ. Ông Hồ nói: *"Bác vừa nhận được tin ông Diệm đã bị lật đổ. Ông ấy là đối thủ đáng sợ nhất của Bác. Từ nay chắc chắn chúng ta sẽ chiến thắng"*.

⁸³ Richard M. Nixon, *No More Vietnams*, 1985, trang 70

⁸⁴ Trong tác phẩm *The Last Of The Mandarins: Diem Of Vietnam*, (Duquesne University Press, Pittsburgh, PA, Editions E. Nauwelaerts, Louvain, 1965, trang 134-135) ký giả Anthony Trawick Bouscaren cho biết đã nhiều lần Tổng Thống Ngô Đình Diệm thuận theo đề nghị của các cố vấn Mỹ để điều chỉnh lại chính sách về Ấp Chiến Lược cho hợp lý hơn, ví dụ tăng về phẩm và giảm về lượng và tốc độ. Đây chỉ là một ví dụ. Nhưng những sự nhượng bộ hợp tình hợp lý đó, không bao giờ được phía tòa đại sứ hay báo chí Mỹ nói tới. Họ chỉ rầm rộ truyền tải những tin về sự cứng rắn, buồng binh của chính quyền Sài Gòn, và những tin tức gây chấn động du luận Mỹ. Tác giả Bouscaren viết: *"Một nhà ngoại giao Tây Phương đã nói: 'Đại sứ Lodge và phó đại sứ William Truehart nhất quyết phải hạ Diệm đến nỗi họ chống lại việc có thể cho ông cơ hội chứng tỏ là ông ta muốn thỏa hiệp. Họ sợ điều đó sẽ làm cho những người chống đảo chính ở Hoa Thịnh Đốn sẽ có thêm lý do mạnh hơn.'"*

⁸⁵ SDD trang 147

⁸⁶ Phạm Kim Vinh, *Cái Chết Của Nam Việt Nam, Những Trận Đánh Cuối Cùng*, nxb Xuân Thu, 1988, trang 407.

⁸⁷ Cao Thế Dung, trong cuốn sách viết chung với Lương Khải Minh, tức bác sĩ Trần Kim Tuyến, nhan đề “*Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống*”, (nxb Hòa Bình, Sài Gòn, 1970, trang 74) đã thuật lại chuyện Tổng Thống Diệm đã xử bà Nhu thua khi phán quyết rằng đại úy Bằng đã làm đúng khi không cho bà từ dinh Gia Long về dinh Độc Lập cùng một lượt với Tổng Thống, mà phải đi sau Tổng Thống 5 phút, đúng theo nghi lễ.

Nhiều người chê hội Phụ Nữ Liên Đối của bà Nhu chỉ để làm cảnh. Nhưng cũng nhiều người biết bà đã từng là huấn luyện viên tác xạ cho các thanh nữ Cộng Hòa ở nông thôn, (Le Ly Hayslip: *When Heaven and Earth Change Places*, Double Day, NY, 1989, trang 33-34) và các con bà đều được huấn luyện thành xạ thủ. Nhà văn Pháp Suzanne Labin đã thấy bé Ngô Đình Quỳnh mới 9 tuổi đã bắn trúng con chim đậu trên cành cao. Ngô Đình Lệ Thủy thì là một xạ thủ cừ khôi. (*Vietnam, An Eye-witness Account*.) Điều đó cho thấy dầu sao bà Nhu ít ra cũng có ý muốn tạo nên một đoàn thể phụ nữ năng động, và hữu dụng (ít nhất để tự vệ) trong một nước có chiến tranh, dù kết quả chưa được như mong muốn.

⁸⁸ Theo Vinh Phúc, *Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm*, Tam Vinh Luân Đôn, 2006, trang 86.

⁸⁹ *Con Rồng VN...* trang 543 và 545 trong đó đáng chú ý nhất là câu: “các nhà sư được Cộng Sản giạt giây và CIA Mỹ tiếp tay liền bắt đầu hành động...”

⁹⁰ SDD trang 515.

⁹¹ W. Colby, *Honorable Men/My Life In The CIA*, nxb Simon and Schuster, NY, 1978, trang 145.

Để tố cáo ông Diệm độc tài, báo chí Mỹ lúc ấy thường nói Nam Việt đầy những nhà tù. Côn Đảo giam giữ hàng chục ngàn người bất đồng chính kiến. Nhưng liền sau đảo chính các tướng cho thả tù thì từ Côn Đảo về chỉ có 38 người (theo Suzanne Labin ghi con số chính thức). Còn các nhà tù trong nước thì chỉ có 250 tù nhân bị chế độ ông Diệm giam giữ. (Theo con số chính thức được tác giả Đoàn Thêm ghi lại ngày 9-11-1963. (Xem việc từng ngày trang 370). Bà Suzanne Labin, nhân dịp này đã nhắc đến con số

38,000 người bị Tổng Thống Abraham Lincoln giam giữ trong những năm nội chiến.

⁹² Người ta trưng dẫn những sự kiện sau: thứ nhất, tha tên sát nhân Hà Minh Trí. Thứ hai, không cho truy tố phi công Phạm Phú Quốc, mà còn cho tùy viên Lê Châu Lộc xuống tận phòng giam xem anh ta có bị tra tấn không. Thứ ba, chỉ

thị sớm phóng thích nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam, dù ông này có tham gia cuộc đảo chính bất thành 11- 11-1960, Và thứ 4, để cho mãi đến tháng 7-1963 mới cho đưa các bị can trong cuộc đảo chính 1960 ra tòa (trong vụ này ông Phan Quang Đán bị xử 10 năm tù) v.v.. Nhất là ông đã không cho lũ đoàn phòng vệ phủ Tổng Thống và một đơn vị thuộc Lực Lượng Đặc Biệt đem xe tăng thiết giáp lên áp đảo nhóm tướng lãnh đảo chính 1963, theo những nhân chứng Nguyễn Hữu Duệ và Cao Xuân Vỹ tiết lộ. Và họ hỏi, như vậy là nhân từ hay nhu nhược?

Về điểm này có lẽ nên nêu thêm trường hợp trung tá Nguyễn Triệu Hồng một trong hai sĩ quan đứng đầu cuộc đảo chính 11-11-60. Kinh tế gia Nguyễn Xuân Nghĩa cho biết nhạc phụ ông là Bộ Trưởng Công Chánh Trần Lê Quang luôn luôn miễn phục Tổng Thống Diệm không những vì lòng yêu nước và đức liêm chính, mà còn vì tình cảm Tổng Thống dành cho ông không thay đổi, dù Tổng Thống biết Nguyễn Triệu Hồng là cháu của ông Quang.

⁹³ Trong *A Death In November*, tr. 309 Hammer viết: “... Hôm sau tang lễ (TT) Kennedy, và trước khi dọn vào Bạch Cung, Johnson đã chỉ cho Hubert Humphrey xem bức chân dung của ông Ngô Đình Diệm treo ở tiền sảnh tư thất ông và nói: “Chúng ta đã nhúng tay trong vụ sát hại ông ta, bây giờ điều đó lại xảy ra ở đây.”

⁹⁴ Cựu đại sứ Hà Vĩnh Phương được Tổng Thống Diệm cử làm phụ tá cho Giáo Sư Bửu Hội trong phái đoàn Việt Nam để vận động với đại hội đồng Liên Hiệp Quốc cử một phái đoàn điều tra vụ khủng hoảng Phật Giáo tại Việt Nam. Phái đoàn này gồm có đại diện 7 quốc gia: Afghanistan (trưởng đoàn), Brasil, Ceylan, Costa Rica, Dahomey, Ma-rốc, và Nepal. Năm 1996 ông đã viết một bài dài 10 trang đăng trên Đặc San Sông Hương nhan đề *Một Thời Vang Bóng*, đề ngày 25-4-1996. Phái đoàn của Liên Hiệp Quốc đến giữa tháng 12 năm 1963 mới hoàn tất cuộc điều tra và phúc trình về LHQ là không có bằng chứng về đàn áp Phật Giáo tại miền Nam

Việt Nam. Và do báo cáo đó, Đại hội đồng Liên Hiệp Quốc đã cho thông qua không thảo luận, không biểu quyết về vấn đề “Việt Nam vi phạm nhân quyền” nữa.

⁹⁵ Ngoài chữ Nhân ra, đạo Nho còn có chữ Thành, được Đức Khổng Phu Tử coi như đạo của Trời. Sau khi ông Diệm mất đã cả chục năm, có người thấy một tướng lãnh Việt Nam hãy còn giữ 6 chữ Hán mà ông Diệm viết cho ông ta làm đồ gia bảo. Nội dung như sau: THÀNH GIẢ THIÊN CHI ĐẠO DÃ (Thành là đạo Trời đó). Xem Cao Thế Dung, trang 83-84

⁹⁶ Trong tác phẩm *Huyết Hoa*, (Vạn Thắng Thư Cục, trang 30) Lý Đông A viết: “*Duy Nhiên là ngoại tằng chân lý. Nhân Chủ Duy Nhân là tuyệt đối chân lý. Duy Dân tương đối là ứng dụng chân lý*”. Rất nhiều chỗ ông nói gọn CON NGƯỜI viết hoa. Ông nói theo George Gordon Byron (1788-1824), thi sĩ nổi tiếng của Anh: “*Hãy trông con mắt người mù không dứt ngẩng lên nơi Chúa mà đi*”, và ông bảo: “*Người ấy không thấy bằng mắt, mà thấy bằng lòng.*”

⁹⁷ Nguyễn Văn Châu, *Ngô Đình Diệm en 1963: Une autre paix manquée*, luận án sử học trường Đại Học Paris VII ème, 1982, bản Việt ngữ của Vy Khanh: “Ngô Đình Diệm và nỗ lực hòa bình giang dở”, Xuân Thu, 1989.

⁹⁸ Xin xem những đoạn trích dẫn từ sách của ông Hồ Sỹ Khuê ở giữa của Phần Tiểu Sử này.

⁹⁹ Ngoài những cố vấn Mỹ là những chuyên viên về quân sự, hành chánh, kỹ thuật v.v..., chung quanh ông Diệm luôn có một số đông các chuyên gia về Cộng Sản thuộc nhiều quốc tịch khác nhau. Ví dụ Sir Robert Thompson, người Anh, Bà Suzanne Labin, người Pháp, linh mục Raymond De Jaegher, người Bỉ, ông Boris, người Nga (Nhóm NTS), Tướng Vương Thăng, người Hoa v.v... Đó là chỉ nêu những nhân vật đứng đầu phái đoàn.

¹⁰⁰ Chính Nguyễn Văn Linh đã thú thực với Neil Sheehan là trong thời ông Diệm VC đã mất 75 phần trăm cơ sở ở miền Nam. Và Văn Tiến Dũng còn viết trên giấy trắng mực đen rằng con số 60,000 cán bộ chỉ còn 5000 nghĩa là tổn thất hơn 90 phần trăm. (Xem *After The War Was Over* của Neil và *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước* (trang 16, phần cuộc chú) của Văn Tiến Dũng.)

¹⁰¹ Nhiều người, kể cả những người thân phục ông Diệm, chê (hay lấy làm tiếc rằng) ông quá cứng rắn, không thúc thời khi bài Mỹ, và/hoặc

không cho Mỹ đem quân vào để giúp Việt Nam chống Cộng. Theo thiên kiến, như đã trình bày, ông Diệm và ông Nhu không bài Mỹ, không bao giờ có tinh thần bài ngoại. Là một lãnh tụ tư tin vào lòng yêu nước và khả năng của mình và của nhân dân, ông chỉ muốn dân mình phải tự lập, tự cường bằng cách bắt đầu chịu kham khổ, tự túc. (Ngay mấy năm đầu, mọi sự còn khó khăn mà viện trợ Mỹ đã giảm từ 300 triệu Mỹ Kim xuống còn 150 triệu Mỹ Kim mỗi năm). Nhưng ông vẫn hoan nghênh sự viện trợ của các cường quốc. Ông chưa muốn cho Mỹ đem đại quân vào, vì theo ông, xét nhu cầu chiến trường, và với phương lược đấu tranh chính trị của ông, Việt Nam chưa cần có đại quân Mỹ vào giúp. Và vẫn theo ông, khi cần thì sẽ có một hiệp ước được Quốc Hội (đại diện toàn dân) thông qua. Như vậy mới bảo đảm được chủ quyền của một quốc gia độc lập thực sự. Và như vậy mới có chính nghĩa để chống lại Bắc Việt một cách hữu hiệu.

Phần hai

Chương 2

Cảnh đào Xuân Quý Mão

Cách nay hơn một thập kỷ, khi giáo sư Francis X. Winters cho ra cuốn *The Year of the Hare*,¹ ông có nói đến cảnh đào có đỉnh danh thiếp của “Chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ Chí Minh tặng Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm” được trưng bày tại phòng khánh tiết phủ tổng thống, (lúc ấy là dinh Gia Long) trong ngày Tết Quý Mão (1963). Nhiều người đã hết sức ngạc nhiên. Làm sao một sự việc quan trọng như vậy mà cho đến nay mới nghe nói? Chính người viết cũng bán tín bán nghi. Nhưng mới đây, khoảng đầu năm 2006, ông Quách Tòng Đức, nguyên đồng lý văn phòng phủ tổng thống, đã xác nhận điều đó với luật sư Lâm Lễ Trinh, trong một cuộc phỏng vấn được đăng trên nhiều báo ở Mỹ. Sau đó cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc, lúc ấy còn là tùy viên của Tổng Thống Diệm, cho chúng tôi biết thêm là chính ông đã nhận cảnh đào đó từ trụ sở Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC).

Cảnh đào rất lớn, nhưng có lẽ vì danh thiếp nhỏ, nên ít người để ý.

Từ ngày hoa đào xuất hiện tại dinh tổng thống cho đến ngày vị tổng thống đầu tiên đổ máu đào trong một cuộc đảo chính chỉ có 9 tháng. Nhưng đây là thời gian xảy ra không biết bao nhiêu sự việc liên quan đến hoa đào và máu đào mà cho đến nay vẫn còn bị che phủ dưới những lớp màn bí ẩn.

Người ta đã có thể ví cảnh đào của ông Hồ với ả đào Điều Thuyền của Vương Doãn (Môi son tươi thắm cánh đào xuân) từng là cái cớ cho Lữ Bố giết cha nuôi là董卓. Hay nhắc lại mưu sâu của Chu Du xúi Tôn Quyền gả em gái cho Lưu Bị để thừa dịp họ Lưu tới đón dâu giết quách đi. Nhưng mưu người em không qua mắt được người anh là Khổng Minh Gia Cát Lượng. Sự mưu hại không thành. Lưu Huyền Đức đã không hề hấn gì mà lại được vợ đẹp. Tiếc rằng “nhà Ngô” không có được một Khổng Minh như nhà Thục. Ngô Đình Nhu đã được một tác giả ẩn danh nào đó² so sánh với Khổng Minh, trong một tác phẩm 3 tập, dài cả ngàn trang, không đưa anh em mình thoát ra khỏi cái lưới nhện đã giăng ra. Ấu cũng là định mệnh của con người và vận nước.

Những dữ kiện liên quan đến cảnh đào

Chúng tôi thiết nghĩ, cảnh đào không phải là nguyên nhân chính, càng không phải là nguyên nhân duy nhất dẫn đến cái chết của Tổng Thống Diệm. Chúng tôi cũng không đa nghi đến độ cho rằng ông Hồ, dù nổi tiếng là thâm hiểm, đã cố tình giăng bẫy để gián tiếp giết ông Diệm qua một vài nhà ngoại giao Mỹ và mấy tướng phản bội.

Theo thiên ý, cảnh đào có thể được coi như cái bắt tay mở đầu một cuộc đối thoại hòng đi tới hiệp thương giữa hai chế độ thù địch. Tiếc rằng đoạn kết lại là máu. Sự liên hệ Hồ - Ngô xem ra có nhiều nguồn gốc sâu xa trong đó phải kể đến xu hướng trung lập nói chung của Ấn Độ trong khối các quốc gia không liên kết và tham vọng trung lập hóa Đông Dương của tướng De Gaulle của Pháp. Lúc ấy đại sứ Ấn Độ ở Sài Gòn đồng thời cũng là chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC) tại Đông Dương. Cho nên đại sứ Ấn Độ Goburdhun và đại sứ Pháp Roger Lalouette là hai người đóng vai chính trong việc bác cây “cầu Hiền Lương” qua sông Bến Hải.

Giáo Sư Bửu Hội, nhà vật lý nguyên tử nổi danh quốc tế, và là nhà bác học duy nhất của Việt Nam lúc ấy, từng có lúc là cố vấn của Hồ Chí Minh, lại tán thành đường lối chính sách của Tổng Thống Diệm, và đang giữ một chức đại sứ của Cộng Hòa Việt Nam. Biết được tham vọng trung lập hóa Đông Dương của De Gaulle, ông đã tiếp xúc với vị tổng thống Pháp, đề nghị để đại sứ Lalouette thu xếp cùng với đại sứ Ấn Độ làm thế nào tạo cơ hội cho trưởng đoàn Ba Lan trong ủy hội Kiểm Soát Đình Chiến là Mieczyslaw Maneli có thể gặp ông Ngô Đình Nhu, bào đệ và là cố vấn chính trị của Tổng Thống Diệm. Xem ra “đồng lõa” với hai vị này còn có đại sứ Ý Giovanni d’Orlandi và đại diện của Vatican tại Việt Nam là Đức Cha Salvatore D’Asta.

Ông Cao Xuân Vỹ, phó thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, mà ông Ngô Đình Nhu là thủ lãnh, cho người viết biết: Năm 1962 ông đã được chứng kiến việc ông Nhu tiếp xúc với cựu thủ tướng Pháp Antoine Pinay, lúc ấy là bộ

trưởng phủ tổng thống, đại diện Tổng Thống De Gaulle về vấn đề này. Đó là dịp Quốc Vương Ma-rốc đăng quang. Tổng Thống Ngô Đình Diệm được mời tham dự. Nhưng Tổng Thống Diệm đã cử ông Ngô Đình Nhu đại diện, và ông Cao Xuân Vỹ tháp tùng ông Nhu. Ông Vỹ nói rằng khi ở Ma-rốc về nước, hai ông có ghé Paris và tại đây ông Nhu đã gặp ông Pinay đại diện Tổng Thống Pháp bàn về đề nghị của Bắc Việt muốn có một cuộc tiếp xúc giữa cấp cao của hai miền. Cuộc tiếp xúc này lúc ấy không được loan báo.

Bình luận gia nổi tiếng Joseph Alsop viết trên tờ New York Herald Tribune ngày 18-9-1963 rằng Tổng Thống Diệm đã từng tiết lộ với ông về việc viên tổng lãnh sự Pháp ở Hà Nội là Jacques de Buzon nhờ đại sứ Lalouette xin phép được vào Sài Gòn “đổi gió”. Tổng Thống đồng ý. Và ông Hồ cũng chấp thuận. Khi Lalouette dẫn Buzon vào gặp tổng thống thì Buzon cho biết là lúc đó thái độ của nhà cầm quyền Hà Nội đối với ông Diệm đã có chiều thay đổi. Ông Hồ gọi ông Diệm là người tốt và yêu nước. Lại một điều là ngoài chi tiết nhỏ đó, Buzon không mang một thông điệp nào quan trọng hơn. Phải chăng đây là một cách bắn tiếng hai bên có thể xích lại gần nhau, trước khi có một cử chỉ thân thiện là tặng cành đào chúc Tết?

Hồng Y Nguyễn Văn Thuận, cháu gọi Tổng Thống Diệm bằng bác ruột trong một chuyến viếng thăm Nam Cali ít lâu trước khi qua đời đã tiết lộ sự việc sau với cựu trung tá Nguyễn Văn Minh, từng là chánh văn phòng của ông Ngô Đình Cẩn trong 8 năm: Khoảng đầu thập niên 90 thế kỷ trước, Hồng Y có đến thăm một công cán ủy viên của Vua Bỉ thì được ông này cho biết chiếc ghế mà hồng

y ngời chính là chỗ một cán bộ cao cấp của Hà Nội đã ngời trước kia để xin ông công cán ủy viên làm môi giới tiếp xúc với Tổng Thống Diệm bàn tính chuyện hai miền Nam Bắc hiệp thương. Tường cần thêm rằng vị công cán ủy viên này, mà ông Minh quên (hay chưa muốn tiết lộ?) danh tánh, đã từng tiếp đón và săn sóc ông Diệm trong thời gian ông mới từ Mỹ sang Âu Châu năm 1953.

Cựu trung tá Nguyễn Văn Minh còn cho biết, sau đảo chính tướng Tôn Thất Đính, tổng trưởng Nội Vụ, đã mời ông tới văn phòng chỉ cho xem một đồng tài liệu mà tướng Đính bảo là trong đó có những thư từ liên lạc giữa hai bên và là “tang chứng rành rành về việc anh em ông Diệm bán đứng miền Nam cho CS, đâm sau lưng chiến sĩ. Vì vậy mà chúng tôi phải lật ông.”³

Một số giới chức Đệ Nhất Cộng Hòa còn nói đến “tin đồn” về những cuộc gặp gỡ bí mật giữa Ngô Đình Nhu và Phạm Hùng tại Bình Tuy, trong những cuộc đi săn trá hình nào đó.

Theo Stanley Karnow, nhà báo thiên tả, trở thành sử gia nổi tiếng nhờ cuốn *Vietnam a history*, cho biết chính bà Ngô Đình Nhu đã xác nhận những cuộc tiếp xúc giữa hai miền và còn nói bà đã chuẩn bị để gửi hai người con lớn ra Hà Nội, coi như một “cử chỉ huynh đệ”. Karnow đã để hai từ “fraternal gesture” trong ngoặc kép.⁴ Vừa đây trong một cuộc phỏng vấn dành độc quyền cho nhà văn, nhà báo Trần Phong Vũ, ông Nguyễn Văn Ngân, phụ tá đặc biệt của cựu tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã nói, anh em ông Diệm biết trung tá Phạm Ngọc Thảo là điệp viên Cộng Sản nhưng vẫn dùng để phòng hờ có lúc cần liên lạc

với đối phương. Người ta còn nhớ trong cuộc đảo chính 1-11-63, chính Phạm Ngọc Thảo đã đến dinh Gia Long định đón ông Diệm. Nhưng khi đến nơi thì ông đã vào Chợ Lớn. Nhiều người còn nói Phạm Ngọc Thảo là gián điệp hai, ba mang nữa. Họ dựa vào 2 sự kiện mâu thuẫn: sau biến cố 30 tháng tư, CS đã tuyên dương Phạm Ngọc Thảo, nhưng vợ con của ông ta thì lại được Mỹ giúp phương tiện sang định cư ở San Diego County, Nam Cali.

Theo giáo sư Francis X. Winters, liền sau khi được tin ông Diệm đã đầu hàng, ngoại trưởng Dean Rusk đã gửi một điện văn dài nồng nhiệt chúc mừng đại sứ Lodge đã thành công vẻ vang và hối thúc ông Lodge công bố ngay việc ông Diệm tính chuyện bắt tay với Hồ Chí Minh.⁵

Nữ giáo sư khoa sử Marilyn Young, tác giả cuốn Vietnam War 1945-1990 cho biết trong khi chính quyền Kennedy đang bàn thảo kế hoạch đối phó với tình hình Việt Nam thì được tin ông Nhu đang công nhiên bàn về

khả năng trực tiếp thương lượng với Hà Nội. Bà viết: “Theo Roger Hilsman (phụ tá ngoại trưởng. MV), thì mục đích tối thiểu của Nhu là giảm bớt thật nhiều sự có mặt của cố vấn Mỹ; còn mục tiêu tối đa của ông ta là chấm dứt hoàn toàn sự có mặt của người Mỹ, và biến Nam Việt Nam thành một nước trung lập, hay theo thể chế Ti-tô, nhưng vẫn tách rời khỏi Bắc Việt...”⁶

Trên đây chỉ là một số tài liệu trong số những bài báo và trang sách đã nói đến toan tính hiệp thương giữa hai miền Nam - Bắc. Chỉ với ngần ấy tài liệu chúng ta cũng có thể xác quyết, quả thực đã có một nỗ lực từ cả hai phía cho mục tiêu này, mặc dù cho đến nay chưa hề có một tài liệu

chính thức nào của Đệ Nhất Cộng Hòa, hay của nhà cầm quyền CS được công bố.

Tại sao anh em ông Diệm toan tính hiệp thương?

Một vài tài liệu khác có thể giúp giải đáp câu hỏi này.

Trong cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*⁷ tác giả Hoàng Linh Đỗ Mậu trích dẫn bức thư của ông Võ Như Nguyễn gửi một người bạn của ông, cũng là bạn của tác giả, là Hoàng Đồng Tiểu. Bức thư đề ngày 24-11-1977. Cuối thư có đoạn thuật lại lời ông Diệm tâm sự với ông Nguyễn:

“... Và tôi với chú Nhu có ý dù hai miền Quốc Cộng tranh chấp nhưng đều là máu mủ ruột thịt, phải có biện pháp anh em giải quyết lấy chiến tranh, đỡ tổn hao sinh mạng, tài sản. Rồi bên nào kéo dài, chung quy sẽ bị lệ thuộc vào một cường quốc và đất nước chia rẽ, vì các cường quốc có ý định chia rẽ cả...”

Trung dẫn lá thư này, ông Đỗ Mậu nhằm tố cáo ông Diệm đã manh nha ý đồ bắt tay với Hồ Chí Minh, coi đó như một cái tội “đâm sau lưng chiến sĩ chống Cộng”. Nhưng, nhìn vấn đề dưới góc độ khác, người ta sẽ thấy ông Diệm muốn tránh đổ máu chừng nào tốt chừng đó và không muốn để các cường quốc đắc lợi trong cuộc tranh chấp nội bộ.

Tưởng cũng nên nhắc lại đây lời của trung tá John Paul Vann, cố vấn sư đoàn 7 thời ấy đã tố cáo ông Diệm có khẩu lệnh mật cho các tư lệnh Việt Nam tránh các cuộc hành quân lớn gây thương vong nhiều. Ông Vann cũng như một vài nhà báo và sử gia sau này trung dẫn lời ông Vann, đã hàm ý rằng ông Diệm không muốn đánh CS, chỉ muốn

duy trì lực lượng để bảo vệ cái ghế tổng thống của ông, hay chỉ muốn đánh cầm chừng, nhì nhằng, kéo dài chiến tranh, hòng tiếp tục nhận tiền viện trợ... Nhưng nếu nhìn lời tố cáo dưới khía cạnh khác, thì rất có thể khi có khẩu lệnh mật đó, anh em ông Diệm đang toan tính nói chuyện với Bắc Việt, và không muốn những cuộc giao tranh lớn làm trở ngại việc thương thuyết.⁸

Trong Nguyên Sa Hồi Ký (ấn hành năm 1998), giáo sư Trần Bích Lan, tức nhà thơ Nguyên Sa nổi tiếng với những vần thơ hay đến huyền hoặc lòng người, đã thuật lại chuyện ông và hai giáo sư Nguyễn Văn Phú và Nguyễn Xuân Nghiên đã có dịp nghe Tổng Thống Diệm trả lời một trong 3 câu hỏi của các ông một cách tương tự. Câu hỏi là tại sao ta không dồn lực lượng đánh một vài trận lớn để giải quyết chiến tranh mau chóng mà cứ đánh cầm chừng nhì nhằng như thế này. Ông Diệm đã nói đại ý: Bản chất cái chiến tranh này nó như thế. Mở rộng chỉ chết thêm lính và dân, mà cũng chẳng giải quyết được nhanh. Ba mươi lăm năm sau, nhìn lại, nhà giáo và nhà thơ của chúng ta đã thấy câu trả lời của ông Diệm không phải nguy biến như các ông nghĩ lúc trước, mà là những lời tiên đoán thời cuộc rất chính xác. Chúng tôi nhắc chuyện này theo như những gì còn nhớ về lời phát biểu của nhà giáo Lưu Trung Khảo, là một người thân của nhà thơ Nguyên Sa, trong một dịp ra mắt sách ở Quận Cam năm 1998.

Những gì ông Ngô Đình Nhu nói trong một lễ bế mạc lớp học tập về Ấp Chiến Lược khóa XII, ngày 22-6- 1963, cũng tương tự như thế:

“Chúng ta là một nước nhỏ bé đứng giữa hai khối. Nếu bên thế giới tự do tăng cường viện trợ cho ta thì thế giới

cộng sản cũng sẽ tăng viện trợ cho phía họ. Hai bên cứ tăng cường như vậy sẽ đưa cái mức chiến tranh càng ngày càng lên cao. Và số phận chúng ta rồi mai đây sẽ ra sao?”⁹

Đã rõ anh em ông Diệm không muốn đánh lớn vì sẽ phải lệ thuộc quá nhiều vào viện trợ Mỹ, và sẽ làm có cho Liên Xô và Trung Cộng nhảy vào xâu xé Việt Nam. Cứ nhìn vào lý thuyết Ấp Chiến Lược, với những chính sách Tam Túc,¹⁰ Tam Giác của ông Nhu thì càng thấy các ông đã chuẩn bị từ trước, để cố thoát khỏi sự ràng buộc tai hại của ngoại viện.

Tư liệu của một bà “thủy chung” với ông Diệm.

Có lẽ người cung cấp nhiều tài liệu nhất về vấn đề này là nữ tiến sĩ Ellen Hammer. Bà là sử gia, nhà báo và học giả sớm nổi tiếng về các vấn đề Việt Nam. Năm 1947, mới ra trường, còn độc thân ở tuổi 25, bà đã có một tác phẩm loại này nhan đề *The Emergence Of Vietnam*. Bà là bạn rất thân với nhà bác học Bửu Hội, và hoàn toàn chia sẻ với ông về việc ủng hộ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Douglas Pike đã mĩa mai bảo bà trung thành riêng với ông Diệm – personally loyal to Diệm. Có thể nói là “thủy chung” đến nỗi từ khi ông Diệm chết, bà bỏ hẳn việc viết lách, không màng bày tỏ ý kiến về thời cuộc nữa.¹¹ Nhưng rồi đúng một cái, năm 1987, 24 năm sau, bà lại cầm bút, chỉ để bênh vực ông Diệm và chỉ trích chính quyền Kennedy, trong đó có một vài người trong bộ ngoại giao đã dùng những mảnh lời không hay ho gì để cố lật cho bằng được ông Diệm. Đó là cuốn *A Death In November: America In Vietnam, 1963*.¹²

Theo Ellen Hammer thì khi luật sư Mieczyslaw Maneli, trưởng đoàn Ba Lan trong Ủy hội kiểm soát đình chiến từ

Hà Nội vào Sài Gòn mùa xuân năm 1963 liền được một số nhà ngoại giao tiếp xúc để đưa đến giới thiệu với ông Ngô Đình Nhu. Trong khi họ đang tìm một dịp may để hai người gặp nhau, thì biến cố Phật Giáo xảy ra. Vì vậy cuối tháng 8 việc đó mới thực hiện được. Họ gặp nhau trong buổi tiếp tân ngoại giao đoàn đầu tiên của tân ngoại trưởng Trương Công Cừu. Ông Cabot Lodge cũng có mặt thành cái đình của buổi lễ. Vì vậy chẳng thấy có dấu hiệu nào bất thường trước sự hiện diện của Maneli, một người Cộng Sản, trong buổi tiếp tân của ngoại trưởng VNCH. Maneli đứng nói chuyện với đức cha Asta, đại diện Vatican. Một lát sau ông này quay sang ông Ngô Đình Nhu và giới thiệu Maneli. Lập tức 3 nhà ngoại giao khác cùng tiến về phía họ. Đó là các ông Lalouette, đại sứ Pháp; Goburdhun, đại sứ Ấn, chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế; và d'Orlandi, đại sứ Ý.

Hammer thuật lại:

“Ông Nhu nói với Maneli: “Tôi đã nghe các bạn của chúng tôi nói nhiều về ông”... Ông ta tiếp: Nhân dân Việt Nam có một sự nhạy cảm và không tin cậy chẳng những đối với người Trung Hoa, mà đối với tất cả những nước thực dân hay chiếm đóng. Tất cả.” Maneli tự hỏi, phải chăng ông Nhu có ý nói Hoa Kỳ, và có lẽ ông ta không phải là người duy nhất trong số những nhà ngoại giao nghe chuyện tự hỏi như thế.

“Rồi ông Nhu lại nói: “Lúc này đây, chúng tôi đang quan tâm tới hòa bình, và chỉ quan tâm tới hòa bình mà thôi. Tôi tin rằng Ủy Hội Quốc Tế có thể và nên đóng một vai trò quan trọng trong việc đem lại hòa bình cho Việt Nam.”

“Maneli trả lời sẵn sàng giữ vai trò tích cực nhất.”... “Sau đó Maneli nhận được thư mời tới gặp ông Nhu tại dinh Gia Long vào ngày 2-9-63.

“Khi ông Goburdhun đi Hà Nội với tư cách chủ tịch UHQT ông ta thấy chính phủ miền Bắc không có vẻ gì coi cuộc chiến tại miền Nam là lý do để từ chối giao thương với chế độ Sài Gòn. Hồ Chí Minh bảo Goburdhun: “Ngô Đình Diệm là người yêu nước theo cách của ông ta... Hãy bắt tay ông ấy thay tôi, nếu gặp.”

“Đến Hà Nội mùa xuân 1963, Maneli đã chuyển lời của đại sứ Pháp cho Hồ Chí Minh: Ông Diệm sẽ đáp ứng, nếu Hà Nội đi bước trước. Ông ấy muốn làm giảm áp lực của Mỹ. Hà Nội đáp: Cứ để ông ta chứng tỏ thiện chí đi. Ông ta có thể dần dần mở liên lạc bưu chính với miền Bắc và nhận than đá của miền Bắc đổi gạo của miền Nam. Miền Bắc sẵn sàng chấp nhận một nền dân chủ kiểu Tây Phương ở miền Nam và sẽ không thúc ép phải mau chóng thống nhất.

Sau đó vài tháng ông Hồ đã đưa ra lời kêu gọi công khai về một thỏa hiệp đình chiến.

Hammer viết tiếp:

“Người Bắc nhìn thấy những mối lợi trong việc thương lượng với ông Nhu trong giai đoạn này. Thủ tướng Phạm Văn Đồng nói: “Dẫu sao ông Nhu chắc chắn có khả năng tự duy một cách lô-gích; ông ta tốt nghiệp đại học École Des Chartes mà.” Maneli hỏi nên làm gì, nếu gặp ông Nhu, thì Đồng nói: “Cứ đến và nghe cho thật kỹ. Có một điều chắc chắn: Người Mỹ phải rời khỏi Việt Nam. Trên căn bản chính trị đó chúng tôi có thể thương lượng về mọi việc.

Chúng tôi thực lòng muốn chấm dứt chiến tranh, tái lập hòa bình trên căn bản thực tiễn. Chúng tôi rất thực tiễn.”

Theo Ellen Hammer thì đại sứ Pháp rất lo lắng khi nghe tin sẽ có đảo chính. Ông bảo Maneli rằng chỉ có Ngô Đình Diệm đủ can đảm để làm việc cho hòa bình. Ngoài ra bất cứ kẻ nào lên thay cũng sẽ lệ thuộc hơn vào Mỹ.

Nỗi lo của Lalouette dịu đi khi biết Maneli đã có thể gặp Ngô Đình Nhu đúng hẹn (2-9-63). Nhưng khi biết ông Nhu còn quá dè dặt trong câu chuyện với Maneli, thì lại thất vọng. Đường như ông ta còn sợ Mỹ và tính thối lui trong ý định hiệp thương. Sau này, biết ông Nhu tiết lộ với Cabot Lodge về những cuộc tiếp xúc mà ông ta phủ nhận với Maneli, hay đúng ra không dám minh thị công nhận trước những câu hỏi của Manli, thì Lalouette bảo Maneli: (nguyên văn lời của Hammer) “Nếu ông ta không dứt được những ảo tưởng với người Mỹ, ông ta sẽ tiêu mất. Thực là một lỗi lầm bị thảm.”

Sau này Lalouette đã nói với Hammer rằng thời gian ấy ông ta đã cố thuyết phục Cabot Lodge đừng làm đảo chính. Nhưng không sao lay chuyển được Cabot Lodge, và, lời của Hammer, “Cuối cùng ông ta (Lalouette) bó buộc phải tin rằng người Mỹ này (Lodge) đã được phái tới Việt Nam với mệnh lệnh là phải sớm loại bỏ ông Diệm cho bằng được.”

Về vai trò của Roger Hilsman trong việc loại bỏ ông Diệm, Hammer viết:

“Tại Washington, Roger Hilsman trong giác thu ngày 16-9 đã định nghĩa cái mà ông tin là mục tiêu tối thiểu của ông Nhu, “giảm thiểu rõ rệt sự có mặt của người Mỹ tại

những vị trí có ý nghĩa chính trị ở các tỉnh và trong chương trình Ấp Chiến Lược”. Còn mục tiêu tối đa của ông ta là “thương lượng với miền Bắc để ngưng chiến, chấm dứt hoàn toàn sự hiện diện của người Mỹ...”

Và đó là lý do Hilsman đưa ra để bác bỏ đường lối hòa hoãn đối với ông Diệm. Nghĩa là quyết phải hạ ông Diệm cho bằng được.

Hammer cho biết, chính sách áp lực với Diệm mà Hilsman đề nghị đã được hội đồng an ninh quốc gia chấp thuận ngày 17-9-63.¹³

Tiếng nói của vai chính

Đến đây, chắc độc giả nóng lòng muốn biết nhân vật chính là Mieczyslaw Maneli đã viết gì về vấn đề này. Mieczyslaw Maneli, sinh năm 1922, là giáo sư đại học luật Warsaw, năm 1963 được cử làm trưởng đoàn Balan trong Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (UHQT). Là một người CS có xu hướng tự do, lại dính líu vào việc liên lạc giữa Sài Gòn và Hà Nội nên năm 1968 đã bị trục xuất khỏi đảng và khỏi nước. Ông đến Nữ Uớc dạy về chính trị học.

Trong tác phẩm *The War Of The Vanquished* (cuộc chiến của những kẻ chiến bại),¹⁴ Maneli đã dành nguyên chương 6 (dài 20 trang) để kể chi tiết về vai trò con thoi của mình. Mở đầu chương sách, tác giả đã nói đến dư luận báo chí khắp thế giới xôn xao về việc trưởng đoàn Ba Lan trong UHQT đã trở thành môi giới để ông Diệm bán đứng miền Nam cho CS. Sau khi nhắc lại lời tuyên bố chính thức của nhóm tướng lãnh đảo chính kết án ông Diệm phản quốc qua trung gian tác giả, ông đã nhắc lại làn sóng

tổ khổ và làm nhục gia đình họ Ngô qua báo chí Sài Gòn những ngày liền sau đảo chính.

Tấm hình bà Ngô Đình Nhu đang thoát y đứng bên cạnh một người ngoại quốc chỉ mặc quần tắm được đưa lên mặt báo.¹⁵ Vì có băng đen che nửa mặt người đàn ông nên người ta cứ bảo đó là hình của Maneli. Tác giả đã tốn công cải chính. Nhưng càng cải chính thì lại càng có vẻ gián tiếp xác nhận. Dĩ dỏm ở chỗ tác giả bảo ông chỉ cải chính lấy lệ, một cách miễn cưỡng. Phải chăng vì ông cũng muốn nổi tiếng với người được ví như Lucretia de Borgia, hay Cleopatre? Nữ ký giả Marguerite Higgins, một người rất mến phục và bênh vực ông Diệm đã đặc biệt chú ý tới tấm hình này. Maneli viết:

“Marguerite mê câu chuyện tôi có dính dáng đến cuộc “giao du thân mật” (chữ của bà Ngô Đình Nhu, tác giả luật gia đình) này. Cô ấy hỏi tôi nhiều câu hỏi thăm dò. Có lẽ cô ta rất lấy làm tiếc không thể cung cấp cho độc giả Mỹ những nhận xét của cá nhân tôi về sự duyên dáng hấp dẫn của một phu nhân mà nhiều người đàn ông thèm muốn và tranh giành còn hơn cả Cleopatra.”¹⁶ Sau đó Maneli nhắc đến chuyện bịa đặt của tờ Jeune Afrique là ông đã gặp ông Nhu ngày Quốc Khánh của Pháp (14 tháng 7) tại nhà riêng đại sứ Roger Lalouette. Rồi Maneli xác nhận là có gặp ông Nhu hai lần, ngày 25 tháng 8 và mùng 2 tháng 9. Ông cũng khẳng định sáng kiến không phải do ông mà là do nhiều nguồn khác nhau, và được chuẩn bị xếp đặt từ nhiều tháng trước, vào khoảng thời điểm gần trùng nhau. Tác giả có ý nhắc tới bốn tên tuổi trong giới ngoại giao mà bà Ellen Hammer đã nói trên.

(Riêng về cuộc gặp gỡ giữa ông Nhu và Manelli tại dinh Gia Long ngày 2-9-1963, chúng tôi xin mở một dấu ngoặc để thêm một nhân chứng. Giáo sư Tôn Thất Thiện, từng là tùy viên báo chí của phủ Tổng Thống thời Đệ Nhất Cộng Hòa, đã cho người viết biết qua một điện thư (17-2-2008) như sau: Cuộc đàm thoại giữa Maneli và ông Ngô Đình Nhu kéo dài trong 3 tiếng. Chính ông Nhu đã bảo ông Thiện “hãy ngồi nghe cho biết”. Ngoài ra trong bức điện thư Giáo Sư Thiện cũng cho biết là chính ông Nhu đã có lần cho báo chí biết ông đã có lần ông tiếp tướng CS Trần Độ ngay tại dinh Gia Long. Và trong dịp tiếp báo chí ngoại quốc này chính giáo sư Thiện đã đóng vai thông dịch viên.)

Đáp lại lời khuyên của mọi người là Maneli nên gặp ông Nhu, Maneli một mực bảo mình thuộc một nước CS không nhìn nhận chế độ Sài Gòn, nên không tiện đi tìm gặp. Nhưng nếu được mời thì sẽ tới.

Đại sứ Ấn Độ khuyên Maneli nên bớt ca tụng Bắc Việt, và hãy cố nói những lời tốt đẹp về miền Nam vào lúc và tại nơi thích hợp. Ông khen khái niệm của ông Nhu về xã hội chủ nghĩa, không phải thứ xã hội chủ nghĩa dựa trên triết lý duy vật, hay thứ xhcn của Trung Cộng, Liên Xô. Nhưng nó là xã hội chủ nghĩa gì thì chẳng rõ. Ông Nhu từng đã có lúc nói, trên thế giới chỉ có ông ta là người xã hội chủ nghĩa đích thực. Phải chăng ông ta được soi sáng và gợi hứng từ khái niệm của người Ấn? Hay đó chỉ là một cách nói mà thôi? Maneli tự hỏi thế. Dầu sao thì khái niệm đó cũng làm cho sự ve vãn trở nên dễ dàng.

Về đại sứ Pháp Lalouette, Maneli viết:

“Ông ấy đã có một kế hoạch dài hạn và nhìn thấy những phương tiện dẫn đến sự thực hiện nó. Kế hoạch đó là mở đối thoại giữa Sài Gòn và Hà Nội và trao đổi tượng trưng về văn hóa, kinh tế giữa hai miền. Rồi những hội đàm chính trị sẽ được thực hiện trên nền tảng đó. Căng thẳng, nghi ngờ, thù địch giữa hai chính phủ sẽ giảm bớt và hòa bình có thể được bảo đảm. Một nền hòa bình lâu dài và một cuộc đối thoại chính trị là những điều kiện bất khả vô cho những giải pháp chính trị dài hạn, kể cả sự thống nhất trong hòa bình, bầu cử tự do, và quốc tế kiểm soát. Cần phải bắt đầu bằng bước thứ nhất: tôi sẽ điều khiển những cuộc nói chuyện với Hà Nội. Còn ông ta sẽ duy trì sự tiếp xúc với chính quyền miền Nam về vấn đề này.”

Và sau đây là phản ứng của Hà Nội:

“Lần đầu đến Hà Nội, tôi trình kế hoạch của đại sứ Pháp. Chỉ trong 2 ngày đã có sự đáp ứng. Phạm Văn Đồng nói, đề nghị mà chủ tịch Hồ Chí Minh đưa ra đã lâu và bản tuyên cáo của chính phủ vẫn còn hiệu lực: Đó là chính quyền nhân dân sẵn sàng khởi sự thương thuyết bất cứ lúc nào, bí mật hay công khai. Bộ trưởng Xuân Thủy, theo chỉ thị của chủ tịch và thủ tướng, sẵn sàng trình lên một danh sách những hàng hóa có thể trao đổi giữa hai miền...”

Về lập trường và quan điểm của đại sứ Ấn, cũng như của người Ấn nói chung, Maneli cho là họ đứng hẳn về phía anh em ông Diệm và sẽ rất buồn nếu mất lá bài này. Theo Maneli, anh em ông Diệm tinh khôn đủ để thỉnh thoảng nhỏ to với đại sứ Goburdhun về một thứ gì đó liên quan đến thái độ “chống thực dân”, “chống đế quốc”,

“chống Mỹ” và “yêu thích trung lập”. Riêng hai từ trung lập đặc biệt hấp dẫn đối với người Ấn. Vì họ tưởng tượng ra rằng với ông Diệm có thể họ sẽ có thêm một thành viên vào khối Không Liên Kết mà Ấn Độ đang lãnh đạo. Vì vậy người Ấn chẳng những trung thành với chế độ Diệm mà còn sốt sắng bênh vực chống lại người Mỹ. Maneli viết:

“Đại sứ Goburdhun nhận vai trò biện hộ cho ông Nhu, giới thiệu ông ta như một chính khách lỗi lạc với người Mỹ, người Anh, người Pháp và Vatican. Và dĩ nhiên với tôi, để tôi sẽ quảng bá ý kiến đó khắp nơi cho mọi người biết ông Nhu là người tốt nhất và người duy nhất để thương lượng.”

Về những toan tính của người Pháp mà đại sứ Lalouette có nhiệm vụ thực hiện, Maneli viết một cách bóng bẩy:

“Nhưng đại sứ Lalouette thì đang chơi trò này ở một phạm vi rộng lớn hơn nhiều, có thể nói là toàn cầu. Xem ra ông ta muốn cứu chế độ Diệm cho nước Pháp khỏi tay người Mỹ vô tâm. Người Mỹ gạt bỏ món hàng này, thì người Pháp sẽ mua nó với giá hời, cái giá của một cơ sở bị phá sản. Và người Mỹ cư xử như một người vợ không chung thủy; phản bội chồng, nhưng lại quá ghen không muốn để chồng lọt vào tay ai.”

Khi biến cố Phật Giáo xảy ra thì Maneli đang ở Sài Gòn. Ngày 27-6-63 ông báo cáo cho chính phủ Hà Nội và tòa đại sứ Liên Xô: “Trong số phe Phật Giáo đấu tranh chống chính phủ Diệm có 2 thành phần: một là những kẻ ủng hộ Mặt Trận Giải Phóng, hai là những kẻ có liên hệ mật thiết với Mỹ. Có lẽ có một số người Mỹ muốn dùng phong trào Phật Giáo đấu tranh lật ông Diệm, để sau này người

ta khỏi tố cáo Mỹ dàn dựng cú đảo chính.” Trong một báo cáo khác, tối mật, đề ngày 10-7-63, chỉ gửi cho chính phủ Ba Lan và tòa đại sứ Liên Xô, Maneli lấy làm lạ là Hà Nội và mặt trận Giải Phóng Miền Nam không lợi dụng lúc chế độ Diệm gặp khó khăn này để ra tay. Ông ta suy đoán là ông Hồ muốn để nó sống sót qua cơn ngặt nghèo hầu có thể đi đến một thỏa hiệp với nó sau lưng Mỹ.

“Sài Gòn lúc ấy đầy những tin đồn về những cuộc tiếp xúc mật giữa anh em ông Diệm với ông Hồ. Ở Hà Nội không ai xác nhận những tin này. Nhưng cũng chẳng có ai trả lời câu hỏi của tôi một cách rõ rệt là không có...”

“Tôi hỏi Phạm Văn Đồng và Xuân Thủy, nếu Nhu mời tôi tới nói chuyện, tôi sẽ phải hành động ra sao. Họ trả lời ngay: Hãy tới và lắng nghe cho kỹ.

“Tôi lại hỏi: các ông có muốn tôi chuyển đạt điều gì không? Thì được trả lời: “Tất cả những gì mà ông biết về lập trường của chúng tôi về trao đổi kinh tế, văn hóa, về hòa bình, thống nhất. Có một điều dứt khoát là người Mỹ phải ra đi. Trên căn bản chính trị đó, chúng ta có thể thương thảo về mọi sự.

“Tôi hỏi Phạm Văn Đồng, trước mặt Hồ Chí Minh (ông này ngồi im, nhu là sợ sệt, và lắng nghe chúng tôi nói), liệu họ có thấy khả năng có một thứ liên bang với Diệm-Nhu hoặc một thứ chính phủ liên hiệp không. Đồng đáp: Mọi sự đều có thể thương lượng trên cơ sở nền độc lập và chủ quyền tối thượng của dân tộc.”

Cũng trong báo cáo này (10-7-63), Maneli nói hai bên muốn có thể đi tới một thỏa hiệp mà không có sự tham dự của các đại cường, của Moscow, Washington, và chắc

chấn không có sự tham dự của Bắc Kinh. Về phản ứng của tòa đại sứ Liên Xô, Maneli cho biết tất cả đều cho thấy những kết luận của mình là đúng: “Có lý do để nghi rằng người Việt họ muốn thu xếp riêng với nhau”. Ông đại sứ bảo Maneli thế.

Còn phía tòa đại sứ Trung Cộng thì xem ra không biết gì về những cuộc tiếp xúc giữa Hà Nội và Sài Gòn, hoặc giả biết nhưng không chấp nhận.

Và Maneli kết thúc chương sách của ông bằng câu: “Xét về mặt chính trị mà nói thì việc Hà Nội hành động mà không có sự chấp thuận của Bắc Kinh là điều có ý nghĩa nhất.”

Khả năng thực thi và những trở ngại

Qua tất cả các thông tin ở trên do nhiều nguồn, từ Karnow với nhà bác học Bửu Hội và bà Ngô Đình Nhu; qua hồng y Nguyễn Văn Thuận với một công cán ủy viên của nhà vua Bì; ký giả Joseph Alsop với tổng lãnh sự Jacques de Buzon; cựu trung tá Nguyễn Văn Minh với đồ án Tam Túc trong quốc sách Ấp Chiến Lược của ông Ngô Đình Nhu; cho đến Ellen Hammer và Mieczyslaw Maneli với rất nhiều nhân vật ngoại giao và các nhà lãnh đạo hai miền Nam Bắc... người ta có thể xác quyết: chuyện tiếp xúc bí mật giữa hai miền là có thật và có lý do thực tiễn của nó. Sở dĩ nó chưa đi đến kết quả cụ thể nào, vì người Mỹ đã sớm ra tay.

Có nhiều lý do để người Mỹ hạ ông Diệm. Nhưng những cuộc tiếp xúc này đã là cái cớ thuận tiện nhất. Đề nghị của Roger Hilsman đã được hội đồng an ninh quốc gia Mỹ chấp thuận. Ngoại trưởng Mỹ đã hối thúc đại sứ Cabot

Lodge lệnh cho các tướng đảo chính phải công bố ngay lý do đảo chính là anh em ông Diệm bắt tay với Hà Nội. Những chiến sĩ chống cộng hăng say tại miền Nam ngỡ ngàng. Phần đông cũng lên án âm mưu “bán đứng miền Nam cho CS” và “ngang nhiên đâm sau lưng chiến sĩ”. Ông Cabot Lodge được an toàn không bị lộ diện là sát hại lãnh tụ đồng minh, vì đã có cái có chính đáng là tội bội phản, cộng thêm với tội “đàn áp Phật Giáo, cho nên Phật tử đứng lên đập đổ bạo quyền”.

Khi xảy ra đảo chính thì người viết chỉ là một sĩ quan cấp úy đang tu nghiệp tại đài BBC, Luân Đôn. Đã 3 tháng xa nhà, không biết gì về những diễn biến dồn dập trong mấy tháng đó (và 4 tháng sau). Cho nên tâm trạng cũng hoang mang, không biết “tội” của anh em ông Diệm đúng ra ở chỗ nào. Nhưng nghe bài bình luận của đài BBC liền ngay ngày hôm sau đảo chính – lúc ấy tôi có mặt tại phòng vi âm, và được nghe chính người xướng ngôn viên (ông Thạch Xuân Kỳ, nếu tôi nhớ đúng) đọc trực tiếp – thì thấy chính phủ Anh¹⁷ không quên nêu lên những việc ích quốc lợi dân mà Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã làm trong 9 năm cầm quyền và kết luận: lịch sử sẽ công bình đối với ông.

Những năm gần đây, được đọc lại một số tài liệu lịch sử về các biến cố tại Việt Nam, và theo dõi tình hình thế giới suốt nửa thế kỷ qua, chúng tôi xin có một vài ý kiến riêng sau đây.

Trước hết xin được bỏ qua những nhược điểm và khuyết điểm của ông Diệm, cũng như vấn đề tế nhị gọi là “cuộc khủng hoảng Phật Giáo” và các vấn đề khác. Chỉ xin chú trọng đến riêng vấn đề toan tính hiệp thương với miền Bắc mà thôi.

Nhiều người nêu thắc mắc, không hiểu tại sao, hồi 1955-1956, khi ông Hồ kêu gọi hiệp thương để chuẩn bị tổng tuyển cử theo đúng quy định của hiệp định Genève, thì ông Diệm đã cực lực bác bỏ. Thậm chí năm 1954 thủ tướng Chu Ân Lai của Trung Cộng ngỏ ý muốn ông đặt liên lạc ngoại giao với Bắc Kinh ông cũng gạt đi. Đặc biệt hơn nữa khi Khrushchev đề nghị cả hai miền Nam Bắc đều gia nhập Liên Hiệp Quốc năm 1957 ông cũng nhất định không chịu. Mà đến năm 1962, 1963 anh em ông lại tính chuyện hiệp thương. Như vậy có phải là tự mâu thuẫn không? Hay phải chăng đây chỉ là đòn thâu tóm của anh em ông với chính quyền Kennedy, khi chính quyền này đang tìm cách lật ông?

Có thể tạm giải thích mấy thắc trên như sau: Năm 1954, vừa về nước trong hoàn cảnh phe quốc gia gần như bị phá sản, sau chiến thắng Điện Biên của CS. Mọi sự phải trông nhờ vào viện trợ của Mỹ lúc ấy do đảng Cộng Hòa cầm quyền với Tổng Thống Eisenhower và ngoại trưởng John Foster Dulles là hai nhân vật quyết liệt chống Cộng hơn ai hết. Chúng kiến cảnh Trung Cộng chiếm toàn lục địa Trung Hoa (1949), rồi xua quân tràn qua vĩ tuyến 38 ở Triều Tiên (1953), phái tướng sĩ sang giúp Hồ Chí Minh điều khiển quân của Võ Nguyên Giáp chiến thắng ở Điện Biên, khiến nửa Việt Nam rơi hẳn vào tay CS, các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ cương quyết hơn bao giờ hết để đối đầu với khối Cộng. Vì vậy muốn có viện trợ Mỹ, không thể lập liên hệ ngoại giao với Trung Cộng được, dù cho Chu Ân Lai có hảo ý chăng nữa.

Còn việc từ chối gia nhập Liên Hiệp Quốc cùng với Bắc Việt là do nguyên tắc một nước Việt Nam bất khả phân mà

ông Diệm kiên cường tôn trọng. Có người bảo ông ngoan cố hay cố chấp với nguyên tắc *All or Nothing* (Tất cả hoặc không có gì) thì có lẽ cũng không quá đáng.

Đến như việc không đáp ứng lời kêu gọi, (hay thách đố?) hiệp thương của ông Hồ những năm 1955 và 1956 là vì cái thế của VNCH lúc ấy còn quá yếu so với Bắc Việt. Hiệp thương để tổng tuyển cử lúc ấy là cảm chắc thất bại. Vì vậy ông Diệm đã khôn khéo viện cớ không ký hiệp định Genève để bác bỏ lời kêu gọi hiệp thương. Và Hoa Kỳ lúc ấy cũng tán thành lập trường này.

Còn việc ông Nhu có ý thâu cày với Mỹ không thì chúng tôi nghĩ là không. Trước hết, đây là chiến lược dài hạn anh em ông đã có ý định áp dụng từ lâu trước khi có vụ Phật Giáo và toan tính hạ ông Diệm của người Mỹ. Và lại, theo Ellen Hammer thì chính ông Nhu đã tiết lộ cho ông Cabot Lodge biết ông đang tính liên lạc với Bắc Việt để giảm cường độ chiến tranh. Trong khi đó thì ông ấy lại giấu Maneli, hay đúng ra không dám xác nhận rõ rệt, mà chỉ trả lời câu hỏi của Maneli (về những cuộc tiếp xúc mật giữa hai bên) bằng một câu hỏi thoái thác, cũng giống như Phạm Văn Đồng đã dí dỏm hỏi Maneli một câu tương tự: (“Ông có thích, có tin những tin đồn đó không?”). Chính thái độ không dứt khoát của ông Nhu đã làm đại sứ Pháp thất vọng, vì ông này vốn bênh vực ông Diệm trước ông Lodge, và cũng nói rõ, với ông Lodge: ông Diệm cần ông Nhu.

Có điều chắc chắn là cả ông Nhu lẫn ông Diệm đều chuẩn bị từ lâu để thoát khỏi sự ràng buộc bởi viện trợ Mỹ, vì các ông hiểu rõ nó sẽ trói chặt các ông, không cho thực hiện những chính sách đường lối chống cộng trong

các điều kiện của mình mà các ông xác tín là hữu hiệu hơn phương pháp thuần túy quân sự của Mỹ. Quốc sách “Áp Chiến Lược” với lý thuyết Tam Túc và tự lực tự cường được đem thực hiện từ đầu 1962 là một bằng chứng. Những lời phát biểu của ông Nhu trong các khóa huấn luyện về Áp Chiến Lược ở tuổi Lỗ Ổ, cũng như lời ông Diệm tâm sự với ông Võ Như Nguyễn được Đỗ Mậu trung dẫn ở trên là những dấu chỉ khác.

Ngoài ra, tuy rất ghét chủ nghĩa duy vật vô thần trong học thuyết Mác, và những phương pháp hành động tàn bạo dựa trên nguyên lý “cứu cánh biện minh cho phương tiện” mà ông Hồ và đảng của ông ta áp dụng, ông Diệm vẫn có phần nào kính nể, hay ít nhất là nể sợ ông Hồ về phương pháp tuyên truyền hữu hiệu trước quần chúng rằng ông ta chiến đấu chống ngoại xâm, giành độc lập. Mà một trong những điều làm có cho luận điệu tuyên truyền đó có tác dụng tốt, là sự hiện diện càng ngày càng đông của người Mỹ trên lãnh thổ miền Nam Việt Nam (từ vài trăm năm 1955 đến 16 ngàn năm 1963). Hễ cứ có thêm một toán cố vấn đến Sài Gòn, là báo chí khắp thế giới đều biết. Trong khi hẳn là trên miền Bắc cũng có cố vấn Liên Xô và Trung Cộng, nhưng bên ngoài chẳng mấy ai biết, vì họ kín tiếng và giấu kỹ lắm. Vì vậy tuyên truyền Cộng Sản Bắc Việt nói Mỹ Diệm thì nghe xuôi tai. Còn nếu có ai nói Nga Hồ thì nghe lại không ổn. Vì vậy muốn chứng minh cho nhân dân toàn quốc rằng miền Nam hoàn toàn độc lập sẽ khó khăn hơn với sự hiện diện càng ngày càng đông của cố vấn Mỹ.

Hòa hoãn, hiệp thương, một sách lược phi vũ trang nhìn dưới lăng kính chiến tranh ý thức hệ.

Dưới lăng kính của chiến tranh ý thức hệ với tính toàn cầu, toàn diện, thường trực của nó, chúng ta thử nhìn lại khối Cộng đã tấn công, xâm lăng, sát nhập các nước Đông Âu và vùng Ba Nhĩ Cán trong và liền sau Thế Chiến II. Cộng sản đã không phải dùng đến chiến tranh quân sự với các đơn vị xâm lăng. Phần lớn họ chỉ dùng các biện pháp phi võ trang. Xâm nhập, thao túng, lung đoạn, bầu cử gian lận, vi phạm hiệp ước, nói một đằng làm một nẻo. Chính Liên Xô đã xích hóa Trung Hoa Lục Địa bằng sách lược liên minh với Trung Hoa Dân Quốc, hai lần. Đó là nói về đại thể, còn nếu đi vào chi tiết thì dĩ nhiên không thể tránh những trường hợp cá biệt CS không từ bỏ biện pháp bạo lực.

Rồi cũng dưới lăng kính đó, hãy nhìn lại thế giới tự do đã thắng khối cộng vào giai đoạn cuối cùng ra sao. Khi biết mình không thắng được chiến tranh cục bộ ở Việt Nam bằng vũ lực, vì đã bị sa lầy, và cố bằng mọi cách rút chân khỏi vùng lầy chết người này, Tổng Thống Richard Nixon và ngoại trưởng Henry Kissinger đã dùng chiến thuật “ngoại giao bóng bàn” ở Trung Quốc, dẫn đến những bữa tiệc linh đình do Mao Trạch Đông thết đãi với hàng trăm món sơn hào hải vị, đặc biệt Tầu! Rồi cuối cùng đến Thông Cáo Chung Trung-Mỹ tại Thượng Hải. Với Liên Xô thì hiệp ước hạn chế vũ khí chiến lược (SALT2).

Đến đời Tổng Thống Bush cha thì hội kiến với Gorbachev trên tàu Maxim Gorky ở ngoài khơi dẫn tới cuộc hội kiến vô tiền khoáng hậu giữa Gorbachev và Giáo Hoàng John Paul II, tại thư viện của Vatican. (1-12-1989. Xem bản tin New York Times 2-12-89.) Trong cuộc “chạm

trán” hy hữu này, vô khí duy nhất mà giáo hoàng dùng là chuỗi tràng hạt Mân Côi ông tặng cho Raisa Gorbachev phu nhân.¹⁸ Và trước đó, dưới thời Ronald Reagan, với sự hỗ trợ và cố vấn thiêng liêng của cũng giáo hoàng uy danh lừng lẫy đó, hàng loạt vô khí thiêng liêng và tinh thần, ngoại giao và kinh tế v.v... đã đưa đến chiến thắng của Công Đoàn Đoàn Kết¹⁹ mà không tốn một viên đạn! Để rồi từ đó tất cả các nước Đông Âu khác sụp đổ và cuối cùng là chính Liên Xô cũng tan rã.

Đặc tính của chiến tranh ý thức hệ là dùng ý tưởng tấn công ý tưởng. Ý tưởng nào mạnh sẽ thắng. Không phải bằng vũ khí mà bằng lời nói, chữ viết và các hình thức biểu hiện ý tưởng khác.

Dưới ánh sáng của những sự kiện lịch sử vừa nêu, nhìn lại dĩ vãng, chúng tôi thấy sách lược đấu tranh mà hai anh em ông Diệm toan tính áp dụng tại Việt Nam trước khi các ông bị giết rất có cơ sở, và đáng lý nó đã phải thành công. Và nếu nó thành công thì miền Nam Việt Nam với danh xưng Việt Nam Cộng Hòa sẽ tồn tại trong một thời gian khá lâu: hoặc có thể thống nhất một cách vinh quang như nước Đức. Bằng không thì tối thiểu cũng tồn tại trong phú cường giống như Nam Hàn hay Đài Loan.

Xin nhìn lại một số dữ kiện cụ thể về tương quan lực lượng giữa hai miền lúc đó để phân tích chi tiết hơn. Phải nhìn nhận, cuộc khủng hoảng Phật Giáo không giải quyết ổn thỏa đã làm suy yếu chế độ miền Nam ít ra là ở thủ đô và một phần nào trên bình diện ngoại giao và uy tín đối với quốc tế. Nhưng tình hình nông thôn và đời sống của tuyệt đại đa số nhân dân miền Nam vẫn ổn định và mạnh

hơn hẳn miền Bắc. Vì vậy nếu phải thương thuyết thì ông Diệm vẫn ở thế thượng phong. Về phía Hà Nội, sau khi thấy hầu hết²⁰ các cơ sở bí mật ở miền Nam đã bị phá vỡ, tháng 9 năm 1959 Hà Nội đã họp hội nghị bí mật ra nghị quyết số 9 đưa thêm quân vào Nam, rồi lập ra Mặt trận Giải Phóng Miền Nam (20- 12-1960) để vót vát uy tín với quốc tế. Nhưng Quốc Hội miền Nam cũng đã ban hành luật 10/59, mà Nguyễn Văn Linh sợ còn hơn B52 sau này.²¹ Còn tại miền Bắc thì sau thất bại của Cải Cách Ruộng Đất và chiến dịch sửa sai, trong đó không biết bao nhiêu người đã bị chết oan, hoặc bị cho đi tù, hay đi an trí tại những nơi rừng thẳm nước độc, các công cuộc hợp tác hoá nông, công, thương nghiệp cũng đi đến thất bại vì lẽ “cha chung không ai khóc”. Nhân dân vì thế rất đói khổ và bất mãn. Trong hoàn cảnh đó, nếu hiệp thương được với miền Nam để trao đổi than đá lấy gạo thì sẽ giải quyết được những vấn đề kinh tế, xã hội, chính trị quan trọng.

Một điểm nữa cũng khiến ông Hồ muốn hòa hoãn, ít là tạm thời, với ông Diệm. Nếu ông Diệm muốn giảm áp lực của Mỹ, thì ông Hồ cũng có lý do để muốn giảm áp lực của Trung Cộng. Mặc dù là người CS và là cán bộ cao cấp của Quốc Tế CS, không thể nào thoát hẳn sự chi phối sinh tử của các nước đàn anh, ông ấy vẫn thích bị áp lực của đàn anh Trung Cộng ít chùng nào tốt chùng ấy. Chính vì thế mà lần nào đề nghị của Maneli cũng được các ông Hồ Chí Minh, Phạm Văn Đồng chấp thuận và bật đèn xanh cho tự do thương thuyết với ông Nhu. Chỉ có một điều kiện tiên quyết là: Mỹ phải ra đi. Nghĩa là trước tiên ông Diệm phải làm mọi cách để ép Mỹ rút hết cổ vắn về nước. Điều này

không trái ý ông Diệm. Nhưng thực hiện được thì thiên nan, vạn nan. Nguy hiểm chết người! Hoa đào của ông Hồ tặng đã thành máu đào của hai anh em ông Diệm.

Nội dung thương thảo chưa rõ nét

Vì cuộc thương lượng chính thức chưa bắt đầu, hai bên cũng không để lại tài liệu nào chính thức liên quan đến các cuộc tiếp xúc mật, cho nên chúng ta không có gì cụ thể để nói về nội dung cuộc thương thuyết. Tuy nhiên theo báo cáo tối mật của Maneli ngày 10-7-63, chỉ gửi cho chính phủ Ba Lan và tòa đại sứ Liên Xô, thì ông ta có đề cập với ông Hồ và Phạm Văn Đồng về khả năng của một chính phủ liên hiệp, và khả năng của một liên bang nào đó, trong đó ông Diệm có thể là phó chủ tịch, và ông Nhu phó thủ tướng.

Cũng nên thêm rằng, về một liên bang nào đó có thể là nội dung của cuộc thương thuyết hay mật đàm, thì, theo tiết lộ của giáo sư Francis X. Winters, quyền đại sứ Trueheart²² trong công điện ngày 25-5-63 gửi về Hoa Thịnh Đốn có tường trình rằng ông Ngô Đình Nhu có nói với ông về một cuộc họp tại Cam Bốt ngày 19 cùng tháng, trong đó cả Hồ Chí Minh lẫn Ngô Đình Nhu đều có đại diện.²³ Phải chăng đây là cuộc họp có bàn tới vấn đề liên bang mà tướng Nguyễn Khánh và John Richardson, trưởng nhiệm sở CIA ở Sài Gòn lúc ấy đã bàn tán với nhau căn cứ vào lời tuyên bố của ông Hồ, khiến ông Nhu muốn liên lạc với Bắc Việt để tìm hiểu về nội dung cụ thể?²⁴

Về vấn đề hiệp thương để đi đến một chính phủ Liên Hiệp với CS, nhiều người sẽ nhắc lại mảnh lời liên hiệp

của Hồ Chí Minh hồi 1945-1946, với các ông Nguyễn Hải Thần, Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh v.v... Và phê bình ông Diệm chưa học được bài học lịch sử chua cay đó. Tuy nhiên chúng tôi có ý nghĩ hơi khác. Sở dĩ hồi 1945 ông Hồ đã có thể dùng chiêu bài liên hiệp như một vũ khí chính trị để chia rẽ, lợi dụng, và phân hóa các đảng đối lập, rồi sau cùng uy hiếp họ, đến nỗi phân đảng phải chạy trốn, là vì lúc ấy chưa ai có kinh nghiệm đó. Thử đến lúc ấy các đảng đối lập ở vào thế yếu hơn hẳn Hồ Chí Minh. Ông này, dưới danh nghĩa chủ tịch mặt trận Việt Minh, đã phồng tay trên được chiến thắng của cuộc khởi nghĩa 19 tháng 8. Sau đó quân của các đảng phái mới từ Hoa Nam và Việt Bắc lục tục kéo về Hà Nội, quá muộn.

Còn thời 1962-1963 thanh thế của ông Diệm hơn hẳn ông Hồ. Nếu ông Diệm chịu liên hiệp là liên hiệp trong thế mạnh. Hơn nữa ông Diệm không phải là một chính khách non nớt, không biết rõ đối phương như người ta tưởng. Những gì nhà báo Úc Denis Warner, nổi tiếng về vấn đề Việt Nam, đã viết trong cuốn *The Last Confucian* (NXB Macmillan Company, NY, 1963, chương 5), cho thấy ông Diệm có những nhận xét rất sâu sát về Hồ Chí Minh, Mao Trạch Đông và Che Guevara. Trong khi phân tích chiến lược chiến thuật Mao Trạch Đông, ông Diệm chỉ cho nhà báo Úc trên bản đồ về các trận đánh của Việt Minh thời chống Pháp, rồi từ đó suy ra chiến thuật của CS dùng để đánh phá miền Nam. Rồi ông bảo nhà báo: Chiến thuật của Mao Trạch Đông rất giản dị, nhưng ít người hiểu một cách tường tận, trừ chỉ có hai người là Che Guevara (Cuba) và Hồ Chí Minh. Dĩ nhiên nếu chưa nghiên cứu kỹ

về Mao Trạch Đông, Hồ Chí Minh, Che Guevara và nhiều người khác nữa, thì không thể nào dám đưa ra một nhận xét chắc nịch như vậy.

Vì những lý do trên, theo ý kiến chủ quan của tôi, nếu, vâng, nếu, một chữ nếu không có trong lịch sử! nếu anh em ông Diệm không bị chết, và việc hiệp thương giữa hai miền Nam Bắc được thể hiện vào thập niên 60 thế kỷ trước, thì chẳng những Hoa Kỳ đã không phải đổ 2 triệu quân vào Việt Nam khiến hơn 58 ngàn lính Mỹ chết mà Việt Nam cũng tránh được một cuộc chiến tương tàn làm trên 3 triệu tử vong.

Kết luận

Để kết luận, chúng tôi xin nhắc lại lời nữ sử gia Marilyn Young, sau khi nói về nhận định của phụ tá ngoại trưởng Mỹ Roger Hilsman nêu ở phần đầu bài này. Bà lấy làm tiếc rằng:

“Không có ai trong ban tham mưu của (Tổng Thống) Kennedy đã tự hỏi tại sao điều này²⁵ lại không thể cũng là mục tiêu của Hoa Kỳ.”

Theo thiện kiến, ý của nữ sử gia là anh em ông Diệm đã mở cửa thênh thang cho người Mỹ rút lui khỏi chiến trường Việt Nam trong danh dự một cách an toàn. Nhưng chính quyền Kennedy đã giết người mở cửa rồi đóng sập cửa lại. Kết quả là 12 năm sau phải tự phá cửa mà tháo thân, mang theo 58 ngàn xác chết và “hội chúng Việt Nam”.

Thảm cảnh đó có đáng là một bài học cho những ai còn khư khư ôm lấy quan niệm rằng chỉ có vũ khí hay bạo lực mới thắng được Cộng Sản, hay đã có bom hạch tâm thì đương nhiên bất bại?

Ngày nay, còn hơn 45 năm về trước, những hình thức đấu tranh bất bạo động trong chiến tranh ý thức hệ có thiên hình vạn trạng cần được liên tục nghiên cứu để có thể tùy cơ ứng biến, áp dụng trong những trường hợp thích hợp nhất. Mong rằng các tổ chức đấu tranh cho Dân Chủ Tự Do trong nước cũng như ở hải ngoại sẽ vận dụng thành công những kiến thức có hệ thống về một cuộc chiến ý thức hệ phi vũ trang vẫn còn đang tiếp diễn.

¹ *Năm Con Thỏ*, tức Năm Mão, Người Việt ta thường gọi là năm Con Mèo, 1963. Sách do University Georgia Press xuất bản, Athens, 1997, chương đầu, trang 12.

² Xem *Ngô Đình Nhu*, tác giả FW.09 do Ng. Thị Muôn xuất bản, năm 1990 tại Fresno. (Tập I)

³ *Dòng Họ Ngô Đình, Giấc Mơ Chưa Đạt*, Nguyễn Văn Minh, NXB Hoàng Nguyên, Nam Cali, 2003, trang 295 và 290.

⁴ *Vietnam, a history*, Penguin group, NY, 1991, trang 307 và 308.

⁵ SĐĐ trang 116.

⁶ SĐĐ trang 101. Về mục tiêu tối thiểu của ông Nhu mà bà Young nói đây thì chính phái đoàn McNamara-Taylor năm đó cũng báo cáo với tổng thống Mỹ rằng tình hình nông thôn miền Nam ổn định khiến có thể rút 1000 cố vấn vào năm sau (1964). Cho nên chính Tổng Thống Kennedy cũng có ý định đó, chứ không chỉ là ý kiến riêng của ông Nhu. Tiếc rằng việc toan tính rút hay giảm bớt sự hiện diện của Mỹ, dù từ phía nào đều trái với những toan tính mở rộng chiến tranh để bán, tiêu thụ và thử một số vũ khí nào đó của những tay trùm tư bản, đang nắm một siêu quyền lực.

⁷ SĐĐ, NXB Văn Nghệ, Nam Cali, 1993, trang 1007.

⁸ (Xin xem 1) John M. Newman, JFK and Vietnam, NXBA Time Warner

Co. 1992, các trang 299, 455. 2) Stanley Karnow, *Vietnam a history*, NXB Viking Pinguin, 1991, trang 276.

⁹ Xem Nguyễn Văn Minh, SĐD trang 292.

¹⁰ Tam túc: tự túc về tư tưởng; tự túc về tổ chức và tiếp liệu; tự túc về kỹ thuật.

¹¹ Cựu đại sứ Mỹ tại Việt Nam Frederick Nolting cũng bất mãn về việc ông Diệm bị hạ và bị giết đã xin được từ bỏ mọi chức vụ công quyền ngày 25-2-64.. (Xin xem *From Trust To Tragedy*, Praeger, N. Y. 1988)

¹² NXB E. P. Dutton, 1987.

¹³ Roger Hilsman, phụ tá ngoại trưởng về Đông Nam Á, đã cùng với thứ trưởng Averell Harriman, cố vấn an ninh Michael Forestal và một số nhà báo trẻ ở trong nhóm Diem-Must-Go (Diệm phải xuống) do Harriman lãnh đạo. Vì thế ta thấy Hilsman đã nhân việc ông Nhu tính thương lượng với miền Bắc thuyết phục được hội đồng an ninh quốc gia chấp thuận biện pháp dứt khoát loại bỏ ông Diệm. Trước hết họ chỉ nhắm bắt ông Diệm loại ông bà Nhu. Nhưng ông Diệm không chịu. Chúng tôi đã tóm tắt và trích dẫn những câu quan trọng nhất của nữ tiến sĩ Ellen Hammer liên quan đến việc đệ nhất CHVN toan tính thương lượng với Bắc Việt. Muốn biết đầy đủ chi tiết xin xem *A Death In November* của tác giả, (NXB E. P. Dutton, 1987) từ trang 220 đến 262).

¹⁴ Nguyên tác tiếng Ba Lan. Trích dẫn theo bản dịch Anh ngữ của Maria de Gorgey, NXB Harper & Row, San Francisco 1971. Tác giả Mieczyslaw Maneli đã dành cả chương 6 (từ trang 112 đến trang 132) để nói về vấn đề này.

¹⁵ Vì bà Nhu là một người đàn bà đẹp – (Tuớng Trần Văn Đôn, vai chính trong cuộc đảo chính viết trong *Our Endless War*: “She was an immensely attractive woman, beautiful by everybody’s standard.” - Bà ấy là người đàn bà vô cùng hấp dẫn, ai cũng thấy đẹp.) – lại là “một thứ đệ nhất phu nhân” vì ông anh chồng là tổng thống độc thân, cho nên sau khi chế độ bị lật đổ, những nhà báo muốn câu độc giả bèn cố tạo nên những màn cụp lặc chung quanh bà. Biết đâu tấm hình chỉ là hình ghép khéo? Dầu sao thì Maneli cuối cùng cũng tiết lộ đó là hình một cựu đại sứ Ấn Độ, mấy năm trước cũng từng giữ chức chủ tịch UHQT.

Hoàng Trọng Miên, một nhà báo nổi tiếng, em ruột Thanh Nghị, một bộ trưởng trong cái gọi là chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đã viết hẳn một cuốn tiểu thuyết trằng giang đại hải, lấy bà Nhu, khuê danh Trần Lệ Xuân (mà tác giả gọi vẫn tắt là Lệ) làm nhân vật chính cho cuốn *Đệ Nhất Phu Nhân*. (Gần đây, cuốn truyện và tác giả, và những người xuất bản, tái bản nó đã bị Công Tử Hà Đông, tức nhà văn Hoàng Hải Thủy cực lực lên án.) Điều khiến nhiều người ngạc nhiên là trong cuốn truyện hư cấu này đầy rẫy những vụ tình vụng trộm giữa cô Lệ với những tướng lãnh đương quyền được nêu tên thực, mà nó vẫn được tự do xuất bản. Không lẽ những ông tướng ấy không biết để ngăn chặn? Hay biết mà vẫn hãnh diện vì được “đính” với một “Cleopatre Việt Nam?” Cũng như Maneli tự thú mình cải chính một cách miễn cưỡng, vì còn tiếc cái tiếng “ảo” là được “đính” chút đỉnh?

¹⁶ SĐD trang 114.

¹⁷ Tuy đài BBC, mà hội đồng thống đốc do Nữ Hoàng bổ nhậm, hoàn toàn độc lập, nhưng các chương trình ngoại ngữ thì lại do bộ ngoại giao chi phối.

¹⁸ Chúng tôi không có ý nói Giáo Hoàng đã dùng chuỗi tràng hạt này với chủ đích như một thứ vũ khí thiêng liêng, mặc dù một số người Công Giáo sùng đạo tin Đức Bà Maria đã làm phép lạ cho Liên Xô sụp đổ. Chúng tôi chỉ có ý nhấn mạnh đến đặc điểm là Giáo Hoàng không hề có bất cứ lực lượng quân sự nào, trừ mấy chục người lính canh Thụy Sĩ đứng cho uy nghiêm mà thôi.

¹⁹ Uy danh của giáo hoàng John Paul II quả là một nhân tố quan trọng của chiến thắng tại Ba Lan như chính tổng thống Liên Xô Gorbachev đã xác nhận. Nhưng nhân tố quyết định vẫn là nhân dân Ba Lan, trong đó có lực lượng 10 triệu đoàn viên của Công Đoàn Đoàn Kết. Nói đến Công Đoàn Đoàn Kết của Ba Lan do Lech Walesa lãnh đạo, chúng tôi không thể không nghĩ tới Công Đoàn Độc Lập của Việt Nam do Nguyễn Khắc Toàn vừa thành lập, mặc dầu khác nhau một trời một vực về số lượng và uy tín cũng như kinh nghiệm.

Cũng như khi nhắc lại ảnh hưởng lớn lao của vị giáo hoàng người Ba Lan, “quốc trưởng của quốc gia tí hon Vatican”, ở ngoài tổ quốc Ba Lan có 85 % tín hữu Công Giáo, chúng tôi cũng cầu mong sẽ có một vị hoà thượng

hay thiên sư người Việt Nam đạo cao đức cả, được đa số trí thức Phật tử hải ngoại kính trọng và tin tưởng, có trụ sở và cơ ngơi ở ngoại quốc, một thủ lãnh thổ “Vatican” nào đó, sẽ gây được uy tín lớn lao nếu không tương đương thì cũng có thể so sánh phần nào với uy tín của giáo hoàng JP2 đối với thế giới đương thời, để ông sẽ về thăm Việt Nam vài lần và gieo vào cộng đồng Phật tử đồng đức trong nước một niềm tin và sức mạnh tinh thần, đồng thời kích thích sự hoạt động kiên trì và dũng cảm của công đoàn mới phôi thai, ngỗ hầu sớm đem lại tự do dân chủ đích thực cho Việt Nam.

²⁰ Theo Nguyễn Văn Linh thì 75 phần trăm, theo Văn Tiến Dũng thì 90 phần trăm cán binh CS ở miền Nam đã bị “tiêu diệt”. Hy vọng chiến thắng rất mong manh. Xem *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước* của Văn Tiến Dũng, chú thích trang 16.

²¹ Lời Nguyễn Văn Linh nói với nhà báo Neil Sheehan thân Cộng (xem *After the War was Over*, trang 77...). Theo hồ sơ an ninh của đoàn công tác đặc biệt miền Trung thì có rất nhiều cán bộ cao cấp của CS bí mật hoạt động ở Huế đã bị bắt và tự động rời bỏ hàng ngũ CS để về hợp tác với chính quyền. Trong số đó có cả những tình ủy viên tỉnh Thừa Thiên, thành ủy thành phố Huế. Một số cán bộ CS đã được nêu đích danh như Mười Hương, Lê Chon, Phan Thị Chanh, Lê Thị Hòa, Lê Minh Đạt, Nguyễn Đà, Nguyễn Đình Chon, Lê Tú và Lê Phước Thuồng... Nơi trang 99 cuốn *Dòng Họ Ngô Đình...*, tác giả Nguyễn Văn Minh cho biết: Lê Phước Thuồng là tình ủy viên tỉnh bộ đảng Thừa Thiên đã bị bắt, được thuyết phục và cảm phục ông Ngô Đình Cẩn đến độ, sau 1975, vào tù VC, luôn sẵn sàng đánh những ai nói xấu ông Cẩn, hay Đoàn Công Tác Đặc Biệt. “Người từng chứng kiến những vụ đánh lộn vì lý do đó là Trung Tá Lê Thiện Phước, ở tù chung với Thuồng...” Một thủ lãnh Việt Nam Quốc Dân Đảng từng là nạn nhân của chế độ Ngô Đình Diệm kể lại cho người viết: Trong tù CS sau 30 tháng tù ông đã gặp một cựu cán bộ cao cấp CS hết lời ca ngợi ông Cẩn là một chính trị gia già giặn. Anh ta cho biết mình đã rời bỏ hàng ngũ CS về hợp tác với chính quyền miền Nam, vì bị chinh phục hoàn toàn bởi thái độ và cử chỉ của ông Cẩn đối với các cán bộ CS. Ông Cẩn biết anh ta là cán bộ cao cấp (tình ủy viên) đang bí mật hoạt động mà không cho lệnh bắt, cứ để vậy theo dõi trong 2 năm. Rồi cho mời anh ta đến để tranh luận về chính nghĩa dân tộc một cách bình đẳng tự do. Sau đó ông ta bảo anh cán bộ: Chúng ta đã nói chuyện với nhau đủ rồi. Bây giờ tôi xin để tùy anh quyết định. Nếu

thấy tôi nói đúng thì hãy về hợp tác với chúng tôi. Còn nếu anh thấy không phục, thì tùy anh cứ ra đi tự do. Chúng tôi không bắt giữ anh đâu. Qua hai câu chuyện này, ta có thể hiểu lý do tại sao chỉ trong vòng 3 năm, từ 1955 đến 1958, như Nguyễn Văn Linh nói với Sheehan, mà cơ sở của VC ở trong Nam đã bị phá đến 75 phần trăm, còn Văn Tiến Dũng thì xác nhận trên giấy trắng mực đen là mất đến trên 90 phần trăm.

²² Lúc ấy đại sứ Frederick Nolting vừa đi nghỉ ở vùng Địa Trung Hải)

²³ Winters SDD trang 33.

²⁴ Winters SDD trang 61.

²⁵ Túc mục tiêu tối đa của ông Nhu là “*loại hoàn toàn sự có mặt của Mỹ khỏi Việt Nam để thiết lập một nước trung lập, hay theo kiểu Ti-tô nhưng vẫn biệt lập với Bắc Việt*” (nguyên văn lời của Marilyn Young)

Không chỉ có Marilyn Young lấy làm tiếc một cơ hội bỏ lỡ để Mỹ khôi vương vào một cuộc chiến tranh gây nhiều thương vong mà còn làm mất uy tín của một siêu cường.

Nhà báo thiên tả Stanley Karnow, trong cuốn *Vietnam, A History*, (nxb The Viking Press, 3rd Edition, 1991, trang 308), cũng lấy làm tiếc một cơ may có hòa bình bị bỏ lỡ đó, mặc dầu ông viết thêm, “*tuy nhiên cứ như tình hình lúc ấy, khó lòng tránh được chiến tranh.*”

Độc *Argument without End* (Public Affaires, New York, 1999), thì thấy, một cách đại cương, tác giả chính McNamara, cựu bộ trưởng Quốc Phòng hai thời tổng thống Kennedy và Johnson và Arthur M. Schlesinger phụ tá Tổng Thống Kennedy, tác giả cuốn *A Thousand Days*, cũng cùng tâm trạng đó.

Trong cuốn *Argument without End*, các tác giả còn cho biết quan điểm của một giới chức cao cấp Việt Cộng ở Hà Nội là Lưu Doãn Huỳnh cũng cho biết quan điểm cá nhân rằng nếu ông Diệm không bị hạ, có thể Mỹ đã không phải tham chiến một cách tai hại như vậy. (Xin xem Sách Đã Dẫn, các trang 113-201).

Chương 3

Tết Con Heo nhớ Xuân Con Mèo

Sau bài Cành Đào Xuân Quý Mão đã có nhiều ý kiến của độc giả liên quan đến cành đào ông Hồ tặng ông Diệm và những hệ quả của toan tính hiệp thương hai miền Nam Bắc. Vì vậy nhân dịp Tết Đinh Hợi, nhớ lại sự việc xảy ra ngày Tết Quý Mão, chúng tôi xin được trở lại vấn đề này để bổ túc và giải thích thêm một số điểm gây tranh cãi. Chúng tôi chỉ xin nêu lên 4 ý trong số rất nhiều ý kiến của độc giả:

1.- Có người khẳng định là người viết bia đặt. Họ bảo ông Hồ không đòi nào hạ mình trước kẻ làm tay sai cho Mỹ như Diệm. Không hề có chuyện ông Hồ gửi tặng ông Diệm cành đào nào cả.

2.- Người khác lại bảo, ông Hồ gửi cành đào cho ông Diệm, nhằm mục đích ly gián ông này với Mỹ. Ông Diệm không hiểu thâm ý đó, nên đã cho trưng bày cành đào, và từ đó sóng gió nổi lên, lật nhào con thuyền Đệ Nhất Cộng

Hòa. Đúng như ông Hồ tiên liệu. Theo ý họ, đáng lẽ ông Diệm phải sáng suốt cho rút cảnh đào vào sọt rác, hay lịch sự hơn, gửi trả lại.

3.- Có người còn đi xa hơn nữa, bảo chính CIA Mỹ đã gửi cảnh đào đó, để tạo bằng chứng Ngô Đình Diệm phản bội lý tưởng chống Cộng. Rồi từ đó thúc giục mấy tướng lật ông Diệm. Và đồng thời dựa vào bằng chứng đó biện minh cho hành động lật đổ và sát hại anh em ông Diệm. Một sử gia tên tuổi, giáo sư ở Úc còn cho biết ông đã tìm thấy một tài liệu mật mới được giải mật ở thư viện Kennedy cho biết Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Mỹ đã có mật lệnh cho ngụy tạo (fabricate) chứng cứ ông Ngô Đình Nhu liên hệ với Bắc Việt.

4.- Nhưng đáng chú ý hơn cả là một vài bạn bè cũng tỏ vẻ nghi kỵ người viết, cho rằng lập luận như người viết là đã coi ông Hồ như người yêu nước và đánh đổ sòng hai ông Ngô, Hồ. Viết như vậy là ngược lại công trình nghiên cứu của cuốn Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp. Một vị cựu dân biểu đệ nhị CH ở Pháp còn bảo, đã đọc HCM, ndth rồi đọc bài Cảnh Đào Xuân Quý Mão thì thấy như có hai Minh Võ, không phải một Minh Võ.

Đáp lại những ý kiến phức tạp đa dạng, đến đối chọi nhau như thế, chúng tôi xin trình bày thêm một số dữ kiện và tư liệu để bạn đọc cùng suy nghiệm.

I. Trước hết về ý kiến thứ nhất, chúng tôi đã kiểm tra lại cẩn thận hơn. Chẳng những ông cựu đồng lý văn phòng Quách Tông Đức đã xác nhận với luật sư Lâm Lễ Trinh, và cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc cũng xác nhận với tôi như vậy, như tôi đã viết ở bài trước, mà sau khi hỏi lại ông Lộc một lần

nữa cho chắc, thì được biết ông đã hỏi kỹ lại nhiều người khác, như cụ Cao Xuân Vỹ khi xưa từng là phụ tá của ông Ngô Đình Nhu trong phong trào Thanh Niên Cộng Hòa, như cựu trung tá Nguyễn Cửu Đắc, thời ấy cũng là tùy viên bên cạnh Tổng Thống Diệm, như cựu thiếu tướng Huỳnh Văn Lạc, lúc ấy đang chỉ huy đội cận vệ, v.v..., thì tất cả đều nhớ là đích thực có cảnh đào đố tại phòng khánh tiết phủ tổng thống được trưng bày trong dịp Tết Quý Mão. Nếu với ngân ấy nhân chứng mà ai đó còn bảo bịa đặt, thì chúng tôi thú thực không biết nói gì hơn. Tiếc rằng chúng tôi chưa tìm được tài liệu hay nhân chứng nào từ phía Bắc Việt liên quan đến cảnh đào của ông Hồ.

II. Về giả thuyết đây là kế ly gián của ông Hồ, chúng tôi đồng ý là con người thâm hiểm ấy có thể có nhiều mưu mô khôn lường. Nhưng trong trường hợp này, căn cứ vào những lời tường thuật của Maneli, ông Hồ đã, qua Phạm Văn Đồng, thẳng thắn đưa ra điều kiện tiên quyết và duy nhất là phải loại bỏ sự có mặt của người Mỹ tại miền Nam, sau đó “cái gì cũng có thể thương lượng được”. Như vậy lá bài đã lật ngửa. Không còn lý do để mưu mô đánh lừa nữa. Có thể lúc ấy ông Hồ đã biết rõ con người Ngô Đình Diệm luôn cương trực và có tinh thần “dân tộc cực đoan”, cũng đã sẵn có ý định thoát khỏi sự kiểm tỏa của một số người Mỹ là những người chỉ dùng sự viện trợ như một ràng buộc, bắt ông Diệm phải tuân phục.

Và về phía ông Diệm, tuy biết ông Hồ nhiều mưu sâu thâm độc, cần cảnh giác, nhưng ông cũng đủ tự tin mình hiểu đối phương, và sẵn sàng đối phó với những mưu mô ấy. Những gì nhà báo Úc nổi tiếng Denis Warner viết về sự

hiểu biết của ông Diệm đối với những Mao Trạch Đông, Che Guevara và Hồ Chí Minh mà chúng tôi đã trưng dẫn ở bài trước chứng tỏ ông Diệm “tri kỷ, tri bỉ”. Cựu đại sứ Mỹ Frederick Nolting cũng không tiếc lời ca ngợi ông Diệm về những kiến thức uyên bác: Ông nói thao thao bất tuyệt trong nhiều giờ mà chẳng những không làm người đối thoại nhàm chán mà còn khiến người ta say mê theo dõi và thần phục.¹ Ngay tướng Trần Văn Đôn, chủ chốt trong vụ đảo chính trong cuốn *Our Endless War* cũng khen ông Diệm có tinh thần học hỏi, nghiên cứu, “cái gì cũng muốn am hiểu tường tận...”² Một người cực kỳ thông minh, 32 tuổi đã đứng đầu nội các, lại chịu nghiên cứu tỉ mỉ đến nơi đến chốn về mọi khía cạnh của đất nước như vậy, chẳng lẽ lại là người quá kém cỏi về mưu lược so với ông Hồ. Hơn nữa, trong dĩ vãng, ông Diệm là chính trị gia duy nhất đã không bị ông Hồ lừa vào cái thế Liên Hiệp như các lãnh tụ Việt Nam Quốc Dân Đảng (Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh...), Việt Nam Cách Mệnh Đồng Minh (Nguyễn Hải Thần...), hay các cụ Huỳnh Thúc Kháng v.v... Vì trong lúc như cá nằm trên thớt, đang bị ông Hồ giữ làm tù nhân, mà ông đã dám ngang nhiên từ chối lời mời của ông Hồ giữ bộ Nội Vụ là địa hạt mà “ông Diệm có tài thiên phú còn đàn em của ông Hồ quá kém cỏi”.³

Một người thông minh, có lập trường dân tộc, lại có kinh nghiệm với CS, không dễ gì bị ông Hồ đánh lừa được. Đã nhận cảnh đào, cho trưng bày nó tại phòng khánh tiết phủ Tổng Thống, có nghĩa là ông Diệm đã nhận cuộc thách đấu chính trị không những của ông Hồ và phe cộng, mà còn gián tiếp của một số người Mỹ đang muốn lật ông nữa.

Nói là thách đấu, nghe có vẻ bất thân thiện, hiếu chiến. Nhưng thực ra hình thức thì lại có tính xã giao, thân tình: Một cảnh đào tặc trong dịp Xuân. Do đó nếu có ngồi lại thương thảo với nhau, thì thể của ông Diệm lúc ấy hơn hẳn thể của đệ nhị Cộng Hòa ở hòa đàm Paris, sau này. Phe ông Hồ ở hòa đàm Paris, ngay đối với Mỹ cũng không lịch thiệp nhả nhận như đối với ông Diệm 6 năm trước. Thay vì đi bước trước bằng cảnh đào, ông Hồ, mặc dù sắp chết (1969), đã chẳng những không đưa tay tiếp nhận tàu thuốc hòa bình mà Nixon đưa mời mà còn giật lấy tàu thuốc toan đánh Nixon, và đổ tàn thuốc còn nóng hổi vào bàn tay người mời, như cách ví von của tướng Philip Davidson trong *Vietnam At War*.⁴ Cuối cùng, hơn hai năm sau, khi ông Hồ đã xuôi tay, Nixon phải cho lệnh phong tỏa hải cảng Hải Phòng, oanh kích Hà Nội, Hải Phòng rờn rã 12 ngày dịp Giáng Sinh năm 1972. Khi đó Lê Đức Thọ mới chịu tái hợp nghiêm chỉnh để có thể đi đến hiệp định Paris (27-1-1973), một bản văn cứu được phần nào danh dự Mỹ, nhưng đã bức tử Việt Nam Cộng Hòa.

Tất cả chỉ vì một số người Mỹ cũng như Việt lúc ấy quá tin rằng biện pháp quân sự, với lực lượng hùng hậu của Hoa Kỳ có thể tiêu diệt Việt Cộng dễ dàng, mà quên rằng đã đưa đại quân vào mà không có một hiệp ước song phương được quốc hội tức nhân dân phê chuẩn, (như trước kia ông Diệm, khi đàm đạo với đại sứ Frederick Nolting đã luôn nâng nặc đòi cho bằng được một hiệp ước như thế nếu cần có quân Mỹ can thiệp), thì chính nghĩa tự vệ của miền Nam đã mất. Quân sĩ, dù thiện chiến và có tinh thần quyết chiến hy sinh đến đâu vẫn bị tuyên truyền

đối phương gọi là lính đánh thuê và du luận Mỹ và thế giới dễ tin theo luận điệu tuyên truyền ấy. Kết quả là phong trào phản chiến nổi lên khắp nơi. Lúc ấy (trong trận chiến ý thức hệ đặc biệt) bom nguyên tử cũng thành vô dụng.

Trước khi sang ý kiến thứ 3, tưởng cũng nên có một cảnh giác bên lề. Tuy Hồ Chí Minh và đảng Cộng Sản có thể có nhiều mưu kế, nhưng cũng không nên huyền thoại hóa khả năng của họ về mặt này để khỏi rơi vào bẫy để họ có thể thổi phồng khả năng cài người, đặt nội gián (cỡ Phạm Xuân Ẩn, hay Vũ Ngọc Nhạ) vào trung tâm quyền lực của Việt Nam Cộng Hòa trước đây.

III. Về việc CIA nguy tạo danh thiếp của Hồ Chí Minh kèm theo cảnh đào, nếu chuyện đó có thực thì phải có nhiều đồng lõa, kể cả của một nhân viên trong Ủy Hội QTKSĐC (ICC), vì ông Lê Châu Lộc cho biết chính ông đi nhận cảnh đào ở Ủy Hội QT. Và lại khi mà ông Nhu nói chuyện công khai với Maneli, “một thứ phái viên của Hà Nội” ngay tại buổi tiếp tân của ngoại trưởng Trương Công Cừu, ngày 25 tháng 8 năm 1963, thì còn có sự hiện diện của tân đại sứ Mỹ Cabot Lodge. Ngoài ra, theo nữ tiến sĩ Ellen Hammer thì ông Nhu còn cho ông Lodge biết chuyện Maneli nói với ông. Vậy thì đâu có cần phải nguy tạo làm gì? Việc nguy tạo này, nếu có sẽ vô cùng khó khăn và cực kỳ nguy hiểm, nếu bị phát giác sẽ liên hệ đến danh dự của siêu cường Mỹ. Tuy nhiên, mặc dù riêng cá nhân tôi, không được biết có tài liệu nào liên quan đến sự nguy tạo nói trên, tôi cũng không có bằng chứng gì để phủ nhận một tin rất lạ lùng về việc Hội Đồng An Ninh Quốc Gia Hoa Kỳ chỉ thị cho CIA nguy tạo (nguyên văn fabricate)

bằng có về sự dính líu của bào đệ của Tổng Thống Diệm với Bắc Việt.

IV. Về sự nghi ngờ của một vài thân hữu về thái độ của người viết đối với ông Hồ, cho rằng chúng tôi coi ông Hồ cũng vì quyền lợi dân tộc như ông Diệm, chúng tôi xin được giải thích kỹ hơn.

Giải thích điểm này đáng lẽ phải phân tích lý thuyết Mác-xít Lê-nin-nít và nhất là chiến lược, sách lược đấu tranh chính trị của Lê-nin, hay nói theo tập quán suy luận của tôi, là “chiến tranh (ý thức hệ) toàn bộ, toàn cầu, toàn diện, thường trực của CS”. Khi viết về ông Hồ, hay ông Diệm, hay cuộc chiến Việt Nam, chúng tôi luôn luôn đặt đối tượng nghiên cứu vào trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ, mà tôi coi như thế chiến III.⁵ Nhưng trong cuốn Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp, có chương 43 của phần 3 đã nói một cách hết sức tóm tắt về những điều có tính lý thuyết, trừu tượng đó.⁶

Ở đây, xin đi thẳng vào vấn đề một cách cụ thể. Ông Hồ, nhìn qua lăng kính của chiến tranh ý thức hệ toàn cầu, là một cán bộ cao cấp của Quốc Tế Cộng Sản (QTCS). Đó là trong phạm vi chiến lược, với mục tiêu tối hậu là xích hóa toàn thế giới, để cuối cùng thiết lập chế độ độc tài toàn diện, mệnh danh là chuyên chính vô sản. Đúng theo lý thuyết Mác-xít Lê-nin-nít. Nhưng nhìn ông ta dưới lăng kính của chủ nghĩa dân tộc, nghĩa là trong phạm vi sách lược giai đoạn của Lê-nin, (muốn tới Paris phải qua ngã Bắc Kinh, vòng vo, dài dòng, lắt léo), thì trong con người Quốc Tế Hồ Chí Minh, còn có con người Việt Nam Hồ Chí Minh. Con người thứ hai này lại được một số trí thức và

các tầng lớp nhân dân trong nước và thế giới coi là nhà ái quốc, do sự hướng dẫn sai lạc của một số nhà báo thiên tả, hay kém hiểu biết, vô tình hay hữu ý không đếm xỉa đến con người quốc tế của ông ta.

Ông Diệm cũng biết rõ điều này, như cựu đại sứ Frederick Nolting đã viết trong cuốn *From Trust To Tragedy*. Ông Diệm cũng biết sở dĩ ông Hồ được một số trí thức, và một số dân chúng coi như yêu nước, là vì họ không nhìn thấy sách lược giai đoạn của Lê-nin (trong đề cương chủ nghĩa thực dân và chủ nghĩa dân tộc). Và ông Diệm cũng như nhiều thành phần quốc gia am hiểu chiến lược, sách lược CS đều hiểu, do tuyên truyền xảo quyết tinh vi, với kỹ thuật cao, là món sở trường của các chiến lược gia CS thế giới, họ đã tạo được một hình tượng, một huyền thoại HCM yêu nước, với hào quang chiến thắng Điện Biên, đánh thắng đoàn quân viễn chinh hùng hậu của Pháp, cộng với hào quang cách mạng tháng 8-1945, khởi nghĩa thành công dành độc lập, đánh đổ chế độ quân chủ phong kiến.

Những thực tế đó đã làm cho ông Hồ thành đối thủ rất đáng gờm của ông Diệm. Trong khi ông Hồ, tay sai thực sự của QTCS, tức của Liên Xô, Trung Cộng, lại được dư luận coi là nhà ái quốc, vì ông ta giấu kỹ được sự hiện diện của cán bộ Nga Cộng và Tàu Cộng ở Bắc Việt (do kiểm soát hoàn toàn các nguồn thông tin, bằng độc tài tuyệt đối), thì tại miền Nam, ai cũng biết sự diện diện của các cố vấn Mỹ càng ngày càng tăng, từ vài trăm trong những năm 1954-1955 lên đến 16 ngàn vào năm cuối cùng của Đệ I Cộng Hòa là 1963. Vì sự hiện diện cũng như nhịp

điều gia tăng đó được các cơ quan truyền thông, do bản chất chế độ dân chủ tự do của miền Nam lúc ấy – mặc dù chỉ tương đối – không ngừng loan truyền trên khắp thế giới. Bộ máy tuyên truyền qui mô của ông Hồ làm cho ông Diệm nhức nhối với danh từ “Mỹ Diệm” hàng ngày ra rả kêu réo trên đài Hà Nội và đài bí mật của mặt trận Giải Phóng Miền Nam.

Là người thực sự yêu dân, yêu nước lại bị một cán bộ Quốc tế Cộng Sản lấn lướt trong mặt trận tuyên truyền về lòng yêu nước, ông Diệm chẳng lẽ lại muối mặt không dám bắt tay, nhận cuộc thách đấu, khi ông Hồ chia tay ra với cảnh đào xuân? Với cảnh đào này, có thể ông Hồ muốn chơi trò thâu cây, nhấn bảo ông Diệm, “hãy đuổi Mỹ đi để chúng tỏ ông không phải tay sai của

Mỹ. Có thể ông mới xứng đáng là đối thủ của tôi.” Phe thế giới Tự Do, trong đó gồm cả Việt Nam Đệ Nhất Cộng Hòa từng thua kém phe CS về tuyên truyền (mặt tiêu cực cũng mặt tích cực) là vũ khí chủ soái của chiến tranh ý thức hệ Cộng Sản. Điều đó xin đừng vì tự ái mà phủ nhận. Nhưng nếu đề cao được chính nghĩa của cuộc chiến là chủ nghĩa dân tộc, là lòng yêu nước, thì sẽ tức khắc lấy lại được sự cân bằng, nếu không nói là thế thượng phong. Hơn nữa mình có chính nghĩa thực sự. Còn đối phương chỉ là chính nghĩa giả tạo, vì đó chẳng qua chỉ là chính nghĩa giai đoạn sách lược, theo sách lược giai đoạn của Lê-nin.

Ngoài ra, tuy là ở hai chiến tuyến đối kháng trong cuộc chiến ý thức hệ, nhưng hai khối Đông Tây lúc ấy không phải đã ở trong tình trạng chiến tranh (quân sự). Liên Xô và các cường quốc Phương Tây vẫn có quan hệ ngoại giao

với nhau. Vẫn có những cuộc gặp gỡ, thương thuyết, hòng giữ cho sự đối kháng không đưa tới chiến tranh nguyên tử gây tai họa cho cả đôi bên. Thì tại sao giữa Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa và Cộng Hòa Việt Nam lại không có thể dần dần tiến tới một quan hệ nào đó để tránh chiến tranh mở rộng?. Ông Diệm hẳn còn nhớ, hồi 1954 chính Chu Ân Lai, thủ tướng Trung Cộng đã đề nghị với ông Ngô Đình Luyện, bào đệ của Thủ Tướng Diệm vừa được chỉ định, rồi lại đề nghị với ngoại trưởng Trần Văn Đỗ là “miền Nam Việt Nam nên lập bang giao với Trung Quốc”. Và 3 năm sau, lãnh tụ Liên Xô Nikita Khrushchev còn đề nghị cho cả hai miền Nam, Bắc vào Liên Hiệp Quốc. Mặc dù ông Diệm cũng lại hiểu đó chỉ là một hình thức đấu tranh chính trị, một mặt trận ngoại giao trong thế chiến toàn bộ, toàn diện mà thôi. Ban đầu ông Diệm chưa đủ sức và thấy chưa đến lúc phải thoát hẳn ra ngoài quỹ đạo của Hoa Kỳ trong thế chiến lược toàn cầu đối với phe Cộng. Nhưng nay, hoàn cảnh đã khác. Đối phương đã dám chơi lại những con bài đó, thì tại sao mình lại không dám bắt? Đã am hiểu thế nào là chiến tranh ý thức hệ, toàn cầu, toàn diện thì không thể nào không biết tiếp đòn và trả đòn đối phương. Xét riêng về mặt quân sự, các binh thư kim cổ đều bàn về thế công, và thế thủ, và cả về thoái lui có trật tự để bảo toàn lực lượng. Thì cũng tương tự như thế, xét về mặt phi quân sự, cuộc chiến ý thức hệ cũng có những giai đoạn thế công, thế thủ, và tạm rút lui, lùi một bước để tiến hai bước, thậm chí, lùi hai bước, để tiến lên một bước như Lê-nin đã đặt tên cho tác phẩm của ông Hai Bước Lùi Một Bước Tiến. Có khi lùi chỉ là diện để tiến về điểm. Lùi ở mặt trận

này để tiến ở mặt khác v.v... Xét tương quan lực lượng đôi bên, lúc ấy Việt Nam Cộng Hòa, tuy không là thành viên SEATO (Tổ chức Liên Phòng Đông Nam Á), nhưng được tổ chức này bảo vệ. Nếu có một cuộc xâm lăng quy mô của Bắc Việt, thì quân các nước thành viên SEATO sẵn sàng tham chiến để đẩy lui. Về mặt ngoại giao, tuy lúc ấy ông Diệm bị khó khăn với Mỹ, nhưng được đại đa số các nước Tây Phương và một số đông các nước trong khối quốc gia không liên kết ủng hộ. Về kinh tế, miền Nam hơn hẳn miền Bắc. Vì Cải Cách Ruộng Đất và kế hoạch hợp tác hóa công, nông, thương nghiệp đã làm cho Bắc Việt lâm vào cảnh cha chung không ai khóc khiến đời sống nhân dân đói khổ. Về an ninh, như chính Nguyễn Văn Linh đã thú nhận với Neil Sheehan, và sau này Văn Tiến Dũng cũng xác nhận trong hồi ký của mình, từ 75 (NVL) đến hơn 90 (VTD) phần trăm cán bộ nằm vùng đã bị mật vụ của ông Nhu, ông Cẩn phá vỡ. Chính Lê Duẩn cũng than rằng các cơ sở trong Nam bị phá hầu hết.⁷

Thế còn mối nguy Trung Cộng can thiệp giúp Bắc Việt, trong khi Mỹ đã rút hết? Mặc dầu ông Hồ là cán bộ QTCS, không dễ gì được tự do thương lượng với ông Diệm, có người còn nghi rằng ông Hồ chia cành đào ra cũng nằm trong kế sách của đàn anh, nhưng xét tình hình bang giao lúc ấy giữa hai đàn anh đang có xung đột về vấn đề biên giới, khả năng Trung Cộng giúp Bắc Việt đánh úp miền Nam, sau khi Mỹ rút ít có triển vọng xảy ra. Trung Cộng cũng sợ SEATO trả đũa chứ. Cân nhắc những yếu tố đó, cộng với sự đánh giá tác động của tuyên truyền CS mà ông Diệm thấy mình khó có thể hơn, ông Diệm hẳn là phải

suy tính lung lăm. Theo thiên kiến, đó là những gì ông Diệm phải cân nhắc, đắn đo, trước khi cho trưng bày cảnh đào của ông Hồ tại phòng khánh tiết dinh Gia Long, chứ không bảo đem ném nó vào thùng rác như có nhiều người muốn hai ông làm như vậy.

Tác dụng tối đa của cảnh đào xuân Quý Mão, mà ông Diệm nhắm tới chỉ là mở đầu cho một giai đoạn “détente” (giảm sự căng thẳng giữa đôi bên đối kháng), chứ không phải “entente” (thỏa hiệp giữa hai bên cùng có những quyền lợi chung) giữa hai họ Hồ Ngô.

Riêng độc giả Hồ Chí Minh, nhận định tổng hợp, chắc đã nhận thấy là ngay ở hàng đầu của Lời Nói Đầu, Minh Võ đã viết: “Trong mỗi con người đều tiềm ẩn một thiên thần và một ác quỷ.” Hơn nữa, ngay trang đầu, liền dưới nhan sách, cũng có ghi danh ngôn của Pascal, nhà toán học, khoa học gia Pháp trứ danh với nhiều phát biểu trở thành danh ngôn của nhân loại: Con người không phải thiên thần, cũng không phải thú vật..

Chúng tôi vẫn nghĩ, đã là con người thì ai cũng có những ưu và khuyết điểm. Nhân vô thập toàn. Dù tài giỏi đến mấy cũng có những lúc tỏ ra kém cỏi. Dù thánh thiện đến đâu cũng có những khi phạm lỗi lầm. Ngược lại, dù tàn bạo, gian ác, xảo trá đến mấy cũng có những lúc, vì hoàn cảnh, hoặc vì lý do nào khác không rõ rệt, đã có những hành vi nhân đạo, lương thiện, dù chỉ là nhất thời.

Dĩ nhiên chúng tôi cũng hiểu, xét một người không chỉ xét một vài hành vi cá biệt mà phải xét tính tình, nghĩa là xu hướng nội tâm, cộng với tập quán, hay thói quen của con người. Một người với tính tình hay thói quen xấu cũng

có thể có một vài hành vi tốt. Nhưng hành vi cá biệt tốt đó không thể là tập quán hay thói quen. Tập quán hay thói quen phải là nhiều, rất nhiều hành vi được lặp đi lặp lại một cách đều hòa, thường xuyên. Đó là một thứ bản tính tự nhiên (hay thiên nhiên) thứ hai: (*L'habitude est une seconde nature*).

Như vậy đã rõ chúng tôi không phải có tư tưởng cực đoan khi nghiên cứu và bày tỏ quan điểm về ông HỒ. Nhiều chỗ trong sách chúng tôi đã không ngần ngại khen ông HỒ. Tôi vẫn nghĩ, nếu không có khả năng, không có tài cán, ông ta đã không đánh bại được phe quốc gia, và đã không làm cho đàn em của ông thống trị đất nước được cho đến ngày nay. – Nhưng, dĩ nhiên, khả năng, “tài cán” không đồng nghĩa với anh hùng dân tộc, “cha già dân tộc”.⁸ – Và nếu phe quốc gia chúng ta không tự kiểm điểm, để biết mình biết địch, tìm hiểu lý do thực sự của sự thất trận, cứ mãi mãi biện minh rằng ta thua vì bị Mỹ bỏ rơi, Mỹ phản bội... thì đảng CS còn thống trị nhân dân ta lâu, rất lâu. Hy vọng lời nói thẳng này không làm một số vị nổi giận.

Mong rằng mấy hàng trên đã giải đáp phần nào 4 thắc mắc chính của độc giả.

*

**

Tiếp đây chúng tôi xin dành phần chính của bài này để bàn thêm về lời của giáo sư sử học Marilyn Young mà chúng tôi đã dùng làm kết luận cho bài Cánh Đào Xuân Quý Mão. Vì có bạn hữu, kể cả một nhà báo ở Kansas, cho rằng kết luận như thế “hơi vội vã và thiếu tính thuyết phục”.

Trước hết, không chỉ có bà Marilyn Young lấy làm tiếc rằng chính quyền Kennedy đã không coi chuyện ông Nhu muốn Mỹ rút bớt hay chấm dứt sự hiện diện của cố vấn Mỹ trong năm 1963 là chuyện của chính Hoa Kỳ, để sau này Hoa Kỳ khỏi phải đem đại quân vào và chiến bại với 58 ngàn tử thương và hội chúng Việt Nam, v.v. Tôi chỉ xin nêu ra đây, một cách hết sức tóm tắt, ý kiến của một số tên tuổi quen thuộc khác.

Stanley Karnow, nổi tiếng với cuốn *Vietnam, A History* có cả triệu ấn bản – mặc dù thiên tả và luôn ca tụng Hồ Chí Minh và phe Cộng, cũng nhìn nhận ông Ngô Đình Diệm là nhà ái quốc. Ông còn viết: đến cả ông Hồ cũng phải kính trọng lòng yêu nước của ông Diệm (even Hồ Chí Minh respected Diệm's patriotism) — Sau khi thuật lại việc ông Nhu tiếp xúc với Hà Nội, Karnow cũng viết: đó là một cơ hội bị bỏ lỡ. Tuy nhiên ông lại cho rằng, xét tình hình lúc ấy, dầu sao Hoa Kỳ vẫn khó tránh phải tham chiến.⁹

Arthur M. Schlesinger, giải Pulitzer về lịch sử, giáo sư đại học Harvard, từng là phụ tá của Tổng Thống Kennedy, trong cuốn *Robert Kennedy and his times* đã viết: “Cuộc tiếp xúc để thương lượng giữa hai ông Hồ, Ngô đã có thể là một lối thoát để Hoa Kỳ ra khỏi cuộc chiến Việt Nam vào năm 1963, dầu rằng rất ít hy vọng sau đó chính phủ Diệm sẽ tồn tại được lâu. Có lẽ một cơ may nào đó đã bị bỏ lỡ vào mùa thu năm 1963. MV viết nghiêng)”¹⁰

Thiết nghĩ khỏi cần nhắc đến ý kiến của 3 tác giả khác là William E. Colby, Nguyễn Văn Châu và Mark Moyar mà nguyên nhân sách của họ đã nói lên một cách minh thị về một cơ may chiến thắng trong hòa bình bị bỏ lỡ.

William E. Colby, cố giám đốc Trung Ương Tình Báo Mỹ, có cuốn *Lost Victory*.¹¹ Nguyễn Văn Châu, cựu giám đốc Chiến Tranh Tâm Lý Việt Nam Cộng Hòa, có cuốn *Ngô Đình Diệm và nỗ lực Hòa Bình Dạng Dò*.¹² Mark Moyar, giáo sư đại học Cambridge có cuốn *Triumph Forsaken*.¹³

Ngoài ra không thể nào không nhấn mạnh ở đây ý kiến của 2 người một Mỹ, một Việt, mà chúng tôi cho là hết sức quan trọng: Robert McNamara và Lưu Doãn Huỳnh.

Robert McNamara, cựu bộ trưởng Quốc Phòng dưới thời 2 tổng thống John F. Kennedy và Lyndon B. Johnson, – người đã cùng với thống tướng Maxwell Taylor chống việc hạ bệ ông Diệm, vì hai ông đã nhìn rõ sự việc trong chuyến cùng nhau thanh sát miền Nam vào tháng 10 năm 1963 (theo lệnh của Tổng Thống Kennedy), đã đồng lòng báo cáo là tình hình Miền Nam khả quan và sang năm tới (1964) Mỹ có thể rút 1000 cố vấn – chẳng những đồng ý với sử gia Young mà còn nói lên quan điểm của mình với những cán bộ cao cấp Việt Cộng tại hội nghị tay đôi Mỹ Việt ở Hà Nội trong những năm 1997, 1998..

Trong cuốn *Argument Without End*¹⁴ viết chung với 4 người khác, mà ông là tác giả chính, McNamara đã thuật lại nguyên văn những gì ông đã nói với đối phương gồm Nguyễn Cơ Thạch nguyên bộ trưởng ngoại giao, Võ Nguyên Giáp, đại tướng, nguyên bộ trưởng Quốc Phòng, Bà Nguyễn Thị Bình, phó chủ tịch nước, Đặng Vũ Hiệp, thiếu tướng, nguyên tổng cục phó tổng cục Chính Trị, Quân Đội Nhân Dân, Đinh Nho Liêm, nguyên đại sứ tại Moscow, Lưu Văn Lợi, nhà báo sử gia chuyên về liên hệ

ngoại giao Mỹ Việt... và Lưu Doãn Huỳnh, học giả, viện Bang Giao Quốc Tế.

Sau đây là trích dịch một vài đoạn của McNamara và Lưu Doãn Huỳnh liên quan đến vấn đề một cơ hội để lơ vào mùa thu năm 1963.

McNamara:

“Tôi muốn trở lại vấn đề ông Diệm bị thảm sát. Trong đầu tôi không có vấn đề nào khác ngoài việc Hoa Kỳ có dính líu đến cuộc đảo chính và cuối cùng là sự thảm sát ông Diệm. Những gì tôi nói đây hoàn toàn không phải để phủ nhận sự dính líu này. Tôi nghĩ, thực sự chúng tôi có tội (I think it is a fact that we were culpable).

“Nhưng tôi hiểu — tôi đã được một vài vị là người Việt Nam hiện có mặt tại đây cho biết — và tôi tin rằng đã có một hồ sơ hay tài liệu ghi chép mà tôi chưa hề được nhìn thấy, một tư liệu tại Hà Nội cho thấy, có một vài vị lãnh đạo miền Bắc VN, kể cả cụ Hồ, đã rất lo buồn (deeply distressed) vì cuộc đảo chính và cái chết của ông Diệm. Tại sao vậy? Vì những vị đó tin rằng, dù ông ta là người như thế nào chẳng nữa, ông ấy vẫn là một người yêu nước. Do đó, vì là người yêu nước, ông ấy sẽ không mong muốn để cho người Mỹ kiểm soát xứ sở này. Điều này (Hoa Kỳ nắm quyền kiểm soát Miền Nam, MV) đã thực sự xảy ra đúng như thế khi (sau này) chúng tôi đưa 500, 000 quân vào. Vì thế, xin nhắc lại một lần nữa: Nhiều nhà lãnh đạo ở Hà Nội đã tán thành sự tin tưởng này, — tôi chỉ được nghe trong các câu chuyện ở đây, tại Hà Nội này, chứ chưa từng bao giờ được nhìn thấy các tài liệu — sự tin tưởng rằng ông Diệm sẽ không bao giờ yêu cầu, hay chẳng bao giờ chấp nhận, một con số đông đảo quân tác chiến Mỹ. Các nhà lãnh đạo ở Hà Nội

đã rất buồn lòng vì cuộc đảo chính và vụ giết hại ông Diệm. Tại sao? Bởi vì các nhà lãnh đạo miền Bắc đã nhìn thấy trước chuyện gì sẽ xảy ra sau đó – nghĩa là người Mỹ chúng tôi sẽ nhẩy ra cầm chịch mọi thứ và rằng cuộc chiến sẽ leo thang đến mức độ vượt mọi sức tưởng tượng. Tôi hiểu rằng đã có bằng chứng trên giấy trắng mực đen về điều đó, và ở đây, tôi muốn được nghe quý vị xác nhận.”

Đáp lại lời yêu cầu xác nhận, cựu bộ trưởng ngoại Giao VC Nguyễn Cơ Thạch đã tránh né. Chắc hẳn là vì ông ta không dám tự mình đưa ra lời xác nhận, khi chưa hỏi ý tập thể ban lãnh đạo trước. Ông ta nói cộc lốc:

Nguyễn Cơ Thạch: “Chúng tôi đã thất vọng vì mãi đến lúc ấy ông ta mới bị giết. Quá muộn. Okay?” Còn nhiều ý kiến khác. Nhưng tựu trung phía VC không ai dám xác nhận, có lẽ vì sợ nói sai với quan điểm “chính thống” mà Nguyễn Cơ Thạch là đại diện cao nhất có mặt vừa đưa ra.

Nhưng vào tháng 2-1998, nghĩa là hơn nửa năm sau, cũng trong một hội nghị hỗn hợp Việt Mỹ khác tại Hà Nội mà ông McNamara tham dự, phía VC chỉ gồm có một số nhỏ cán bộ cấp thấp hơn. Tác giả *Argument Without End* cho biết, “phía VN đã trả lời một cách khác, và sự khác biệt khá quan trọng.”

Theo lời tường thuật của McNamara thì Lưu Doãn Huỳnh nói rằng đây là lịch sử và bất kể người ta nghĩ gì về ông Diệm, người ta cũng cần phải nói rõ ý nghĩ của mình về thực tế thời đại. Họ Lưu nói có thể chính phủ của anh ta không hoàn toàn đồng ý với quan điểm của anh ta. Nhưng, quả thực cái chết của ông Diệm đã là một biến cố rất bất hạnh (very unfortunate event) và đã được Hà Nội coi như

một sự báo động. Tại sao? Đây, xin mời đọc một đoạn của lời phát biểu của họ Lưu.

Lưu Doãn Huỳnh: “Nhưng qua năm 1962... chúng tôi cũng thấy những mâu thuẫn càng ngày càng tăng giữa Diệm và người Mỹ. Đặc biệt, chúng tôi nhận thấy Diệm từ chối không chịu theo đường lối của Hoa Kỳ về nhiều phương diện, kể cả vấn đề xử dụng quân tác chiến Mỹ trong chiến tranh ở miền Nam. Diệm đã bác bỏ việc dùng quân tác chiến Mỹ, bất chấp áp lực nặng nề của các ông. “Diệm là người rất phức tạp.¹⁵ Qua thái độ của ông ta từ 1954 đến 1960, người ta có thể thấy rằng, tuy phải dựa nhiều vào Hoa Kỳ, và phải chống lại Cộng Sản một cách không khoan nhượng, ông ta vẫn chủ yếu theo một chủ nghĩa dân tộc cực đoan hẹp hòi, đồng thời áp dụng chế độ chuyên quyền độc đoán, gia đình trị. Diệm ra lệnh mọi thứ, trong nước, cũng như trong gia đình. Kết quả là chúng tôi thấy rằng ông ta còn nắm quyền càng lâu chừng nào thì càng tốt chừng đó đối với cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam. Điều này chẳng những vì sự độc đoán chuyên quyền và thái độ tàn bạo của ông ta sẽ làm tăng thêm hàng ngũ cách mạng, mà còn vì ông ta bác bỏ sự can thiệp trực tiếp của người Mỹ các ông trong một thời gian dài. Điều ấy rất giúp ích cho Mặt trận Giải Phóng. Rất có lợi. Vì mục tiêu của mặt trận này là, vào một lúc thuận lợi, sẽ giành được thắng lợi quyết định và tránh được sự can thiệp trực tiếp bằng quân sự của các ông. Đó là mục tiêu mà ông Diệm, bằng một cách nghịch lý, sẽ giúp mặt trận Giải Phóng đạt được.

“(Bây giờ là thời gian lịch sử đã ở dĩ vãng xa xăm, nên tôi có thể nói với các ông vài điều – những gì tôi biết, hay

nghĩ, là những điều không nhất thiết phản ánh quan điểm của một số đồng nghiệp khác của tôi.)” (Ngọc đơn của tác giả McNamara. MV)

“Các ông có thể hỏi: Chúng tôi sẽ xử với ông Diệm ra sao, nếu cảnh ngộ ấy thực sự xảy ra trong dĩ vãng? Tôi thiết tưởng, nếu ông Diệm đã có thể giúp đem lại một kết quả tốt, tức một chiến thắng dần dần của cách mạng, mà không phải có chiến tranh lớn với Hoa Kỳ, thì ông ta đã đóng góp một phần quan trọng. Trong trường hợp đó, tôi nghĩ ông ta sẽ được giao một địa vị trong chính phủ mới. Và sự có mặt của ông ta trong chính phủ đó cũng là một cách giữ thể diện cho Hoa Kỳ. Và như vậy sẽ khiến Hoa Kỳ dễ chấp nhận một giải pháp trung lập ở Miền Nam VN. Về lâu về dài, ông Diệm có thể tiếp tục có vị trí của mình trong chính phủ tương lai, nhưng sẽ không giữ vai trò quyết định trong chính phủ đó.

“Nhưng sự sụp đổ và cái chết của ông Diệm trong cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 đã làm tăng mối nguy về một cuộc can thiệp quân sự của Mỹ. Mối nguy này đã được nhấn mạnh và bàn thảo trong Nghị Quyết của phiên họp kỳ 9 của Trung Ương Đảng vào tháng 12 năm đó.” (MV tô đậm).

Qua lời phát biểu của hai nhân vật trên, một Mỹ một Việt Nam, ta thấy mấy điểm đáng chú ý sau đây. Trước hết ông McNamara đã thành thực thú nhận “chúng tôi đã có lỗi” (culpable). Hai từ “chúng tôi”, theo văn cảnh, được hiểu là người Mỹ. Nhưng theo người viết “chúng tôi” ở đây phải là chính quyền Kennedy thuộc đảng Dân chủ, trong đó McNamara là bộ trưởng QP, mặc dù ông là một trong

số đông bộ trưởng, tướng lĩnh và giám đốc CIA (John McCone), cũng như phó tổng thống (Lyndon B. Johnson) v.v..., đã chống lại hay không tán thành việc hạ ông Diệm.

Những kẻ có tội lớn nhất là thứ trưởng Ngoại Giao Averell Harriman, phụ tá bộ trưởng Ngoại Giao Roger Hilsman, phụ tá cố vấn an ninh quốc gia Michael Forrestal và mấy nhà báo trẻ như David Halberstam, Neil Sheehan, Malcolm Browne. Sáu nhân vật này nằm trong nhóm “Diem-Must-Go” mà Harriman là người cầm đầu. Harriman đã có mối thù với Ngô Đình Diệm nhân cuộc cãi vã kịch liệt về hiệp ước trung lập hóa Ai Lao (tháng 7 năm 1962). Lập trường của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, dầu ông không phải một tướng lĩnh, lại có một ý thức chiến lược rất phù hợp với lập trường của Tổng Thống Dwight D. Eisenhower, nguyên thống tướng tư lệnh quân đồng minh trong thế chiến II. Đó là không thể để mất Ai Lao. Vì Ai Lao là cửa ngõ và là con đường dẫn quân của Bắc Việt vào Nam Việt Nam. Khi bàn giao chức vụ nguyên thủ Hoa Kỳ Eisenhower đã căn dặn Tổng Thống đắc cử John F. Kennedy phải bằng mọi cách giữ Ai Lao. Nhưng Kennedy đã khoán trắng việc này cho Harriman. Với hiệp ước trung lập, mọi phía đều rút quân, chỉ trừ Bắc Việt. 7,000 quân BV để lại không chịu rút, 10 năm sau đã lên đến 70,000. Harriman tin rằng với sự bảo đảm của Liên Xô, Bắc Việt sẽ không dám vi phạm hiệp ước. Nhưng thực tế đã không phải vậy. Có người đã nghi ngờ Harriman không ngu mà là có thâm ý...

Chúng tôi không kể ông Cabot Lodge trong số những kẻ có tội (culpable) này, vì ông là người duy nhất thuộc

đảng Cộng Hòa thi hành lệnh của những nhân vật ngoại giao của Đảng Dân Chủ đương quyền thực hiện tội ác này. Về cuối đời ông Lodge đã nói lời hối hận với một người bạn là Corliss Lamont.¹⁶ Trong cuốn hồi ký *The Storm Has Many Eyes*, (W. W. Norton Inc., New York, 1973, trang 207-208) ông cũng phải nhận ông Diệm là người yêu nước, tuy rằng ông không dùng những từ Nationalist hay Patriot mà chỉ viết nhẹ nhàng: “... He was courageous and loved his country”.

Câu “chúng tôi đã có lỗi” của McNamara nhắc nhớ lại những gì ông ta đã viết trong tác phẩm trước, *In Retrospect: Tragedy and Lessons From Vietnam* rằng cuộc đảo chính đầu tháng 11 năm 1963 là do người Mỹ tổ chức (organize) và khởi động (set in motion).¹⁷ Ngay Tổng Thống Richard M. Nixon, người đã tố cáo chính quyền Kennedy phạm lỗi lầm nguy kịch nhất, (the critical mistake, trong tác phẩm *No More Vietnams*) lỗi lầm tệ hại nhất, (The worst mistake, trong tác phẩm 1999, *Victory Without War*) của đảng Dân Chủ là chủ trương lật đổ ông Diệm, cũng chỉ dùng những động từ “encourage” (khuyến khích), “support” (ủng hộ) và “instigate” (xúi giục).¹⁸ Còn Stanley Karnow thì chỉ dám gọi là đồng lõa.¹⁹ Trong khi ông McNamara dùng từ CULPABLE thì Tổng Thống Nixon đã dùng hai từ critical mistake.²⁰ Trong *No More Vietnams*, trang 62 ông viết: *We made our third critical mistake in South Vietnam in 1963. The Kennedy administration, increasingly frustrated with President Diệm, encouraged and supported a military coup against his government.* Tạm dịch: Chúng ta đã phạm lỗi lầm nguy

kịch thú ba tại Nam Việt Nam vào năm 1963. Chính quyền Kennedy càng ngày càng thất vọng về Tổng Thống Diệm, đã khuyến khích và ủng hộ cuộc đảo chính quân sự, lật đổ chính phủ ông...”²¹

Những từ “culpable” của McNamara, “worst mistake” của Nixon, nhất là những từ “organize” và “set in motion” của McNamara mà chúng tôi vừa nêu trên, chứng tỏ các giới chức cao cấp trong chính quyền của đảng Dân Chủ, cũng như của đảng Cộng Hòa đều nhìn nhận tội lỗi trong cuộc đảo chính và có trách nhiệm về cái chết của hai ông Diệm, Nhu.

Sự hiện diện của trung tá CIA Lou Conein tại bộ chỉ huy đảo chính, với máy liên lạc đặc biệt và số tiền 3 triệu đồng để “trợ cấp”, “mua chuộc”...²², đủ nói lên rằng ông McNamara dùng 2 từ organize và set in motion là chính xác nhất. Vì thế ông viết We were culpable cũng là thật lòng và phục thiện.

Thứ đến, cả hai người (McNamara và Lưu Doãn Huỳnh) đều cho rằng ông Diệm bị giết làm mất một cơ hội tránh đại chiến, mặc dầu mỗi người giải thích một cách khác. McNamara thì chỉ nghĩ đến việc Hoa Kỳ phải tham chiến và thất trận. Còn Lưu Doãn Huỳnh thì lại đưa ra một nhận xét độc đáo khá ngộ nghĩnh: Nếu ông Diệm không bị giết và còn nắm quyền thì ông ta sẽ làm cho hàng ngũ “cách mạng” thêm lớn mạnh và giúp cho “cách mạng” chiến thắng dần dần mà lại tránh được chiến tranh với Mỹ. Do đó ông Diệm đáng có một chỗ đứng trong chính phủ tương lai, mặc dù sẽ không có một vai trò quyết định.

Đặc biệt đáng chú ý là, chỉ 8 tháng sau, phát biểu của phía Cộng Sản VN đã có một biến chuyển quan trọng.

Nghĩa là 8 tháng trước, họ hoàn toàn tránh né, không dám xác nhận những gì McNamara yêu cầu họ xác nhận. Nhưng 8 tháng sau thì Lưu Doãn Huỳnh đã ngang nhiên xác nhận trước hai phái đoàn rằng hội nghị trung ương kỳ 9 vào tháng 12 năm 1963, nghĩa là chỉ một tháng sau khi ông Diệm bị giết, đã bàn thảo về nguy cơ Mỹ can thiệp vào cuộc chiến do cái chết của ông Diệm tạo ra, để đi đến những quyết định vô cùng quan trọng. Sau hết, nhưng không phải kém quan trọng, ông McNamara nhiều lần nhắc trong hội nghị rằng ông ta đã nghe những người có mặt tại hội nghị nói với ông (ở ngoài hội trường) về sự lo buồn (*deeply distressed*) của Hà Nội khi biết tin ông Diệm chết và xin họ xác nhận. Nhưng không có ai dám xác nhận trong phiên họp tháng 6 năm trước (1997). – Nhưng, xin lưu ý là cũng không có ai lên tiếng phủ nhận. – Điều đó nói lên sự khống chế tập thể của đảng đối với các cán bộ, dù cao cấp đến mấy. Nói nơi riêng tư thì dám. Nhưng trong hội nghị, có thể có ghi chép, hay ghi âm, thì không dám xác nhận. Như vậy, khi Lưu Doãn Huỳnh, trong hội nghị năm sau, đã dám lên tiếng xác nhận, thì hẳn ông ta đã phải có sự đồng ý, cho phép của cấp trên?

Tóm lại, chỉ ngần ấy ý kiến, cộng thêm ý kiến của sử gia Marilyn Young cũng đủ để có thể kết luận một cách thuyết phục rằng nếu ông Diệm không bị lật đổ và sát hại cuối năm 1963, thì Hoa Kỳ và Việt Nam đã tránh được một cuộc chiến tranh khốc liệt từ 1965 đến 1975, khiến 58 ngàn chiến binh Mỹ và khoảng 3 triệu người Việt chết.

Đó là chưa kể đến triển vọng cuộc chiến âm ý giữa hai miền Nam Bắc còn có cơ được giải quyết một cách ổn thỏa, để, hoặc là thống nhất trong hòa bình, hoặc hai miền tiếp

tục tàm thời cùng tồn tại như hai quốc gia cùng nhau thi đua, tranh đua, thậm chí tranh đấu, đối đầu với nhau bằng những hình thức phi quân sự, phi vũ trang, (như tranh đua về kinh tế, ngoại giao, văn hóa, tuyên truyền v.v...). Trong hoàn cảnh đó, miền Nam tự do được phồn vinh không kém, nếu không muốn nói là hơn những “con rồng”, “con hổ” trong vùng.

Trước khi kết thúc, chúng tôi xin nhắc lại (đã trình bày chi tiết ở bài trên, Cành Đào Xuân Quý Mão) hai sự kiện lịch sử có sắc thái chính trị hoàn toàn trái ngược, nhưng lại cùng có tác dụng chứng minh một chân lý chính trị học duy nhất, chân lý của chiến tranh ý thức hệ. Thứ nhất, Liên Xô và các nước Đông Âu cuối cùng sụp đổ không bằng những cuộc giao tranh vũ trang, mà bằng những chiến lược, sách lược phi vũ trang. Thứ hai, Bắc Việt đã thắng Việt Nam Cộng Hòa, và cả Mỹ, mặc dù Mỹ đã đổ vào Việt Nam 2 triệu quân, – với nửa triệu có mặt thường trực, – sử dụng một số bom đạn kinh khủng không kém thế chiến II, và mặc dù Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa đã anh dũng chiến đấu, nêu nhiều chiến công hiển hách.

Hai thực tế lịch sử nói trên cho thấy, muốn thắng CS trong chiến tranh ý thức hệ toàn bộ, toàn diện, vũ khí chủ yếu không phải quân sự mà phi quân sự, trong đó có tuyên truyền. Chúng tôi nói chủ yếu, vì đã nói toàn bộ, toàn diện thì không loại trừ biện pháp quân sự, khi cần.

Nhưng dấu sao tuyên truyền chính trị vẫn là chủ soái. Mà tuyên truyền thì cần có chính nghĩa. Cái chính nghĩa tự vệ thì thời ông Diệm rõ ràng là có. Nhưng miền Bắc lại giật lại được, sau khi mọi nền tảng pháp lý của Đệ Nhất

Cộng Hòa sụp đổ cùng với ông Diệm, và nhất là sau khi chính phủ Phan Huy Quát đã làm ngõ cho Mỹ ồ ạt đem quân vào, (khí sự bằng cuộc đổ bộ 3,500 thủy quân lục chiến, với chiến xa, trọng pháo), ngày 8-3-1965, nếu không muốn nói là mở cửa cho Mỹ đem quân vào, mà không có một hiệp ước song phương nào được quốc hội thông qua, nghĩa là bất chấp ý dân và quyền dân, khiến chủ quyền quốc gia không còn nữa, thì cái chính nghĩa tự vệ hay ái quốc đã nghiêng về phía Bắc Việt. Lúc ấy hiến pháp và quốc hội đã mất cả rồi, còn gì đâu, để hỏi ý dân.²³

Tổng Thống Richard Nixon của đảng Cộng Hòa đã lãnh cái búa tạ phải đổ đổng rác tây núi do chính quyền của đảng Dân Chủ để lại ở Việt Nam, sau khi chủ trương lật và giết ông Diệm. Ông đã can đảm, kiên trì trải nhiều cam go, (vừa thương thuyết, vừa đặt mìn phong tỏa hải cảng Hải Phòng, vừa thả bom tới tấp Hải Phòng, Hà Nội vào dịp Giáng Sinh năm 1972) mới rút chân ra khỏi cái “vũng lầy của Bạch Ốc”. Không chỉ có Nguyễn Kỳ Phong, mô phỏng theo David Halberstam (*The Vietnam Quagmire*) gọi cuộc chiến Việt Nam là vũng lầy. Ngày nay nhìn lại cuộc chiến nhiều người cũng phải công nhận đó là vũng lầy, đầm lầy. Cứ thử tưởng tượng một con trâu, hay một thợ cấy khi sa lầy nó như thế nào, thì đó chính là hình ảnh của quân Mỹ bị sa lầy trong chiến cuộc Việt Nam lúc ấy.

Thế mà nhờ khôn khéo, áp dụng sách lược chiến tranh ý thức hệ, coi trọng ngoại giao, thương thuyết (không chỉ với Hà Nội, mà cả với, và nhất là với, Trung Cộng, và Liên Xô), ông mới có thể rút ra khỏi cuộc chiến, một cách an toàn, và còn đặt nền tảng cho những bộ phóng “phi-

hỏa-tiến” của Ronald Reagan, George Bush cha, và Giáo Hoàng John Paul II, để triệt hạ Liên Xô và toàn bộ khối cộng Đông Âu, 17, 18 năm sau.

Ông Nixon – là người coi trọng sách lược phi vũ trang – là một trong những người Mỹ hiểu ông Diệm – là người không chấp nhận biện pháp vũ trang của Mỹ – hơn hết. Ông đã viết, trong No More Vietnams (Đừng Việt Nam nào nữa! Lay Chúa tôi! Tôi sợ vũng lầy Việt Nam lắm rồi!):

“Tổng Thống Ngô Đình Diệm ổn định miền Nam, ví như tảng đá đỉnh vòm (MV nhấn mạnh), (keystone of a dome) giữ cho cái vòm của tòa nhà đứng vững. Các thế lực chính trị từ mọi phía quy vào ông mà chống, nhưng bằng cách thắng bằng các thế lực, cho cái nọ chống cái kia, ông đã đóng chốt tất cả lại. Chỉ khi nào đá đỉnh vòm được lấy đi, người ta mới thấy là nó quan trọng. Thì cũng y hệt như vậy, chỉ khi nào ông Diệm chết rồi, toàn thể hệ thống chính trị miền Nam sụp đổ tan tành, người ta mới nhận rõ vai trò sinh tử của ông ta. (...) Ông Diệm là một lãnh tụ kiên cường của một dân tộc đang vô cùng cần một nhà lãnh đạo cương quyết. Ông ta mất rồi, chính quyền ở miền Nam Việt Nam trở thành cái mà ai cũng chụp giạt được.”²⁴

Có lẽ đối với Tổng Thống Nixon, chỉ có “lãnh tụ kiên cường” Ngô Đình Diệm mới đủ khả năng đấu trí với “lãnh tụ gian hùng” Hồ Chí Minh trong cuộc chiến ý thức hệ, để tránh đại chiến, duy trì một nền hòa bình tạm thời, mà Nixon, trong cuốn 1999, đã gọi là hòa bình thực tiễn (real peace, so với hòa bình hoàn hảo, perfect peace), và rất có thể sẽ thắng ông Hồ bằng các biện pháp phi vũ trang, đem lại thống nhất và hòa bình trường cửu cho Việt Nam chăng?

Tiếc rằng cảnh đào Xuân Con Mèo đã không có được cơ may đưa những hy vọng, phỏng đoán, ước mơ vào hiện thực. Ấu cũng là định mệnh và vận nước.

Chú thích

¹ Trong hồi ký *From Trust To Tragedy*, (NXB Praeger, N. Y. 1988, trang 22-23) cựu đại sứ Mỹ Frederick Nolting viết: “Cuộc hội đàm của chúng tôi (giữa ông và ông Diệm) kéo dài 6 giờ. Thực sự xem ra không thấy lâu mấy. Vì tôi thấy những đề tài mà chúng tôi thảo luận vô cùng hấp dẫn. Ông (Diệm) khởi sự bằng việc giải thích lịch sử Việt Nam từ thời quá khứ xa xăm qua các cuộc chiến tranh với Trung Hoa, cuộc chiếm đóng của quân Pháp, quân Nhật và thời kỳ hỗn loạn sau Thế Chiến II. Những tài liệu nghiên cứu phong phú về dân tộc Việt Nam, về nguồn gốc, văn hóa, và vận mệnh của dân tộc đó, bắt đầu trước kỷ nguyên Thiên Chúa, chấm dứt, không phải trong hiện tại, mà mãi nhiều thế kỷ trong tương lai. (...)”

“Tôi đã có đọc lịch sử Việt Nam và đã biết các cuộc chiến tranh giành độc lập của sứ sở này, và cũng đã biết là ông Diệm hiểu biết tường tận, thấu đáo vấn đề. May mắn là tôi cũng đã có một căn bản hiểu biết đáng kể về triết học và khoa tôn giáo đối chiếu. Nhưng tôi hoàn toàn không được chuẩn bị để nghe những điều như thế này. Càng nghe tôi càng thích thú. Tôi đặt những câu hỏi. Mỗi câu hỏi lại mở ra một chương mới, và sau một thời gian tôi nhận ra sự giản thân, tận hiến và lòng say mê của con người này, một người hiến trọn đời mình để giữ cho bằng được căn cước lịch sử của dân tộc của ông ta và ông ta hiểu nó, yêu nó.

² Trong *Our Endless War* (Presidio Press, 1987 trang 51) tướng Trần Văn Đôn viết: “Ông Diệm muốn học thật nhiều, học hết sức mình, về mọi khía cạnh của đất nước, chính phủ, Việt Minh, và quân đội. Ông hỏi tôi những câu hỏi rất tỉ mỉ, thấu đáo và có thể moi cho đến tận cùng tất cả những gì tôi biết lúc đó. Tôi rất cảm phục ông, coi ông là một người rất mực thông minh, cương trực và đầy lòng yêu nước.”

³ Theo Bernard Fall trong *The Two Vietnams*, NXB Frederick A. Praeger, USA, 1967, trang 240.

⁴ Xem *Vietnam At War*, Presidio Press, Novato, California, 1988, trang 597...

⁵ Trước đây ít nhất đã có 7 người sau đây gọi cuộc chiến tranh lạnh giữa hai khối Đông Tây là thế chiến III. Một trong 7 người đó là Tổng Thống Richard Nixon (xin xem *The Real War*, chapter 2) viết rằng thế chiến III đã khởi sự kể từ khi thế chiến II chưa kết thúc. Riêng người viết đã viết trong HCM, nđth rằng thế chiến III đã nhen nhúm với *Tuyên Ngôn Cộng Sản* của Mác và Ăng-ghe-n. Và chúng tôi luôn luôn cho rằng thế chiến III không phải chỉ là cuộc chiến giữa hai khối Đông Tây, mà là cuộc chiến giữa một bên là khối Cộng khai chiến, chủ chiến và một bên là toàn thể nhân loại, cần phải tự vệ để sinh tồn. Theo những gì chúng tôi đã được đọc, thì 4 người đầu tiên dùng những từ thế chiến III là Robert Strausz-Hupé và 3 cộng sự viên, đồng tác giả cuốn *Protracted Conflict* (Cuộc Xung Đột Kéo Dài, viết về những gì Mao Trạch Đông bàn trong *Trì Cứu Chiến Luận*, được Trường Chinh mô phỏng viết nên *Trường Kỳ Kháng Chiến Nhật Định Thắng Lợi*) (Harper & Brothers, NY, 1959). Người thứ 5 là Max Eastman, người giới thiệu cuốn *Protracted Conflict*, trong *Readers' Digest* số tháng 1-1961. Người thứ sáu là văn hào phản kháng trứ danh của Nga Alexander Solzhenitsyn viết trên tờ *Le Monde* 1-5-1975, liền sau khi nghe Sài Gòn thất thủ. Và sau cùng là cựu Tổng Thống Hoa Kỳ Richard Nixon.

⁶ Xem HCM, *nhận định tổng hợp*, NXB Tủ Sách Tiếng Quê Hương, lần tái bản năm 2006, trang 479-522.

⁷ Xem *After The War Was Over* của Neil Sheehan, trang 77, và *Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước* của Văn Tiến Dũng, trang 16 phần cước chú.

⁸ Sau đây là vài ví dụ về cái tài ma giáo của ông Hồ đã được trình bày chi tiết trong HCM *nhận định tổng hợp*: – Chiếm danh, chiếm luôn tổ chức và thành tích của Việt Nam Độc Lập Đồng Minh hội, biến nó thành mặt trận Việt Minh;

– Xâm nhập, thao túng, lũng đoạn và biến Tâm Tâm Xã của các đồ đệ cụ Phan Bội Châu thành Việt Nam Cách Mệnh Đồng Chí Hội, cái nhân của Đồng Dương Cộng Sản Đảng;

– Biến cuộc biểu tình của liên đoàn công chức chính phủ Trần Trọng

Kim thành cuộc mít-tinh rồi biểu tình của Việt Minh, khởi đầu cái gọi là cách mạng tháng tám thành công v.v... (Điểm này thì ông Hồ không đích thân làm. Nhưng đảm em ông đã theo chỉ thị của ông, hoặc học được cái tài của ông.)

Cướp công thật nhanh, thật tài tình như vậy không giỏi sao? Nhưng vì là cướp công của nhân dân, của những nhà đấu tranh vì chủ nghĩa dân tộc để rồi tự xưng là “cha già dân tộc” thì đó là ma giáo, bá đạo. Không thể là anh hùng dân tộc được. Cái tài của ông Hồ là cái tai họa của dân tộc. Chữ tài liền với chữ tai một vần.

Công bình mà nói việc thống nhất đảng Cộng Sản Đông Dương vào ngày 6 tháng 1 năm 1930 (sau phải đổi thành ngày 3-2-30 theo chỉ thị của Quốc Tế 3) là nhờ khả năng lãnh đạo và uy tín của ông Hồ chẳng những đối với 3 đảng Cộng Sản ở Việt Nam lúc ấy đang tranh giành quyền lực, mà còn đối với Quốc Tế 3 là cơ quan giao trọng trách đó cho ông ta nữa. Đó là một trong những công trạng lớn khiến Hồ Chí Minh được lãnh tụ Cộng Sản Liên Xô Nikita Khrushchev mệnh danh là “Tông Đồ của chủ nghĩa Cộng Sản”.

⁹ *Vietnam, a History*, the Viking Press, 1991, tt 229 & 308 10 SDD trang 777-778. Arthur Schlesinger cũng là tác giả cuốn *A Thousand Days* viết về gần 3 năm cầm quyền của cố Tổng Thống Kennedy. Trong tác phẩm này ông cho biết Kennedy hết sức sủng sốt bất bình và tỏ ra xúc động cực kỳ khi nghe tin Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bào đệ bị giết. Tác giả đã ghi lại nguyên văn lời Tổng Thống Kennedy nói về hai nhân vật này: “They did their best they could for their country” (Hai người ấy đã làm hết sức mình cho xứ sở của họ). (Xin xem SDD, The Riverside Press Cambridge, 1965, trang 998).

¹⁰ Trong cuốn *Lost Victory* (xem chú thích 11) được xuất bản gần 20 năm sau, cựu giám đốc Trung Ương Tình Báo Mỹ, William E. Colby cũng nhắc lại lời này của cố Tổng Thống Kennedy. Đồng thời ông cũng cho biết, ngay hôm sau (3-11-63), khi cùng với ông McCone, lúc ấy đang là Giám Đốc CIA, tới gặp TT Kennedy thì thấy tổng thống vẫn còn ưu tư về cái chết của 2 anh em ông Diệm. (SDD trang 157)

¹¹ *Lost Victory* (with James McCargar), Contemporary Books, Chicago, New York, 1989. Trong tác phẩm này, tác giả cũng nói đến chuyện Việt Cộng rất ngỡ ngàng khi nghe tin ông Diệm đổ và bị giết. Ông thuật lại

chuyện một nhân viên đại diện VC ở Paris đã nói với một người Mỹ, “họ lấy làm lạ lùng, và xúc động thấy người Mỹ lại ra tay diệt trừ một đối thủ mạnh nhất và hữu hiệu nhất của họ. Sau đó lãnh tụ Mặt trận Giải Phóng gọi đó là “Của Trời cho chúng tôi (gift from Heaven for us)””. (Op. Cit. Ibid)

Theo nữ ký giả năng nổ Marguerite Higgins, mà tuần báo *Time* mô tả là nữ ký giả tự trang điểm bằng bùn đất thay phấn son, cho biết khi nghe tin ông Diệm bị giết trong cuộc đảo chính ông Hồ đã nói với nhà báo Úc Wilfred Burchett nổi tiếng, thân cộng: “Thật không thể ngờ người Mỹ lại có thể ngu đến thế.” (sở dĩ tờ *Time* có lời khen tặng này (trang điểm bằng bùn đất...) dành cho Higgins, là vì cô đã đi khắp các vùng chiến thuật, các đơn vị hẻo lánh, các thôn ấp xa xôi để đích thân điều tra xem làm thế nào mà ông Diệm, “một người được thẩm phán tối cao pháp viện William O. Douglas gọi là anh hùng, lại bỗng chốc biến thành con quái vật như báo chí mô tả?”) (Xem *Our Vietnam Nightmare*, NXB Harper & Row, 1965, trang 302, và *Time Magazine* Jan-14-1966, trang 61)

Nhân kỷ thứ 42 của Tổng Thống Diệm, năm 2005, giáo sư Tôn Thất Thiện cho biết một kinh nghiệm cá nhân như sau:

“Trong thời gian gần đây tôi may mắn gặp một người từ Hà Nội, mà tôi quen khá thân trước năm 1954. Và cũng rất may, người này là một người hiếm có đã được chính tai mình nghe ông Hồ nhận định về vụ đảo chính 1963. Người này tuyệt đối cấm tôi tiết lộ tên khi còn sống, vì đây là một “bí mật thâm cung”, nên tôi chỉ gọi y là “Cán bộ X”. Cán bộ X đã kể cho tôi nghe câu chuyện như sau:

“Y là người có mặt tại phủ chủ tịch ở Hà Nội ngày xảy ra đảo chánh ở Sài Gòn. Y thuộc một nhóm được ông Hồ cho gặp chiều ngày 2-11-63. Khi vào phủ chủ tịch thì ông Hồ đang bận tiếp một phái đoàn gì đó. Y phải đợi ngoài hành lang. Đang đợi thì thấy có người mang một bao thơ vào cho ông Hồ. Nhìn vào thấy ông mở thơ ra đọc, xong, không nói gì, bỏ thơ vào túi, rồi tiếp tục tiếp khách.

“Một lúc sau, khách đi rồi, ông cho gọi nhóm của cán bộ X vào và nói: “Lúc này người ta báo cho bác biết là ông Diệm vừa bị lật đổ. Ông Diệm là địch thủ ghê gớm nhất của Bác. Nay ông ấy bị loại rồi, thì chiến thắng chắc chắn sẽ về ta rồi.” (Trích kỷ yếu của Hội Ái Hữu Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại tháng 11 năm 2006, trang 201).

¹² Bản dịch của Nguyễn Vy Khanh từ nguyên tác Pháp văn *Ngô Đình Diệm En 1963: Une autre paix manquée*, luận án sử học, trường đại học Paris VII, 1982. Bản tiếng Việt do nxb Xuân Thu, Nam Cali, 1989.

¹³ *Triumph forsaken, the Vietnam war 1954-1965*, do Cambridge Un. Press xuất bản tháng 11 năm 2006. Tác giả Mark Moyar cũng cho rằng lật ông Diệm là đã bỏ mất một cuộc khai hoàn. Tưởng cũng nên thêm rằng Moyar thuộc trường phái xét lại lịch sử, đưa ra những bằng chứng phản bác cái gọi là “trường phái chính thống” từ trước tới nay thường cho rằng Mỹ thua vì ủng hộ một chính quyền độc tài bất xứng. Những ai muốn có một cái nhìn mới về cuộc chiến và chế độ Ngô Đình Diệm nên tìm đọc tác phẩm này. Ở phần IV tập sách này, chúng tôi sẽ tóm lược đại cương.

¹⁴ NXB Public Affairs, New York, 1999, các trang 198-201. Tuy có một số người, trong đó có người viết, chẳng những không tán thành, mà còn chê tác giả *Argument Without End* quá hạ mình trước kẻ chiến thắng, và quá khen ông HỒ, nhưng không thể không tán phục sự thành thực nhận lỗi của ông về việc chính quyền của đảng Dân Chủ đã “tổ chức” và “khởi động” (nguyên văn chữ ông dùng: organize và set in motion) cuộc đảo chính lật đổ nền Đế Nhất Cộng Hòa Việt Nam.

¹⁵ Ngẫu nhiên mà họ Lưu cũng đồng ý với Robert McNamara là người đã từng gọi ông Diệm là con người rất phức tạp, một bí ẩn (an Enigma). Xin xem In Retrospect... trang 42. Cũng như trong hồi ký Mémoire d'un Viet Cong, Trương Như Tảng, cựu bộ trưởng tư pháp trong cái gọi là chính phủ Lâm Thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam cũng dùng y nguyên từ Enigma để chỉ ông Diệm. Còn đại sứ Nolting thì viết: He was an enigma to most Americans (đối với hầu hết người Mỹ, ông Diệm là một bí ẩn.) Nhưng rồi lại thêm: those who knew him best seemed to respect him most (Những ai biết ông ta nhất thì xem ra lại kính trọng ông ta nhất.). Xem From Trust To Tragedy, trang 16.

¹⁶ Về sự hối hận này, cựu đại sứ Frderick Nolting đã trích dẫn Tập San Havard tháng 11 năm 1985 có đăng bức thư Cabot Lodge gửi Corliss Lamont trong đó có đoạn sau: “Dear Corliss, regarding your open letter of November 1, 1965, concerning me – you were right – We were wrong and we failed. I should have resigned sooner... (Corliss thân, về bức thư ngỏ của anh liên quan đến tôi – anh nói đúng – (Người Mỹ) chúng ta đã lầm và đã

thất bại. Đáng lẽ tôi đã phải từ chức sớm hơn mới phải. Cảm ơn anh về cuốn sách hay nhất của anh mà tôi đang đọc với sự thèm khát.”

¹⁷ SDD, nxb Random House Inc., New York, 1995, trang 55.

18 Riêng từ *Instigate* (xúi giục) này được Nixon dùng trong cuốn 1999: *Victory Without War*, nxb Simon and Schuster, New York, London, 1988, trang 123.

¹⁹ Xem *Vietnam, a History*, trang 293: His (Diem's) collapse would have been impossible without American complicity: Ông ta không thể đổ nếu không có sự đồng lõa của Mỹ)

²⁰ Trong cuốn 1999: *Victory Without War*, (trang 123) Nixon thay 2 từ *Critical mistake* bằng 2 từ *Worst mistake* (lỗi lầm tệ hại nhất) Những từ *culpable* của McNamara, *worst mistake* của Nixon, nhất là những từ *organize* và *set in motion* của McNamara mà chúng tôi vừa nêu trên, chúng tỏ các giới chức cao cấp trong chính quyền của đảng Dân Chủ, cũng như của đảng Cộng Hòa đều nhìn nhận tội lỗi đã làm cuộc đảo chính và có trách nhiệm về cái chết của hai ông Diệm, Nhu.

Hai hình ảnh đá đĩnh vòm và nắp hộp Pandora (hộp, theo thần thoại Hy Lạp, dùng để nhốt các thần phiến loạn) mà hai ông Nixon và Taylor dùng để chỉ ông Diệm cho thấy các ông ấy coi việc lật đổ ông Diệm là nguyên nhân chính đưa đến sự rối loạn cực kỳ và sự tan hoang của miền Nam lúc ấy, để rồi dần dần dẫn đến sự mất miền Nam 12 năm sau.

(Về ý nghĩa của hai hình ảnh này và phát biểu của Tổng Thống Richard M. Nixon và Thống Tướng, Đại Sứ Maxwell Taylor xin xem *No More Vietnams*, 1985 trang 70 và các trang từ 62-65; và *Swords & Plowshares*, Norton & Company Inc., NY. 1972, trang 401 và 93.)

²¹ Về những nhà lãnh đạo Mỹ, chúng tôi chỉ kể hai vị tiêu biểu, một của đảng Dân Chủ, McNamara, và một của đảng Cộng Hòa, Nixon. Hai ông đã nhìn nhận việc lật đổ Tổng Thống Diệm là có tội (*culpable*), là lỗi lầm nguy kịch nhất, tệ hại nhất, (*critical mistake, worst mistake*). Không lạ gì nhiều người Việt Nam kể cả những cán bộ CS hay cựu CS như Lưu Doãn Huỳnh, Bùi Tín cũng cho rằng việc lật đổ Tổng Thống Diệm là một sai lầm hay lỗi lầm chiến lược.

Riêng về trường hợp ông Bùi Tín, ngoài nhận xét vừa nêu trong Hoa Xuyên Tuyết, trong một bài tham luận đọc tại trung tâm Việt Nam ở Lub-

bock, Texas, tháng 10 năm 2003, kỷ niệm 40 năm ngày Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị hạ sát, ông còn so sánh ông Diệm với ông Hồ và khẳng định: về nhiều mặt ông Diệm đã hơn hẳn ông Hồ. Chúng tôi chỉ xin trích dẫn một đoạn văn trong bài tham luận của ông Bùi Tín: “Tôi cho rằng ông Diệm là một nhân vật chính trị đặc sắc, có lòng yêu nước sâu sắc, có tính cương trực, thanh liêm, nếp sống đậm bạc, giản dị. giờ đây chúng ta đã có những bằng chứng về lập trường của ông Ngô Đình Diệm: chống thực dân Pháp, giành lại quyền nội trị đầy đủ, không muốn Hoa Kỳ can thiệp sâu, chống lại việc ồ ạt đưa quân chiến đấu Mỹ và nước ngoài vào. Ông đã phải trả giá bằng cả sinh mạng mình cho lập trường dân tộc ấy.” Về bằng chứng lòng yêu nước sâu sắc của ông Diệm, ông Bùi Tín đã thuật lại những gì cha ông và hai người bác là các cụ Bùi Bằng Phấn, Bùi Bằng Thuận kể lại về trường hợp, và lý do ông Diệm từ chức thượng thư Bộ Lại (tương đương với chức thủ tướng ngày nay) năm 1933, ở tuổi 32. (Các ông Nguyễn Hữu Bài, Tôn Thất Hân, khi giữ bộ Lại đều trên 60 và 70). (Trích từ kỷ yếu của Hội Ái Hữu Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại, tháng 11 năm 2003).

Cụ Phan Bội Châu khi nghe tin ông Diệm từ chức thượng thư bộ Lại đã gọi ông Diệm là chí sĩ, vĩ nhân, và làm một bài thơ tặng ông.. (Xem Phần I, tiểu sử TT Diệm)

Nhân nhận định về ông Diệm của nhà cách mạng lòng danh Phan Bội Châu và ông Bùi Tín, là những người không theo đạo Công Giáo, chúng tôi nhớ lại ý kiến hơi cay độc của một vài độc giả DCVOnline khi phát biểu về bài Hoa Đào Và Máu Đào cũng như về những bài của ông Nguyễn Văn Lục, và cuộc phỏng vấn ông Nguyễn Văn Ngân của nhà báo Trần Phong Vũ. Quý độc giả này gọi các tác giả, kể cả ông Nguyễn Văn Ngân là “những kẻ chống cộng đeo thánh giá” chỉ bênh kẻ đồng đạo (là ông Diệm). Tôi thiết nghĩ quý vị ấy không đọc kỹ, thậm chí tôi nghi ngờ không biết họ có đọc những bài đó không, trước khi hạ bút một cách chua cay như vậy. Vì nếu có đọc qua, thì đã biết, ngay từ đầu ông Nguyễn Văn Ngân đã nói rõ, mình chẳng theo tôn giáo nào. Họ đã kích thậm tệ ông Ngân, và gán cho ông ấy “đeo thánh giá” chỉ vì ông Ngân lên án nặng nề cuộc đảo chính lật ông Diệm, gọi đó là trọng tội.

Không biết quý vị ấy có định “đeo thánh giá” cho hàng chục người không Công Giáo từng nói tốt về ông Diệm sau đây không? Ví dụ các ông Nguyễn Xuân Nghĩa, một kinh tế gia, Đặng Văn Nhâm, ký giả, Hoàng Hải

Thủy, Duyên Anh, 2 nhà văn kiêm ký giả, Trần Bích Lan Nguyễn Sa, nhà giáo, nhà thơ, Phạm Kim Vinh (tức Trương Tử Phòng), nhà văn, nhà báo, giáo sư, Đỗ Thọ, đại úy, Nguyễn Hữu Duệ, đại tá, Hà Thượng Nhân, nhà thơ, nhà báo, Nguyễn Xuân Vinh, Bửu Hội, Hà Vĩnh Phương, những khoa học gia nổi tiếng thế giới, Hoàng Ngọc Thành, tiến sĩ sử gia, Vĩnh Phúc, nhà báo (BBC), Tôn Thất Thiện, nguyên giáo sư (đại học Ottawa, Canada), cựu bộ trưởng Thông Tin Đế Nhị CH, v.v. hay bà Dương Thu Hương, nhà văn nữ nổi tiếng, cựu đảng viên CS, đã từng phê bình Hoa Kỳ có “thói quen đảo chính như rán trứng”, đã hạ ông Diệm, vì ông này “trót có tinh thần dân tộc”, v.v... Riêng nhà thơ Hà Thượng Nhân và khoa học gia Nguyễn Xuân Vinh đã đề tựa và giới thiệu tác phẩm Dòng Họ Ngô Đình. Hà Thượng Nhân Phạm Xuân Ninh đã viết: “Nói gì thì nói, miền Nam từ 1948 đến 1975, chỉ duy nhất có chế độ Ngô Đình Diệm là xứng đáng. Chỉ dưới chế độ ông, quốc gia mới có kỷ cương, có thể thống...” (Xem Dòng Họ Ngô Đình, Giác Mo Chưa Đạt, NXB Hoàng Nguyên, Nam Cali, năm 2003, Lời Tựa, ở đầu sách)

Đó là chúng tôi chỉ nêu một vài tên tuổi trong số những tác giả khá quen thuộc. Tất cả những nhân vật và sử gia, ký giả đó đều bị gán cho cái nhãn “Cần Lao” hay “bọn chống cộng đeo thánh giá” sao? Thực ra tất cả đều là Phật tử, trừ hai người đến cuối đời mới cải giáo thành tín hữu Công Giáo là Duyên Anh Vũ Mộng Long, và Nguyễn Sa Trần Bích Lan.

Xin lỗi bạn đọc, tôi đã phải nói lên điều này ở phần chú thích, vì nó không trực tiếp liên hệ đến bài viết. Sở dĩ thấy cần phải nói, vì gần đây nhiều độc giả DCV đã không tiếc lời mạt sát ông Nguyễn Văn Lục, vì ông đã nêu lên một số sự kiện và nhận xét về Ông Diệm trái với quan điểm hay thành kiến của họ.

Một số vị khác không mạt sát, nhưng khuyên không nên mất thì giờ nhắc lại những chuyện dĩ vãng chỉ gây thêm chia rẽ, mất đoàn kết. Các vị đó bảo, hãy để thì giờ bàn về những điều thiết thực cho công cuộc chống cộng, hay dân chủ hóa đất nước. Theo ngu ý thì chính những sự thật bị chôn vùi mới phá hoại đoàn kết. Chính những nỗi oan không được giải tỏa mới làm cho cộng đồng các tôn giáo hiểu lầm nhau và khiến cho đoàn kết không thực hiện được. Biết bao Phật tử chân chính ngay lành, chỉ vì nghe, đọc những lời những sách chuyên vu khống, dựng đứng về những tội giết tướng Trình Minh Thế, phản bội lời thề trung thành với quốc trưởng Bảo Đại, kỳ thi, đàn áp Phật Giáo, v.v... của ông Diệm Công Giáo, rồi đem lòng

nghe ky, thù hận người Công Giáo, đạo Công Giáo.

Xin chỉ lấy một ví dụ sau đây đủ cho thấy sự lầm lẫn hay cả tin của những người bảo ông Diệm chỉ dùng người Công Giáo hay người trong gia đình:

Toàn thể bộ tham mưu của Tổng Thống Diệm đều là Phật tử: Đồng Lý Văn Phòng: Quách Tông Đức. Phó đồng lý văn phòng: Đoàn Thêm. Tổng thư ký: Nguyễn Thành Cung. Bí thư: Trần Sử. Chánh Văn Phòng: Võ Văn Hải. Tham mưu biệt bộ: Cao Văn Viên, Nguyễn Minh Mẫn, Lê Như Hùng, Kỳ Quang Liêm. Lê Khắc Lý. Giám Đốc Nghi Lễ: Hoàng Thúc Đàm, Giám đốc báo chí: Tôn Thất Thiện. Tổng Giám Đốc Truyền Thanh, Đài Tiếng Nói Việt Nam: Bửu Thọ, rồi Hà Thương Nhân Phạm Xuân Ninh.

Ngoài ra từ phó tổng thống Nguyễn Ngọc Thọ, bộ trưởng phủ tổng thống kiêm phụ tá Quốc Phòng Nguyễn Đình Thuần, Bộ trưởng Ngoại giao Vũ Văn Mẫu... cho đến Tổng tham mưu trưởng, đại tướng Lê Văn Ty, Tham mưu trưởng trung tướng Trần Văn Đôn, các tư lệnh vùng, trừ thiếu tướng Huỳnh Văn Cao, tất cả đều là Phật tử.

Riêng ông Ngô Đình Nhu, vì không giữ chức vụ gì chính thức trong chính phủ, nên không có bộ tham mưu. Nhưng 3 người thân tín ông dùng lúc ấy cũng toàn là Phật tử: Thiếu tá Phạm Thu Đường, chánh văn phòng, ông Cao Xuân Vỹ, phó thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, ông Lê Văn Thái đặc trách liên lạc với giới trí thức.

Tưởng cũng nên nhắc lại là sĩ quan tùy viên mà ông Diệm tin tưởng, chọn cho xách chiếc cặp riêng của vị nguyên thủ quốc gia, đi theo ông trong giờ phút cuối cùng là đại úy Đỗ Thọ cũng là một Phật tử. Sau đó Đỗ Thọ đã viết hồi ký hết lời ca tụng ông Diệm. Trong cuốn hồi ký viết dở dang ấy, (dò dang, vì ông bị đột tử trong một tai nạn máy bay, khi lái phi cơ ra Huế để đón tướng Nguyễn Khánh) Đỗ Thọ còn dám tiên đoán rằng lịch sử sẽ coi ông Diệm như Abraham Lincoln (anh hùng dân tộc Mỹ, cũng đã bị ám sát chết như Thánh Cam Địa của Ấn Độ).

Còn chuyện ông Diệm phản bội lời thề trung thành với ông Bảo Đại, thì chỉ cần đọc chính lời của vị cựu hoàng này trong hồi ký Le Dragon D'Annam, mà Nguyễn Phước Tộc đã dịch và xuất bản với nhan đề Con Rồng Việt Nam (Nam Cali, 1990, trang 515) thì sẽ thấy ông Diệm đứng thề trước Thánh Giá trung thành với Tổ Quốc, chứ không phải quỳ trước ông Bảo Đại để thề trung thành với ông Bảo Đại, hay bà Nam Phương, như có người còn thêm dệt thêm cho lâm ly bi đát.

Thiết tưởng muốn giải nổi oan cho người đã khuất để đánh tan mây mù chia rẽ, cần có cả một bộ sách mới đủ! Vì những người có trách nhiệm trực tiếp hay gián tiếp trong cuộc đảo chính 1-11-63 đã, đang và sẽ còn bằng mọi cách cố nêu những tội không có thực, hay những lỗi lầm nhỏ bé được phóng đại của ông Diệm để bào chữa cho hành động của họ. (Chỉ cần nêu tên một số người trong số ấy đã viết sách tự biện minh và đổ cho ông Diệm hết tội này đến tội khác như Đỗ Mậu, Tôn Thất Đính, Nguyễn Cao Kỳ, Trần Văn Đôn, Vương Văn Đông, Phạm Văn Liễu, Nguyễn Chánh Thi. Riêng về trường hợp 2 ông Đỗ Mậu và Nguyễn Chánh Thi, ít người nghĩ các ông ấy đủ khả năng viết được như vậy. Chúng tôi không nêu danh tính của một số tác giả khác, tuy không trực tiếp tham gia các cuộc đảo chính chống ông Diệm, nhưng đã tích cực ủng hộ những cuộc đảo chính đó.) Còn những thân nhân, bạn hữu của ông Diệm, phần thì đã khuất, phần thì nghĩ chủ quan rằng, sự thật vẫn là sự thật. Lịch sử sẽ trả lại sự công bình. Càng gì phải lên tiếng. Nhưng nếu ai cũng nghĩ thế thì sự thật cứ bị chôn vùi và nổi oan cứ chồng chất. Lịch sử có thể bị xuyên tạc lâu dài sẽ gây hại cho đà tiến của dân tộc.

22 Về điểm này chính người chủ chốt trong cuộc đảo chính về phía Việt Nam là tướng Trần Văn Đôn đã ghi rõ trong tác phẩm Nhân Chứng Việt Nam (NXB Xuân Thu, 1989, trang 269):

“Vì đã chuẩn bị trước, Conein đem theo ba triệu đồng Việt Nam (tương đương với 42,000 Đô-la) mà Conein nói là để trả tiền ăn uống và trợ cấp cho những gia đình binh sĩ tử nạn trong lúc đảo chính. Trước đó vài ngày, Lodge đề nghị với tòa Bạch Ốc là dùng tiền này để mua chuộc những thành phần không đồng ý với cuộc đảo chính. Ngoài số tiền đó, Conein mang theo một khẩu súng lục, một trái lựu đạn và một máy liên lạc đặc biệt. Trước khi rời nhà ông ta đã báo tín hiệu cho các nhân viên CIA là cuộc đảo chính đã bắt đầu bằng máy liên lạc này.”

“Tại bộ Chỉ Huy, các tướng lãnh đã cho nối đường giây điện thoại với tòa Đại Sứ và nhà Conein.” (Một vị đại tá hiện ở Quận Cam, chúng tôi tạm giấu tên, vì chưa có tài liệu trên giấy trắng mực đen mà chỉ là lời nói, đã tiết lộ với cựu trung tá Nguyễn Văn Minh, tác giả cuốn Dòng Họ Ngô Đình rằng chính mắt ông thấy viên trung tá CIA Mỹ này ngồi ngay tại văn phòng của đại tướng Lê Văn Ty, (lúc ấy đã đi chữa bệnh ở Mỹ) bên cạnh phòng họp của

các tướng đảo chính. Y còn hách dịch gác 2 chân lên bàn, ngay cả khi có mặt tướng Khiêm và tướng Đôn.)

Sự hiện diện của trung tá CIA tại bộ chỉ huy đảo chính, với máy liên lạc đặc biệt và số tiền 3 triệu đồng để “trợ cấp”, “mua chuộc” ..., đủ nói lên rằng ông McNamara dùng 2 từ organize và set in motion là chính xác nhất. Vì thế ông viết We were culpable cũng là thật lòng hối hận.

Riêng về số tiền 3 triệu do Conein trao lại cho ông Đôn, ông này đã bắt những tướng tá nhận phải ký nhận trên giấy trắng mực đen và được photocopy in ở cuối sách, (đặc biệt không có số trang, sau trang 562). Trong số những người biên nhận chúng tôi đọc được những danh tánh viết rõ ràng sáng sủa sau đây:

Thiếu tướng Tôn Thất Đính: 50,000.

Đại tá Đặng Văn Quang: 500,000 (năm trăm ngàn);

Đại tá Nguyễn Văn Thiệu: Cent Mille Piastres. Nguyên văn bằng tiếng Pháp với thủ bút của ông Thiệu: 4XI63. 5è Division. (tức nhận một trăm ngàn Đồng Bạc VN, ngày 4 tháng 11 năm 1963. Sư đoàn 5 – mà ông Thiệu lúc ấy là tư lệnh);

Thiếu Tá Phan Hòa Hiệp: 100,000 (với chi chú “để trao lại cho trung tá chỉ huy trưởng trường Thiết Giáp”) Ký tên, ngày 9-11-63;

Đại úy Lê Đình Quế (tham mưu trưởng Lữ Đoàn TQLC): 100,000;

Đại úy Đào Quốc Diệp (không rõ lắm): 30,000... Một chữ ký tháu không đọc được: 100,000, v.v.

23 Việc này thì chính cựu đại sứ Bùi Diễm đã gián tiếp thú nhận trong cuốn hồi ký *In The Jaws Of History* (trang 338), bằng cách thanh minh rằng, người Mỹ đã không hỏi ý ông và thủ tướng Phan Huy Quát! Thanh minh như vậy cũng chẳng khác gì thú nhận hai ông chỉ là bù nhìn. Nếu nhớ lại rằng chính ông Bùi Diễm đã từng vận động xin ông Diệm cho bác sĩ Phan Huy Quát được giữ bộ Quốc Phòng trong chính phủ của thủ tướng Diệm mới về nước, rồi liên hệ sự kiện này với việc đại tướng Lawton Collins, bạn thân và đặc sứ của Tổng Thống Dwight D. Eisenhower, đã cả chục lần đề nghị với Tổng Thống Eisenhower hãy thay ông Diệm bằng bác sĩ Quát, (xem *America's Miracle Man In Vietnam* của Seth Jacobs, Duke University Press, Durham & L'Oneon 2004, trang 199) thì ta có thể hiểu tại sao

bác sĩ Quát giữ chức thủ tướng (ngày 16-2-65) chưa đầy 4 tháng đã phải từ chức (ngày 11-6-65). Có phải vì vai trò mà người Mỹ muốn ông đóng ông đã đóng xong? Chúng tôi vẫn kính phục Bác Sĩ Phan Huy Quát, một chiến sĩ chống cộng kiên cường, một lãnh tụ Đại Việt có uy tín, thanh liêm. Nhưng tiếc rằng ông đã bị lợi dụng vào vị thế mất uy tín trong trường hợp này.

24 SĐD trang 70.

Chương 4

Một số thắc mắc về toan tính hiệp thương

Trong một cuộc phỏng vấn ông Cao Xuân Vỹ (xem phần III, chương 8) có tiết lộ về 2 cuộc gặp gỡ giữa ông Ngô Đình Nhu và đại diện Bắc Việt. Nhiều người đã hỏi tôi về khả năng thành công của các cuộc tiếp xúc ấy. Chúng tôi xin ghi lại đây những thắc mắc của nhà báo Hồng Phúc qua một số câu hỏi mà ông đã đặt cho tôi để giải đáp. Đây là quan điểm riêng của chúng tôi về vấn đề này. Xin để độc giả phán xét.

Nhà báo Hồng Phúc là chủ nhiệm báo *Thế Giới Ngày Nay* và cũng là chủ biên một chương trình hàng tuần của Đài Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại được nhiều người theo dõi. Bài phỏng vấn này đã được phát thanh trên đài nói trên lần đầu tối ngày chủ nhật, 7-10-2007.

(Nhà báo Hồng Phúc) Hỏi: Trong cuộc mạn đàm giữa ông và ông Cao Xuân Vỹ đăng trên DCV Online mới đây, ông Cao Xuân Vỹ có nói đến cuộc tiếp xúc giữa ông Ngô

Đình Nhu với ông Antoine Pinay, đại diện Tổng Thống Pháp Charles De Gaulle và sau đó với Phạm Hùng, cán bộ cao cấp của Việt Cộng, sau này từng là thủ tướng Bắc Việt. Nhiều độc giả rất quan tâm đến vấn đề chính trị tế nhị này. Theo ông, các cuộc tiếp xúc này ảnh hưởng thế nào đến tình hình chính trị Việt Nam vào thời gian đó?

(Minh Võ) Đáp: Theo tôi nghĩ đây là dịp để những người Mỹ không ưa Tổng Thống Diệm và đặc biệt có ác cảm với ông Nhu vin vào chuyện này để tìm cách lật đổ Đế Nhất Cộng Hòa.

Trong lần tiếp xúc với ông Cao Xuân Vỹ vừa qua, ông Vỹ có nói một điều không được tôi ghi trong bài đã đăng trên Đàn Chim Việt. Ông Vỹ bảo tôi, khi bàn với ông Nhu về đề nghị của Bắc Việt muốn hai miền hiệp thương, ông Pinay đã nói “nửa đùa nửa thật”: Coi chừng người Mỹ họ mà biết chuyện này, họ sẽ đảo chính các ông đấy! Dĩ nhiên một số người Mỹ trong chính quyền Kennedy đã muốn làm đảo chính từ 3 năm trước cơ. Nhưng lần này họ cũng có thêm ít nhất là một cái cớ nghe ra có vẻ hợp lý để giải thích với dư luận.

Hỏi: Ông có thấy là hai anh em ông Diệm tự mâu thuẫn, tiền hậu bất nhất không? Trước kia, năm 1955, ông Hồ đã nhiều lần đề nghị hai miền hiệp thương để chuẩn bị cho cuộc tổng tuyển cử vào năm 1956. Lúc ấy các ông đã cự lực từ chối. Thì tại sao bây giờ lại tán thành?

Đáp: Đúng ra năm 1955 chính phủ Ngô Đình Diệm đã từ chối vì lý do miền Bắc không có tự do, và cũng viện cớ không ký hiệp định Giơ-neo, thì không bị ràng buộc bởi hiệp định đó trong vấn đề tổng tuyển cử. Ông Diệm khi

nhận lời Bảo Đại về chấp chánh năm 1954, ông đã biết mình phải làm gì để cứu ít nhất nửa nước khỏi họa Cộng Sản, vì ông đã quá hiểu thế nào là một nền chuyên chính vô sản, và các biện pháp tàn bạo của chế độ ấy. Cho nên không thể nào ông để cho một cuộc tuyển cử không công bằng, không có tự do này đưa nốt miền Nam cho Cộng Sản Quốc Tế. Vì ông cũng biết rõ ông Hồ là tay sai của Quốc Tế CS, chẳng thực tâm yêu nước, mà chỉ lợi dụng lòng yêu nước của nhiều thành phần dân tộc để chiến đấu cho ảo tưởng chế độ đại đồng của Mác. Hơn nữa cũng phải nhìn nhận là lúc đầu trong những năm 1954-1955 Miền Nam còn nhiều khó khăn chồng chất. Dân số lại ít hơn miền Bắc nhiều, nếu chấp nhận tổng tuyển cử ngay thì khó thắng được. Nhưng đến năm 1963 thì miền Nam đã vượt xa miền Bắc về mọi mặt. Tôi chỉ nêu vài con số.

Ví dụ số nước có tòa đại sứ ở Sài Gòn lúc ấy là 81, gần gấp đôi số nước có bang giao với Hà Nội. Trong khi dân miền Bắc không đủ gạo ăn thì Sài Gòn xuất cảng gạo, từ 70,000 tấn vào năm 1955 đã tăng lên đến 340,000 tấn xuất cảng vào năm 1962. Số lượng gia súc trong 7 năm đã tăng tới 500 lần. Thịt gia súc như heo, gà, vịt xuất cảng trong năm 1961 đã trị giá gần 140 triệu đồng (vào khoảng 4 triệu Đô-la, tính theo giá chính thức là 35 Đồng một Đô-la). Và còn nhiều ưu điểm khác không kể xiết.

Để nói lên một cách cụ thể về cảnh thanh bình trù phú của miền Nam thời ấy tôi xin trích dẫn chỉ một đoạn văn thôi của tác giả Hồ Sỹ Khuê, một người vốn chê ông Diệm là độc tài và kỳ thị tôn giáo, thậm chí đàn áp Phật Giáo. Ông Hồ Sỹ Khuê nói về cảnh thanh bình phồn thịnh ấy

như sau. – Đây tôi đọc từ cuốn sách đồ sộ của ông nhan đề *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*. Trong đó có nhiều câu đại loại như thế này:

“Nông thôn không còn bản cố nông. Thành thị cũng không bao giờ còn gọi là vô sản được...” “Tài xế tắc xi nhưng trưa đến không kể khách, nằm gác chân xem báo. Đạp xích lô nhưng mỗi chiều ngồi nhậu nhẹt lai rai bàn chuyện thời cuộc với xóm giềng. Những cảnh sống như thế xóa sạch mọi đẳng cấp thầy thợ trong xã hội, tạo một không khí hòa đồng vươn cao. Con em lao động đã bắt đầu vào đại học, làm giáo sư, bác sĩ, kỹ sư, sánh vai cùng bạn bè đồng lúa, xuất phát từ đủ mọi thành phần xã hội... Thực thế, dân Miền Nam thời Cộng Hòa Nhân Vị có một cuộc sống vật chất đầy đủ... Đầy đủ. Chưa đúng. Thừa thãi.”

Ông Khuê còn viết nhiều rất nhiều nữa về cảnh thanh bình phồn thịnh của miền Nam. Tôi chỉ ghi những nhận xét của ông Khuê. Vì ông không thuộc vào loại người có thể bảo là có chủ ý đề cao chế độ Ngô Đình Diệm. Trái lại ông còn chống.

Tôi nghĩ, trong cảnh phồn thịnh như thế, nông thôn không còn bản cố nông, thành thị hết vô sản, nếu hiệp thương để tuyển cử tự do miền Nam có nhiều hy vọng sẽ thắng.

Hỏi: Thế còn cuộc sống ở miền Bắc thì sao?

Đáp: Tôi không có số liệu chính thức. Mà thực ra số liệu chính thức do CS đưa ra nhiều khi cũng chẳng đáng tin. Nhưng cứ đọc mấy truyện của một số nhà văn nhà thơ thì cũng đủ thấy cuộc sống ở miền Bắc, không phải chỉ thua miền Nam, mà là rất bi đát khó có thể tưởng

tượng nổi. Ví dụ chỉ cần đọc *Nỗi Oan* của Đào Hiếu, *Con Bò Thái* và *Cái Đêm Hôm Ấy Đêm Gì* của Phùng Gia Lộc, *Thiên Đường Mù* của Dương Thu Hương, hay *Ông Tướng Về hưu*, và *Con Gái Thủy Thần* của Nguyễn Huy Thiệp thì sẽ rõ. Tuy hư cấu, nhưng thuộc loại hiện thực văn chương, để vạch trần một thực tế xã hội bị bung bít. Ngọc, vai chính trong *Nỗi Oan* mới 12 tuổi đã phải leo xuống giếng sâu thăm thẳm, đường lên trơn trượt để múc nước, gánh nước. Rồi khi lớn lên thấy trong làng “sao mà lắm người tự tử thế? Nhiều người tự thắt cổ. Có người nhảy xuống giếng mà chết. Người sống thì mùa đông chui vào đóng lá khô cho đỡ rét...”

Gia đình cậu Chính của Hằng vai chính trong *Thiên Đường Mù* bữa ăn chỉ có một đĩa rau muống luộc và một đĩa nhộng rang hành chia ra làm 3 ô, mỗi ô chỉ có 15, 16 con bé tí bằng đầu đũa. Thằng anh chọc đũa vào phần của thằng em bị mẹ trở đầu đũa gõ vào đầu thằng anh. Thằng anh khóc ré lên...

Con bò của hợp tác xã trong *Con Bò Thái* của Phùng Gia Lộc thì gầy nhom, chả bù cho khi nó chưa vào hợp tác xã thì béo tốt. Cái cảnh cha chung không ai khóc ở các hợp tác xã quá tàn tệ. Nếu thu hoạch có khá đôi chút thì cũng chỉ béo mấy kẻ trong ban quản trị. Xã viên vẫn đói meo.

Đặc biệt dân quê nghèo đến độ trẻ con đã chín mười tuổi cũng không có quần. Không chỉ có thơ của Nguyễn Chí Thiệp tả trẻ con trong tù lon ton không phải mặc quần.

Mà cả chuyện *Cô Gái Thủy Thần* của Nguyễn Huy Thiệp cũng tả cảnh một bé gái 12 tuổi cời truồng cảm đầu một toán 6, 7 đứa trẻ ban đêm cũng trần truồng đi ăn trộm

mía của hợp tác xã. Còn con trai mới 14 tuổi đã phải đi cây. Mà lại còn là thợ cây chủ lực của hợp tác xã. Tối đến về nhà lại còn phải đi đào đá ong! Trong *Ông Tướng về hưu* một nhân vật nói mỗi ngày trong nước có cả ngàn người chết khác khoai, chỉ ước được chết nhanh như lính. “Lính các anh sướng, đờm một phát. Sướng!” Chỉ mấy hàng đã đủ đau lòng. Có lẽ tin tức tình báo cũng cho ông Diệm biết tình cảnh đó. Nên nếu hiệp thương được, mà có dịp chia bớt phần lúa gạo, vài vốc ở miền Nam cho dân quê miền Bắc, thì đã là một cử chỉ bác ái, từ thiện rồi. Hơn nữa ai cũng biết ông là một nhà ái quốc, rất thương dân.

Hỏi: Ông có nghĩ rằng khi tính chuyện hiệp thương với Hồ Chí Minh, là ông Nhu đã mắc mưu trúng kế của con cáo già rồi không?

Đáp: Vô quýt dây đã có móng tay nhọn chứ. Tôi nghĩ ông Nhu không thể không biết mưu mô của CS. Và ông cũng phải tính toán kỹ lắm trước khi dấn thân vào những cuộc tiếp xúc nguy hiểm như vậy, nhất là vào mặt khu của Việt Cộng không có hộ tống vũ trang. Chắc rằng trong các cuộc thương lượng ở Paris năm trước, có các nhà lãnh đạo Pháp Quốc bảo đảm, ông Nhu đã có thể có một sự tin tưởng nào đó, cũng như phải tự tin lắm, mới giấn thân như vậy. Chứ ông Nhu không phải con người xốc nổi, làm liều. Và lại cũng vì nhiệt tình mong ước tránh được một cuộc xung đột vũ trang rộng lớn, trong đó có thể sẽ có sự tham dự của lực lượng vũ trang đáng kinh sợ của các đại cường.

Chính ông Đỗ Mậu, tác giả “hữu danh vô thực” của cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* (Văn Nghệ xuất bản tại Nam Cali năm 1993) đã trích đăng một lá thư riêng

của một người bạn của ông, trong đó có nói đến những lời cổ Tổng Thống Diệm nói với ông Võ Như Nguyễn là một đồng chí của Tổng Thống rằng, “Và tôi với chú Nhu có ý dù hai miền Quốc Cộng tranh chấp, nhưng đều là máu mủ ruột thịt, phải có biện pháp anh em giải quyết lấy chiến tranh, đỡ tổn hao sinh mạng, tài sản...” Trong cuốn *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê* tôi đã trích dẫn đầy đủ hơn và đã có lời bình. Ông Đỗ Mậu trích lại bức thư của người bạn này để chứng minh Tổng Thống Diệm có ý định thỏa hiệp với Cộng Sản, bán đứng miền Nam.

Nhưng tôi lại thấy đây là bằng chứng cho thấy anh em ông Diệm thực sự yêu nước, thương dân, không muốn chiến tranh tiếp tục, mở rộng, gây thêm tang thương, chết chóc.

Hỏi: Ông có nghĩ rằng, nếu anh em ông Diệm không bị giết, và Hoa Kỳ ủng hộ ông trong việc hiệp thương với Bắc Việt thì Miền Nam sẽ không bị mất vào tay Cộng Sản không?

Đáp: Rất tiếc rằng lịch sử không có chữ nếu hay chữ giả sử. Hơn nữa để trả lời câu hỏi hóc búa này tôi phải tự đặt mình vào địa vị hai ông mới thỏa đáng và công bình. Nhưng lại cũng tiếc rằng tôi không phải là một chính khách, chỉ viết báo, nghiên cứu và theo dõi thời cuộc với một nhãn quan hạn chế. Có thể nào ông miễn cho tôi khỏi trả lời câu hỏi này không?

Hỏi: Đã đành là thế. Nhưng ông vừa nói ông từng nghiên cứu và theo dõi thời cuộc, vậy cứ như những gì ông nghiên cứu được, ông cứ thử đưa ra một nhận định và ước đoán tương đối thực tiễn xem sao?

Đáp: Đã vậy, thì xin ông cũng như quý thính giả hãy coi như đây chỉ là phỏng định về tình hình có thể đã xảy ra trong dĩ vãng, theo nhãn quan của tôi mà thôi. Theo tôi biết thì nhiều người chê ông Diệm quá ngay thẳng dễ bị lừa. Còn ông Nhu thì quá kiêu ngạo lại có ảo tưởng. Nhưng ngược lại cũng có người khen ông Nhu là có nhiều mưu lược và trầm tĩnh. Và nhiều người hơn nữa khen ông Diệm là người có viễn kiến chính trị như một nhà tiên tri, kiến thức về chiến lược sách lược quân sự của ông cũng rất là uyên bác.

Tôi chỉ xin nêu lên vài danh tánh và sự việc mà hiện tôi còn nhớ. Tôi không nhắc lại lời ca tụng của những danh nhân Mỹ như 3 vị Tổng Thống Mỹ là Dwight Eisenhower, Richard Nixon, Lyndon B. Johnson, Thống Tướng Maxwell Taylor hay đại sứ Frederick Nolting, hay nữ ký giả tên tuổi Marguerite Higgins, hay nhất là học giả, sử gia, nữ tiến sĩ Ellen Hammer là những người ai cũng biết là rất ngưỡng mộ Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Tôi chỉ xin trưng dẫn mấy nhà báo Mỹ, Anh, Pháp, Úc đã từng chỉ trích nặng nề ông Diệm là độc tài gia đình trị, và coi ông thua kém ông Hồ. Tôi muốn nói đến những Stanley Karnow, Bernard Fall, Dennis J. Duncanson, Denis Warner. Người Việt thì có ông Hồ Sĩ Khuê đã nêu trên. Tất cả những người trên đều nêu những bằng chứng cho thấy ông Diệm có một viễn kiến chính trị như nhà tiên tri. Bernard Fall đã trưng dẫn một bản tin tình báo của Pháp năm 1948 đã phúc trình rằng ông Diệm lúc ấy đã biết trước Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào Việt Nam, rồi Bernard Fall phê rằng viễn kiến đó rõ ràng là một lời tiên

tri mà lúc ấy (1948) chẳng ai để ý. Karnow cũng khen ông Diệm đã tiên tri là phe Quốc Gia sẽ thua... Về phía người Việt, có ông Hồ Sỹ Khuê đã nêu lên ít nhất là 3 trường hợp chứng tỏ ông Diệm nhìn trước thời cuộc như một nhà tiên tri. Riêng nhà báo Úc Denis Warner, trong cuốn *The Last Confucian*, –gọi ông Diệm là Nhà Nho Cuối Cùng– đã thuật lại trường hợp ông Diệm chỉ cho ông trên bản đồ thấy chiến lược chiến thuật của Việt Cộng ở vùng Việt Bắc hồi 1948-50 ra sao. Ông cũng nhắc lại lời Tổng Thống Diệm nói về chiến lược của Mao Trạch Đông mà ông (Tổng Thống Diệm) cho rằng rất đơn sơ nhưng trên thế giới lại chỉ có hai người hiểu nổi là Che Guevara và Hồ Chí Minh. Phân tích kỹ nhận định này thì thấy ông Diệm phải là một người rất am tường về lịch sử và chiến lược mới có thể có một nhận xét trong một lúc về 3 nhân vật Cộng Sản trong chỉ một câu nói như vậy. Một người không nghiên cứu kỹ về Mao Trạch Đông, về Hồ Chí Minh, về Che Guevara, và phong trào Cộng Sản ở Nam Mỹ, thì không thể nào dám nói lời khẳng định như đinh đóng cột với một nhà báo nổi tiếng của Úc như Denis Warner.

Hỏi: Tôi cũng nghĩ ông Diệm là một lãnh tụ có tài mới có thể dẹp tan nạn thập nhị sứ quân trong một năm, rồi sau đó, tạo lập được một miền Nam trù phú và tương đối an bình chỉ trong vòng mấy năm. Nhưng nếu thực hiện 6 giai đoạn để hiệp thương theo kế hoạch của Tổng Thống Diệm, như tự do trao đổi thư tín, tự do đi lại thăm viếng giữa hai miền, nhất là tự do chuyển cư từ Bắc vào Nam, thì sẽ chẳng khác gì mở toang cửa cho CS xâm nhập để rồi sau đó nó đánh phá

mình thì sao? Trong số 3000 dân mà ông Nhu ước tính sẽ bỏ miền Bắc để di cư vào Nam sinh sống, thế nào chẳng có hàng trăm cán bộ tính báo gián điệp của Cộng Sản.

Đáp: Trước khi thực hiện 6 giai đoạn hiệp thương tất nhiên đã phải có một thỏa hiệp chấm dứt các hành động vũ trang chống phá lẫn nhau. Từ chỗ có những tiếp xúc giữa ông Nhu với Phạm Hùng sẽ có thể dẫn đến một cuộc họp thượng đỉnh giữa hai nhà lãnh đạo tối cao hai miền.¹ Hay ít nhất cũng phải có một văn kiện ký kết giữa các bộ trưởng ngoại giao hai miền trước sự chứng kiến của các quan sát viên quốc tế. Cho nên việc gián điệp xâm nhập dù có cũng chỉ là những hoạt động thông thường không có nguy cơ đưa đến những xung đột vũ trang công khai được. Và lại nếu miền Bắc có phái điệp viên vào Nam được một cách dễ dàng, thì miền Nam cũng có thể đưa gián điệp vào miền Bắc vậy. Tất một lời, khi đã thỏa hiệp được với nhau thì chẳng những nguy cơ lan rộng chiến tranh không còn, mà còn có thể ngăn chặn hay giảm thiểu được những hành động quấy phá lẻ tẻ nữa. Dầu sao thì để đi tới được một thỏa hiệp như thế đường đi dĩ nhiên còn dài chứ không thể thành tựu được chỉ qua một lần tiếp xúc giữa ông Nhu và Phạm Hùng. Trong khi đó thì cả hai bên đều phải tính toán điều hơn lẽ thiệt, tìm hiểu thiện ý của nhau, thông cảm nhau hơn mới có thể thành đạt. Tóm lại đây là một cuộc đấu trí cam go, chứ không dễ dàng.

Hỏi: Việc hai bên thù địch tính chuyện hòa giải thường phải có trung gian, và khi thương thuyết cũng cần có người chứng kiến. Ví dụ hiệp định Giơ Ne Vơ trước khi Pháp và Việt Minh ký kết, thì đã có những cuộc thảo luận, bàn cãi,

mặc cả kéo dài nhiều tháng. Vậy trong việc ông Nhu tiếp xúc với đại diện của Hà Nội, ngoài các nhà lãnh đạo Pháp quốc ra như Tổng Thống De Gaulle và ông Pinay ra có còn nước nào biết không?

Đáp: Theo Tiến sĩ Ellen Hammer, tác giả cuốn *A Death In November*, thì trong buổi tiếp tân ra mắt của tân ngoại trưởng Trương Công Cừu vào cuối tháng 8 năm 1963, ông Nhu đã tiếp xúc với trưởng đoàn Balan trong ủy hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (ICC) là luật sư Mieczyslaw Maneli, lúc ấy có sự hiện diện của các đại sứ

Ấn Độ, đại sứ Pháp, đại sứ Ý và đại diện Vatican. Đúng ra Maneli đã từ Hà Nội vào Sài Gòn vào mùa xuân, trước đó khá lâu. Nhưng khi một số nhà ngoại giao, trong đó dĩ nhiên có đại sứ Pháp Lalouette, tiếp xúc được với Maneli để khuyên ông ta nên gặp ông Ngô Đình Nhu thì vụ Phật Giáo bùng nổ. Cho nên mãi đến cuối tháng 8 hai người mới có dịp gặp nhau tại buổi tiếp tân. Tiến Sĩ Hammer thuật lại rằng lúc ấy Maneli đang nói chuyện với đức cha Asta, đại diện tòa thánh Vatican, thì thấy ông Ngô Đình Nhu cũng đứng đó không xa, đức cha liền kéo Maneli đến giới thiệu với ông Nhu. Lập tức 3 nhà ngoại giao khác cùng tiến về phía họ. Đó là các ông Lalouette, đại sứ Pháp, D'Orlandi, đại sứ Ý và Goburdhun, đại sứ Ấn Độ, cũng là chủ tịch Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến. Tường cùng cần lưu ý là tân đại sứ Mỹ là ông Henry Cabot Lodge cũng có mặt trong cuộc tiếp tân này và cũng đứng cách đó không xa lắm.

Tiến Sĩ Hammer thuật lại nhiều điều trao đổi giữa hai người. Nhưng trong đó tôi chỉ chú ý tới việc ông Nhu

nhấn mạnh đến mục đích đem lại hòa bình. Và trong lời đối thoại với Maneli, mà nhiều nghe được, ông Nhu thẳng thắn phê bình các chế độ thực dân, còn nhấn mạnh không chỉ phê bình người Tàu mà thôi, khiến nhiều nhà ngoại giao có mặt tự hỏi, không biết có phải ông nhắm gián tiếp đả kích cả Hoa Kỳ hay không. Còn Maneli thì hứa sẵn sàng giữ vai trò tích cực nhất. Sau đó Maneli nhận được giấy mời đến gặp ông Nhu tại dinh Gia Long vào ngày 2-9-1963. Về cuộc gặp gỡ này thì không thấy có tài liệu nào cho biết nội dung ra sao cả.

Hỏi: Có tài liệu nói Maneli có gặp ông Nhu tại nhà riêng của ông đại sứ Lalouette trong ngày 14-7-63, tức là ngày Quốc Khánh của Pháp. Ông có tin tức gì về nội dung cuộc gặp gỡ này không?

Đáp: Tin này do tờ *Jeune Afrique* (Châu Phi Trẻ) loan. Nhưng chính Maneli đã phủ nhận trong tác phẩm *The War Of The Vanquished* (Cuộc chiến của những kẻ chiến bại). Hai người gặp nhau lần đầu trong buổi tiếp tân của Ngoại Trưởng Trương Công Cừu. Và lần thứ hai, cũng là lần chót, vào ngày 2-9-63 tại dinh Gia Long..

Hỏi: Về phía nhà cầm quyền miền Bắc, phản ứng của họ ra sao, và những điều kiện họ đưa ra là gì?

Đáp: Theo bà Hammer, tác giả cuốn *A Death In November*, thì khi ông Goburghun, đại sứ Ấn đi Hà Nội với tư cách chủ tịch Ủy Ban Kiểm Soát Đình Chiến, đến gặp ông Hồ Chí Minh thì thấy ông ta chẳng những không thấy có gì ngăn cản cuộc hiệp thương với Sài Gòn, ông ta còn bảo đại sứ Ấn: “Ngô Đình Diệm là người yêu nước theo cách của ông ta... hãy bắt tay ông ấy thay tôi, nếu gặp.” Về

ông đại sứ Ấn này, thì chính Maneli cũng cho rằng ông ta, cũng như dân Ấn đứng hẳn về phía anh em ông Diệm và sẽ rất buồn nếu “mất lá bài này”. Cho nên Goburghun, cũng như Lalouette, tìm mọi cách để tránh đảo chính. Nhất là ông Lalouette đã nhiều lần cố thuyết phục ông Cagot Lodge, nhưng không thành công.

Khi Maneli đến Hà Nội trình bày kế hoạch theo sự hướng dẫn của các ông Lalouette và Goburghun, thì chỉ hai ngày sau Hà Nội đã có đáp ứng: Hà Nội sẵn sàng khởi sự thương thuyết bất cứ ở đâu và bất cứ lúc nào, bí mật hay công khai. Bộ trưởng ngoại giao Xuân Thủy, theo chỉ thị của chủ tịch và thủ tướng sẽ sẵn sàng trình lên một danh sách những hàng hóa có thể trao đổi giữa hai miền. Còn điều kiện, Hà Nội chỉ cần thấy Mỹ rút khỏi miền Nam, thì sẵn sàng bàn thảo về bất cứ vấn đề gì?

Hỏi: Về nội dung các cuộc thương thuyết, ông có tài liệu nào về tin đồn hồi ấy rằng sẽ có một chính phủ liên hiệp quốc cộng, hay một thứ liên bang Đông Dương không?

Đáp: Theo tôi, có lẽ tin đồn này phát xuất từ báo cáo của Maneli. Trong cuốn sách nói trên, Maneli có viết rằng ông ta hỏi Phạm Văn Đồng trước mặt ông Hồ về một khả năng có một thứ chính phủ liên bang với miền Nam, hay một thứ chính phủ liên hiệp không, thì Phạm Văn Đồng trả lời là, mọi sự đều có thể thương lượng trên cơ sở nền độc lập và chủ quyền tối thượng của dân tộc. Mấy lời trên, tác giả Maneli đã trích dẫn báo cáo tối mật của ông ta chỉ gửi cho chính phủ CS Balan, và tòa đại sứ Liên Xô ngày 10-7-63.

Cũng về tin đồn này còn có một nguồn tin khác liên quan đến câu chuyện giữa tướng Nguyễn Khánh và trường

nhiệm sở CIA ở Sài Gòn lúc ấy là John Richardson. Họ bàn về một lời tuyên bố nào đó của ông Hồ Chí Minh. Người ta còn đồn rằng trong năm 1963 đã có một hội nghị tại Cam Bốt để bàn về vấn đề liên bang này trong đó có đại diện của ông Hồ và đại diện của ông Nhu. Nhưng không có chi tiết gì cụ thể về những tin đồn này.

Hỏi: Ông có tin rằng ông Hồ được hoàn toàn tự do để thương lượng mà không bị Liên Xô và Trung Cộng ngăn cản không?

Đáp: Từ khi Khrutshchev hạ bệ Stalin rồi đưa ra 5 nguyên tắc sống chung, thì áp lực của Liên Xô trên các nước chư hầu có giảm bớt. Hơn nữa Khrutshchev đã từng đề nghị cho cả Việt Nam Cộng Hòa thời ông Diệm vào Liên Hiệp Quốc, thì có lẽ lúc ấy Liên Xô không chống việc hai miền hiệp thương với nhau, để làm giảm bớt sự căng thẳng, chẳng những giữa hai miền mà cả giữa hai khối Đông Tây nữa. Còn Trung Cộng, thì ta đã biết họ vẫn có thiện cảm với chính quyền Ngô Đình Diệm, ngay từ khi vừa thành hình. Thủ tướng Trung Cộng Chu Ân Lai đã nhiều lần đề nghị lập bang giao giữa Nam Việt và Bắc Kinh. Nhưng dầu sao thì trong vấn đề này xin để Maneli có ý kiến:

Trong báo cáo tối mật ngày 10-7-63 Maneli nói hai bên muốn có thể đi tới một thỏa hiệp mà không có sự tham dự của các đại cường. Về phản ứng của Liên Xô, Maneli trích lời của ông đại sứ nói với Maneli rằng, có lý do để nghi rằng người Việt họ muốn thu xếp riêng với nhau. Còn về phía Trung Quốc, thì qua cuộc tiếp xúc với sứ quán Trung Cộng ở Hà Nội, Maneli cho rằng

Trung Cộng không biết gì về cuộc tiếp xúc giữa Sài Gòn và Hà Nội. Nhưng Maneli lại thêm rằng, hoặc giả họ biết nhưng không chấp nhận. Rồi Maneli phê một câu làm lời kết luận của chương sách dài 20 trang về cuộc gặp gỡ giữa ông với ông Ngô Đình Nhu: Xét về mặt chính trị mà nói thì việc Hà Nội hành động mà không có sự chấp thuận của Bắc Kinh là điều có ý nghĩa nhất.

Hỏi: Điều này đối với tôi hơi khó tin. Theo tôi nghĩ, chẳng những Trung Cộng mà cả đàn em của ông Hồ cũng không thể chấp nhận cho ông ta tự ý thương lượng với chính quyền Miền Nam. Không biết ông có tin là ngoài hai bản di chúc ông Hồ để lại, được nhà cầm quyền Hà Nội công bố, còn có một bản di chúc ông ấy viết tay không? Trong bản di chúc này, mà người ta bảo đã được giao nghiệm tự dạng thì chắc chắn là của ông Hồ thật. Trong bản di chúc này ông Hồ có nói đến việc ông có một cô con gái với một người Pháp và về việc ông tính chuyện thương lượng với ông Ngô Đình Diệm, và vì vậy ông đã bị nhóm Lê Duẩn hiếu chiến hãm hại, từ đó về sau mất hết quyền hành.

Đáp: Tôi cũng có nghe nói đến bản di chúc viết tay này rồi cũng đi tìm đọc thì thấy không đáng tin lắm. Tôi cũng có hỏi mấy cựu cán bộ cao cấp Cộng Sản ở hải ngoại thì họ cũng nói có biết có một di chúc như vậy, nhưng văn phong không phải của ông Hồ. Theo tôi nghĩ, muốn kiểm chứng xem đây có phải là di chúc thật hay không, nên tìm người con gái của ông Hồ để hỏi cho ra lẽ. Nhưng tôi nghĩ, nếu bà ấy còn sống, nay cũng đã ngoài 90 rồi. Tiếc rằng những người đưa bản di chúc này ra trên báo, đã không trung dẫn

được xuất xứ đáng tin cậy. Vì vậy rất khó tin. Riêng chúng tôi vẫn nghĩ ông Hồ vẫn còn đầy đủ quyền lực vào những năm cuối đời.

Trong cuốn *Hồ Chí Minh nhận định tổng hợp* chúng tôi đã để hẳn một chương để chứng minh điều đó.

Hỏi: Hiệp thương từng đã là một cạm bẫy làm cho các đảng phái quốc gia hồi 1945 sa vào mà trở thành thân bại danh liệt, khiến đa số bị hại hay phải chạy trốn sang Tàu. Ông có nghĩ anh em ông Diệm có tài để không mắc bẫy không?

Đáp: Ông Diệm đã không sa bẫy lúc ấy, tức hồi 1945. Các ông Huỳnh Thúc Kháng, Bùi Bằng Đoàn, Phan Kế Toại đều nghe lời dụ dỗ của ông Hồ ra hợp tác. Các đảng phái quốc gia như Việt Quốc, Việt Cách của các ông Nguyễn Tường Tam, Vũ Hồng Khanh, Nguyễn Hải Thần v.v... đều mắc bẫy tham gia chính phủ liên hiệp và nhận 70 ghế ở quốc hội mà không được bầu. Nhưng như tôi từng viết chỉ có ông Diệm không mắc bẫy. Chính Hồ Chí Minh đã mời ông Diệm giữ chức bộ trưởng Nội Vụ mà bị ông Diệm từ chối thẳng thừng, trong lúc đang ở trong tay sinh sát của ông Hồ. Đó là trước kia, lúc ông ở vào cái thế thập tử nhất sinh, hoàn toàn trong tay ông Hồ, mà ông còn không nhượng bộ để mắc bẫy. Còn bây giờ ông Diệm đã có một nửa nước phồn thịnh và hùng mạnh hơn ông Hồ. Nếu có hiệp thương là hiệp thương ở thế mạnh, thì sao lại phải sợ. Hơn nữa bất cứ một cuộc xung đột vũ trang hay chính trị nào cũng đều phải đi tới một cuộc thương thuyết để chấm dứt xung đột. Đặc biệt là cuộc xung đột giữa ý thức hệ CS một bên, và bên kia là thế

giới tự do, cuộc xung đột bao trùm khắp hoàn vũ cũng đã kết thúc bằng một loạt những cuộc gặp gỡ, tiếp xúc và thương thuyết giữa các nhà lãnh đạo hai bên. Thì lúc ấy dù bên nào đi bước trước để mở đường cho một giải pháp chính trị cũng đều đáng hoan nghênh.

Tuy nhiên cũng phải thú thực rằng có nhiều người coi việc ông Hồ tặng ông Ngô Đình Diệm cảnh đào díp xuân Quý Mão (1963) cũng tương tự như Vương Doãn, trong truyện Tam Quốc, tặng cho Đồng Trác con hát ả đào Điêu Thuyền, khiến Lữ Bố vì ghen mà giết cha nuôi. Họ cho rằng cảnh đào tượng trưng và mở đầu cho những cuộc tiếp xúc giữa hai miền đã làm cho người Mỹ ra tay hạ ông Diệm. Nhưng riêng tôi không nghĩ thế.

Hỏi: Nhiều sử gia Mỹ cho rằng ông Nhu tiếp xúc với Bắc Việt là cố ý làm “săng-ta” với Mỹ, khi thấy áp lực của Mỹ quá nặng. Ông có nghĩ như vậy không?

Đáp: Nếu chỉ nhìn vào những diễn biến trong mấy tháng giữa năm 1963, thì suy đoán như thế cũng có lý. Nhưng thực ra người Mỹ đã muốn thay ông Diệm hay ít nhất cố làm áp lực để đưa ông Nhu ra ngoại quốc từ lâu trước đó. Và hai anh em Tổng Thống Diệm cũng đã có những toan tính về một kế hoạch hòa bình qua những cuộc tiếp xúc ngoại giao được bộc lộ từ năm 1962 trước kia rồi. Người Mỹ muốn hạ ông Diệm, không phải vì ông đàn áp Phật Giáo, cũng không phải vì ông định đi đến một giải pháp với Bắc Việt. Mà theo tôi nghĩ, lý do chính họ muốn hạ ông Diệm vì ông không đồng ý cho họ đem quân ồ ạt vào Việt Nam. Ông Diệm muốn dần dần tiến tới hiệp thương với Bắc Việt chỉ vì muốn tìm kiếm cho nhân dân Việt Nam

một nền hòa bình, dù tạm thời và giới hạn chẳng nữa, còn hơn là càng ngày càng dẫn sâu vào một cuộc chiến mỗi lúc một thêm ác liệt. Nhất là khi mà số người ngoại quốc càng ngày càng gia tăng mãi, như từ 1962.²

Chú thích

¹ Năm 2000, khi biết tin vị tổng thống Công Giáo đầu tiên của Nam Hàn, một nước Phật Giáo lâu đời, là Kim Đại Trọng (làm tổng thống từ 1997) gặp lãnh tụ cộng sản Bắc Hàn, rồi sau đó được lãnh giải Nobel Hòa Bình, tôi lại chạnh lòng nghĩ tới nước cờ táo bạo của anh em ông Diệm trước đó 37 năm mà tiếc rằng Việt Nam đã mất một cơ hội hiếm có để kiến tạo hòa bình, mà không tốn thêm xương máu.

² Cuộc phỏng vấn này đã được phát thanh ngày chủ nhật 7- 10-2007 trên đài phát thanh Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại.

Phần ba

Chương 5

Từ vinh quang đến tử nạn¹

Từ 26 tháng 10 đến mùng 2 tháng 11, chỉ có một tuần thôi.² Nhưng là tuần lễ định mệnh đưa một nhân vật lịch sử từ Vinh Quang đến Tử Nạn. Đối với một số người thì tên tuổi, sự nghiệp của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã lên đến tột đỉnh vào một ngày 26 tháng 10, nhưng rồi đã tiêu tan vào một ngày 2 tháng 11. Nhưng với vô vàn người khác cái chết của ông đã làm ông sống mãi với lịch sử nước nhà, sống mãi trong lòng nhân dân khát vọng hòa bình, tự do. Có thể nói cuộc tử nạn của ông đã đưa ông tới đài Vinh Quang bất diệt.

Những ai không có thành kiến hay mặc cảm, và có công tâm để nhìn vào thực tế và so sánh một cách khách quan, những ai còn tha thiết với chủ quyền quốc gia, những ai biết thế nào là tự trọng, thế nào là tiết tháo, những ai đã chứng kiến và không quên sự thanh bình phồn thịnh của miền Nam³ trong thời Tổng Thống Ngô Đình Diệm cầm

quyền, so với sự đói khổ, áp bức mà nhân dân miền Bắc thời ấy phải chịu dưới ách CS, hay so với một miền Nam ngập lặn trong rối loạn, chia rẽ, và chiến tranh sau khi ông mất sẽ mãi mãi nhớ ơn và tiếc thương ông.

Cái vinh quang, theo ông, không phải là chức vị tổng thống, dù là tổng thống đầu tiên của Việt Nam. Công trạng của ông không phải chỉ ở chỗ dẹp xong loạn thập nhị sứ quân, đưa quốc gia và quân đội về một mối. Khả hoàn của ông không phải ở chỗ được các yếu nhân Mỹ ca ngợi là anh hùng, là con người thần kỳ, là Churchill của thập kỷ tại Á Châu, là vĩ nhân của thế kỷ 20.⁴ Vinh quang của ông không phải vì được tổng thống đệ nhất siêu cường đích thân ra đón tận phi trường, rồi đọc diễn văn trước lưỡng viện quốc hội, được báo chí Mỹ ca ngợi hết lời, và nhân dân Mỹ hoan hô dọc bên đường phố Nữ Ước, khi ông đứng trên xe mui trần vẫy tay chào họ.

Đối với con người đạo đức, dũng cảm, cương trực, thương dân yêu nước như ông, chỉ có hạnh phúc của nhân dân làm ông vui và lấy làm tự hào. Cái hào quang rực rỡ ấy vẫn còn chói sáng. Nhưng, than ôi! Hạnh phúc của nhân dân thì không còn, kể từ ngày ông thăng.

Ông đã không đáp lời mời gọi khẩn thiết của cựu hoàng Bảo Đại ra cứu nước, trong lúc hy vọng cứu nước mong manh như sợi chỉ mảnh trước gió, nếu ông không có một tấm lòng rộng mở hướng về hạnh phúc của nhân dân, nếu ông không vì lợi ích quốc gia, dân tộc, dũng cảm gạt sang một bên niềm ước ao từ bao năm, là được dâng trọn cuộc đời cho Chúa trong một tu viện nào đó.

Nhận lời mời của Bảo Đại, xông vào chốn hiểm nguy, tuyệt vọng, ông tự coi mình lãnh nhận sứ mạng của Trời đem cuộc đời hiến cho tổ quốc.

Hiểm nguy, vì lúc ấy, ngoài vị vua đã mất ngôi, và một số ít ỏi đồng chí, xung quanh ông toàn những người chống đối. Họ không muốn ông thành công. Họ cầu ông thất bại để sau khi ông đã liều chết dọn đường, làm cỏ sân, họ sẽ đưa người của họ ra thay thế ông. Họ là người Pháp mà đại diện lúc ấy tại Việt Nam là tướng Paul Ely, người ghét cay ghét đắng Ngô Đình Diệm. Họ là người Mỹ mà đại diện lúc ấy là tướng J. Lawton Collins, bạn thân và đại diện của cá nhân tổng thống Eisenhower, không ngừng đưa kiến nghị, hàng chục lần, yêu cầu chính quyền Eisenhower phải bằng mọi cách thay thế ông.⁵ Họ là những nhà thực dân ngoan cố, chỉ muốn Ngô Đình Diệm thất bại và miền Nam Việt Nam nát bấy để uy tín, quyền lợi thực dân còn chút hy vọng tồn tại. Họ là những tay sai của thực dân chỉ muốn ăn sống nuốt tươi con người yêu nước, thanh liêm, cương trực lúc nào cũng đe dọa túi tiền, bổng lộc, chức tước của họ. Tất cả những loại người đó đã cấu kết với nhau, khuyến khích nhau để tấn công ông từ nhiều phía hầu làm cho ông phải nản chí, ngã lòng.

Tình hình nước nhà lúc ấy đã tuyệt vọng, vì liền sau khi về nước, trong chuyến kinh lý đầu tiên thăm miền Bắc, vị thủ tướng tân cử đã thấy tất cả không còn gì. Mọi người chỉ muốn mau chóng rời bỏ phần đất thân yêu ngàn năm văn vật này. Không còn ai muốn cùng với Ngô Đình Diệm chiến đấu để cứu văn minh thế. Tuyệt vọng vì chỉ hai tuần sau, sự chia đôi đất nước đã thành hiện thực vô phương

đảo ngược. Tuyệt vọng vì ngân khố trống rỗng, quân đội nằm trong tay một tướng lãnh có quốc tịch Pháp,⁶ sẵn sàng vì quyền lợi mẫu quốc, theo lệnh người Pháp bất tuân lệnh, uy hiếp vị thủ tướng Việt Nam chân ướt chân ráo, vừa về nước.

Nhưng trong tuyệt vọng ông đã đem lại niềm hy vọng. Từ chỗ hiểm nguy, tứ bề thọ địch, ông đã thoát ra an toàn và gieo vào lòng nhân dân niềm tin. Ông đã thắng tất cả. Collins, bạn thân và đặc sứ của tổng thống Eisenhower đã bị triệu hồi về Mỹ. Ely đã cùng với đoàn quân viễn chinh đứng chào hai lá quốc kỳ Việt Pháp trước khi hạ quốc kỳ Pháp cuốn rút về nước cùng với tướng tá và đoàn quân bại trận.⁷ Và sự việc đó diễn ra trước sự hiện diện của một Ngô Đình Diệm mà thực dân Pháp căm ghét, nhưng từ nay bó buộc phải nể vì.

Những Bảy (Lê Văn) Viễn, Lai Văn Sang, Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ... tay sai của thực dân, tất cả đều bị loại.

Và cuối cùng chính cựu hoàng Bảo Đại cũng bị truất phế, mặc dù sự việc xảy ra ngoài ý muốn của Ngô Đình Diệm. Ý dân là ý Trời. Sau này cựu hoàng đã chẳng hề oán trách ông, mà còn bảo đó chỉ là do sức ép của thời cuộc.⁸

Thế mà ngày nay còn nhiều kẻ trách cứ, lên án Ngô Đình Diệm phản bội, không giữ lời thề trung thành với quốc trưởng, trong khi chính quốc trưởng xác nhận trong hồi ký rằng ông chỉ yêu cầu ông Diệm thề trước tượng Chúa là sẽ bảo vệ tổ quốc chống Cộng sản và nếu cần chống cả Pháp.⁹

Nỗi oan này cũng tương tự như lời đồn đại đầy ác ý rằng ông giết cố trung tướng Trình Minh Thế, một người bạn,

người đồng chí cùng lý tưởng chống cộng đồng thời chống thực dân của ông, người mà chính bào đệ của ông đã phải đến tận núi Bà Đen để thuyết phục chiêu dụ, người mà lúc ấy ông rất cần đến sự trung thành và lòng dũng cảm trước sức tấn công của kẻ thù, người mà khi được tin tử nạn, ông đã khóc đến ngất xỉu.¹⁰

Cũng giống như nỗi oan đàn áp, “bách hại Phật Giáo”. Người ta đã quên rằng trong 9 năm thời đệ nhất Cộng Hòa số chùa chiền miền Nam đã tăng gấp đôi. Có nơi thờ Phật đã được xây cất do tiền chu cấp của chính phủ.¹¹ Toàn bộ món tiền thưởng giải Magsaysay ông đem tặng hết cho Đức Đạt Lai Lạt Ma.¹² Toàn bộ tham mưu phủ Tổng Thống từ đồng lý, phó đồng lý, chánh văn phòng, chánh võ phòng, bí thư, thư ký, tổng thư ký đều là Phật tử ngoan đạo.¹³ Đó là chưa kể phó tổng thống, đại tướng tổng tham mưu trưởng và nhiều bộ trưởng đều là những Phật tử. Thế mà người ta nhất định bảo ông kỳ thị Phật Giáo, chỉ dùng người nhà và dân Công Giáo! Người ta đã thổi phồng một lỗi lầm nhỏ bé về hành chánh¹⁴ để kết tội ông bách hại Phật Giáo, tàn sát Phật tử, và gây nên những cái chết của một số nhà sư tự thiêu, mặc dù sát sinh là tội nặng theo giới răn của Đức Phật. Người ta cũng kết tội ông mưu toan hiệp thương với miền Bắc, bán đứng miền Nam cho Cộng Sản. Quả thực ông đã đề cố vấn Ngô Đình Nhu tiếp xúc với Hà Nội¹⁵ để tìm một giải pháp chính trị cho cuộc nội chiến càng ngày càng gay go, đang có nguy cơ quốc tế hóa để trở thành đại chiến. Lúc ấy ông đang ở thể thượng phong. Khác hẳn cái thế yếu kém của chính quyền đệ nhị Cộng Hòa sau này, lúc mà ngay cả đồng minh Hoa Kỳ

cũng bị Việt Cộng o ép, làm khó dễ trăm chiều tại bàn hòa đàm. Về mặt ngoại giao, 81 nước có đại diện ở Sài Gòn. Về mặt an ninh ông đã phá hủy hầu hết các cơ sở hạ tầng của CS để lại miền Nam, như Nguyễn Văn Linh, tổng bí thư Cộng đảng đã thú nhận, và sau này Văn Tiến Dũng còn xác nhận bằng con số cụ thể là tổn thất của CS lên đến 90 phần trăm.¹⁶ Nhiều nhà báo Mỹ chỉ trích ông hạ mật lệnh cho các tướng tá sư đoàn 7 không được mở những trận đánh lớn hòng tiêu diệt Cộng quân.¹⁷ Một số giáo sư Việt trực diện chất vấn ông, sao không mở một trận đánh lớn để dứt điểm mà cứ đánh cầm chừng?¹⁸ Ông đáp, vì không muốn chiến tranh lan rộng khiến các cường quốc hai phe đối địch nhảy vào, chỉ thiệt cho nhân dân mình. Câu trả lời của ông cho thấy một nhãn quan chính trị sâu sắc, mà thực tế đã chứng tỏ đó là một lời tiên tri.

Cành đào có dính danh thiếp của chủ tịch Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa Hồ Chí Minh chúc Tết tổng thống Việt Nam Cộng Hòa Ngô Đình Diệm, từ Hà Nội gửi tới qua một thành viên thuộc Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến (CIC), được trưng bày tại phòng khánh tiết phủ tổng thống vào dịp xuân Quý Mão (1963) mãi gần đây mới được người có thẩm quyền xác nhận. Nhưng lúc ấy đã là nguyên nhân những tin đồn bất lợi.¹⁹

Khi muốn triệt hạ một đồng minh ương ngạnh không chịu để quân Mỹ vào tốc chiến tốc thắng (theo một chiến lược riêng), lại còn có kế hoạch yêu cầu Mỹ rút dần cố vấn về nước, thì người ta sẽ tìm ra không thiếu bằng có.

Nào độc tài gia đình trị, nào đàn áp Phật Giáo, nào bán đứng miền Nam cho Cộng Sản...

Một vài giới chức cao cấp trong bộ ngoại giao Mỹ từ thứ trưởng trở xuống²⁰ đã năng động hăng hái dùng những mảnh lời lươn lẹo đánh lừa cấp trên hòng có được sự chấp thuận bức điện văn bật đèn xanh cho một số tướng lãnh Việt Nam, vì quyền lợi phe phái hay cá nhân làm cuộc đảo chính. Tổng thống đã muốn tránh đổ máu nên sẵn sàng đến gặp các tướng đảo chính để nếu cần thì được an toàn rút lui. Nhưng họ đã hạ độc thủ, cho thủ hạ giết ông, rồi phao vu là ông tự sát. Chính Tổng Thống Kennedy đã sững sốt, giận dữ, và mất bình tĩnh khi nghe tin này. Nhưng đã quá muộn.

Tổng thống đã chết đi để cho hàng nghìn, hàng vạn người khỏi chết, nhất là những quân sĩ trung thành với ông và thường dân vô tội chết vì bom rơi đạn lạc. Ông đã không chấp thuận đề nghị của tham mưu trưởng Lữ Đoàn Liên Binh phòng vệ phủ tổng thống đưa thiết giáp lên tấn công bộ chỉ huy cuộc đảo chính.²¹

Nhưng hậu quả của cái chết của Tổng Thống không thể lường được. Tình hình miền Nam rối loạn trong hai năm. Gân chực chính phủ²² đã thay nhau cầm quyền mà không giải quyết được vấn đề an ninh, và các mâu thuẫn phe phái tranh giành quyền lực. Cuối cùng Mỹ đã phải (hay có dịp thực hiện ý đồ từ trước?) đem đại quân vào mà không có một hiệp ước song phương.²³ Điều này đã làm có cho Bắc Việt tuyên truyền rằng Mỹ xâm lăng, và kêu gọi toàn dân kháng chiến chống Mỹ. Hàng loạt trí thức miền Nam ra bùng đi theo Việt Cộng.²⁴ Bộ đội CS thể quyết vào Nam đánh Mỹ.

Cuộc chiến đã xoay sang thế hoàn toàn bất lợi cho miền Nam. Cuộc chiến gần một thập kỷ với cường độ khủng khiếp đã giết hại hơn 3 triệu người. Và miền Nam đã mất vào tay CS. Thêm nửa triệu người nữa chết trong các tù cải tạo và trên đường vượt biển, vượt biên đi tìm tự do, chạy trốn nạn CS.

Đã 45 năm qua, những người còn biết thế nào là ơn nghĩa đã không nguôi lòng tiếc thương một vị tổng thống đã có công giữ được một nửa nước khỏi rơi vào tay CS hồi 1954, có công tiếp đón, định cư gần một triệu đồng bào chạy trốn CS miền Bắc, trong đó không chỉ có gần 800 ngàn giáo dân, mà còn không biết bao nhiêu Phật tử, văn nghệ sĩ, trí thức, quân cán chính của chính quyền Quốc Gia cũ thoát nạn CS, để có được đời sống ổn định, tự do thờ Chúa, cúng Phật, tự do sáng tác, tự do hành xử quyền công dân, và làm ăn phát đạt.

Một lời chót với dân di cư hồi 1954, chúng tôi tin rằng tất cả những người từng di cư từ miền Bắc, hay con cháu họ không bao giờ quên ơn Ngô Đình Diệm, cho dù ông có lỗi lầm gì đi chăng nữa. Nhân vô thập toàn. Thánh nhân còn phạm tội. Có nhà lãnh đạo quốc gia nào dám tự phụ mình không sai phạm? Những người di cư đó, nhất là giới trí thức, là những chứng nhân sẽ lãnh trách nhiệm nói lên sự thật về con người yêu nước Ngô đình Diệm. Dân di cư hồi 1954, cũng như dân tỵ nạn tại Mỹ sau 30 tháng tư năm 1975 dĩ nhiên cũng phải nhớ ơn chính phủ Hoa Kỳ đã tận tình giúp đỡ mình hay cha ông mình trong những thời điểm ấy.

Chú thích

¹ Vì không muốn một bài tường niệm quá dài vì những dẫn chứng nên chúng tôi đã đưa phần dẫn chứng xuống chú thích. Những chú thích này sẽ cho thấy tất cả những gì nêu lên trong bài tường niệm không phải là do chủ quan của người viết mà là những sự thực khách quan có cơ sở hoàn toàn.

² Ngày 26-10-1956 là ngày Quốc Khánh, ngày khai sinh chế độ đệ nhất Cộng Hòa, mà người khai sáng chính là Tổng Thống Ngô Đình Diệm, được coi như ngày Vinh Quang nhất của đời ông. Ngày 2-11-1963, hơn 7 năm sau là ngày Tổng Thống bị tử nạn. Nhóm tướng lãnh đảo chính đã hạ lệnh giết ông, rồi vu cáo là ông tự sát. Cuộc đảo chính bắt đầu vào ngày hôm trước, 1-11-63.

³ *Thanh bình, thịnh vượng*: Sau khi dẹp tan bọn phiến loạn Bình Xuyên, giải tán các toán vũ trang của các giáo phái và thống nhất quân đội, Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã dồn nỗ lực vào việc đem lại an ninh cho đồng bào. Chín năm dưới thời ông là những năm thanh bình, phồn thịnh nhất mà ngay những người cực lực chỉ trích ông cũng phải ghi lại trong tác phẩm của họ. Chỉ xin trích dẫn một vài đoạn để chứng minh.

– **Ông Hồ Sỹ Khuê** người chê ông Diệm độc tài, đàn áp Phật Giáo đã viết trong cuốn *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam* (NXB Văn Nghệ, Nam Cali, 1992, trang 369-370): (Xin xem chương 1, phần I, trước chú thích (58).

Vậy mà, cũng năm 1992 có một cuốn sách khác được xuất bản cũng kịch liệt đả kích ông Diệm. Nhưng tác giả, vì thành kiến hay ghen ghét, đã chẳng những phủ nhận hoàn toàn những thành quả về xã hội dân sinh mà ông Diệm đã thực hiện cho nhân dân, họ còn bịa ra rằng, trong thời ông Diệm, **nhân dân miền Nam thực sự sống trong cảnh địa ngục trần gian** (*Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, trang 298). Tuy cuốn sách ghi tác giả là Hoàn Linh (Đỗ Mậu), nhưng ai cũng biết tác giả thực sự là một nhóm người thù ghét ông Diệm, và ghen ghét tập thể người Công Giáo. Họ đã cố tình bịt mắt trước những thực tế không thể phủ nhận, mà chính những người không ưa ông Diệm khác đã phải công nhận.

Đã trưng dẫn ông Hồ Sỹ Khuê, một cây viết chỉ trích kịch liệt ông Diệm, thiết tưởng cũng nên trích vài hàng của một tướng trong số hai tướng chủ chốt của cuộc đảo chính 1-11-63, là Trần Văn Đôn.

– **Tướng Trần Văn Đôn** (1917-1997) là người miền Nam, sinh tại Pháp. Trong cuốn *Our Endless War* (Cuộc chiến bất tận của chúng tôi, Presido Press 1987), ông cho biết cảm tưởng và nhận xét của mình về ngày quốc khánh 26 tháng 10, năm 1956:

“Đây là những lúc hồ hởi, hân hoan thực sự cho dân Việt Nam chúng tôi. Lần đầu tiên chúng tôi được thấy một lãnh tụ thực sự năng động và được dân mến chuộng. Vào thời gian đó tất cả chúng tôi đứng đằng sau ông Diệm: quân nhân, công chức, và nông dân miệt quê trong các làng xã. Sự ủng hộ này hoàn toàn đến nỗi trong cuộc bầu cử ông đã thắng lớn và ngày 26 tháng 10 năm 1956 nền đệ nhất Cộng Hòa Việt Nam được tuyên bố thành lập với ông Diệm làm tổng thống, đồng thời một hiến pháp được ban hành và lập tức 52 nước đã công nhận Cộng Hòa Việt Nam.” (SĐD tr. 62)

Và ở một đoạn khác:

“Chương trình Ấp Chiến Lược (thực ra là các chương trình dinh điền và khu trừ mật, vì đến 1962 mới có quốc sách Ấp Chiến Lược. MV) nhằm bình định thôn quê, và đấu tranh chống tham nhũng, cờ bạc, nghiện hút và mãi dâm là bước đầu được lòng dân mà Tổng Thống Diệm đã làm, khi chế độ của ông mới thành lập.

“Tôi đã có thể thấy qua nhiều cuộc nói chuyện với dân chúng thuộc mọi giai tầng xã hội là những hành động ban đầu của ông Diệm rất được lòng dân. Trong quân đội mọi cấp đều phấn khởi trước tinh thần thống nhất, sau khi dẹp xong các phe phái, và chinh phục được các thành viên thuộc các phái đó đứng vào hàng ngũ chúng tôi.

“Các cuộc kinh lý khắp vùng thôn quê của ông Diệm khiến dân rất thương mến ông. Tại hai tỉnh Bình Định và Quảng Ngãi, trước kia từng là cứ điểm của CS, dân làng đã nói với tôi: “Trong 10 năm dưới quyền ông Hồ Chí Minh, ông ta chưa một lần nào đến thăm chúng tôi. Nhưng mới chỉ 10 ngày (sau khi được giải phóng), ông Ngô Đình Diệm đã tới thăm và nghe chúng tôi kể những nỗi khó khăn của chúng tôi.” Dân chúng ở cả thành thị lẫn xóm làng đều biết về ông Diệm và lấy làm thích thú những gì họ được xem thấy.”

Những lời kể trên hoàn toàn trái ngược với những gì mà vài nhà báo Mỹ, trẻ măng, như David Halberstam, Neil Seehan, hoặc như Stanley Karnow,

vì sẵn ác cảm, hay vì nhận xét hời hợt, đã chê ông Diệm không chịu đi ra ngoài để tiếp xúc với dân, mà chỉ khu khu ngồi trong dinh nghe bọn “nịnh thần” báo cáo.

Tuy trong 2 năm cuối (1962, 1963), cộng quân đã mở một vài cuộc tấn công nhỏ, như ở Ấp Bắc, và cán bộ du kích đã có thể xâm nhập, khủng bố các viên chức chính phủ tại thôn ấp. Nhưng tình hình an ninh vẫn còn tốt đẹp. Các trục lộ giao thông chính vẫn tuyệt đối an toàn. Sau đây là những gì các giới chức Mỹ ở Sài Gòn lúc ấy đã viết về vấn đề này.

– **Đại sứ Frederick Nolting**, trong hồi ký *From Trust to Tragedy* (Praeger, NY, 1988, trang 56) viết: “By the end of 1962 my family and I could drive to Cap Saint Jacques (Vùng Tàu) or Da Lạt without armed escort” (Khoảng cuối năm 1962, tôi và gia đình tôi đã có thể lái xe đi Vũng Tàu hay Đà Lạt mà không cần hộ tống vũ trang.)

William E. Colby, Giám đốc Trung Ương Tình Báo Mỹ (CIA) đã viết trong tác phẩm *Honorable Men, My Life In The CIA* (NXB Simon & Schuster, NY, 1978) rằng khi còn là trưởng nhiệm sở CIA ở Sài Gòn, cũng khoảng thời gian 1962, vợ con ông (bà Barbara Colby, và cô con gái tên Catherine) đã có thể đi qua đèo Hải Vân giữa Đà Nẵng và Huế, chỉ với một sĩ quan phụ trách nhiệm sở ở phía Bắc VNCH. (SĐD trang 179).

Chính nhà báo trẻ **Neil Sheehan** trong cuốn *A bright shining lie* cũng đã thuật lại trường hợp Trung Tá Vann, cố vấn sư đoàn 7 đã một mình lái xe từ Sài Gòn đi Mỹ Tho vào giữa năm 1962. Tuy nhiên vì không muốn công khai nhìn nhận một sự thực là ngay vào năm cuối thời đệ nhất Cộng Hòa tình trạng an ninh cũng rất bảo đảm, nên Neil Sheehan đã vụng về giải thích rằng sở dĩ CS để ông đi bình an là vì họ muốn gây cảm tình với người Mỹ(!). Xin xem SĐD, NXB Random, NY, 1988, trang 46).

⁴ Về những lời khen xin chỉ kể một vài nhân vật nổi bật: – **William O. Douglas** thẩm phán tối cao pháp viện Mỹ, tác giả cuốn sách nổi tiếng về các nước vùng Đông Nam Á nhan đề *North From Malaya*, nghiên cứu về các nước Miến Điện, Tân Gia Ba, Thái Lan, Ai-Lao và Việt Nam đã từng gặp Ngô Đình Diệm mùa Hè năm 1952, trong một chuyến chu du khắp vùng Á châu. Ông đã ca ngợi ông Diệm là *anh hùng*, và được nhiều tác giả sau này trong đó có nữ ký giả Marguerite Higgins nhắc lại.

– Tổng Thống **Dwight D. Eisenhower** (1890-1969), theo sử gia John M. Newman, đã gọi Ngô Đình Diệm là con người của phép lạ (hay con người thần kỳ, *A Miracle Man*), Nhiều nhà báo Mỹ Úc, kể cả thiên Cộng, cũng coi việc thủ tướng Ngô Đình Diệm dẹp tan loạn Bình Xuyên và thống nhất quân đội các giáo phái vào một mối là một phép lạ chính trị, hiếm thấy trong lịch sử. Xin chỉ dẫn chúng tôi báo uy tín bậc nhất của Mỹ là tờ *Foreign Affairs*. Tác giả William Henderson nhận xét, *trước khi Diệm lên cầm quyền Nam Việt Nam xem ra chắc chắn sẽ rơi xuống vực thẳm của nội chiến đẫm máu, rồi sụp đổ. Nhưng chỉ 2 năm sau... một phép lạ chính trị đã xảy ra.*

Nếu coi việc nói tiên tri là một phép lạ, thì rất nhiều người, kể cả những người chỉ trích ông cũng đã ca ngợi tài tiên tri của ông Diệm. Tưởng chỉ cần nhắc lại ở đây một vài tên tuổi nổi bật:

– **Bernard Fall** (1926-1967), trong cuốn *The Two Vietnams*, nxb Frederick and Praeger, USA, 1967, trang 241-242, đã trung dẫn một báo cáo chính trị của người Pháp viết năm 1948 để chứng tỏ một viễn kiến chính trị vô cùng sâu sắc của ông Diệm, như một nhà tiên tri:

(Về lý do đích thực ông Diệm từ chối lời quốc trưởng Bảo Đại mời ông giữ chức thủ tướng vào tháng 5 năm 1949, sau khi quốc trưởng đã ký với tổng thống Pháp hiệp ước Elysée, ngày 8-3-1949, trao độc lập cho Việt Nam):

“Thực ra ông Diệm nghĩ rằng những nhượng bộ của Pháp chưa sâu rộng đủ, để ông dẫn thân vào thực hiện. Vẫn trên căn bản “Tất cả hoặc không có gì” (tout ou rien, all or nothing), ông ta lại thôi ủng hộ Bảo Đại và lập tại Nam và Trung Việt một chính đảng nhỏ mang cái tên nói lên chương trình hành động “Phong trào quốc gia quá khích (?) Phong trào kêu gọi kháng chiến chống cả Pháp lẫn Việt Minh, một cố gắng vô vọng vào năm 1949, nhưng như một báo cáo chính trị của Pháp (năm 1948 MV) đã nói rõ:

“Ông Diệm nhằm tổ chức lại và tăng cường lực lượng Công Giáo để đạt được sự đoàn kết thực sự và nền độc lập của Việt Nam. Ngay sau khi đã đủ mạnh ông ta sẽ bắt tay vào việc giao tế với các ngoại cường, nhất là Mỹ, và sẽ xin họ giúp về kinh tế, ngoại giao.

“Còn đối với chúng ta (nước Pháp) thái độ của ông ta là thân hữu vào lúc này, vì nhà cầm quyền Pháp hãy còn có ích cho ông ta. Quan điểm của

Diệm là chỉ mong Mỹ can thiệp khi nào đã rõ ràng là Pháp trở nên bất lực trong việc giải quyết chiến cuộc Đông Dương.”

“Báo cáo đó, 6 năm sau chúng tỏ hoàn toàn là một **lời tiên tri**. Nhưng vào năm 1948, chẳng ai đếm xỉa đến.” (That report was to prove fully prophetic six years later, but, in 1948, it was ignored)” (SĐD tr. 242)

– **Stanley Karnow** (1926...), nhà báo trở thành sử gia đã viết trong cuốn *Vietnam a history* nxb Viking Pinguin, 1991 (3rd Edition) trang 231-232): “Thâu tóm kinh nghiệm, ông Diệm đã đưa ra một nhận định **tiên tri** vào lúc ấy: “Những người CS sẽ đánh bại chúng ta. Không phải họ mạnh. Mà vì chúng ta yếu. Họ sẽ thắng vì chúng ta bỏ cuộc.”

Nhân câu trên của Karnow, tưởng cũng nên nhắc lại chính lời của Tổng Thống Diệm đã nói với nhiều người (cũng giống như tổng thống Nixon sau này), rằng phía người quốc gia sẽ thua vì báo chí (phản chiến).

– **Ông Hồ Sỹ Khuê**, người cục lực chỉ trích ông Diệm đọc tài và kỳ thị Phật Giáo, cũng ít nhất hai lần khen ông Diệm tiên liệu tình hình chính trị như nhà tiên tri, trong cuốn sách đồ sộ của ông, nhan đề *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt trận Giải Phóng Miền Nam*. Trang 164 ông viết:

“Ông Diệm bảo tôi: ... Thành ra nguy cơ không phải là óc ly khai của người Nam Kỳ. Nguy cơ là Cộng Sản. Pháp là vấn đề giai đoạn, cộng sản mới thực là vấn đề tâm huyết và dài hạn. Pháp thắng hay bại trong cuộc chiến chống Việt Minh vẫn phải đi đến chỗ công nhận Việt Nam Độc Lập. Điều quan trọng là buộc họ trả chủ quyền trong tay chúng ta (trong tay ông Diệm). Lần khác ông thêm: “*Cùng kỳ lý, nếu Pháp không thắng nổi, ta có thể dùng Nam Kỳ làm cứ điểm huy động quân chúng lực tinh để tranh thủ với cộng sản. Giữ được Nam Kỳ là giữ được nước.*” Tôi suy nghĩ nhiều về điều ông Diệm nói đây, và đi đến kết luận: Trong tư tưởng thâm kín của ông, người Nam Kỳ ly khai, người Nam Kỳ thống nhất, không quan trọng bằng việc người Nam Kỳ có chịu chống cộng với ông không. Tinh thần ly khai của người Nam Kỳ có chỗ ông Diệm dùng được để tranh thủ với ông Hồ. Lời trên của ông Diệm tôi xem như một **lời tiên tri**. Sáu năm sau đó hiệp định Genève đã đưa ông vào hoàn cảnh Nam Bắc phân tranh mới, đúng như ông đã có vẻ tiên liệu sẵn.”

Hai chục trang sau, trang 184, ông Hồ Sỹ Khuê lại khen ông Diệm tiên tri lần nữa:

“Ông Diệm quả đã **tiên tri** là Hoa Kỳ sẽ can thiệp vào Việt Nam”.

– **Tổng Thống Lyndon Baine Johnson** (1908-1973), khi còn là phó tổng thống, trong một dạ yến tại Sài Gòn, năm 1961, đã ca tụng ông Diệm là Churchill của thập kỷ tại Á Châu. Ai cũng biết thủ tướng Anh Winston Churchill (...) được coi là anh hùng cứu quốc của nước Anh thời đệ nhị thế chiến. Đó không phải là lần đầu ông Johnson gọi ông Diệm như vậy. Sáu năm trước khi còn là lãnh tụ khối đa số thượng viện Mỹ, ông đã nói y như vậy rồi.

– Thị trưởng New York, **Robert Wagner** trong dịp tổng thống Ngô Đình Diệm thăm Mỹ năm 1957, “đã mô tả ông như “một người mà lịch sử sẽ có thể liệt vào hàng vĩ nhân của thế kỷ 20” (xin xem Nguyễn Cao Kỳ, *Twenty Years and Twenty Days*, NXB Stein and Day, NY, 1976, trang 31).

– Ký giả nổi tiếng **Henry Luce** đã viết trong bài xã luận của tuần báo LIFE ngày 2-5-1955, như sau:

“Hết mọi con cháu của Cách Mạng Mỹ, và cả những kẻ thán phục xa xăm sau này phải hết sức vui mừng và hô lên rằng: “Hoan hô Ngô Đình Diệm!” Công việc của Diệm chỉ vừa khởi sự, xem ra khá phức tạp, khó khăn hơn cả sứ mạng của George Washington. Vì ông ta không chỉ có một kẻ thù mà là nhiều kẻ thù: Cộng sản, người Pháp, bọn Bình Xuyên, và các giáo phái... Sức mạnh của Diệm càng lớn mạnh thì càng làm đơn giản công tác ngoại giao của Hoa Kỳ ở Sài Gòn. Công tác đó là, hay phải là, chỉ đơn giản ủng hộ Diệm hết mình.” (Henry Luce, “Revolution in VN”, Life 38, 9 May 1955, trang 3, trích dẫn theo *America’s Miracle Man in Vietnam* của Seth Jacobs, duke University Press, Durham and LOneon 2004, trang 209.)

⁵ **Tướng Lawton Collins**, bạn thân và là đặc sứ của tổng thống Eisenhower tại Sài Gòn lúc ấy đã 12 lần trong 6 tháng nhắc đi nhắc lại để nghị xin tổng thống hãy thay thế thủ tướng Ngô Đình Diệm bằng bác sĩ Phan Huy Quát, hay bác sĩ Trần Văn Đỗ.

Tướng Paul Ely đại diện tối cao của Pháp tại Việt Nam lúc ấy thường chế diễu những người Mỹ nào còn nghĩ ông Ngô Đình Diệm là một lãnh tụ ái quốc, vì “ông ta chỉ là một bù nhìn tệ hại nhất, không được nhân ân ủng hộ. Cho nên vì lợi ích của VN và của thế giới, không nên cứu Diệm”. Theo Seth Jacobs, tác giả cuốn *America’s Miracle Man*, thì khi tướng Mỹ Collins hỏi Ely có ủng hộ Quát hay Đỗ không thì được trả lời “ai cũng được, trừ Diệm.” (tr. 199)

⁶ Tướng Nguyễn Văn Hinh, con cụ thủ tướng Nguyễn Văn Tâm, thường được mệnh danh là con hùm xám Cai Lậy. Người Quốc gia phần đông không ưa cha con ông. Nhưng họ có thể lực lớn với thực dân Pháp. Đã một thời tướng Hinh dùng đài phát thanh Quân Đội để kịch liệt đả kích thủ tướng Ngô Đình Diệm qua giọng nói đanh thép và truyền cảm của xướng ngôn viên Văn Thiệt. Nhưng sau khi tướng Hinh bị loại và phải chạy sang Pháp, cũng chính xướng ngôn viên này đã sang sảng trên làn sóng điện ca ngọ vị thủ tướng chiến thắng.

⁷ Đầu năm 1956 Tổng Thống Ngô Đình Diệm yêu cầu Pháp rút hết quân. Và ngày 26-4-56 những binh lính Pháp cuối cùng rời Sài Gòn.

⁸ Nhà báo Phan Thế Trường đã ghi lại trong một cuộc phỏng vấn cựu hoàng Bảo Đại tại Pháp khoảng năm 1992. Trong đó nhà báo đã nêu hai câu hỏi quan trọng liên quan đến việc nhà vua thoái vị, nhường quyền cho Hồ Chí Minh, và việc đức quốc trưởng trao toàn quyền dân sự, quân sự cho ông Ngô Đình Diệm. Tờ Diễn Đàn Phụ Nữ của cố ký giả Chữ Bá Anh, số tháng 9 năm 1992 đã ghi như sau:

“Hỏi: Tại sao Ngài lại trao quyền cho ông Ngô đình Diệm để rồi ông nay lật Ngài?

“Vua Bảo Đại cũng trả lời ngay:

“Ông Diệm là người tôi tín nhiệm. Lúc đó thế lực của Pháp đã thất bại. Phía cộng sản đã được Liên Xô tích cực ủng hộ về mọi mặt, nên tôi khuyên ông Diệm nên tìm sự ủng hộ của Mỹ để có thể ngăn chặn (endiguer) sự bành trướng của Cộng Sản. Việc ông ta lật tôi là do sức ép của chính trị. Ông Diệm là Người Yêu Nước. Lúc trao quyền tôi có yêu cầu ông ấy cam kết với tôi hai điều trước bàn thờ Chúa, vì ông ấy rất mộ đạo, là phải giữ vững miền Nam, và nếu không làm được sứ mạng ấy thì phải trao quyền lại cho tôi. Nhưng rồi ông ta đã chết khi thi hành nhiệm vụ. Dù sao ông ta cũng cố giữ lời cam kết mà không được.”

Xin bạn đọc lưu ý những lời “Ông Diệm là Người Yêu Nước”, “cam kết hai điều trước bàn thờ Chúa, vì ông ấy rất mộ đạo”, và “rồi ông ta đã chết trong khi thi hành nhiệm vụ”

Đó là những lời tuyên dương một nhân vật mà Bảo Đại luôn luôn kính trọng.

Nếu có đọc *Con Rồng Việt Nam (Le Dragon d'Annam)* của cựu hoàng thì sẽ thấy ông cũng viết tương tự như vậy, chứ không hề bao giờ có chuyện nhà vua hay hoàng hậu bắt ông Diệm phải quỳ gối trước họ để thể trung thanh với nhà vua, như những người cố tình xuyên tạc lịch sử cổ Đổ Mậu hay những kẻ đứng sau ông này đã viết.

Để đánh tan sự nghi ngờ của những ai còn bị luận điệu của ông Đổ Mậu trong cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* làm mê hoặc, xin mời đọc một đoạn văn trong cuốn hồi ký của cựu hoàng *Con Rồng Việt Nam*, trang 515: Xem chương 1 phần I, trước số chú thích 31.

Cho đến nay thì đã rõ là ông Diệm không chủ tâm lật ông Bảo Đại. Ông đã bị đứng trước một sự việc đã rồi do 18 đảng phái chính trị lúc ấy họp nhau lại tại dinh Độc Lập để trả lời câu hỏi của thủ tướng Diệm là có nên sang Pháp theo lệnh của quốc trưởng hay không. Trong lúc ông Diệm lui vào thư phòng để cho mọi người tự do thảo luận và cho ông một lời khuyên, thì 18 đoàn thể này đã thành lập một hội đồng cách mạng để đồng thanh hạ bệ Bảo Đại. Khi ông Diệm được mời ra để nghe ý kiến của họ, thì ông đã vô cùng ngạc nhiên và lúng túng. Ảnh của quốc trưởng treo trên tường đã bị giật xuống.

Sau đó tướng Nguyễn Văn Võ theo lệnh quốc trưởng đem quân sĩ dưới quyền đến định áp đảo vị thủ tướng, bắt ông trao lại binh quyền từ tay đại tướng Lê Văn Ty, liền bị một thành viên của hội đồng nhân dân cách mạng (ông Nhị Lang) tước vũ khí và đe dọa tính mạng, nếu không nhờ ông Diệm che chở, tướng Võ đã có thể bị bắn tại chỗ.

⁹ Xin xem chú thích 8.

¹⁰ Tướng Trình Minh Thế thuộc lực lượng Cao Đài Liên Minh. Ông chủ trương giống ông Ngô Đình Diệm, vừa chống Pháp vừa chống Cộng. Ông Diệm đã phái em ruột là ông Ngô Đình Nhu lên tận bản doanh của tướng Thế để thuyết phục ông về hợp tác với chính phủ. Chính luật sư Đinh Thạch Bích từng là phụ tá của tướng Thế cho biết ông đã chứng kiến cuộc gặp gỡ này, và thấy việc thuyết phục của ông Nhu khá khó khăn, nhưng cuối cùng đã thành công. Ông Bích cũng được chứng kiến việc ông Diệm ngắt siu khi được tin tướng Thế bị giết trong khi chỉ huy liên quân đánh Bình Xuyên. Tướng Edward Lansdale, trong hồi ký cũng ghi lại sự việc ông Diệm vô cùng xúc động, khi nghe tin tướng Thế bị giết. Lansdale viết rằng

đó là lần duy nhất ông thấy ông Diệm biểu lộ tình cảm, xúc động đến thế.

Gần đây (tháng 8-2006) bà Trình Minh Thế và người con trai có phát biểu trên đài Tiếng Nói Việt Nam Hải Ngoại tố cáo ông Diệm đã giết chồng bà, làm mọi người ngạc nhiên và tự hỏi: Tại sao cho đến nay bà mới lên tiếng và vì mục đích gì, do động cơ nào? Ít ngày sau, luật sư Đinh Thạch Bích đã lên tiếng đưa ra quan điểm của ông. Theo luật sư Bích thì lúc ấy ông Diệm đang rất cần tướng Thế, và rất quý mến ông. Khó có thể nghĩ rằng chính ông lại muốn giết ông Thế.

Tờ nguyệt san *Diễn Đàn Phụ Nữ* số 144 (tháng 3 năm 1996, cách nay hơn 10 năm), đã loan tin là trong cuốn sách của thiếu tá Savani, nguyên trưởng Phòng Nhì (Tinh Báo) Pháp thời chiến tranh Đông Dương mới xuất bản đã cho biết, một gián điệp của Pháp đã bắn lén để sát hại tướng Thế mục đích nhằm trả thù cho tướng Chanson mà người của tướng Thế đã tung lựu đạn để giết cùng với ông Thái Lập Thành ngày 31-7-1951. (Xin xem ĐDPN số 144, trang 24)

¹¹ Chi xin nêu cụ thể trường hợp hai chùa lớn nhất là chùa Xá Lợi và chùa Vĩnh Nghiêm. Chính phủ đã cấp 2 triệu đồng (lúc ấy giá hối đoái chính thức một Mỹ Kim chỉ có 35 đồng bạc VN) để trao cho ông Mai Thọ Truyền lo việc xây cất chùa Xá Lợi. Còn chùa Vĩnh Nghiêm được xây sau khi tổng thống đã mất. Nhưng khu đất trên đó xây chùa thì đã được Tổng Thống Diệm chấp thuận bán cho nhà chùa với giá tương đương một đồng bạc. Hai việc này các ông Huỳnh Văn Lang và Nguyễn Văn Minh đã đưa bằng chứng và nhân chứng trong các hồi ký của các ông. (Xin xem *Dòng Họ Ngô Đình và giấc mơ chưa đạt*, tr. 145-146.)

Trong thời gian xảy ra vụ Phật Giáo từ tháng 5-1963, các ông Quách Tòng Đức, Nguyễn Thành Cung, Võ Văn Hải, và Trần Sửu toàn là những Phật tử thuần thành trong bộ tham mưu của Tổng Thống đã đến gặp ông để xin ông cho phép công bố những món tiền và công việc chính phủ đã làm để chấn hưng và mở mang Đạo Phật. Nhưng, theo ông Lê Châu Lộc, lúc ấy có mặt bên cạnh Tổng Thống, Tổng Thống đã không đồng ý. Ông nói việc trùng tu, giúp các tôn giáo mở mang là bốn phận của ông, không nên kể công.

Cũng nên thêm rằng ngay khi ông Diệm còn là Thủ Tướng, ngày 17-5-1956 (mồng 8 tháng 4 Âm Lịch) đại lễ Phật Đản đã được tổ chức long trọng

trước đó chưa hề có. Theo ông Đoàn Thêm, một Phật tử, đã có tới vài chục ngàn người rước ngọc Xá Lợi qua các đường phố Sài Gòn. Và một năm sau, ngày 12-8-1957 tại Chùa Ấn Quang đã có hơn 100 vị sư học xong khóa huấn luyện 3 tháng và được phái đi các tỉnh giảng dạy Phật Pháp.

¹² Về chuyện này, khá dài dòng. Chúng tôi đã ghi lại trong phần phụ lục 3 cuốn *Ngó Đỉnh Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, lần xuất bản thứ 3, trang 350-352. Trong 2 lần in trước không có phụ lục 3 này.

¹³ Đồng lý văn phòng: ông Quách Tòng Đức; Phó đồng lý văn phòng: ông Đoàn Thêm; Chánh Văn Phòng: ông Võ Văn Hải; Chánh võ phòng: trung tá Cao Văn Viên (tham mưu biệt bộ, sau này là tư lệnh Nhảy Dù, và là tổng tham mưu trưởng thời Đệ Nhị Cộng Hòa); Tổng thư ký: ông Nguyễn Thành Cung; bí thư: ông Trần Sửu. Nghĩa là toàn bộ bộ tham mưu của Tổng Thống Diệm đều là Phật tử. Có thể kể thêm vài ví dụ nữa: Phó tổng thống: ông Nguyễn Ngọc Thơ, tổng tham mưu trưởng: Đại tướng Lê Văn Ty, tổng trấn Sài Gòn Gia Định: Thiếu tướng Tôn Thất Đính; Bộ trưởng Phủ Tổng Thống, kiêm bộ trưởng phụ tá Quốc Phòng (mà chính Tổng Thống là bộ trưởng): ông Nguyễn Đình Thuần; bộ trưởng Ngoại Giao: luật sư thạc sĩ Vũ Văn Mẫu. Bên lập pháp: 75 trong số 123 dân biểu Quốc Hội là Phật tử. Về Công Giáo, trong 19 tướng lãnh quyền hành nhất, thì chỉ có 3 là Công Giáo, v.v...

¹⁴ Đó là công điện số 9159, ngày 6-5-1963 của văn phòng phủ Tổng Thống chuyển chỉ thị của Tổng Thống về việc treo quốc kỳ và cờ của tất cả các tôn giáo. Đáng lẽ đã phải được gửi đi từ hai tháng trước, nhưng lại để gần đến ngày Phật Đản mới gửi đi. Sự chậm trễ này là do một giới chức trong phủ Tổng Thống thi hành lệnh Tổng Thống chậm trễ, và vì thế đã gây hiểu lầm là Tổng Thống chỉ cấm treo cờ Phật Giáo trong dịp Lễ Phật Đản.

Sở dĩ chỉ vì một lỗi lầm nhỏ về hành chính liên quan đến vấn đề treo cờ các tôn giáo mà có thể bùng nổ một cuộc khủng hoảng chính trị trầm trọng đưa đến sự sụp đổ một chế độ, và một vị tổng thống bị thảm sát, là vì đã có sẵn một âm mưu chính trị do một nhà sư đầy mưu trí và tham vọng chính trị.

Cho đến khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản, thì nhiều người đã nhìn rõ điều đó. Một nhân vật người Anh, trong phái đoàn của Sir Robert Thompson là Dennis J. Duncanson đã viết trong cuốn *Government and*

revolution in Vietnam (Oxford University Press, 1968) về thượng tọa Thích Trí Quang và cảm nghĩ của ông Ngô Đình Nhu về vị sư này như sau:

“Ông Ngô Đình Nhu đã từng cho rằng thượng tọa Thích Trí Quang có tình dàn dựng nên cuộc khủng hoảng Phật Giáo để giúp Việt cộng. Lúc ấy các nhà quan sát Tây Phương nói chung, thích nhìn thấy trong các hành động của nhà sư này chỉ có một sự sùng đạo mà thôi. Nhưng vì

thế nổi bật của nhà sư trong những vụ xáo trộn còn nghiêm trọng hơn vào năm 1964, khi các yêu sách của Phật tử về các vấn đề tôn giáo đã được thỏa mãn, đã khiến nhiều người ngoại quốc cuối cùng quay lại đồng ý với ông Nhu...”

Gần 20 năm sau, Tổng Thống Mỹ Richard M Nixon đã thấy rõ hơn và khẳng định trong tác phẩm nổi tiếng của ông *No More Vietnams* (ấn bản 1985 trang 10 và trang 65):

“Vấn đề đàn áp tôn giáo là hoàn toàn bịa đặt... Trong đầu của những kẻ đứng đằng sau cuộc khủng hoảng là chính trị chứ không phải tôn giáo.”

Cựu hoàng Bảo Đại cũng viết trong hồi ký chính trị *Le Dragon d'Annam* (Con Rồng Việt Nam, bản Việt ngữ, Nguyễn Phước Tộc, Cali, 1990, trang 543 và 545):

“Tất cả đang tiến tới thì chính phủ (Ngô Đình Diệm) gặp phải sự chống đối của các nhà sư. Ông Diệm và Nhu là người Công Giáo. Các nhà sư được CS giật giây và mật vụ Mỹ tiếp tay, liền bắt đầu hành động. Chính quyền phải đối phó lại. Vô hình chung như mang mặc cảm kỳ thị tôn giáo... Ai đã xúc giục họ gây loạn, ai? Họ ở đâu tới? Làm sao biết được họ từ Hà Nội vào, hay từ Bắc Kinh tới?...”

Những ý kiến trên của các ông Ngô Đình Nhu, Duncanson, Nixon, Bảo Đại được làm sáng tỏ và xác nhận một cách không còn thể nghi ngờ, bởi những hàng sau đây của ông Nguyễn Cao Kỳ, một Phật tử gốc, một trong những tướng lãnh làm đảo chính lật Tổng Thống Diệm:

“Thích Trí Quang tưởng Cabot Lodge còn giữ cảm tình với mình như cuối năm 1963 nên có lần ông ta đến ngỏ ý với ông đại sứ Mỹ muốn lật tôi, thì bị Cabot Lodge hỏi: “Nhưng giả thử như thượng tọa lật được tướng Kỳ rồi thượng tọa sẽ đặt ai làm thủ tướng thay ông ta? Trí Quang ngồi im một lúc, suy nghĩ lung lăm. Rồi đưa ra một lời nhận xét khiến ông Lodge

bàng hoàng: “Chúng tôi sẽ sẵn sàng đặt ông ta ngồi lại ghế thủ tướng.” (Xin xem Nguyễn Cao Kỳ, *Twenty Years Twenty Days*, Stein and Day, NY, 1976, trang 87)

Đã rõ tham vọng và mục tiêu đấu tranh của nhà sư là làm quốc trưởng, có toàn quyền bổ nhiệm thủ tướng, chứ không phải bảo vệ đạo Phật.

Những cuộc tự thiêu có dàn dựng xếp đặt trước và được thông báo cho báo chí ngoại quốc trước để chụp hình quay phim làm chứng liệu đã kích chính quyền, và bao nhiêu mưu chước tinh vi khác, càng chứng tỏ không phải phát xuất từ lòng mộ đạo từ bi và hiếu sinh của Đức Phật.

Sau khi CS chiếm toàn miền Nam, và đàn áp Phật Giáo, bắt giam những nhà lãnh đạo Phật Giáo, nhà sư muốn làm quốc trưởng ấy không hề lên tiếng hay có hành động gì phản đối nhà cầm quyền.

Những sinh viên, Phật tử và một số nhà trí thức từng đi theo thượng tọa Thích Trí Quang nghĩ gì trước thái độ đó của ông ta? Thiết nghĩ, nên lấy công tâm và đạo đức của Đức Phật để nói lên sự thực hầu giải tỏa nỗi oan của ông Ngô Đình Diệm trước quần chúng Phật tử. Làm được điều đó sẽ giúp tạo sự đoàn kết rộng rãi trong nhân dân hầu chiến thắng Cộng Sản.

¹⁵ Việc những cuộc tiếp xúc công khai cũng như bí mật của ông Ngô Đình Nhu với phía bên kia xin xem phần II soạn phẩm này.

¹⁶ Nhà báo **Neil Sheehan**, tác giả cuốn sách nổi tiếng *A Bright Shining Lie*, (về nhà báo này và tác phẩm nổi tiếng nói trên, xin xem *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê*, chương 20) sau một chuyến viếng thăm Việt Nam vào năm 1989, đã viết cuốn *After The War Was Over*, dày 130 trang, nói tốt đủ điều cho chế độ Hà Nội. Nơi trang 77 ông đã thuật lại lời nguyên tổng bí thư **Nguyễn Văn Linh** thú nhận là thời đệ nhất Cộng Hòa số cán binh CS để lại ở miền Nam là 10,000 người thì đã bị mất đi 75%. Nguyễn Văn Linh đã giấu bớt một phần sự thật với nhà báo Mỹ. Vì theo đại tướng VC **Văn Tiến Dũng**, trong cuốn *Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*, (phần cước chú, trang 16) thì sự thiệt hại không phải chỉ có 7,500 người (75%) mà chỉ trong vòng 3 năm 1955-1958, nó đã lên đến trên 90%. Ông tướng này còn ghi rõ con số là từ 60,000 chỉ còn lại 5000. Xem vậy đủ biết chính sách chiêu hồi và các chiến dịch tố cộng phi vũ trang đã thành công hơn bom đạn của Mỹ và đệ nhị Cộng Hòa, những năm sau khi Tổng Thống Ngô Đình Diệm đã bị lật đổ. Những con số 75% và trên 90% này không

phải do chúng tôi bịa ra, hay lấy từ những nguồn tin bạn, hay từ văn khố đệ nhất Cộng Hòa, mà là những con số cụ thể từ chính những nhà lãnh đạo CS. Nhất là từ cuốn sách của Văn Tiến Dũng đã xuất bản.

17 Ít nhất có một số sử gia và ký giả Mỹ nói đến việc Tổng Thống Diệm không muốn đánh mạnh, vì gây thương vong. Trong số đó phải kể đến Stanley Karnow, (Xin xem *Vietnam, a history*, trang 276), Neil Sheehan, Trung tá John Paul Vann, và sử gia John M. Newman (Xem *JFK and Vietnam* của Newman, trang 289 và 299): Nơi trang 299 này có câu, nguyên văn: “Vann discovered Diem had issued a secret verbal order to his commanders not to conduct offensive operations that resulted in serious casualties.” (Trung tá Vann khám phá ra rằng ông Diệm đã ban khẩu lệnh mật bảo các tư lệnh không được mở những cuộc hành quân tấn công gây thương vong nặng.)

18 Trong một bài báo giáo sư Trần Bích Lan, tức nhà thơ Nguyên Sa có thuật lại rằng ông, giáo sư Nguyễn Văn Phú và giáo sư Nguyễn Xuân Nghiên đã hỏi Tổng Thống Diệm câu này và được trả lời là, nếu đánh lớn, chiến tranh sẽ lan rộng và các cường quốc sẽ nhảy vào, đất nước sẽ tang hoang... Giáo sư Lan về sau đã nhận rằng câu nói của ông Diệm là đúng. Trong thâm tâm Tổng Thống Diệm chỉ muốn đánh CS bằng phương tiện hiện hữu, nhất là bằng các chiến lược, sách lược đấu tranh chính trị, chiêu hồi, thuyết phục, tuyên truyền v.v... không muốn để Mỹ đem quân vào. Thực tế lịch sử những năm sau đã chứng minh ông có viễn kiến chính trị sâu sắc.

19 Gần đây (trong năm 2006), luật sư Lâm Lễ Trinh đã cho đăng tải nội dung cuộc mạn đàm của ông với ông Quách Tông Đức, nguyên đồng lý văn phòng của Tổng Thống Ngô Đình Diệm, trong đó ông Đức đã xác nhận chuyện cảnh đạo có dính danh thiếp của ông Hồ Chí Minh chúc Tết (Quý Mão) Tổng Thống Diệm là có thực. Ông Lê Châu Lộc, lúc ấy là tùy viên của Tổng Thống, sau là nghị sĩ thời Đệ Nhị Cộng Hòa cũng xác nhận với người viết là chính ông đã đi nhận cảnh đạo đó ở trụ sở Ủy Hội Quốc Tế Kiểm Soát Đình Chiến.

20 Đáng kể nhất là hai ông Averell Harriman, thứ trưởng ngoại giao, và Rogers Hilsman, phụ tá ngoại trưởng, được sự tiếp tay của ông Forrestall, cố vấn an ninh.

21 Lúc ấy Trung tá Nguyễn Ngọc Khôi, tư lệnh lữ đoàn đã bị các tướng đảo chính giữ tại bộ tổng tham mưu. Nên thiếu tá Nguyễn Hữu Duệ (sau này là đại tá, tỉnh trưởng Thừa Thiên, thời đệ nhị CH), nắm quyền tư lệnh đã xin Tổng Thống đưa xe tăng, thiết giáp lên đánh úp bộ chỉ huy đảo chính đóng tại bộ tổng tham mưu. Nhưng, theo đại tá Duệ, Tổng Thống không chấp thuận..

22 Chỉ xin kể những lần đảo chính, chỉnh lý và thay đổi chính phủ mà tôi còn nhớ:

– Đảo chính Dương Văn Minh 1-11-1963. – Chính lý Nguyễn Khánh 30-1-1964.

– Sau đó là những xáo trộn, xuống đường biểu tình do cái gọi là Hiến Chương Vũng Tàu, những cuộc đánh phá nhau giữa một số Phật tử và dân Công Giáo di cư.

– Cuộc đảo chính của các tướng Dương Văn Đức và Lâm Văn Phát.

– Cuộc nổi dậy của lực lượng đặc biệt người Thượng. – Chính phủ dân sự ra đời với sự lãnh đạo của các ông Phan Khắc Sửu, Trần Văn Hương.

– Cuộc vùng dậy của các tướng trẻ đòi giải tán hội đồng Quốc Gia, chống lại chính phủ Trần Văn Hương. – Chính Phủ Trần Văn Hương, dưới áp lực của các tướng trẻ phải cải tổ, thêm vào 4 tướng lãnh, để rồi ngày 16-2-1965 bị thay thế bởi chính phủ Phan Huy Quát. – Chỉ sau đó 3 ngày đại tá Phạm Ngọc Thảo đem quân chiếm Sài Gòn, toan làm đảo chính nhưng bất thành. Và một ngày sau, 20-2-65 tướng Khánh bị loại khỏi chức vụ tổng tư lệnh Quân Đội.

– Những cuộc biểu tình của sinh viên Phật tử chống Mỹ liên tục xảy ra...

Và sau hết là biến cố ngày 8-3-65 hai tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến Mỹ đổ bộ vào Đà Nẵng, nhằm mục đích ổn định miền Nam, chống Cộng Quân. Nhưng đồng thời cũng mở rộng chiến tranh thành một cuộc chiến ác liệt, mà riêng số bom đạn sử dụng không thua kém thế chiến II. Kết quả là miền Nam bị rơi vào tay CS, vì siêu cường Mỹ đã không thắng được CS, bằng võ lực, cho nên không bảo vệ được miền Nam, mà chính Mỹ cũng bị mang tiếng “hội chúng Việt Nam” tận cho đến ngày nay. Không chỉ có kẻ thù mà bạn bè, và chính các nhà lãnh đạo Mỹ cũng như các sử gia Mỹ đều phải công nhận đó là một thất bại. Chỉ có một số ít người không hiểu chiến

tranh ý thức hệ là gì, và không theo dõi thật sát các sự kiện lịch sử mới dựa vào thông cáo chung Trung-Mỹ tại Thượng Hải và mấy lời đối đáp giữa Chu Ân Lai và Kissinger để quả quyết rằng Mỹ không thua. Và Mỹ chỉ bỏ rơi Việt Nam Cộng Hòa khi đã nắm được Trung Cộng rồi (!).

Do đó mà có sử gia Mỹ như nữ giáo sư Marilyn B. Young (trong cuốn *Vietnam War*) đã lấy làm tiếc là tại sao chính phủ Mỹ không chấp nhận kế hoạch của ông Ngô Đình Nhu là ít nhất rút một số cố vấn về, hay nhiều nhất là rút toàn bộ cố vấn Mỹ về để đệ nhất Cộng Hòa giải quyết cuộc tranh chấp với Hà Nội? Tuy nhiên với sự hiện diện của quân Mỹ, kèm theo sự trở lại chính quyền của nhóm tướng lãnh, sự ra đời của Ủy Ban Lãnh Đạo Quốc Gia đứng đầu là Trung Tướng Nguyễn Văn Thiệu và ủy ban hành pháp trung ương, đứng đầu là chủ tịch Nguyễn Cao Kỳ, một thủ thủ tướng quân nhân, tình hình đã tạm ổn định sau khi ông Kỳ thẳng tay dẹp xong nhóm tranh đấu miền Trung, đứng đầu là sư ông Thích Trí Quang. Nhưng cũng phải đến khi có một hiến pháp mới và sự ra đời của Đệ Nhị Cộng Hòa, thì nội bộ miền Nam mới tạm ổn. Nhưng chiến cuộc với CS thì không vì những sự kiện trên mà giảm, trái lại càng ngày càng khốc liệt.

23 Như đã nói ở phần trên, Tổng Thống Ngô Đình Diệm không muốn có sự hiện diện quân tác chiến Mỹ tại Việt Nam. Ngay số cố vấn lúc ấy đã từ vài trăm người lên đến 16,000 vào năm 1963 đối với ông là đã quá nhiều. Cho nên đã nhiều lần ông và cố vấn Ngô Đình Nhu đã có kế hoạch rút số cố vấn dần dần, và việc này chính Tổng Thống Kennedy cũng tán thành, và cũng chủ trương sẽ rút số cố vấn về, sau khi đặc cử nhiệm kỳ 2. Nhưng lúc ấy những thế lực siêu chính phủ trong chính giới Mỹ chỉ muốn đổ thêm quân vào để, hoặc là tốc chiến tốc thắng, như họ nói, hoặc để tiêu thụ một số lớn vũ khí cũ từ thời thế chiến II, hoặc thí nghiệm một số vũ khí mới, như bom CBU... hoặc theo một chiến lược bí mật chống Trung Cộng nào đó. Vì vậy có giả thuyết cho rằng Tổng Thống Ngô Đình Diệm và Tổng Thống Mỹ Kennedy đều là nạn nhân của những kẻ chủ trương đem quân tác chiến Mỹ ồ ạt vào Việt Nam. Cho nên, vẫn theo giả thuyết đó, sau khi hai vị tổng thống đã bị giết, và sau khi những người Việt Nam sẵn sàng làm theo ý của Mỹ đã ngổ vào địa vị lãnh đạo tại Việt Nam, Mỹ liền đổ quân tác chiến vào Việt Nam, bắt đầu bằng 2 tiểu đoàn

Thủy Quân Lục Chiến đổ bộ lên Đà Nẵng ngày 8-3-65. Đúng về mặt

chiến tranh ý thức hệ, đó là một thảm họa. Vì đối phương sẽ có cớ để kết tội miền Nam làm tay sai hay bù nhìn cho Mỹ. Cuộc chiến mất chính nghĩa! Ít nhất là về phương diện tuyên truyền.

Khi còn Tổng Thống Diệm, đã nhiều lần người Mỹ muốn thương lượng với ông về việc đưa quân tác chiến Mỹ vào. Ông chỉ trả lời là tình hình chưa cần. Và nếu có lúc cần tới thì sẽ có một hiệp ước song phương quy định các thể thức và địa điểm đóng quân, mà theo ông chỉ có thể đóng sát biên giới sông Bến Hải. Cựu đại sứ Frederick Nolting đã ghi trong hồi ký của ông *From Trust To Tragedy* rằng thương thuyết với ông Diệm về vấn đề này thực là khó khăn. Nhưng ông ghi nhận quan điểm của ông Diệm là chính đáng. (Xin xem *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê*, chương 18.)

²⁴ Chỉ xin kể 3 người quan trọng nhất được CS cho nắm chức vụ trong cái gọi là chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam: Trương Như Tảng – bộ trưởng Tư Pháp, (nữ bác sĩ) Dương Quỳnh Hoa – bộ trưởng Y Tế, và Lữ Phương – thứ trưởng Văn Hóa...

Chương 6

Cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm và vấn đề chính nghĩa dân tộc

/

t ai để ý rằng có hai sự việc quan trọng chứng tỏ Tổng Thống Diệm coi **chính nghĩa quốc gia, chính nghĩa dân tộc là điều kiện tiên quyết để chiến thắng**.

Thứ nhất, ông đã nhiều lần liên tiếp từ khước lời mời ra chấp chánh của cựu hoàng Bảo Đại vì thấy thực dân Pháp chưa thực tâm trao trả hoàn toàn độc lập cho VN. Và ông đã nhận ra chấp chánh khi người Pháp đã trao trả độc lập hoàn toàn cho Việt Nam bằng hiệp ước ký kết với thủ tướng Bửu Lộc ngày 4-6-1954. Rồi từ khi chấp chánh (song thất 7-7-54) cho đến khi được bầu làm tổng thống đầu tiên của Việt Nam, ông đã kiên trì tranh đấu qua bao nhiêu gian khổ trước âm mưu đen tối của thực dân muốn duy trì một chế độ thối nát ở miền Nam hòng tiếp tục ở lại phần đất béo bở này, bất chấp hiệp ước 4-6, cũng như hiệp định Genève 20-7-54. Và kết quả cụ thể là lá cờ Pháp gần một thế kỷ tung bay trước dinh Norodom được hạ xuống

để lá quốc kỳ Việt Nam (cờ vàng ba sọc đỏ) được long trọng kéo lên trước sự hiện diện của Tổng Thống Diệm chứng kiến sự thành công, và trước mặt tướng Paul Ely đại diện Pháp quốc chứng kiến sự thất bại. Và cũng từ đó dinh Norodom ấy đã được mệnh danh là dinh Độc Lập để đánh dấu ngày mà nhân dân VN dưới quyền lãnh đạo của tổng thống Ngô Đình Diệm đã dành được Độc Lập hoàn toàn trên thực tế, chứ không phải chỉ trên giấy tờ theo như những hiệp ước trước. Sau đó là cuộc rút toàn bộ quân Pháp hãy còn lưu lại Việt Nam sau hiệp định Genève.

Mưu toan của người Pháp dùng các tướng Nguyễn Văn Hinh, Nguyễn Văn Vỹ để duy trì sự cai trị của quốc trưởng Bảo Đại như một bù nhìn của Pháp, hòng đưa đến sự trở lại khó tránh của chính quyền thực dân đã bị Tổng Thống Diệm đập tan nhờ sự cương quyết dũng cảm của ông và nhờ sự nhận thức khôn ngoan của các đoàn thể tổ chức, đảng phái lúc ấy tự động đứng đằng sau ông. Tranh đấu thực sự để dành độc lập, ngăn chặn âm mưu trở lại của thực dân lúc ấy là chính nghĩa sáng ngời. Nên ông đã thành công. Thực dân Pháp lúc ấy vô cùng căm ghét ông, nhưng không làm sao triệt hạ được ông, vì ông được nhân dân ủng hộ. Sau sự thành công đó ông đã được toàn dân bầu lên làm tổng thống đầu tiên của một nước Việt Nam mới với quốc hiệu Cộng Hòa Việt Nam được trên 80 quốc gia công nhận.

Thứ hai, sự thành công của ông cũng làm cho một số người Việt Nam nhỏ nhen đố kỵ ghen ghét và chính quyền Mỹ thấy ông trở thành nguy hiểm đối với đường lối chính sách đương thời. Đặc biệt là đối với một vài nhân vật trong

bộ ngoại giao Mỹ. Vì vậy, vào những năm cuối cùng của đệ nhất cộng hòa, ông đã gặp nhiều khó khăn rắc rối với ngay chính quyền Mỹ.

Vào thời chính quyền Kennedy một số người Mỹ đã muốn tốc chiến tốc thắng Việt Cộng. Họ muốn đưa quân tác chiến vào Việt Nam và bị Tổng Thống Diệm cương quyết bác bỏ. Không phải ông không biết nước nhà còn yếu cần sự viện trợ dồi dào của Hoa Kỳ cả về mặt quân sự. Nhưng ông thấy lúc ấy miền Nam VN chưa cần tới quân viện ồ ạt của Hoa Kỳ, mà chỉ cần một số cố vấn và huấn luyện viên, và vào hai năm cuối, cần sự yểm trợ của một số trực thăng. Còn việc chấp nhận cho quân tác chiến của Mỹ tham gia các trận đánh, thì ông đã nói với những đại diện của Hoa Kỳ như đại sứ Nolting và tướng Taylor, nếu đến một lúc nào đó, chiến trận gay go, cần tới quân tác chiến của Hoa Kỳ, thì ông sẽ sẵn sàng ký một hiệp ước song phương, cho cuộc viện trợ này có danh chính ngôn thuận để ông có thể trả lời với quốc dân VN. Và hiệp ước đó cũng sẽ chỉ cho quân Mỹ đóng ở dọc biên giới (vĩ tuyến 17) mà thôi. Đại sứ Frederick Nolting, người đã thương lượng với Tổng thống về việc đem quân tác chiến vào để đẩy mạnh cuộc chiến sớm thành công đã phải công nhận lập trường của Tổng Thống Diệm là hữu lý, mặc dù ông cũng than phiền là ông Diệm là người rất khó thương thuyết (về vấn đề này).

Sở dĩ Tổng Thống Diệm quyết liệt như thế vì **chủ quyền quốc gia là một vấn đề nguyên tắc bất di bất dịch**. Ngoài ra còn về mặt chiến lược nữa. Ông biết rõ lúc ấy Hồ Chí Minh là người vô cùng xảo quyệt đang được dư

luận thế giới và số đông trí thức trong nước cũng như nhân dân ủng hộ. Vì họ được CS thế giới tuyên truyền rằng ông Hồ mới thực sự là người yêu nước, còn ông Diệm chỉ là tay sai hay bù nhìn của Mỹ. Nếu để cho dân chúng và thế giới thấy quân đội Hoa Kỳ chủ động trong cuộc chiến, thì quân đội VN CH dưới quyền lãnh đạo của tổng thống là tổng tư lệnh theo hiến Pháp sẽ trở thành lính đánh thuê. Nghĩa là mất hẳn chính nghĩa dân tộc.

Chính sự quyết tâm không nhượng bộ trong những vấn đề nguyên tắc và chiến lược đó, đã làm phật ý một số nhà lãnh đạo Mỹ, khiến họ tìm mọi cách, dàn dựng nên hay phóng đại những lỗi lầm của ông hầu lấy cớ triệt hạ ông. Trước hết, như chính Roger Hilsman, phụ tá ngoại trưởng Mỹ lúc ấy đã viết, và sau này nhiều sử gia Mỹ, trong số đó có hai nữ sử gia là Marilyn B. Young và Ellen Hammer đã nhắc lại để dẫn chứng, ông Ngô Đình Nhu lúc ấy là cố vấn chính trị phủ Tổng thống chủ trương *“nếu ít thì cũng phải rút một số cố vấn Mỹ về nước, còn nếu nhiều thì yêu cầu Mỹ rút hết cố vấn”*. Nói chi đến việc đem thêm quân Mỹ vào VN? Vì thế những nhà ngoại giao Mỹ lúc ấy như thứ trưởng ngoại giao Averel Harriman, phụ tá ngoại trưởng Roger Hilsman... đề nghị với cấp trên đòi Tổng Thống Diệm phải đưa ông Ngô Đình Nhu ra ngoại quốc. Sự việc vừa nêu cho thấy họ sợ rằng với ông Nhu bên cạnh, tổng thống sẽ không bao giờ cho Mỹ đổ quân tác chiến vào. Họ không biết rằng đối với một nhà lãnh đạo có bản lãnh và lập trường kiên định như Tổng Thống Diệm, ông Nhu hay ai khác ở bên cạnh cũng chỉ là để thực hiện những sáng kiến chiến lược của ông mà thôi. Và đòi nào ông chịu áp

lực của ngoại bang mà loại bỏ người em trung thành và hiểu rõ đường lối chính sách của ông hơn ai hết.

Khi mà trong chiến lược toàn cầu, Mỹ thấy cần đem quân tác chiến vào, mà bị một nước nhỏ bé đang cần viện trợ của Mỹ lại dám bác bỏ và chống đối, thì chuyện gì sẽ xảy ra? Người ta dễ tiên liệu được. Vì vậy mà cho đến nay, một số người vốn ca tụng Tổng Thống Diệm, và nghĩ ông thực sự là nhà ai quốc cũng phê bình ông thiếu khôn ngoan, khi không đồng ý để Mỹ đem quân vào “giúp”.

Nhưng đối với Tổng Thống Diệm hai vấn đề nguyên tắc và chiến lược tối cao là quan trọng hơn cả. Thà phải hy sinh tính mệnh, chứ không thể vì sự sống của mình mà hy sinh chủ quyền quốc gia. Còn chết là chuyện ai cũng phải có lúc chết. Anh hùng có ai sợ chết?

Thực tế lịch sử những năm sau đó đã chứng minh, dù Mỹ đem đại quân vào, và dùng đủ mọi thứ vũ khí tối tân vẫn không thắng được VC. Nguyên nhân chính mà ngày nay ai hiểu về chính trị và nhất là về hình thức chiến tranh ý thức hệ của CS đều phải công nhận. Đó là, sở dĩ Mỹ thua và phải rút quân, để cho miền Nam rơi vào tay CS, để rồi bị nhiều người dân miền Nam oán trách cho đến bây giờ, chính vì họ đã tự ý đem quân tác chiến vào, Mỹ hóa cuộc chiến, khiến cuộc chiến chống cộng (có chính nghĩa) trở thành cuộc chiến chống Việt Nam (phi nghĩa), chẳng khác gì chiến tranh xâm lược như VC thường rêu rao.

Thật đáng tiếc và hết sức buồn, phải nhắc lại rằng, ngoài những kẻ chủ mưu và tham gia đảo chính, những người có trách nhiệm trực tiếp trong việc để Mỹ tự do đem quân vào mà không có một hiệp ước song phương quy

định những chi tiết thực hiện lúc ấy chính là thủ tướng bác sĩ Phan Huy Quát và bộ tham mưu của ông. Trong cuốn hồi ký *In The Jaws of history*¹ cựu đại sứ Bùi Diễm đã xác nhận sự kiện trên. Nhưng ông tự biện minh là “người Mỹ đã không hỏi ý” các ông trước.²

Tất cả những gì xảy ra sau khi tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ rồi bị giết một cách man dại, hèn nhát đã cho thấy những người chống đối ông, đòi ông chia xẻ quyền hành một cách quá đáng đều đã có cơ hội thử thời vận, nhưng tất cả đều thất bại. Ngay chính phủ họ Phan cũng chỉ tồn tại được hơn ba tháng. Điều này đã làm cơ cho người ta suy luận rằng, người Mỹ chỉ cố đem được con bài của mình lên để thực hiện ý định đổ quân tác chiến ồ ạt vào VN. Sau khi đã làm xong bốn phận của mình, chính phủ đó liền bị thay thế.

Chính quyền Nguyễn Văn Thiệu sau này, được sự tham gia của nhiều trí thức thuộc các đảng từng chống Tổng Thống Diệm đã mặc nhiên trở thành một thú tay sai của Mỹ. Chính vì có sự hiện diện của nửa triệu quân Mỹ nắm trọn quyền điều khiển chiến tranh. Trong tình trạng ấy, người dân khó có thể không nghĩ mọi việc tổng thống làm đều do Mỹ bảo phải làm. Kể cả việc triệt thoái quân khỏi vùng II chiến thuật vào những tháng cuối, và việc trao quyền lại cho một thầy giáo cô đơn về chính trị, cô đơn đến nỗi một mình “xách giỏ đi chợ chiều, tôm cá tươi đã hết đành phải hót mấy con cá uơn về làm cỗ”, để rồi “thầy giáo cô đơn” phải trao quyền lại cho ông hàng tướng có em VC gộc, để rồi tướng này trao trọn miền Nam cho VC.

Với hàng chục vạn quân Mỹ tự tung tự tác, chủ động mọi kế hoạch tác chiến trên tổ quốc VN lúc ấy, trước mắt các quan sát viên quốc tế, tổng thống, phó tổng thống, thủ tướng chẳng qua cũng chỉ là tay sai đắc lực hay bất đắc dĩ của ngoại bang. Và trong chính thể đó, những vị trí thức, những nghị sĩ tên tuổi, những vị tổng bộ trưởng, đại sứ, tướng lãnh VN không hề biết rằng mình đã trở thành một thứ lính đánh thuê cho một ngoại bang, nếu họ không chứng minh được với thế giới và dư luận trong nước (bên kia bờ bến hải) rằng họ đang cùng Hoa Kỳ chống Hồ Chí Minh và đồng bọn tay sai của Quốc Tế III, tức Quốc Tế Cộng Sản. Tiếc rằng từ khi ông Diệm bị giết, những nỗ lực về mặt này chẳng còn có gì đáng kể. Vì thế mà với trên nửa triệu lính Mỹ thường trực tại VN với vũ khí tối tân đủ loại, miền Nam đã mất vào tay CS! Dù chính quyền Ngô Đình Diệm có lỗi lắm gì đi chăng nữa (mà chính quyền nào lại không có lỗi lắm? Hãy nghe hai phe đối đầu trong các cuộc tranh cử tại Mỹ là một nước dân chủ hàng đầu trên thế giới chỉ trích lẫn nhau thì thấy rõ điều đó), thì chúng ta cũng phải công nhận rằng chính quyền đó đã tìm mọi cách để nêu cao **chính nghĩa dân tộc** chống cộng sản. Hầu hết thấy các chuyên viên chống cộng trên thế giới đều được Đề Nhất Cộng Hòa tiếp xúc và/hoặc mời tới Sài Gòn để tham khảo, thuyết trình, giới thiệu các phương cách chống cộng hữu hiệu nhất của họ. Nào phái đoàn NTS của tổ chức chống cộng Nga, phái đoàn Vương Thăng của Trung Hoa Quốc Dân Đảng, phái đoàn Sir Thompson của Anh, phái đoàn của nữ sĩ Suzane Labin, tướng Vanuxem... của Pháp và hàng tá chuyên viên chống cộng sản Huc của

Phi. Lúc ấy những lãnh tụ chống cộng hàng đầu trên thế giới như Raymon Magsaysay của Phi, Lý Thừa Vãn của Đại Hàn, Tưởng Giới Thạch của Trung Hoa Dân Quốc đều trở thành bạn thân và chí hữu của Tổng Thống Diệm...



Hình 11: Công chức miền Nam nghe thuyết trình về cộng sản quốc tế.

Xin đừng bảo sau này anh em ông Diệm đã bắt tay với VC, nên đã bị trừng trị vì tội phản bội. Bởi vì bàn chuyện hiệp thương, tạm ngưng xung đột trong một cuộc chiến lâu dài là một kế sách mà các chiến tướng từ cổ chí kim đã từng làm. Việc đó không tất nhiên là chuyện phản bội. Nếu bảo thương lượng với người cùng một tổ quốc, dù có là kẻ thù, để làm giảm áp lực của ngoại bang muốn xâm phạm chủ quyền tối thượng của quốc gia là trọng tội, thì sau này chính quyền Nguyễn Văn Thiệu muốn ngồi ngang hàng với Hà Nội để bàn chuyện ngưng chiến mà không được thì sao? Khi tính chuyện hiệp thương ông Diệm đã phân biệt con người Việt Nam trong đám lãnh đạo miền Bắc với con người CS, và tạm thời đặt những tranh chấp về

ý thức hệ vào một tương lai. Chứ ai cũng biết bản chất của ông không phải là người chấp nhận chủ nghĩa cộng sản vô thần. Hơn nữa lúc ấy nếu ông có nói chuyện với Hồ Chí Minh là nói trong một tư thế vượt trội không như chính quyền Nguyễn Văn Thiệu sau này, và thậm chí ngay cả Mỹ. Vì lúc ấy Mỹ đã bị dư luận toàn quốc và thế giới, kể cả Vatican làm áp lực không thương thuyết không được.

Những nhà chính trị có liêm sỉ không thể không sám hối về những sai lầm nghiêm trọng của mình, nếu còn muốn chuồng mặt ra với công luận. Đáng buồn là những cuốn sách viết bằng ngoại ngữ của những người có trách nhiệm trong việc làm mất chính nghĩa đấu tranh chống cộng lại chỉ nhắm mục đích tự biện minh cho việc làm sai trái của mình.

Đến nay lịch sử đã cho thấy rõ những người cầm đầu và tham gia hai cuộc đảo chính 1960 và 1963 đều làm theo lệnh ngoại bang. Họ đại dốt không biết rằng lật một chính quyền đã được toàn dân bầu lên, theo và với hiến pháp được toàn dân bỏ phiếu tán thành, được trên 80 nước trên thế giới công nhận, để gây ra một lỗ trống chính trị nghiêm trọng trong lúc cuộc chiến chống cộng đang tiếp diễn một cách gay go là vô cùng nguy hiểm cho đất nước. Đến khi sự việc xảy ra họ vẫn không nhìn thẳng vào thực tế lịch sử để rút kinh nghiệm và sám hối.

Đáng lý ra thay vì ngoan cố chỉ trích lên án nhà ái quốc Ngô Đình Diệm, họ biết hối lỗi bằng cách tố cáo Hồ Chí Minh, vạch cho dư luận ngoại quốc biết rõ huyền thoại về “người yêu nước Hồ Chí Minh”, về “cha già dân tộc Hồ Chí Minh”, để biến cái gọi là chính nghĩa của CS trở thành

phi nghĩa, thì họ đã đái tội lập công. Nhưng họ lại chỉ biết vạch lá tìm sâu, bới bèo ra bọ, không ngừng xuyên tạc, bịa đặt để xỉ vả nhà ái quốc đã thà chết để giữ chủ quyền quốc gia hơn là sống để phải khuất phục ngoại bang. Họ có biết chăng, làm như vậy chỉ khiến cho những kẻ chiến đấu vì ảo tưởng xã hội chủ nghĩa, vì quyền lợi của Quốc Tế CS, đứng đầu là Liên Xô và Trung Cộng trở nên những nhà ái quốc, vì dám chống lại siêu cường Mỹ xâm lăng. Họ biết rằng họ phải làm hết cách đổ lỗi, chạy tội, để nhân dân, lịch sử không lên án, oán ghét họ, vì đã gây nên tội ác tày trời, làm mất chính nghĩa của cuộc đấu tranh chống CS.

Để kết thúc, chúng tôi mong rằng, chẳng cứ những nhân vật vừa kể, mà tất cả chúng ta, những người còn muốn cho con cháu mình về sau không lên án cha anh chúng là tay sai của Mỹ, bán nước cầu vinh, hãy làm hết cách để nêu cao chính nghĩa của cuộc chiến tranh chống cộng. Và điều trước tiên là hãy tháo gỡ những huyền thoại bao quanh nhân vật Hồ Chí Minh để con cháu chúng ta thấy rõ chân tướng của ông ta và của cái đảng mà ông ta sáng lập theo chỉ thị của quốc tế CS. Đó là cái khó của chúng ta. Nhưng muốn cho cuộc đấu tranh của chúng ta có chính nghĩa dân tộc, thì phải làm bằng mọi cách. Và khi đã hạ được thần tượng HCM rồi thì mới mong các hình thức đấu tranh khác đạt được kết quả mong muốn.

Đó là vấn đề chính nghĩa cần lấy lại, vì khi vị tổng thống hợp hiến hợp pháp đầu tiên đã bị lật và bị giết để cho quân tác chiến Mỹ ồ ạt đổ vào, mà không do một lời yêu cầu chính thức hay một hiệp ước song phương, thì đảng CS Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh đã được nhân

dân trong nước và thế giới cho là có chính nghĩa dân tộc, khi họ hô hào nhân dân “chống Mỹ cứu nước”.

¹ Mà chúng tôi dịch là “Trong nanh vuốt lịch sử” và sau này tác giả dịch là “*Gọng Kim Lịch Sử*”.

² Sách đã dẫn trang 338.

Chương 7

Ba giờ nghe một nhân chứng

Một trong những chứng nhân lịch sử quan trọng thời Đệ Nhất Cộng Hòa còn sống hiện nay được cộng đồng người Việt hải ngoại biết nhiều là ông Cao Xuân Vỹ. Ông là người hàng năm vẫn tổ chức lễ giỗ Tổng Thống Ngô Đình Diệm, nhân danh chủ tịch Hội Ái Hữu Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại. Có thể nói ông là phụ tá thân cận nhất của ông Ngô Đình Nhu, bào đệ và cố vấn chính trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Với tư cách là phó thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa mà ông Ngô Đình Nhu là thủ lãnh, ông Cao Xuân Vỹ thường có dịp gần gũi ông Nhu hầu như người trong gia đình. Vì vậy ông cũng hay ra vào dinh Độc Lập và năng được gặp Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Ông còn được biết đến nhiều hơn nữa vì lịch sử ghi rằng ngày 1-11-1963 ông đã cung cấp một chiếc xe Citroen 2 ngựa và tài xế là một thiếu tá Quân Đội để đưa hai anh em ông Diệm từ dinh Gia Long đến Chợ Lớn tạm lánh tại nhà một

thương gia người Việt gốc Hoa tên là Mã Tuyên. Ông Mã Tuyên, tuy đã theo “Cụ Ngô” từ khi Cụ chưa xuất ngoại, nhưng lúc này đang là một đoàn trưởng Thanh Niên Cộng Hòa dưới tay ông Vỹ.

Trước ngày “Tứ Thất” (thứ 7 mùng 7 tháng 7 năm 2007) để nhớ lại ngày Song Thất (7-7-1954) là nguồn gốc của Đệ Nhất Cộng Hòa, ông tổ chức một buổi họp mặt thân hữu giữa mấy người từng có dịp tiếp xúc với ông và ông Nhu thời xưa nay còn sống. Trong dịp này ông đã có nhã ý điện thoại gọi tôi tới, chỉ vì ông đã đọc và “thích” cuốn sách và mấy bài báo tôi viết về cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm gần đây. Chứ thời đó chẳng bao giờ tôi được hân hạnh gặp ông, chứ đừng nói đến gặp tổng thống hay ông cố vấn.

Trong cuốn *Ngô Đình Diệm Lời Khen Tiếng Chê* tôi đã trích dẫn cả chục tác giả Việt, Mỹ chỉ trích Tổng Thống Diệm một cách thậm tệ. Mấy bạn đọc trách tôi sao đưa những tay Đỗ Mậu, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Cao Kỳ, Neil Sheehan vân vân... vào làm dơ cuốn sách đi. Một luật sư trẻ ở Seattle, WA, còn viết cả một bài báo đăng trên bán nguyệt san *Văn Nghệ Tiền Phong* của ký giả Hồ Anh là người vốn tôn sùng ông Diệm. Mục đích của tác giả bài báo không phải để chỉ trích tác giả cuốn sách, (vì ông bảo ông chưa đọc) mà là phê bình người giới thiệu cuốn sách bằng một bài báo dài đăng trên tờ Ngày Nay ở Houston là giáo sư cựu bộ trưởng Tôn Thất Thiện. Luật sư Trương Phú Thứ trách giáo sư Tôn Thất Thiện “đem vàng ròng (chỉ Tổng Thống Diệm) đặt bên bãi cứt trâu (ông Đỗ Mậu)”.

Khi có dịp gặp ông Võ ít lâu sau đó, tôi ước thử: “Tôi nêu lên những lời khen và cả tiếng chê cho khách quan và công bình”. Ông liền nói: “Tôi thích anh cứ đăng cho thật nhiều tiếng chê hơn nữa.” Ý ông muốn nói, chính những lời phê bình chỉ trích của những kẻ chủ mưu hay tham gia đảo chính lật Tổng Thống Diệm càng nâng cao giá trị của ông và càng hạ phẩm cách của họ.

Vì thế trong số mấy người đếm trên đầu ngón tay được mời tham dự bữa ăn trưa thân mật tại nhà ông Võ tôi là người duy nhất chưa bao giờ được hân hạnh gặp Tổng Thống Diệm hay ông Cố Vấn Nhu.

Trong lần tiếp xúc thân mật này, tôi mới hiểu rõ hơn nữa ý nghĩa của lời nói trên của ông Võ. Ông đã được chứng kiến những việc làm của vị tổng thống mà ông tôn thờ. Ông tin tuyệt đối vào nhân cách, tài ba và đạo đức của thần tượng của ông. Ông tin rằng những kẻ dám đá kích pho tượng kiên cố đó là họ tự đập đầu vào đá mà thôi.

Hôm nay ông bảo: Tôi lấy làm lạ là sao bên Công Giáo không đề nghị phong thánh cho “ông Cụ”. Rồi ông kể ra, nào bữa cơm thanh đạm hàng ngày, nào chiếc phản gỗ trải chiếu trong phòng ngủ, cũng là phòng làm việc, của Tổng Thống Diệm, nào Tổng Thống luôn luôn tự tay giặt quần áo lót, nào sự độ lượng khoan dung đối với tên tử tội mưu sát tổng thống tại hội chợ ở Ban Mê Thuột, nào việc cho trùng tu ngôi mộ ở miền Tây của thân phụ ông Hồ Chí Minh là Nguyễn Sinh Sắc. Ông Võ bảo Tổng Thống Diệm khen cụ Sắc là “người hay chữ”. Ông Võ nhắc lại rằng Tổng Thống Diệm làm việc này không vì lý do chính trị hay có ý gì khác, mà chỉ vì tấm lòng của một người ham học và

thâm Nho thích kẻ “hay chữ”. Nhân nói đến cái tài “hay chữ” của ông cử Sắc, ông Võ cho biết thêm, chính ông cố của ông đã can thiệp thẳng với vua Thành Thái để thân phụ ông Hồ được đậu phó bảng, vì ông ấy đã bị hội đồng giám khảo đánh hỏng rồi. Ông cố của ông Võ cũng khen ông cử Sắc hay chữ như Tổng Thống Diệm. Chẳng những khen và can thiệp cho được đậu phó bảng, ông cố của ông Võ còn giúp cho ông cử Sắc có việc làm. Thế mà về sau, trong cải cách ruộng đất, con ông cử Sắc đã để cho đàn em giết tất cả 9 người của dòng họ Cao ở Nghệ An, quê hương của ông Hồ.

Ở trên chúng tôi dùng hai từ “tôn thờ” để nói về lòng kính mến của ông Võ dành cho Cụ Diệm, vì tôi có cảm tưởng đó ngay khi vừa bước vào căn nhà ấm cúng mà trang nghiêm với bức chân dung vĩ đại của cố Tổng Thống Ngô Đình Diệm đập vào mắt mọi người.

Thấy tôi chăm chú nhìn bức chân dung nói trên, ông nói: Trước tấm ảnh này đã có không biết bao nhiêu người không ưa ông cụ từng tới nghiêng mình kính cẩn. Kể cả những kẻ đã cổ võ, tham gia hay tán thành việc lật đổ Tổng Thống như Trần Văn Đôn, Bùi Diễm, Nguyễn Cao Kỳ, Nguyễn Chánh Thi, Nguyễn Khánh. Hai ông sau này đã quì xuống. Còn Tôn Thất Đính thì quì lạy 4 lạy.

Rồi ông Võ đắm chiêu nhớ lại:

Cuối thập niên 80 thế kỷ trước, cựu hoàng Bảo Đại được mời sang Cali, đã tới căn nhà này thắp hương trước bàn thờ tổ quốc nhân dịp Tân Niên. Sau đó khi được đưa tới trước bức chân dung này, ông đã tần ngần đứng ngó với nỗi lòng khó tả. Ông Võ hỏi: Ngài có hận cụ Ngô không. Thi “nhà vua” đáp: Không. Lỗi là do tôi.

Nghe ông Vũ nói, chúng tôi lại nhớ tới bài báo của ký giả Phan Thế Trường đã từng hỏi cựu hoàng 2 câu hỏi về việc thoái vị “nuông ngôi” cho Hồ Chí Minh và việc lại trao toàn quyền dân sự và quân sự cho Ngô Đình Diệm để rồi mất hết quyền hành. Về câu hỏi liên quan đến ông Diệm, cựu hoàng trả lời ký giả là ông không trách ông Diệm vì việc ông bị truất phế là do “sức ép của thời cuộc”.

Về ông bà Ngô Đình Nhu, dĩ nhiên ông Cao XuânVỹ biết nhiều và có nhiều kỷ niệm, nhưng trong bữa cơm thân mật chỉ kéo dài hai tiếng đồng hồ, ông cũng chẳng tiết lộ gì nhiều. Với tư cách chủ nhà mời khách tiếp khách, ông nói nhiều hơn ăn. Đúng ra ông chỉ nói chứ hầu như chẳng ăn gì. Đến cuối bữa ông mới thú thực, “sau bữa ăn này, tôi sẽ tới nhà thương để chuẩn bị cho một ca mổ dạ dày theo đúng hẹn vào chiều nay”. Ở tuổi 87, ông đã yếu nhiều, đi đứng khó khăn, lại bị loét bao tử nên ăn uống phải kiêng khem. Nhưng trí óc còn minh mẫn. Ông thích nói nhiều về những kỷ niệm xa xưa. Những điều tôi ghi lại trong bài này không được xếp đặt trước, dù bởi tôi hay bởi chủ nhà. Vì tôi không dè là trong bữa ăn chủ nhà đã nói đến những điều mà tôi vốn muốn biết nhưng chưa từng được nghe nói. Nhưng tôi có cảm tưởng là ông có ý nói cho tôi nghe nhiều hơn các vị khác, bởi vì những vị đó toàn là những người đã gặp ông quá nhiều lần và cũng đã biết hầu hết những điều ông nói rồi.

Khi được mời tôi cũng không nghĩ sẽ có dịp được nghe nhiều chuyện như thế này và cũng chẳng bao giờ dám nghĩ mình sẽ ghi lại những gì mắt thấy tai nghe tại đây hòng cố gắng hiến độc giả. Vì vậy tôi đã không đem theo bút giấy.

Không ghi chép. Cũng không đặt một câu hỏi, hay nêu một thắc mắc nào như các nhà báo thường làm. Vì thế đây chỉ là những gì còn để lại trong ký ức đã sa sút của một người luống tuổi.

Ông Võ xác nhận lời ông Trần Văn Đôn đã từng viết cách đây khoảng 20 năm rằng ông Nhu đã bí mật gặp cán bộ cao cấp Cộng Sản là Phạm Hùng. Ông bảo Trung Tá Bường, tỉnh trưởng Bình Tuy là người lái xe và ông là người duy nhất cùng đi với ông Nhu. Nhưng chỉ có một mình ông Nhu vào gặp Phạm Hùng.

Còn nhớ, sau khi bài *Hoa Đào Và Máu Đào* nói về cảnh đào ông Hồ tặng cụ Ngô dịp xuân Quý Mão được đăng trên *Đàn Chim Việt*, ông Cao Xuân Vỹ có gọi điện cho tác giả bài báo để cho biết thêm một sự kiện chưa được tiết lộ. Đó là trong chuyến công du cùng với ông Ngô Đình Nhu sang Ma-rốc dự lễ đăng quang của tân Quốc Vương, ông Vỹ đã được chứng kiến cuộc hội kiến giữa ông Nhu và nguyên thủ tướng Pháp Antoine Pinay (1891-1994), lúc ấy là bộ trưởng phủ Tổng thống. Ông Pinay đại diện Tổng Thống Charles De Gaulle gặp ông Nhu để chuyển đề nghị của Hà Nội về một cuộc gặp gỡ cấp cao giữa hai miền Nam Bắc để bàn chuyện hiệp thương. Lúc ấy là khoảng mùa hè năm 1962. Trở lại cuộc gặp gỡ giữa ông Nhu và Phạm Hùng, lúc ấy người ngoài chỉ biết tỉnh trưởng Bình Tuy lái xe đưa ông Nhu và ông Vỹ đi săn cọp. Nói đến chuyện săn cọp, ông Vỹ cho biết ông Nhu rất thích săn cọp, và tỏ ra vô cùng kiên nhẫn. Nhiều khi phải chờ và rình rập cả ngày.

Rồi ông liên hệ việc săn cọp với đức tính nhẫn nại, và kiên nhẫn của ông Nhu. Ông khen, thán phục, và “tội nghiệp” cho ông Nhu khéo chịu đựng trước sự nóng nảy,

khó tính và quá tỉ mỉ của ông anh Tổng Thống, cũng như trước sự mè nheo, nói nhiều, nói dai của bà vợ xinh đẹp. Ông Võ bảo ông Nhu rất yêu vợ, sẵn lòng nghe bà nói với nét mặt tươi tỉnh vui vẻ, nhưng không bao giờ để bà ta xen vào việc chính trị của ông. Nghe thì cứ nghe. Nhưng không để bị ảnh hưởng bởi những ý kiến mà có lần ông bảo là nông cạn của phụ nữ. Còn đối với Tổng Thống Diệm thì bà Nhu một mực cung kính, tuân phục. Ở trong dinh, bao giờ bà Nhu cũng ăn mặc chỉnh tề. Nghe đến đây tôi nhớ lại có bài báo của tác giả Nhân Hưng nào đó viết rằng ngày nay ở tuổi 80 bà Nhu vẫn còn nhắc lại chuyện Tổng Thống Diệm “có vẻ không bằng lòng”, khi thấy bà mặc áo hở cổ để tung ra cái mốt áo dài Bà Nhu một thời.

Theo ông Võ thì sau khi bị giết trên xe bọc thép, ông Nhu đã bị nhiều người dị nghị là ông nghiện thuốc phiện. Vì trong đảo chính có người đã thấy một chiếc bàn đèn quý giá ở dinh Gia Long. Ông Võ – cũng như tất cả các sĩ quan tùy viên mà tôi có dịp hỏi – đã khẳng định rằng ông Nhu không nghiện thuốc phiện. Họ chẳng bao giờ ngửi thấy mùi thuốc khi ở bên ông. Chiếc bàn đèn đó, theo ông Võ, là của một người Pháp nhờ ông Tôn Thất Thiết, chánh sở Nội Dịch phủ Tổng Thống, mua giúp qua một thương gia người Việt gốc Hoa. Tất cả những người có mặt chưa bao giờ nghi ngờ là ông Nhu có hút thuốc phiện, nên chẳng ai nêu lên một câu hỏi về các chi tiết liên quan đến chiếc bàn đèn này.

Trong bữa cơm có người nói đến cuốn hồi ký bà Nhu viết bằng tiếng Pháp rồi đang dịch thân dịch ra tiếng Ý, tiếng Anh và tiếng Việt, mà bà bảo sẽ chỉ cho các con xuất bản sau khi bà đã từ già cõi đời. (Nhưng xem ra bà còn

sống lâu lắm, vì hiện nay đã ngoài bát tuần mà bà vẫn còn mạnh khỏe, sắc diện hồng hào, đi đứng nhanh nhẹn, và đi bộ hằng ngày tới một nhà thờ gần nhà để xem lễ, rồi ở lại dọn dẹp bàn thờ và cung thánh, theo lời của tác giả Nhân Hưng nói trên).

Nhưng không rõ vì đâu, ông Võ và cựu bộ trưởng Tôn Thất Thiện có vẻ coi thường hồi ký của bà Nhu, mà chỉ quan tâm đến những bài diễn văn của ông Nhu đọc trong các lớp huấn luyện “Áp Chiến Lược”. Ông Võ lấy trong học tủ ra tập hồ sơ dây giơ lên và nói: Lúc này đây có ai có hứng thú biên tập và xuất bản tài liệu này không? Rồi ông chuyển sang một tài liệu quan trọng khác: Chúng tôi đang thu xếp để in một tác phẩm về lý thuyết chính trị của ông Nhu viết bằng Pháp văn mà lúc sinh thời ông bảo nó chưa hoàn chỉnh nên chưa cho xuất bản, chỉ phổ biến trong số những cán bộ thân cận. Nhưng sau khi ông mất thì có một vị bộ trưởng (ông Lê Văn Đồng, bộ trưởng Canh Nông?) đã dịch ra tiếng Việt dưới nhan đề là “*Chính Đê*”. Và tên tác giả (hay dịch giả?) là Tùng Phong. Cuốn sách dày gần 400 trang, đang được đưa ra thương lượng với phu nhân vị bộ trưởng quá cố để được phổ biến làm tài liệu chính trị có tính lịch sử.

Những gì được nghe từ miệng một người thân cận với một nhân vật chính trị thời xa xưa khiến tôi đâm tò mò muốn biết nhiều hơn để cống hiến bạn đọc. Với điều kiện là sẽ được ông Cao Xuân Vỹ, sau khi đã bình phục, còn hứng thú dành cho chúng tôi một cuộc phỏng vấn có chuẩn bị trước. Xin xem chương kế tiếp “Mạn đàm với ông Cao Xuân Vỹ”.

Chương 8

Mạn đàm với ông Cao Xuân Vỹ

Như đã hứa,¹ ông Cao Xuân Vỹ, sau ba lần vào cấp cứu và điều trị tại bệnh viện, đã vui lòng dành cho chúng tôi một cuộc phỏng vấn để cống hiến bạn đọc một số hồi ức và kỷ niệm của ông trong thời gian đi theo Việt Minh kháng chiến rồi về hợp tác với chính phủ Ngô Đình Diệm với tư cách là người phụ tá thân cận của ông Ngô Đình Nhu, bào đệ và là cố vấn chính trị của Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

1. Hỏi: Thưa ông, nghe nói ông cùng quê Nghệ An với ông Hồ Chí Minh?

Đáp: Phải. Tôi người làng Thịnh Mỹ, phủ Diễn Châu ở về phía biển, còn ông Hồ ở xã Kim Liên huyện Nam Đàn về phía núi.

2. Hỏi: Ông có thể cho biết gia đình ông có liên hệ gì với gia đình ông Hồ không?

Đáp: Tôi được biết ông cố tôi là cụ Cao Xuân Dục,

thượng thư bộ học thuộc triều đình Huế có giúp đỡ thân phụ ông Hồ là Nguyễn Sinh Sắc về tài chính và khuyến khích, giúp đỡ ông ấy nhiều trong việc học hành để có thể đi thi và đậu phó bảng. Một phần vì ông Nguyễn Sinh Sắc là bạn học với ông nội tôi là Cao Xuân Tiếu. Đây là hình căn nhà ông nội tôi cho ông cử Sắc. (Ông Võ đưa xem hình căn nhà.)

3. Hỏi: Có tài liệu của phía Cộng Sản, như của Sơn Tùng và Nguyễn Đắc Xuân nói, khi thấy ông Nguyễn Sinh Sắc thi hỏng khoa Ất Mùi, (năm 1895), ông Cao Xuân Dục đã giúp cho ông Nguyễn Sinh Sắc được vào Huế, để có phương tiện và đủ sách vở hầu tiếp tục việc học và có thể thành đạt. Điều này có đúng không?

Đáp: Đúng. Ông cố tôi còn can thiệp để cho ông Nguyễn Sinh Sắc, dù không phải là con quan cũng được vào học ở Quốc Tử Giám. Đến khoa thi năm Tân Sửu (1901) chánh chủ khảo Cao Xuân Dục thấy khóa sinh Sắc không trúng tuyển đã cho lệnh xét lại bài thi của 4 thí sinh để rồi xin vua Thành Thái cho ông ta đậu phó bảng. Khóa ấy có 9 tiến sĩ, 13 phó bảng. Ông Sắc đậu phó bảng thứ 11.

4. Hỏi: Hồi còn nhỏ ông có biết về hoạt động của Cộng sản ở quê nhà và có chứng kiến các cuộc nổi dậy của Cộng Sản thường được gọi là phong trào Xô Viết Nghệ Tĩnh không?

Đáp: Có. Phong trào này mạnh nhất ở hai huyện Nam Đàn và Thanh Chương. Nhiều người bị chết oan. Cộng Sản đã giết hai tri phủ. Vì thế phản ứng của chính quyền bảo hộ cũng rất quyết liệt. Pháp đem bom thả cũng giết nhiều người, trong số ấy có cả Cộng Sản lẫn thường dân. Cha tôi

có kể lại rằng để đối phó với phong trào này, ông Nguyễn Hữu Bài, thượng thư bộ Lại của Triều Đình Huế, (tương đương với chức thủ tướng thời nay), đã cho áp dụng một kế hoạch chiêu dụ Cộng Sản khá thành công. Lúc ấy ông cố tôi cùng ở trong nội các Nguyễn Hữu Bài.

5. Hỏi: Khi Việt Minh cướp chính quyền ông ở đâu? Và có ủng hộ họ không?

Đáp: Lúc ấy tôi đang học ở Hà Nội. Tôi nhớ là mấy tháng trước khi Việt Minh cướp chính quyền, thanh niên sinh viên Hà Nội chúng tôi rất hăng hái ủng hộ chính phủ Trần Trọng Kim, vì là chính phủ của Việt Nam độc lập đầu tiên, dù phải nhờ có người Nhật lật đổ người Pháp. Nhưng chúng tôi rất phấn khởi và đã ủng hộ hết mình. Tiếc rằng bỗng nhiên chính phủ này từ chức ngày 7 tháng 8 (1945). Thật khó hiểu. Tuy từ chức nhưng chính phủ Trần Trọng Kim vẫn xử lý theo lệnh nhà vua. Khi mà Việt Minh tới trám vào chỗ trống chính trị này thì chúng tôi đã đi theo Việt Minh. Chúng tôi không biết Việt Minh là Cộng Sản. Thực ra lúc ấy chả mấy người biết Việt Minh là Cộng Sản.

6. Hỏi: Ông có gặp ông Hồ bao giờ không?

Đáp: Có. Hồi ấy tôi ở trong phong trào thanh niên sinh viên tranh đấu. Chúng tôi được hai ông Hoàng Minh Giám và Phan Mỹ giới thiệu để gặp ông Hồ ở Bắc Bộ Phủ. Lúc ấy ông ấy có cái vẻ bề ngoài rất ân cần và dễ mến. Về sau tôi mới hiểu tại sao ông ấy đã chiêu dụ được nhiều người đi theo ủng hộ Việt Minh. Cho đến giờ này tôi vẫn nghĩ ông ta thật là thông minh và xảo quyệt. Lại được tay Võ Nguyên Giáp cũng rất thông minh trợ tá đắc lực. Tôi học với Võ Nguyên Giáp 4 năm, Tôi biết ông ta rất rõ.

Ngay khi còn ngồi trên ghế nhà trường đã tỏ ra sắc sảo và quả đoán... Rất “độc tài”. Nhưng dầu sao Võ Nguyên Giáp không thể sánh được với Ngô Đình Nhu. Còn Phạm Văn Đồng thì không đáng là học trò Ngô Đình Nhu.

7. Hỏi: Rồi tại sao ông lại bỏ Việt Minh?

Đáp: Vì chúng tôi kết án ông Hồ đã ký thỏa ước mỏng 6 tháng 3, nhượng bộ Pháp quá nhiều. Hơn nữa họ đã hãm hại nhiều người yêu nước bất đồng chính kiến. Chúng tôi chạy sang phía Việt Cách của các ông Nguyễn Hải Thần và Nghiêm Kế Tổ...

8. Hỏi: Khi nào thì các ông rời Hà Nội?

Đáp: Liền khi cuộc chiến giữa Việt Minh và Pháp bùng nổ ngày 19-12-46. Lúc ấy ông Hồ và đại bộ phận Việt Minh chạy lên Việt Bắc kháng chiến. Thì chúng tôi gồm 36 nhà trí thức và thanh niên sinh viên tranh đấu chạy vào khu Tự, gồm Thanh Nghệ Tĩnh, để cùng với một số Việt Minh ôn hòa lập một phòng tuyến mới phi Cộng Sản chống thực dân và giúp dân mở mang về kinh tế và văn hóa. Có thể nói Liên Khu Tự lúc ấy như là một khu tự trị.

9. Hỏi: Ông có thể cho biết tên một số trong 36 nhà trí thức mà ông bảo đã rời Hà Nội vào Liên Khu Tự sau kháng chiến bùng nổ không?

Đáp: Tôi còn nhớ chẳng hạn có Luật Sư Trần Chánh Thành, các ông Trần Hữu Dương, Hồ Đắc Diễm, Phạm Thành Vinh, sau này trở thành rể của ông Hồ Đắc Diễm, ông Nguyễn Duy Quang, người của ông Bảo Đại, ông Phan Huy Xương, anh của bác sĩ Phan Huy Đán tức Phan Quang Đán, ông Tôn Thất Trạch v.v... Các ông này về sau đã hợp tác với thủ tướng Ngô Đình Diệm. Ông Trần Chánh

Thành từng là bộ trưởng phủ thủ tướng, với ông Tôn Thất Trạch là đồng lý văn phòng. Ngoài ra, về phía thường dân tôi nhớ còn có bà Hòa Tường là một thương gia giàu có ở phố Hàng Đào cũng đi theo.

Tôi xin nói thêm ông biết điều này, là những vị này và tôi hồi đầu theo Việt Minh. Nhưng tất cả đều không phải Cộng Sản. Và ngay từ 1930 thì đã có hai phe cùng chống Pháp một bên là Đảng Cộng Sản, lúc ấy chưa có Việt Minh. Một bên là các nhân vật và tổ chức quốc gia phi Cộng Sản trong đó ngoài những người như ông Ngô Đình Diệm đã bắt đầu hoạt động từ đó, còn có các chiến sĩ Việt Nam Quốc Dân Đảng, mà đảng trưởng là Nguyễn Thái Học và 13 đồng chí đã bị Pháp xử bắn.

10. Hỏi: Khi nào ông rời Liên Khu Tư vào Sài Gòn và gặp ông Ngô Đình Nhu?

Đáp: Chúng tôi rời Liên Khu Tư ra Hà Nội. Chứ chưa vào Sài Gòn. Lúc ấy là vào khoảng đầu năm 1953. Ông Hồ Chí Minh theo lệnh Stalin và Mao Trạch Đông khi sự chuẩn bị mở chiến dịch Giảm Tò và cải cách ruộng đất. Có người thân trong Việt Minh cho chúng tôi biết. Nên tìm đường chạy trước. Về sau trong họ tôi có nhiều người có chút tư diễn bị đem ra đấu tố. Chị ruột tôi cũng bị giết. Tôi “dinh tề” qua ngã Phúc Nhạc, Phát Diệm là khu an toàn tự trị dưới quyền trông coi của giám mục Lê Hữu Từ. Khó khăn lắm mới tới được Hà Nội. Hà Nội lúc ấy đang sống an bình dưới chính quyền Bảo Đại. Tôi đi thoát được là nhờ có người chú họ ở trong tổ chức Việt Minh cấp cho một giấy thông hành. Ở Hà Nội tôi gặp lại các ông Đặng Văn Sung, Phan Huy Quát từng hoạt động chung với chúng tôi thời 1945.

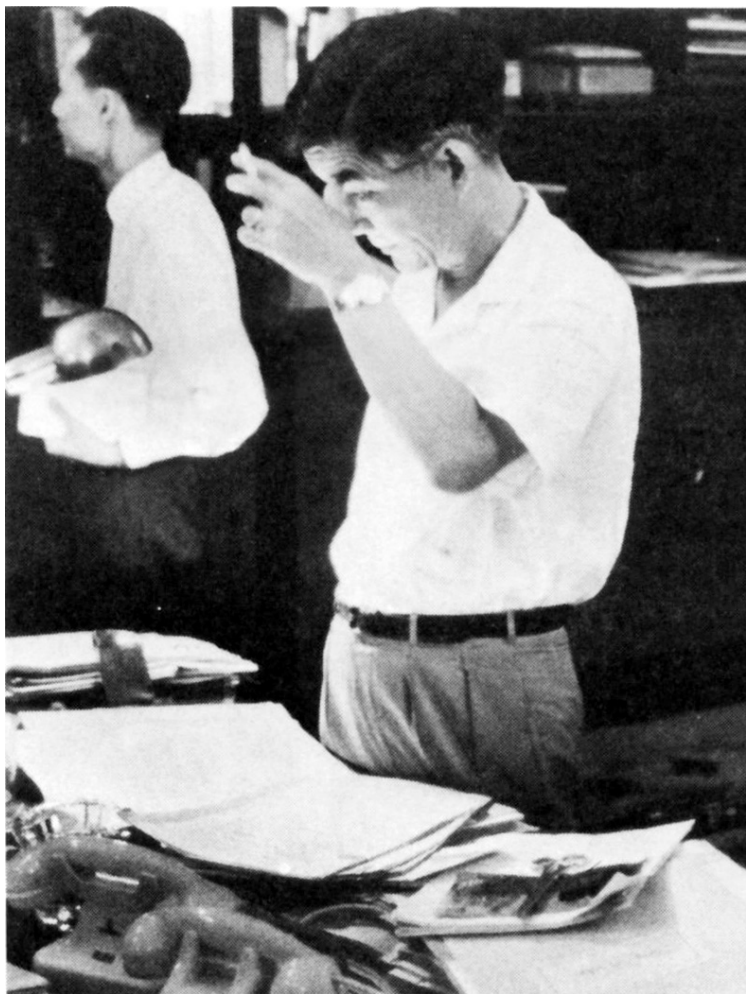
Trong thời gian còn ở Liên Khu Tư chúng tôi nghe biết cán bộ Cộng Sản trong tổ chức Việt Minh chịu ảnh hưởng rất lớn bởi cán bộ Trung Cộng. Sau khi Mao Trạch Đông chiếm trọn lục địa vào cuối năm 1949, ông ta đã bắt Hồ Chí Minh gửi một số lớn cán bộ Việt Cộng sang Tàu để tẩy não, cải tạo tư tưởng, bắt học tập chủ nghĩa Mao-ít. Vì cái chủ nghĩa này mà các chiến dịch giảm tô và cải cách ruộng đất đã đẫm máu với những vụ con tố cha, vợ tố chồng và nông dân tàn sát lẫn nhau thật rùng rợn. Làng tôi có ông Hàn Lương biết mình sắp bị đưa ra đấu tố đã nhảy xuống giếng tự tử, vậy mà đội cải cách đã lôi xác ông lên để đấu cái thầy ma. Chúng đánh nát bảy cái thầy ấy. Tôi mong có người thấu thập những tin tức khắp nước về cuộc Cải Cách Ruộng Đất thời gian đó để cho mọi người biết Cộng Sản dã man chừng nào.

11. Hỏi: Khi nào thì ông gặp ông Ngô Đình Nhu?

Đáp: Cuối năm 1953. Tôi vào Sài Gòn thì gặp lại ông Trần Chánh Thành. Ông Thành giới thiệu tôi với ông Nhu. Ông Thành vào Sài Gòn năm 1952 cùng một lượt với phần lớn trong số 36 nhà trí thức đã vào Liên Khu Tư để kháng chiến chống Pháp nhưng bất hợp tác với Việt Minh. Lúc gặp lại tôi thì ông Thành đang làm cho tờ báo *Xã Hội* của ông Nhu, đồng thời tập sự luật sư với Luật Sư Trương Đình Du..

12. Hỏi: Theo chỗ chúng tôi biết thì ông Ngô Đình Nhu từng có 5 nhiệm vụ quan trọng: một là dân biểu Quốc Hội, hai là Cố Vấn Chính Trị của Tổng Thống, ba là thủ lãnh Thanh Niên Cộng Hòa, bốn là Tổng Bí Thư đảng Cần Lao Nhân Vị, và sau hết vào năm cuối cùng ông còn là chủ

tịch ủy ban liên bộ về Ấp Chiến Lược. Vậy ông ấy có một lực lượng nhân sự nào đáng kể để giúp thi hành chừng ấy nhiệm vụ không? Ví dụ ông ấy có mấy văn phòng? Có bao nhiêu nhân viên được ăn lương?



Hình 12: Ông Ngô Đình Nhu trong phòng làm việc tại dinh Tổng Thống.

Đáp: Ông ấy chỉ có một mình thiếu tá Phạm Thu Đường làm chánh văn phòng, thường được gọi là chánh văn phòng ông Cố Vấn. Và dưới quyền thiếu tá Đường chỉ có 5 nhân viên, hầu hết tự túc. Không có ngân khoản nào dành cho ông Cố Vấn. Và phải nói thực khó hiểu là chính chức Cố Vấn này cũng chẳng được một văn kiện nào bổ nhiệm hay quy định nhiệm vụ. Thực tế ông Nhu chỉ giúp việc cho riêng ông Diệm với tư cách là phụ tá cho Tổng Thống. Người ta thấy việc ông làm thì gọi ông là Cố Vấn vậy thôi. Vì thế ông không có quyền hạn và nhiệm vụ gì chính thức.

Còn về thủ lĩnh Thanh Niên Cộng Hòa, thì ông chỉ thị cho chúng tôi, phải tự túc. Mọi đoàn viên đều tự nguyện và tự túc theo tinh thần cách mạng. Cho nên cũng chẳng có quyền lợi gì.

Về văn phòng dân biểu, ông cũng không có. Thực ra ông ấy rất ít đi họp Quốc Hội. Chỉ khi nào có vấn đề chính sách quan trọng như Ấp Chiến Lược chẳng hạn, hay vấn đề “Giáo Dục nhân bản”, vấn đề “kinh tế tư hữu cơ bản” v.v.. thì ông mới tới trình bày mà thôi. Cho nên mọi thứ một mình ông cáng đáng. Tôi thật phục sức làm việc của ông Nhu.

13. Hỏi: Thế còn chức chủ tịch ủy ban liên bộ về Ấp Chiến Lược thì sao? Có văn thư nào quy định không?

Đáp: Chức này thì có. Nhưng cũng chỉ là một thông tư của phủ Tổng Thống gửi đến các bộ, để việc ông chủ tọa các phiên họp Ủy Ban Liên Bộ được danh chính ngôn thuận. Ông Nhu quan niệm chương trình Ấp Chiến Lược là một cuộc cách mạng xã hội và chính trị, chứ không phải chỉ là một chiến lược để đối phó với sự xâm nhập và

khủng bố của Cộng Sản mà thôi. Ông thúc đẩy các tỉnh trưởng khai hóa người dân quê theo tinh thần tam túc, nghĩa là tự túc về tư tưởng, tự túc về tổ chức và tự túc về kỹ thuật, để có thể làm chủ cuộc đời mình, làm chủ được xã hội, không bị lệ thuộc vào bên ngoài, vào ngoại bang. Ông đề rất nhiều thì giờ đích thân soạn những bài thuyết trình có tính lý luận cao dành cho các cấp lãnh đạo chính phủ và cán bộ cao cấp, chỉ cho họ cách thức đưa những tư tưởng cao vào đầu óc thường dân qua những hình ảnh và ngôn ngữ bình dân dễ hiểu. Mục đích của ông là tiến dân tới một xã hội có tổ chức cao, có đầy đủ các phương tiện truyền thông, giao tế, kinh tế, văn hóa cao trong đó mỗi con người, “mỗi nhân vị”, đều được quan tâm đồng đều, chứ không biến con người thành những “cái đinh, con ốc” trong một guồng máy xã hội theo kiểu Cộng Sản. Ông tin tưởng rằng phương pháp đó về lâu về dài sẽ làm cho CS phải đầu hàng. Chứ không phải chỉ dựa vào những hàng rào giấy kẽm gai. Dĩ nhiên ban đầu thì việc rào ấp là cần thiết để giữ cho Ấp Chiến Lược được an toàn trước sự phá hoại và tấn công của du kích CS. Quốc sách Ấp Chiến Lược mà thành công thì Cộng Sản sẽ thành cá bị tát ra khỏi ao, nằm trên đất.

14. Hỏi: Về đảng Cần Lao Nhân Vị, nó thành hình ra sao, và ai là những đồng chí cốt cán nhất của ông Nhu?

Đáp: Hai người cùng với ông Nhu sáng lập ra đảng Cần Lao Nhân Vị là các ông Trần Quốc Bửu và Huỳnh Hữu Nghĩa. Nhưng ban đầu các ông không gọi tên đảng là Cần Lao mà gọi là đảng Công Nông. Nhưng vì không muốn gợi ý về cái liên minh công nông của Cộng Sản, nên

về sau các ông đổi ra là Cần Lao. Còn về Nhân Vị thì sau nữa mới thêm vào theo đề nghị của ông Nhu. Ông Bửu, chủ tịch Liên Đoàn Lao Công có kinh nghiệm về đấu tranh nghiệp đoàn, đã quen ông Nhu khi còn ở bên Pháp. Và ông Huỳnh Hữu Nghĩa một tín đồ Cao Đài, là cố vấn chính trị của tướng Trình Minh Thế. Ông Nghĩa đã giúp ông Nhu chinh phục được tướng Thế, chứ không phải như có người Mỹ cho rằng ông Nhu có được ông Thế là nhờ đại tá Edward Lansdale. Ông Lansdale có can thiệp để quân của tướng Thế được hợp thức hóa và trả lương như Quân Đội Quốc Gia thì đúng. Người nào bảo Lansdale dùng tiền mua Tướng Thế là cố tình xuyên tạc để hạ uy tín của một vị tướng kiên cường anh dũng, thanh liêm mà anh em ông Diệm rất quý trọng. Khi nghe tin tướng Thế tử trận Tổng Thống Diệm đã ngắt xiu. Điều này tướng Lansdale có ghi trong hồi ký.

Văn phòng Tổng Bí Thư đảng Cần Lao cũng do một mình Thiếu Tá Phạm Thu Đường quán xuyến, kiêm nhiệm.

15. Hỏi: Ông Ngô Đình Diệm có giữ vai trò gì trong đảng Cần Lao không?

Đáp: Không. Ông ấy hoàn toàn ở ngoài và trên đảng Cần Lao. Với ông Diệm chỉ có Tổ Quốc và Quốc Dân.

Tôi còn nhớ khoảng năm 1956, Tổng Thống gọi tôi vào bảo tôi lên cao nguyên đèo heo hút gió để quan sát nghiên cứu tìm ra những địa điểm thích hợp để lập các khu dinh điền, hòng đưa người kinh lên trấn giữ địa điểm mà ông bảo là vô cùng quan trọng về mặt chiến lược. Tôi thấy mình đi thì ông Nhu thiếu một trợ lý. Lại cũng hơi ngán cảnh cô đơn ở nơi xa lạ. Tôi bèn thưa với Tổng Thống:

Công tác đoàn thể của ông Cố Vấn đang thiếu người. Tổng Thống nói: Đoàn thể gì. Đẹp. Tuy nhiên rồi ông cũng đầu dũa. Cứ đi đi. Thỉnh thoảng tôi sẽ lên với anh... Cũng cần thêm rằng ông Diệm rất quan tâm đến vùng cao nguyên. Ông thường nói: giữ được cao nguyên thì giữ được miền Nam. Và ông tìm cách đưa nhiều cán bộ và những người dân có kinh nghiệm với Cộng Sản lên đó lập nghiệp.

16. Hỏi: Ông nghĩ gì về việc chính phủ Ngô Đình Diệm tổ chức trưng cầu dân ý truất phế ông Bảo Đại?

Đáp: Nhiều người chê ông Diệm, là nhà Nho mà bất trung, không giữ lời thề trung thành với cựu hoàng. Nhưng tôi thấy không đúng. Trước hết chính cựu hoàng bảo ông Diệm chỉ thề trước Thánh Giá trung thành với Tổ Quốc. Thứ nữa, khi cựu hoàng triệu ông sang Pháp, ông Diệm đã sẵn sàng lên đường, dù biết sang đó sẽ mất chức thủ tướng.

Nhưng chính nhóm liên khu Tư chúng tôi đã thuyết phục ông, gần như làm áp lực với ông, để ông bỏ ý định sang Cannes. Chúng tôi xúm vào yêu cầu ông ở lại lấy có tình hình không cho phép vắng mặt. Chúng tôi phải nói với thủ tướng rằng nếu Cựu bỏ chúng tôi lại mà đi một mình thì sinh mệnh chúng tôi ai sẽ lo? Chúng tôi đã bỏ tất cả vào đây là vì cụ, vì tin cụ sẽ bảo vệ phần đất tự do còn lại này, bảo vệ chúng tôi. Nay cụ nở lòng nào bỏ chúng tôi, bỏ đất nước này cho Thực dân, Cộng Sản? Rồi nhiều đoàn thể họp nhau lại đặt ông Diệm trước sự việc đã rồi là tự ý hạ bệ ông Bảo Đại. Cuộc trưng cầu dân ý của chính phủ Ngô Đình Diệm tổ chức sau đó chỉ là để hợp pháp hóa hành động của chúng tôi.

17. Hỏi: Có sử gia Mỹ báo ngày 22 tháng 8 năm 1963, Thanh Niên Cộng Hòa đã tấn công chùa Xá Lợi cùng với Cảnh Sát và Lực Lượng Đặc Biệt. Điều này có đúng không?

Đáp: Hoàn toàn bịa đặt. Tổ chức này không phải để dùng vào những việc như vậy. Nó là tổ chức phi vũ trang mà.

18. Hỏi: Sử gia Mark Mayor viết trong tác phẩm *Triumph Forsaken* rằng gần ngày đảo chính, tình trưởng Định Tường báo cáo với ông Nhu rằng đại tá Có là phụ tá của tướng Đính rủ ông ta làm đảo chính. Ông Nhu hỏi lại tướng Đính, thì tướng Đính xin đi chém đầu Có. Ông có biết vụ này không?

Đáp: Không cần tình trưởng Định Tường báo cáo thì ông Nhu đã biết rồi. Nhưng ông muốn cứ để vậy để theo dõi.

19. Hỏi: Khi ông cùng ông Nhu đi gặp Phạm Hùng ở Bình Tuy, ông Nhu có cho ông biết hai người họ bàn chuyện gì không?

Đáp: Lúc ấy thì không. Chỉ biết chúng tôi cùng đến Quận Tánh Linh ở đây có một vùng do Cộng quân kiểm soát. Ban đầu cứ tưởng đi săn cọp như mọi khi. Nhưng đến nơi ông Nhu bảo chúng tôi ở ngoài, còn ông đi về phía trước độ vài trăm mét. Có Phạm Hùng chờ ở đó. Sau này về nhà tôi cũng không tiện hỏi ông Nhu. Nhưng qua những gì ông tự ý nói ra vào một lúc nào đó thì, nội dung câu chuyện trên một tiếng đồng hồ, gồm nhiều điều cho đến nay vẫn chưa được tiết lộ. Có một điều mà phía họ rất quan ngại, nếu không bảo là sợ, rất sợ chương trình Ấp Chiến Lược. Họ yêu cầu cho biết ai là người chủ trương

và mục đích để làm gì? Ông Nhu trả lời: đó chỉ là một chủ trương của chính phủ nhằm bảo vệ sinh mạng và tài sản của người dân, ngăn ngừa sự xâm nhập, phá phách của du kích các ông... Các ông bảo cán bộ đừng tìm cách đánh phá làng xã, thì chúng tôi sẽ bỏ luật 10/59. Cán bộ các ông có thể về sống với dân lành tại các ấp...

Về các điều kiện để hiệp thương thì nhiều lần Tổng Thống Diệm đã nói, phải có 5 giai đoạn:

- Bắt đầu bằng việc cho dân hai miền trao đổi thư tín tự do;

- Rồi cho dân qua lại tự do;

- Thứ 3 là cho dân hai bên được tự do chọn định cư sang bên kia nếu muốn;

- Thứ 4 mới đến giai đoạn trao đổi kinh tế. Ví dụ miền Nama đổi gạo lấy than đá của miền Bắc chẳng hạn;

- Qua được các giai đoạn đó rồi mới tiến tới hiệp thương;

- Và sau cùng là tổng tuyển cử.

Có lần ông Nhu tính với chúng tôi: Ông dự đoán rằng, nếu cho dân tự do chọn nơi định cư, thì căn cứ theo tình trạng về tự do dân chủ tột tể và kinh tế kiệt quệ của miền Bắc lúc ấy, sẽ có khoảng 3 triệu người dân sẽ dần dần vào định cư ở miền Nam. Vì vậy “mình” phải chuẩn bị đất cho dân. Ông cũng tính rằng hiện dân số miền Bắc có tới 23 triệu, trong khi dân số miền Nam chỉ có 17 triệu. Nếu có được 3 triệu dân Bắc vào định cư ở miền Nam thì dân số 2 bên sẽ cân bằng. Bầu cử tự do, với sự giám sát của Quốc Tế thì chắc mình sẽ thắng.

20. Hỏi: Lần ông tháp tùng ông Nhu đi dự lễ đăng quang của quốc vương Ma-rốc năm 1962, ông có cho biết

là sau đó các ông đến Paris gặp ông Pinay, đại diện Tổng Thống Charles De Gaulle, bàn chuyện hiệp thương với ông Hồ. Lúc ấy có mặt giáo sư Bửu Hội không?

Đáp: Dĩ nhiên là có. Vì Giáo sư Bửu Hội là đại sứ của VNCH ở Ma-rốc, và là bạn học với ông Nhu ở bên Pháp. Ông Bửu Hội lại từng là cố vấn cho Hồ Chí Minh. Nền trong việc này, có thể nói vai trò của ông Bửu Hội cũng quan trọng không kém ông Nhu. Ông Nhu và chúng tôi ở khách sạn Grillon cả tháng. Cuộc tiếp xúc xảy ra nhiều lần mà hầu như lần nào cũng có sự hiện diện của giáo sư Bửu Hội. Ông Nhu cho biết lúc ấy ông Hồ Chí Minh đã nhờ ông Jean Sainteny xin Tổng Thống De Gaulle giúp. Ông Hồ biết là ông De Gaulle đang có chủ trương trung lập Đông Dương, lại hận Mỹ đã “hất cẳng” Pháp. Ông Hồ nhờ Sainteny xin Tổng Thống De Gaulle can thiệp để tiếp xúc với Sài Gòn. Tổng Thống Pháp rất sốt sắng trong việc này. Sau chuyến đi này ít tháng thì xảy ra vụ ông Nhu “đi săn cọp” ở Tánh Linh.

21. Hỏi: Gần ngày đảo chính đại sứ Cabot Lodge có điện đàm với Tổng Thống Diệm. Lúc đó ông có ở bên cạnh Tổng Thống không?

Đáp: Không.

22. Hỏi: Trong cuốn *Nhớ Lại Những Ngày ở Cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm*, cựu đại tá Nguyễn Hữu Duệ viết rằng ông ta xin phép Tổng Thống đem xe tăng thiết giáp lên bộ tổng Tham Mưu để bắt các tướng và dẹp đảo chính. Nhưng Tổng Thống không cho. Ông có biết chuyện này không?

Đáp: Lúc ấy tôi đang ở bên Tổng Thống Diệm và ông Nhu tại dinh Gia Long. Chính tôi nghe điện thoại của ông

Duyệt và trình lên Tổng Thống. Tổng Thống la tôi: Các anh muốn gì? ở với tôi bấy lâu mà không hiểu ý tôi sao? Dân Nghệ An các anh chỉ thích làm loạn. Dem quân đội chống quân đội là cách bảo vệ tổ quốc hả? Tôi thua: Nhưng người ta đánh mình thì mình phải đánh lại chứ Tổng Thống. Chẳng lẽ để phải chết sao? Ông quát lên: Chết thì đã sao. Đúng, đối với ông chết thì đã sao. Nhưng đối với chúng ta thì cái chết của ông là cái chết dân của miền Nam. Ông còn nói quân đội là để bảo vệ tổ quốc chứ không phải để bảo vệ cá nhân Tổng Thống. Ông bảo tôi liên lạc với ông Trương Vĩnh Lễ, chủ tịch Quốc Hội yêu cầu cho triệu tập Quốc Hội để ông ra từ chức trước Quốc Hội, hòng tránh cảnh đổ máu. Nhưng tôi gọi ông Lễ 4 lần không được.

Lúc ấy không phải chỉ có Lữ Đoàn xin lên tấn công tổng hành dinh của nhóm đảo chính. Mà còn có cả một đại đội biệt kích thuộc Lực Lượng Đặc Biệt đi hành quân ở Tây Ninh vừa về đến Sài Gòn cũng báo cáo là lực lượng phòng vệ của các tướng đảo chính ở Tổng Tham Mưu rất yếu, đại đội biệt kích xin phối hợp với 2 tiểu đoàn của Lữ Đoàn Phòng Vệ phủ Tổng Thống để đột kích vào bắt hết các tướng đảo chính. Tướng Nguyễn Văn Phú, lúc ấy còn là Thiếu Tá đã tiếp xúc với tôi về việc này. Nhưng như vừa nói. Tổng Thống không chấp thuận.

Viên đại úy đại đội trưởng Biệt Kích đề nghị cho lực lượng của Lữ Đoàn Phòng Vệ Phủ Tổng Thống có xe bọc thép dẫn đầu tiến tới bao vây bộ Tổng Tham Mưu, còn đại đội của anh ta sẽ đột kích bọc hậu từ phía sân vận động vào bắt sống các tướng. Tôi rất buồn bực và lấy làm khó hiểu tại sao ông cụ lại không cho đánh. Ông Nhu ngồi cạnh đó cũng chẳng nói gì.

23. Hỏi: Theo ông trong số các tướng lĩnh lúc ấy ai có khả năng nhất?

Đáp: Tôi hầu như không tiếp xúc với các tướng. Ngay cả Phó Tổng Thống cũng vậy. Hầu như chẳng bao giờ gặp. Nhưng tôi có nghe ông Nhu nói ông Nguyễn Văn Thiệu, lúc ấy mang lon đại tá, là một tư lệnh (sư đoàn 5) giỏi nhất. Ông Nhu có nhận xét đó sau khi nghe ông Thiệu thuyết trình ở hội trường Suối Lồ Ổ. Còn các tướng thì rất sợ Tổng Thống Diệm mỗi khi phải thuyết trình cho ông về tình hình an ninh. Bởi vì ông nắm vững tình hình và nhất là địa hình địa vật... địa lý của từng vùng. Kiến thức về quân sự của ông cũng rất uyên bác. Tôi được biết, khi mới về nước làm thủ tướng, ông đã yêu cầu tổng lãnh sự ở Hồng Kông mua cho ông tất cả tác phẩm của Mao Trạch Đông, Chu Đức, Lâm Bưu, Bành Đức Hoài để đọc và bắt ông Nhu phân tích nghiên cứu trình lên.

24. Hỏi: Nghe nói ông bà Nhu có một biệt thự đẹp lắm ở Đà Lạt. Ông có tới đó bao giờ không?

Đáp: Ông nói đến cái biệt thự này, tôi lại nhớ tới cái ông luật sư Trương Phú Thứ ở Seattle. Ông ấy muốn tìm cách phỏng vấn bà Ngô Đình Nhu mà không sao được. Chẳng rõ tại sao ông ta biết nhà tôi, tìm đến xin tôi giới thiệu với bà Nhu. Tôi biết đã từ lâu bà ấy ẩn dật không muốn báo chí nhắc tới. Nhưng tôi biết bà ấy hãy còn quyến luyến ngôi nhà hai phòng ngủ của một người Pháp, bỏ hoang đã lâu mà anh em chúng tôi hùn tiền mua cho ông bà ấy vào khoảng năm 1960, mà không đủ tiền sửa chữa, cho nên đến khi ông Nhu bị sát hại và bà Nhu sống lưu vong, cũng mới chỉ sửa được phân nửa. Tôi bảo ông Thứ hãy về Việt

Nam, lên Đà Lạt chụp ảnh ngôi nhà ấy rồi mang theo sang Pháp, tìm cách đưa tấm hình đó tận tay bà Nhu thì may ra bà ấy cho gặp. Thì quả thật chắc ông đã biết, ông Thứ đã viết một bài cho tờ Văn Nghệ Tiền Phong nói về bà Nhu ở tuổi gần bát tuần sống như một nhà tu ở Paris. Tôi mong ông Thứ có dịp phổ biến tấm hình này để độc giả thấy cái “ngôi biệt thự xinh đẹp” của ông bà Nhu.

25. Hỏi: Thống tướng Maxwell Taylor, Đại sứ Frederick Nolting và nữ ký giả Marguerite Higgins đều nói được Tổng Thống Diệm tiếp hơn kém khoảng 5 giờ đồng hồ. Ông có biết điều đó và có ý kiến gì không?

Đáp: Lúc ấy nhiều người nói tổng thống tiếp khách lâu quá. Tôi có trình ông, bảo người ta phê bình tổng thống độc thoại! Ông cười. Ông bảo: người Mỹ họ ít hiểu về dân tộc mình về lịch sử của nước mình. Mình phải lợi dụng lúc họ chịu nghe để nói cho họ hiểu chứ. Mấy người này đều chăm chú nghe tôi và đặt nhiều câu hỏi. Tôi phải trả lời cho họ chứ.

26. Hỏi: Gần ngày đảo chính Tổng Thống có mời ông bà Đại Sứ Mỹ lên Đà Lạt nghỉ tại biệt điện của Tổng Thống và dự dạ tiệc thân mật. Ông có biết họ thảo luận về việc gì không?

Đáp: Tôi có biết và nhớ là Tổng Thống đề nghị chính phủ Mỹ thông cảm những khó khăn của miền Nam và đừng ép ông phải cải cách gấp rút. Ông cũng hứa sẽ xem xét những đề nghị của chính phủ Mỹ một cách nghiêm chỉnh. Nhưng cần phải có thời gian. Phía ông Lodge thì nặng nề đòi Tổng Thống phải đưa ngay ông Nhu ra ngoại quốc. Nhưng dĩ nhiên không bao giờ Tổng Thống nhượng bộ điều này được.

27. Hỏi: Xin ông tha lỗi, ông là Phật tử chứ ạ? Và trong vụ Phật Giáo có ai nhờ ông làm trung gian để thương lượng giữa xếp giữa chính quyền và bên Phật Giáo đấu tranh không?

Đáp: Phải, tôi là Phật tử đã quy y... – Ông vào phòng lấy ra một cuộn giấy mở cho tôi thấy tờ PHÁI QUY Y rồi nói tiếp – Tôi quy y với thầy Thích Minh Châu. Khi vụ Phật Giáo xảy ra tôi có ra Huế gặp thầy Thích Trí Thủ để nhờ thầy can thiệp với Thượng Tọa Thích Trí Quang... nhưng Hòa Thượng Trí Thủ nói bây giờ các thầy trẻ học thức nhiều, họ có đường lối riêng, các sư già chúng tôi nói họ không nghe. Nên không kết quả. Nhiều người khác cũng can thiệp nhiều ngả khác, cũng không hơn gì. Hồi ấy còn cả một ủy ban của chính phủ gồm nhiều Phật tử đứng đầu là phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ cố gắng dàn xếp. Nhưng bên Phật Giáo tranh đấu chỉ muốn lật đổ chính phủ thôi. Nên họ cố đưa ra những yêu sách không cách nào làm được. Tôi rất ân hận là không giúp gì được với tư cách là một Phật tử.

28. Hỏi: Theo ông thì ai cố ý giết hai ông?

Đáp: Theo tôi thì người ra lệnh trực tiếp là tướng Dương Văn Minh. Còn ông Minh có nhận lệnh ở trên nào không thì không biết. Sở dĩ tôi dám quả quyết ông Minh, là vì chính ông Minh sai cận vệ của ông ta là đại úy Nguyễn Văn Nhung cùng đi với tướng Mai Hữu Xuân, để “thi hành nhiệm vụ”(!). Và Nhung đã leo lên xe bọc thép trong đó có hai anh em Tổng Thống. Nhung là một tay giết người không góm tay, y còn khắc dấu vào cán dao găm mỗi lần giết được một người. Ngay tối mồng hai y còn khoe “con

dao lịch sử” của y với con của tướng Đôn cơ mà. Đó là theo chính lời của tướng Đôn thuật lại trong *Việt Nam Nhân Chứng*. Còn tướng Xuân thì khi “đi đón ông cụ” về và ông cụ đã chết rồi, đã tới trước Dương Văn Minh giờ tay làm dấu, miệng nói: “Mission accomplie” (Nhiệm vụ hoàn thành). Cứ theo những lời trên của tướng Đôn, thì không nghi ngờ gì người chủ trương và ra lệnh giết hai ông là tướng Big Minh.

29. Hỏi: Thời gian quấy rầy ông đã quá dài. Nhất là trong lúc ông còn bệnh nhiều. Xin cảm ơn ông đã mất công trả lời những câu hỏi của chúng tôi. Và nếu có thể được xin ông cho một cảm tưởng chung về Tổng Thống Ngô Đình Diệm và ông Ngô Đình Nhu.

Đáp: Tôi cũng xin cảm ơn ông đã tốn công đi từ xa đến để cho tôi được có dịp nói lên vài điều trong số những gì mình còn nhớ được về thời gian dài phục vụ Đất Nước bên cạnh hai nhân vật lịch sử mà tôi hằng kính mến. Cứ mỗi lần nhớ đến hai cụ, tôi đều ngậm ngùi xót xa. Nhất là đối với cụ Diệm. Ông quá ngay thẳng, quá quân tử, quá rộng lượng, lúc nào cũng nghĩ tới làm cho dân được ấm no hơn. Vậy mà người ta nỡ hãm hại ông. Không phải chỉ có những ngày giỗ hai ông tôi mới khóc.

Cụ Vỹ dẫn con xúc động bắt tay tôi khi tôi từ biệt ra về.

Chú thích

¹ Như đã trình bày trong bài “Ba giờ nghe một nhân chứng”.

Chương 9

Di cư, một kỷ niệm đắng cay sau trở nên ngọt ngào

Trong hai tháng 7 và 8 năm 2004 nhiều đoàn thể, tổ chức ái hữu ở hải ngoại đưa nhau họp mặt để nhắc lại những kỷ niệm về cuộc di cư vĩ đại nhất trong lịch sử Việt Nam cách nay đúng một nửa thế kỷ. Tôi không phải dân di cư. Nhưng gia đình tôi đã ở trong số hàng trăm ngàn gia đình bỏ hết tài sản, mồ mả ông cha để di cư vào Nam trong những tháng 7, 8, 9 và 10 năm 1954. Vì vậy nhớ lại cuộc di cư ấy cũng là nhớ lại những đắng cay chua xót cực nhọc vô vàn mà cha mẹ tôi, các em tôi đã phải trải qua, những kẻ ra đi, cũng như những kẻ còn ở lại trong sự chia ly đau buồn không hy vọng có ngày tái ngộ. Nhưng đồng thời cũng là nhớ lại những may mắn Trời ban, những sự tận tình giúp đỡ, an ủi của bè bạn, thân nhân, cũng như của nhân dân miền Nam. Cũng là nhớ lại những chương trình đề án của chính phủ Quốc Gia lúc ấy nhằm quyết liệt bảo đảm cho gần một triệu người đang lâm vào cảnh tha hương, không

nhà, không cửa, không có công ăn việc làm có được nơi tạm trú, có được đồng tiền mua gạo sống qua những ngày đầu đặt chân trên miền đất xa lạ.

Từ cái ngày đen tối không có tương lai, không chút hy vọng ấy cho tới nay, hầu như ký ức về những khó khăn cực nhọc buồn thương ban đầu đã dần dần tan biến để chỉ còn lại những hoài niệm êm đềm, vui tươi về những thành đạt của cá nhân cũng như của tập thể đồng bào di cư.

Những người sống sót trong cuộc di cư lần thứ hai từ ngày 30 tháng tư năm 1975 và hiện đang sống an lành trong một chế độ tự do dân chủ và giàu mạnh nhất thế giới này còn đáng vui mừng hơn. Vui mừng vì năm 1954, cha ông chúng ta đã có một quyết định chọn lựa đúng: Thà bỏ tất cả để ra đi với hai bàn tay trắng, còn hơn ở lại miền Bắc để sống trong đói khổ và kìm kẹp. Cứ nhìn vào những thành tựu của đại đa số chúng ta với con cháu được học thành tài, có công ăn việc làm và mức sống vật chất cao, cuộc sống tinh thần tự do cởi mở đủ thấy rõ điều đó. Rồi hãy nhìn lại cái xã hội **xã hội chủ nghĩa** ở trong nước hiện nay, và nhất là những thập kỷ trước. Đây rầy chết chóc, đói khổ, không chút tự do. Những tập quán, truyền thống dân tộc cao đẹp bị xóa bỏ. Mọi quyền làm người bị tước đoạt để dành lại cho một lớp người duy nhất hưởng thụ độc quyền là **“giai cấp đặc quyền đặc lợi”**, giai cấp tư bản đỏ. Càng nghĩ, càng so sánh, càng thấy chọn lựa ra đi của cha ông chúng ta là một chọn lựa khôn ngoan, đúng đắn.

Trước hết, nguyên nhân chính của cuộc di cư là hiệp định đình chiến Genève ký kết giữa Pháp và Việt Minh. Nó quy định trong vòng 100 ngày người dân hai miền

Nam Bắc có quyền lựa chọn nơi cư trú, hoặc ở lại hoặc đổi miền. Người ta đồn rằng chính phủ Ngô Đình Diệm muốn đưa vào Nam những người Công Giáo, đồng đạo với ông, là những người có tinh thần chống cộng triệt để, đáng tin cậy nhất, vì đã là nạn nhân đầu tiên của Việt Minh Cộng Sản. Mục đích để ông có một sự ủng hộ rộng lớn. Vì thế người của ông đã cho tung ra tin đồn là Đức Mẹ đã vào Nam để “dụ dỗ” đồng bào Công Giáo di cư. Tin đồn đó có lẽ có mục đích nói xấu cuộc di cư và hạ uy tín của ông Ngô Đình Diệm.

Theo chỗ chúng tôi biết thì không thấy gia đình nào di cư vì tin đồn đó. Chính những người thân của tôi khẳng định, trước khi quyết định di cư, chẳng hề nghe ai nói Đức Mẹ đã vào Nam. Hầu hết những người ra đi đều đã có kinh nghiệm đau xót với Việt Minh Cộng Sản qua các cuộc đấu tố và cách phân biệt đối xử, và nhất là vì những chính sách tàn bạo của Việt Minh: Tiêu thổ kháng chiến. Hợp tác hóa công, thương, nông nghiệp, một hình thức cướp của của nhân dân để làm giàu cho các cán bộ quản lý. Những vụ càn quét khủng bố dân làng vì bị tố cáo là Việt gian, gián điệp, trong khi thực chất là nhằm triệt hạ tôn giáo, cho nên bất cứ một dấu hiệu nào “khả nghi” đều được liệt vào những tội danh việt gian bán nước. Ví dụ một chiếc khăn tay trắng đưa lên lau mặt, một cái áo có màu cờ của Pháp cũng bị cho là những ám hiệu thông tin cho địch. Và còn biết bao điều bất công, đàn áp khác mà người dân phải chịu.

Chính vì những trở ngại khó khăn nguy hiểm trong chuyển đi mà trước khi quyết định ra đi nhiều người đã

phải suy nghĩ, đắn đo, trăn trở nhiều ngày đêm thao thức. Chú không phải dễ dàng. Nếu Việt Minh không quá phân biệt đối xử thì đồng bào Công Giáo đã không ra đi nhiều đến thế. Tuy nói là nhiều, nhưng cũng chỉ một phần nhỏ tít đồ Công Giáo đã thành công trong việc ra đi. Mẹ tôi kể lại, bốn mẹ con phải đi bốn lần mới có một lần thành công. Đường đi dài gần hai trăm cây số mà cứ gần đến Hải Phòng thì lại phải dẫn nhau quay về, vì lần nào cũng bị Việt Minh ngăn cản, dụ dỗ, đe dọa. Lần thứ bốn, may có một cán bộ địa phương thương tình cấp giấy tờ cho đi hợp pháp mới tới nơi. Bà đã gặp lại người cán bộ này tại miền Nam chỉ ít ngày sau đó. Anh ta nói khi cấp giấy cho gia đình tôi, là trong bụng đã ôm mộng bỏ đảng ra đi rồi.

Mẹ tôi kể rằng trong một thời gian dài từ khi vào Nam, năm nào cứ đến Tết thấy tôi cũng ỉu rù buồn bã. Có lúc bà bắt gặp ông khóc tức tuổi giữa đêm giao thừa. Hỏi thì ông bảo ông nhớ thương mẹ già, tức bà nội của chúng tôi, đã không cùng đi được, phải ở lại với cháu nội là em gái tôi với gia đình thông gia tại xã bên cạnh. Ông chủ gia đình này tức bố chồng cô em gái tôi sau 1954 đã bị Việt cộng quy kết là địa chủ và bị đem ra đấu tố đến chết, mọi tài sản của chim của nổi tất cả đều bị tịch thu. Gia đình chỉ còn mấy cái chiếu rách để đem xuống nằm ở chuồng trâu, vì nhà trên, nhà dưới đều bị CS lấy dành cho “bần cố nông”, những kẻ có công tố cáo tội địa chủ trong cải cách ruộng đất, ở. Những tai biến này mãi sau 1975, gặp lại gia đình, em tôi mới kể lại cho biết. Nhưng dường như cha tôi đã linh cảm được những bất trắc và gian khổ mà mẹ, và con gái yêu của ông phải chịu ở miền Bắc, nên trong nhiều

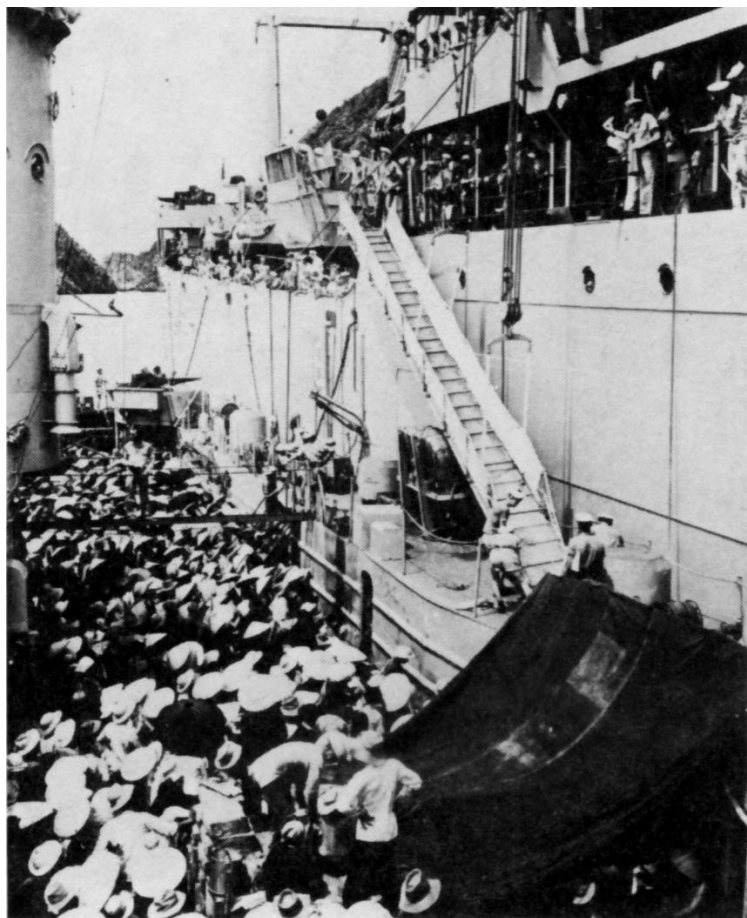
năm, cứ đến ngày mồng một Tết, thay vì vui Tết, thì ông lại ủ rũ và khóc thầm, cố giấu vợ con.

Đó là nỗi chua xót đau đớn của cuộc di cư, mà gia đình tôi đã trải qua. Thiết nghĩ gia đình nào cũng có những tình huống tương tự. Giả như cha mẹ tôi không đưa được một nửa gia đình vào Nam trong dịp ấy, thì chắc chắn khi cuộc đấu tố đợt hai xảy ra sau 1954, chắc chắn các người đã bị đem ra đấu tố về tội có vài chục mẫu ruộng tư điền, và chắc chắn không thoát khỏi cảnh như ông bố chồng cô em tôi. Lúc ấy mấy người em tôi ở tuổi 13, 14 sẽ sống ra sao?

Bỏ nhà ra đi là bỏ tất cả: nhà cửa, ruộng vườn, làng xóm, nơi còn vương biết bao kỷ niệm của nhiều đời người. Bỏ nhà ra đi là bỏ lại mồ mả cha ông, tổ tiên, từ bỏ cả trách nhiệm chăm sóc chúng. Nhất là, bỏ nhà ra đi mà không đem được mẹ già và những người con yêu quý nhất đời, đứa cháu ngoại còn thơ dại, thì làm sao mà không đứt ra từng khúc ruột. Nhưng bù lại khi đã vào được đến miền Nam, điều an ủi trước tiên là được gặp lại người con lớn, mà đã vì chiến cuộc xa cách mấy năm ròng. Khi cha mẹ tôi và các em tôi được đặt chân lên bến cảng Sài Gòn, tuy trong lòng còn lo lắng, nhớ thương trăm bề, nhưng cũng đã cảm thấy nhẹ nhõm phần nào, vì nỗi lo sợ bị đem ra đấu tố, bị giết không còn nữa.

Vì lẽ đó, nhận dịp này tôi xin chân thành bày tỏ lòng tri ân với mọi ân nhân đã bằng cách này hay các khác giúp đỡ gia đình tôi để có thể ra đi, và có thể sinh sống yên ổn sung túc trong miền Nam. Tôi cũng không thể nào không ghi lại ở đây lòng biết ơn của gia đình tôi đối với Thủ Tướng Ngô Đình Diệm và chính phủ của ông, trong đó có phủ

Tổng Ủy Di Cư đã tiếp tế đầy đủ cho chúng tôi cũng như hàng trăm ngàn gia đình khác.



Hình 13: Cảnh dân di cư cập bến Sài Gòn.

Vào cuối tháng 7 tại Quận Cam đã diễn ra một cuộc hội ngộ của các cựu giáo sư và học sinh trường trung học Chu Văn An, cũng từng được gọi là trường Bưởi khi còn ở

Hà Nội. Cuộc hội ngộ lớn lao kéo dài một tuần lễ, gồm 700 người từ khắp năm châu đổ về có mục đích kỷ niệm nửa thế kỷ trường này di cư vào Nam. Trong bữa tiệc một vị hiệu trưởng năm xưa đã đọc một diễn văn chí tình, trong đó ông thay mặt mọi người cảm ơn nhân dân miền Nam, cảm ơn các chính quyền VNCH về mọi điều ơn nghĩa tốt đẹp đã dành cho trường. Và nhất là ông đã cảm ơn các bậc cha chú đã sáng suốt và can đảm chọn lựa ra đi, để ngày nay con cháu được sống trong một xã hội tự do, tiên tiến, có những cơ hội và phương tiện tiến thân, làm nên sự nghiệp lớn, không bị quản thúc, áp chế trong một xã hội đảo điên như ở trong nước.

Tôi thiết nghĩ dịp này đáng lẽ cũng là dịp mọi đoàn thể tổ chức và cá nhân những gia đình di cư khác cũng nên nói lên lòng biết ơn tương tự. Và có một điều mà chúng tôi xin nói lên, mà cũng là điều mà vị hiệu trưởng kia không dám nói, vì một lý do nào đó. Đó là tôi vô cùng cảm ơn chính phủ Quốc Gia, mà lúc ấy thủ tướng là ông Ngô Đình Diệm. Vì nếu không có ông Diệm thì cuộc di cư đã không diễn ra tốt đẹp như vậy, thậm chí có thể nói không ngoa, là nếu không có Ngô Đình Diệm thì đã không có cuộc di cư vĩ đại này. Gần một triệu người. Con số thật kinh khủng. Vấn đề chuyên chở, vấn đề tạm trú, vấn đề ăn ở, vấn đề vệ sinh, vấn đề an ninh... và biết bao vấn đề nan giải khác cần giải quyết thật nhanh chóng. Trong khi đó ông Diệm về nước chấp chánh trong một trạng huống bi đát cực độ đến tuyệt vọng. Sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt cộng đã thôn tính được những vùng đất rộng rãi, đã làm cho lòng dân hoang mang khiếp sợ, không mấy người dám ra mặt

ủng hộ ông Diệm. Người Mỹ thì chỉ ủng hộ ông một cách miễn cưỡng và có tính cách tạm thời. Họ chờ ông thất bại để con bài của họ ra thay thế, vì họ thấy ông khó tính, ương ngạnh và có tinh thần quốc gia “cực đoan”.

Người Pháp thì tìm mọi cách phá, gây xáo trộn, để còn có cớ ở lại thêm, hòng kiểm soát thêm. Các giáo phái được Pháp ủng hộ thì có tinh thần thập nhị sứ quân. Nhất là lực lượng của Bảy Viễn ở Bình Xuyên được chính quốc trường Bảo Đại bao che, và Pháp vũ trang, lại nắm giữ ngành cảnh sát công an, ngang nhiên đương đầu với vị thủ tướng cô đơn. Quân đội thì nằm trong tay tướng Nguyễn Văn Hinh, một sĩ quan quốc tịch Pháp, do Pháp đào tạo và trung thành với Pháp, được Pháp che chở và điều khiển chống lại thủ tướng Diệm... Ngân khố thì hầu như trống rỗng.

Nói đến ngân khố trống rỗng, tôi cũng phải nhắc lại công ơn của chính phủ và nhân dân Hoa Kỳ đã tung tiền của và phương tiện ra trợ giúp chính phủ Ngô Đình Diệm trong việc tổ chức tiếp nhận một triệu người di cư.

Sau này nhiều người đã nói trong cuộc di cư của gần một triệu người thì có đến 80% là Công Giáo. Vì ông Diệm là tín đồ Công Giáo, nên chỉ được người Công Giáo tin tưởng và ủng hộ, hoặc chính ông cũng chỉ tin dùng và nâng đỡ họ. Thực ra tuy số người Công Giáo chiếm đa số, nhưng còn biết bao tổ chức, đoàn thể hội đoàn các tôn giáo khác và cư dân các thành thị, hay các viên chức chính phủ Bảo Đại, trong số đó có rất ít người Công Giáo, cũng ra đi để nương nhờ vào chính phủ quốc gia, nhất là để tránh nạn CS.

Không nói đến các đảng phái quốc gia từng là nạn nhân của Việt Minh, các viên chức chính phủ, gia đình các quân

nhân, và một số các nhà trí thức, nhà văn, nhà báo tại các thành thị, nguyên số nhạc sĩ phục vụ tại đài Tiếng Nói Quân Đội lúc đầu cũng khá đông mà chẳng có ai là người Công Giáo. Một số tên còn được lưu lại trong trí nhớ: Ngọc Bích, Nguyễn Hiền, Đan Thọ, Văn Phụng, Xuân Lôi, Xuân Tiên, vân vân. Và những nhạc sĩ danh tiếng khác tuy không là nhân viên của đài, nhưng cũng thường xuyên cộng tác, như Phạm Duy, Hoài Bắc (Phạm Đình Chương)... cũng đều là dân di cư và không phải Công Giáo. Mấy nhạc sĩ Công Giáo nổi tiếng như Lê Thương (với Hồn Vọng Phu), Hùng Lân (với Việt Nam Minh Châu trời đông) thì lúc ấy không có mặt ở đài này.

Ban đầu, khi đài còn nằm trong tay loạn tướng Nguyễn Văn Hinh, thì thính giả đã phải nghe những lời lẽ, luận điệu đả kích chống đối vị thủ tướng mới. Nhưng khi ông tướng này đã thúc thủ, thì cũng người xướng ngôn viên ấy (Văn Thiệt) cùng với tập thể các nhạc sĩ và nhân viên “di cư” đã hết lời ca tụng và tỏ lòng biết ơn vị thủ tướng can đảm, liêm chính đã trở thành tổng thống sau một cuộc phổ thông đầu phiếu. Vị quản đốc mới của đài lúc ấy chính là tổng giám đốc đài Little Saigon Radio ngày nay.

Dĩ nhiên ngoài giới nhạc sĩ, còn văn giới, báo giới, và giáo giới, ví dụ như các giáo sư trường đại học, và đặc biệt là các giáo sư trường trung học Chu Văn An nói trên. Tôi dám chắc (mặc dầu không có một sự kiểm kê nào), trong số 700 người tham dự đại hội kỷ niệm Chu Văn An di cư nửa thế kỷ nói trên không thể có được 30% là Công Giáo.

Mới đây, nhân nhắc lại cuộc di cư vĩ đại năm 1954, một vị trung tá Phật tử, tâm sự với chúng tôi: “Tôi tuy là Phật tử và tuy có nhiều Phật tử không ưa ông Diệm vì nghĩ, có

thể một cách sai lầm, ông ấy kỳ thị hay đàn áp Phật Giáo, nhưng tôi luôn luôn nhớ ơn ông Diệm, vì nếu không có ông ấy, không có cuộc di cư, thì cha tôi và ông anh cả tôi đã chết vào tay CS.” Thiết nghĩ còn rất nhiều vị Phật tử cũng muốn nói như thế, vì hầu hết những người không Công Giáo cố liều mạng chạy trốn CS theo làn sóng di cư đều là nạn nhân CS, hay ít nhất cũng khiếp sợ và ghê tởm CS. Và họ cũng không quên rằng dân di cư mang ơn chính phủ Ngô Đình Diệm.

Tóm lại, kỷ niệm 50 năm di cư, cũng là một hình thức tỏ lòng nhớ ơn các ân nhân và nói lên thái độ chống lại chế độ cộng sản bạo tàn vậy.

Chương 10

Nước mắt dập tắt lửa hận thù

Trua ngày 23 tháng 10 năm nay, 2005, tại hội trường của đài phát thanh Sài Gòn Nhỏ, miền Nam California, hội Ái Hữu Người Việt Quốc Gia Hải Ngoại đã tổ chức một buổi hội thảo về ý nghĩa cuộc trưng cầu dân ý xảy ra đúng nửa thế kỷ trước (23-10- 1955). Thuyết trình viên là giáo sư tiến sĩ Phạm Văn Lưu đến từ Úc Châu.

Hội trường hội Ái Hữu, cụ Cao Xuân Vỹ, là một trong 3 vị chủ tọa đã khóc khi nhắc lại công đức của cố tổng thống Ngô Đình Diệm, người mà ông đã đi theo, cho đến giờ phút cuối cùng, sau khi rời bỏ hàng ngũ kháng chiến của Việt Minh Cộng Sản, *“người mà tôi mến phục về lòng yêu nước nồng nàn và đời sống khổ hạnh hơn bất cứ nhà tu hành nào”* (lời cụ Vỹ). Đến phần phát biểu ý kiến, một thanh niên đứng lên giữa cử tọa chật ních hội trường cũng rung rung nước mắt nghẹn ngào đặt câu hỏi, đại ý: *“Một người yêu nước đức độ như thế mà sao bây giờ chúng con mới được*

biết? Sao các bậc cha chú không cho chúng con biết sớm hơn?... Tại sao lại cứ để người ta nói xấu vị tổng thống sáng lập nền Cộng Hòa Việt Nam?”

Sự xúc động tập thể lây lan trong hội trường khiến người viết nhớ lại câu cuối cùng kết thúc một chương sách về “*Hoàng Minh Chính và chủ nghĩa xét lại*” mà nhiều tờ báo ở hải ngoại đã đăng lại nhân dịp Hoàng Minh Chính tới Hoa Kỳ chữa bệnh. Trong số đó có nguyệt san *Thông Luận On Line*, (ghi lầm tác giả là Nguyễn Thanh Giang, thay vì Minh Võ) đã đưa câu cuối cùng của chương sách này lên làm trọng điểm và đặt lên đầu bài:

“... Bao lâu cái xác ông (Hồ) còn được tôn thờ ở công trường Ba Đình, trong khi nhiều nhà yêu nước khác còn nằm co ro, nhục nhã ở những bãi tha ma hẻo lánh, thì nhân dân ta còn khổ”.

Khi viết câu này, năm 1998, tôi nghĩ trước tiên đến hai ngôi mộ của “Gio-an Bao-ti-xi-ta HUYNH và Gia cô-bê ĐÊ”, tức của Tổng Thống Ngô Đình Diệm và bào đệ là cố vấn Ngô Đình Nhu, nằm heo hút trong một góc của nghĩa trang Lái Thiêu.

Ở trong nước, khi mà chế độ CS phi nhân còn đó, thì đành chịu vậy. Nhưng ở hải ngoại, trong bầu không khí dân chủ tự do của một nước được coi như tự do dân chủ nhất thế giới, tại sao những ngày kỷ niệm trọng đại này nhằm nói lên công lao to lớn của vị khai sáng ra nền Cộng Hòa Việt Nam, vị cứu tinh của dân tộc vào thời điểm đen tối nhất của lịch sử đã mở ra một con đường sáng cho nột nửa nước lại chỉ được tổ chức tại một phòng hội nhỏ bé của một đài phát thanh, hay âm thầm tại một giáo đường

mà không phải là tại một công viên rộng lớn nào đó? Tại sao không dùng các phương tiện truyền thông hiện đại, quảng bá cho nhiều người biết hơn để tham dự mà vinh danh con người Việt Nam đáng vinh danh nhất nửa thế kỷ vừa qua?

Đó là câu hỏi mà, theo thiện ý, người thanh niên ghen ngào phát biểu không có đủ thì giờ (bị giới hạn trong 3 phút) để nêu lên một cách đầy đủ, và hẳn nhiều người trong hội trường cũng cùng ý nghĩ đó. Tôi đã từng nghe có người giải thích, vì sợ gây chia rẽ tôn giáo! Có lẽ những người này không muốn mất lòng hay đụng tới một vấn đề nhạy cảm của một số Phật tử đã từng đấu tranh chống tệ nhất Cộng Hòa, đưa tới sự lật đổ và sát hại tổng thống Ngô Đình Diệm.

Đúng là vẫn còn nhiều người nghĩ ông Ngô Đình Diệm đàn áp hay kỳ thị Phật Giáo, mặc dù những người thân tín chung quanh tổng thống lúc sinh thời hầu hết đều là Phật tử rất ngoan đạo.

Ngoài việc trọng dụng những Phật tử vào những chức vị thân tín chung quanh mình, tổng thống Ngô Đình Diệm còn cho xuất ngân sách trùng tu nhiều chùa chiền trong nước, xây thêm chùa mới khiến số lượng tăng gấp đôi so với thời trước. Việc này ông Mai Thọ Truyền biết rõ. Gần đây chúng tôi đã tiếp xúc với cựu nghị sĩ Lê Châu Lộc, nguyên tùy viên của Tổng Thống Diệm để hỏi về một số tin tức liên quan đến thái độ của tổng thống đối với Phật Giáo, thì được ông xác nhận, trước hết việc tổng thống kín đáo tặng Đức Đạt Lai Lạt Ma một số tiền lớn (15 ngàn Đô-la) là có thật. Số tiền này không phải là tiền riêng của tổng

thống, cũng không phải trích từ quỹ xã hội, hay quỹ mật của phủ Tổng Thống, mà là tiền từ giải thưởng Magsaysay mà Tổng Thống được tặng. Sau này ông Huỳnh Văn Lang, tổng giám đốc viện Hối Đoái thời ấy cũng biết rõ, vì có chuyển ngân còn ghi lại. Rồi mới đây ông Quách Tòng Đức, đồng lý văn phòng phủ Tổng Thống, cũng xác nhận với luật sư Lâm Lễ Trinh.

Việc thứ hai ông Lê Châu Lộc cho biết: Khi vụ Phật Giáo xảy ra và phe chống đối cáo buộc tổng thống kỳ thị Phật Giáo, 4 vị Phật tử xung quanh Tổng Thống là các ông Quách Tòng Đức (đồng lý), Nguyễn Thành Cung (tổng thư ký), Trần Sử (bí thư) và Võ Văn Hải (chánh văn phòng) đã cùng vào gặp Tổng Thống để xin phép cho công bố một số công việc và những món tiền mà Tổng Thống đã chi thị chi vào việc phát huy Phật Giáo. Nhưng Tổng Thống không chấp thuận. Ông bảo đó là bốn phạm của một nguyên thủ quốc gia, không thể kể công... Lúc ấy ông Lê Châu Lộc cũng có mặt. Thế mà cho đến nay vẫn còn có người dám nói: Ông Diệm chỉ dùng người Công Giáo! Hay ông Diệm kỳ thị, đàn áp Phật Giáo!

Tại sao lại có tình trạng ngược đời đó? Tại sao cho đến giờ phút này vẫn còn nhiều người hiểu lầm như thế? Theo tôi nghĩ, lý do thứ nhất là vì có một số trí thức ngoài Công Giáo vì một lý do nào đó muốn bôi nhọ cái đạo quốc tế, lớn nhất thế giới này. Cho nên chẳng những họ tìm mọi cách để bôi nhọ những nhân vật Công Giáo nổi tiếng, không chỉ có gia đình họ Ngô, mà cả những danh nhân văn hóa lòng lẫy như Paulus Huỳnh Tịnh Của, Petrus Trương Vĩnh Ký, Alexandre De Rhodes, Nguyễn Trường Tộ, v.v.

Lý do thứ hai là vì một số tướng lãnh và trí thức thuộc một đảng phái chính trị đã trót nhúng tay vào việc lật đổ và sát hại tổng thống Ngô Đình Diệm cố bằng mọi cách chạy tội với lịch sử.

Ngày nay, khi mà những hồ sơ mật của bộ ngoại giao và quốc phòng Mỹ đã được giải mật, và đã có nhiều sử gia, nhà báo, cũng như những nhân vật quan trọng trong chính quyền Mỹ đều đã viết sách xác nhận là cuộc đảo chính năm 1963 là do Mỹ “tổ chức”, “phát động” (organized, set in motion, McNamara, *In Retrospect*, trang 55, và 52), hay “đỡ đầu” (sponsored), “khuyến khích” (encouraged)... Ngay Stanley Karnow, một sử gia thiên tả, thường ca tụng Hồ Chí Minh và chê ông Diệm là độc tài, quan liêu cũng không ngần ngại viết rằng cuộc đảo chính có sự đồng lõa của Mỹ (American complexity).¹

Như vậy những kẻ chủ mưu hay có dính líu vào cuộc đảo chính đó đã trở thành tay sai của Mỹ, và/hoặc phản quốc, vì đã nhận tiền của Mỹ lật đổ một chế độ hợp hiến hợp pháp do toàn dân bầu lên.

(Chính tướng Trần Văn Đôn, một trong hai người VN cầm đầu cuộc đảo chính, trong cuốn *Việt Nam Nhân Chứng* đã nói đến số tiền (khoảng 42 ngàn Đô-la) mà các tướng đảo chính đã chia nhau. Nhưng vì có dư luận phân chia không đồng đều sao đó, nên đã bắt buộc dĩ phải ghi vào sách để thanh minh... Và cũng chính tướng Đôn ghi rõ trên giấy trắng mực đen rằng sau đảo chính ông cùng với vài người nữa đã thay mặt nhóm đảo chính đến tòa đại sứ Mỹ để nhận lời khen của đại sứ Cabot Lodge.)

Chính cái mặc cảm tội lỗi đó đã khiến những kẻ đó viết sách viết báo cố tìm mọi khuyết điểm của những người

trong gia đình họ Ngô để bêu xấu hồng làm cho người đọc không chú ý đến tội ác tày trời của mình.

Như chúng ta đã biết, trong số những cuốn sách viết sớm nhất để chạy tội, có những cuốn *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi* của Đỗ Mậu, *Twenty Years and twenty days*, (*Hai Mươi Năm và Hai Mươi Ngày*) của Nguyễn Cao Kỳ, *Một Trời Tâm Sự* của Nguyễn Chánh Thi, *Việt Nam nhân chứng* và *Our Endless War*, (*Cuộc chiến bất tận của chúng tôi*) của Trần Văn Đôn. Tương cũng nên kể luôn cuốn *In The Jaws of History*, (*Gọng Kim Lịch Sử*) của cựu đại sứ Bùi Diễm, mặc dù ông vốn là một nhà ngoại giao khéo léo, đã không chỉ trích nặng nề Tổng Thống Diệm bằng những kẻ khác. Nhưng dầu sao thì ai cũng biết ông đứng đằng sau, và có lúc sát gần bên cạnh những người chủ trương lật đổ Tổng Thống như Rufus Phillips (CIA) và tướng Lê Văn Kim chẳng hạn, và chính ông cũng không giấu giếm việc ông rất thân với những nhà báo chống đối ông Diệm một cách vô cùng quyết liệt, như Neil Sheehan, David Halberstam, và Malcolm Browne. Về sau còn có thêm những hồi ký của Vương Văn Đông và *Trở Về Sông Núi* của Phạm Văn Liễu cũng là những kẻ cầm đầu cuộc đảo chính hụt năm 1960. Tôi chỉ kể sơ sơ 8 cuốn đây cộm đó.

Đĩ nhiên cũng có những cuốn sách khác không phải do những kẻ có mặc cảm tội lỗi viết để gián tiếp biện minh cho việc làm tội lỗi của họ. Nhưng phần đông nếu không muốn nói là hầu hết đều do họ đứng cùng phe với những kẻ chủ mưu và/hoặc đã từng ủng hộ cuộc đảo chính bằng cách này hay cách khác, hoặc bị những kẻ này mua chuộc hay thuyết phục.

Trái lại về phía những người thân cận hay trung thành với nhà ái quốc Ngô Đình Diệm hầu hết thường có ý nghĩ: Sự thực vẫn là sự thực, cần gì phải thanh minh, cải chính. Rồi lịch sử sẽ phán xét công minh. Hơn nữa cũng không ít người nghĩ, mình ở trong cuộc, nói ra sợ người ta bảo không vô tư. Chi bằng cứ để lịch sử sau này phán xét.

Chính vì thế mà cho đến nay nhiều bạn trẻ đã không được biết những sự thực cần được biết.

Cũng may là gần đây đã có nhiều tác giả (tất cả đều là Phật tử) như các giáo sư Phạm Kim Vinh, Hoàng Ngọc Thành, Tôn Thất Thiện, ký giả Vinh Phúc, hay cựu đại tá Nguyễn Hữu Duệ, cựu thiếu tướng Hoàng Lạc... đồng dặc lên tiếng cải chính những luận điệu vu khống hay thiếu chính xác của những kẻ muốn chạy tội.

Ở đây chúng tôi xin văn tắt nêu lên một số chứng liệu và sự kiện lịch sử tự nó đủ cho thấy: bảo rằng ông Diệm đàn áp hay “bách hại” Phật Giáo là hoàn toàn sai.

Chính tổng thống Mỹ Richard M. Nixon ngay đầu cuốn *No More Vietnams* đã khẳng định một cách dứt khoát: “*Vấn đề đàn áp tôn giáo là hoàn toàn bịa đặt... Chính trị, chứ không phải tôn giáo đã ở trong đầu những kẻ núp đằng sau cuộc khủng hoảng*” (ông có ý nói cuộc khủng hoảng Phật Giáo).²

Sở dĩ tổng thống Nixon xác quyết một cách mạnh mẽ như vậy vì ông biết rõ tham vọng và âm mưu của thượng tọa Thích Trí Quang, người đã được đại sứ Mỹ Cabot Lodge đưa vào ẩn núp trong tòa đại sứ, khi lực lượng an ninh truy lùng ông tại chùa Xá Lợi, vì chính phủ tin tưởng rằng, nếu bắt giữ được người cầm đầu này thì mọi vấn đề rắc rối về cái gọi là “cuộc khủng hoảng Phật Giáo” sẽ được giải quyết ổn thỏa.

Muốn biết một phần trong những tham vọng và âm mưu của vị hòa thượng này (mà có nhiều người cho là đặc công của CS, vì cho đến nay ông ta vẫn được CS trong nước để sống yên ổn, trong khi nhiều vị thượng tọa khác bị bắt bớ, giam tù hay giam lỏng), tưởng chỉ cần đọc lại vài trang sách của Nguyễn Cao Kỳ thượng dẫn.

Trước hết xin tóm tắt là Thích Trí Quang chống ông Diệm viện lẽ ông đàn áp Phật Giáo và đã thành công. Nhưng khi ông Diệm đổ rồi ông vẫn tiếp tục gây rối, đem cả bàn thờ xuống đường để “tranh đấu”, chẳng những thế vẫn không chấm dứt những vụ tự thiêu... Mặc dù lúc ấy không còn ai tố cáo chính quyền đàn áp Phật Giáo nữa.

Vì Cabot Lodge đã dùng Thích Trí Quang để lật được Tổng Thống Diệm rồi, nên ông ta thấy không cần dùng cây bài Thích Trí Quang nữa. Cho nên tướng Kỳ đã bắt được Thích Trí Quang một cách dễ dàng và cái gọi là vụ Phật Giáo thời hai ông Thiệu, Kỳ đã xếp một cách nhanh chóng.

Bây giờ xin hãy xem ông Kỳ mô tả cái tham vọng và âm mưu chính trị của Thích Trí Quang ra sao: *“Thích Trí Quang tướng Cabot Lodge còn giữ cảm tình với mình như cuối năm 1963 nên có lần ông ta đến ngỏ ý muốn lật tôi (Kỳ), thì bị Cabot Lodge hỏi: “Nhưng giả như thượng tọa lật được tướng Kỳ rồi thượng tọa sẽ đặt ai làm thủ tướng thay ông ta?” Trí Quang ngồi im một lúc, suy nghĩ lung lắm. Rồi đưa ra một lời nhận xét khiến C. L. bàng hoàng: “Chúng tôi sẽ sẵn sàng đặt ông ta ngồi lại ghế thủ tướng.”*³

Đã rõ tham vọng của Thích Trí Quang là muốn làm tổng thống hay làm một ông vua không ngai vàng, tự ý

muốn đặt ai làm thủ tướng thì đặt. Điều này hoàn toàn trái với những gì những kẻ thay Đỗ Mậu viết trong *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*:

*“Riêng đối với thượng tọa Trí Quang thì dù chiến tranh hay hòa bình, trước hết miền Nam VN phải được lãnh đạo bởi những nhà lãnh đạo do dân lựa chọn trong tự do và dân chủ.”*⁴

Đỗ Mậu, hay những kẻ viết giúp ông ta, đã bảo hoàng hơn vua, cố tình bịa ra để bào chữa cho việc làm tội lỗi của Thích Trí Quang và những tướng lãnh ăn tiền của Mỹ để lật một tổng thống do toàn dân bầu lên, trong một không khí tự do dân chủ, đầy hào hứng lúc ấy.

Chúng tôi nói “hào hứng” là dựa vào câu viết của chính tướng Kỳ, một tướng tham gia đảo chính. Ông Kỳ viết: *“Cảm nghĩ của tôi về ông Diệm lúc ấy nhiều người biết. Trong năm 1954 tôi đã cùng với hàng ngàn người nồng nhiệt hy vọng rằng con người mộ đạo này sẽ chứng tỏ là **vị cứu tinh của đất nước** (Minh Võ nhấn mạnh). Cũng như mọi người trong gia đình tôi, tôi đã giúp cho cuộc bỏ phiếu đưa ông Diệm lên cầm quyền. Tôi còn nhớ sự thán phục lạ lùng mà người ta dành cho ông Diệm trong những ngày theo sau cuộc bầu cử ông...”*⁵ Một người có tham vọng chính trị một cách ngông cuồng như Thích Trí Quang không thể là một nhà tu chân chính. Vậy thì cái vụ Phật Giáo kia cũng không thể là một vấn đề tôn giáo, mà đích thực nó là một vấn đề chính trị. Vấn đề bạo loạn.

Không phải chỉ có tổng thống Nixon biết rõ điều đó. Ngay cả cựu hoàng Bảo Đại, người bị truất phế cũng biết và còn đi xa hơn nữa:

“Tất cả đang tiến tới thì chính phủ (NDD) gặp phải sự chống đối của các nhà sư. Ông Diệm và Nhu là người Công

Giáo. Các nhà sư được cộng sản giết giây và mật vụ Mỹ tiếp tay, liền bắt đầu hành động. Chính quyền phải đối phó lại...⁶

Để nói thêm về nghi vấn có bàn tay CS hay tang chứng Mỹ nhúng tay vào, chúng tôi xin nêu ra đây một sự kiện mà chính sử gia thiên tả Stanley Karnow đã ghi lại trong cuốn *Vietnam A History*. Theo ông thì trong số 9 người bị giết trước đài phát thanh Huế trong một cuộc biểu tình do phe Thích Trí Quang tổ chức có một phụ nữ và 8 trẻ em.⁷ Người ta cố tình không chú ý đến chi tiết đặc biệt này. Nhưng chúng tôi nghĩ đây là một chi tiết hết sức quan trọng. Cứ đặt câu hỏi: Tại sao phe chống đối của Thích Trí Quang lại xúi dục, và đem đi biểu tình nhiều đàn bà và trẻ em đến thế? Nếu không phải có dự mưu gây chết chóc cho trẻ em hầu dễ khuấy động quần chúng?

Đó là chưa kể đến một tin khác đi kèm theo là một đại úy Scott nào đó đã dùng một chất nổ cực mạnh mà chỉ có CIA mới có để gây cái chết khủng khiếp đó. Tin này không phải chỉ được tiết lộ bởi bác sĩ Trần Kim Tuyến trong cuốn *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống* được viết chung với Cao Thế Dung.

Tóm lại, qua một vài sự việc cụ thể nêu trên, việc Mỹ tổ chức và phát động (“organized and set in motion”, hai chữ của chính McNamara, nguyên bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ thời ấy) cuộc đảo chính là có thật. Việc tướng lãnh nhận tiền của CIA Mỹ (qua trung gian trung tá Lou Conein) để thực hiện đảo chính cũng có thật. Việc thượng tọa Thích Trí Quang được đại sứ Mỹ cho trốn tại tòa đại sứ cũng có thật. Tham vọng chính trị của ông này cũng có thật. Ông là con cò (hay tay sai?) của Cabot Lodge cũng có thật.

Vậy cái gọi là cuộc khủng hoảng Phật Giáo chỉ là cái vỏ của một vấn đề chính trị. Chính phủ Ngô Đình Diệm không hề có chủ trương đàn áp hay bách hại Phật Giáo. Báo chí Mỹ và các tướng đảo chính đã xuyên tạc sự thật khi nói rằng vì ông Diệm đàn áp Phật Giáo nên nhân dân bất mãn ra tay lật đổ ông để làm cuộc cách mạng. Những người khóc trong hội trường đài phát thanh Sài Gòn Nhỏ đã khóc cho một người ái quốc bị hàm oan, khóc cho nhân dân Việt Nam ngày nay bị đói khổ, bị tước đoạt mọi quyền tự do, và các tôn giáo đang bị đàn áp bởi CS. Nếu ông Diệm không bị lật đổ và bị giết năm 1963, chắc chắn đất nước không đến nỗi này. Cũng trong buổi hội thảo nói trên, cựu trung tá Nguyễn Văn Minh, tác giả cuốn *Dòng Họ Ngô Đình, Giấc Mơ Chua Đạt*, một trong 3 cuốn sách bán chạy nhất trong năm qua đã lên phát biểu ý kiến và nêu một sự việc cảm động. Ông thuật lại lời một độc giả ở Colorado đã gọi điện thoại nói với ông về cuốn sách, vừa nói vừa khóc. Độc giả ấy cho biết mình là Phật tử, và vì đọc những sách của những người ác cảm và chủ trương hay tán thành vụ đảo chính 1963 nên trước đây vẫn đinh ninh rằng ông Diệm thực sự đàn áp Phật Giáo. Bây giờ mới được biết sự thực.

Chính người viết cũng được nhiều cú điện thoại tương tự. Phần nhiều độc giả đều nói khi nghe tin tổng thống bị giết, nhiều người dân quê miền Nam đã khóc.

Để kết thúc bài này, chúng tôi cầu mong những dòng nước mắt của những đồng bào xót thương vị tổng thống yêu nước Ngô Đình Diệm sẽ tưới xuống những đốm lửa hận thù vô căn cứ còn rơi rớt lại ở đâu đó do những thông

tin sai lạc tạo nên trong mấy thập niên qua để cho nhân dân ta sớm được sống an bình, no ấm trong tự do dân chủ.

¹ Về chi tiết xin xem *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê* của Minh Võ, ấn bản thứ 3 năm 2002.

² SDD tr. 10 và 65

³ *Twenty Years And Twenty Days*, trang 87. Chúng tôi chỉ dịch mấy câu cuối. Nếu đọc nguyên văn Anh ngữ cả trang sẽ thấy nhiều chuyện lý thú hơn nữa. Xin nhớ rằng ông Kỳ viết những hàng trên, khi ông Cabot Lodge hãy còn sống. Cho nên không thể bảo ông ta bịa ra được.

⁴ SDD tr. 730

⁵ SDD tr. 31. Chúng tôi nhấn mạnh mấy chữ **vị cứu tinh của đất nước** (trong sách của ông Kỳ) để nhắc lại cảm tình cũng như sự tin tưởng của người dân, nhất là những người di cư từ miền Bắc như gia đình ông Kỳ. Cũng vì nghĩ ông Diệm là vị cứu tinh của đất nước, cho nên nhiều người đã hoan hô, kính mến ông Diệm, trong đó có cả những văn nghệ sĩ tên tuổi như nhạc sĩ Ngọc Bích từng nổi tiếng với Phạm Duy, Văn Cao thời kháng chiến, không ngần ngại soạn cả một bài suy tôn Ngô Thủ Tướng.

⁶ Hồi ký *Le Dragon D'Annam*, bản Việt ngữ *Con Rồng Việt Nam*, do Nguyễn Phước Tộc phiên dịch và xuất bản, California 1990, trang 188.

⁷ *Vietnam A History*, Viking Pinguin, USA, 1991, tr. 295

Chương 11

Công Tử Hà Đông bị hiểu lầm

Có vài vị độc giả cao niên trong chỗ quen biết gọi điện thoại phản nài rằng nhà văn Hoàng Hải Thủy gián tiếp mật sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm một cách phi lý. Chả là trong số phát hành ngày 4- 11-2005 tuần báo Sài Gòn Nhỏ có đăng bài của Công Tử Hà Đông, một bút hiệu quen thuộc của Hoàng Hải Thủy, nhan đề “BẠC LÀ DÂN...”, trong đó ông đã trích dẫn 10 bài thơ phi báng, lăng nhục Tổng Thống Diệm và cả dòng họ Ngô. Những bài thơ này choán hết một trang rưỡi tờ báo khổ lớn, nghĩa là gần hai phần ba bài báo. Đáng chú ý là trong số các tác giả có cả Thân Đăng tùng là bút hiệu của nhà thơ nổi tiếng Đình Hùng. *“Ông ta nhằm mục đích gì khi trích đăng những bài thơ bi ối đó?”* các vị cao niên nói tuông lên trong điện thoại...

Tôi đã tìm đọc số báo nói trên để biết sự thật. Đọc hết bài báo thì mới vỡ lẽ ra rằng nhà văn đa tài hiểu rộng biết

nhiều, lại hay nói thẳng, nói thật, không sợ mất lòng, dù đối với bạn bè, đã bị hiểu lầm.

Khi đọc báo, một số độc giả có thói quen chỉ đọc lướt qua, thấy có chữ tô đậm, viết nghiêng, hay những con số, những tên người, tên nơi đáng chú ý mới dừng lại đọc kỹ. Vậy thì những bài thơ, viết nghiêng, lại có tên Đinh Hùng... đã kéo chú ý, và có lẽ họ chỉ đọc kỹ những bài thơ đó.

(Tuồng cũng nên mở một dấu ngoặc để thêm rằng chính nhà văn Uyên Thao và Minh Võ cũng đã bị hiểu lầm một cách tương tự. Trong *Thư nhà xuất bản* ở đầu cuốn *Hồ Chí Minh, Nhận Định Tổng Hợp*, Uyên Thao, người chủ trương Tủ sách Tiếng Quê Hương đã trưng dẫn những lời ca tụng HCM của William Duiker, David Halberstam và Hélène Tourmaire. Còn trong tác phẩm thì không biết bao nhiêu lần, Minh Võ đã trích dẫn những đoạn dài của những tác giả CS hay thiên cộng tâng bốc HCM lên đến tận mây xanh. Mục đích của chúng tôi là để chứng minh rằng ngày nay hãy còn có rất nhiều người không hiểu rõ về con người của HCM đến thế. Nhưng rồi sau đó chúng tôi đã chứng minh ngược lại. Nếu ai không đọc kỹ, đọc hết cuốn sách thì chắc chắn sẽ hiểu lầm, bảo Uyên Thao và Minh Võ “thiên Cộng”.)

Nếu đọc cẩn thận từ đầu thì sẽ thấy ngay mục đích của Công Tử Hà Đông là chứng minh dân mình vô ơn đối với một vị tổng thống đáng ghi ơn, hay ít nhất cũng đáng thương cảm vì chẳng làm gì để đến nỗi bị giết, bị chửi oan như thế. (Nguyên văn CTHĐ: “Tôi đã đọc một số bài thơ ấy những năm xưa, năm nay đọc lại, tôi thấy bất nhẫn. **“Bạc là dân”**. Ông Ngô Đình Diệm đã làm gì để bị người

ta giết, người ta chửi tàn nhẫn đến như thế!”) Cũng nên thêm rằng nhà văn đa tài của chúng ta đã không do dự tự tố cáo cả chính mình đã từng có lần *“mạ lỵ những người Ngô Đình, nhiều lần tôi viết “Tổng Phệ”, nhiều lần tôi lấy làm khoái chí khi tôi viết chửi ông Ngô Đình Diệm”*. Nhưng rồi nhớ lại, ông tự cười ông.

Đó là những năm 1964-1965, lúc ông Ngô Đình Diệm mới bị lật và bị giết. Nay 40 năm sau, sau khi đã chứng kiến những đổ vỡ sa sút, rối ren do cái chết của Đệ Nhất Cộng Hòa gây nên, và sau khi chứng kiến cảnh nước mất, nhà tan từ 1975, để ông phải vào tù, phải sống tha phương, *“năm nay, năm 2005, tôi sống ở Hoa Kỳ, ngày 1, ngày 2 tháng 11 trở lại. Tôi nhớ và tôi thấm thía, thành ngữ của ông cha tôi: “Bạc là dân, bất nhân là lính!””*

Chữ BẠC ở đây không có nghĩa tiền bạc hay quý kim đâu. Không phải cứ có bạc là có dân, hay cứ có dân là có tiền bạc... Bạc cũng không phải là trắng. Dân trắng thì chẳng có nghĩa gì, trừ phi là trắng tay, như dân Việt ngày nay dưới sự cai trị của tập đoàn tham nhũng nó vơ vét hết mọi tài sản. Bạc cũng không phải là yếu (như bạc nhược). Dân nào là dân yếu? Hay dân Việt Nam hiện nay rất yếu, vì không đủ mạnh để lật, để hất cái chế độ CS đại ác kia đi, hay vì dân bị đàn áp, đánh đập quá nên hết xí quách?

Bạc ở đây chính là xử tệ, vô ơn đối với người mình hàm ân. Tệ bạc. Bội bạc. Phụ bạc. Bạc bẽo. Bạc tình.

“Muốn mù trời chẳng cho mù hẳn.

*Gương mặt trông chỉ buổi **bạc tình**.”*

(Tú Xương)

Hay

*“Trách người quân tử **bạc tình**.
Chơi hoa rồi lại bẽ cảnh bán rao”*
(Ca dao).



Hình 14: Tôn Thất Định, một trong những loạn tướng.

Bạc là dân... mà Công Tử Hà Đông chọn làm tựa cho bài viết rất thâm thúy của ông là một nửa của ngạn ngữ Việt Nam có tính triết lý rất sâu sắc, phản ánh một nhân sinh quan về thể thái nhân tình. Nửa sau là: **Bất nhân là lính**. Bạc là dân, bất nhân là lính. Xin quý vị quân nhân đừng buồn, giận. Hãy tha thứ cho triết lý dân gian. Và xin những quân nhân cấp dưới hiệu chữ lính của Công Tử

Hà Đông ở đây chỉ là một nhóm những người lính mang sao trên cầu vai, như các ông Dương Văn Minh, Mai Hữu Xuân, Tôn Thất Đính, Trần Thiện Khiêm... đã lật và giết ông Diệm.

Toàn bài viết của Công Tử Hà Đông nhằm chứng minh cái triết lý dân gian ấy. Và như vậy ông đã gián tiếp công nhận ông Ngô Đình Diệm là người mà đáng lẽ dân Việt Nam phải nhớ ơn, như bài ca của Ngọc Bích, lời của Thanh Nam mà ông đã trân trọng nhắc lại. Có điều ông không nói rõ là bài ca “suy tôn” đó được sáng tác trong thời gian ông Diệm mới về nước, với tư cách là thủ tướng, cho nên ban đầu nguyên văn nó là “Toàn Dân VN biết ơn Ngô **Thủ Tướng**”. Hai năm sau mới đổi thành “Ngô **Tổng Thống**”. Ông Vũ Quang Ninh tổng giám đốc Little Sài Gòn Radio, lúc ấy cùng làm việc với nhạc sĩ Ngọc Bích và nhà thơ Thanh Nam, có thể minh xác điều này.¹ Và câu “Ai bao năm từng **lê** gót nơi quê người” sau được sửa lại là “Ai bao năm từng **in** gót nơi quê người.”

Chính những lời viết ở đầu bài đã cho thấy rõ tâm trạng và thái độ của tác giả đối với Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Lúc ấy ông còn quá trẻ, chỉ lo làm ăn, lo sáng tác và phóng tác, dịch thuật (rất hăng và rất thành công) để phục vụ văn học nghệ thuật, chẳng màng đến “chính chị chính em”. Như ông đã ghi rõ:

“Tôi 30 tuổi đang xoan năm 1963 (*năm ông Diệm bị giết – MV chú thích*). Cuộc sống của tôi lên đến đỉnh cao phong độ nhất trong những năm từ 1958 đến 1963 (...). Tôi trẻ, tôi ăn chơi vi vút trong thủ đô **yên bình** (Minh Võ nhấn mạnh 2 chữ yên bình). Đòi tôi lên đến đỉnh cao phong độ

theo quyền lực của tổng thống Ngô Đình Diệm... Ông lên tôi lên theo ông. Ông xuống tôi xuống theo ông.”

Vì thế mà ngày nay (2005), đọc lại những bài thơ phi báng Tổng Thống Diệm (viết vào khoảng thời gian từ 1967-1970), rồi lại nhớ lại cái thời thanh bình trong chế độ đệ nhất Cộng Hòa, từ 1956-1963, nhớ lại những lần đứng trong các rạp hát nghe bài *Suy Tôn Ngô Tổng Thống*, “tôi thấy ngậm ngùi”. Không ngậm ngùi sao được khi thấy cảnh bề dẫu như thế. Một người đang bị sỉ vả, mặt sất, lông nhục, chính là người năm xưa đã từng là ân nhân của một phần lớn nhân dân.

Có lẽ Công Tử Hà Đông nhớ đến cuộc di cư vĩ đại mà nếu không có ông Diệm, có lẽ nó không vĩ đại đến thế, hay ít nhất cũng không hoàn tất một cách tốt đẹp như thế. Nhờ có cuộc di cư đó mà cùng với hàng ngàn văn nghệ sĩ (trong đó không phải chỉ có những Ngọc Bích, Thanh Nam, Nguyễn Hiền, Phạm Duy, Xuân Tiên, Xuân Lôi, Đan Thọ, Thẩm Oánh, Hùng Lân hay những Vũ Hoàng Chương, Mai Thảo, Doãn Quốc Sỹ, v.v. mà cũng có cả Đinh Hùng, Vũ Bằng nữa) ông đã có thể thoát nạn bị đấu tố, hãm hại của CS, có thể được tiếp tục tự do sáng tác, phóng tác trong một miền đất Tự Do. Không giống như những Hữu Loan, Nguyễn Bính, Phùng Quán, Phan Khôi, v.v. không di cư được vào Nam.

Có lẽ ông nhớ đến công cuộc thống nhất các lực lượng vũ trang miền Nam, đến cuộc trưng cầu dân ý truất phế một ông vua ngai ở “mẫu quốc” mà trị nước, khiến cho trong thời ông độc lập chỉ có trên giấy tờ, khiến cho chính nghĩa dân tộc nghiêng về phía CS.

Có lẽ ông nhớ đến ngày đoàn quân Pháp rút khỏi Việt Nam, đến buổi lễ hạ quốc kỳ Pháp, thượng quốc kỳ Việt Nam trước dinh Norodom, dưới sự hiện diện của Tổng Thống Diệm (chứng kiến sự chiến thắng) và của tướng Paul Ely của Pháp (chứng kiến sự thất bại) để từ đó dinh này được mệnh danh là DINH ĐỘC LẬP, mở ra một kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam, khiến cũng từ đó những tên đường phố mang tên ngoại quốc được mang tên các nhà ái quốc Việt Nam, và cũng từ đó miền Nam được sống trong cảnh thanh bình, với niềm tự hào là từ đó những người bên này sông Bến Hải không còn mang mặc cảm Việt gian hay bị đối phương gán cho hai chữ phản quốc như trong thời còn sự hiện diện đồng đảo quân Pháp. Vâng vâng...

Chính những hoài niệm ấy khiến ông ngậm ngùi và nghĩ tới cái triết lý dân gian BẠC LÀ DÂN... Ngậm ngùi, vì thương cho một người, một kiếp người... Hy vọng mấy hàng trên đã đánh tan sự hiểu lầm của một số độc giả vốn mến tài Công Tử Hà Đông, nhưng đã không đọc kỹ bài của ông.

Phần IV

Chú thích

¹ Có một vài người cho đến gần đây, vì một thành kiến nào đó, vẫn còn nói rằng Ngọc Bích và Thanh Nam miễn cưỡng làm bài *Suy tôn Ngô Thủ Tướng* theo lệnh trên. Nhưng ông Vũ Quang Ninh, lúc ấy là quân đốc đài Tiếng Nói Quân Đội, người chỉ huy trực tiếp của 2 nghệ sĩ đã quả quyết với người viết rằng họ tự động làm vì kính phục và nhớ ơn ông Diệm như hàng vạn dân di cư khác. Nếu có lệnh trên, thì lệnh đó chắc chắn đã phải qua ông Ninh. Ông Ninh còn nói Thanh Nam và Ngọc Bích

sáng tác bài đó theo ngẫu hứng tại một quán nước ngoài phố. Nhạc Sĩ Phạm Duy cũng mới viết một bài tưởng niệm cố nhạc sĩ Ngọc Bích khi hay tin ông mất. Trong bài tưởng niệm cũng đã nhắc đến bài suy tôn này một cách trân trọng coi như một trong những tác phẩm đáng ghi nhớ của Ngọc Bích, là người có thời đã cùng với Phạm Duy và Văn Cao ở trong hàng ngũ kháng chiến với Việt Minh ngoài bung. Có điều cũng nên ghi nhận thêm là ngày nay, trên nửa thế kỷ sau, trong một nền văn minh dân chủ cởi mở tại Mỹ, ai cũng có thể có cơ hội tham chính với cương vị lãnh đạo chính phủ, nhìn lại chuyện cũ, ắt không khỏi lấy làm buồn cười khi tưởng tượng mình đang nghe hát “Ngô Tổng Thống, Ngô Tổng Thống muôn năm.” Nhưng thiết tưởng, cũng nên công bình mà đặt bài hát đó vào khung cảnh thời gian và không gian lịch sử của nó để phê phán.

Chương 12

Chiến thắng bỏ lỡ

Từ trước tới giờ phần đông ký giả và sử gia Mỹ đều cho rằng Hoa Kỳ đã lắm khi ủng hộ miền Nam Việt Nam chống lại Cộng Sản miền Bắc.

Họ ca ngợi Hồ Chí Minh là nhà ái quốc, có tài trí hơn người và được lòng dân. Họ coi các nhà lãnh đạo miền Nam, kể cả ông Ngô Đình Diệm đều bất tài, vô tướng và là tay sai thực dân đế quốc. Quan điểm lịch sử đó được mệnh danh là “chính thống” (!) (tạm dịch từ “Orthodox” của tác giả Mark Moyar)

Nhưng gần đây một số sử gia Mỹ đã bắt đầu xét lại quan điểm đó. Trong số này có giáo sư tiến sĩ sử học Mark Moyar. Tiến sĩ Mark Moyar đậu cử nhân (hạng tối ưu với lời khen của ban giám khảo) về môn sử tại đại học Havard danh tiếng nhất của Mỹ. Sau đó đậu tiến sĩ sử học tại đại học Cambridge. Ông từng giảng dạy tại đại học Cambridge, đại học Tiểu Bang Ohio, đại học A&M Texas, và đại học Thủy Quân Lục Chiến Hoa Kỳ ở Quantino, Virginia.

Năm 2006 cơ sở Báo Chí Đại Học Cambridge đã xuất bản cuốn sách 512 trang khổ lớn của ông nhan đề ***Triumph Forsaken***. Đây là tập I của bộ sách 2 tập về cuộc chiến Việt Nam. Theo tác giả, cuộc chiến này đáng lẽ đã kết thúc bằng một chiến thắng oanh liệt, mà lại trở thành một chiến bại nhục nhã. Trong cuốn sách này, tác giả đã rà xét lại tất cả mọi dữ kiện, đối chiếu nhiều tài liệu vô số kể của nhiều nguồn thuộc mọi phía, trong đó có những tài liệu mới được giải mật của Mỹ và tài liệu Cộng Sản (Liên Xô cũ, Trung Quốc, và Việt Nam), để đi đến một kết luận có cơ sở vững vàng.

Cuối sách không có phần thư mục như phần lớn các sách biên khảo. Nhưng gần 2000 chú thích ghi chi tiết trong 85 trang sách đã cho thấy hàng trăm tác phẩm và tài liệu được tham khảo và dẫn chứng một cách tỉ mỉ để chứng minh lập luận “xét lại” của tác giả. Ví dụ chỉ nguyên một chương 16 đã có tới 176 chú thích trung dẫn hàng trăm tác phẩm hay chỉ 3 trang đầu của bài tựa thôi đã có tới 19 chú thích mà chi tiết choán hẳn 3 trang, Cũng trong lời tựa này, nguyên một chú thích 2 đã trung dẫn gần 100 tác phẩm

Tập một này có 17 chương, trong đó có 10 chương về chính quyền Ngô Đình Diệm.

Đọc kỹ lời tựa và chương đầu, ta sẽ thấy đại cương về lập luận của tác giả.

Nhà xuất bản trích dẫn lời phê bình và đánh giá của 6 tác giả và giáo sư sử học về tác phẩm của Mark Moyar. Sau đây là ý kiến của Giáo sư sử học Thomas Alan Schwartz:

“*Triumph forsaken* là một cuốn sách đặc sắc. Công trình

(biên khảo) của Mark Moyer là sự thách đố mạnh mẽ nhất đối với sự giải thích chính thống về nguồn gốc việc Mỹ tham chiến ở Việt Nam. Bằng cái nhìn mới mẻ vào những nguồn tài liệu gốc, cũng như tìm hiểu, khai thác những tư liệu mới từ các văn khố Mỹ cũng như Cộng Sản, Moyer đã tạo nên một lối giải thích khác về cội nguồn của sự dân thân (tham chiến) của Hoa Kỳ. Tác phẩm của Moyer thúc đẩy các sử gia phải mở lại cuộc tranh luận về ý nghĩa cuộc chiến tranh Việt Nam.” Sau đây là nhan đề của 17 chương sách trong tập I:

1. Di sản
2. Hai nước Việt Nam: Từ tháng 7 năm 1954 đến tháng 12 năm 1955
3. Sống chung hòa bình: Từ 1956 đến 1959 4. Cuộc nổi dậy: 1960
5. Cam kết nhập cuộc: 1961
6. Sự trẻ trung hóa: Từ tháng 1 đến tháng 6 năm 1962
7. Tấn công: Từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1962
8. Trận Ấp Bắc; Tháng 1 năm 1963
9. Ông Diệm gặp gian nan: Từ tháng 2 đến tháng 7 năm 1963
10. Sự phản bội: Tháng 8 năm 1963
11. Tụ hủy: Từ tháng 9 đến ngày 2 tháng 11 năm 1963
12. Trở lại tình trạng “Thập Nhị Sứ Quân”: Từ 3 tháng 11 đến tháng 12 năm 1963.
13. Tụ chế: Từ tháng 1 đến tháng 7 năm 1964
14. Những tín hiệu: Từ tháng 8 đến tháng 10 năm 1964
15. Xâm nhập: Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 1964
16. Phần thưởng chiến thắng: Từ tháng 1 đến tháng 5 năm 1965

17. Quyết định: Từ tháng 6 đến tháng 7 năm 1965.

Lời tựa

Sau khi nhấn mạnh sự cần thiết phải nghiên cứu phân tích kỹ những nguồn tài liệu gốc càng ngày càng được phát hiện ra về mọi mặt của cuộc chiến, từ quân sự, chính trị, ngoại giao, do đó tác phẩm phải gồm 2 tập, thay vì một tập như dự tính ban đầu, tác giả trình bày thực trạng lịch sử Hoa Kỳ do hai xu hướng “chính thống” và “xét lại”. Quan điểm “chính thống” có vẻ lấn át quan điểm xét lại. Thậm chí trong giới khoa bảng, người ta cho rằng phe xét lại không đáng gọi là sử gia, chỉ là những nhà “ý thức hệ” (ideologues).

Theo quan điểm “chính thống” thì dân Việt vốn thù dân Tàu, và thường đánh thắng quân Tàu. Vì vậy nếu đừng xua đuổi Hồ Chí Minh, thì ông ta đã có thể trở thành một Tì Tò của Việt Nam, chứ không đi theo Tàu Cộng, và Liên Xô.

Tác giả đã ghi rằng nghiên cứu kỹ lịch sử Việt Nam thì sẽ thấy, các cuộc chiến tranh xảy ra phần lớn giữa người Việt với nhau, và giữa người Việt với những sắc dân khác, như Chăm, Khmer hay Mông Cổ... chứ không phải giữa người Việt với người Tàu. Chỉ trừ một vài trường hợp cá biệt.

Từ đó ông cho rằng Hồ Chí Minh nếu có ghét Tàu là ghét Tàu Quốc Dân, như phe Tưởng Giới Thạch, chứ không bao giờ ghét Tàu Cộng của Mao Trạch Đông. Trái lại sẵn sàng rước Tàu Cộng vào để đánh người Việt yêu nước. Ông viết:

“Hồ thường tỏ lòng kính cẩn với quan thầy hơn đối thủ của ông ta ở miền Nam là Ngô Đình Diệm, người đã thà

chết hơn là làm theo yêu cầu của đồng minh Hoa Kỳ của ông ta. Hồ là tín đồ nhiệt thành của Mác và Lê-nin, dần thân sâu đậm vào chủ nghĩa Quốc Tế Cộng Sản, cho nên không thể hy sinh tình liên đới Cộng Sản cho quyền lợi “hẹp hòi” của Việt Nam. Do đó, trái với những suy diễn được nhiều người chia sẻ, ông ta sẽ chẳng bao giờ lại chống người láng giềng Trung Cộng, hay bất cứ nước bạn Cộng sản nào khác, nếu Hoa Kỳ cho phép ông ta thống nhất Việt Nam. Ông ta không bao giờ để Hoa Kỳ biến nước Việt Nam thành một Nam Tư của châu Á.”

Về lãnh tụ miền Nam, tác giả viết:

“Tổng Thống Ngô Đình Diệm của miền Nam, không ngừng bị các sử gia phe “chính thống” mô tả như một kẻ đàn độn, tên phản động, một bạo chúa. Nhưng thực ra ông là một lãnh tụ rất khôn ngoan, uyên bác và đặc lực. Là một người hiến thân cho hạnh phúc của dân tộc mình, ông “dùng uy tín cá nhân để trị nước gần như một nhà độc tài” (12 từ trong ngoặc kép của người viết để tạm dịch từ *authoritarian* của tác giả) vì ông cho rằng chế độ dân chủ kiểu Tây phương không thích hợp với một đất nước đang bị phân tán và có một nền văn hóa độc đoán. Những biến cố xảy ra sau khi ông bị giết đã chứng tỏ niềm tin đó là đúng.” (...)

Sau khi nêu đích danh Trung tá John Paul Vann, hai nhà báo trẻ David Halberstam và Neil Sheehan và đại sứ Cabot Lodge, kết tội họ đã loan tin thất thiệt, thiếu lương thiện và đánh lừa thượng cấp để cố hạ uy tín của Tổng Thống Diệm, vu khống là chính quyền của ông bất lực trong việc giữ an ninh, tác giả viết về cuộc đảo chính 1- 11-1963:

“Cho đến nay, đã rõ cuộc đảo chính tháng 11 năm 1963 là một lỗi lầm tệ hại nhất của người Mỹ. Trái hẳn với những lời quả đoán sau đó của những kẻ cổ võ cho cuộc đảo chính, rằng nỗ lực chiến tranh của Nam Việt đã bước vào thời kỳ suy thoái trong những tháng cuối cùng của chế độ Ngô Đình Diệm. Các nguồn tin từ phía Bắc Việt, cũng như từ phía Hoa Kỳ đã cung cấp bằng chứng cho thấy cuộc chiến lúc ấy đang tiến hành một cách thỏa đáng, thuận lợi.”

Về tình trạng rối loạn và sự kém cỏi của các chính quyền hậu đảo chính, tác giả cho rằng chưa mấy người hiểu rõ nguyên nhân. Ông viết:

“Hậu quả của sự điều hành kém cỏi của chính quyền miền Nam từ sau khi ông Diệm chết cho đến năm 1965 thì hầu như ngày nay ai cũng đã thấy. Nhưng về những nguyên nhân của nó thì chưa mấy người hiểu. Theo một cách giải thích “chuẩn” thì chính quyền Sài Gòn thất bại vì những nhà lãnh đạo Việt Nam và những cố vấn Mỹ đã chọn lầm phương pháp để đánh địch. Tuy nhiên thực ra, vấn đề không nằm ở khái niệm mà ở cách thi hành. Một sự giải thích tiến bộ hơn, gần trọng điểm hơn, nhưng vẫn chỉ đúng một phần, đó là miền Nam lúc ấy bị chao đảo, loạng choạng vì giới thượng lưu cầm quyền đã mất những nhà lãnh đạo kiên cường. Nhiều cá nhân giữ những địa vị trong chính quyền trong thời hậu Diệm, đích thực, thiếu các đức tính cần thiết của một nhà lãnh đạo, và chẳng ai có tài bằng Ngô Đình Diệm. Nhưng tâm cơ của tập thể giới lãnh đạo nói chung không phải là vấn đề then chốt. Vấn đề quan trọng, thực ra chính là sự loại trừ một số người

trong giới thượng lưu ra khỏi chính phủ và sự thao túng của phong trào Phật Giáo trong việc vận dụng các nhà lãnh đạo chính phủ. Kể từ tháng 11 năm 1963 về sau những lãnh tụ hàng đầu ở Sài Gòn không ngừng lặp đi lặp lại việc loại trừ những người có tài đáng kể, hoặc vì những người này đã trung thành với ông Diệm, hoặc vì những lãnh tụ đó bị áp lực từ nhóm Phật Giáo tranh đấu...”

Vài trích đoạn trên đây của Lời Tựa đã tóm tắt quan điểm “xét lại” của tác giả về những sự kiện lịch sử liên quan đến ông Hồ Chí Minh, ông Ngô Đình Diệm và chính tình miền Nam Việt Nam từ 1945 đến 1965.

Hơn 400 trang sách kế tiếp đã được tác giả dùng để trưng dẫn những tài liệu chính xác để chứng minh quan điểm trên là đúng. Vì là những tài liệu phức tạp, mới có, cũ có từ nhiều nguồn khác nhau nhiều khi trái ngược mâu thuẫn nhau. Nên không thể nào thu gọn trong phạm vi một bài báo. Vì vậy chúng tôi xin để độc giả tìm đọc trong chính tác phẩm *Triumph Forsaken* tập I. Sau đây chỉ xin tóm tắt vài ý chính và trích dịch một số đoạn đáng chú ý của mấy chương đầu của tập I, vì tập II chưa xuất bản.

Chương 1: Di Sản

Mở đầu là quang cảnh tấp nập tung bùng tại công trường Puginier, Hà Nội (nay là quảng trường Ba Đình) ngày ra đời của Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa. “Theo lời mời của ông Hồ, vài sĩ quan tình báo OSS Mỹ đứng gần khán đài. Hai chiếc máy bay chiến đấu Lightning P-38 tình cờ bay trên đám đông trong buổi lễ. Cả hai điều đó đã tạo nên một cảm tưởng sai lầm rằng chính phủ Hoa Kỳ ủng hộ Hồ Chí Minh.”

Trong lời tuyên bố độc lập mở đầu với lời lẽ lấy từ bản tuyên ngôn Độc Lập của Mỹ và Pháp, ông Hồ đã kịch liệt đả kích thực dân và xác quyết rằng chính phủ của ông đại diện toàn thể nhân dân Việt Nam. “Ông ta không nói gì đến ý thức hệ chính trị, mà chỉ bàn về mục đích của ông là thành lập một nước Việt Nam độc lập.”

Nhiều người đã cho rằng bản tuyên ngôn này chứng tỏ chủ nghĩa quốc gia chứ không phải chủ nghĩa quốc tế Cộng Sản đã là động lực cách mạng của ông Hồ. Vì vậy nếu như Mỹ dùng ủng hộ Pháp thực dân, và dùng dụng nèn những chính phủ tay sai ở miền Nam chống lại ông Hồ thì Việt Nam và Hoa Kỳ đã có thể là đồng minh, và ông Hồ đã quay lại chống Trung Cộng.

“Nếu người Mỹ hiểu lịch sử Việt Nam, thì toàn bộ thảm kịch đã có thể tránh được.” (...)

“Cái lối lý luận trên đã sai lầm một cách chết người.”

“Vi lịch sử Việt Nam và lịch sử của ông Hồ thực sự đã hỗ trợ cho những kết luận ngược hẳn.”

Tác giả đã ôn lại lịch sử Việt Nam qua 7 trang sách để chứng minh.

Sau đó tác giả viết:

“Chỉ có một bằng chứng duy nhất có thể dùng để biện luận rằng ông Hồ không ưa người Tàu và những ngoại nhân khác là câu ông ta nói để bào chữa cho việc để quân Pháp vào Bắc Việt. (Theo Paul Mus, MV) ông Hồ đã nói: “Thà ngửi cứt Pháp một lúc còn hơn là phải ăn cứt Tàu suốt đời”.

Nhưng rồi tác giả lại viết:

“Chút bằng chứng nhỏ nhoi đó rất yếu. Vì khi ông Hồ

nói câu đó, theo lời thuật lại (của Paul Mus), thì phần lớn nước Tàu đang ở dưới quyền cai trị của những người Trung Hoa theo chủ nghĩa Dân Tộc hăng hái chống cộng, và là những người đang tích cực ủng hộ những người Việt quốc gia chống cộng, là đối thủ hùng mạnh nhất của Việt Cộng.”

Tác giả thuật lại việc ông Hồ nhanh chóng chớp thời cơ sau khi Nhật đầu hàng, đem quân cướp chính quyền trong khi các toán quân của các đảng Quốc Gia còn đang tiến chậm chạp từ Trung quốc về. Ông cũng nhấn mạnh đến việc quân của Hồ đã dùng vũ khí của Trung Hoa Dân Quốc và của Mỹ.

Và yếu tố quan trọng khiến ông Hồ thành công bước đầu là “cá tính” của ông ta được người dân tin phục. Người dân Việt chú ý đến lãnh tụ hơn là đảng và chủ thuyết của lãnh tụ.

Tác giả nêu lên sự kiện Hồ Chí Minh cố thuyết phục những người Mỹ mà ông gặp rằng mình không phải Cộng Sản, mà chỉ là người yêu nước, muốn đem lại độc lập cho đất nước. Nhiều sĩ quan OSS đã tin theo và muốn ủng hộ Việt Minh, trong đó có cả đại tá Archimedes Patti (lúc ấy là đại úy, MV). Nhưng tác giả đã trưng dẫn bức điện của chính Patti gửi về Hoa Thịnh Đốn ngày 29-8-45 viết rằng, “*những phần tử đồ đảng lãnh đạo chế độ Việt Minh đi trạch đường, và rằng những nhà lãnh đạo chế độ thường nói tốt về chế độ tự do dân chủ, nhưng trong thực tế họ đang chuẩn bị những hành động phi tự do, phi dân chủ.*”

Sau đó tác giả đã nêu lên việc Việt Minh giết những người yêu nước như Nguyễn Thế Nghiệp, Nguyễn Ngọc Sơn (2 lãnh tụ VNQDD) và Bùi Quang Chiêu (Đảng Lập

Hiến), Hồ Văn Ngà, Nguyễn Văn Sâm, Trương Đình Thi, Trương Tử Anh (lãnh tụ Đại Việt)...

Về chiến thắng Điện Biên của CS, tác giả đã trưng dẫn Janos Radvanyi (*Ảo tưởng và thực tại*, South Bend: Gateway, 1978) cho biết chính Võ Nguyên Giáp đã tiết lộ với tác giả (Janos):

“Trận Điện Biên Phủ là cố gắng tuyệt vọng cuối cùng của Quân Đội Việt Minh. Lực lượng chiến đấu của nó sắp sửa kiệt quệ hoàn toàn. Nguồn tiếp tế gạo đã cạn kiệt. Dân chúng đã lãnh đạm thờ ơ đến độ thật là khó có thể lấy thêm lính. Nhiều năm chiến đấu trong rừng rậm đã làm cho tinh thần chiến đấu của các đơn vị sa sút tột cùng.”

Sau một số bằng chứng khác, Mark Moyar kết luận: “Tóm lại cả hai phía đều đã có cơ may chiến thắng trận quyết định tại Điện Biên Phủ.” (trang 26)

Chương 2: Hai nước Việt Nam (từ tháng 7-1954 đến tháng 12-1955)

Sau khi mở đầu bằng hiệp định Genève và việc thành lập Tổ Chức Hiệp Ước Liên Phòng Đông Nam Á (SEATO), tác giả nhắc đến nhu cầu ủng hộ của Mỹ đối với những lãnh tụ các Quốc Gia bị trị đang bị Cộng Sản đe dọa. Và ông viết:

“Nam Việt Nam thực sự đang có một người yêu nước cương nghị có thể trở thành nền tảng cho một quốc gia chống cộng, dù rằng vào mùa hè năm 1954 nhiều người Mỹ không tin hẳn như vậy.”

Rồi ông để nhiều trang nói về con người và hoạt động của nhân vật này...

“Ngô Đình Diệm đã rời Việt Nam vào năm 1950, sau

khi bị Việt Minh tuyên án tử hình, vì đã phát triển một tổ chức yêu nước mới. Sang Nhật, ông gặp Westley Fishel, giáo sư chính trị học tại đại học California, lúc ấy đang làm việc cho CIA. Theo lời khuyên của Fishel, Diệm sang Mỹ năm 1951 thuyết trình tại các trường cao đẳng và tìm sự ủng hộ của các viên chức chính quyền. Diệm được sự nâng đỡ của một số người Mỹ có địa vị cao, kể cả thẩm phán Tối Cao Pháp Viện William Douglas, hồng y Francis Spellman, dân biểu tiểu bang Montana là Mike Mansfield, và dân biểu John F. Kennedy thuộc tiểu bang Massachusetts. Tháng 6 năm 1954, vào giữa cuộc thương thuyết ở Genève, người Pháp tuyệt vọng, đã trao trả độc lập hoàn toàn cho chính quyền Bảo Đại, và ông này đã yêu cầu Diệm nhận chức thủ tướng.”

“Quyết định của Bảo Đại không do áp lực của Mỹ, như có người suy đoán, mà là vì nhiều lãnh tụ đảng phái quốc gia Việt Nam ủng hộ Diệm. Bảo Đại nói với Diệm: *‘Đất nước có nguy cơ bị chia đôi. Ông không có quyền tránh né trách nhiệm. Sự an toàn của Tổ Quốc đòi hỏi như vậy.’* Diệm đã từng khước từ chức thủ tướng do Bảo Đại mời nhiều lần. Nhưng lần này ông ta nói, sẽ nhận, nếu Bảo Đại cho ông ta được toàn quyền kiểm soát toàn bộ các vấn đề dân sự và quân sự. Từ trước Bảo Đại chưa bao giờ cho ai điều đó. Nhưng lần nay ông ta đồng ý. Và Diệm trở thành thủ tướng.”

Sau đó, tác giả nói đến những khó khăn chồng chất ban đầu do di sản chiến tranh và chia rẽ để lại mà ông Diệm phải vượt qua. Cầu đường bị phá, hệ thống viễn thông bị cắt, nông dân thất nghiệp lang thang, kể cả dân tỵ nạn từ miền Bắc trở thành gánh nặng. Nặng nhất là guồng máy

hành chính và quân sự tan hoang, sau khi người Pháp ra đi và hàng vạn lính đào ngũ. Riêng về việc chuyển vận, tổ chức tiếp đón và định cư cho gần một triệu dân, tác giả đã trích dẫn nhà báo Bernard Fall, tác giả cuốn *The Two Vietnams*:

“Bernard Fall, một trong những người từng chỉ trích ông Diệm kịch liệt nhất, đã nhận xét: “Di chuyển gần một triệu lính được huấn luyện thành thực trong thời bình đã là một kỳ công về vận chuyển và tiếp liệu. Còn di chuyển cũng ngần ấy thường dân tỵ nạn chạy trốn vô tổ chức trong vòng không đầy một năm chắc chắn sẽ còn là một thành tích nổi tiếng về lâu về dài.””

Trong chương này tác giả nêu lên hai nhân vật Mỹ nổi bật, một người cố giúp ông Diệm lướt thắng mọi trở ngại và một người bằng mọi cách muốn hạ ông Diệm hay thay thế ông bằng những lãnh tụ khác. Đó là Edward Geary Lansdale, đại tá, và J. Lawton “Lightning Joe” Collins, đại tướng. Lansdale được ủy nhiệm của Allen Dulles, giám đốc CIA. Còn Collins là đặc phái viên toàn quyền của tổng thống Mỹ, đồng thời cũng là bạn thân của Tổng Thống Eisenhower.

Vì tin tưởng rằng một chính phủ mạnh phải có một đạo quân mạnh, nên

“Tổng Thống Eisenhower đã ngay lập tức chuyển tướng J. Lawton “Lightning Joe” Collins, nguyên tham mưu trưởng Lục Quân, nguyên đại diện Hoa Kỳ tại ủy ban quân sự thuộc Minh Ước Bắc Đại Tây Dương (NATO) tới ngay Sài Gòn thay thế đại sứ Heath để quán xuyến mọi nỗ lực. Khi Collins lên đường đi Sài Gòn, ngoại

trưởng Dulles bảo ông, Hoa Kỳ hy vọng cơ may thành công chỉ có một trên mười.”¹

Muốn chúng tỏ ông Diệm là người khó hiểu đối với người Mỹ, tác giả đã nêu hai nhận xét trái ngược của tướng Collins về ông Diệm như sau:

“Mới đầu Collins báo cáo: “Diệm là một người nhỏ thó, nhút nhát, thiếu tự tin hầu như không có hấp lực nào...” (...) Vài tháng sau, Collins lại ca tụng phẩm cách của Diệm: “Sự liêm khiết, lòng yêu nước mãnh liệt, sự nhẫn nại và những đức tính linh thiêng khác làm ông ta trở thành vị thủ tướng tốt nhất có thể có để lãnh đạo Việt Nam trong cuộc đấu tranh chống Cộng.”²

Nhưng rồi sau đó Collins lại hàng chục lần yêu cầu Hoa Thịnh Đốn thay thế vị thủ tướng mà ông gọi là bất tài và ương ngạnh này.

Trong bài *Tết Con Heo nói chuyện Xuân Con Mèo*, chúng tôi đã trưng dẫn Seth Jacobs, tác giả cuốn *America's Miracle Man in Vietnam*, nói tướng Collins đã 12 lần đề nghị với Tổng Thống Eisenhower thay thế ông Diệm, bằng một người khác, và nhiều lần ông đã nêu đích danh Bác Sĩ Phan Huy Quát, hay Bác Sĩ Phan Huy Đán (hay Phan Quang Đán). Thì ở đây Tiến Sĩ Mark Moyar cũng năm lần bảy lượt nói đến chuyện tướng Collins đề nghị với Tổng Thống nên tìm người khác thay thế một ông Diệm ngang bướng, bất phục thiện.

Di nhiên Tổng Thống tin người bạn thân của mình, lại là đại diện toàn quyền có mặt tại chỗ. Nên đã nhiều lần Tổng Thống muốn thuận theo.

Nhưng những biến cố dồn dập trong vòng mấy tháng

cuối năm 1954 và đầu năm 1955 cho thấy khả năng phi thường của ông Diệm trước những vấn đề nan giải đến tuyệt vọng, đã khiến Tòa Bạch Ốc thay đổi ý định. Thay vì thay thế ông Diệm, Tổng Thống Mỹ đã triệu hồi hân vi Đại Sứ Toàn Quyền về Mỹ. Rồi Eisenhower ca ngợi Ngô Đình Diệm là “Con Người Thần Kỳ” (A Miracle Man). Năm 1957 ông cho trải thảm đỏ, ra tận chân cầu thang máy bay đón Tổng Thống Việt Nam Cộng Hòa.

Sau đây là một vài trích đoạn về những đề nghị liên tiếp của tướng Collins nhằm đánh đổ Ngô Đình Diệm được tác giả nêu lên giữa lúc ông Diệm phải đối phó với quân đội viễn chinh Pháp hãy còn trấn giữ nhiều địa điểm trọng yếu tại thủ đô, và hiện đang ủng hộ loạn tướng Nguyễn Văn Hinh muốn lật ông Diệm; các giáo phái muốn duy trì tình trạng “Thập nhị sứ quân”, bất tuân lệnh thủ tướng; giữa lúc nhóm Bình Xuyên vốn được Quốc Trưởng Bảo Đại ưu đãi, hiện đang làm mưa làm gió, vì toàn bộ lực lượng Cảnh Sát Công An nằm trong tay Lai Văn Sang, cánh tay phải của đầu đảng Lê Văn Viễn tục gọi Bảy Viễn; giữa lúc chương trình định cư gần một triệu dân tỵ nạn CS từ miền Bắc vào đang cần xúc tiến thật nhanh để tạm thời giải quyết những khó khăn trở ngại do tâm lý và phong tục tập quán khác nhau giữa hai miền Nam Bắc... Trong hoàn cảnh đó, “Giới ngoại giao ở Sài Gòn hầu hết đều tin rằng chính phủ Diệm sắp đổ đến nơi. Và báo chí của Pháp tiên đoán sự sụp đổ của Diệm với sự vui mừng khôn tả. Trong khi đó cả báo Mỹ cũng tiên đoán như vậy, nhưng không vui.”

“Khi Tướng Collins từ Sài Gòn về đến Hoa Thịnh Đốn (để tường trình), ông đã nói với Tổng Thống Eisenhower rằng cần phải loại bỏ Diệm ngay tức khắc.”

Tổng Thống và Ngoại Trưởng đưa ra nhiều lý do để bác bỏ và đòi phải đợi cho đến lúc tìm được người tương xứng để thay thế.

“Nhưng Collins vẫn cứng rắn (như kim cương). Phải loại bỏ Diệm ngay.”

Và hai nhà lãnh đạo Mỹ đành nhượng bộ. Mọi văn kiện cần thiết đã soạn thảo gửi đi Paris và Sài Gòn để tìm người thay thế ông Diệm.

“Bộ ngoại giao gửi công điện đi ngày 27 tháng 4 chỉ ít phút sau 6 giờ, giờ Hoa Thịnh Đốn.”

“Vừa đúng lúc xem ra chế độ Diệm đang tiến tới nhà tù, thì Diệm lấy một sáng kiến làm đảo lộn kế hoạch của Collins.” (...)

Thủ tướng Ngô Đình Diệm đã chiến thắng các phe phái chống ông ra sao, lịch sử đã ghi đầy đủ, và được tác giả nhắc lại một cách tóm tắt.

Sau khi đánh bại mọi thế lực kinh chống ông, ông Diệm bắt đầu tập trung nỗ lực vào việc truy lùng những phần tử Cộng Sản được gài lại ở miền Nam, sau khi một số cán bộ đã tập kết ra Bắc theo hiệp định Genève.

Chương 3: Sống chung hòa bình: Từ 1956 đến 1959.

Tác giả dành mấy trang đầu nói về chủ trương sống chung hòa bình của Khrushchev khiến Hà Nội có vẻ nghiêng về phía Trung Cộng và tìm sự ủng hộ của “anh ba”. Nhưng Trung Cộng còn bị vết thương chiến tranh Triều Tiên hành nên lạnh nhạt và dè dặt khuyên đàn em “phải nhẫn nại”.

Rồi ông nói đến hậu quả tai hại của Cải Cách Ruộng Đất tại miền Bắc. Những bất mãn từ nhiều phía. Những

cuộc nổi loạn. Vụ thảm sát tại Quỳnh Lưu, trong đó ông Hồ đã dùng cả sư đoàn 325 để đàn áp giết hàng ngàn người vô tội.

Sau đó là tình trạng kinh tế hầu kiệt quệ của miền Bắc do việc công hữu hóa mọi cơ sở thương mại, và chế độ hợp tác hóa công thương nông nghiệp...

Nửa sau của chương sách nói về những thành quả của chính quyền Diệm về phương diện kinh tế, giáo dục, an ninh. Về công cuộc “cải cách điền địa”. Về “bức tường người” (human wall) mà ông Diệm dựng lên ở cao nguyên là lãnh thổ chiến lược dùng để chống lại sự xâm nhập tương lai của Cộng Quân. Tác giả đã nhắc lại lời Tổng Thống Diệm từng nói: “ai giữ được cao nguyên thì giữ được cả nước”.

Về bản chất chế độ Việt Nam Cộng Hòa, tác giả phê bình nhẹ nhàng rằng tuy theo hiến pháp đó là một chế độ tự do dân chủ theo Tổng Thống Chế, nhưng trên thực tế ông Diệm đã khéo léo nắm giữ cả 2 quyền lập pháp và tư pháp. Vì quốc hội gồm phần lớn người trung thành với ông. Tác giả trung dẫn lời của Douglas Pike nói về tự do ngôn luận của VNCH như sau: “Một trong những hồi ức mạnh nhất của tôi tại Việt Nam năm 1960 là nghe thấy dân Việt Nam tại những nơi công cộng nói lớn tiếng, rất dễ nghe thấy, rằng ‘chế độ này là chế độ độc tài, và chúng tôi không có tự do ngôn luận’ rồi họ tha hồ kể ra những tội lỗi của chính phủ. Đường như có một luật bất thành văn là chống đối vô tổ chức thì được, nhưng chống đối có tổ chức thì cấm.” (Xem *Việt Cộng* của Douglas Pike, Cambridge M.I.T., 1966, tr. 59)

Để phản não bào chữa cho ông Diệm, tác giả viết: “Diệm thường nhắc đi nhắc lại lời thú nhận rằng ông ta ước ao có được nền dân chủ trong thời gian này. Nhưng ông ta lại nói dân chủ không thể tới ngay tức khắc. Và thực ra ông ta quan niệm dân chủ không giống người Tây phương, hay những người Việt đã bị Tây phương hóa. Ông ta hiểu dân chủ như thế này: “Dân chủ chủ yếu là một cố gắng thường trực để tìm ra những phương tiện chính trị đúng đắn ngỏ hầu bảo đảm cho người dân cái quyền phát triển tự do và sáng kiến tối đa, phát triển tinh thần trách nhiệm và cuộc sống thiêng liêng.” (trang 75)

Chương 4: Nổi dậy: 1960

Trong chương này tác giả nói về những cuộc nổi dậy của Cộng quân, đặc biệt ở Bến Tre (Kiến Hòa), Tây Ninh và cả cuộc nổi loạn của một số sĩ quan VNCH, được biết đến như một chính biến hay đảo chính hụt tháng 11 năm 1960.

Trước hết là vai trò lãnh đạo những cuộc nổi dậy tại tỉnh Bến Tre của nữ tướng Việt Cộng Nguyễn Thị Định. “Tất cả những gì cộng Sản có thể làm được là tổ chức hàng ngàn phụ nữ bao vây trụ sở các quận lỵ, phóng uế trên đất (defecate on the ground!), và đòi trừng phạt quân của chính phủ, đòi bồi thường cho các nạn nhân của chúng. Tuy những cuộc nổi dậy này đã làm sống lại phong trào Cộng Sản trong vùng và cho họ một số vũ khí. Nhưng không đạt được mục đích lập một vùng giải phóng lâu dài.”

Hoạt động của Cộng quân ở Tỉnh Tây Ninh gây cho chính phủ nhiều tổn thất hơn. Sáng ngày 26-1-60, 4 đại đội VC tấn công một căn cứ của quân chính phủ, giết chết

viên sĩ quan xử lý thường vụ trung đoàn trưởng và 40 quân sĩ khác. Vì thất bại này, viên trung đoàn trưởng bị giáng chức xuống đại úy và sư đoàn trưởng bị cách chức.

Tháng 3 lại có thêm nhiều cuộc đụng độ nữa. Nhưng sau đó các cuộc tấn công bằng quân sự ngừng hẳn. Chính sách của Hà Nội là tạm thời chờ đợi. Văn kiện đăng ghi chỉ thị của Ủy ban Trung Ương Đảng đưa ra vào tháng 4: “(...) chúng ta cần thời gian để cho phong trào phản đế và đặc biệt là phong trào chống Mỹ ở Đông Nam Á lớn mạnh hơn, và hoạt động với phong trào này nhằm làm suy yếu và cô lập bọn đế quốc Mỹ và đồng minh của chúng.”

Việt Cộng trở lại hình thức du kích chiến, ám sát, bắt cóc. Mỗi tháng trong năm tháng đầu năm 1960 có 150 vụ ám sát và 50 vụ bắt cóc!

Dân vệ không đủ sức chống lại những hành động khủng bố này. Theo tác giả là vì thiếu lãnh đạo, và thiếu vũ khí. Ông quy trách cho đại sứ Durbrow không chịu cấp vũ khí theo yêu cầu của ông Diệm.

Trong giai đoạn Cộng quân lui về du kích chiến và khủng bố ám sát, tác giả đưa ra nhận xét là cán bộ Cộng Sản tỏ ra hơn các viên chức chính phủ về phương diện lãnh đạo, nhất là về tuyên truyền. Cộng sản biết cách thỏa mãn nhu cầu và đòi hỏi của người dân. Họ không giảng về lý thuyết chính trị, cũng chẳng nhấn mạnh đến lòng yêu nước, hay chủ nghĩa dân tộc, càng tránh né không bao giờ nói đến chủ nghĩa Cộng Sản. Mà chỉ hứa chắc nịch rằng, nếu đánh đổ được chính quyền thì sẽ được chia đất. Nhưng về cuộc Cải Cách Đẫm Máu ở miền Bắc, thì có lẽ chẳng những dân quê miền Nam mà ngay cả cán bộ CS ở trong Nam cũng chưa từng nghe biết.

Về hiệu quả tai hại của tuyên truyền tác giả nêu một ví dụ của một thanh niên tên Lê Văn Toán, chỉ vì nghe lời thuyết giảng hấp dẫn của cán bộ CS mà y đã giết cha mình, vì tin rằng ông làm điều sai trái như CS nói.

Tác giả nói nhiều về việc Tổng Thống Diệm xin viện trợ để trang bị cho 20,000 lính chuyên dùng vào việc bảo vệ dân quê, canh gác cầu đường và trụ sở các thị xã, quận lỵ. Tướng Williams tán thành, nhưng bị đại sứ Durbrow bác bỏ.

Đặc biệt trong cuộc đảo chính hụt đầu tháng 11, tác giả nghi ngờ Durbrow có yểm trợ phe đảo chính. Tuy không có bằng chứng hiển nhiên. Nhưng ông nêu lên rất nhiều sự việc, cũng như lời nói của vị đại sứ này khiến ai đọc cũng phải nghi như vậy. Có lẽ vì thế mà người ta thấy Tổng Thống Diệm, mặc dù đã dẹp xong cuộc nổi loạn, đã lớn tiếng la mắng kẻ thù, mà ai cũng hiểu ông ám chỉ chính đại sứ Hoa Kỳ, Durbrow.

Sau cuộc đảo chính một nhân viên CIA từng liên lạc chặt chẽ với tòa đại sứ là Carver đã phải rời Việt Nam, rồi sau đó ít lâu chính ông Durbrow cũng ra đi. Chính bản tuyên ngôn của nhóm Caravelle cũng được Durbrow sau này cho biết là do một vài người Mỹ giúp soạn thảo. Cụm đại sứ Bùi Diễm, trong *In The Jaws of History*, thì viết rằng ông là người giúp soạn thảo bản tuyên ngôn này.³

Điểm khá quan trọng mà chúng tôi muốn nêu lên về chương 4 này, là tác giả Mark Moyar đã trưng dẫn nhiều tài liệu để chứng minh rằng vào thời gian đó cả Liên Xô lẫn Trung Cộng đều không tán thành việc Bắc Việt tấn công miền Nam bằng quân sự, mặc dù vào ngày 20 tháng 12 năm 1960, họ đã cố đưa một số đảng viên cốt cán vào dựng nên được cái gọi là Mặt trận Giải Phóng Miền Nam, mà tác giả

gọi là một thứ Việt Minh của miền Nam do Đảng Nhân Dân Cách Mạng (một chi nhánh hay đúng hơn, một cái tên khác của đảng Lao Động, tức đảng Cộng Sản Việt Nam) lãnh đạo, cũng giống như năm 1945 Việt Minh cũng do đảng Cộng Sản lãnh đạo vậy. Về việc này Mark Moyar viết:

“Bắc Việt liên tục phải đương đầu với sự hạn chế bạo động do Trung Cộng và Liên Xô áp đặt, vì họ sợ Eisenhower nổi trận lôi đình. Vào tháng 5, Trung Cộng bảo Bắc Việt rằng Nam Việt Nam sẽ phải được giải phóng, nhưng bằng chiến tranh trường kỳ gồm cả chính trị lẫn quân sự, chứ không phải dứt khoát bằng một chiến dịch quân sự.” (trang 101)

Điểm chót về chương này cũng rất quan trọng không thể bỏ qua là trước tình hình Ai Lao bị Cộng Quân xâm chiếm, Tổng Thống Eisenhower đã hết sức quan ngại. “Ông nói: ‘Chúng ta không thể để Ai Lao rơi vào tay Cộng Sản, ngay cả nếu chúng ta phải chiến đấu – cùng với các đồng minh hay ngay cả không có đồng minh’. Nếu cuộc khủng hoảng ở Ai Lao xảy ra sớm hơn, rất có thể Eisenhower đã khởi công đưa lực lượng Mỹ vào Ai Lao. Nhưng lúc ấy chỉ còn vài tuần nữa hết nhiệm kỳ Tổng Thống, nên ông quyết định để cho vị tổng thống kế nhiệm lấy quyết định về Ai Lao và xem xét tường tận chính sách cần áp dụng.” Nhưng theo tác giả vị tổng thống sau này là “người mà ý chí và khả năng có thể khai chiến ở Ai Lao là vấn đề tranh cãi.”

Ý tác giả là Tổng Thống Kennedy sẽ không có ý chí và khả năng đánh Cộng như vị tiền nhiệm, là một thống tướng, chiến lược gia hàng đầu của Mỹ đã lãnh đạo quân Đồng Minh chiến thắng Phát-xít Đức trong thế chiến II.

Bằng những lời trên tác giả đã kết thúc chương 4.

Chương 5: Dẫn thân nhập cuộc: 1961

Đầu chương tác giả nói về sự ngưỡng mộ mà Tổng Thống Kennedy, khi còn là nghị sĩ đã dành cho ông Diệm. Về những nhân vật có ảnh hưởng lớn với vị tổng thống mới như McNamara, McGeorge Bundy, Dean Rusk.

Rồi ông trưng dẫn câu nói lịch sử của Kennedy trong ngày nhậm chức:

“Mọi dân tộc nên biết, dù họ muốn điều tốt hay điều xấu cho chúng tôi, rằng chúng tôi sẽ trả bất cứ giá nào, mang bất cứ gánh nặng nào, chịu bất cứ cực khổ nào, ủng hộ bất cứ thân hữu nào, chống đối bất cứ kẻ thù nào để bảo đảm sự tồn tại và thắng lợi của tự do.”

Trước sự hứa hẹn triệt để ủng hộ chính quyền Ngô Đình Diệm của Tổng Thống, Đại sứ Durbrow đành bỏ đòi hỏi nói rộng dân chủ tự do, đồng thời cũng không còn phản đối chuyện trang bị thêm cho 20,000 lính. Đại tá Lansdale, trước kia bị đại sứ Durbrow ngăn cản, nay đã có thể thăm viếng Việt Nam và đề nghị, “việc đầu tiên là phải thay thế vị đại sứ mất thiện cảm của ông Diệm này”. Chỉ hai ngày sau khi tiếp Lansdale, Tổng Thống Kennedy chấp thuận ngân khoản để tăng thêm 20,000 quân cho Việt Nam Cộng Hòa. Tác giả nhìn nhận miền Nam trong hai năm 1960 và 1961 đã thất bại trong việc chống du kích và nổi dậy của Cộng quân. Ông trích lời tướng McGarr ước đoán Diệm chỉ kiểm soát được 40% nông thôn. Nhưng phía VC cũng không lạc quan gì. Vì theo Lê Duẩn lực lượng quân sự của Diệm vẫn còn nguyên vẹn.

Vấn đề mà Tổng Thống Kennedy quan tâm nhất, tuy vậy, không phải Việt Nam mà là Ai Lao. Tại đây Việt Cộng đã có 12,000 “quân viễn chinh”.

Nhưng thay vì theo lời khuyên của nguyên Tổng Thống Eisenhower đem quân vào Ai Lao, “Tổng Thống Kennedy đã quyết định không dùng võ lực và chỉ phô trương lực lượng. (...)” (trang 127)

Rồi sau đó giao cho Averell Harriman, người cực lực chống đối việc can thiệp trực tiếp vào Ai Lao, trách nhiệm thương thuyết với đối phương để đạt một thỏa hiệp về trung lập hóa Ai Lao.

“Ngày 29-4-61 Tổng Thống Kennedy chấp thuận đề nghị tăng số cố vấn tại Nam Việt Nam từ 685 lên 785.

Đây là lần đầu tăng số cố vấn Mỹ kể từ năm 1956. Dân vệ được tăng từ 32,000 lên 68,000... và Lục Quân tăng từ 170,000 lên 200,000.”

“Tổng thống cũng theo đề nghị của Lansdale là tân đại sứ Frederick Ernest “Fritz” Nolting nên cải thiện mối giao hảo với Tổng Thống Diệm... và đừng áp lực ông này phải loại bỏ ông Nhu...”

Về các cuộc đụng độ giữa quân chính phủ và Cộng quân, tác giả ghi lại những trận đánh ngày đầu tháng 9 và ngày 17 tháng 9, trong đó tỉnh trưởng Phước Thành Nguyễn Minh Mẫn bị giết phân thân, và vợ cũng bị bắn. VC sớm rút lui mang theo một trăm súng, giải thoát và dẫn đi 270 tù nhân CS.

Đầu tháng 3 đặc phái viên của Tổng Thống là Tướng Maxwell Taylor đến quan sát tại chỗ và báo cáo: “Hồ sơ cho thấy tình hình chính trị tại miền Nam xấu đi từ 1959 là do chính phủ không có khả năng bảo vệ dân và điều khiển chiến cuộc một cách hữu hiệu.” Nhưng viễn cảnh không đến nỗi ảm đạm. Taylor viết: “Mặc dầu có khuyết điểm,

Diệm vẫn có khả năng phi thường, kiên cường và dũng khí.” Ông khuyên không nên thay thế Diệm, vì sẽ dẫn đến hỗn loạn.

Cuối năm 1961 hàng viện trợ đổ tới Việt Nam càng ngày càng nhiều. Số người Mỹ cũng gia tăng lên tới 2,600. Kennedy cử tướng Paul Harkins cầm đầu phái bộ quân sự Mỹ tại Việt Nam. Tướng Harkins cũng như tướng McGarr luôn có lập trường ủng hộ và bênh vực Tổng Thống Ngô Đình Diệm.

Cuối chương 5, tác giả viết: “Tháng cuối cùng của năm 1961 đánh dấu bước đầu của khúc ngoặt quan trọng trong chiến tranh Việt Nam... Chiến lược của Kennedy nhằm cung cấp cố vấn và viện trợ cho Nam Việt, chứ không gửi quân tác chiến sang là căn cứ vào sự tin tưởng vào khả năng chiến đấu của Nam Việt Nam...”

Chương 6: Sự trẻ trung hóa, từ tháng Giêng đến tháng 6 năm 1962

Kennedy tăng viện, gửi thêm cố vấn vào Việt Nam. Nhưng lại muốn giấu. Ký giả bị cấm bay trên trực thăng trong những phi vụ hành quân. Giảm bớt sự phổ biến tin chiến sự. Ký giả quay ra săn tin để đả kích Diệm. Cả Diệm lẫn hai người ủng hộ ông là đại sứ Nolting và đại tướng Harkins đều kém về thu phục báo giới. “Không thèm lấy tin từ các giới chức Mỹ và chính phủ Diệm, báo giới Mỹ ở Sài Gòn đi lượm tin từ những trí thức người Việt và nhân viên Mỹ không làm việc ở tòa Đại Sứ hay cạnh bộ chỉ huy cao cấp cố vấn quân sự Mỹ. Các phóng viên thường không để ý là 2 nguồn tin này thường thiếu sót, sai lạc. Roger Hilsman thuộc bộ Ngoại Giao đã nhận xét đúng trong thư

hồi tháng 2 rằng, một số nhân viên Mỹ đã ở Việt Nam quá lâu và từng thất vọng và ác cảm với chính quyền Việt Nam, hoặc bị ảnh hưởng không tốt của những người có quan điểm bất đồng chính kiến với chính quyền. Những phần tử bất mãn lâu năm đó mớm cho ký giả Mỹ quan điểm chủ bại. Họ cũng khuyến khích những kẻ bất đồng chính kiến trong số những trí thức Việt Nam từng chịu sự giáo dục của Pháp lúc ấy thường tập trung ở Sài Gòn.”

Sau vụ dinh Độc Lập bị oanh kích và con gái ông bà Nhu thoát chết trong đường tơ kẽ tóc, báo chí Mỹ làm to chuyện, cho rằng nhân dân oán ghét chế độ, ông Diệm đã cứng rắn hơn với ký giả ngoại quốc. Ông cho lệnh tìm cách trục xuất Homer Bigart của *Nữu Ước Thời Báo* và Francois Sully của *Tuần Tin Túc*.

Về mặt quân sự, hai tháng đầu năm 1962, không lấy làm hứa hẹn cho Sài Gòn. Vẫn những cuộc hành quân lớn không kết quả.

“Trong khi đó Cộng quân càng thêm mạnh. Tình báo Mỹ tháng 2 cho biết, VC đã tăng quân số từ 20,000 lên 25,000 trong tháng 12 năm trước.”

Nhưng đến mùa xuân thì tình hình khả quan hơn. Một trong những chiến thắng lớn nhất của chính quyền Sài Gòn trong mùa xuân là trận đánh ngày 6 tháng 4 ở Trà Bồng. Hãng AP loan VC thua chạy để lại 45 xác, và có thể có nhiều xác đã được mang theo. Phía Sài Gòn có 16 chết và 33 bị thương.

Đến giữa năm 1962 số cố vấn quân sự Mỹ đã tăng vọt, từ 2,600 lên đến 11,500.

Về hiệu quả của sự cố vấn của Mỹ, tác giả phân biệt: “Cố vấn về chính trị của người Mỹ thường vô bổ, vì họ

thiếu hiểu biết về văn hóa Việt Nam. Trong khi đó cố vấn về quân sự trái lại đã giúp ích nhiều cho sự tiến bộ trong công cuộc điều binh bố trận.”

Tác giả đã giành 3 trang để nói về Ấp Chiến Lược mà ông cho rằng của ông Nhu, chứ không phải của Sir Thompson như nhiều người nghĩ. Ông bảo đây là một cuộc cách mạng hóa nỗ lực chiến tranh.

“Khi giải thích về chương trình ACL, Diệm và Nhu thường năng nói đến tính dân chủ của nó, nhưng là thứ dân chủ theo kiểu Việt Nam, chứ không phải dân chủ theo kiểu Tây Phương.”

Người Mỹ có vẻ không hài lòng vì chương trình này được thực hiện sau lưng họ, và lại dùng cố vấn chính là người Anh (Sir Thompson) chứ không phải là người Mỹ (Rufus Phillips).

Nhưng dấu sao những tiến bộ về hoạt động quân sự, kèm theo một số cải tổ trong guồng máy cai trị khiến người Mỹ không còn muốn ép Tổng Thống Diệm phải mở rộng chính phủ, đưa thêm người của đối lập vào nữa.

Phía Hà Nội thấy Mỹ có vẻ dần thân và chế độ Sài Gòn xem ra ổn vững nên ngỏ ý muốn thương thảo với cả Diệm lẫn Mỹ, sẵn sàng chấp nhận một miền Nam Việt Nam trung lập với một chính phủ liên hiệp gồm mọi nhóm chính trị tôn giáo và các tổ chức xã hội. Trong khi đó Hồ Chí Minh được Liên Xô cho 3,000 súng và Trung Cộng cung cấp 90,000 vũ khí đủ để trang bị cho 230 tiểu đoàn mới.

Phần cuối chương 6, tác giả phân tích tình hình Ai Lao và hiệp định Genève về Ai Lao.

Tháng 4, Tổng Thống Kennedy theo đề nghị của Harriman cắt viện trợ cho chính phủ của hoàng thân Phoumi hòng tiến tới một chính phủ liên hiệp 3 phe. Tổng Thống Diệm viện dẫn bài học lịch sử về Cộng sản Hy Lạp chỉ bị đánh bại sau khi Ti-tô không cho chúng lợi dụng lãnh thổ Nam Tư, để khẩn khoản yêu cầu Hoa Kỳ ngăn cản không cho Việt Cộng lợi dụng lãnh thổ Ai Lao để xâm nhập miền Nam Việt Nam. Nhưng không được. Kennedy quá tin Harriman, nên đã không nghe lời những cố vấn phe “điều hâu”, như McNamara, McCone. Ngày 13 tháng 5, nguyên tổng thống Eisenhower đã nói với hai ông này rằng, “Nếu mất Ai Lao thì cuối cùng Nam Việt Nam và Thái Lan sẽ mất.” (...) Vì vậy phải giữ Ai Lao bằng mọi giá. Ít nhất cũng phải giữ được một nửa. Nếu cần đến bom nguyên tử chiến thuật để giữ Ai Lao cũng không từ.

Nhưng Harriman nhất định cho rằng Liên Xô sẽ bảo đảm việc Việt Cộng rút hết khỏi Ai Lao. Quả thực Khrutshchev có gửi cho Tổng Thống Kennedy một lá thư hứa Cộng quân sẽ không có hành động quân sự nào rộng lớn ở Ai Lao. Nhưng thực tế sau này cho thấy đấy chỉ là lời hứa hão.

Vì đại sứ Nolting tỏ ý không tán thành hiệp ước trung lập hóa Ai Lao, nên Harriman lại một lần nữa vận động để đưa Nolting ra khỏi Nam Việt Nam. Nhưng không thành công.

“Tuy nhiên sự chống đối của Nolting không phải là vấn đề quan trọng đối với Harriman như sự chống đối của Diệm, vì Diệm là lãnh tụ tối cao của Đồng Minh có chủ quyền.”

Nhưng rồi mọi sự cũng xong. Với lời hứa ngọt ngào của Tổng Thống Kennedy, Tổng Thống Diệm cuối cùng đã để cho ngoại trưởng VNCH ký hiệp ước đó một cách bất đắc dĩ, mà trong lòng thì lo âu. Với hiệp ước này, Ai Lao có chính phủ liên hiệp gồm 3 phe: Phe Trung Lập của hoàng thân Souvanna, phe hữu của hoàng thân Phoumi và phe cộng của hoàng thân Souphanouvong, em hoàng thân Souvanna..

Tác giả kết thúc chương này bằng một nhận định lạc quan về tình hình Nam Việt Nam, mặc dù có sự xâm nhập gia tăng của Cộng quân từ Ai Lao. “Một sự tiến bộ đáng ngạc nhiên trong quân đội. Chương trình Ấp Chiến Lược trở thành cốt lõi của công cuộc bình định.”

Chương 7: Tấn công: từ tháng 7 đến tháng 12 năm 1962

Mở đầu là việc bổ nhiệm tướng Paul Harkins làm trưởng đoàn cố vấn và những nỗ lực của ông nhằm ảnh hưởng đến những quyết định cần thiết của Tổng Thống Diệm liên quan đến việc cải tiến các đơn vị tác chiến. Harkins rất năng động và thường đi xem xét hoạt động của các cố vấn tại hiện trường, trái với lời cáo buộc của một số ký giả Mỹ là ông chỉ ngồi ở văn phòng.

Tác giả trung dẫn chiến thắng của sư đoàn 7 tại Đồng Tháp Mười ngày 20 tháng 7 làm ví dụ về kết quả của những khuyến cáo của tướng Harkins về việc chỉ huy và tinh thần tấn công. Tướng Harkins đã nói với Tổng Thống Diệm: “Chỉ có một cách để chiến thắng là tấn công, tấn công, và tấn công.” (Tr.168)

Phó đại sứ William Truehart lớn tiếng ca ngợi những tiến bộ đạt được là “đáng khích lệ kinh khủng”. Nhưng

báo giới Mỹ thì không hào hứng như vậy. Sau khi Homer Bigart và Francois Sully hết hạn hộ chiếu, phải rời Việt Nam, chỉ còn một số nhà báo rất trẻ, trong số phải kể đến Neil Sheehan, 25 tuổi, David Halberstam, 28 và Malcolm Browne, 32. Theo tác giả, những nhà báo trẻ này đòi rằng họ phải được biết rõ mọi sự thực về chiến tranh, những thắng lợi cũng như những thất bại và khuyết điểm, lỗi lầm của chính phủ và quân đội. Vì vậy họ luôn chỉ trích các giới chức Mỹ và Việt Nam đã không cho họ được toàn quyền tiếp cận các nguồn tin. Tuy nhiên tác giả không kết tội họ là cố tình làm lợi cho địch. Ông viết: “Although they regularly denounce American and south Vietnamese leaders and some of their policies, they supported the basic American goal of defeating the Viet Cong in order to preserve a non-Communist South Vietnam and save the Southeast Asian dominoes.” (Tuy họ thường tố cáo các nhà lãnh đạo và một số chính sách của Mỹ và Nam Việt Nam, nhưng họ vẫn ủng hộ mục tiêu cơ bản của người Mỹ là đánh thắng Việt Cộng để duy trì một miền Nam Việt Nam không cộng sản và cứu các quân đô-mi-nô Đông Nam Á.”

Trong mùa hè 1962 những phóng viên mới để quá nhiều thời giờ cho một mình sư đoàn 7. Tuy Halberstam và Sheehan và hầu hết các phóng viên khác phần nhiều lấy tin từ những nguồn không chính thức thuộc loại “Radio Catinat”, nhưng quả thực họ có đến thăm sư đoàn 7 và tháp tùng các cuộc hành quân khá đều. Lý do, theo tác giả, là vì từ Sài Gòn đến bộ tư lệnh sư đoàn 7 ở Mỹ Tho chỉ có 40 dặm đường khá tốt, và nhất là vì ở đó có sự hiện diện của

Trung Tá John Paul Vann rất thích cung cấp tin cho các phóng viên để được nổi tiếng. Tác giả đưa ra nhiều điều không tốt về ông này, cũng như về bà mẹ của ông ta. Ít ai biết bà từng có con hoang, làm đi, và nghiện rượu. Nhiều chỗ, nhất là chương về trận Ấp Bắc, tác giả đã đưa ra nhiều tài liệu để chứng minh Vann nói láo, để chạy tội và đổ lỗi cho sĩ quan Việt Nam không muốn tiếp cứu người Mỹ bị địch bao vây... Chắc là ký giả Neil Sheehan “sùng” lắm vì ông ta đã ca tụng Vann hết lời trong tác phẩm lớn *A Bright Shining Lie* của ông ta. (Xin xem chương 20, *Ngô Đình Diệm, Lời Khen Tiếng Chê của Minh Võ*.) Vann là nguồn tin chính của Sheehan đã nói láo, thì các tin mà Sheehan đưa ra về những ưu điểm của Cộng quân và những sai trái của quân Quốc Gia còn có giá trị bao nhiêu? Trang cuối tác giả nhắc đến hiệp ước trung lập hóa Ai Lao, công trình của Harriman đã đưa đến việc Cộng quân tha hồ dùng đường mòn Hồ Chí Minh để xâm nhập miền Nam, vì vậy nhiều người lấy tên Harriman đặt cho đường mòn này: “*Xa Lộ Tưởng Niệm Averell Harriman*”.

Mặc dầu gặp khó khăn bội phần do cái “xa lộ Harriman” này gây ra, chính quyền Diệm vẫn thu lượm được nhiều thắng lợi vào hạ bán niên 1962. Tác giả kết thúc chương 7 bằng lời nhận xét của ký giả Wilfred Burchett, người Úc thân Cộng, đã từng sống với VC vào thời gian đó như sau:

“Về lãnh thổ cũng như về dân số, Diệm đã lấy lại được một phần đáng kể. Quân (của Diệm) đã ghi được một số thắng lợi và chủ động về chiến lược và chiến thuật... Năm 1962 là năm của Diệm.”

Chương 8: Trận Ấp Bắc; Tháng Giêng năm 1963

Tác giả để gần 20 trang để viết về trận đánh cấp tiểu đoàn này, trong khi về những trận đánh khác trong năm 1962, ông chỉ nói qua mấy hàng. Thứ nhất vì đây là trận phản công đầu tiên của Việt Cộng sau một loạt thất bại trong 6 tháng cuối năm 1962, để cố dành lại thế chủ động. Nhưng VC đã thất bại, để lại trên một trăm xác chết.⁴

Thứ hai, vì trận này đã được số đông báo giới và sử gia Mỹ sau này nêu lên để chứng minh sự “yếu kém và uơ hèn của chính quyền miền Nam không muốn chống cộng, chỉ muốn duy trì lực lượng hầu bảo vệ nhà Ngô...” Trong trận này quân của sư đoàn 7 bị thiệt hại nặng, 80 chết 109 bị thương. Lực lượng Mỹ yểm trợ có 3 người chết, 6 bị thương và nặng nhất là có tới 5 máy bay trực thăng bị hư hại. Dư luận phe chính thống coi đây là thất bại lớn chứng tỏ chính quyền đang trên đà suy sụp. Nhưng tác giả đã thuật lại đầy đủ chi tiết trận đánh, địa hình địa vật, và quân số hai bên, cũng như diễn tiến trận đánh, để đi đến nhận xét trái ngược. Theo tác giả thì, tướng Harkins và Đô Đốc Felt đều nhận định, đây là một chiến thắng của quân lực Việt Nam Cộng Hòa. Riêng tác giả thì phân biệt, về mặt chiến thuật, sư đoàn 7 thất bại, vì không tiêu diệt được đối phương như đã hoạch định. Nhưng về mặt chiến lược thì thắng vì không để Cộng quân dành lại được thế chủ động.

Tác giả cũng nêu bằng chứng để quy trách sự tổn thất – không chỉ về phía Mỹ – cho Trung Tá Vann. Hơn nữa còn kết tội ông nói dối. Những dẫn chứng chi tiết được nêu lên trong 62 chú thích có thể tạo nên một thách thức nghiêm trọng đối với sự đánh giá của “phe chính thống”.

Chương 9: Tổng Thống Diệm trước thử thách: Từ tháng 2 đến tháng 7

Tình hình an ninh và công cuộc bình định tiếp tục tiến triển sau trận Ấp Bắc nhờ dân chúng tin tưởng vào chính quyền và cung cấp nhiều tin tức về hoạt động của Cộng quân. Từ tháng 2 đến tháng 7 Cộng quân chỉ có thể chủ động mở tấn công cấp tiểu đoàn 7 lần, so với 35 lần trong 6 tháng đầu năm 1962. Một tài liệu lịch sử của quân khu 5 VC sau này đã ghi: “*Chính quyền Diệm đã lấy lại tất cả những gì chúng ta chiếm được.*”

Kết quả này theo tác giả là nhờ chương trình Ấp Chiến Lược. Ông trưng dẫn các chuyên gia người Úc (đại tá Ted Serong) và Anh (Sir Thompson) nhận định đây là thành tựu to lớn, khiến chính phủ đang trên đà chiến thắng. Cố vấn Mỹ Rufus Phillips cũng lạc quan, tuy dè dặt hơn.

Cuối tháng bảy một toán đặc nhiệm thuộc sư đoàn 7 đã tấn công tiểu đoàn 514 VC khiến chúng phải bỏ chạy để lại 58 xác, và đem theo một số tương đương. Phía quân chính phủ có 18 tử thương.

Phần đông ký giả Mỹ không báo cáo những thành tựu đó. Trái lại có kẻ như Halberstam còn cho rằng tình hình an ninh tồi tệ, nguyên do là tại bà Nhu. Nhưng “Đại tướng Edward Rowny bảo Halberstam: Này Dave, anh biết cuộc hành quân thắng lợi đấy chứ? Và dù nó thắng lợi hay không thì cũng chẳng dính dáng gì đến bà Nhu cả. Thậm chí binh sĩ còn chẳng biết bà ta là ai nữa. Halberstam đáp: Đại tướng ơi, độc giả không thích đọc bất cứ cái gì liên quan đến những cuộc hành quân bé nhỏ này đâu. Cái mà họ thích đọc là mụ “Long Nữ” (Dragon Lady) cơ.” (tr. 210, chú thích 27)

Thủ thách của ông Diệm chẳng những do báo chí Mỹ, do số lớn vũ khí và quân lính Bắc Việt xâm nhập qua đường mòn Harriman. Mà còn do biến cố Phật Giáo. Tài liệu VC cho biết mỗi tháng Bắc Việt chuyển vào Nam 1500 lính để tăng cường cho số quân chỉ vào khoảng 23,000. Đây là một tỷ lệ vô cùng lớn lao. Nhưng số quân VC đào ngũ, hoặc ra đầu thú với chính quyền trong chiến dịch chiêu hồi cũng rất lớn. Vì vậy chính quyền vẫn giữ được thế chủ động.

Về biến cố Phật Giáo, tác giả đưa nhiều bằng chứng để đi đến kết luận giống như Tổng Thống Nixon hay cựu hoàng Bảo Đại đã khẳng định trong *No More Vietnams* hay *Le Dragon D'Annam*: Vấn đề không phải kỳ thị tôn giáo, mà là chính trị. Tác giả đã đề nhiều trang bàn kỹ về nguồn gốc sự khủng hoảng, và vai trò của Thượng Tọa Thích Trí Quang, mà ông bảo là người đã áp dụng những phương pháp đấu tranh giống CS, hoàn toàn trái ngược với nếp sống và tác phong của một tu sĩ Phật Giáo. Ông trưng dẫn bằng chứng về việc Tổng Thống Diệm đã có thiện chí thương lượng, hòa giải, nhưng Thích Trí Quang luôn luôn chỉ muốn đánh đổ cho bằng được chính phủ. Tác giả cũng nhắc lại chuyện di vãng, chính ông Hồ đã từng khoác áo nhà sư trong thời gian còn đấu tranh trong bí mật...

Tiếc rằng báo chí Mỹ đã triệt để ủng hộ phong trào đấu tranh của Thích Trí Quang, lên án chế độ. Họ lý luận rằng Phật Giáo chiếm tới 70 hay 80 phần trăm dân, nên đại diện toàn dân và như vậy ông Diệm đã bị toàn dân lên án, không thể nào tồn tại... Tác giả đã bác bỏ hoàn toàn tỷ lệ phần trăm tưởng tượng này, bằng những thống kê chính xác.

Tác giả cũng nói đến vai trò của Phạm Xuân Ẩn và Phạm Ngọc Thảo trong vấn đề ảnh hưởng đến dư luận báo chí Mỹ. Các nhà báo trẻ như Neil Sheehan và David Halberstan thường xuyên tiếp xúc với những nguồn tin sẵn ác cảm với chính quyền. Vì thế phản động dư luận Mỹ và thế giới cũng lên án theo.

Cuối chương tác giả viết:

“Trong khi Truehart, Hilsman, Halberstam và những người Mỹ khác bao vây Diệm với những yêu sách sai lầm về hòa giải, họ đã ngoảnh mặt làm ngơ trước hai sự thực quan trọng: nỗ lực chiến tranh của Nam Việt Nam đang tiến những bước dài, và vấn đề chính của Nam Việt Nam là sự xâm nhập càng ngày càng tăng của Cộng quân qua ngã Ai Lao.” (tr 228)

Chương 10: Phản bội: Tháng 8 năm 1963

“Xem ra tôi không thể nào làm cho tòa đại sứ tin được rằng đây là nước Việt Nam chứ không phải Hoa Kỳ”. Chương sách được mở đầu bằng lời Thống Thống Diệm nói với nữ ký giả Marguerite Higgins như vậy. Ông đã để gần 2 trang sách để tóm lược nội dung câu chuyện dài 5 giờ vào đầu tháng 8 giữa vị tổng thống độc thân và cô gái Mỹ trẻ đẹp. Cô này thích xông xáo lặn lội khắp nơi, từ rừng rậm đến đồng ruộng sinh lấy⁵ ở Nam Việt Nam hòng săn tin về cuộc khủng hoảng đang diễn ra. Cô là nữ ký giả đầu tiên của Mỹ được giải thưởng Pulitzer về báo chí.

Rồi ông nói về làn sóng phản đối của sư sãi và Phật tử xung quanh chùa Xá Lợi. Trong số vài chục ngàn người đó, ông trưng bằng chứng từ phía CS rằng không ít người do VC xúi dục gia nhập cho thêm đông, để làm mất uy tín chính phủ.

Về cuộc lùng bắt và giam giữ một số sư sãi và Phật tử trong chùa Xá Lợi đêm 22 tháng 8, tác giả trưng bằng chứng từ nhiều nguồn tài liệu, cho biết chính các tướng lãnh sau này làm cuộc đảo chính đã xin TT Diệm được dẹp nhóm quá khích. Vì lúc ấy nhiều người bất mãn với TT Diệm, không phải vì ông quá cứng rắn với nhóm Phật tử quá khích, mà vì họ cho rằng ông quá mềm yếu. Chính Phó Tổng Thống Nguyễn Ngọc Thơ chỉ vài ngày trước khi đảo chính đã tuyên bố với các nhà ngoại giao ngoại quốc rằng đáng lẽ chính quyền đã phải dập tắt phong trào Phật Giáo không nương tay.

Trước khi có cuộc lục soát và bắt giữ nhóm chống đối trong chùa Xá Lợi, chính tướng Trần Văn Đôn đã lên đài phát thanh tuyên bố tình trạng thiết quân luật. Rồi sau đó Quân Đội đã bố trí tại các nơi hiểm yếu trong thành phố để cho 3 lực lượng Cảnh Sát, Thanh Niên Cộng Hòa và Lực Lượng Đặc Biệt xông vào Chùa, bắt giữ bọn người làm loạn.

Hành động quyết liệt của quân đội đã lấy lại được uy tín cho chính quyền. Nhưng các ký giả Mỹ, mà nổi bật là Halberstam đã dựa vào những nguồn tin ác cảm hay sai lạc để tố cáo ông Nhu lộng quyền chỉ huy cuộc “đàn áp”. Tác giả viết: “Tất cả tin tức nêu lên trong bài báo của Halberstam về vụ 22 tháng 8 xuất phát từ những nguồn vô danh mà anh ta nào nức muốn tin là đúng, nhưng tất cả đều sai.”

Tác giả tấn công Halberstam bằng một loạt bằng chứng về những báo cáo láo của anh ta. Chẳng hạn Halberstam báo cáo có 4 người bị bắn chết tại Huế, thì khi Phái đoàn

Liên Hiệp Quốc tới điều tra, họ đã phỏng vấn cả 4 người (đã chết!) này.

Cùng với 3 nhà báo ác cảm với ông bà Nhu, còn có 3 người trong chính quyền Mỹ cũng cùng một tâm trạng. Họ cùng nhau lập thành nhóm Diem-Must-Go (theo đại sứ Frederick Nolting) tiến hành một loạt mánh mung không đường hoàng, nếu không muốn bảo là gian xảo, để áp lực cho ông Diệm phải loại trừ ông Nhu. Vì đây là vấn đề vừa khuất tất vừa khôi hài một cách chết người nên xin dịch nguyên văn một đoạn dài của tác giả:

“Harriman, Hilsman và Forrestal mô tả biến cố 21- 8 theo cùng một cách như báo giới Mỹ. Họ quả quyết rằng chính phủ đã quyết định tấn công tàn bạo các chùa chiền. Họ không xét đến sự khiêu khích và chủ ý phản nghịch đã khiến chính phủ phải đuổi những kẻ đấu tranh ra khỏi chùa. Vì không quen với văn hóa của Việt Nam, họ không hiểu rằng dung túng những cuộc chống đối như ở chùa Xá Lợi sẽ làm cho người lãnh đạo bị mất uy tín. Trong trí của 3 người Mỹ này, việc dọn sạch các chùa hoàn toàn do Nhu toan tính nhằm bách hại các Phật tử và không cho dân chúng có quyền tự do ngôn luận, và như vậy sẽ khiến cho công chúng phải chống lại nhà Ngô...”

“Harriman và Hilsman đã từ lâu hy vọng thấy Nhu phải ra đi. Thì đây cơ hội bằng vàng đã tới. Trong bản giác thu họ viết: “Chính phủ Hoa Kỳ không thể dung thứ một tình huống trong đó quyền hành nằm trong tay Nhu.” Họ cho phép đài Tiếng Nói Hoa Kỳ và các cơ quan thông tin khác của chính phủ loan báo rằng lỗi ở ông Nhu, chứ không phải quân đội. Đi xa hơn cả những gì 4 nguồn tin Việt Nam khuyên làm (các tướng Đôn, Kim, bộ trưởng Thuần và Võ Văn Hải

khuyến nên cho Nhu đi, nhưng giữ Diệm lại vì không thể có ai thay được ông Diệm, MV), họ xác quyết rằng hãy cho Diệm một cơ may loại Nhu, nhưng nếu không loại được Nhu, thì chính ông Diệm cũng không thể giữ.” Tác giả bản thông điệp chỉ thị cho đại sứ Lodge cho các tướng lãnh biết, nếu Diệm không đưa Nhu đi và nhượng bộ nhiều hơn với phe Phật Giáo, thì Hoa Kỳ sẽ thôi không ủng hộ Diệm và sẵn lòng ủng hộ một lãnh tụ khác.

“Chiều thứ bảy ấy, Harriman và Hilsman mang bức công điện tới số 9T câu lạc bộ Chevy Chase, là nơi thư trưởng ngoại giao George Ball đang chơi Golf. Ball thích chơi bạo. Ông ta đã chán ghét cuộc đàn áp Phật Giáo của Diệm, như đã được thông báo bởi các ký giả Mỹ mà ông ta thích. Vào một dịp nọ, ông ta đã nói với TT Kennedy rằng “Ngài sẽ có lợi hơn nếu truyện trò với những ký giả đang làm việc ở Việt Nam hơn là nói chuyện với những viên chức chính phủ Hoa Kỳ”. Ball khuyến nên xin phép Tổng Thống Kennedy để gửi công điện đi Sài Gòn.

“Hai tác giả công điện và Ball bèn gọi điện cho Tổng Thống lúc ấy đang nghỉ cuối tuần ở Cape Cod, và giục ông duyệt y bản công điện. Kennedy vốn đã có vẻ nghiêng về quan điểm là Nhu phải ra đi và phải ép Diệm một cách đáng kể vì dư luận báo chí xôn xao về vụ tấn công chùa. Tuy nhiên ông không biết sự tai hại mà bản công điện gây ra cho ông Diệm. Ông vẫn còn quý trọng ông Diệm, và về sau, khi đã thấy rõ những ngụ ý đầy đủ của công điện, ông đã ân hận. Từ Cape Cod Kennedy bảo các viên chức bộ ngoại giao rằng ông chấp thuận công điện, với điều kiện là họ phải được sự đồng ý của thủ trưởng của họ, là ngoại trưởng Dean Rusk, và của ông Roswell Gilpatric đang tạm thay bộ trưởng Quốc Phòng

McNamara. Ông này đang leo núi ở Wyoming. Tổng Thống đặc biệt quan tâm đến quan điểm của bộ Quốc Phòng vì bộ này kiên quyết ủng hộ ông Diệm.

“Gọi điện đến sân vận động Yankee, người ta báo ngoại trưởng Rusk rằng Tổng Thống đã duyệt y công điện, mà không nói rằng Tổng Thống duyệt y với điều kiện là Ngoại Trưởng và ông Gilpatric cũng đồng ý. Ông Rusk nói ông đồng ý. Forrestal liên lạc với ông Gilpatric và xin ông ấy thuận, lại nhấn mạnh rằng Tổng Thống và ngoại trưởng Rusk đã thuận rồi. Forrestal, cũng như ba viên chức bộ Ngoại Giao, không màng nhắc đến điều kiện của sự chấp thuận của Tổng Thống, khiến ông Gilpatric cũng có cảm tưởng rằng người ta xin sự đồng ý của mình cho có lệ để thông qua một chính sách mà Tổng Thống đã chọn. Vì thế Gilpatric đồng ý.

“Để tránh cho bên CIA khỏi có cảm nghĩ họ bị bỏ qua không hỏi ý, Harriman đã tiếp xúc với phó giám đốc CIA đặc trách về Kế Hoạch là Richard Helms, thay vì cố tìm gặp chính Giám Đốc là John McCone là người nhiệt liệt ủng hộ Diệm. Harriman báo Helms rằng Tổng Thống đã chọn một con đường hành động mới cho Nam Việt Nam. Nhưng ông ta không xin ý kiến của ông Helms hay của CIA, trước khi cáo từ.

“Nhưng tác giả bản công điện đã không tìm sự đồng thuận của Chủ Tịch Ban Tham Muu Hỗn Hợp là đại tướng Maxwell Taylor vì ông này cũng là người ủng hộ ông Diệm một cách mạnh mẽ.

“Nếu như các ông McNamara, McCone và Taylor được tiếp xúc để hỏi ý, hoặc nếu như những kẻ thảo công điện cho các ông Rusk và Gilpatric biết rõ ý của Tổng Thống một cách đường hoàng, thì chắc công điện đã không bao giờ được gửi đi.

Vì các ông McNamara, McCone và Taylor rất kính trọng ông Diệm. Sau này khi biết cái thủ đoạn gian trá này, các ông đã nổi trận lôi đình.

“Ngay tối hôm ấy bản công điện đã được gửi cho đại sứ Lodge.” (trang 238)

Tác giả mô tả ông Lodge là người bị ảnh hưởng nặng của nhóm phóng viên trẻ chỉ muốn hạ ông Diệm. Ông quyết ra tay. Nhưng âm mưu bị bại lộ, vì ông Nhu biết được và đề phòng. Vì vậy tất cả công điện liên quan đến âm mưu đảo chính vào cuối tháng 8 bị thiêu hủy hết.

Chương 11: Tự hủy: Từ tháng 9 đến ngày 2-11-1963

Sau âm mưu đảo chính bất thành, hàng ngũ lãnh đạo cao cấp tại Hoa Thịnh Đốn chia hản làm hai phe. Harriman, Hilsman, George Ball và Forrestal tiếp tục tấn công Diệm. Phe bên Diệm gồm những nhân vật quan trọng hơn như Robert McNamara, Maxwell Taylor, Robert Kennedy (bộ trưởng Tư Pháp) và McCone, không kể đại sứ Nolting và William Colby, và cả Phó Tổng Thống Lyndon B. Johnson. Tác giả cũng nêu tên cố vấn Anh, Sir Robert Thompson ở Sài Gòn.

Mặc dù sự lươn lẹo xảo trá của nhóm Harriman đã khiến Tổng Thống không tin họ nữa, ông vẫn không dứt khoát ngã về bên nào. Vì dư luận báo chí quá bất lợi qua vụ khủng hoảng Phật Giáo khiến Tổng Thống cũng phải nhượng theo mà tuyên bố bất lợi cho ông Diệm. Trả lời ký giả Walter Cronkit trong một cuộc phỏng vấn, Tổng Thống Kennedy nói: “Chúng ta sẵn sàng tiếp tục giúp họ. Nhưng tôi nghĩ sẽ không thắng được trận giặc, nếu nhân dân Việt Nam không ủng hộ những nỗ lực của chính

quyền. Và theo ý tôi, trong những tháng qua chính quyền (Sài Gòn) đã xa rời dân. Chúng ta đã thấy cuộc đàn áp các Phật tử thật là không khôn ngoan.”

Hết tin ở ông Lodge, Tổng Thống gửi sang Sài Gòn một phái bộ thanh tra tại chỗ gồm tướng Victor Krulak, thuộc Thủy Quân Lục Chiến, và Joseph Mendenhall thuộc bộ Ngoại Giao do Harriman và Hilsman để cử.

Phúc trình của Krulak dựa vào lời khai của 87 người Mỹ và 22 người Việt trên khắp 4 vùng chiến thuật hoàn toàn có lợi cho ông Diệm. Còn báo cáo của Mendenhall thì cũng tốt nhưng không hoàn toàn có lợi. Tác giả Mark Moyar trung dẫn nhiều nguồn tin khác chứng minh tình hình an ninh hoàn toàn đúng như phúc trình của Krulak.

Về các Ấp Chiến Lược, thì tốt ở 3 vùng 1, 2 và 3. Nhưng tại vùng 4 thì có một số ấp bị Việt Cộng phá. Những ấp này phần lớn thuộc tỉnh Long An, cạnh thủ đô, được báo chí Mỹ quan tâm nhiều.

Khi Tổng Thống Kennedy gặp tướng Krulak và Mendenhall ngày 10-9-63 để nghe báo cáo, thì tình cờ cũng có mặt Rufus Phillips. Ông này đã đề nghị Tổng Thống nên loại ông Nhu và giữ lại ông Diệm. Những lời của Mendenhall và Phillips khiến McCone phản ứng kịch liệt, vì ông có cả một mạng lưới thu thập tin tức tình báo đầy đủ hơn họ nhiều. Cuối buổi họp ông khẳng định: “Sĩ quan Việt Nam sẽ làm việc với ông Nhu”.

Về phía đại sứ Lodge, ông cố tìm cách hạn chế quyền hành của ông Nhu và đề nghị đưa ông Thuận lên làm thủ tướng. Nhưng ông Diệm không muốn chịu áp lực của Mỹ. Ông bảo ông “không muốn bị coi như bù nhìn hay tay sai của Mỹ”.

Sau khi gặp Tổng Thống Diệm đại sứ Lodge lại tìm mọi cách lật ông. Thấy trưởng nhiệm sở CIA là Richardson báo cáo thuận lợi cho Diệm, Lodge liền tự tay đánh máy bí mật bản đề nghị triệu hồi ông này về Mỹ. Halberstam dùng ảnh hưởng của mình hỗ trợ cho mưu toan của Lodge.

Trong lúc Kennedy chán ngấy Halberstam đến tận cổ, một nhà báo uy tín mà Kennedy vốn có cảm tình là Joseph Alsop đưa ra những nhận xét hoàn toàn tốt đẹp về tình hình an ninh tại Nam Việt Nam, gián tiếp kết tội các nhà báo Mỹ ở Sài Gòn đã không khách quan, đặc biệt là Halberstam: “... Such optimistic sources are almost never quoted by Halberstam” (Những nguồn tin lạc quan như thế hầu như chẳng bao giờ được Halberstam trưng dẫn). Kennedy mời chủ báo New York Times ăn trưa và ngỏ ý muốn đưa Halberstam ra khỏi VN. Nhưng Arthur Sulzberger từ chối vì không muốn bị mang tiếng là chịu áp lực của chính quyền.

Trong chuyến đi thăm Việt Nam, McNamara và Taylor đã cùng với đại sứ Lodge đến thăm TT Diệm. Bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ nêu lên dư luận Mỹ đang bất lợi cho chế độ miền Nam, nếu không có thay đổi, cải tiến... Nhưng khi về Mỹ hai ông đã báo cáo tình hình Việt Nam rất tốt đẹp, đến nỗi vào cuối năm có thể rút về 1000 cố vấn. (trang 254)

Tuy nhiên (trước dư luận bất lợi của nhân dân Mỹ do báo giới gây nên) McNamara khuyến cáo, và Taylor cũng miễn cưỡng nương theo, rằng nên cắt một phần viện trợ để làm áp lực với Diệm, nhưng đừng để hại đến nỗ lực chiến tranh.

Kennedy bèn ra lệnh cắt phần nào viện trợ và chỉ thị cho Lodge tránh khuyến khích đảo chính, nhưng phải tiếp xúc để tìm ra người thay thế lãnh đạo.

Trái với điều Kennedy mong muốn, tin Mỹ cắt viện trợ làm mất hẳn uy tín của chính phủ Sài Gòn. Những khó khăn về kinh tế khiến viên chức chính phủ và dân chúng mất lòng tin ở chính quyền.

Ngày 10-10-63 Lodge đề Conein cho các tướng biết Hoa Kỳ không gạt bỏ sự thay đổi chính quyền và “không từ chối viện trợ cho chế độ tương lai nào được dân ủng hộ để thắng Cộng”.

Trong hoàn cảnh khó khăn ấy, quân chính phủ vẫn thực hiện nhiều cuộc hành quân thắng lợi, mà chính Halbertstam cũng phải công nhận.

Ngày 22 tháng 10, tại một buổi tiếp tân của tòa đại sứ Anh, đại tướng Harkins đã cảnh cáo tướng Đôn rằng ông không tán thành một cuộc đảo chính. Tướng Đôn làm bộ không biết gì về âm mưu đó.

Theo báo cáo của CIA, Tổng Thống biết Lodge đã qua mặt ông, toan tính chuyển đảo chính với các tướng Việt Nam. Ông muốn cắt chức Lodge. Nhưng nghĩ Lodge sẽ là đối thủ của ông trong cuộc bầu cử Tổng Thống vào năm tới. Nên lại thôi.

Ngày 27-10-63 Tổng Thống Diệm mời vợ chồng ông Lodge lên Đà Lạt ở biệt thự của Tổng Thống và đề cập vấn đề Hoa Kỳ cắt viện trợ và tố cáo John Mecklin và CIA giúp phe chống chính phủ. Nhân dịp này ông Lodge lại yêu cầu Tổng Thống Diệm cải tổ chính phủ. Tác giả viết:

“Diệm trả lời, nguyên văn tiếng Pháp: “*Je ne vais pas servir*”, dịch từ chữ sang tiếng Anh là “I am not going to serve”, nghĩa là tôi sẽ không phục vụ. Lodge báo cáo về DC rằng câu trả lời của Diệm vô nghĩa và phỏng đoán rằng ông Diệm muốn nói một cái gì khác. Có lẽ không có ví dụ nào tốt hơn để cho thấy Lodge không đủ khả năng hiểu được tình hình Việt Nam vào năm 1963, bằng sự việc ông ta không hiểu nổi ý của ông Diệm là ông ta không muốn làm đầy tớ Mỹ.” (tr. 260-261)

Trong khi phe “Diem-Must-Go” mưu toan đảo chính thì tướng Krulak, một trong những người bênh vực ông Diệm cho phổ biến báo cáo của phái đoàn lập pháp gồm 8 dân biểu do Clement J. Zablocki (DC Wisconsin) lãnh đạo.

“Theo Zablocki thì toàn thể phái đoàn đã đồng ý như sau:

- **a.** Dù có lỗi gì, dù độc đoán và dung túng hối lộ, bạo lực, thì Diệm vẫn tồn tại và đang thắng.

- **b.** Không thấy có ai thay thế được Diệm – Ít nhất chẳng có ai bảo đảm được tiến bộ; do đó những hành động của những đại diện Hoa Kỳ nhằm câu kết với những kẻ mưu phản, như đã rõ trong tháng 8, là tai hại.

- **c.** Thái độ của báo giới Hoa Kỳ tại chỗ phản ảnh trầm trọng đến toàn bộ chức nghiệp của họ. Họ hỗn xược, dễ bị xúc động, không khách quan và bị thông tin sai lạc. Sự chống đối họ được biểu lộ rõ nhất qua việc họ bị xua đuổi bởi nhiều nhà báo Mỹ có tinh thần trách nhiệm.”

Sau khi họp ban tham mưu Tổng Thống Kennedy chỉ thị báo cho Lodge phải tránh đảo chính. Trong số nhiều

ý kiến của những kẻ bênh người chống đảo chính, chúng tôi ghi lại đây ý của bộ trưởng Tư Pháp, bào đệ của TT Kennedy:

“Điều chúng ta đang làm thực sự là đặt tất cả tương lai xứ này và Đông Nam Á trong tay một kẻ mà chúng ta không biết rõ. Diệm là một chiến sĩ. Ông ta không phải kẻ giống như (Tổng Thống Cộng Hòa Dominic Juan) Bosch chỉ muốn bỏ đi. Diệm là một nhân vật cương quyết và tôi nghĩ ông ta sẽ quyết chiến... Nếu đảo chính thất bại, tôi nghĩ ông ta sẽ yêu cầu chúng ta rút khỏi miền Nam Việt Nam. Như vậy chúng ta đang đi xuống con đường dẫn tới thảm họa.”

(...)

“Lodge nhận công điện của Bundy sáng 30-10 nhưng mãi đến tối hôm đó mới phúc đáp. Vào giờ đó ông ta biện luận rằng không nên cho các tướng lãnh biết rằng cuộc đảo chính có thể thất bại. Thực ra Lodge chẳng hề ra lệnh cho Conein chuyển thông điệp tới các kẻ làm phản như Tổng Thống đã chỉ thị ông ta phải làm.”... “Cùng ngày hôm đó Tướng Harkins gửi tới Hoa Thịnh Đốn 3 công điện, tất cả đều nhanh chóng tới bàn Kennedy. Harkins phản đối việc đại sứ tích cực khuyến khích đảo chính vì như thế là vi phạm đường lối chính thức của Hoa Kỳ, cũng như việc ông ta đã không cho người cầm đầu phái bộ cố vấn quân sự biết về cuộc mưu phản. Harkins nhận xét, cuộc đảo chính không chắc có thành công hay không. Và tuy có nhiều người không thích Nhu, các tướng vẫn muốn hợp tác với ông Diệm,. Không như Lodge, Harkins biết rõ về khả năng của các tướng. Ông cảnh cáo rằng Nam Việt Nam không có ai có thể thay thế Diệm một cách thích

đáng. Ông quả quyết: “Qua các cuộc tiếp xúc ở đây, tôi thấy chẳng có ai có một bản lĩnh mạnh như Diệm, ít nhất về mặt chống Cộng.”

Ngày 31-10 ông Nhu gọi tướng Đinh tới dinh. Tỉnh trưởng Định Tường đã báo cáo, đại tá Có, phụ tá của Đinh rủ ông ta làm phản. Đinh bảo ông Nhu “để tôi chém đầu tên Có”. Nhưng Nhu không cho, bảo để theo dõi...

Ngày đó, tướng Đôn cũng tới dinh để nhắc ông Diệm về việc cải tổ chính phủ (để xin mấy ghế bộ trưởng cho các tướng). Ông Diệm bảo không cần, vì nay tình hình đã khả quan. Đúng ra ông Diệm biết các tướng chỉ hợp các chức vụ quân sự, không có khả năng chính trị. Tác giả viết:

“Giả như hôm ấy, dù đã rất muộn, ông Diệm thỏa mãn yêu cầu của các tướng, họ đã bỏ không đảo chính nữa. Về sau Đôn nói, chính sự từ khuốc của Diệm đã đưa các tướng đến quyết định dứt khoát là phải làm loạn.” (tr 265)

“Sáng 1-11, ngày ra tay, Lodge cùng với đô đốc Felt đến yết kiến Tổng Thống Diệm. Ông Diệm bảo hai người Mỹ: Tôi biết có một âm mưu đảo chính. Nhưng không biết ai sẽ ra tay.” Lodge nói: “Tôi nghĩ chẳng có gì cần lo lắng về chuyện đó”

Ông Diệm nhờ Lodge thưa với TT Kennedy rằng ông ta sẵn sàng xem xét nghiêm chỉnh những đề nghị của Mỹ, và mong sẽ thi hành, nhưng cần có thời gian... Trong báo cáo, Lodge nhìn nhận câu chuyện đó và đề nghị nên hòa giải với Diệm. Nhưng ông ta đã gửi báo cáo này với khẩn độ ưu tiên thấp nhất, cho nên nó chỉ tới Hoa Thịnh Đốn nhiều giờ sau khi Bạch Ốc đã bắt đầu nhận những công điện với khẩn độ ưu tiên cao về cuộc đảo chính đã xảy ra ở Sài Gòn.

Sáng hôm ấy, chỉ vài giờ trước khi cuộc nổi loạn khởi sự, những tay làm phản vẫn còn chưa tin ở chính mình. Tướng Khiêm, nước mắt giọt vẫn giọt dài, đến gặp tướng Đính và yêu cầu ông này đừng nói với ai về điều ông ta sắp nói đây. Khi Đính hứa không nói, thì Khiêm bảo muốn hủy bỏ cuộc đảo chính... “không muốn hại ông Cụ”. Đính nghĩ mình bị Khiêm thử thách, nên nói hãy cứ tiến hành đi... Thực ra nhóm chủ trương có ý ngờ vực Đính thật, vì họ chưa cho Đính biết về các chi tiết cuộc đảo chính, cũng không mời Đính tới bản doanh chỉ huy. Tác giả viết:

“Vào thời điểm này, kẻ cơ hội chủ nghĩa Đính rất có thể dụng tâm tránh một sự dấn thân dứt khoát với cả hai bên, cho đến khi có một bên tỏ ra mạnh thế hơn... Sau này Khiêm bảo Đính rằng ông ta đã bôi dầu thuốc của Tàu vào mắt để làm như khóc thật, rồi đến gặp Đính để thử lòng. Tuy nhiên lời nói của Khiêm có thể chỉ là muốn cố đánh tan mối nghi ngờ về sự trung thành của mình.” (tr 266)

Chỉ một thời gian vẫn trước khi đảo chính nổ ra ở Sài Gòn, đại tá Có đã áp đảo được sư đoàn 7. Ở Sài Gòn tư lệnh Hải Quân bị tay em giết. Các tướng cầm đầu đảo chính triệu tập các tướng lãnh và đại tá không biết gì về âm mưu đảo chính đến họp ở bộ Tổng Tham Mưu, bắt giữ những người họ nghi trung thành với ông Diệm trong đó có Đại Tá Cao Văn Viên.

Lục Lượng Đặc Biệt, lúc ấy đã bị đặt dưới quyền Bộ Tổng Tham Mưu, nên hầu hết đã bị các tướng đảo chính chuyển khỏi Sài Gòn. Còn lại một số ít, theo tác giả, bị đại tá Lê Quang Tung ra lệnh đầu hàng, vì ông bị người của nhóm đảo chính dí súng vào đầu bắt ra lệnh.

Lúc 4:30, Tổng Thống Diệm từ dinh Gia Long điện thoại cho Lodge.

Tác giả viết:

“Báo cáo chính thức trong hồ sơ của ông này (Lodge) ghi lại cuộc đối thoại như sau:

“*Diệm*: Một số đơn vị đã làm loạn. Tôi muốn biết thái độ của quý quốc.

“*Lodge*: Tôi không có đủ tin tức để cho ông biết. Tôi có nghe súng bắn. Nhưng không rõ tất cả sự việc. Và lại, giờ này ở Hoa Thịnh Đốn là 4:30 sáng và chính phủ Mỹ không thể đưa ra một quan điểm.

“*Diệm*: Nhưng ông chắc phải có một vài ý kiến tổng quát chứ. Dầu sao, tôi cũng là quốc trưởng. Tôi đã cố làm nhiệm vụ của tôi. Bây giờ tôi muốn làm điều gì bổn phận và lương tri đòi hỏi. Tôi tin ở nhiệm vụ trên hết. “*Lodge*: Chắc chắn ông đã làm tròn nhiệm vụ. Như tôi đã thưa với ông sáng nay, tôi ca ngợi sự dũng cảm của ông và những đóng góp của ông cho xứ sở ông. Không ai có thể lấy đi công lao về những gì ông đã làm, Giờ đây tôi lo cho sự an toàn của ông. Tôi được báo cáo là những người đảm trách những hoạt động đang diễn ra sẽ dành cho ông và em ông được sự dễ dãi ra đi khỏi nước, nếu ông từ chức. Ông đã nghe điều đó chưa? “*Diệm*: Chưa. (Ngung giây lát, rồi) Ông có số điện thoại của tôi.

“*Lodge*: Đúng. Nếu tôi có thể làm gì cho sự an toàn của ông, xin hãy gọi cho tôi.

“*Diệm*: Tôi đang cố tái lập trật tự.

“Những người chứng kiến cuộc điện đàm này nhớ là nội dung cuộc đối thoại có khác. Họ làm chứng rằng Lodge

thúc giục Diệm phải ngưng chống lại cuộc đảo chính và trốn khỏi nước, và để việc ra đi được dễ dàng Lodge đã bảo sẽ cho đưa Diệm sang Phi Luật Tân bằng chiếc máy bay phản lực mới được đưa tới để đại sứ xử dụng.

“Frederick Flott, là người đứng cạnh Lodge khi ông này nói, nhớ lại rằng đại sứ Mỹ đã bảo Diệm: “Ngài là một vĩ nhân. Ngài đã làm cho nước Ngài những điều vĩ đại. Tôi nghĩ, điều khôn ngoan cho Ngài là hãy rời khỏi nước và đừng chiến đấu thêm nữa. Tôi sẵn sàng đưa xe tôi cho Ngài dùng và một trong số những sĩ quan của tôi mà Ngài biết sẽ đến gặp Ngài. Chúng tôi sẽ kêu gọi lý trí của đôi bên để họ để Ngài được đưa tới phi Trường. Vừa đúng lúc tình cờ tôi có cái máy bay này tại đây.” Flott đáng lẽ sẽ đón Diệm bằng chiếc Limousine có treo cờ Mỹ để đưa Diệm tới phi trường, tại đó ông ấy sẽ lên phi cơ của Lodge. Theo Flott, Diệm trả lời Lodge: “Không, không, ông đại sứ đang hoảng hốt rồi. Ông đã phóng đại sự nguy hiểm.” Flott nhận xét: Ông Diệm thậm chí không màng cảm ơn Lodge về đề nghị đó...

“Một cận vệ của Diệm cho biết Tổng Thống la lớn: “Ngài đại sứ có biết Ngài đang nói với ai không? Tôi xin Ngài biết cho rằng Ngài đang nói với Tổng Thống của một nước độc lập có chủ quyền. Tôi sẽ chỉ rời nước, nếu đó là ý muốn của nhân dân tôi. Tôi sẽ không ra đi theo lời yêu cầu của các tướng làm loạn hay của ông đại sứ Mỹ. Chính phủ Mỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước thế giới về vấn đề khốn nạn này.”

Sau khi không được các tướng còn trung thành tiếp cứu, hai ông Diệm, Nhu rời dinh Gia Long vào Chợ Lớn

lúc 8 giờ tối. Và một giờ sau pháo binh và thiết giáp tấn công vào dinh Gia Long. Cầm đầu cuộc tấn công là Tướng Nguyễn Văn Thiệu.

“Sau này ông Thiệu cho biết, ông chỉ bằng lòng theo đảo chính, sau khi các tướng chủ mưu đã thuyết phục ông rằng Hoa Kỳ và các nước khác ủng hộ đảo chính và hai ông Diệm Nhu sẽ không bị giết.” (tr.271)

Lúc 6:45 sáng hôm sau, TT Diệm ra lệnh cho Lữ Đoàn Phòng Vệ buông súng. Rồi hai anh em ông đi tới một nhà thờ gần đó. Tại đây ông Diệm gọi cho Lodge. Lodge không hề cho Hoa Thịnh Đốn biết về cuộc điện đàm này. Nhưng có hai nguồn tin khác nhau xác nhận là có. Mike Dunn, một phụ tá của Lodge có mặt tại chỗ thuật lại: Đại Sứ bảo ông Diệm ông ta sẽ cho ông Diệm tỵ nạn và làm tất cả những gì có thể. Nhưng sẽ không thu xếp được phương tiện di chuyển cho vị Tổng Thống vừa bị hạ, trái với những gì ông ta hứa ngày hôm trước là sẽ cho Diệm phương tiện để đi Phi Luật Tân. Dunn bảo Lodge anh ta sẵn sàng đi đón hai anh em ông Diệm và bảo vệ họ, không để các kẻ phản loạn làm hại. Nhưng Lodge cấm chỉ. Dunn nhớ lại: “Thật là ngạc nhiên là chúng ta đã không làm thêm gì để giúp họ!” (tr 272)

Khi ông Diệm gọi cho các tướng lãnh đảo chính thì “Đôn hứa sẽ để hai ông ra phi trường, từ đó có thể ra ngoại quốc. Các tướng sẵn sàng một xe thiết giáp và hai xe jeep để đón hai ông ở nhà thờ (nhà thờ Cha Tam, MV). Sau khi bàn với chỉ vài cộng sự, Tướng Minh tự quyết định số phận cuối cùng của Diệm, Nhu. 7:30, khi đoàn đặc nhiệm sắp lên đường, Minh làm ám hiệu bằng tay, đã xếp đặt trước, rằng hãy giết cả hai anh em nhà Ngô.” (tr 272)

Theo tác giả thì các tướng cũng như Lodge đều muốn Diệm phải chết, vì nếu để ông sống ông sẽ có thể trở lại cầm quyền, hay làm khó dễ cho chính phủ hậu đảo chính.



Hình 15: Nhân viên CIA Conein (đằng sau) và 5 tướng phản loạn Kim, Đình, Đôn, Vỹ và Xuân (từ trái qua).

Kết thúc chương sách, tác giả viết:

“Tuy rằng Tổng Thống Việt Nam bị lật và bị giết bởi một số người Việt nào đó, nhưng trách nhiệm chính đổ lên đầu ông Lodge, và Tổng Thống của chúng ta là người đã bổ nhiệm Lodge và không chịu cách chức ông ta. Trách nhiệm cũng thuộc về một số cá nhân từng cung cấp tin tức và cố vấn về tình hình chính trị. Tôi muốn nói mấy viên chức thuộc bộ Ngoại Giao ở Sài Gòn và ở Hoa Thịnh Đốn và vài tay nhà báo thường trú ở Sài Gòn.”

Căn cứ vào những gì tác giả đã viết ở những trang trước, ta có thể thấy rõ danh tánh của những người đó:

George Ball, Averell Harriman, Roger Hilsman, Michael Forrestal, Malcolm Browne, Neil Sheehan và David Halberstam.

Trở lên chúng tôi đã tóm tắt lời tựa và 11 chương trong số 17 chương cuốn *Chiến Thắng Bỏ Lỡ*. Sáu chương còn lại nói về tình hình rối ren đến hỗn loạn sau khi mọi cơ sở pháp lý của Cộng Hòa Việt Nam tan tành do cái chết của vị tổng thống đầu tiên đem lại. Nhất là vì tình hình an ninh suy sụp do chính quyền mới hủy bỏ chương trình Ấp Chiến Lược. Trước nguy cơ miền Nam bị Cộng quân thôn tính, Mỹ đã phải đem quân vào mà không có một hiệp ước song phương, cũng không do một lời yêu cầu chính thức từ phía Việt Nam. Điều này khiến đối phương có cơ tuyên truyền rằng Miền Nam đã mất chính nghĩa. Nhưng xem ra tác giả không quan tâm đến chuyện cuộc chiến mất chính nghĩa cho bằng việc Tổng Thống Lyndon B. Johnson do dự không dám dùng binh lực để quyết chiến với Bắc Việt. Vừa phần vì ông sợ Bắc Kinh can thiệp khiến chiến tranh thế giới bùng nổ. Vừa phần vì ông sợ dư luận trong nước đang bị phe Bỏ Câu chi phối (chương 16, *The Prize Of Victory*).

Chúng tôi xin dành để độc giả tìm đọc ở nguyên tác, hay một bản dịch đầy đủ trong tương lai.

Sau đây xin có một vài nhận xét về những chương đã lược tóm ở trên.

Trước hết phải nói tác giả đã để nhiều công phu tham khảo không biết bao nhiêu tài liệu hòng đưa ra những nhận định phần lớn khác hẳn lối phê phán “chính thống” của đa số sử gia và học giả Mỹ từ trước tới nay.

Tuy nhiên cũng phải nói ngay rằng, nếu đã đọc các

tác phẩm của Tổng Thống Richard Nixon (*No More Vietnams*), của Thống Tướng Maxwell Taylor (*Swords and Plowshares*), hay của học giả và sử gia Tiến sĩ Ellen Hammer (*A Death In November*), của giáo sư Francis X. Winters (*The Year Of The Hare*) và ký giả Marguerite Higgins (*Our Vietnam Nightmare*)... thì ai cũng thấy, nói chung, những nhận định của tác giả Mark Moyar về Tổng Thống Ngô Đình Diệm và nền Đệ Nhất Cộng Hòa không khác các vị này bao nhiêu.

Ngoài ra cũng phải nói rằng tác giả đã ít quan tâm đến các tác giả Việt Nam đã viết về Tổng Thống Ngô Đình Diệm hay về nền đệ nhất Cộng Hòa như Giáo Sư Tiến Sĩ sử học Hoàng Ngọc Thành và phu nhân là Thân Thị Nhân Đức, Giáo sư Phạm Kim Vinh, bút hiệu Trương Tử Phòng, Luật sư cựu nghị sĩ Nguyễn Văn Chúc, Giáo Sư Tiến Sĩ sử học Phạm Văn Lưu, Giáo Sư Tiến Sĩ Nguyễn Ngọc Tấn, Giáo sư Tiến Sĩ Cao Thế Dung, nhà báo Vĩnh Phúc, hay của những chứng nhân quan trọng như cựu Đại Tá Nguyễn Hữu Duệ, cựu Trung Tá Nguyễn Văn Minh, cựu Tổng Giám Đốc Viện Hối Đoái Huỳnh Văn Lang, cựu Trung Tá Nguyễn Văn Châu, nguyên Giám Đốc Nha Chiến Tranh Tâm Lý thời Đệ Nhất Cộng Hòa, v.v. Có lẽ vì phần nhiều tác phẩm của những vị này đều viết bằng tiếng Việt, trừ mấy tác phẩm của hai Giáo Sư Hoàng Ngọc Thành và Phạm Kim Vinh đã được chính tác giả dịch ra tiếng Anh. Trong số những tác phẩm của những tướng đảo chính viết bằng tiếng Anh, có cuốn *Our Endless War* của Trần Văn Đôn, cũng cung cấp nhiều tài liệu chứng tỏ ông Cabot Lodge cùng với Conein chủ trương đảo chính. Bằng chứng là số tiền 3 triệu đồng

bạc Việt Nam (tương đương với 42,000 Mỹ Kim lúc ấy). Hay cuốn *Twenty Years Twenty Days* của Nguyễn Cao Kỳ cũng cung cấp bằng chứng rõ ràng nhất là Thượng Tọa Thích Trí Quang cầm đầu nhóm tranh đấu Phật Giáo quá khích không phải vì lý do tôn giáo, mà chỉ vì mục đích chính trị. Ông muốn làm quốc trưởng, làm vua. Chúng tôi đã trung dẫn lời ông Kỳ thuật lại chuyện Thích Trí Quang đề nghị với Cabot Lodge lật tướng Kỳ, để rồi sau đó, Thích Trí Quang sẽ đặt lại ông Kỳ vào chức thủ tướng. (Xin xem lại Phần I, chú thích số 65)

Vì tác giả là một học giả, giáo sư sử, nên ông đã cố tìm thật nhiều bằng chứng có tính khoa bảng để thách đố các nhà khoa bảng từng có quan điểm khác ông, nên sách của ông chi chít những trích dẫn từ nhiều tác phẩm, nhiều tài liệu trong các văn khố của các chính phủ, các phủ, bộ v.v. Chứ không giống như những tác phẩm của Nixon, hay Taylor, Marguerite Higgins...

Hơn nữa nội dung tác phẩm *Triumph Forsaken* quá rộng lớn vì nó bao gồm toàn bộ chiến tranh Việt Nam, chứ không phải chỉ về cuộc đảo chính 1-11-63, hay về nền đệ nhất Cộng Hòa, hay chỉ về Tổng Thống Diệm. Cho nên có nhiều chi tiết về cuộc đảo chính 1-11-63, tác giả cũng không thể thuật lại đầy đủ chi tiết. Thậm chí có một vài chi tiết, không biết ông dựa vào tài liệu nào, không đúng. Ví dụ ông bảo chiều ngày 1-11 hai anh em ông Nhu ra khỏi dinh Gia Long bằng đường hầm. Thực ra hai ông ra khỏi hầm (một thứ basement), chứ không qua đường hầm (tunnel) nào. Vì trong dinh Gia Long vốn chẳng có đường hầm nào cả. Chỗ khác ông bảo Đại

Tá Lê Quang Tung bị nhóm đảo chính gi súng vào đầu bắt ông ra lệnh quân lực lượng đặc biệt đầu hàng nhóm đảo chính. Những người có mặt tại bộ Tổng Tham Mưu hôm đó cho biết khi ông Tung đứng lên phản đối cuộc đảo chính liền bị đưa ra ngoài giết chết.

Theo thiếu ý, ngoài một vài chi tiết không được chính xác, tác phẩm của Mark Moyar là một công trình biên khảo công phu, giá trị mà các nhà khoa bảng, hay học giả vốn lên án việc các nhà lãnh đạo Hoa Kỳ ủng hộ Miền Nam Việt Nam chống Hồ Chí Minh phải xét lại quan điểm của mình và, nếu xứng đáng là một học giả chân chính, một nhà báo lương thiện, thì cũng nên có lời xin lỗi, hay cải chính.

Có lẽ người mà tác giả chê trách nhiều nhất trong tác phẩm này là nhà báo, trở thành sử gia David Halberstam. Ông này đã từng ca tụng Hồ Chí Minh: *“là một khuôn mặt phi thường của thời đại – một phần là Gandhi, một phần là Lê-nin, tất cả là Việt Nam. Có lẽ, hơn bất cứ nhân vật nào trong thế kỷ, ông Hồ là hiện thân cuộc cách mạng của dân tộc ông đối với dân tộc ông và cả đối với thế giới.”* (Hồ, Random House, NY, 1971, trang 12).

Cùng Halberstam đã viết: *“Tito, Stalin, Khrutshchev, Mao... hết thấy đều có tật sùng bái cá nhân. Nhưng Hồ thì không...”* (SĐD trang 20)

Nếu là sử gia có lương tâm, nhà báo lương thiện, thì Halberstam khi biết chính Hồ Chí Minh đã mượn bút danh Trần Dân Tiên để tự đề cao ca ngợi mình, biến mình thành thần tượng, tự tôn mình lên thành cha già dân tộc, ắt đã phải lên tiếng hối hận mới phải. Có lẽ vì thế mà ông

ta đã bị tác giả vạch mặt và quy trách trong việc Tổng Thống Ngô Đình Diệm bị hạ và bị giết.

Ngoài ông Cabot Lodge là vai chính không kể, người thứ hai bị quy trách là Averell Harriman, người đã thù ông Diệm, quyết bằng những mảnh lời bắt lương qua mặt thượng cấp để cố bằng mọi cách hạ uy tín và lật ông Diệm. Có người đã nghi Harriman là CS hay bị cộng sản mua chuộc trong vụ trung lập hóa Ai Lao và có thể cả trong đàm phán với CS tại hòa đàm Ba Lê đi đến một hiệp định Ba Lê rất bất lợi cho Việt Nam Cộng Hòa, mặc dầu ông không cầm đầu phái đoàn Mỹ.

Những lời lẽ xác quyết không dè dặt của tác giả về những người phải chịu trách nhiệm trong cái chết của ông Diệm, trong đó tác giả ghi cả chính Tổng Thống Kennedy chắc sẽ gây phản ứng mạnh từ phía các học giả thuộc trường phái “chính thống”. Nhưng có thay đổi được nếp suy nghĩ của giới học giả Mỹ, chắc cũng còn phải có thời gian.

Về mục đích chính của tác phẩm là chứng minh rằng đáng lẽ Hoa Kỳ đã thắng, nghĩa là, nếu không dẹp tan được nạn CS tại Việt Nam, thì cũng bảo vệ được Miền Nam khỏi rơi vào tay CS, phải đợi đến khi nào tập 2 xuất bản.

Ở tập một này, có hai điều ông đã cố chứng minh. Trước hết là trận Điện Biên Phủ. Nếu Hoa Kỳ giúp chính quyền Bảo Đại và đồng minh Pháp thì đã có thể thắng. Thứ hai là nếu chính quyền Kennedy không khuyến khích, tài trợ để một số tướng lãnh giết ông Diệm, thì miền Nam đã đứng vững và sẽ chiến thắng.

Có lẽ tác giả muốn tránh không để các học giả và sử gia Mỹ chê ông chỉ là “lý thuyết gia ý thức hệ” (tạm dịch từ

ideologues của tác giả), chứ không phải sử gia, nên ông đã không (hay chưa?) minh thị nêu lên thực tại của một trận chiến ý thức hệ do Cộng Sản thế giới khởi xướng đe dọa toàn thể nhân loại, mà chỉ đặt trọng tâm vào những sự kiện lịch sử liên quan đến cuộc chiến Việt Nam mà thôi.

Nhưng theo thiển kiến, vì cuộc chiến Việt Nam nằm trong bối cảnh chiến tranh ý thức hệ toàn cầu giữa CS và thế giới tự do, cho nên sử gia nào muốn thấu đáo về cuộc chiến Việt Nam, không thể nào không am tường về lý thuyết ý thức hệ. Nghĩa là phải vừa là sử gia, vừa là lý thuyết gia ý thức hệ.

Chú thích

¹ Joseph Lawton Collins, *Lightning Joe: An autobiography* (Baton Rouge: Louisiana State University, 1979), tr. 379.

² Thư gửi ngoại trưởng Dulles ngày 20-1-1955, DDRS, 1978, 295A.

³ Không biết nhà báo Joseph Buttinger có phải là một người trong số “vài người Mỹ” này không. Nhưng chính ông ta cho biết “*Mùa hè năm 1961 một số nhà dân chủ đã liên lạc với tôi ở cả Paris lẫn New York và đề nghị đưa ra lời kêu gọi nhân dân Việt Nam. Dựa vào đó tôi viết tài liệu sau đây, được in ở Paris. Họ đã ký lời kêu gọi, bằng Pháp văn và Việt văn này...*”

Nhân đây tưởng cũng nên phổ biến để độc giả biết “những nhà dân chủ” nào đó đã kêu gọi dân Việt qua văn phong của một ngoại nhân như thế nào. Đây là “tác phẩm cách mạng” của Joseph Buttinger được Minh Võ chuyển ngữ. Xin nhắc lại, tác phẩm của một Buttinger sau khi đã lột xác từ người ca tụng và ủng hộ thành kẻ lên án và chống đối Ngô Đình Diệm.

Sau đây là bản dịch (của MV) lời kêu gọi do Buttinger viết giúp các lãnh tụ “dân chủ” từng liên lạc với ông để tìm cách lật ông Diệm:

“Gửi nhân dân Việt Nam đang bị sống trong nô lệ và áp bức!

“Gửi những bậc nam nhi và thực nữ trên thế giới đang sống trong tự do!

“Bảy năm sau hiệp định Gio-ne-vo chấm dứt chiến tranh ở Đông Dương, nhưng chia đôi nước chúng tôi thành hai nửa què quặt, nhân dân VN đã không đạt được độc lập cũng chẳng có tự do sau một cuộc chiến anh dũng lâu dài. Ngày nay chẳng những chúng tôi là nạn nhân của hai nền độc tài, tuy nhằm hai mục tiêu đối chọi nhau nhưng cùng quyết liệt như nhau trong việc cai trị bằng bạo lực; nhân dân VN ngày nay còn phải chịu đựng một cuộc chiến tranh khốc liệt tàn ác, với chết chóc, hoang tàn.

“Miền Nam mà bảy năm trước hầu hết người dân Việt đặt hết hy vọng vào tự do công bình xã hội, đã trở thành một vùng đất hoang về chính trị dưới sự cai trị độc tài của Ngô Đình Diệm khiến tự do đã bị trục xuất bằng gian lận và bạo lực.

“Trong thế giới tự do, nơi Diệm tiếp tục kêu gọi sự giúp đỡ, chính quyền của ông ta, mặc dầu đã mất uy tín, hãy còn có thể gọi được sự thương cảm và ủng hộ qua lừa mị chính trị vô liêm sỉ. Tại quốc nội, nơi mà sự lừa phỉnh hết công hiệu, chế độ của ông ta chỉ hoàn toàn dựa vào một nhóm nhỏ những tay sai dễ bảo và dựa vào bạo lực chống những nhóm khác. Để được ngoại quốc ủng hộ, Diệm ca ngợi những lý tưởng của Thế Giới Tự Do. Nhưng báo chí bị khóa mồm, bầu cử gian lận, quốc hội gặt và những trại tập trung giam giữ đối lập là một sự chế riễu dành cho dân chủ và nhân quyền.

“Phương pháp cai trị của Diệm chẳng giúp gì cho sự bảo vệ miền Nam. Trái lại. Vì nhân dân từ lâu đã quá mệt mỏi với luận điệu của Diệm rằng đất nước chỉ được sống tự do nếu nhân dân bị tước quyền tự do, và vì chính Diệm thiếu mọi đức tính của một lãnh tụ được lòng dân, và của một nhà tổ chức lớn, nên sự cai trị bằng bạo lực của ông ta không hề may mắn tạo được đoàn kết quốc gia hay sức mạnh quân sự mà còn làm hỏng cả hai. Những công dân ngay thẳng đặt sự phục vụ nhân dân trên sự phụng sự bè lũ cầm quyền đã bị loại trừ một cách có hệ thống và bị vu cáo. Chính quyền vì thế trở thành bộ máy thu lại giết chết mọi sáng kiến, trở thành vô hiệu, lãng phí đưa đến nạn tham nhũng.

“Điều đúng với chính quyền thì đáng buồn lại cũng đúng với quân đội. Sáng kiến bị coi là bất tuân, thăng chức phải tùy thuộc vào sự từng phục hoàn toàn sự phán xét và ý muốn của tổng thống, chứ không phải tùy vào tài tổ chức hay chiến công. Những sĩ quan ưu tú chậm khen tổng thống nơi công cộng hoặc quá nổi tiếng trong đơn vị không bao giờ có cơ may nắm một vai trò quan trọng trong chiến tranh. Hơn nữa, tính cách cá nhân của chính quyền làm cho cuộc chiến do quân đội chỉ huy mất hẳn ý nghĩa quốc gia. Trong khi đó, sự oán ghét của nhân dân dành cho chế độ, khiến cho quân đội không được dân chúng ủng hộ là điều không có không thể được đối với một cuộc phản du kích chiến có hiệu quả.

“Vì những hy vọng vẫn vói đối với một miền Nam tự do hùng mạnh đã bị chế độ Diệm phá hủy, nhân dân Việt Nam bây giờ đang phải trải qua một giai đoạn đẫm máu và bi thảm trong cuộc chiến dành độc lập và tự do...”

Lời bàn của người viết về thái độ của Buttinger: Thoạt kỳ thủy Buttinger đến Việt Nam, chỉ với mục đích chứng kiến sự thất bại của ông Diệm mà ông đánh giá là kẻ yếu kém chẳng có thể làm nên trò trống gì. Đến là để nhìn tận mắt sự thất bại. Nhưng khi thấy tận mắt những thắng lợi không ngờ của ông Diệm, thì nói toáng lên là phép lạ. Rồi đâm ra kính phục và triệt để ủng hộ. Nhưng vài năm sau, thấy ông Diệm không chịu mở rộng chính phủ cho một vài lãnh tụ đáng phái mà ông ta quen biết thì ông ta lại phê bình chê ông Diệm độc tài. Nhất là vì ông Diệm “cố chấp” không nghe lời Buttinger yêu cầu để cho các ông Phan Quang Đán, Nguyễn Tôn Hoàn (Đại Việt) một ghế bộ trưởng. Cho nên từ 1961 Buttinger quay ra giúp các phe phái chống ông Diệm, viết tuyên ngôn, lời kêu gọi chống Sài Gòn. Sau khi ông Diệm chết rồi ông lại viết sách thanh minh thanh nga về chuyện ông ủng hộ ông Diệm trong những năm đầu. Đến khi miền Nam mất vào tay Cộng Sản rồi thì Buttinger lại quay ra ca tụng Hồ Chí Minh, lên án tất cả các người Quốc Gia ở miền Nam Việt Nam. Đặc biệt ông còn chê trách các nhà lãnh đạo Mỹ đã “ngu dốt” không ủng hộ ông Hồ. Buttinger cho rằng nếu đừng xua đuổi ông Hồ thì ông ta đã có thể là một thứ Ti-tô hơn cả Ti-tô! (*Vietnam, The Unforgettable Tragedy*, Horizon Press, NY, 1977, trang 26: “Better Titoist than Tito himself”)

Nhìn vào thái độ xoay như chong chóng đó đủ thấy lập trường chao đảo và tư cách lố lăng của một nhà báo và sử gia “nổi tiếng” trong trường phái tự xưng là “chính thống” của Mỹ.

⁴ Nhà văn Xuân Vũ trong bộ hồi ký *Đường Đi Không Đến*, tập *Đồng Bằng Gai Góc*, trang 89 đã thuật lại lời của một đại đội phó Việt Cộng tên Bình, họ Lê tham dự trận Ấp Bắc kể lại cho tác giả như sau: Tiểu đoàn em chết gần hết. Ban chỉ huy tiểu đoàn không còn ai. Các ban chỉ huy đại đội hi sinh hoàn toàn. Em lúc đó là tiểu đội phó được cho làm đại đội phó. Nhưng đại đội em chỉ được 2 tiểu đội. Cả tiểu đoàn quân số 200, còn lại độ năm chục...”

⁵ Tuần san *Thời Đại* (TIME) ngày 14-1-1966 viết: “*Maggie wears mud like other women wear makeup*” (tạm dịch: Maguerite trang điểm bằng bùn thay vì son phấn như các phụ nữ khác). Cô mất chỉ sau TT Diệm chưa đầy ba năm. Sau một chuyến công tác săn tin ở Việt Nam về nước cô bị bệnh nặng ngay khi còn trên máy bay, và qua đời sau đó 3 tháng. Trong khi bệnh nặng cô vẫn viết mỗi tuần 3 bài xã luận.

Chương 13

Xin cứu chúng tôi khỏi sự dữ¹

Năm 1956 có một điều mà dân di cư nên nhớ. Đó là sự ra đời của cuốn sách viết về cuộc di cư vĩ đại năm 1954-1955 được Farrar, Straus and Giroux xuất bản tại Hoa Kỳ lần đầu tiên nhan đề ***Deliver Us From Evil*** (xin cứu chúng tôi khỏi sự dữ). Chỉ trong 11 năm nó đã được tái bản đến 20 lần. Bản mà chúng tôi đọc được ghi *in lần thứ 21, năm 1967*. Gần 30 năm qua nó đã được in lại mấy lần nữa thì chúng tôi không rõ. Nhưng theo Seth Jacobs, tác giả cuốn *America's Miracle Man in Vietnam*, thì số lượng ấn bản đã lên đến nhiều triệu cuốn.

Tác giả là một trung úy bác sĩ hải quân tên là Thomas A. Dooley, sinh ngày 17-1-1928 và mất ngày 18-1-1961, vì bị ung thư khi mới vừa tròn 34 tuổi. Sau khi ông mất, viện thăm dò Gallup cho biết kết quả là ông đứng hàng thứ 3 trong số những nhân vật nổi tiếng nhất thế giới, chỉ sau tổng thống Dwight Eisenhower và Đức Giáo Hoàng. Được

tin buồn, tổng thống Eisenhower đã gửi công điện cho thân mẫu người quá cố trong đó tổng thống tuyên bố: “Có ít người, nếu không muốn nói là không có ai, sánh ngang hàng với Dooley về sự biêu lộ lòng can đảm, sự hy sinh bản thân, niềm tin nơi Thượng Đế và sự sẵn sàng phục vụ người khác.” Quốc Hội đã tặng ông huy chương Danh Dự. Tổng thống Kennedy vừa tuyên thệ nhậm chức tặng ông huân chương Tự Do.

Năm 1954, ông gia nhập toán đặc nhiệm lo công tác y tế cho đồng bào di cư, hay đúng ra chuẩn bị di cư, tại một trại ở Hải Phòng, đón tiếp đồng bào thoát được vùng CS để vào Nam theo hiệp định Genève. Trại này có cái tên là “Camp de la Pagode” (tạm gọi là Trại Chùa). Ông làm việc hết sức vất vả, tận tâm, không nề hà công tác nặng nhọc khó khăn đến đâu, để chữa trị cho dân tỵ nạn, mỗi ngày trung bình chữa cho 200 đến 300 người.

Ông từng theo học trường đại học nổi tiếng Sorbonne của Pháp, nên *“bất cứ cái gì của Pháp tôi đều thích”*. Những bệnh của đồng bào tỵ nạn mà ông phải chữa trị ở Hải Phòng, trước khi cho họ vào Nam, gồm đủ mọi tật bệnh trong số đó có những bệnh ông chưa từng được đọc trong sách hay nghe dạy tại các trường. Việc làm của ông và cơ duyên với đồng bào di cư đã cho ông có dịp chứng kiến hay nghe kể lại nhiều chuyện vô cùng thương tâm của đồng bào miền Bắc trong vùng bị CS chiếm đóng, và những thủ đoạn gian xảo, tàn ác của Việt Minh Cộng Sản nhằm đàn áp đồng bào theo đạo Ki-tô, và/hay ngăn cản đồng bào ra đi vào Nam bất chấp quy định của hiệp định Genève.

Cuốn sách chỉ có 214 trang. Nhưng nó chứa đầy đầy những tội ác của CS. Ở đây, chúng tôi chỉ xin tóm dịch

một vài đoạn. Riêng chương XV về các biện pháp dã man CS dùng “cải hóa” người dân, nhất là giáo dân, thì chúng tôi trích dịch hầu hết, để độc giả nhớ lại thời kỳ xa xưa, đã trên một nửa thế kỷ, hầu hiểu thêm những khó khăn vô bờ bến mà chính quyền Ngô Đình Diệm phải giải quyết ngay những ngày đầu.

Đọc hết cuốn sách này, chúng tôi không hề thấy tác giả nhắc đến hay thuật lại lời chứng của ai trong số hàng chục ngàn người mà ông được gặp và chữa trị nói về những truyền đơn của Hoa Kỳ, đặc biệt là của nhóm đặc nhiệm của đại tá Landsdale kêu gọi “đồng bào hãy rời bỏ miền Bắc, vì Chúa và Đức Mẹ đã vào Nam rồi!”, như một số người đã loan tải vì một lý do nào đấy. Trái lại, tác giả đã nhắc nhiều lần đến những truyền đơn của CS tha thiết kêu gọi đồng bào đừng nghe lời dụ dỗ của kẻ xấu mà di cư vào Nam, vì vào đến đó sẽ bị khổ cực, đàn ông phải đi làm phu đồn điền, phụ nữ bị bán cho tư bản làm thê thiếp, trẻ con bị Mỹ chặt tay, trẻ sơ sinh bị lính mỹ giết “rán ăn điểm tâm” v.v... Đọc những đoạn trích dịch dưới đây bạn đọc sẽ thấy Tổng Thống Diệm và chính phủ của ông, cũng như những người Pháp, người Mỹ có cảm tình với nhân dân Việt Nam đang bị ách cai trị hà khắc của Việt Cộng không cần phải kêu gào, mời gọi hay hứa hẹn gì, mà người ra đi cũng nườm nượp đến nỗi các phương tiện chuyên chở cùng các biện pháp cứu trợ không thể nào đáp ứng kịp. Hãy cứ tưởng tượng gần một triệu người thuộc đủ thành phần xã hội, mà đại đa số là nghèo đói, bệnh tật tuốn vào miền Nam chỉ trong vòng 300 ngày đòi hỏi biết bao công sức để tiếp đón, vận chuyển và cung cấp thuốc men, nhà ở, phương tiện sinh sống, v.v.

Nguyên do không phải sự đe dọa hay hứa hẹn hoặc tuyên truyền bằng mảnh lời như nhiều người bịa đặt hay tưởng tượng ra mà chính là vì sự đàn áp dã man, sự tra tấn man rợ chưa từng thấy của VMCS đối với những người theo đạo đủ làm cho người dân nô nức ra đi để tránh tai nạn, và được tự do thờ Chúa.

Ngày nay, đã hơn nửa thế kỷ sau, giữa lúc Hà Nội đang cần chúng tôi với thế giới là họ tôn trọng nhân quyền hồng được sớm vào WTO mà ta còn thấy công an đàn áp, tra tấn, đánh đập các đạo hữu Hòa Hảo, Tin Lành, điển hình là vụ bạo hành mục sư Chính tại Cao Nguyên. Còn vào thời điểm đó, Bắc Việt còn bị bung bít hoàn toàn với thế giới bên ngoài, và liền sau chiến thắng Điện Biên, họ được toàn quyền làm chủ một nửa nước. Vì vậy những chuyện kể trong tác phẩm của Dooley rất đáng tin.

Ngay ở phần đầu sách tác giả đã cho biết về chuyến tàu đầu tiên đến Sài Gòn:

“Thuyền trưởng Cox chính thức báo cáo: Tàu chở 2061 người. Có hai người chết trên tàu và 2 cuộc thủy táng. Bác sĩ Dooley chủ trì 4 ca đỡ đẻ trên tàu. Tất cả mẹ tròn con vuông. Một cháu bé đã mang tên chiếc tàu với mình suốt đời, do cha mẹ cháu nghĩ ra một cách đầy mơ mộng: TRỊNH VĂN AKA MONTAGUE 98 NGHIÊM.”

Về sinh hoạt của Trại Chùa, ông viết:

“Trại tỵ nạn đầu tiên của chúng tôi trở thành trung tâm thu hút nhiều khách quý: Đô đốc Sabin và thiếu tướng (hải quân) Walter Winn, người thay đô đốc Sabin trong chức vụ tư lệnh lực lượng đặc trách; tướng J. Lawton Collins, nguyên tham mưu trưởng Lục Quân Hoa Kỳ, đại diện cá

nhân Tổng Thống để giải quyết các khó khăn rắc rối tại Việt Nam; tướng O'Daniel, tục gọi "Mike, người sắt thép", trưởng toán cố vấn và viện trợ quân sự ở Sài Gòn, và nhiều nhân viên chữa lửa khác thường tới thăm cái trại bùn lầy nước đọng này.

"Vị thống đốc người Việt của vùng đất nhỏ bé của chúng tôi là một nhà ái quốc tên là Nguyễn Luật. Ông đã thụ huấn ở Pháp, và đã chọn trở về quê hương VN. Trước cuộc chiến ông từng là chủ bút một tờ nhật báo ở Hà Nội. Trong chiến tranh ông đã chiến đấu với người Pháp với cương vị một sĩ quan. Gần như tuần nào ông cũng tới trại nói chuyện với dân và nâng cao tinh thần của họ.

"Thị trưởng thành phố Hải Phòng là Mai Văn Bội năng tới trại. Ông là con người giản dị và tốt lành, người Mỹ nào biết ông đều yêu mến.

"Những kẻ đến viếng trại mà không được yêu mến chính là những tên tay sai của Việt Minh CS. Ngày nào chúng cũng tới. Thấy chúng dân tỵ nạn liền chỉ tay nghi ngờ. Họ bảo chúng tôi: "Trong trại Chùa, lều số 5B có một kẻ nói rằng chúng tôi đến đây là một lầm lỗi to. Nó bảo chúng tôi phải quay về ngay lập tức để chiến đấu cho những nhà ái quốc chân chính, tức Việt Minh. Kẻ đó lạ lắm."

"Cảnh sát cú vài ngày lại bắt gặp những kẻ lạ đó ở trong trại.

"...

"Sau vài tuần sau ngày dựng lều, Trại Chùa đã bắt đầu sinh hoạt đều đặn và trở thành một cộng đồng riêng. Chúng tôi đã có danh xưng riêng; có một cơ quan quản trị riêng, chúng tôi có bệnh viện riêng, với những y tá quân y

và cả những cô y tá răng đen nhai trấu nữa. Và chúng tôi cũng có những cửa hàng bán hàng xén. Khẩu phần ăn hàng ngày là 600 gram gạo, cân đo tỉ mỉ, vài con cá và khi có thể thì cũng có một món đặc biệt thêm vào.

“Tôi quên không nói đến nhà thờ... Mỗi buổi sáng sớm đều có lễ cho trên 10 ngàn người dự. Tôi chắc chắn Chúa nghe lời họ cầu nguyện. Họ không xin Chúa ban ơn gì. Họ không hỏi Chúa sẽ đưa con cái họ tới đâu.

Nhưng họ cảm ơn Chúa qua những lời kinh và tiếng hát mạnh mẽ. Cảm ơn Chúa đã cho họ tự do.”

Đầu chương IX tác giả cho biết:

“Tại lầu vài bệnh xá trong trại Chùa, hàng ngày tôi phải chữa từ 300 đến 400 bệnh nhân trong tình trạng khẩn cấp với nhu cầu tuyệt đối. Không chữa được thì để họ chết dần, hay trả họ về nguyên quán với Việt Minh sao?”

Về một ca bệnh đậu mùa. Dooley nói với ông đại úy bác sĩ “thủ trưởng”:

“Thưa bác sĩ, chúng ta phải cố làm gì cho những bệnh nhân này chứ? Luật là luật. Nhưng chúng ta không thể trả người đàn bà này và đứa trẻ lại cho cộng sản, chỉ vì lẽ đứa trẻ bị bệnh đậu mùa. Chúng ta phải trị khỏi bệnh cho đứa bé để gia đình nó được lên tàu.”

Chương X nói về uy lực của tuyên truyền CS như sau:

“Cộng sản không ngừng nhồi nhét vào đầu người dân những chuyện về người Pháp và người Mỹ thường bắt cóc người dân Bắc Kỳ. Cộng sản bịa ra những chuyện như thế hết giờ này qua giờ khác, hết tháng này qua tháng khác. Tất cả thanh niên nam nữ đều phải bắt buộc dự những lớp học tập cải tạo mỗi buổi sáng. Nơi đây những viên

chính ủy nhắc đi nhắc lại những chuyện về sự độc ác dã man của người Mỹ.

“Đối với dân quê chất phác, chuyện nghe ra hợp lý, có thể tin. Người Mỹ được biết như là giống người bị ám ảnh bởi vệ sinh sạch sẽ quá đáng. Vì vậy có lẽ họ sẽ chặt tay những kẻ nào thổ mửa trên tàu của họ, v.v...”

“... Nhiều dân ty nạn không ngừng sợ sệt người Mỹ làm hại mình, nhất là khi vào khám bệnh hay chữa bệnh trong lều bệnh xá. Đến nỗi tác giả phải đưa ra trị hay khám bên ngoài lều cho mọi người trông thấy mà quan sát và thấy rằng ông không làm hại ai. Trái lại những mũi thuốc trụ sinh hay kháng sinh chích vào rất công hiệu và bệnh mau lành, như vậy mới làm cho dân hết sợ. Nhưng lại có những cái sợ khác như khi tàu há mồm đến đón, dân không dám lên, vì sợ bị nuốt mất. Đến nỗi phải có một linh mục leo lên trước rồi vác loa giải thích kêu gọi dân mới dám leo lên theo...”

Một mục trong chương trình văn nghệ của đài Hà Nội mang tên là “Đây là một người Mỹ” mà tác giả nghe được có đoạn như sau:

“Đầu nó là một cái lô-cốt. Râu nó là giấy kèm gai. Mắt nó là hai quả bom. Răng nó là những viên đạn đum đum. Cánh tay nó là 2 khẩu súng và mũi nó thở ra lửa. Nó hút máu trẻ con như ma cà rồng. Trán nó là ổ súng đại bác và thân thể nó là sân bay. Ngón tay nó là những lưỡi lê, và bàn chân nó là 2 xe tăng. Nó nhe răng đe dọa, nhưng trong cái mồm xấu xí của nó nó chỉ có thể nhai sắt vụn, bởi vì nó bị lực lượng oai hùng của nhân dân ta chống đối mãnh liệt. Như thế đủ biết bọn Mỹ chỉ là tên khổng lồ bằng giấy”.

“Tuyên truyền của Việt Minh bắt đầu ảnh hưởng cả đến (ICC) ủy hội Quốc Tế Giám Sát Đình Chiến gồm người Ba Lan, Ấn Độ và Gia Nã Đại, do hiệp ước Genève quy định. Người của ủy hội hay tới trại của chúng tôi để điều tra về những điều CS cáo buộc rằng người Mỹ làm điều nọ, điều kia có hại cho dân tỵ nạn. Có lần họ điều tra về cáo buộc người Mỹ bỏ thuốc độc vào nước uống. Lần khác về chuyện bịa đặt là chúng tôi xịt vào người dân thứ bột thuốc làm họ không thể có con. Trong khi thực ra là chúng tôi có xịt vào họ thứ thuốc sát trùng DDT để làm cho những con chấy con rận không sinh sôi nảy nở được đó mà.

“Và đây là sự bịa đặt của Thông Tấn Xã Hà Nội phát thanh ngày 27-11-1954:

“Lực lượng Liên Hiệp Pháp và tay sai đế quốc Mỹ đã bằng mọi cách đi lòng bắt và bắt cóc xung quanh Hải Phòng, ép buộc dân phải di tản vào Nam. Lúc 9 giờ tối qua, chúng động viên cảnh sát đến bao vây phố Du Hang (?) và bắt đem đi 50 thanh niên. Chúng tuyên bố một cách vô liêm sỉ rằng những thanh niên này phải đăng ký vào lính, bằng không sẽ phải đưa vào làm lao công ở các đồn điền cao su miền Nam.

“Trong 5 ngày bọn tay sai đế quốc đã bắt giữ 117 tài xế xích lô và đưa vào Nam. Theo thống kê chưa đầy đủ, 551 người ở Hải Phòng đã bị bắt trong 21 cuộc ruồng bố trong một tháng.

“Tại tỉnh Kiến An cũng có 3 cuộc bố ráp trong cùng thời gian và 99 người đã bị bắt giữ, trong khi tại Quảng Yên nhiều người khác cũng là nạn nhân của những hành động tương tự...”

Và sau đây là kết quả của những luận điệu tuyên truyền của CS đối với dân tỵ nạn:

“Trong toán di dân đầu tiên tới trại có mấy trẻ con. Khi chúng đến bên Ed, anh này bèn xịt thuốc DDT vào chúng. Người mẹ liền dùng đòn gánh tấn công Ed túi bụi. Vì bà ta đã từng nghe nói người Mỹ độc ác, dã man. Tôi bật cười rũ rượi, đến không còn nhớ chuyện gì xảy ra sau đó. Nhưng tôi nghĩ lại, sau khi bị một hay hai đòn, Ed đã khóa tay được người đàn bà, và ông trưởng trại và thuộc hạ đã ngăn được trận ẩu đả. Rồi thì Ed quay lại xịt thuốc DDT vào các y tá của anh ta để chúng tỏ cho người đàn bà thấy rõ thứ bột trắng này không làm hại ai.

“Chính tôi cũng nhiều lần bị đánh, và không phải chỉ bị đánh nhẹ đâu.

“Một ngày kia một bà bỗng đến cho tôi chữa một đứa bé sơ sinh mình mẩy đầy ung nhọt. Penicilline là thứ thuốc thần chống những ung nhọt và mụn ghẻ. Chuyện đó là thường. Tôi chích cho đứa hài nhi một mũi vào mông và bảo ngày mai mang cháu lại.

“Nhưng chỉ vài giờ sau tôi nghe có tiếng la hét chửi rủa và thấy người đàn bà giơ cao đứa con cho mọi người thấy. Rõ ràng đây là bằng chứng tôi là một con quái vật Mỹ. Đứa trẻ đã bị phản ứng của thuốc, coi thật dữ tợn tuy vô hại. Người đàn bà điên cuồng không chịu nghe bất cứ lời giải thích nào. Bà ta đưa con cho người đứng bên rồi giật lấy cái gậy to tướng và gọi cả tá “cảm tình viên” tới. Khi Baker, cuối cùng giải cứu được tôi thì tôi đã bị gãy mấy cái xương sườn, mất bầm tím và nhiều vết bầm ở những nơi khác trong thân thể.

“Hôm sau, toàn trại đứng xem tôi đơn thương độc mã, tay không vũ khí dẫn thân tới lều của người đàn bà. Như tôi đã tiên liệu, những vết tổ ong trên thân thể đứa bé đã biến mất, và những ung nhọt kinh tởm hôm trước đã lành. Người đàn bà òa khóc quì xuống ôm chân tôi để xin tha thứ. Bà ta ở lại trại liền mấy tuần để cùng với một số người khác phục dịch công tác y tế, lúc nào cũng nồn nóng muốn khoe đứa con sạch sẽ lành lặn của mình. Ảnh hưởng tốt đối với dân di cư là phần thưởng cho tôi bù lại những cái xương sườn bị gãy...”

Câu chuyện của làng Cửa Lò (chương XI)

Hải quân Pháp luôn luôn trong tình trạng báo động theo dõi các thuyền bè chở người tỵ nạn trong vùng tự do. Họ có tàu tuần tiểu và thủy phi cơ liên tục tìm kiếm những thuyền bè nào xem ra có vẻ muốn tìm nơi trú ẩn. Trong những tháng đầu người tỵ nạn thường đi thuyền trôi theo các nhánh sông vào cảng Hải Phòng. Nhưng khi sự tuần tiểu kiểm soát của Việt Minh thắt chặt lại thì điều đó không thể thực hiện được nữa. Thế là những người can đảm hơn dùng những thuyền bè nhỏ bé không thích hợp cho những chuyến đi biển để liều giăng buồm nhắm tới Hải Phòng.

Thuyền trưởng Gerald Cauvin của hải quân Pháp đặc trách công tác đặc biệt này, và thông báo cho chúng tôi biết hoạt động của ông. Điều này giúp chúng tôi rất nhiều vì nó cho tôi biết trước những gì đang chờ chúng tôi.

Một buổi sáng sớm, Cauvin sai một người tới trại của chúng tôi để chở tôi ra bến tàu của hải quân Pháp. Ông bảo mới nhận một tin vô tuyến cho biết có 14 chiếc thuyền lớn ở ngoài khơi vịnh Hạ Long.

Ông đã phái một chiếc tàu Pháp, chiếc LSM, tới đón đoàn thuyền đó để đưa vào Hải Phòng. Tôi báo động cho trại biết phải sẵn sàng đón nhận khoảng 500 người rất ốm yếu (thực ra là trên 1100 người). Rồi đại tá Cauvin và tôi lên tàu LSM đi 4 giờ trên sông tới vịnh. Chiếc thủy phi cơ tìm ra đoàn người tỵ nạn đã trở về Hải Phòng.

Chúng tôi tới vịnh khoảng trưa. Hoàn toàn yên lặng. Đoàn thuyền nối đuôi nhau, chiếc nọ sau chiếc kia, đã vào vịnh rồi. Nhiều chiếc tụm vào nhau, hay đầu chiếc này được cột chặt vào đuôi chiếc kia. Khi tới gần, chúng tôi dùng ống nhòm quan sát. Ánh nắng rực rỡ trên mặt nước xanh trong, phong cảnh như trong truyện thần tiên. Nhưng những gì chúng tôi thấy chẳng có gì đẹp như truyện.

Chen chúc như cá trong hộp, trên 14 chiếc thuyền, bè mỏng manh là hơn một ngàn dân tỵ nạn. Họ đã vượt 200 dặm biển Nam Hải dậy sóng một cách không thể nào tin được. Họ đã dùng những chiếc thuyền đánh cá nhỏ bé (nối đuôi nhau, có nhiều chiếc cột lại với nhau, đầu chiếc này gắn vào đuôi chiếc kia), bất chấp mọi hiểm nguy, và đã thực hiện điều hầu như bất khả thi. Mặc dầu lúc ấy trời nắng ấm, mà tất cả đều ướt sũng và lạnh cóng. Biển cả đã làm họ kiệt quệ vì say sóng. Họ đã thở mửa tới mặt xanh mặt vàng. Ngay từ xa bạn cũng có thể thấy họ bị lạnh buốt đến xương tủy. Có những người đi đi lại lại để giúp đỡ nhau chống chọi với đau ốm. Nhưng nhìn vào toàn cảnh thì đó là một khối bất động, nằm la liệt trên sàn thuyền.

Dường như đoàn người đó đang chuyển động trong một cuốn phim quay chậm. Luôn luôn bị ướt sũng vì nước mặn suốt cả ngày, da họ bị khô và ánh nắng gắt đã làm nó

nứt ra. Luôn luôn bị ngâm trong nước mặn, bàn chân và mắt cá chân của họ sưng húp lên. Chúng tôi có thể cảm thấy nỗi khốn khổ của họ ngay cả trước khi đụng vào người họ.

Khi chiếc LSM của chúng tôi tới gần đủ để họ nhận ra lá cờ Pháp ở mũi tàu thì một điều ấm lòng xảy ra. Biết rằng chúng tôi là bạn chứ không phải là thù, họ bèn kéo một tấm vải ướt sũng mà họ đã giấu kỹ nhiều năm lên đỉnh cột buồm cao nhất. Đó là cờ của giáo hội Công Giáo.

Khi chúng tôi tới sát bên họ, những bàn tay người Pháp giơ ra và thò xuống để giúp đưa họ lên tàu. Hầu hết họ đều lên tàu của chúng tôi. Chỉ một số người còn tương đối khỏe mạnh ở lại trên vài chiếc thuyền bé nhỏ của họ đã được cột sát vào hông tàu LSM để cùng vào Hải Phòng.

Chúng tôi cho họ dùng trà, nước và bánh ngọt Pháp. Tuy không đủ, nhưng cũng giúp phần nào. Chiếc LSM nhỏ bé với vài chục thủy thủ không mang theo nhiều đồ ăn. Phải chi tôi biết nghĩ trước là nên mang theo một trăm bì cơm thì hay biết mấy.

Cauvin và tôi thấy mấy người lớn tuổi có vẻ là những thủ lãnh trong đoàn người này. Tôi đưa họ vào phòng và hỏi: “Các ông từ đâu tới? Cuộc sống trong làng các ông ra sao? Tại sao các ông tới đây? Các ông là ai?”

Họ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện của họ với giọng buồn rầu thận trọng, dè dặt, như thể họ đã kể chuyện đó cả ngàn lần rồi. Bằng một thứ tiếng Pháp khá chuẩn, nhưng giọng nói đều đều buồn chán, họ cho chúng tôi biết về cuộc đời họ. Hai chúng tôi chăm chú nghe trong 3 giờ đồng hồ.

Câu chuyện chẳng có gì đặc biệt mới. Chúng tôi đã từng nghe những người trốn thoát khác nói rồi. Nhưng ở đây có một sự cay đắng làm cho người nghe thương cảm khác thường. Cuộc vượt thoát của họ được hoạch định và thực hiện mà hoàn toàn không có một sự trợ giúp nào từ bên ngoài. Duy nhất chỉ có hai lợi khí cổ điển: niềm tin và hy vọng.

Dù rằng giờ này (1956, MV) đây tôi ở cách xa hàng ngàn dặm, và đã xa cách hàng ngàn giờ, tôi vẫn còn nhớ một cách sống động từng lời nói của họ. Mấy ông già với bộ mặt nhăn nhó, phờ phạc ngồi đối diện hai chúng tôi, uống trà đậm, rồi lưỡng lự nói nhỏ nhẹ:

“Làng chúng tôi tên là làng Cửa Lò. Khoảng 300 cây số về phía nam, ở bờ biển. Những năm trước đây là một ngôi làng hạnh phúc. Đất bằng phẳng chia làm vô số mảnh ruộng lúa xanh tươi. Trong mùa mưa gió, những đám mây trôi nhanh trên bầu trời u ám. Đến mùa nắng ấm mặt trời sáng rực trên bầu trời xanh dương. Các ông có thể thấy dân làng chúng tôi làm việc suốt ngày ở ngoài đồng, tát nước vào ruộng, hay cây bừa trên những bãi bùn lầy, theo sau những con trâu giẫm bước kêu ì ọp. “Ai không làm ruộng thì đánh cá. Những chiếc thuyền đưa tới đây là của dân đánh cá đó. Những chiếc thuyền này khá vững chãi, có 2 cột buồm và những cánh buồm màu. Nhưng chúng được đóng thô sơ mà không nhắm chịu đựng được sóng gió của biển khơi. “Kẻ thù bắt đầu cai trị chúng tôi từ 1951. Họ áp dụng luật lệ mới. Họ viết lịch sử mới. Và áp đặt một lối sống mới, lối sống cộng sản. Nhưng cộng sản lại nói đó là chủ nghĩa ái quốc Việt Minh. Bây giờ có hòa bình nhưng

là thứ hòa bình buồn tẻ, không vững chắc. Ngay cả chúng tôi là những viên chức chế độ cũ, thường được coi như có hiểu biết cũng thấy thật khó hiểu.

“Ngày nay bất cứ cái gì liên quan đến người Pháp trước kia đều bị hoen ố. Trước mắt những sử gia mới tất cả những gì người da trắng làm đều là xấu xa. Cả những điều tốt lành họ đã làm đều là xấu tất, vì đã được làm vì lòng ích kỷ bản thủ.

“Quả thật người Pháp đã đưa vào Việt Nam khoa học y tế, và mở những chiến dịch chống bệnh truyền nhiễm. Nhưng VC bảo Pháp đã làm điều ấy để có được những phu khoẻ mạnh và những tên nô lệ trắng kiện.

“Lối sống mới của chúng tôi được coi như là ảo tưởng. Nhưng chẳng bao lâu sẽ thấy, người ta ngụ ý rằng thế hệ hiện nay luôn luôn phải bị hy sinh một cách không thương xót cho thế hệ sau được hạnh phúc.

“Cuộc cải cách ruộng đất mới đây chỉ tạo ra nạn đói. Mọi người trong chúng tôi chẳng có gì bỏ bụng. Cái chủ nghĩa duy vật của CS đã thành con yêu tinh mút hết màu mỡ đất đai của chúng tôi. Thoạt tiên chủ nghĩa yêu nước của Việt Minh đạt được dường như có vẻ phù hợp với công lý đích thực. Nhưng rồi sau đó trở thành một thứ bố láo thực thụ. Khoa xã hội học mới đã dẫn tới sự tố giác lẫn nhau trong gia đình, tự phê tự kiểm và sự nghi kỵ. Dân làng chúng tôi đã bị hy sinh một cách tàn nhẫn cho ý tưởng lợi ích kinh tế. Chưa từng bao giờ có sự độc ác có hệ thống và tổ chức như vậy.

“Tất cả chúng tôi cùng có một ý nghĩ – bỏ trốn – thế là chuẩn bị mấy tuần lễ. Ngày nào chúng tôi cũng giấu những

nắm cơm nhỏ. Không nói cho ai biết về ý định trốn thoát. Làm gì cũng phải giấu giấu giếm giếm. Viên chủ tịch xã trước kia là người phe chúng tôi, nhưng nay ông ta là cán bộ Việt Minh, và đã trở nên độc ác vì niềm tin mới của ông ta. Ở đâu ông ta cũng có chân tay nằm sẵn, tại khu chợ, tại mỗi căn lều.

“Chúng tôi làm kế hoạch, nhưng không dám họp nhau. Theo luật lệ mới, không được hội họp trên 4 người. Chúng tôi chuyển khẩu cho nhau khi cúi lưng trên đồng ruộng, hay khi dân chài chúng tôi đổ cá lên bờ, hay khi đám phụ nữ đi chợ.

“Cuối cùng các kế hoạch và lời cầu nguyện đạt đến đỉnh cao. Đêm đó đã đến. Trời không trăng, tối như mực. Biển lặng. Từ 11 giờ đêm đến 1 giờ sáng, chúng tôi chuẩn lén xuống thuyền từng người một, hay từng 2 người. Trong khi đó thì một anh chàng tên là Mai Văn Thịnh, la hét và hát cao giọng làm náo động ở cuối làng. Sự ồn ào kéo chú ý của cảnh sát và cán bộ và binh lính VC. Họ kéo nhau đến xem chuyện gì xảy ra. Trong khi đó thì chúng tôi tiếp tục lên thuyền.

“Những chiếc thuyền này được đóng để chỉ chở được 25 người thôi. Đêm ấy mỗi chiếc chở gần 100. Lặng lặng như đêm khuya thanh vắng, chúng tôi nhẹ nhàng chèo thuyền ra khơi của biển Đông.

“Vâng, chúng tôi đã thành công trong việc rời làng. Nhưng chúng tôi không hoàn toàn vui, vì cứ mãi nghĩ đến anh chàng Mai. Chẳng bao lâu bọn họ sẽ biết anh ta đóng vai trò gì trong cuộc vượt thoát của chúng tôi. Lúc ấy số phận anh ta sẽ ra sao?

“Cha mẹ Mai đều bị giết trong chiến tranh, rồi năm 1953, người em độc nhất của anh ta tên Châm đã bị thiêu sống, vì là thủ lãnh phong trào thanh niên Công Giáo. Chiều ngày 16-1-1953 Châm bị trói vào một gốc cây, bị đánh dã man bằng gậy tre già. Rồi cái thân sùng máu của anh bị tưới xăng, châm lửa đốt cháy cho đến chết. “Vừa dùng chèo, vừa dùng buồm, chúng tôi ra khơi thật nhanh hết sức mình có thể được, nóng lòng vượt hết 3 dặm giới hạn để vào hải phận quốc tế, là an toàn. Khoảng hừng sáng thì chúng tôi không còn thấy bờ nữa, và cảm thấy đã tương đối an toàn. Nghĩa là chúng tôi đã thoát được một mối nguy. Bây giờ phải chiến đấu với biển cả, một mối nguy khác.

“Chúng tôi muốn đi về hướng Bắc. Nhưng không có địa bàn, và cũng chẳng có bao nhiêu kiến thức về hải hành. Tuy nhiên chúng tôi cố để mặt trời ở bên phải và hướng về Hải Phòng. Chúng tôi được biết tại đây người Pháp và người Mỹ sẽ sẵn sàng vớt chúng tôi. Rồi họ sẽ đưa chúng tôi vào Sài Gòn.

“Chuyến đi của chúng tôi dài 5 ngày 5 đêm. Chúng tôi không có lửa vì củi trên thuyền quá ướt. Chúng tôi ăn cơm đắm nước. Trà thì pha nước mặn và càng làm cho chúng tôi bệnh hơn. Chúng tôi có quá ít nước uống, đứng ra là chẳng có nước. Mỗi đợt sóng lớn lại làm sàn thuyền ngập tràn nước biển. Thật là cực khổ. Sáng sớm hôm nay chúng tôi tới được chốn lạ lùng này, và đoán mình đã vào được vịnh Hạ Long. Khi thấy chiếc thủy phi cơ của các ông, thì chúng tôi hoàn toàn chắc chắn. Và bây giờ chúng tôi đã được tự do...”

Mấy người thủ lãnh dân làng kể chuyện này một cách bình tĩnh, nhẹ nhàng. Vừa sợ hãi vừa thán phục, chúng tôi chăm chú nghe câu chuyện về sự dũng cảm và niềm hy vọng cao cả của họ.

Rồi bỗng tiếng hát vang từ bên ngoài sân tẩu vọng vào. Chúng tôi bước ra để nghe những lời thánh ca diu dàng của đám đông ty nạn. Chúng tôi nghe tiếng được tiếng mất. Một thủ lãnh ngân nga theo bài hát rồi dịch ra tiếng Pháp cho chúng tôi.

Dân làng đang hát lời cảm tạ Thượng Đế đã cứu giúp họ trong cơn nguy nan trong cuộc đời của họ: “Chúa ôi, chúng con kính yêu vẻ đẹp huy hoàng của nhà Chúa, và nơi mà sự vinh quang Chúa hằng ngự trị.

Xin cho chúng con được sống những ngày bình an với Chúa.”

Ngày Lễ Các Thánh dài nhất của Phát Diệm (chương XII)

Ủy hội quốc tế kiểm soát đình chiến (CIC) do Hiệp Định Genève thành lập thường có nhiều toán quan sát đặt tại Sài Gòn, Hà Nội, Vientiane (thủ đô Ai Lao) và Phnom-Penh (thủ đô Cam Bốt) và một số thành phố lớn ở Đông Dương. Ngoài ra còn có nhiều toán lưu động đi đến những nơi có khiếu nại tranh chấp về việc thi hành hiệp định...

Theo nguyên tắc, ai cũng có quyền tìm gặp thành viên của Ủy Hội bất cứ lúc nào. Vậy ai có khiếu nại gì chống một bên trong hai bên, đều có thể trình bày trước mặt đại diện của UH (Ủy Hội Quốc Tế, CIC). Nhưng UH đã không giúp được gì mấy trong vấn đề quyền di cư của người ty nạn.

Thực ra UH cũng muốn giúp và ngay cả VM cũng không muốn bị UH báo cáo là vi phạm hiệp định. Nhưng UH chỉ

có thể tìm ra sự việc và báo cáo. Họ không có quyền lực gì để bắt buộc VM phải cho người tỵ nạn ra đi.

Nếu UH đến thăm một làng nào đó, họ có thể đặt một cái bàn hội nghị tại một công viên (hay đình làng) chẳng hạn và cho loan báo là ai muốn nói gì với UH thì cứ đến. Nhưng ngay ở bên ngoài công viên đó, VM có thể đặt những chướng ngại cấm người làng lai vãng công viên. Họ viện cớ bảo vệ an ninh cho các đại diện của UH. Vì vậy các đại diện của UH chỉ có thể nhận được khiếu nại và tin tức khác từ một số rất ít người trong một vùng đất rất nhỏ.

Và những ai dám khiếu nại luôn luôn sợ bị trả thù và thường bị trả thù thật. Đại diện UH có thể đặt một chiếc xe lớn bên cạnh bàn hội nghị, và sau khi nghe lời khiếu nại sẽ bỏ phiếu cho phép người dân ra đi và thông báo cho xã trưởng VM. Nhưng như vậy không đủ. Phải làm sao người ra đi leo được lên xe và được chở đi khỏi làng thì mới thành công. Nhưng UH không có phương tiện chuyên chở hữu hiệu đó.

Trong nội bộ UH, còn có những vấn đề thường gặp phải mỗi khi một cơ quan hỗn hợp nào có thành phần CS trong đó. Đại diện Ba Lan (CS) xem ra cương quyết gây trở ngại. Và chính tôi nhiều lần đã chứng kiến những hành động cản trở của họ.

Tôi đưa một người tỵ nạn đến UH. Người này đã bị VM đánh đập tàn tệ. Có một cuộc họp của hội đồng đại diện UH. Người tỵ nạn kể chuyện mình bị đánh. Sau nhiều giờ tranh luận, người này bị trả về trại. Xem ra lúc nào đại diện Ba Lan cũng đòi phải đưa bằng chứng là điều đã rõ không thể nào làm được. Vết thương là bằng chứng có bị

đánh. Nhưng làm sao chúng mình được những vết thương đó là do VM gây nên?

(...)

Nhiều người trong số dân tỵ nạn cho tôi biết là có hàng ngàn người ở Phát Diệm và xung quanh đó muốn trốn vào Nam, mà không đi được. Chúng tôi bàn với Cauvin rồi chọn mấy người khỏe mạnh nhất và can đảm nhất, cả đàn ông lẫn đàn bà, gây cảm tình, tạo lòng tin rồi cho họ biết kế hoạch của chúng tôi và phần vụ của mỗi người trong đó. Họ rời Hải Phòng quay trở lại bên kia bức màn tre.

Những người đó loan tin rĩ tai cho người trong vùng biết rằng nếu họ muốn đi Nam thì hãy tập trung tại nhà thờ Phát Diệm vào dịp Lễ Các Thánh đầu tháng 11. “Ở đó sẽ có đại diện của UH đến gặp các bạn và nghe các bạn trình bày và sẽ cho các bạn đi tìm tự do. Lúc ấy VM chưa đóng cửa nhà thờ Phát Diệm. Giáo dân có quyền công khai tới đó dự Lễ Các Thánh là lẽ buộc theo Giáo Luật. Và họ tới rất đông, đứng chật nhà thờ và ra cả ngoài sân. Cùng lúc đó tại Hải Phòng và nhiều nơi khác có một chiến dịch rộng rãi nhằm thuyết phục UH quốc tế nên tới Phát Diệm để điều tra về những khiếu nại là có sự cấm đoán di cư. Đô đốc Querville (Pháp), đại tướng O’Daniel (Mỹ) ở Sài Gòn, đô đốc Sabin từ soái hạm ngoài khơi, thị trưởng Mai Văn Bội của Hải Phòng, và nhiều người khác đều gửi thư và điện tín đến trưởng toán lưu động đặc biệt của UH. Nhưng có cái gì đó không ổn. Tôi không rõ tại sao, họ chẳng bao giờ giải thích. Thành viên của toán lưu động đã không tới Phát Diệm ngày mồng một, ngày mồng hai, rồi ngày mồng ba cũng không.

Tin bí mật chuyển cho dân trong nhà thờ cứ ở lại đó chờ đợi kiên nhẫn. Đô Đốc sẵn sàng để toán lưu động UH xử dụng máy bay của ông, mặc dù họ đã có hai máy bay trực thăng. Thêm nhiều thư tín thúc dục họ nên đi Phát Diệm. Nhưng họ vẫn trì hoãn.

Tại Phát Diệm thì Việt Minh đàm nghị: Tại sao lễ các thánh một ngày lại kéo dài thành 3 ngày? Họ ra lệnh mọi người phải về nhà. Nhưng dân không về. VM đặt lính gác xung quanh sân nhà thờ, cấm chỉ không ai được bán hay cho thực phẩm cho những người ở bên trong. “Hãy để chúng cứ đọc kinh, nhưng không cho ăn, hay uống”. Đó là lệnh.

Để đối là vũ khí chiến tranh đã có từ thời đoàn lê dương Carthage, và chắc hẳn từ xa xưa trước nữa. Nó đã được VM đem dùng một cách tàn nhẫn vào năm 1954. Tuy nhiên dân vẫn không về. Chỉ có mấy người yếu quá về. Tất cả những người khác vẫn kiên nhẫn chờ phái đoàn của UH, vì họ tin những lời đã nói cho họ biết như thế. Sự chạy đua kiên nhẫn không bền. Nhiều người yếu chịu đựng đã mang nhiều thứ bệnh khác nhau. Nhưng dầu sao lòng tin của họ vào giấc mơ Tự Do cũng mạnh đủ để cho họ lương thực (thiêng liêng) mà họ cần trong thời gian căng thẳng này.

Những ngày cứ kéo dài ra. Bốn thành năm, năm thành sáu, rồi thành bảy. Trẻ con đói la khóc. Vì mẹ chúng đã cạn sữa. Vì không có vệ sinh, nên nhiều người sinh bệnh. Nhưng họ vẫn chờ đợi và cầu nguyện. Cuối cùng, vào khoảng ngày 10 tháng 11 những đại diện của UH đã tới Phát Diệm. Thành viên trong đoàn về sau nói với tôi rằng

họ không chịu nổi mùi hôi thối đến phải nôn mửa, khi họ hãy còn cách xa khu nhà thờ cả trăm mét. Những thành viên người Canada nói ngay cả những người Ba Lan trong đoàn cũng ngạc nhiên về sự do dáy bẩn thỉu mà dân tỵ nạn phải chịu đựng. Nhân viên UH đã lập tức ra lệnh cho dân được ăn uống và đi lại tự do trong khuôn viên nhà thờ. Họ mạnh mẽ phản đối nhà cầm quyền Việt Minh, và ra tuyên bố ở Hà Nội chống chính phủ Hồ Chí Minh đã áp bức dân Phát Diệm.

Để xoa dịu dư luận thế giới, Việt Minh đã ra lệnh cho các giới chức địa phương phải cho phép dân ra đi. Nhưng ngay trong lệnh này cũng có cái bẫy của nó. VM lập những văn phòng có khả năng giải quyết mỗi ngày 100 người. Một văn phòng cấp thông hành, nhưng chỉ sau khi đương đơn trình đủ giấy tờ cần thiết. Một văn phòng khác bán vé để được lên xe buýt của VM cung cấp, để nói là sẽ chở tới Hải Phòng. Giá một vé xe buýt là 8000 đồng Hồ Chí Minh, tương đương với 9 Đô la Mỹ. Đối với gia đình dân quê 6 người thì đây là một món tiền quá lớn.

Nhưng để trả lời những câu hỏi từ khắp nơi trên thế giới về cuộc di tản này, VM trả lời: “Vâng, chúng tôi cung cấp văn phòng, thông hành, và phương tiện di chuyển cho những người – bị lầm, chúng tôi tin chắc thế – mà quyết định đi sang vùng khác...”

Mãi tới ngày 15 tháng 11 toán đầu tiên mới bắt đầu rời Phát Diệm. Thay vì đưa họ đi trên đại lộ, chỉ vài giờ là tới nơi, VM đã chở họ đi theo một con đường vòng vo trắc trở. Một phần họ cho đi xe buýt. Rồi bị chặn lại, nói là xe hư cần phải sửa. Và như thế phải đợi vài ngày. Trong thời gian

chờ đợi, VM không ngừng thuyết giảng về sự sai lầm đòi di cư và về sự tàn ác của người Pháp và người Mỹ ở Hải Phòng và Sài Gòn.

Sau đó dân di cư được chuyển sang những chiếc thuyền, bè lênh đênh trên sông Hồng. Lại thêm chờ đợi, xách nhiễu, và thất vọng. Đến được Hà Nội, sẽ có xe lửa chở họ đến Hải Phòng. Từ đó xe của Pháp sẽ chở họ đi những cây số còn lại để tới trại của chúng tôi.

Hàng ngàn người đã kiên nhẫn trải qua hết khó khăn này, trở ngại kia để tới được một địa điểm xa bên kia bức màn tre. Nhưng đến được đó thì ôi thôi, giấy thông hành của họ đã hết hạn. Thế là lại phải trở về nguyên quán, và làm lại mọi thủ tục rắc rối, nếu còn đủ sức.

Những người ty nạn may mắn hơn thì gặp được hải quân Pháp vớt đưa lên tàu của họ. Những chiếc tàu này đã chờ đợi họ ở ven ranh giới bức màn tre, nơi có cái tên là Cac Cuu (?) Tại đây tàu Pháp chặn tất cả thuyền bè của VM, và trước mặt đại diện của UH trên tàu, họ yêu cầu VM phải trao người ty nạn để chở đi Hải Phòng.

Bất chấp mọi phiền nhiễu và trắc trở, cực nhọc, bất chấp cả những bài thuyết giảng liên tu bất tận đến điên người, bất chấp những phương tiện chuyên chở thiếu thốn, và bất chấp cả sự tàn nhẫn dã man của VM muốn kìm chân họ, những đoàn người di cư vẫn không nản.

Chỉ tại Phát Diệm không thôi, đã có 5000, trong số 35000 người ban đầu muốn đi, đến được bến bờ tự do (nghĩa là chỉ có một phần bảy, còn 6 phần 7, tức 30,000 người đã bị VM cản trở không thể vượt qua). Đó là theo con số chính thức của UH quốc tế kiểm soát đình chiến.

Bùi Chu đồng nghĩa với lòng dũng cảm (chương XIII)

Chiến tranh tạo nên những anh hùng, và anh hùng ca. Nhưng hòa bình ở miền Bắc Việt Nam, lạ lùng thay lại cũng tạo nên vô số hành động anh dũng chẳng khác gì trong chiến tranh.

Tôi biết nhiều chuyện như thế. Chính tôi chứng kiến hàng chục, và nghe kể hàng trăm chuyện như vậy. Tôi nhớ những người dân tỵ nạn từ tỉnh Bùi Chu đến trại chúng tôi vào tháng 11. Ở Bùi Chu cũng như ở những nơi khác, dưới “ánh sáng của chủ nghĩa Mác-Lê” chỉ có bóng tối, và sự đăm ảm của gia đình đã chết trong những căn nhà tranh của người dân. Nhưng tinh thần của người dân đã không chết. Niềm hy vọng của họ vẫn tồn tại.

Nông dân Bùi Chu tương đối giàu. Nhưng rồi chiến tranh đã làm họ mất cả. Họ chỉ còn Thượng Đế. Ngày nay chính quyền mới áp đặt luật lệ mới. Nông dân phải nghe thuyết trình mỗi ngày về sự độc ác và những sai trái của tư bản... Cả tỉnh trở thành như một nhà tù mê mông. Sách giáo lý bị đốt, tôn giáo bị chế diễu là thuốc phiện. Cải cách ruộng đất đôi khi đem lại cho người vô sản có đất, nhưng không phải cứ có nhiều đất hơn thì có thực phẩm hơn.

Nhiều người dân Bùi Chu đã bị xử tử. Con cháu họ đã kể lại cho tôi nghe. Tôi nghĩ họ không nói dối. Đối với dân Bùi Chu chỉ có một lối thoát là trốn đi. Hy vọng và mơ ước chuyện đó thì dễ, nhưng không dễ để thực hiện. Bùi Chu có khoảng 30,000 dân. Đã có kế hoạch cho họ trốn. Từ phía những tổ chức bí mật của người Việt, cũng như từ phía hải quân Pháp và hải quân Mỹ. Ngày giờ, địa điểm được ấn định như sau: Ngày 30 tháng 11, tại một bãi biển gần làng Văn Lý.

Một chiếc tàu sửa chữa lớn của Pháp, chiếc Jules Verne, đã đậu sẵn ngoài khơi, ngay bên ngoài giới hạn 3 dặm. Rồi 4 chiếc LSM được kéo tới sát bên tàu Jules Verne, làm ra bộ như để được sửa chữa. Và cũng làm ra như tình cờ có chiếc vận tải hạm to lớn của Hải quân Hoa Kỳ vắng khách đi qua từ Sài Gòn trở về Hải Phòng. Tàu này cũng dừng lại ở đó trong chốc lát.

Bộ phận bí mật của người Việt đã loan truyền tin tức cho dân. Tới giờ trốn kém 10, biển động. Trên giải 3 dặm nước dậy sóng lớn từ tàu tới bãi, không thấy có gì, chỉ có ánh trắng, nhưng trắng sáng quá... quá nguy hiểm. Rồi giờ trốn đã tới, đúng 8 giờ. Trong vài phút mặt biển đầy những thuyền, bè, mảng, xà lan.

Hàng ngàn dân trên bờ đang kéo tuyến bè của họ qua bãi cát tới chân nước. Họ nhắm tiến tới chiếc tàu của Pháp cũng chạy nhanh về phía họ.

Hai bên gặp nhau. Tàu Pháp há mồm ra lặng lẽ đón dân tỵ nạn vào hết lớp này đến lớp khác. Rồi nó quay đầu trở ra tàu lớn, 2 chiếc Jules Verne và Brewster. Trên một chiếc bè nhỏ bằng những cây luồng (một thứ tre lớn) cột lại với nhau, có lẽ chỉ vài mét vuông có thể có cả một gia đình đông tới 10 người mặc quần áo nâu, lặng lẽ, sợ sệt. Nếu vì chờ nặng quá, mà chiếc bè chìm, đôi khi đến đầu gối, thì họ sẽ gio những đứa trẻ lên cao.

Trắng sáng có để họ đi thoát không? Biển động liệu có khởi đánh đắm tàu họ không? Tàu lớn chỉ có hai chiếc, liệu có đủ chỗ không? Liệu kẻ thù đã nghi chưa?

Liệu những súng máy có nhắm đạn làm kinh hoàng, hoảng loạn trong đêm không?

Những cái sợ đó dày vò họ trong khi tiến ra biển khơi. Nhưng họ là những kẻ dũng cảm dám liều với hiểm nguy, kể cả cái chết. Đến hừng sáng đã có 6000 người lên được 2 chiếc tàu Mỹ và Pháp và được chở đi Hải Phòng. Dẫn mọi người vào trại Chùa xong, 2 tàu trở lại Bùi Chu để đón thêm nữa.

Công việc kéo dài trong 2 ngày hai đêm cho đến khi số người tỵ nạn lên đến 18,000. Ngày thứ 3 không còn thấy dân tỵ nạn nữa, chỉ trừ một nhóm nhỏ bị bỏ rơi trên một mòm cát. Lính Việt Minh xuất hiện và cuộc vượt thoát phải ngưng.

Nhưng những người còn bị giam lại không ngừng ước mơ. Mong có một cơ hội khác. Họ sẽ lại thử thời vận.

Khi có đoàn người mới tới, những người đã tới mấy hôm trước, cầm đèn, nển đứng hai bên dọc đường dẫn vào trại, còn những người mới tới đi thành hàng dài ở giữa hai hàng đèn, nển chập chờn như một cuộc diễn hành thật cảm động. Người ta hỏi nhau để biết tin tức về thân nhân. Có những câu hỏi lo lắng, thường thường vô vọng như:

- Ông (bà) có thấy ai thuộc gia đình Đức Lý không? -
Chị (anh) có nhìn thấy ai bơi ra khỏi chiếc thuyền bị đắm không?

- Các bạn có nghe tin tức gì về dân làng Thanh Hòa không?

- Cháu có gặp con bác không? nó bảy tuổi ấy mà.. Cũng có người tìm lại được thân nhân. Nhưng hầu hết thì không.

Những ngày và tuần lễ sau đó, dân di cư từ Bùi Chu cần được săn sóc liên tục về y tế. Nhiều trẻ em bị đậu mùa. Nhiều em khác bị dịch lở, chốc. Có lẽ đã đến giai đoạn hai.

Sốt dữ dội. Mất nước nhiều quá. Và tôi đã phải mất 4 ngày cho chỉ một chứng dịch lở này.

Rất nhiều người bị phù thũng, vì thiếu sinh tố do thiếu ăn kể từ ngày có cải cách ruộng đất. Nhiều người đói lả, không đến nổi chết, nhưng tàn tạ, với đủ thứ thương tật.

... Mỗi ngày chúng tôi phải chữa trị trên 200 trường hợp, 200 thân thể dị dạng đầy những vết thương hôi hám thối tha, trên bàn tay, bàn chân và cả ở mặt. Chúng say sòng càng làm cho những bệnh nhân trở nên suy kiệt. Tất cả những con người khốn khổ trốn chạy Việt Minh vào ở trong trại Chùa nay trở thành bệnh nhân mà tôi phải cứu chữa.

Người dân Bùi Chu, tôi đã thấy, họ không khác gì người Mỹ. Người Mỹ không thể nào không thích họ, khi đã biết họ. Không thể nào không kính trọng lòng khao khát tự do của họ. Không thể nào không cảm phục khen ngợi những con người dũng cảm của Bùi Chu. Sự khác biệt chính giữa người Mỹ và người Việt là: Người Mỹ chúng tôi có tự do và trái tim chúng tôi khiến chúng tôi cố duy trì tự do mà chúng tôi có. Còn người Việt thì không có tự do và trái tim của họ thúc đẩy họ phải đấu tranh bằng mọi cách để đạt được tự do.

Và cứ thế người chạy trốn CS tiếp tục tuồn đến trại chúng tôi, như mưa không ngớt giữa mùa mưa, rơi rớt ra cả bên ngoài, tràn lan tới những con đường và cánh đồng xung quanh. Chúng tôi lo cho họ lên tàu để vào Sài Gòn sớm chừng nào hay chừng ấy. Mỗi ngày chúng tôi đưa lên tàu từ 4 đến 5 ngàn người. Nhưng số người vào trại mỗi ngày thường đông hơn thế.

Đây là cư dân của trại của tôi. Thành phố của tôi gồm những lều vải nằm ngổn ngang cắm trên những vùng bùn lầy sâu đến đầu gối. Chúng tôi tăng trưởng với sâu bọ, rác rưởi, bệnh tật và chết chóc. Nhưng trại của chúng tôi cũng là trại của hy vọng, tự hào và đầy đầy những chuyện anh hùng.

Trại cô nhi của bà Ngải (chương XIV)

Chương này dài gần hai chục trang, được trung úy Dooley thuật lại một cách cảm động, khiến người đọc chẳng những cảm phục bà Ngải mà nhất là mến thương những đứa trẻ mồ côi ngoan ngoãn, trong đó phải kể đến bé Lia mới 7 tuổi đầu, lại bị mìn chặt cụt một chân mà vẫn cố sức làm việc, giúp cả việc bệnh xá của tác giả.

Dưới đây chúng tôi chỉ tóm tắt lại trong vài hàng. Gắn trại Chùa có một trại mồ côi của bà Ngải, nuôi dạy gần một ngàn trẻ mồ côi. Dooley chăm lo sức khỏe cho đám này thêm vào công tác y tế thường xuyên của trại Chùa. Bà Ngải là người duyên dáng mà có lòng thương trẻ, dành cả cuộc đời cho trẻ. Bà đã gần 60, nhưng còn nhanh nhẹn, duyên dáng như mới 30. Trước kia bà cũng thuộc loại giàu có nhất trong một tổng thuộc tỉnh Thanh Hóa. Chiến tranh, ngay từ những ngày đầu đã giết chồng bà. Hai con bà hiện ở Pháp. Bà nói tiếng Pháp như bẩm. Chiến tranh giết không biết bao gia đình. Trẻ mồ côi đầy đường không ai trông coi. Bà Ngải đi lượm nhặt về nuôi... Cứ thế từ vài đứa lên đến vài chục, vài trăm và sau cùng gần một ngàn. Bà đưa vào Nam được hơn 800 đứa, hầu hết là thuộc các gia đình Phật Giáo. Dooley gọi chúng là những Phật tử mồ côi rất ngoan. Vào được Sài Gòn rồi, các trẻ của bà Ngải được

hội các bà vợ Mỹ cung cấp nhà và phương tiện để sinh sống và học tập. Phải bỏ quê hương đi bà rất buồn nhưng bà tin tưởng rằng Bắc Việt sẽ được giải phóng trong tương lai. Bà cứ nấn nã mãi không chịu xuống tàu di cư. Nhưng đến giữa tháng tư VM bắt đầu cho quấy phá Hải Phòng. Tình hình bất ổn. Lúc ấy bà mới vội vàng cho 800 trẻ của bà xuống tàu, đem theo đủ thứ của trại, nhờ sự giúp đỡ tận tình của các cơ quan Hải quân Mỹ và Pháp. (Người Pháp và người Mỹ cũng như dân chúng Hải Phòng rất sợ là Việt Minh có thể “giải phóng” Hải Phòng trước kỳ hạn chót được ấn định vào tháng 5 năm 1955).

Chính sách “cải tạo tư tưởng” của Cộng Sản (chương XV)

Trẻ con Việt Nam già rất sớm khi còn nhỏ. Chúng có vẻ chững chạc và nghiêm nghị khi hãy còn là thiếu niên, và đặc biệt là thường rất dũng cảm.

Có một số trẻ làm việc cho chúng tôi trong trại, ở lại đó nhiều tháng. Chúng làm những việc của người lớn, đảm đương những trách nhiệm của người lớn; khi được hút thuốc lá, chúng cũng hút như người lớn. Mà chúng chỉ mới 10, 12 tuổi hay 8 tuổi. Mỗi y tá của tôi được tôi cung cấp cho 6 hay 7 đứa trẻ như vậy giúp việc. Chúng hân hạnh được đội mũ hải quân. Một số còn lại bám sát theo tôi cả ngày lẫn đêm, lắm lúc cũng thấy phiền. Chúng có thể đến gọi tôi đến cứu một bà già quá yếu không đủ sức rời lều, hay lôi tôi tới một người đàn ông tàn tật. Chúng có thể chạy những việc vặt, tìm đồ vật tôi cần, nấu nước sôi cho lều bệnh xá. Đôi khi chúng giặt quần áo giúp tôi. Nhưng trong trường hợp như thế chúng thường thích giặt trong

nước ruộng lúa, dĩ nhiên tôi không để chúng giật như vậy. Thịnh thoảng chúng còn dám lái xe truck của chúng tôi để làm trò vui chơi. Trẻ con thường thích thú trò chơi đó.

Có thời gian tôi ở khách sạn thì chúng ngủ bên ngoài cửa. Thường chúng đóng vai liên lạc khi có toán người vừa trốn thoát được tới nơi và cần giúp đỡ ngay.

Bất cứ lúc nào ông Hàm (Mai Văn Hàm) hay một viên chức Việt nào khác muốn gặp tôi, họ chỉ cần để ý thấy đứa trẻ nào đội mũ hải quân, hay một đứa bé đánh giầy, bảo nó đi tìm “bác sĩ Mỹ”.

Khi có một đứa trong số những “phụ tá” đó lên đường vào Nam, chúng tôi thường có một chút nghi lễ tiễn đưa nó. Nhiều sĩ quan trên tàu đã từng tặng tôi những huy hiệu cấp bậc thiếu úy. Vậy là trong ngày có nghi lễ, ông “quan hai” sẽ gắn lon cho vị phụ tá của mình lon “quan một” hải quân. Lon đó được gắn trên vai đứa trẻ phụ tá làm thêm vẻ quan trọng trước sự chú ý của mọi người. Tôi hy vọng phòng Nhân Viên của Hải Quân sẽ hiểu và thông cảm khi nghe biết về dịch vụ tuyển thủy binh bất thường của tôi. (...)

Việt Minh tổ chức tuyên truyền sâu rộng trong đám trẻ con và thiếu niên trong nước... Lần đầu tiên tôi được biết về việc này là vào tháng 12 (năm 1954). Sau khi đã tiếp thu quyền kiểm soát một làng ở tỉnh Hải Dương, Việt Minh CS đến thăm trường làng và đưa 7 em bé ra khỏi lớp, bắt ngồi xuống sân trường. Bàn tay và cánh tay các em bị trói giắt cánh khỉ ra sau lưng. Rồi chúng lôi một giáo viên trẻ ra, tay cũng bị trói như vậy. Rồi lớp học bắt đầu.

Với giọng nói lớn đủ để những học sinh còn ngồi trong lớp nghe được, cán bộ VM tố cáo những học sinh này về

tội phản quốc: “Một “người yêu nước” đã báo cho cảnh sát biết giáo viên này đã mở những lớp học bí mật, vào ban đêm, để dạy tôn giáo. Chúng học cả kinh bốn.”

VM tố cáo 7 đứa trẻ về tội “mưu phản” vì đã nghe lời dạy của giáo viên này. Để trừng phạt tội đó, những đứa trẻ sẽ bị hủy thánh giá. “Chúng sẽ không bao giờ còn có thể nghe được những lời nói bậy của kẻ ác.”

Sau đó hai cán bộ VM đến bên mỗi đứa trẻ, một tên nắm chặt đầu em bé bằng hai bàn tay rắn chắc. Tên kia lấy chiếc đĩa bằng gỗ vót nhọn đóng vào mỗi lỗ tai. Nó đóng hết sức mạnh. Chiếc đĩa xé toạc lỗ tai ra và làm thủng màng nhĩ. Tiếng la hét của đứa trẻ cả làng đều nghe. Cả hai lỗ tai đều bị chọc thủng bằng cách đó.

Bảy đứa trẻ la hét thất thanh, vùng vẫy, giẫy giụa, đầu đón kinh khủng. Vì cả hai tay đã bị trói đằng sau lưng, nên chúng chẳng có cách gì rút những chiếc đĩa ra. Chúng lắc lư cái đầu, quằn quại trên đất cố làm cho những chiếc đĩa rớt ra...

Về phần giáo viên, VM phải ngăn chặn không cho anh ta còn khả năng dạy dỗ nữa. Sau khi bị cho chứng kiến nỗi đau đớn cực hình của những học sinh yêu quý của mình, đến lượt người thầy giáo trẻ cũng bị cực hình như sau: Một tên lính VM giữ chặt đầu giáo viên trong khi tên kia lấy kim kẹp đầu lưỡi lê ra khỏi miệng để tên thứ 3 dùng lưỡi lê xẻo đứt luôn. Máu chảy xối xả vào miệng, phun ra đằng mũi và văng vãi xuống đất. Nạn nhân đã không có thể kêu la một tiếng. Máu chảy cả vào cuống họng. Khi mấy tên lính VM bỏ anh ta ra, anh ta liền té xuống đất và thổ ra máu. Mùi máu tanh tưởi bốc lên từ khắp mặt sân trường.

Nhưng, người giáo viên cũng như 7 học sinh vẫn không chết. Khi tin dữ này xuyên qua bức màn tre, thì người ta tìm cách cho những nạn nhân trốn thoát. Và chẳng bao lâu 8 nạn nhân nói trên đã có mặt trong căn lều số 130, trại Chùa. (Trại tỵ nạn tạm thời ở Hải Phòng là nơi tác giả làm việc có tên là “Camp de la Pagode”)

Chúng tôi hết sức mình cố chữa trị nạn nhân, tuy nhiên cũng không hoàn toàn như ý...

Giáo viên đó không ăn được, chỉ uống đồ ăn lỏng. Các học sinh đó không bao giờ nghe lại được nữa!

Tôi viết những điều này ra không phải để làm buồn nôn và buồn lòng bất cứ ai, hay có ý nhấn mạnh sự tra tấn tàn ác, dã man của người Á Đông, là điều đã từng xảy ra trong thế chiến II và tại Hàn Quốc. Nhưng tôi thực sự muốn cho mọi người thấy những cực hình mà người dân ở châu thổ sông Hồng Hà phải chịu. Và công lý đòi hỏi phải ghi vào lịch sử một số điều cực ác mà chúng tôi được biết ở Hải Phòng.

(...)

Một đêm khuya, sắp đến giờ lễ Giáng Sinh, tôi bị đánh thức bởi những tiếng gõ cửa phòng ngủ. Có hai em nhỏ nói vọng vào xem “bác sĩ Mỹ” có sẵn sàng theo chúng đi ngay không? Tôi nghĩ chúng là những “phụ tá” tí hon của chúng tôi ở trong trại, và chắc đã xảy ra chuyện gì trong đó mà tôi cần phải chú ý. Vì thế tôi mặc quần áo thật nhanh và leo lên xe truck. Nhưng khi tôi lái thẳng trên xa lộ, thì hai đứa trẻ ra hiệu cho tôi quẹo vào một đường nhỏ ở giữa hai thửa ruộng. Tôi chẳng hiểu gì, nhưng vì chúng có vẻ tha thiết, khẩn khoản quá nên tôi lái theo hướng chúng

chỉ. Chúng tôi queo và đi vài trăm mét nữa thì tới một túp lều tranh, hay đúng ra là một ngôi nhà tròn giống như túp lều. Tôi cúi người bước vào trong. Tôi thấy sao tối quá, và rộng không thể ngờ. Có một ngọn đèn dầu thấp sáng ở một phần nhà và gần đó có mấy người đang quì gối. Một người đàn ông, một người đàn bà và vài đứa trẻ. Họ đang hát thánh ca để cầu nguyện một cách đồng điệu, buồn rầu. Họ chào tôi bằng câu: “Chào Ông bác sỹ Mỹ”, vừa nói vừa chắp tay vái chào theo lễ phép phương Đông. Rồi tôi nhìn thấy một người đàn ông nằm trên một chiếc nệm rom được đặt trên 8 hay 9 thanh tre, tạo thành một chiếc cang. Khuôn mặt ông ta méo xẹo quần queo trong cơn hấp hối. Cặp môi mấp máy yên lặng như đang cầu nguyện. Mà thực sự ông ấy đang cố đọc kinh thầm.

Khi tôi kéo tấm chăn phủ trên người ông ta ra, thì thấy một tảng thịt bầy nhầy đen xám từ vai xuống gối. Bụng rần và sung phồng. Bùu dái sung to như quả bóng đá. Hai đùi biến dạng trông quái gở. Đây là một trong những cảnh tượng rùng rợn nhất mà tôi đã từng thấy. Ý nghĩ chỉ đung vào người này cũng đủ làm tôi kinh tởm.

Tôi buồn nôn, và cảm thấy mình sắp nôn mửa ra, nên vội chạy ra ngoài: Trong căn lều, tôi đã vừa thấy rõ một kiệt tác về sự tra tấn có hệ thống. Dưới trời đêm tôi đã mửa ra tất cả những gì tôi có trong bụng. Tôi cảm ơn những người trong lều vì đã không theo tôi ra ngoài. Họ hiểu, và kiên nhẫn.

Tôi không nhớ rõ phải mất bao lâu tôi mới tự chủ được. Nhưng cuối cùng tôi đã có thể bình tĩnh lại và trở vào để săn sóc nạn nhân, được coi như một con ác mộng của con

người. Nhưng tôi có thể làm gì? Tôi có thể chích Morphine để giảm đau. Về cái bụng tôi có thể làm được một chút. Vì da chỉ bị nứt ở 4, 5 chỗ. Chảy máu toàn là dưới da tại những chỗ bầm tím đang chuyển sang màu vàng-tía. Tôi châm một mũi kim to vào bừa dái để cố rút bớt nước ra. Sau này tôi cũng luồn vào trong bông dái một ống plastic nhỏ để giúp nạn nhân đi tiểu. Tôi có thể làm gì hơn?

Tôi hỏi người đàn bà chuyện quái quỷ gì đã xảy ra cho người này? Bà ta nói:

Vùng này đã rơi vào tay Việt Minh chỉ mới 7 tháng nay. Vì thế họ chưa thay đổi được hoàn toàn lối sống cũ. Linh mục hãy còn được phép làm lễ, nhưng chỉ được làm giữa 6 giờ và 7 giờ sáng. Đó là thời gian hầu hết nông dân sẵn sàng khỉ sự công việc đồng áng. Theo luật lệ CS, đó cũng lại là giờ mà dân làng phải tập hợp lại tại khu công viên của làng để nghe thuyết trình hàng ngày về vinh quang của đời sống mới.

Như vậy có nghĩa là giáo dân không thể nào có thể đến nhà thờ dự lễ của linh mục, dù là ngày thường hay chủ nhật. Vì vậy vị linh mục 57 tuổi dưng cảm này đã chấp nhận mọi hiểm nguy để làm lễ vào buổi chiều, trái lệnh trên. Vì thế Việt Minh CS quyết định vị linh mục này phải được “cải tạo” hay giáo dục lại.

Đêm hôm trước, lính CS tới nhà nguyện của linh mục, tố cáo ông đã hội họp bí mật và ra lệnh phải ngưng ngay. Nhưng linh mục thách thức, trả lời rằng không gì có thể bắt ông ngưng rao giảng lời Chúa. Và sau đây là những gì bọn họ đã làm: Ông bị treo 2 bàn chân lên trần nhà. Đầu gấn chạm đất. Với những thanh tre rắn chắc chúng bắt đầu

đánh ông để “đuổi tà ma” ra khỏi ông. Chúng đánh trong nhiều tiếng đồng hồ. Ông không biết nó kéo dài bao lâu. Chúng tập trung đánh vào những chỗ nhạy cảm nhất của thân thể.

Chúng nó để ông bị treo như thế rồi bỏ đi. Sáng hôm sau, mấy trẻ giúp lễ của linh mục tìm thấy ông ở đó và cố hạ được ông xuống. Những em bé này chỉ có 9, 10 tuổi. Chúng chạy vội đến báo cho cha mẹ chúng, vừa nói vừa khóc nức nở. Cha mẹ chúng đang bị bắt dự lớp học tập cưỡng bách tại sân đình làng.

Mấy đứa trẻ dùng giấy chằng những thanh tre lại với nhau làm thành cái bè tí xíu có thể nổi trên mặt nước, vừa dùng làm cáng khiêng trên bờ cũng được. Chúng đặt vị linh mục trên đó rồi khiêng xuống phía sau làng. Chúng giấu ông ở gần bờ sông. Con sông này là biên giới của vùng tự do. Khi trời tối hẳn, chúng nhẹ nhàng hạ chiếc bè-cáng xuống nước. Rồi mỗi bên 3 đứa, chúng chèo ra giữa sông và được nước chảy cuốn đi. Nước lạnh có lẽ đã là liều thuốc tốt cho vị linh mục, còn hơn hầu hết mọi loại thuốc của chúng tôi. Những đứa trẻ đã xoay xở để đưa được cái bè qua sông mà không bị ai thấy. Mãi khuya chúng mới đưa được ông đến được căn lều của chị ông. Rồi chúng chạy đi tìm tôi. Sau đó ngày nào tôi cũng đến thăm ông ấy và cho ông ấy thuốc trụ sinh và morphine. Thật là một phép lạ, vị linh mục thoát chết. Phần thì nhờ cơ thể khỏe mạnh, phần nhờ đức tin.

Tôi không thể ngờ rằng chẳng bao lâu ông đã có thể thường xuyên làm lễ như một tuyên úy cho trại Chù. Có lẽ đáng lý chúng tôi đã phải để ông đi, khi ông xin được trở

lại làng cũ. Và có lẽ thế giới cần có những vị tử vì đạo, mặc dù Bắc Việt thì đã có quá nhiều rồi.

Tôi biết thật là không công bình nếu xét đoán toàn bộ một chế độ dựa theo sự hành xử của một số ít. Tuy nhiên đối với tôi, cộng sản đúng nó là như vậy. Đó là một thứ ma cà rồng. Nó đã chiếm lãnh gần hết Đông phương. Và như thế là gần phần nửa nhân loại. Từ tháng 12 đến ngày cuối, mỗi tuần có hai hay ba trường hợp tàn bạo của CS như vậy xảy đến chỉ trong vùng của riêng tôi. Những chuyến ra đi vào đêm cứ dần tôi gặp hết kinh hãi này đến kinh hãi khác.

Những ngày đầu của tôi ở Hải Phòng tôi lấy làm lạ lòng khó hiểu không phải vì số trường hợp càng ngày càng tăng mà vì tính chất của sự tàn bạo. Quá nhiều trường hợp mang ý nghĩa tôn giáo. Càng ngày tôi càng nhận thức được rằng những sự trừng phạt của CS có liên hệ đến đức tin của con người vào Thượng Đế. Cho đến bây giờ, những linh mục là đối tượng chính của khủng bố CS. Dường như những ông này không bao giờ chịu “học tập dân chủ” như CS mong muốn. Vì vậy CS cần phải cưỡng bách các ông ấy “học tập” một cách “ngghiêm ngặt” (tàn nhẫn) hơn những kẻ khác. Thật khó có thể uốn nắn những người đã có lòng tin sắt đá vào Thượng Đế để làm cho họ bỏ niềm tin đó. Thực tế là những người đó không thể bị chinh phục.

Người Công Giáo có những lời kinh rất đạo đức thành kính, như “Ôi Giêsu Maria Giuse”, “Lạy Chúa hãy thương xót chúng con”. CS ra lệnh cho linh mục phải thay những câu đó bằng những khẩu hiệu “Tăng gia sản xuất”, “Chiến tranh nhân dân”. Có lẽ hai tiếng “cầm thù” là được nghe nói nhiều nhất trên vùng VM chiếm đóng. Chúng đã hoàn

chính phương pháp tra tấn, bằng cách lúc thì chúng làm cho thân xác đau đớn, rồi sau đó làm khổ tâm trí...

Ngày chủ nhật đầu tháng 3, cha Lopez thuộc xứ đạo Phi Luật Tân xin tôi đến thăm một người ốm, một linh mục Việt Nam vừa thoát khỏi vùng VM.

Chúng tôi đi qua một khu sân rộng, đến khu dân cư. Ở trong phòng sau có một người đàn ông nằm trong đống rơm trên sàn nhà. Đầu ông ta đầy những mụn. Có 8 chỗ bị sưng phồng với mụn xung quanh trán và thái dương. Trước khi hỏi vì đâu nên có sự, tôi đã biết câu trả lời. Vị linh mục đặc biệt này đã rao giảng sự phản động, phản bội. CS đã tuyên án ông bị đội mũ gai giống Chúa Giêsu mà ông rao giảng.

Tám chiếc đinh đã được đóng vào đầu vị linh mục. Ba chiếc ở trán. Hai ở phía trên gáy. Và ba chiếc trên đỉnh đầu. Đinh khá dài đủ để có thể cắm tới xương sọ. Sau khi thực hiện hành động độc ác đó, chúng để vị linh mục ở đó một mình. Ông cố đi tới một túp lều gần đó. Gia đình trong lều cố rút mấy chiếc đinh ra. Rồi ông được đưa tới Hải Phòng để cấp cứu. Trước khi tới nơi, hai ngày sau đó, thì những vết thương đã nhiễm trùng sang giai đoạn hai.

Tôi rửa da đầu. Gấp những thứ đóng cục trong các vết thương. Và nạn mụn ra. Tôi cho vị linh mục dùng thật nhiều penicilline, và thuốc chống phong đòn gánh. Và mỗi ngày tôi đều trở lại thăm. Ông ấy đã khá. Một hôm tôi đến để cho thuốc, thì thấy ông ấy đã biến mất. Cha Lopez bảo tôi ông ta đã trở lại thế giới thâm lặng bên kia bức màn tre. Như vậy là ông trở lại với những kẻ đã tra tấn ông. Giờ này đây (1956) tôi tự hỏi, chúng đã làm gì vị linh mục ấy?

Không phải chỉ có linh mục mới là nạn nhân của sự tàn ác. Một ngày kia có một phụ nữ đến trạm xá của trại xin chữa trị. Bà ta quấn một miếng vải quanh hai vai theo hình số 8. Chúng tôi tháo vải ra thì thấy cả hai xương vai đều bị vỡ rồi. Bà ta nói bị VM chặn trên đường đi tìm đường di cư. Bọn gác đã đánh bà vì tội dám toan bỏ nước ra đi. Chúng lấy báng súng đập nát vai bà, bắt quay lại. Nhưng rồi, dù bị thương nặng bà ta cũng đã cố tìm cách trốn được. Vừa kịp thời để được chữa lành.

Tôi luôn luôn có một ý nghĩ hết sức đau buồn: “Chúa ơi, để một người trốn thoát được đến đây, ắt phải có hàng trăm người đã không chạy thoát.”

Một hôm có một người đàn ông đến bệnh xá với hai ngón tay cái biến màu rồ rệt. Từ đốt đầu đến đầu ngón, một màu đen. Đây là bệnh thối hoại loại khô, y học gọi là “mummification”. Không đau dữ lắm. Không chảy máu. Chỉ có sự hoại mô và đau buốt.

Ông ta nói chúng nó đã cột thùng vào hai ngón tay cái ông, rồi treo lên để “cải tạo”. Đã một tuần qua rồi. Từ ngày đầu hai ngón tay cứ mỗi ngày lại đen thêm. Và hôm nay thì bắt đầu xông mùi hôi thối.

Khi khám bệnh, trong khi tôi cầm lấy ngón trái, thì một miếng thịt mủn rơi ra. Không chảy máu, không đau. Chỉ có một mẩu thịt thối ở trong tay tôi. Miếng thịt thối khô này sẽ vụn ra ngay nếu bạn chỉ khẽ bóp nó.

Một trong số những người lớn tuổi bảo tôi: *“Xin anh bạn nhớ cho rằng những người này sẽ chẳng bỏ nhà ra đi, nếu CS không làm những điều ác độc này cho những người rao giảng hay giữ đạo Chúa.”*

Tôi nghĩ, chắc họ nói đúng. Trong số dân tỵ nạn có nhiều người theo đạo Phật. Nhưng khi nghĩ tới số người dự lễ mỗi ngày tôi chắc là người theo đạo Công Giáo phải từ 75 đến 80 phần trăm. Trong số 2 triệu giáo dân Việt Nam, thì đã có tới 1 triệu 750 ngàn ở miền Bắc. Rồi CS tới. CS đã làm dân bùng tình, vỡ mộng về những cuộc cải cách mà chúng hứa hẹn. Có lẽ họ đã có thể chịu đựng dù phải chống chọi với thuế cao quá đáng, với chỉ tiêu mùa màng vượt mức, với chính sách lao công cưỡng bách và sự mất tự do. Nhưng khi mà quyền tự do thờ

Chúa cũng bị tước đoạt – thường bằng những biện pháp tàn bạo nhất – thì họ biết đã đến lúc phải ra đi. Một vị niên trưởng nói: “Tại Việt Minh thực điên khùng. Chúng ép buộc dân ở lại, bịa đặt nợ kia, để cầm chân dân, thậm chí ngăn chặn ở biên giới. Rồi thì chúng lại làm đủ điều khiến người dân bó buộc phải ra đi tỵ nạn! Có lẽ đây cũng là thánh ý Chúa đấy.”

Nói VM chặn dân tỵ nạn ở biên giới (của vùng chúng chiếm đóng), là còn nói nhẹ. Dù hiệp định Genève đã quy định là ai cũng có quyền tự do chọn rời bỏ miền Bắc nếu họ muốn, CS đã vi phạm quy định đó ngay từ ngày đầu tiên chúng vừa ký hiệp định rồi.

Như tôi đã nói ở trên, chúng dùng mảnh lời đe dọa, bạo lực, và thậm chí tàn sát để ngăn chặn sự di Nam một cách ồ ạt của người dân trong vùng. Tại Sài Gòn, ngày 22 tháng giêng năm 1955, thủ tướng Ngô Đình Diệm đã tuyên bố: *“Bốn phận của tôi là phải tố cáo trước thế giới tự do và trước cộng đồng Ki Tô Giáo về những hành động vô nhân đạo của Việt Minh nhằm đàn áp và cưỡng ép những người dân muốn*

rời bỏ vùng CS. Đó là những hành động vi phạm trắng trợn hiệp định Genève.”

Sau này ông Diệm đã ước lượng là có thể sẽ có một phần triệu người di cư nữa nếu không bị VM sách nhiễu. Theo tôi, con số đó phải gấp đôi. Dòng người liên tục kéo tới các trại Mỹ của những kẻ may mắn hơn, và của những kẻ bị thương tật, vật vờ, xác xơ là đầu mối để tính ra số người đã không thể ra đi. Ngoài ra, cũng còn phải nói đến hàng ngàn người khát khao tự do, nhưng đã không đủ can đảm hay sức khỏe để chấp nhận hiểm nguy.

CS có nhiều mảnh lối và những mảnh lối khác nhau để cầm chân người dân ở lại với chúng. Chúng ra những luật lệ cấm 3 người trở lên của mỗi gia đình không được di chuyển cùng một lúc trên một chiếc xe buýt hay xe lửa; cấm trên hai người đi bộ chung với nhau trên những con đường hướng về vùng di tản. Điều này gây khó khăn cho người muốn di cư có gia đình đông con mà không muốn xa cách nhau.

Tuy nhiên vẫn có những cha mẹ tuyệt vọng cho con cái đi trước, hai đứa hôm nay, hai đứa ngày mai, và căn dặn chúng là phải tìm đến các trại của người Mỹ. Hàng trăm lần tôi đã thấy những thiếu niên đi một mình, kiệt sức, buồn rầu, tới nơi và chờ đợi cha mẹ ở ven bìa trại. Nhiều khi chờ vô vọng.

Tại nhiều nơi ở miền Bắc, CS ra luật phải có thông hành đặc biệt để đi từ tổng này sang tổng khác. Để xin được thông hành phải tốn nhiều tiền và phải qua những thủ tục hết sức rườm rà. Nhưng gia đình muốn di chuyển thành toán, không có cách nào khác.

Sau khi đã chờ đợi rất lâu để có được thông hành rồi, một gia đình có thể sẽ lên đường đi bộ trên xa lộ tới Hải Phòng. Mười lăm, mười sáu ngày sau, khi lương thực đã cạn, chân đã mỏi, đã đau, trong người lại bị bệnh, lúc đó mới tới được biên giới tổng nhà. Họ bị đứng trước trở ngại nan giải: thông hành đã hết hạn.

Cộng sản sẽ xét tám thông hành mà họ khó nhọc lắm mới có được và cười bảo: “*Đồng chí ơi, thông hành này chỉ có giá trị 14 ngày thôi. Đồng chí không biết sao? Ồ, đồng chí không biết đọc? Được thôi, hãy quay trở về xin thông hành mới.*”

Sau chiến tranh nhiều đoạn đường hãy còn gài mìn hay cạm bẫy. CS đào chúng lên. Nhưng thường không cho nổ để phá đi. Trái lại chúng vút bừa vào trong ruộng lúa, bãi lầy, bụi rậm, làm như ngẫu nhiên vô tình. Nhưng đó lại là những nơi ở vùng biên giới giáp ranh với vùng di tản. Nếu người dân cố bỏ đi tìm tự do vào ban đêm rất có thể sẽ bị nổ tan xác.

Vậy mà, điều khoản ghi trong hiệp định Genève như sau: “Bất cứ thường dân nào sống trong khu vực do một bên kiểm soát muốn ra đi để sống trong vùng thuộc phía bên kia, thì nhà cầm quyền trong khu vực đó phải cho phép và **giúp họ thực hiện theo ý muốn.**”

Chú thích

¹ Tóm dịch từ cuốn *Deliver Us From Evil, The Story of Vietnam's Flight to Freedom* (214 trang) Farrar, Straus and Giroux xuất bản lần đầu năm 1956, dịch theo bản in lần thứ 21 năm 1967.

Phụ Lục

Một lá thư dài của Tổng Thống Ngô Đình Diệm

Dây là thư riêng của Thủ Tướng Ngô Đình Diệm đề ngày 29-5-1956, trả lời thư của ký giả Joseph Buttinger viết cho ông trước đó 9 tháng.

Trong cuốn *Vietnam, The Unforgettable Tragedy* xuất bản năm 1977 Buttinger đã phổ biến cả hai lá thư này để thanh minh với bạn bè trong báo giới về liên hệ phức tạp giữa ông và ông Diệm. Đồng thời cũng chứng tỏ ông đã từng vận động với ông Diệm để các lãnh tụ đối lập có chỗ trong chính phủ lúc ấy như thế nào.

Chúng tôi chỉ dịch đăng bức thư phúc đáp của Thủ Tướng Diệm, để nói lên sự liên hệ thân tình của ông đối với một ký giả Mỹ, đồng thời cũng cho thấy nhận xét và thái độ của thủ tướng đối với vài nhân vật đảng phái lúc ấy, tại sao ông không trọng dụng họ theo đề nghị của Buttinger.

Trong phần tiểu sử Tổng Thống Diệm, chúng tôi đã trung dẫn lời ký giả Buttinger hết lời ca tụng thủ tướng

Diệm, coi việc ông làm như một phép lạ chính trị. Cho đến mãi năm 1957, ông còn được Tổng Thống Diệm tin dùng để cho ông làm thông dịch viên chính thức trong các cuộc diễn thuyết hay họp báo tại Hoa Kỳ, nhân chuyến viếng thăm chính thức của Tổng Thống Diệm. Nhưng sau khi ông Diệm bị lật và bị giết, nhất là sau khi Hồ Chí Minh đã toàn thắng và chiếm trọn miền Nam, thì lập trường của Buttinger thay đổi 180 độ. Ông quay ra mạt sát Tổng Thống Diệm và hết lời ca tụng Hồ Chí Minh, và nặng lời chê trách các nhà lãnh đạo Mỹ. Bạn đọc của *Hồ Chí Minh nhận định tổng hợp* của Minh Võ, chương 19 hẳn đã biết.

Joseph Buttinger (1906-1992), người Đức gốc Áo, từng là chủ tịch ban chấp hành đảng Dân Xã Áo Quốc khi mới 28 tuổi. Năm 33 tuổi ông sang Mỹ. Và 4 năm sau thành công dân Mỹ. Ông viết nhiều tác phẩm về Việt Nam trong đó có: *Con Rồng Nhỏ*, lịch sử chính trị Việt Nam, 1958; *Dân thiểu số ở Việt Nam*, 1961; *Con Rồng nghênh chiến*, lịch sử chính trị Việt Nam, 1967; *Con Rồng Thách Đấu*, lịch sử Việt Nam, 1972 và *Việt Nam: Thảm Kịch không thể nào quên*, 1977. Đọc *Con Rồng Nghênh Chiến* gần 1300 trang thì thấy rõ tác giả có xu hướng xã hội tả phái rõ rệt.

Sau đây là thư phúc đáp của Thủ Tướng Diệm: (bản dịch của MV từ bản dịch Anh văn của J. Buttinger từ nguyên bản bằng Pháp văn)

Sài Gòn ngày 29 tháng 5 năm 1956

Ông Buttinger thân mến,

Gần đây, nhân khi sửa chữa văn phòng, nhân viên của tôi đã tìm thấy lá thư tôi trả lời thu tháng 8 năm ngoái của ông..., kẹt giữa 2 ngăn kéo... Xin ông thứ lỗi cho sự chậm

trở vô tình này khiến ông đã phải lo phiền trong một thời gian quá lâu cho Việt Nam mà ông đã tỏ tình thân hữu rất tích cực..

Nhưng sự bất tiện, phiền hà này lại có lợi cho tôi. Vì nó cho tôi dịp đọc lại một lần nữa với sự xúc động sâu xa thư của ông, một lá thư chứa chan mối thương cảm đối với đất nước tôi và cả sự quan tâm lo lắng nữa. Đó là điều rất đáng trân trọng.

Nó cũng đặc biệt trong sáng và biểu lộ sự sáng suốt của tác giả. Vì một năm trước, ông đã tiên liệu là cộng sản sẽ hành động vận dụng danh từ “tổng tuyển cử” mà thế giới tự do rất nhạy cảm, để tìm cách thôn tính miền Nam VN. Chắc ông biết rằng chúng tôi đã theo lời khuyên của ông để tổ chức các cuộc bầu cử tự do ở miền Nam, bất chấp những cố gắng phá hoại của Việt Cộng và sự e sợ vụ lợi của các đảng phái gọi là yêu nước.

Một số vấn đề ông nêu lên trong thư đã được giải quyết đúng cách. Mặc dầu thời gian đã trả lời cho nhiều câu hỏi khiến ông bận tâm lúc ấy, tôi vẫn còn muốn cùng ông trao đổi về đề tài này, vì tôi nghĩ ông khó có thể đi sâu vào trọng tâm của người và việc của xứ sở này như tôi. Tuy nhiên tôi không mong muốn ông phải có kinh nghiệm đó.

Gần trăm năm đô hộ của thực dân và mười năm chiến tranh khốc liệt đã để lại hậu quả sâu đậm đối với Việt Nam, về thể chất đã đành, nhưng trên hết là về mặt tâm hồn. Thế hệ của những kẻ cấu thành giới thượng lưu để lãnh đạo xứ sở này, tất cả đều được đào tạo tại các trường của Pháp. Vào thời gian họ theo học ở đó, có một cái mốt thời thượng, hoài nghi những điều nghiêm chỉnh, ảnh hưởng cả đến thái độ thờ ơ và thể tục.

Nước Pháp đã trả giá và hãy còn đang trả giá đắt cho sự sa sút tinh thần và trí tuệ trong khoảng thời gian 1930 đến 1940. Nhưng phản ứng của sự sa sút về văn hóa này là những thanh niên Việt khác tự lao đầu vào chủ nghĩa Phát-xít hay chủ nghĩa Cộng Sản. Chính do nhóm sau này mà các đảng CS ở Đông Dương ra đời. Trong khi đó lần lượt theo thứ tự thời gian các nhóm Việt Quốc, Cao Đài, Đại Việt, Hòa Hảo cũng thành hình. Trái với CS được đào tạo một cách nghiêm chỉnh, các đảng quốc gia Việt và các nhóm Phát-xít vắng bóng giới trí thức không thích dính líu, vì vậy chẳng đóng vai trò gì quan trọng cho Việt Minh hay tổ chức nào khác, những đảng quốc gia của chúng tôi rất kém cỏi về mặt chủ thuyết cũng như về tổ chức.

Vì vậy mà họ dễ bị Việt Minh loại trừ và thực dân chế ngự. Không thực tiễn và thiếu tinh thần, họ nghĩ chỉ cần tự xưng là chống cộng cũng đủ để thắng cộng, và họ còn nghĩ tất cả những gì cần làm là tự xưng cách mạng để được phép làm mọi sự dưới ánh sáng mặt trời. Trong chương trình hành động của những đảng phái này, không thấy có một chữ chống phong kiến hay chống nạn bè phái.

Ngoài ra, mặc dù những tuyên bố của họ, không có lấy một đảng nào thực sự tin tưởng là có thể chống lại CS. Tôi chỉ đã nhận ra điều đó sau sáu tháng cầm quyền. Khi tôi ở sân bay Orly để lấy máy bay về nước với tư cách thủ tướng chính phủ Sài Gòn, ông Hoàng Xuân Hãn đã bảo tôi, ông ta sẽ sẵn sàng để tôi dùng nếu tôi sẵn lòng thương thuyết với Việt Minh. Đàng khác ông Nguyễn Mạnh Hà lại đang cố gắng thực hiện kế hoạch sống chung (với CS). Còn ông Hồ Hữu Tường, một người từng theo phe Tờ-rốt-kít

(đệ Tú) thì đã thiếu lương thiện hơn những kẻ khác, khi giấu không cho ông (*Buttinger, MV*) biết cái chương trình “Trung Lập Chế” (Neutralism), mà ông ta có ý dùng làm bình phong che giấu chủ nghĩa sống chung cùng tồn tại với Việt Minh, nhưng là cam chịu sự chỉ dẫn của Việt Minh. Qua trung gian một người em là điệp viên CS, Tường đã bắt liên lạc với ông Phạm Công Tắc, hòng đưa Cao Đài vào bẫy Việt Minh. Một trung tá Cao Đài từng là chính trị viên và cận thần của Phạm Công Tắc đã tiết lộ rằng tất cả những mảnh lối đó đã khởi sự ngay từ tháng 7 năm 1954, sau cuộc gặp gỡ giữa Phạm Công Tắc và Phạm Văn Đồng ở Genève.

Vì thế Hồ Hữu Tường đề nghị “*cung cấp cho ông Phạm Công Tắc phương tiện tài chính tối cần thiết để thành lập phong trào trung lập tại Đồng Tháp Mười trước đó đã tuyên bố tự trị.*”

Cũng chính Hồ Hữu Tường khi trở thành cố vấn của Bảy Viễn đã thúc đẩy Bảy Viễn khai chiến chống chính phủ. Vào thời gian anh ta phàn nàn với ông rằng anh ta bị chính phủ săn đuổi, chính là lúc anh ta di chuyển tự do từ Sài Gòn tới Paris nhiều lần. Ai cũng biết anh ta không thể có phương tiện tự túc để có thể di chuyển rất nhiều chuyến đi loại đó.

Còn về bác sĩ Nguyễn Tôn Hoàn, ông này đã ba lần từ chối làm việc với tôi, viện cớ rằng chỉ có bộ Quốc Phòng, chứ không thể bộ nào kém hơn, mới xứng với tham vọng của ông ta. Đàng khác các phe Cao Đài, Bình Xuyên và Hòa Hảo, không phe nào đồng ý cho Nguyễn Tôn Hoàn nhận bộ đó, vì tất cả đều âm mưu tranh đấu để riêng phe mình

nắm bộ Quốc Phòng. Đúng là Nguyễn Tôn Hoàn có nói với tôi rằng anh ta sẽ đảm nhận bộ đó với sự cộng tác của một nhóm nhỏ Hòa Hảo dưới quyền Lâm Thành Nguyên, và nếu không được trao bộ quốc phòng thì sẽ nhận chức đại sứ tại Thái Lan. Thực ra, điều mà Hoàn thực sự hằng ước mơ là trở thành lãnh tụ của một phái Đại Việt mới có quân đội riêng và một vùng tự trị. Anh ta đã luôn luôn theo đuổi giấc mộng đó một cách hăm hở không ngừng nghỉ. Anh ta đã hợp tác với người Pháp, để có được một vùng riêng cho mình. Chẳng may, thủ lĩnh biệt động quân Đại Việt mà Pháp đặt ở Cai Lậy, có thể trở thành cái nhân của một phe phái mới, lại ly khai khỏi nhóm Nguyễn Tôn Hoàn để tranh đấu cho mộng riêng của anh ta. Tới nước đó, Hoàn bèn phải quay trở lại với Lâm Thành Nguyên, một tiểu tướng của Hòa Hảo ở Châu Đốc. Nguyên lúc ấy đang cố xin tôi cho y coi tỉnh Hà Tiên trong vịnh Xiêm La như phần thưởng về lòng trung tín. Nguyễn Tôn Hoàn cũng đang vận động một cách hào hứng cho việc thương lượng đó. Khi Hoàn nói sẵn lòng nhận chức đại sứ ở Băng Cốc, thì một trong những lý do của anh ta là để có thể giúp Lâm Thành Nguyên một tay (buôn vũ khí, xây dựng chiến khu bí mật ở Thái Lan với những dân tỵ nạn nhờ sự giúp đỡ của bạn hữu, những người thuộc phe Hòa Hảo). Một lý do khác là anh ta không tin rằng có thể có cách nào chống lại nổi Việt Minh hay Pháp. Đó chính là điều anh ta nói với Ngô Đình Nhu em tôi khi anh ta xin chú ấy can thiệp với phe Bình Xuyên, đang nắm Cảnh Sát Công An, cấp chiếu khán cho anh ta có thể bay sang Pháp.

Khi Hoàn từ chối không nhận tham gia chính phủ trung ương, tôi đã đưa ra một giải pháp khác mời Đại Việt

hợp tác ở những cấp thấp hơn. Bằng cách đó, họ đã được giao ngành Cảnh Sát, Công An và nhân dân tự vệ cấp tỉnh của một tỉnh quan trọng là Quảng Trị ở ngay vĩ tuyến 17. Nhưng Hoàn cho đàn em tin rằng họ sẽ được Mỹ và Pháp ủng hộ, và ra lệnh cho đảng viên ở Quảng Trị và Thừa Thiên, cấu kết với phe Nguyễn Văn Hinh, và với sự khuyến khích của Pháp, quay lại ly khai với chính phủ và thành lập một khu bí mật ở Ba Lòng. Tuy được Pháp vũ trang và tiếp tế, nhóm ly khai này đã bị đánh bại hầu như ngay tức khắc. Bởi vì hầu hết binh sĩ đã từng theo họ đã rời bỏ khi vừa nhận ra mình bị lợi dụng và phản bội. Nhóm Đại Việt Nguyễn Tôn Hoàn hiện đang ẩn náu nhờ người Pháp che chở, trước nhất ở trong trại Chanson. Tại đây người Pháp đã lập cho họ một đài phát thanh mạnh dùng để kích loạn xạ chính phủ hàng ngày bằng những luận điệu tuyên truyền bỉ ổi. Sau đó là ở Seno (*Ai Lao*. MV) là nơi họ tiếp tục vai trò phản bội. Vừa đây Việt Tấn Xã đã công bố một lá thư của Nguyễn Tôn Hoàn gửi cho Guy Mollet xin Pháp can thiệp để bảo vệ Việt Nam. Nguyễn Tôn Hoàn không phải là thí dụ duy nhất về chính trị gia, không được huấn luyện (về chính trị), tìm cách chiếm quyền bằng sức mạnh, mà họ cũng chẳng có.

Một số khác cố vận dụng một nhóm Cao Đài ly khai để thực hiện mộng đảo chính kiểu Phát xít với sự trợ giúp của ngoại bang, như trường hợp bác sĩ Phan Quang Đán chẳng hạn. Anh này đánh lừa tướng Nguyễn Thành Phương bằng cách làm cho Phương tin rằng anh ta được đảng Dân Chủ Mỹ ủng hộ, và được coi như con cưng của đảng Dân Chủ. Một người trong nhóm Phan Quang Đán

là Nguyễn Bảo Toàn đã dựng một cửa hàng tại Nữu Ước. Anh ta tới đó sau khi lấy cấp 5 triệu Đồng tức toàn bộ ngân quỹ của đảng Dân Xã Hòa Hảo do tướng Nguyễn Giác Ngộ lãnh đạo. Hiện tướng Ngộ đang chờ anh ta về để nhả số tiền đó ra. Nguyễn Bảo Toàn thường nói tiếng nói Dân Chủ thuần túy, nhưng lại là kẻ chống bầu cử ở miền Nam. Đã bao lần Toàn đến gặp tôi để khuyên không nên dùng biện pháp bầu cử để bầu quốc hội, lấy cớ là chắc chắn Việt Minh sẽ thắng. Theo ông ta, cách khôn ngoan hơn là trưng cầu dân ý về một chủ tịch đoàn gồm những thành viên của nhiều đảng phái khác nhau mà có lẽ tôi sẽ có thể chỉ định. Thực ra đã không có ai trong những vị đó dám đưa tên ứng cử trong các cuộc bầu cử hồi tháng 3. Vì vốn không được nhân dân tín nhiệm, họ sợ sẽ thất bại.

Đây là một vài loại người hay tổ chức cho rằng họ có thể cai trị xứ này, ở giữa những hoàn cảnh ngoại lệ như hoàn cảnh mà Việt Nam đang trải qua. Ngay cả những chính quyền tự do nhất cũng luôn luôn dự trù phải có một hệ thống chuyển quyền đối với một dân tộc đang trải qua trạng thái từ một thuộc địa chuyển sang một nước độc lập, vì sợ sẽ thụt lùi về trạng thái nô lệ với những thành phần phản phong kiến đang tồn tại. Hoặc giả vì thiếu nhân tài để điều hành chính phủ hay để bảo vệ xứ sở khỏi những tham vọng của đế quốc ngoại lai. Khi nhìn vào những khó khăn gặp phải hàng ngày từ mọi lãnh vực, người Việt chúng tôi hầu như muốn tin rằng những thế lực (đảng phái) nói trên có thể có lý khi họ nghĩ vậy. Bởi vì chúng tôi đã phải cố gắng liên tục căng thẳng không ngừng nghỉ trong khi cơ chế chính quyền quốc gia bị ung thư Cộng Sản tàn phá.

Nhưng tự buông thả để rơi vào sự cám dỗ của những giải pháp dễ dàng nhưng cũng ảo tưởng là một sự phản bội đối với vận mệnh của chúng tôi. Bởi vì không có gì dễ dàng trong cuộc sống của một con người hay của một dân tộc. Điều chính yếu là phải có một lý tưởng và cố gắng thực hiện lý tưởng đó bất chấp mọi gió bão thời cuộc. Đó chẳng phải là tinh túy của dân chủ sao?

Bởi vì dân chủ không phải là thứ gì có thể đạt được một lần là xong, mà là một cố gắng kiên trì đi tìm những phương tiện thích hợp để bảo đảm cho nhân loại một sự tự do tối đa, một trách nhiệm tối đa và một cơ hội tốt nhất cho cuộc sống tinh thần. (Xin xem thông điệp tôi gửi Quốc Hội ngày 12-4-1956). Mục đích của chúng tôi là với những phương tiện hiện có và trong giới hạn mà lịch sử áp đặt lên chúng tôi, tạo được một thể chế cởi mở, để phân biệt khỏi một hệ thống chính trị đóng kín được dựng lên xung quanh một người hay một đảng.

Trong quá trình tranh đấu và tiến bộ của chúng tôi, lối đi càng ngày càng mở rộng, nhờ Ôn Trên. Chúng tôi đã có một quốc hội dân cử. Nay mai sẽ có hiến pháp. Khi nghĩ đến những nước khác ở Đông Nam Á dù không gặp những khó khăn như chúng tôi mà cũng cần tới 5 năm, hay 8 năm mới có được bản hiến pháp, thì chúng tôi có thể cảm thấy hài lòng về những gì đã đạt được trong một thời gian ngắn như vậy. Tình hình hiện nay chắc hẳn đã tốt hơn cách nay một năm. Nhưng năm nay là năm quyết định của chúng tôi. Không thể có chỗ cho những chính khách mạo hiểm hay tay mơ. Phải đối diện với một kẻ thù không thể thắng, bậc thầy về nghệ thuật chính trị, chúng tôi cần phải đưa ra

một mặt trận vững chắc để kháng cự, không tí vết nứt rạn từ mọi góc độ.

Nêu thế để, thưa ông Buttinger thân mến, cho ông biết tôi biết ơn dường nào đối với ông và các bạn của chúng ta ở bên ấy đã nâng đỡ chúng tôi. Tôi hy vọng ông sẽ có dịp trở lại Việt Nam này một lần nữa. Nơi đây chắc chắn ông sẽ được tiếp đãi một cách nồng hậu nhất. Dịp đó ông nên dẫn ông Sachs theo, vì không dễ dàng để mà viết về lịch sử hiện đại của dân tộc Việt Nam từ

Paris. Trong vòng một năm qua đã có nhiều thay đổi tại đây. Các ông sẽ có thể thấy rõ hơn nhiều những gì đang xảy ra khi đến xem tại chỗ.

Nhưng tôi thấy đã muộn rồi và phải chuẩn bị tiếp khách đã lấy hẹn. Trong khi mong chờ cái thú được gặp lại ông sớm, xin gửi ông lời chúc tốt đẹp nhất.

NGÔ ĐÌNH DIỆM

Lời cuối sách

Qua hơn 400 trang sách với những chứng liệu rõ ràng minh bạch chúng tôi hy vọng bạn đọc đã thấy một Ngô Đình Diệm khác hẳn những gì mà một số đông tác giả có thiên kiến hay ác cảm với ông đã mô tả về ông trong mấy thập niên qua. Chẳng những ông không quá kém cỏi về chính trị mà còn là một chính khách có khả năng phi thường và những viễn kiến lạ lùng như một nhà tiên tri. Ông không phải là người chẳng làm được gì mà chỉ may mắn được Mỹ và Vatican “bồng lên đặt vào ghế thủ tướng”. Trái lại kể từ khi rũ áo từ quan năm 32 tuổi, ông đã không ngừng vận động, tranh đấu cho nền độc lập hoàn toàn của Tổ Quốc, luôn luôn nêu cao ngọn cờ chính nghĩa dân tộc. Những việc ông làm trong thời gian cầm quyền, nhất là trong hai năm đầu đã vượt xa hẳn những người đả kích, phê bình ông. Ngay cả những ký giả thiên cộng hay tả phái cũng gọi đó là phép lạ về chính trị.

Người ta đã phê bình ông độc tài. Nhưng so sánh với nền độc tài đầm máu của miền Bắc, thì đó chỉ là một nền độc tài nhân từ khó tránh trong một nước đang có chiến tranh. Không thiếu người còn phê bình ông độc tài chưa đủ.

Người ta đã cáo buộc ông kỳ thị, đàn áp Phật Giáo. Nhưng phái đoàn điều tra của Liên Hiệp Quốc đã kết luận không có kỳ thị hay đàn áp. Những nhân vật nổi tiếng như Nixon, Bảo Đại đều khẳng định những hoạt động đấu tranh của một phe nhóm Phật Giáo quá khích là mưu đồ chính trị, chứ không phải vì tự do tôn giáo.

Chỉ cần đọc lại hai trang 91-92 (chú thích 65) thì thấy rõ vị thượng tọa đầy tham vọng và có ảnh hưởng Thích Trí Quang, mà cho đến nay vẫn còn nhiều người lầm tưởng là có công tranh đấu cho đạo Phật, thực ra chỉ là một chuyên viên khuấy động quần chúng. Ông đã liên lạc, mưu tính với những người Mỹ muốn giết ông Diệm, như Cabot Lodge với mưu đồ thỏa mãn tham vọng quyền lực chính trị. Ông không phải là một vị chân tu đáng kính. Người cung cấp chứng liệu đó chính là một tướng làm đảo chính.

Cứ đọc hai trang 204-205 (chú thích 22), thì sẽ thấy người Mỹ đã “tổ chức, và khởi động” (nguyên văn của bộ trưởng Quốc Phòng Mỹ McNamara: Organize and set in motion) cuộc đảo chính ra sao, và đã cử đại diện đến chứng kiến, điều khiển, theo dõi, giúp đỡ, ủy lạo cuộc đảo chính ra sao. Chứng liệu này do chính một tướng làm đảo chính khác cung cấp. Quân sĩ Việt Nam Cộng Hòa trước đây thật xấu hổ vì trong hàng ngũ mình có những kẻ muối mặt đi nhận tiền của ngoại bang để giết một nhà ái quốc.

Chỉ khi nào chúng ta nhìn ra mối nhục đó và trả lại danh thơm tiếng tốt cho lãnh tụ khả kính nhất của người Quốc Gia thì mới mong con cháu chúng ta có cơ hội chiến thắng Việt Cộng là những kẻ đang bắt toàn dân tôn thờ thần tượng Hồ Chí Minh và thần phục đàn anh phương Bắc.

Thư Mục

• Tác giả Việt Nam

Bảo Đại: *Con Rồng Việt Nam*, bản dịch của Nguyễn Phước Tộc, California, 1990.

Bùi Diễm: *In The Jaws of History*, viết chung với David Chanoff, nxb Houghton Mifflin Co, Boston, 1987.

Bùi Tín: *Hoa Xuyên Tuyết*, Nhân Quyền, Paris, 1991.

Cao Thế Dung (viết với Lương Khải Minh):

- *Làm Thế Nào Để Giết Một Tổng Thống?* Hòa Bình, Sài Gòn, 1965;

- *Việt Nam 30 năm máu lửa*, nxb Alfa, Falls Church, VA, 1991.

Duyên Anh: *Ngày Dài Nhất*, Xuân Thu, USA, 1988.

Đoàn Thêm: *Hai Mươi Năm Qua: 1945-1964, việc từng ngày*, Xuân Thu, California.

Đỗ Mậu: *Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi*, Văn Nghệ, California, 1993.

Đỗ Thọ: *Nhật Ký Đỗ Thọ*, Hòa Bình, Sài Gòn, 1970.

Hoàng Hữu Quýnh: *Tôi Bỏ Đảng*, Paris, 1989.

Hoàng Lạc và Hà Mai Việt: *Việt Nam 1954-1965 Những sự thật chưa hề nhắc đến*, 1991

Hoàng Ngọc Thành và Thân Thị Nhân Đức: *Những Ngày Cuối Cùng của TT Ngô Đình Diệm*, Cali, 1994 .

Hồ Sỹ Khuê: *Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm và Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam*, Văn Nghệ, Cali, 1992.

Huỳnh Văn Lang: *Nhân Chứng Một Chế Độ*, Văn Nghệ, Nam Cali, 1999 (?).

Lý Đông A:

- *Huyết Hoa*, Vạn Thắng thư cục, 1992;

- *Đạo Trường Ngâm*, Vạn Thắng, 1992.

Minh Võ: *Ngô Đình Diệm, Lời khen tiếng chê*, Thông Vũ, tái bản lần 2, 2002.

Nguyễn Cao Kỳ: *Twenty Years And Twenty Days*, Stein and Day, NY, 1976.

Nguyễn Chánh Thi: *Một Trời Tâm Sự*, Xuân Thu, Cali, 1987.

Nguyễn Hữu Duệ: *Nhớ Lại Những Ngày Ở Cạnh Tổng Thống Ngô Đình Diệm*, Nam Cali, 2000.

Nguyễn Ngọc Phách: *Việt Sử Dương Đại qua 200 câu vè bất hủ*, Melbourne, Australia, 2007.

Nguyễn Văn Châu: *Ngô Đình Diệm Và nỗ Lực Hòa Bình Giang Dở*, Xuân Thu, 1989, bản dịch của Nguyễn Vy Khanh từ nguyên tác Pháp văn “*Ngô Đình Diệm en 1963: Une autre paix manquée*”, luận án sử học, trường Đại Học Paris VII, 1982.

Nguyễn Văn Chúc: *Việt Nam Chính Sử, hay là Những sai lầm trong “Việt Nam Máu Lửa Quê Hương Tôi” và gian trá của Đỗ Mậu*, 1992.

Nguyễn Văn Minh: *Dòng Họ Ngô Đình, Giấc Mơ Chưa Đạt*, Hoàng Nguyên, Nam Cali, 2003.

Phạm Kim Vinh:

- *Những Bí Ẩn Về Cái Chết Của Việt Nam*, Kissinger trong *bầy sập*, Người Việt, Cali, 1977;

- *Việt Nam Tự Do, từ Ngô Đình Diệm đến lưu vong*, Nam Cali, 1987.

Phạm Văn Bính: *Ông Vua của nền Cộng Hòa Đệ Nhất: Ngô Đình Diệm*.

Phạm Văn Sơn: *Việt Sử Tân Biên*, Đại Nam, Sài Gòn, 1972

Phan Bội Châu: *Phan Bội Châu Niên Biểu*, Nhóm Nghiên Cứu Sử Địa, Sài Gòn, 1971.

Thích Hải Ấn và Hà Xuân Liêm: *Lịch sử Phật Giáo Xứ Huế*, nxb Tp HCM 2006.

Trần Thị Liên: *Les Catholiques et La République Démocratique du Vietnam*.

Trần Văn Đôn:

- *Our Endlless War: Inside Vietnam*, San Rafael, Calif. Presidio Press, 1978;

- *Việt Nam Nhân Chứng*, nxb Xuân Thu, Cali, 1989.

Trương Như Tảng (viết chung với **David Chanoff** và **Đoàn Văn Toại**): *A Việt Cộng's Memoir*, Harcourt Brace Jovanovich, San Diego, 1985.

Văn Tiến Dũng: *Về Cuộc Kháng Chiến Chống Mỹ Cứu Nước*, nxb Chính Trị Quốc Gia, Hà Nội, 1996.

Vĩnh Phúc: *Những huyền thoại và sự thật về chế độ Ngô Đình Diệm*, Tam Vinh, London, 2006.

Vũ Thư Hiên: *Đêm Giữa Ban Ngày*, Văn Nghệ, Nam Cali, 1997.

Xuân Vũ: *Mạng Người Lá Rụng*, Xuân Thu, 1990.

● **Tác giả ngoại quốc:**

Bouscaren, Anthony Travick: *The last of the mandarins: Diem of Vietnam*, Duquesne University Press, Pitsburg, PA, 1965.

Buttinger, Joseph:

- *The Smaller Dragon*, Frederick A. Praeger, NY, 1958 -
Vietnam: The Unforgettable Tragedy, Horizon Press, 1977.

Catton, Philip E.: *Diem's Final Failure, Prelude to America's War In Vietnam*, University Press Of Kansas, 2002.

Colby, William E. and Peter Forbath:

- *Honorable Men, My Life In The CIA*, Simon and Schuster, NY, 1978;

- *Lost Victory*, Contemporary Books, NY, 1989.

Devillers, Philippe:

- *Histoire du Viet-Nam de 1940 à 1952*, Troisième édition revue et corrigée, Édition du Seuil, Paris VI ème, 1952 -
End of A War, from French original: *La Fin d'une Guerre*, Frederick A. Praeger, Inc. NY, 1970;

Dooley, Thomas A.: *Deliver us from evil, the story of Vietnam's flight to freedom*, Farrar, Straus and Giroux, 1977 (21st edition).

Duncanson, Dennis J.: *Government And Revolution in Vietnam*, Oxford University Press, 1966.

Fall, Bernard: *The Two Vietnams*, Frderick A. Praeger, USA 1967.

Halberstam, David:

- *The Making of a Quagmire*, Random House, NY, 1965;
- *The Best And The Brightest*.

Hammer, Ellen:

- *The Struggle for Indochina*, Stnaford University, 1954.
- *A Death in November: America In Vietnam*, 1963, E. P. Dutton, 1987.

Hayslip, Le Ly: *When Heaven And Earth change places*, Double Day, NY, 1989.

Higgins, Marguerite: *Our Vietnam nightmare*, Harper & Row, 1965.

Jacobs, Seth: *America's Miracle Man in Vietnam*, Duke University Press, Durham & L'Oneon, 2004.

Karnow, Stanley: *Vietnam, A History*, Penguin Group, NY, 1991.

Kissinger, Henry: *Years Of Renewal*, Simon and Schuster, NY, 1999.

Ladejinsky, Wolf: *Agrarian Reform in The Republic of Vietnam*, Free Press of Glencoe, 1961.

Lindholm, Richard W.: *Vietnam the first five years (1954- 1959)*, Michigan State University Press, 11959.

Lodge, Henry Cabot: *The Storm has many eyes*, W. W. Norton Inc. NY, 1973.

McNamara, Robert:

- *In Retrospect: Tragedy and Lessons from Vietnam*, random House Inc, NY, 1995;
- *Argument without end, in search of answers to the Vietnam tragedy*, Public Affairs, NY, 1999

Mark Moyar: *Triumph Forsaken The Vietnam War, 1954- 1965*, Cambridge University Press, 2006.

Maneli, Mieczyslaw: *War Of The Vanquished*, bản Anh ngữ của Maria De Gorgey, Harper & Row, 1971.

Miller, Edward: *Vision, Power And Agency: The Ascent of Ngô Đình Diệm*, Journal Of SEA Studies, Oct. 2004.

Newman, John M.: *JFK And Vietnam*. A Time Warner Co. 1992.

Nixon, Richard M.:

- *The Real War*, Warner Books Inc., NY, 1980;

- *Real Peace*, Warner Books Inc., NY 1984;

- *No More Vietnams*, 1985;

- 1999, *Victory Without War*, Simon and Schuster, NY, London, Toronto, Syney, Tokyo, 1988.

Nolting, Frederick: *From Trust to Tragedy*, Praeger, NY, 1988.

Schlesinger, Jr., Arthur M.: *A Thousand Days: John F. Kennedy In The White House*, The Riverside Press, Cambridge, 1965.

Shah, Ikbāl Ali, Sirdar: *Vietnam*, 1960.

Shaplen, Robert: *A Reporter in Vietnam*, NY, Sept 22, 1962.

Sheehan, Neil:

- *A Bright Shining Lie*, Random, NY, 1988;

- *After The War Was Over*, 1999.

Strausz-Hupé, Robert: *Protracted Conflict*, Harper and Brothers, NY, 1959.

Suzanne Labin: *Vietnam, An Eye-Witness Account*, Crestwood Books, VA, 1964 (Bản Anh ngữ của tác phẩm

này xuất bản và tái bản 3 lần liền trong 3 tháng 7, 8 và 9 năm 1964. Bản tham khảo ở đây là lần thứ 3. Không biết đã phải là lần chót chưa.)

Taylor, Maxwell D.: *Swords And Plowshares* WW. Norton and Company Inc. NY, 1970.

Thompson, Robert: *Defeating Communist Insurgency: The lesson of Malaya and Vietnam*, NY, Frederick A. Praeger 1967.

Warner, Denis: *The Last Confucian: Vietnam, South-East Asia, and the West*, The Macmillan, NY, 1963.

Winters, Francis X.: *The Year Of The Hare: America in Vietnam, Jan.25, 1963 to Feb.15, 1964*, University of Georgia Press, Athens, 1997.

Young, Marilyn B.: *The Vietnam Wars, 1945-1990*, Harper Collins, 1991.

● **Báo chí Việt Ngữ:**

Báo Ánh Sáng, số 11-11-1935.

Chính Việt số 11, tháng 11-2007.

Con Đường Chính Nghĩa.

Diễn Đàn Phụ Nữ, Quận Cam, 1992-1998.

Đời số 29, Sài Gòn, 23-10-1970.

Tân Văn số 9, tháng 4, 2008.

Thế Kỷ 21, Quận Cam, số 208, tháng 8 năm 2006 **Tiếng Dân** 27-12-1933.

● **Báo chí ngoại ngữ:**

Journal of Southeast Asian Studies, London, October 2004 **Life** May 2nd, 1955.

New York Times Dec. 31, 1990.

The Commonwealth, September 21, 1962.

Time April, 1955 & Jan. 14, 1966.

US News & World Report Aug. 10, 1998.

Washington Post Nov 11, 1995.

Danh Mục

A ă Â

Afghanistan, 127

Ai Lao, 88, 196, 344, 345, 349, 350, 352, 356, 376, 394,
423

Aimée, 20

Alexandre De Rhodes, 304 Algérie, 47

All Or Nothing (Tout ou rien), 31, 71, 136

Alsop, *Joseph*, 50, 142, 158, 363

Apollo, 69

Auriol, *Vincent*, 34, 36

Ấn Độ, 24, 34, 36, 45, 52, 70, 141, 154, 156, 202, 220, 385

Ấp Bắc, 232, 325, 352, 353, 354

Ấp Chiến Lược, 87, 89, 113, 129, 147, 151, 158, 161, 231,
271, 278, 279, 280, 284, 348, 350, 354, 362, 372

Âu Châu, 39, 40, 43, 46, 127, 143

B

Bà Đen, 56

Ba Lan, 52, 141, 148, 152, 157, 164, 167, 385, 395, 397

Ba Lòng, 86, 423

Bà Ngải, 403

Ba Nhĩ Cán, 162

Ball, *George*, 106, 359, 361, 372

Ban Mê Thuật, 72, 85, 124, 267

Bành Đức Hoài, 287

Bảo Đại, x, 21, 25, 26, 27, 28, 30, 31, 34, 35, 36, 38, 39, 42, 43, 46, 47, 48, 49, 54, 55, 58, 59, 62, 63, 94, 114, 120, 121, 122, 135, 201, 203, 212, 234, 237, 239, 240, 241, 245, 246, 255, 256, 268, 276, 277, 282, 283, 296, 298, 309, 332, 335, 355, 376, 427

Bảo Long, 38

Bảy Viễn, 46, 55, 56, 296, 335, 421

Bắc Bộ Phủ, 275

Bắc Việt, 30, 32, 47, 62, 84, 88, 108, 114, 120, 127, 136, 142, 144, 146, 151, 154, 160, 161, 162, 168, 170, 174, 175, 179, 181, 183, 184, 196, 207, 208, 211, 212, 217, 226, 253, 327, 330, 343, 355, 372, 382, 399, 403, 410

BBC, 159, 200

Beech, *Keyes*, 111

Bến Hải, 51, 71, 75, 141, 253, 318

Bến Ngự, 24, 26

Bến Tre, 120, 338

Bỉ, 39, 43, 45, 133, 142, 158

Bigart, *Homer*, 347, 351

Bình Tuy, 143, 269, 270, 283

Bình Xuyên, 46, 54, 55, 56, 58, 59, 230, 233, 236, 242,

296, 335, 421

Bollaert, *Émile*, 30, 31, 32, 33, 34, 35

Boris, 133

Bosch (President), 366

Bouillet, 81

Bouscaren, *Anthony Travick*, 16, 25, 36, 90, 113, 115,
429 Brasil, 100, 127

Brookings, 109

Browne, *Malcolm*, vii, 196, 306, 351, 372

Brussel, 45

Bùi Bằng Đoàn, 225

Bùi Bằng Phấn, 199

Bùi Bằng Thuận, 199

Bùi Chu, 399, 401, 402

Bùi Diễm, 208, 259, 268, 305, 340, 427

Bùi Đình Đạm, 101

Bùi Quang Chiêu, 331

Bùi Tín, 199, 200, 427

Bundy, *McGeorge*, 344, 366

Burchett, *Wilfred*, 111, 189, 352

Bush, *George Cha*, 163, 209

Buttinger, *Joseph*, 25, 27, 50, 51, 67, 68, 340, 341, 342,
417, 418, 420, 425, 429

Buzon, *Jacques De*, 142, 158

Bữu Lộc, 47, 48, 55, 127, 255

Bữu Thọ, 202

Byron, *George Gordon*, 129

C

Cải Cách Điền Địa, 72

- Cải Cách Ruộng Đất, 167, 184, 278, 336
- Cai Lậy, 55, 239, 422
- Cam Bốt, 97, 168, 223, 394
- Cambridge, 100, 105, 188, 190, 323, 337, 431, 432
- Camp De La Pagode, 380, 406
- Canada, 41, 52, 200, 397
- Cannes, 48, 282
- Cao Đài, 46, 56, 58, 60, 95, 242, 281, 420, 421, 423
- Cao Ly, 47
- Cao Thế Dung, 93, 104, 118, 128, 131, 310, 373, 427
- Cao Văn Luận, 80
- Cao Văn Viên, 202, 244, 368
- Cao Xuân Dục, 273, 274
- Cao Xuân Tiếu, 274
- Cao Xuân Vỹ, xi, 44, 97, 102, 103, 117, 120, 121, 124, 141, 174, 202, 211, 212, 265, 269, 272, 273, 301
- Caravelle, 83, 84, 131, 340
- Casey, R. G., 69
- Cauvin, *Gerald*, 388, 389, 395
- Cần Lao, 44, 89, 105, 128, 201, 278, 281
- Ceylon, 100
- Chàm, 326
- Chanson, 242, 423
- Che Guevara, 169, 175, 218
- Chu Ân Lai, 160, 183, 223, 251
- Chu Du, 140
- Chu Đức, 287
- Chu Văn An, 295, 298
- Churchill, 33, 82, 125, 233, 236

- Cleopatra, 154
 Colby, *Barbara*, 232
 Colby, *William*, 123, 361
 Collins, *Joseph Lawton*, *Lightning Joe*, 57, 65, 208, 237, 238, 239, 333, 334, 335, 336, 382
 Colorado, 311
 Con Rồng Việt Nam, 21, 22, 34, 48, 49, 121, 203, 240, 241, 245, 310, 427
 Conein, *Lucien*, 101, 105, 113, 204, 205, 310, 364, 366, 371, 374
 Costa Rica, 100
 Costello, *Bill*, 43
 Côn Đảo, 123
 Công Đoàn Đoàn Kết, 164
 Công Tử Hà Đông, xi, 153, 313, 314, 315, 316, 318, 319
 Cronkit, *Walter*, 362
 Cửa Lò, 387, 390
 Cường Để, 23, 25, 26, 38
- D**
- D'Asta, *Salvatore*, 141, 148, 220
 D'Orlandi, *Giovanni* 141, 149, 221
 Dahomey, 100, 127
 Davidson, *Phillip*, 178
 De Borgia, *Lucretia*, 153
 De Castries, 47
 De Gaulle, *Charles*, 141, 211, 220, 270, 285
 De Gorgey, *Maria*, 431
 Devillers, *Philippe*, 26, 31, 34, 35, 46, 68, 430
 Diem-Must-Go, 87, 89, 151, 196, 358, 365

- Diễn Châu, 273
Dinh Độc Lập, 84, 126
Dominion, 34, 35
Donovan, *William J.*, 40
Dooley, *Thomas*, 54, 379, 382, 384, 403, 430
Douglas, *William O.*, 39, 43, 69, 148, 189, 233, 332, 337
Duiker, *William*, 314
Dulles, *Allen*, 333
Dulles, *Foster*, 68, 160
Duncanson, *Dennis J.*, 218, 245, 246, 430
Dunn, *Mike*, 370
Durbrow, *Elbridge*, 83, 339, 340, 345
Duy Dân, 129
Duy Nhân, 129
Duyên Anh, 200, 201, 427
Dương Ngọc Lắm, 104
Dương Quỳnh Hoa, 84, 253
Dương Văn Đức, 251
Dương Văn Minh, 56, 88, 104, 105, 113, 251, 289, 316
- Đ**
- Đà Lạt, 59, 80, 81, 83, 109, 118, 232, 287, 288, 364
Đà Nẵng, 232, 251, 253
Đại Hội Đoàn Kết, 46
Đại Phong, 15, 17
Đại Việt, 24, 29, 67, 86, 208, 331, 343, 420, 422
Đan Thọ, 298, 318
Đào Quốc Diệp, 205
Đạt Lai Lạt Ma, 74, 244, 303
Đặng Hữu Chí, 34

- Đặng Văn Nhâm, 200
 Đặng Văn Quang, 205
 Đặng Văn Sung, 277
 Đặng Vũ Hiệp, 191
 Điện Biên, 47, 68, 160, 181,
 Điều Thuyền, 140, 226
 Đình Hùng, 313, 314, 318
 Đình Nho Liêm, 191
 Định Tường, 283, 366
 Đình Thạch Bích, 56, 242
 Đình Xuân Quảng, 30, 34
 Đoàn Thêm, 38, 123, 202, 243, 244, 427
 Đỗ Cao Trí, 56, 98
 Đỗ Mậu, 49, 85, 88, 91, 103, 121, 145, 162, 203, 216, 230,
 240, 241, 266, 305, 308, 427, 428
 Đỗ Thọ, 103, 117, 200, 202, 427
 Đông Âu, 109, 162, 164, 207, 209
 Đông Du, 26
 Đông Dương, 25, 46, 47, 141, 186, 222, 235, 242, 285,
 341, 394, 420
 Đông Nam Á, 39, 151, 183, 233, 331, 339, 351, 365, 425
 Đồng Tháp Mười, 350, 421 Đồng Trác, 140, 226
E
 École Des Chartes, 150
 Ély, *Paul*, 56, 57
 Élysée, 34, 36, 122
 Eisenhower, *Dwight D.*, 57, 68, 69, 88, 125, 160, 196, 208,
 217, 233, 237, 238, 239, 333, 334, 335, 344, 345, 349, 380
 Enigma, 44, 109, 136, 194

F

Fairbanks, *Henry G.*, 44

Fall, *Bernard*, 21, 27, 28, 36, 49, 53, 59, 64, 65, 121, 177, 218, 234, 333, 430

Felt, 68, 101, 109, 110, 353, 367

Fishel, *Wesley R.*, 38, 40, 332

Flott, *Frederick*, 369

Forestal, *Michael*, 89, 151, 360

G

Gallup, 379

Gandhi, *Mahatma*, 125, 132, 375

Genève, 47, 48, 51, 54, 61, 65, 89, 160, 161, 236, 255, 292, 331, 332, 336, 349, 380, 385, 394, 413, 415, 421
Gia Long, (vua) 64

Goburdhun, 141, 149, 156, 221

Gorbachev, *Mikhail*, 163 Gorbachev, *Raisa*, 163

Gorky, *Maxim*, 163

Grant, *Dr. J. A. C.*, 64

Gullion, *Edmund S.*, 43

Guy Mollet, 423

Gilpatric, *Roswell*, 360, 361

H

Hạ Long, 34, 122, 388, 393

Hà Mai Việt, 121, 427

Hà Minh Trí, 72, 85, 123

Hà Nội, 19, 28, 51, 52, 86, 142, 143, 144, 148, 149, 152, 155, 156, 157, 158, 159, 165, 169, 170, 178, 179, 182, 187, 189, 190, 191, 192, 193, 206, 209, 213, 220, 221, 222, 224, 246, 247, 249, 252, 262, 270, 275, 276, 277, 295, 329, 336, 339, 348, 382, 383, 385, 386, 394, 397, 398, 429

- Hà Tiên, 422
- Hà Thượng Nhân, 200
- Hà Vĩnh Phương, 127, 200
- Hà Xuân Liêm, 17, 429
- Hải Phòng, 53, 178, 209, 293, 380, 383, 386, 387, 388, 389, 393, 395, 396, 397, 398, 400, 401, 403, 406, 407, 410, 411, 414
- Halberstam, *David*, vii, 88, 100, 196, 209, 232, 306, 314, 327, 351, 354, 356, 358, 363, 372, 375, 430
- Hammer, *Ellen*, 27, 93, 112, 113, 125, 126, 147, 148, 149, 150, 151, 154, 158, 161, 179, 217, 220, 221, 258, 373, 430
- Hàn Quốc, 407
- Hàng Đào, 276
- Harkins, *Paul*, 346, 347, 350, 353, 364, 366
- Harriman, *Averel*, 87, 88, 89, 106, 151, 196, 250, 258, 345, 349, 350, 352, 355, 358, 359, 360, 361, 362, 372, 376
- Harvard, 106, 188
- Hayslip, *Le Ly*, 118, 430
- Helms, *Richard*, 360
- Henderson, *William*, 67, 234
- Higgins, *Marguerite*, 19, 75, 97, 116, 128, 131, 153, 189, 217, 233, 288, 356, 373, 374, 430
- Hilsman, *Roger*, 87, 89, 95, 106, 109, 144, 151, 158, 170, 196, 250, 258, 347, 356, 358, 359, 361, 362, 372
- Hòa Hào, 46, 60, 95, 382, 420, 421, 423
- Hòa Tường, 276
- Hoài Bắc, 298
- Hoàng Cơ Thụy, 82, 83
- Hoàng Đồng Tiểu, 145

Hoàng Hải Thủy, 153, 200, 313

Hoàng Lạc, 121, 306, 427

Hoàng Minh Chính, 302

Hoàng Minh Giám, 275

Hoàng Ngọc Thành, 200, 306, 373, 427

Hoàng Nguyên, 18, 91, 143, 201, 428

Hoàng Quỳnh, 61

Hoàng Văn Đoàn, 43

Hoàng Xuân Hân, 420

Hồ Anh, 266

Hồ Chí Minh, 17, 23, 28, 29, 30, 47, 61, 74, 77, 78, 92, 100, 114, 122, 125, 135, 139, 141, 144, 145, 149, 155, 157, 160, 167, 168, 169, 174, 175, 178, 179, 180, 181, 185, 186, 187, 210, 213, 216, 218, 222, 223, 225, 230, 231, 235, 240, 249, 257, 260, 262, 263, 264, 267, 268, 273, 277, 285, 304, 314, 323, 326, 328, 329, 330, 343, 349, 352, 375, 397, 418, 427

Hồ Đắc Diễm, 276

Hồ Hán Sơn, 58, 59

Hồ Hữu Tường, 420, 421

Hồ Sỹ Khuê, 29, 77, 78, 131, 213, 218, 230, 235, 236, 427

Hồ Tấn Quyền, 101

Hồ Văn Ngà, 331

Hồng Kông, 30, 32, 287

Huế, 16, 17, 19, 20, 23, 25, 27, 33, 38, 41, 80, 92, 93, 96, 97, 117, 166, 202, 232, 273, 274, 289, 310, 358, 429

Humphrey, *Hubert*, 82, 126

Hùng Lân, 298, 318

Huyết Hoa, 129

Huỳnh Hữu Nghĩa, 44, 281

Huỳnh Hữu Ủy, 17

Huỳnh Phú Sổ (Đức), 60

Huỳnh Tấn Phát, 84

Huỳnh Tịnh Của, 304

Huỳnh Thúc Kháng, 22, 177, 225

Huỳnh Văn Cao, 101, 202

Hữu Loan, 318

I

ICC, 139, 141, 179, 220, 385

J

Jackson, *Andrew*, 82

Jacobs, *Seth*, 208, 238, 334, 379, 430

Jacquot, 63

Jaegher, *Raymond J. De*, 43, 66, 133

Jefferson, *Thomas*, 82

Jimenez, *Fernando Volio*, 100

John Paul II, 146, 163, 164, 209, 248, 327, 352

Johnson, *Lyndon B.*, 81, 82, 125, 126, 170, 191, 196, 217, 236, 361, 372

Judd, *Walter*, 40

Jules Verne, 400

K

Karnow, *Stanley*, 92, 97, 125, 126, 143, 146, 158, 170, 187, 197, 218, 232, 235, 248, 304, 310, 431

Kennedy, *John F.*, 40, 82, 105, 106, 108, 112, 125, 126, 144, 148, 160, 170, 171, 174, 187, 188, 191, 195, 196, 197, 212, 250, 252, 256, 332, 344, 345, 346, 347, 349, 350, 359, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 376, 380, 432

Ki-bút, 87

Kiến An, 386

Kiến Hòa, 120, 338

Kim Đại Trọng, 219

Kim Liên, 273

Kissinger, *Henry*, 163, 251, 428, 431

Krulak, *Victor*, 362, 365

Khmer, 326

Khổng Giáo, 95, 116

Khổng Mạnh, 32

Khổng Minh, 140

Khrutshchev, *Nikita*, 71, 122, 223, 336, 349, 375

L

L'Écho Du Vietnam, 36

Labin, *Suzanne*, 62, 95, 96, 112, 118, 123, 133, 261, 432

Lacy, *William C. B.*, 39

Ladejinsky, *wolf*, 62, 431

Lai Văn Sang, 55, 239, 335

Lalouette, *Roger*, 141, 142, 149, 150, 154, 155, 156, 220, 221, 222

Lansdale, *Edward G.*, 56, 57, 242, 281, 333, 345, 346

Lâm Bưu, 287

Lâm Lễ Trinh, 139, 174, 249, 303

Lâm Thành Nguyên, 60, 421

Lê Châu Lộc, 60, 74, 85, 106, 109, 117, 123, 139, 174, 179, 243, 249, 303

Lê Chon, 166

Lê Duẩn, 184, 224, 345

Lê Đình Quế, 205

Lê Giản, 29

- Lê Hữu Từ, 61, 277
 Lê Khắc Lý, 202
 Lê Mạnh Thát, 17
 Lê Minh Đạt, 166
 Lê Phước Thường, 166
 Lê Quang Tung, 101, 368, 375
 Lê Quang Vinh (Ba Cụt), 60
 Lê Tú, 166
 Lê Thị Hòa, 166
 Lê Thương, 298
 Lê Văn Đồng, 271
 Lê Văn Hoạch, 34
 Lê Văn Kim, 306
 Lê Văn Nghiêm, 105
 Lê Văn Toán, 339
 Lê Văn Ty, 55, 56, 58, 59, 109, 202, 204, 241, 244
 Lê Văn Thái, 129, 202
 Lê-nin (*Vladimir Ilich Lenin*), 44, 45, 132, 179, 181, 182, 183, 326, 375
 Lê-ô XIII, 45
 Liên Hiệp Quốc, 71, 88, 99, 100, 101, 122, 127, 160, 183, 223, 358
 Liên Khu Tư, 276, 277, 278
 Liên Trường Võ Khoa, 81
 Liên Xô, 71, 122, 147, 155, 157, 158, 162, 163, 164, 167, 181, 182, 186, 196, 207, 209, 223, 240, 263, 324, 326, 343, 349
 Life, 67, 123, 232, 237, 430, 433
 Lincoln, *Abraham*, 65, 103, 123, 125, 202

Lindholm, *Richard W.*, 27, 53, 67, 431

Lodge, *Henry Cabot*, 92, 94, 98, 99, 101, 102, 106, 113, 114, 144, 148, 150, 158, 161, 179, 196, 197, 204, 221, 222, 246, 285, 288, 305, 307, 308, 310, 327, 359, 361, 362, 363, 364, 365, 366, 367, 368, 369, 370, 371, 372, 374, 376, 431

Long Nữ, 355

Luce, *Henry*, 236, 237

Lữ Bố, 140, 226

Lữ Phương, 253

Lương Khải Minh, 93, 118, 427

Lương Trọng Tường, 60

Lưu Bị, 140

Lưu Doãn Huýnh, 170, 190, 191, 192, 193, 199, 205, 206

Lưu Huyền Đức, 140

Lưu Trung Khảo, 147

Lưu Văn Lợi, 191

Lý Đông A, 129, 428

M

Mã Lai, 16, 39, 71, 87

Mã Tuyên, 103, 124, 265

Mác (*Marx, Karl*), 21, 132, 162, 179, 180, 181, 213, 326, 399

Mac-Arthur, *Douglas*, 69

Magsaysay, *Ramon*, 74, 125, 243, 261, 303

Mai Hữu Xuân, 34, 104, 105, 289, 316

Mai Thọ Truyền, 243, 303

Mai Văn Bột, 383, 396

Mai Văn Hàm, 405

Mai Văn Thịnh, 392

- Maneli, *Mieczyslaw*, 141, 148, 149, 150, 152, 153, 154, 155, 156, 157, 158, 161, 167, 175, 179, 220, 221, 222, 223, 431
- Mansfield, *Mike*, 40, 332
- Mao Trạch Đông, 163, 169, 175, 180, 218, 277, 287, 326
- Maritain, *Jacques*, 44, 128
- Ma-rốc, 99, 127, 141, 142, 269, 285
- Mary Knoll, 41
- Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, 29, 77, 78, 213, 427
- Mậu Thân, 86
- McCone, *John*, 188, 195, 349, 360, 361, 362
- McGarr, *Lionel C.*, 345, 346
- McNamara, *Robert*, 106, 144, 170, 190, 191, 192, 193, 194, 195, 197, 198, 199, 203, 204, 205, 206, 304, 310, 344, 349, 360, 361, 363, 431
- Mecklin, *John M.*, 67, 364
- Mendenhall, *Joseph*, 362
- Mendès-France, *Pierre*, 51
- Michigan, 27, 38, 40, 53, 81, 431
- Miến Điện, 39, 233
- Miller, *Edward*, 28, 29, 31, 43, 431
- Minh Mạng, 16
- Minh Trị Thiên Hoàng, 132
- Minh Võ, x, 36, 76, 117, 174, 185, 212, 302, 305, 309, 314, 317, 340, 352, 418, 428, 455
- Montréal, 41, 42
- Mounier, *Emmanuel*, 43, 128
- Moyar, *Mark*, 99, 100, 188, 190, 323, 324, 331, 334, 343, 362, 373, 375, 431
- Mozart, 81
- Mông Cổ, 326

Mục sư Chính, 382

Mười Hương, 166

Mỹ Tho, 232, 351

N

Nam Dương, 24, 45

Nam Đàn, 273, 274

Nam Hàn, 219, 165

Nam Tư, 326, 349

NATO, 333

Navarre, 47

Năm Lửa, 60

Nehru, *Pandit*, 44

Nepal, 100, 127

New Jersey, 41

New York, 39, 41, 42, 50, 142, 163, 170, 189, 191, 197,
236, 340, 363, 433

New York Herald Tribune, 50, 142

New York Times, 163, 363, 433

Newman, *John M.*, 146, 233, 248, 431

Nixon, *Richard M.*, 92, 112, 125, 127, 134, 163, 177, 180,
197, 198, 199, 203, 208, 209, 210, 217, 235, 245, 246, 307,
309, 355, 373, 374, 431

Nobel Hòa Bình, 82, 219

Nolting, *Frederick*, 75, 81, 83, 108, 111, 148, 168, 175,
178, 181, 194, 197, 217, 232, 253, 257, 288, 346, 347, 349,
350, 358, 361, 431

Norodom, 32, 34, 255, 318

Ng. Thị Muôn, 140

Nghệ An, 267, 273, 286

- Nghiêm Kế Tổ, 276
 Nghiêm Xuân Thiện, 30, 34
 Ngọc Bích, 298, 309, 316, 318
 Ngô Đình Cẩn, 15, 23, 25, 26, 98, 116, 142, 166
 Ngô Đình Khả, 15, 16, 17, 18, 19, 29
 Ngô Đình Khôi, 15, 19, 24
 Ngô Đình Lệ Thủy, 118
 Ngô Đình Luyện, 15, 47, 183
 Ngô Đình Nhu, (Bà) 90, 118, 119, 270
 Ngô Đình Nhu, ix, 15, 42-46 56, 58, 62, 65, 84, 86, 87,
 90, 98, 99, 102, 104, 109, 113, 116, 117, 119, 129, 140, 141,
 143, 147, 148, 150, 152, 153, 154, 158, 168, 174, 202, 211,
 220, 224, 242, 245, 246, 247, 252, 258, 265, 268, 269, 273,
 275, 277, 278, 279, 287, 290, 302, 422
 Ngô Đình Thục, 15, 25, 38, 39, 116, 118
 Ngô Văn Đính, 120
 Nguyên Sa, 146, 147, 200, 201, 248
 Nguyễn Bảo Toàn, 134, 423
 Nguyễn Bính, 318
 Nguyễn Cao Kỳ, 91, 92, 94, 203, 236, 246, 252, 266, 268,
 305, 307, 309, 374, 428
 Nguyễn Cơ Thạch, 191, 193
 Nguyễn Cửu Đắc, 174
 Nguyễn Chánh Thi, 82, 105, 203, 266, 268, 305, 428
 Nguyễn Duy Quang, 276
 Nguyễn Đà, 166
 Nguyễn Đắc Xuân, 274
 Nguyễn Đình Chon, 166
 Nguyễn Đình Thuần, 107, 202, 244

Nguyễn Giác Ngộ, 60, 423

Nguyễn Hải Thần, 168, 177, 225, 276

Nguyễn Hiền, 298, 318

Nguyễn Hữu Bài, 17, 19, 20, 199, 274

Nguyễn Hữu Cồ, 101, 283, 366

Nguyễn Hữu Duệ, 102, 113, 124, 200, 250, 285, 306,
373, 428

Nguyễn Hữu Thọ, 84

Nguyễn Khánh, 104, 168, 202, 223, 251, 268

Nguyễn Khoa Toàn, 34

Nguyễn Luật, 382

Nguyễn Lý Tường, 24

Nguyễn Mạnh Hà, 420

Nguyễn Ngọc Khôi, 101, 102, 250

Nguyễn Ngọc Linh, 42

Nguyễn Ngọc Phách, 17, 41, 428

Nguyễn Ngọc Sơn, 331

Nguyễn Ngọc Tấn, 373

Nguyễn Ngọc Thơ, 93, 202, 244, 289, 357

Nguyễn Phụng, 80

Nguyễn Phước Tộc, 22, 49, 203, 245, 310, 427

Nguyễn Quốc Định, 51

Nguyễn Sinh Khiêm, 24

Nguyễn Sinh Sắc, 23, 267, 273, 274

Nguyễn Tất Đạt, 24

Nguyễn Tôn Hoàn, 29, 30, 67, 343, 421, 423

Nguyễn Tường Long, 30

Nguyễn Tường Tam (Nhất Linh), 30, 82, 123, 168, 177,
225

- Nguyễn Thái Học, 277
 Nguyễn Thành Cung, 202, 243, 244, 303
 Nguyễn Thanh Giang, 302
 Nguyễn Thành Phương, 58, 60, 423
 Nguyễn Thế Nghiệp, 331
 Nguyễn Thị Bình, 191
 Nguyễn Thị Định, 338
 Nguyễn Thị Tài, 20
 Nguyễn Thị Thanh, 24
 Nguyễn Triệu Hồng, 82, 84, 124
 Nguyễn Trường Tộ, 304
 Nguyễn Văn Cử, 85
 Nguyễn Văn Châu, 130, 188, 189, 373, 428
 Nguyễn Văn Chúc, 373, 428
 Nguyễn Văn Diệp, 80
 Nguyễn Văn Hiếu, 84
 Nguyễn Văn Hinh, 54, 65, 239, 256, 296, 298, 335, 423
 Nguyễn Văn Linh, 134, 165, 184, 247
 Nguyễn Văn Lục, 200, 201
 Nguyễn Văn Lục, 85
 Nguyễn Văn Minh, 18, 23, 91, 142, 143, 147, 158, 166, 204, 243, 311, 373, 428
 Nguyễn Văn Ngân, 143, 200
 Nguyễn Văn Nhung, 104, 289 Nguyễn Văn Phú, 103, 146, 248, 286
 Nguyễn Văn Sâm, 331
 Nguyễn Văn Tâm, 54, 239
 Nguyễn Văn Thiệu, 143, 205, 252, 260, 262, 287, 370
 Nguyễn Văn Thuận (hồng y), 15, 142, 158

Nguyễn Văn Vỹ, 58, 65, 239, 241, 256

Nguyễn Văn Xuân, 34

Nguyễn Xuân Nghĩa, 124, 200

Nguyễn Xuân Nghiẽn, 146, 248

Nguyễn Xuân Vinh, 85, 200

Nhân Chủ, 129

Nhật Bản, 24

Nhất Linh, 82, 83, 123

Nhị Lang, 58, 59, 241

Nho Giáo, 16, 116

O

Orendain, *Juan C.*, 64

Orthodox, 323

P

Pakistan, 34, 36

Paramount, 30, 32

Paris, 19, 26, 44, 46, 49, 75, 130, 142, 177, 181, 189, 190, 216, 285, 288, 336, 340, 421, 426, 427, 428, 430 Patti, *Archimedes*, 330

Paul Mus, 330

Paulding, *Gouverneur*, 40

Pentagone Papers, 107

Pike, *Douglas*, 148, 337

Pinay, *Antoine*, 141, 211, 212, 220, 270, 285

Pio XII, 39

Phạm Công Tắc, 60, 421

Phạm Duy, 298, 309, 316, 318

Phạm Đình Chương, 298

Phạm Hùng, 143, 211, 219, 269, 270, 283

- Phạm Kim Vinh, 115, 127, 200, 306, 373, 428
 Phạm Ngọc Thảo, 143, 251, 356
 Phạm Phú Quốc, 85, 123
 Phạm Thị Thân, 15
 Phạm Thu Đường, 202, 278, 281
 Phạm Văn Bính, 30, 32, 120, 428
 Phạm Văn Cầm, 81
 Phạm Văn Đồng, 150, 155, 157, 161, 168, 175, 222, 275,
 421
 Phạm Văn Lưu, 301, 373
 Phạm Văn Sơn, 17, 428
 Phạm Xuân Ẩn, 178, 356
 Phạm Xuân Thái, 60
 Phan Bội Châu, 17, 22, 23, 24, 26, 125, 186, 200, 429
 Phan Hòa Hiệp, 205
 Phan Huy Quát, 57, 208, 238, 251, 259, 277, 334
 Phan Huy Xương, 276
 Phan Kế Toại, 225
 Phan Khắc Sửu, 83, 251
 Phan Khôi, 318
 Phan Mỹ, 275
 Phan Quang Đán, 30, 82, 123, 276, 334, 343, 423
 Phan Thị Chanh, 166
 Phan Thiết, 20
 Phan Văn Giáo, 34
 Phát Diệm, 61, 277, 394, 395, 396, 397, 398, 399
 Phật Đản, 91, 243, 244
 Phật Giáo, vii, viii, ix, 17, 77, 83, 88, 91, 92, 93, 94, 95,
 96, 97, 98, 99, 100, 121, 127, 148, 156, 159, 161, 165, 201,

213, 219, 220, 226, 230, 235, 243, 244, 245, 246, 250, 288, 289, 299, 303, 304, 306, 307, 308, 309, 311, 328, 355, 356, 357, 359, 362, 374, 403, 429

Phi Luật Tân, 39, 64, 71, 87, 369, 371, 411

Phillips, *Rufus*, 87, 306, 348, 354, 362

Phnom-Penh, 111, 394

Phúc Nhạc, 277

Phùng Quán, 318

Phước Thành, 346

Q

Quách Tông Đức, 91, 117, 139, 174, 202, 243, 244, 249, 303

Quantino, 323

Quảng Bình, 15, 17

Quảng Nam, 24

Quảng Trị, 422

Quân Chủ Lập Hiến, 25

Querville, (Đô Đốc), 396 Quốc Học, 16, 19

Quốc Tế III, 260

Quốc Tử Giám, 274

Quý Mão, 139, 174, 185, 226, 249, 269

R

Reagan, *Ronald*, 163, 209

Richardson, *John*, 168, 223, 363

Rowny, *Edward*, 355

Rusk, *Dean*, 144, 344, 360, 361

S

Sài Gòn, vii, 24, 25, 26, 30, 35, 38, 45, 46, 54, 57, 58, 59, 73, 75, 80, 81, 83, 94, 95,

97, 99, 101, 103, 106, 107, 112, 114, 118, 141, 142, 148, 149, 152, 154, 155, 156, 157, 158, 162, 168, 180, 190, 213, 220, 222, 223, 224, 232, 236, 238, 239, 243, 244, 247, 251, 261, 277, 278, 285, 286, 295, 297, 301, 311, 313, 316, 328, 333, 335, 336, 343, 347, 348, 351, 359, 361, 362, 363, 364, 367, 368, 372, 382, 393, 394, 396, 398, 400, 402, 403, 413, 418, 420, 421, 427, 428, 429, 433

Savani, 56, 242

Schlesinger, *Arthur M.*, 105, 170, 188, 432

SEATO, 183, 184, 331

Seattle, 287

Seno, 423

Shaplen, *Robert*, 21, 432 S

heehan, *Neil*, vii, 88, 134, 165, 184, 196, 232, 247, 248, 266, 306, 327, 351, 352, 356, 432

Soekarno, 24

Son Tùng, 274

Spellman, *Francis J.*, 39, 42, 80, 332

Stalin, *Joseph*, 100, 223, 277, 375

Subha Chandra Bose, 24

Sully, *Francois*, 347, 351

Sulzberger, *Arthur*, 363

Suối Lồ Ổ, 161, 287

T

Tạ Chí Diệp, 134

Tam Túc, 108, 147, 158, 161

Tánh Linh, 283, 285

Taylor, *Maxwell*, 65, 106, 108, 144, 191, 198, 217, 257, 288, 346, 361, 363, 373, 374, 432

Tâm Tâm Xã, 186

Tân Gia Ba, 40, 233

Tân Sự, 45

Tây Ban Nha, 64

Tây Ninh, 56, 60, 72, 286, 338

Tiếng Dân, 22, 433

Time, (Magazine), 67, 75, 85, 146, 189, 431, 433

Tin Lành, 95, 382

Tito, *Josip Broz*, 343, 375 Ti-tô, 144, 170, 343, 349

Tokyo, 38, 431

Tourmaire, *Hélène*, 314

Tôn Quyền, 140

Tôn Thất Cảnh, 22

Tôn Thất Đính, 143, 203, 205, 244, 268, 316

Tôn Thất Hân, 18, 199

Tôn Thất Sa, 16

Tôn Thất Tuệ, 41, 42

Tôn Thất Thiện, 75, 111, 154, 189, 200, 202, 266, 271,

306

Tôn Thất Thiết, 271

Tôn Thất Trạch, 276

Tùng Phong, 271

Tuy Hòa, 28

Tuyên Quang, 28

Tự Đức, 16, 17, 20

Túc Mặc Hầu, 20

Tướng Giới Thạch, 261, 326

Thạch Xuân Kỳ, 159

Thái Hoàng Minh, 56

- Thái Lan, 70, 233, 349, 422
 Thái Lăng Nghiêm, 129
 Thái Thủy, 27
 Thanh Chương, 274
 Thanh Nam, 316, 318
 Thành Thái, 16, 17, 267, 274
 Thẩm Oánh, 318
 Thân Thị Nhân Đức, 373, 427
 Thế Kỷ 21, 17, 22, 433
 Thích Hải Ấn, 17, 429
 Thích Huyền Quang, 97
 Thích Minh Châu, 289
 Thích Quảng Độ, 97
 Thích Quảng Đức, 96, 97
 Thích Thiện Minh, 93, 96
 Thích Trí Quang, 91, 93, 94, 96, 97, 98, 245, 246, 252,
 289, 307, 308, 309, 310, 355, 356, 374
 Thích Trí Thủ, 289
 Thịnh Mỹ, 273
 Thompson, *Sir Robert*, 87, 127, 133, 245, 261, 348, 354,
 361, 432
 Thông Luận, 302
 Thủ Đức, 81
 Thụy Sĩ, 47
 Thừa Thiên, 166, 250, 423
 Thực Dân, 16, 21, 25, 54, 62, 132
 Thượng Hải, 163, 251
 Trà Bồng, 348
 Trại Chùa, 380, 382, 383

- Trần Bích Lan, 146, 200, 201, 248
Trần Bửu Kiếm, 84
Trần Canh, 47
Trần Chánh Thành, 276, 278
Trần Chung Ngọc, viii
Trần Dân Tiên, 100, 375
Trần Điền, 85
Trần Đình Lan, 82
Trần Độ, 154
Trần Hữu Dương, 276
Trần Kim Tuyến, 93, 118, 310
Trần Lê Quang, 124
Trần Lệ Xuân, 65, 153
Trần Phong Vũ, 143, 200
Trần Quang Thuận, 97
Trần Quốc Bửu, 44, 281
Trần Sử, 202, 243, 244, 304
Trần Thiện Khiêm, 98, 103, 316, 367
Trần Trọng Kim, 26, 27, 186, 275
Trần Trung Dung, 30, 111
Trần Văn Chương, 62, 63, 99
Trần Văn Đỗ, 31, 51, 57, 83, 183, 238
Trần Văn Đôn, 74, 98, 102, 104, 152, 176, 202, 203, 204,
231, 268, 269, 305, 357, 364, 374, 429
Trần Văn Hương, 83, 251
Trần Văn Hữu, 34, 55
Trần Văn Kiệm, 42, 61
Trần Văn Lý, 31, 83
Trần Văn Soái, 60

- Trần Văn Tuyên, 83
 Trần Văn Văn, 83
 Trịnh Đình Thảo, 84
 Trình Minh Thế, 56, 58, 201, 241, 242, 281
 Trịnh Văn Aka Montague 98 Nghiêm, 382
 Truehart, *William*, 114, 351, 356
 Truman, *Harry S.*, 39, 40, 43
 Trung Cộng, 43, 147, 155, 158, 160, 162, 167, 181, 183, 184, 209, 223, 224, 252, 253, 263, 326, 329, 336, 343, 349
 Trung Hoa Dân Quốc, 66, 71, 83, 163, 261, 330
 Trung Quốc, 29, 66, 163, 183, 223, 324
 Trung Tá Bường, 269
 Trương Đình Thi, 331
 Trương Như Tảng, 84, 194, 253, 429
 Trương Phú Thù, 266, 287
 Trương Tử Anh, 331
 Trương Tử Phòng, 115, 127, 200, 373
 Trương Vĩnh Ký, 304
 Trương Vĩnh Lễ, 286
U U
 Úc, 41, 69, 70, 169, 174, 175, 189, 218, 233, 301, 352, 354
 Uyên Thao, 314
 Ưng Ngọc Kỳ, 84
V
 Vann, *John Paul*, 146, 232, 248, 327, 352, 354
 Vanuxem, 261
 Vatican, vii, 39, 141, 148, 156, 163, 164, 220, 262
 Văn Cao, 309, 317
 Văn Phụng, 298

Văn Tiến Dũng, 134, 165, 166, 184, 247, 248, 429

Văn Thành Cao, 60

Văn Thiệt, 239, 298

Vi Quốc Thanh, 47

Vientiane, 394

Việt Cách, 225, 276

Việt Cộng, 52, 72, 86, 91, 93, 98, 105, 120, 170, 178, 189, 191, 211, 216, 218, 247, 253, 256, 277, 330, 337, 338, 339, 345, 349, 351, 353, 362, 381, 419, 429

Việt Minh, 17, 28, 29, 35, 37, 51, 54, 56, 61, 114, 168, 169, 176, 186, 220, 234, 235, 273, 275, 276, 277, 278, 292, 293, 298, 301, 317, 330, 331, 332, 343, 380, 383, 384, 385, 387, 391, 392, 396, 397, 401, 402, 404, 405, 408, 409, 413, 420, 422, 424

Việt Nam Cộng Hòa, 20, 50, 66, 71, 107, 109, 110, 139, 165, 178, 183, 190, 207, 223, 249, 252, 335, 337, 345, 353, 376

Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa, 71, 139, 183, 249, 329

Việt Nam Quốc Dân Đảng, 85, 166, 177, 277

Việt Quốc, 190, 199, 225, 265, 301, 420

Vĩnh Nghiêm, 243

Vĩnh Phúc, 104, 120, 121, 200, 306, 373, 429

Võ Bá Hạp, 23

Võ Bị Quốc Gia, 81

Võ Nguyên Giáp, 23, 47, 160, 191, 275, 331

Võ Nhu Nguyễn, 23, 24, 26, 145, 162, 216

Võ Văn Giáp, 23

Võ Văn Hải, 202, 243, 244, 304, 359

Vũ Đình Huỳnh, 17, 29

Vũ Hồng Khanh, 168, 177, 225

Vũ Ngọc Nhạ, 178

Vũ Quang Ninh, 316

Vũ Thu Hiền, 17, 29, 429

Vũ Văn An, 120

Vũ Văn Mẫu, 99, 202, 244

Vùng Tàu, 232, 251

Vương Doãn, 140, 226

Vương Dương Minh, 132

Vương Đình Quang, 22

Vương Thắng, 133, 261

Vương Văn Đông, 82, 84, 203, 306

Vy Khanh, 130, 190, 428

W

Warner, *Denis*, 146, 169, 175, 218, 431, 432

Washington, 151, 158, 433

Washington, *George*, 236

Wilson, *Woodrow*, 82

Winn, *Walter*, 382

Winters, *Francis X.*, 65, 139, 144, 168, 373, 432

WTO, 382

XYZ

Xá Lợi, 97, 243, 283, 307, 357, 358

Xuân Con Mèo, xi, 101, 173, 210, 334

Xuân Thủy, 155, 157, 222 ‘

Xuân Vũ, 353, 429

Young, *Marilyn*, 109, 144, 170, 187, 191, 206, 252, 258,
432

Zablocki, *Clement J.*, 365

mục lục

Thay lời tựa	7
Chương 1 Sơ lược tiểu sử Tổng Thống Ngô Đình Diệm	13
Chương 2 Cảnh đào Xuân Quý Mão	135
Chương 3 Tết Con Heo nhớ Xuân Con Mèo	169
Chương 4 Một số thắc mắc về toan tính hiệp thương	207
Chương 5 Từ vinh quang đến tử nạn	227
Chương 6 Cái chết của tổng thống Ngô Đình Diệm và vấn đề chính nghĩa dân tộc	251
Chương 7 Ba giờ nghe một nhân chứng	263
Chương 8 Mạn đàm với ông Cao Xuân Vỹ	271
Chương 9 Di cư, một kỷ niệm đắng cay sau trở nên ngọt ngào	291
Chương 10 Nước mắt dập tắt lửa hận thù	301
Chương 11 Công Tử Hà Đông bị hiểu lầm	313
Chương 12 Chiến thắng bỏ lỡ	321
Chương 13 Xin cứu chúng tôi khỏi sự dữ	379

Phụ Lục Một lá thư dài của Tổng Thống

Ngô Đình Diệm

419

Lời cuối sách

429

Thư Mục

433

Danh Mục

441

